

ĐỨC PHANXICÔ CÁC NĂM 2016-2017



VŨ VĂN AN
Thu thập và Chuyển ngữ

Biến cố lịch sử: Đức Phanxicô gặp Thượng Phụ Mạc Tư Khoa tại Cuba (Ngày 05/02/2016)

Sau nhiều năm suy đoán, lần đầu tiên trong lịch sử, Đấng Kế Vị Thánh Phêrô và Thượng Phụ Giáo Hội Chính Thống Nga sẽ gặp nhau vào ngày 12 tháng Hai này. Đó là thông báo chính thức của Tòa Thánh vào ngày hôm nay.

Cuộc gặp gỡ sẽ diễn ra tại Cuba, nơi Thượng Phụ Kirill sẽ viếng thăm chính thức. Đức Giáo Hoàng Phanxicô sẽ dừng chân vắn vỏi tại Havana trên đường tới Mê Tây Cơ.

Tòa Thánh cho hay cuộc gặp gỡ lịch sử nói trên “sẽ đánh dấu một giai đoạn quan trọng trong các mối liên hệ giữa hai Giáo Hội”.

Phát Ngôn Viên Tòa Thánh, Cha Federico Lombardi, nói rằng cuộc gặp gỡ, hy vọng sẽ kéo dài 2 tiếng đồng hồ tất cả, sẽ bao gồm các bài diễn văn tự phát của cả Đức Giáo Hoàng lẫn Thượng Phụ; hai vị sẽ công bố bản tuyên bố chung. Cha nói thêm rằng cuộc gặp gỡ, luôn diễn ra tại một nơi trung lập, là thành quả của hai năm thương thảo.

Sau đây là nguyên văn thông cáo báo chí của Tòa Thánh:

Tuyên Bố Báo Chí Chung của Tòa Thánh và của Tòa Thượng Phụ Mạc Tư Khoa:

Tòa Thánh và Tòa Thượng Phụ Mạc Tư Khoa vui mừng thông báo: nhờ ơn Thiên Chúa, Đức Giáo Hoàng Phanxicô và Đức Thượng Phụ Kirill của Mạc Tư Khoa và Toàn Nước Nga sẽ hội kiến với nhau vào ngày 12 tháng Hai này. Cuộc hội kiến của các ngài sẽ diễn ra tại Cuba, nơi Đức Giáo Hoàng sẽ dừng chân trên đường tới Mê Tây Cơ, và là nơi Thượng Phụ sẽ tới thăm chính thức. Cuộc hội kiến sẽ bao gồm cuộc đàm thoại riêng tại Phi Trường Quốc Tế José Martí của Havana, và sẽ kết thúc với việc ký một bản tuyên bố chung.

Cuộc hội kiến của hai vị Giáo Chủ của Giáo Hội Công Giáo và Giáo Hội Chính Thống Nga, sau một chuẩn bị lâu dài, sẽ là cuộc hội kiến thứ nhất trong lịch sử và sẽ đánh dấu một giai đoạn quan trọng trong các mối liên hệ giữa hai Giáo Hội. Tòa Thánh và Tòa Thượng Phụ Mạc Tư Khoa hy vọng rằng cuộc hội kiến cũng sẽ là một dấu hiệu hy vọng cho mọi người thiện chí. Các ngài mời gọi mọi Kitô hữu cầu nguyện sốt sắng để Thiên Chúa chúc phúc cho cuộc hội kiến này, ngõ hầu nó đem lại nhiều hoa trái tốt lành.

Gặp nhau vì cuộc diệt chủng các Kitô hữu tại Trung Đông

“Cần phải đi qua một bên các bất đồng nội bộ và kết hợp mọi cố gắng để cứu Kitô Giáo ở trong vùng nơi nó đang bị bách hại một cách nghiệt ngã hơn cả”.

Đó là lời giải thích được đưa ra ngày 5 tháng Hai, trong một cuộc họp báo của Tổng Giám Mục Hilarion, Chủ Tịch Văn Phòng Ngoại Vụ của Giáo Hội Chính Thống Nga.

Nhân dịp này, Tổng Giám Mục Hilarion cho biết lý do tại sao một cuộc hội kiến giữa Đức Giáo Hoàng và Thượng Phụ chưa bao giờ có thể diễn ra dù đã có nhiều cuộc thương thảo trong những năm qua. Ngài trình bày một bản tóm lược các căng thẳng liên tục giữa Giáo Hội Chính Thống Nga và Giáo Hội Công Giáo.

Đầu tiên là “vấn đề *Unia*” một “vết thương rướm máu không bao giờ lành vốn ngăn cản việc

bình thường hóa đầy đủ các mối liên hệ giữa hai Giáo Hội”.

Các căng thẳng trên liên quan tới các tín hữu “Uniates” (hợp nhất với Đức Giáo Hoàng) nhất là các vấn đề ở Ukraine, là các vấn đề gần đây đã trở nên tồi tệ hơn với các cuộc tranh chấp diễn ra tại đó.

Tổng Giám Mục Hilarion cho biết: “Tuy nhiên, tình thế như đã và đang triển khai ngày nay tại Trung Đông, tại Bắc và Trung Phi Châu và tại một số vùng khác, trong đó những người cực đoan đang phạm tội diệt chủng chống giáo dân Kitô Giáo, đòi phải có những biện pháp khẩn cấp và sự cộng tác mật thiết hơn giữa các Giáo Hội Kitô Giáo. Trong tình thế bi đát hiện nay, cần phải đi qua một bên các bất đồng nội bộ và kết hợp mọi cố gắng để cứu Kitô Giáo ở trong vùng nơi nó đang bị bách hại một cách nghiêm ngặt hơn cả”.

Ngài nói rằng Hội Đồng Các Giám Mục Thánh Của Chính Thống Nga “kêu gọi biến năm 2016 thành năm cố gắng đặc biệt đối với khía cạnh này... Do đó, bất chấp các trở ngại thuộc bản chất Giáo Hội vẫn còn tồn tại, [chúng tôi] đã quyết rằng một cuộc hội kiến cần phải được khẩn cấp tổ chức giữa Đức Thượng Phụ Kirill và Đức Giáo Hoàng Phanxicô của Rôma. Vấn đề bách hại các Kitô Hữu sẽ là vấn đề chính tại cuộc hội kiến lần này”.

Tổng Giám Mục Hilarion cũng giải thích địa điểm của cuộc hội kiến:

“Suốt nhiều năm gần đây, nhiều đề nghị đã được đưa ra liên quan tới địa điểm của một cuộc hội kiến như trên. Tuy nhiên, ngay từ đầu, Đức Thượng Phụ Kirill đã không muốn nó diễn ra tại Âu Châu, vì lịch sử trầm trọng của các chia rẽ và tranh chấp giữa các Kitô Hữu đã có nhiều liên hệ với Châu Lục này. Sự trùng hợp về ngày tháng của cuộc viếng thăm các nước Châu Mỹ La Tinh của Thượng Phụ Kirill và cuộc tông du Mễ Tây Cơ của Đức Giáo Hoàng Rôma đã trở thành cơ hội để tổ chức cuộc hội kiến tại Tân Thế Giới, và chúng tôi hy vọng rằng nó sẽ mở ra một trang sử mới trong các mối liên hệ giữa hai Giáo Hội. Cùng với chủ đề chính, tức tình thế các Kitô Hữu ở Trung Đông và các vùng khác nơi họ đang chịu bách hại, cuộc hội kiến cũng sẽ bao gồm các vấn đề cấp bách của mối liên hệ song phương và chính sách quốc tế. Cuộc hội kiến sẽ kết thúc với việc ký một bản tuyên bố chung”.

Đức Phanxicô thay đổi nghi thức ngoại giao đối với các nguyên thủ quốc gia ly dị tái hôn

(Ngày 04/03/2016)

Ký giả kỳ cựu viết về Vatican lâu nay, Andrea Tornielli, vừa phúc trình: Đức Phanxicô đã thay đổi nghi thức ngoại giao cổ điển của Tòa Thánh trong việc tiếp đón các vị nguyên thủ quốc gia tuy theo Công Giáo nhưng đã ly dị và tái hôn.

Theo phương thức cổ điển, nếu một tổng thống hay thủ tướng hoặc một nhà độc tài Công Giáo ly dị và tái hôn mà không có án vô hiệu tới yết kiến Đức Giáo Hoàng cùng với người phối ngẫu của mình, thì Đức Giáo Hoàng sẽ chỉ tiếp kiến chính thức vị nguyên thủ quốc gia mà thôi, và sau đó, mới tiếp kiến riêng người phối ngẫu của vị này.

Tornielli viết rằng “từ nay, các nguyên thủ quốc gia Công Giáo trong các cuộc kết hợp hôn nhân bất hợp lệ đều sẽ được yết kiến Đức Giáo Hoàng cùng với người phối ngẫu của họ và sau đó cũng có thể xuất hiện trong buổi chụp hình nhóm lúc trao đổi tặng phẩm”.

Tornielli cho biết Đức Phanxicô yêu cầu việc thay đổi trên, và tin này được ký gia Á Căn Đình Elisabetta Pique tường thuật trước nhất, cách nay hai năm khi một nguyên thủ quốc gia Mỹ Châu La

Tinh không được nêu tên tới yết kiến ngài: ông ta cưới vợ trong một nghi thức dân sự mà thôi, lúc đó, ngài tiếp kiến ông ta trước, sau đó, mới tiếp kiến riêng người phối ngẫu của ông ta.

Nghi thức mới đã được áp dụng lần đầu tiên vào thứ Bảy, ngày 27 tháng Hai vừa qua, khi Đức Phanxicô tiếp kiến cả tân Tổng Thống Á Căn Đình Mauricio Macri, và người vợ thứ ba của ông ta là Juliana Awada.

Tin trên rất có ý nghĩa vào lúc này, dù nó chỉ có liên quan tới một nhóm Công Giáo hết sức nhỏ nhoi là các nguyên thủ quốc gia, khi người ta đang nóng lòng chờ đợi Tông Huấn Hậu Thượng Hội Đồng về Gia Đình mà chính Đức Phanxicô quả quyết sẽ được ban hành vào tháng Ba này, để xem xem ngài xử lý ra sao vấn đề cho phép người ly dị tái hôn không có án vô hiệu rước lễ.

Nhân kỷ niệm ba năm ngày Đức Phanxicô làm giáo hoàng (Ngày 12/03/2016)

Ngày 13 tháng Ba hôm nay là ngày kỷ niệm năm thứ ba Đức Hồng Y Jorge Mario Bergoglio của Á Căn Đình được bầu làm Giám Mục Rôma. Tại nhà nguyện Sistine, khi được bầu, ngài lấy tên hiệu Phanxicô và cho mọi người hay ngài chọn tên hiệu này vì ngài rất mộ mến Thánh Phanxicô Assidi. Trong ba năm qua, nhiều người liên kết các cử chỉ và hành động của vị tân giáo hoàng với “Poverello” hay “Người Nghèo Hèn” của Assidi, vị thánh có lẽ được yêu mến nhiều nhất trong truyền thống Công Giáo...

Ta dễ dàng bị thu hút bởi nhiều biểu tượng bề ngoài rất bắt mắt, gây bàn tán, nhiều dịp vĩ đại để chụp hình và hiện nay thật nhiều những phát biểu ngắn rất thời danh mà Đức Phanxicô cung ứng cho chúng ta hàng ngày: một vị giáo hoàng bỏ những chiếc giày đỏ, mà dù gì cũng chưa bao giờ là thành phần chính thức trong tủ áo của một giáo hoàng! Một vị giáo hoàng ăn vận khiêm tốn, tự trả tiền phòng, đi lại quanh Tòa Thánh bằng một chiếc Ford Focus hoặc những chiếc xe hơi nhỏ khi viếng các nước ngoài. Một vị giáo hoàng mời người hè phổ dự bữa sáng mừng sinh nhật của mình. Một vị giáo hoàng nói với tài xế dừng lại ở bức tường phân cách giữa Giêrusalem và Bêlem để cầu nguyện trước dấu chỉ chia rẽ và đau khổ nhân tiền. Một vị giáo hoàng mời giáo sĩ Hồi Giáo cùng ngồi với mình trong giáo hoàng xa làm một vòng công viên ở Cộng Hòa Trung Phi. Vị giám mục Rôma này chuyên hôn các trẻ thơ và ôm ấp các cơ thể bệnh hoạn, dị hình, tan nát, và những kẻ bị xã hội bỏ rơi. Ngài biết sử dụng điện thoại và sử dụng nó luôn. Ngài xếp hàng để kiểm tra áo choàng tại Phòng Thượng Hội Đồng ở Vatican và vui vẻ họp báo trên không với các ký giả trong khi nhiều nhà lãnh đạo Giáo Hội nín thở đối với những cuộc gặp gỡ nay đã trở thành truyền thuyết. Ngài đã phục hồi các Thượng Hội Đồng Giám Mục để chúng có vị trí thích đáng của chúng trong Giáo Hội: những buổi gặp gỡ của các nhà lãnh đạo Giáo Hội mạnh bạo, can đảm, tự do và cởi mở lên tiếng hơn là những buổi gặp mặt có tính dàn dựng với những thỏa hiệp giả hiệu.

Nhiều người thoải mái tựa lưng, mỉm cười mà thốt lên: “quả là một cuộc thay đổi sâu rộng!”, “quả là một cuộc cách mạng!”, “quả là một sự đơn sơ!”, “Ồ!”, “tuyệt diệu!”, “Có thể chứ!”.

Và đối với nhiều người đang nhìn các việc trên bằng nhiều hình thức khó chịu và ngỡ ngàng đa dạng, họ thường hỏi “ngài đang làm gì vậy?”, “Làm thế nào ngài có thể tiếp tục với cái đà này?” “Ngài có nhớ rằng ngài là Vị Đại Diện của Chúa Kitô không?”, “Liệu cuộc cải tổ của Đức Phanxicô có thành công không?”. Câu trả lời: có. Cuộc cải tổ của Đức Phanxicô là điều không thể tránh được vì nó không phát xuất từ Assidi, Loyola, Manresa hay ngay cả Rôma nữa, dù những nơi này có thánh thiêng tới cỡ nào! Nó đặt căn bản trên câu truyện vĩ đại phát xuất từ các lãnh thổ nơi ta thấy Bêlem, Nadarét, Naim, Emmau, Núi Tabo, Galilê, Giêrusalem và Mười Tỉnh: các lãnh thổ của Đất Thánh. Đức Giáo Hoàng Phanxicô đặt căn bản Thừa Tác Vụ Phêrô của ngài trên Tin Mừng của người ngư phủ xứ Galilê, vốn là Con Thiên Chúa và là Chúa, Đấng Cứu Rỗi và Cứu Chuộc của gia đình nhân loại.

Đức Giáo Hoàng Phanxicô muốn chúng ta ấm áp, chào đón và tha thứ như Chúa Giêsu vốn làm gương cho ta trên mỗi trang Tân Ước. Ngày qua ngày, Người nhắc ta nhớ rằng chúng ta có một Chúa

và một Chủ biết chia sẻ niềm vui của cặp vợ chồng ở Cana, xứ Galilê, và niềm xao xuyến lắng lo của người góa phụ thành Naim; một Chúa và một Chủ không ngại bước vào nhà Giairô, nức mùi chết, và vào nhà Bêtanیا, nức mùi thơm. Một vị Chủ tự chuốc lấy bệnh tật và đau khổ, đến độ hy sinh mạng sống mình làm giá chuộc tội.

Theo chân Chúa Kitô là đi tới nơi Người đã đi; là như người Samaria nhân hậu, tự nhận lấy người bị thương ta gặp trên đường; là đi tìm chiến lạc. Là, giống như Chúa Giêsu, gần gũi mọi người; là chia sẻ niềm vui và đau khổ, tỏ bày một cách đầy yêu thương gương mặt hiền phụ của Thiên Chúa và sự mơn trớn hiền mẫu của Giáo Hội. Đức Phanxicô muốn chúng ta ăn uống với các người thu thuế và các kẻ tội lỗi; ngài muốn chúng ta tha thứ cho người đàn bà quả tang ngoại tình (dù khuyên nàng đừng phạm tội nữa); ngài muốn chúng ta chào đón và tôn trọng khách lạ (thậm chí cả kẻ thù của ta), và trên hết, đừng đoán xét người khác. Ngài vốn nói đơn giản, mạnh mẽ và hết sức tươi đẹp về việc trở về với sự hợp nhất đã mất. Ngài muốn xây cầu để mọi người qua lại. Ngài đặc biệt ý thức người nghèo và những người bị đẩy qua bên lề, những kẻ xã hội ruồng bỏ sống bên lề nó. Ngài mạnh mẽ lên tiếng cho số phận người tỵ nạn, và lên án tội phá thai và an tử. Ngài đại diện cho nền đạo đức nhất quán phò sự sống, từ những lúc thụ thai sớm nhất tới những lúc tự nhiên chết sau cùng.

Ngay từ đầu Thừa Tác Vụ Phêrô của mình, ngài đã nói lớn tiếng và rõ ràng ở Công Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô rằng “Chỉ một chút thương xót cũng làm thế giới bớt lạnh lẽo và công lý hơn. Chúng ta cần hiểu thích đáng lòng thương xót này của Thiên Chúa, người Cha hay thương xót hết dạ kiên nhẫn này” (Kinh Truyền Tin, 17 tháng Ba, 2013). Lời kêu gọi tập hợp của ngài là “thương xót” suốt ba năm qua. Ngay trước Mùa Chay năm nay, cuốn sách riêng của Đức Giáo Hoàng Phanxicô, “Tên Thiên Chúa là Thương Xót”, đã cùng một lúc được phát hành khắp thế giới. Đề tài chủ yếu của cuốn sách là lòng thương xót, và là lý do để Đức Giáo Hoàng công bố Năm Thánh Lòng Thương Xót năm nay. Tính trung tâm của lòng thương xót là “sứ điệp quan trọng nhất” của Chúa Giêsu. Lòng thương xót là vấn đề thuộc yếu tính vì mọi người đều có tội, cần được Thiên Chúa tha thứ và ban ơn thánh, và nó đặc biệt cần thiết hiện nay, vào thời điểm lúc “nhân loại đang bị thương”, chịu “nhiều ách nô lệ của thiên niên kỷ thứ ba”, không chỉ chiến tranh và nghèo đói cùng loại trừ xã hội, mà còn cả định mệnh thuyết, sự cứng lòng và tự cho mình chính trực nữa.

Trong một thách thức đầy kích thích đặt ra cho các tân Hồng Y ngày 15 tháng Hai, năm 2015, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nhắc nhở các vị rằng “từ thời Công Đồng Giêrusalem, con đường của Giáo Hội luôn là con đường của Chúa Giêsu, con đường thương xót và phục hồi”. Điều này có nghĩa “chào đón người con trai hoang đàng; hàn gắn các vết thương tội lỗi một cách can đảm và cương quyết; sẵn tay áo chúng ta lên và đừng đứng bên lề và thụ động ngắm nhìn đau thương của thế giới”.

Đức Giáo Hoàng Phanxicô mạnh mẽ chỉ trích những người chỉ muốn ném đá. Kiêu căng, giả hình, và hăm dọa đoán xét người khác theo “các quan niệm có sẵn và sự trong sạch có tính nghi thức” là mục tiêu lời ngài phê phán. Ngài chỉ trích các nhà hành chánh của Giáo Hội vì “chủ nghĩa thần học tự yêu mình thái quá”, và ngài nói trong cuốn sách mới đây của ngài rằng “chúng ta phải tránh thái độ của người xét đoán và kết án từ những đỉnh cao ngất của sự chắc chắn riêng của họ, chỉ tìm những mảnh vụn trong mắt người anh em mình mà không nhìn thấy cái xà trong chính mắt mình”.

Xế chiều ngày 13 tháng Ba, 2013, Jorge Mario Bergoglio nhận được lời kêu gọi ra đi, tái thiết, tu sửa, đổi mới và chữa lành Giáo Hội. Điều chúng ta mục kích suốt ba năm qua đơn giản chỉ là người môn đệ Chúa Giêsu, và môn đệ trung thành của Thánh Inhaxiô thành Loyola và của Thánh Phanxicô Assisi, tu sửa, đổi mới, phục hồi, hòa giải và hàn gắn Giáo Hội. Có những người thích mô tả tân giáo hoàng như một nhà cách mạng táo bạo, tro tráo được phái tới để làm lung lay Giáo Hội. Nhiều người khác còn nghĩ ngài đã gây ra vụ đắm tàu vĩ đại.

Nhưng cuộc cách mạng duy nhất mà Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã khai mào là cuộc cách mạng của lòng âu yếm, vốn là những chữ ngài dùng trong tông thư mới đây của ngài về “Niềm Vui Tin Mừng” [Evangeliî Gaudium #88].

Và cuộc cách mạng thứ hai được ngài khai mào là cuộc cách mạng của sự bình thường. Những gì ngài đang làm đều là tác phong nhân bản và Kitô giáo bình thường. Đó là các cuộc cách mạng trong tâm

hồn thừa tác vụ của Đức Phanxicô. Chính sự tự do không nao núng của ngài đã giúp ngài làm điều ngài đang làm vì ngài không sợ và hoàn toàn tự do tự tại đồng thời vẫn là người con trung thành nhất của Giáo Hội. Chính tính nhân bản, lòng tốt, niềm vui, lòng nhân hậu và thương xót của Đức Phanxicô đã dẫn đưa chúng ta vào lòng âu yếm của Thiên Chúa chúng ta. Không lạ gì tại sao ngài đã làm chấn động thế giới, tại sao quá nhiều người lại chú ý tới ngài, nhưng nhiều kẻ khác lại nản lòng trước việc ngài thể hiện sự tự do của ngài và việc bắt tay với mọi người của ngài. Mọi điều Đức Giáo Hoàng đang làm hiện nay, không phải chỉ là bất chúc thánh quan thầy vốn yêu thương người nghèo, ôm ấp người phong cùi, thu phục được vua chúa Hồi Giáo, tạo hòa bình và bảo vệ thiên nhiên của ngài. Chúng còn phản ánh bé trai Bêlem lớn lên thành người của thập giá tại Giêrusalem, Đấng Sống Lại mà không ngôi mộ nào còn chứa đựng được nữa, người mà Kitô hữu chúng ta xưng là Đấng Cứu Thế và là Chúa. Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã cho chúng ta một thoáng nhìn mạnh mẽ vào tâm trí Thiên Chúa.

Vị Giám Mục Rôma này đòi hỏi khá nhiều trong khi rao giảng về Thiên Chúa của lòng thương xót, qua việc hân hoan giao tiếp với những người không tin, những người vô thần, những người bất khả tri, những người hoài nghi và những người không biết phải quyết định ra sao về cuộc đời, mà nhiều người nghĩ rằng Kitô giáo chẳng thêm được gì vào các phương trình cuộc đời này. Đối với các nhà báo và giới truyền thông, ngài đã làm cho việc tường trình về tôn giáo và Giáo Hội thành thích thú, phần chần, lôi cuốn và đáng đọc trở lại. Chúng ta cần cuộc cách mạng táo bạo, âu yếm, thương xót và bình thường của Đức Phanxicô hơn bao giờ hết.

*Lạy Thiên Chúa là Chúa chúng con,
Chúng con tạ ơn Chúa đã luôn ban các vị mục tử để hướng dẫn Giáo Hội.
Chúng con tạ ơn Chúa cách đặc biệt đã ban cho chúng con Đức Phanxicô,
Đấng Chúa đã chọn làm vị trưởng mục tử
và trưởng hướng dẫn chúng con trong thời điểm này của lịch sử.
Xin Chúa chúc lành cho ngài, ban cho ngài sức khỏe và viên kiến, dám làm và can đảm,
Khôn ngoan và cảm thương, hân hoan vô bờ và hy vọng.
Xin biến ngài thành khí cụ bình an, cảm thương và thương xót của Chúa,
Vì thương xót, Chúa đã kêu gọi Đức Phanxicô và kêu gọi mỗi người chúng con
Bám vào Chúa Giêsu, tảng đá trung thành và chân lý.
Xin cho Đức Giáo Hoàng linh hứng cho chúng con trở thành các Kitô hữu tốt hơn,
những người Công Giáo trung thành và những nhà kiến trúc và công dân
của nền văn minh tình thương mà Con Chúa đã ủy thác cho chúng con.
Chúng con xin điều này nhân danh Chúa Giêsu, Đấng hằng sống với Chúa mãi mãi. Amen.*

Viết theo Cha Thomas Rosica, phụ tá Phòng Báo Chí Tòa Thánh và Tổng Giám Đốc hệ thống Muối và Ánh Sáng, Canada.

Đức Bênêđictô và Đức Phanxicô gặp nhau ở lòng thương xót (Ngày 21/03/2016)

Ngay từ đầu, một phần của truyện kể về Đức Phanxicô đã là: ngài có vẻ chống lại Đức Bênêđictô. Trong khi Đức Bênêđictô lạnh lùng và xa vắng, thì Đức Phanxicô ấm áp và thân dân; trong khi Đức Bênêđictô cứng cỏi và giáo điều, thì Đức Phanxicô cởi mở và mềm dẻo; trong khi Đức Bênêđictô là người của hệ thống thì Đức Phanxicô là đối cực của hệ thống.

Còn nhiều nữa, tuy nhiên điều rõ ràng là người ta cố gắng đặt hai vị ở thế trái ngược nhau. Điều đầu tiên phải nói là Đức Phanxicô chưa hề làm gì để cung cấp nhiên liệu cho việc truyền bá hình ảnh này. Ngay khi vừa lên ngôi, vị tân giáo hoàng đã dùng trực thăng tới Castel Gandolfo, nơi vị tiền nhiệm tạm trú, để ôm hôn ngài. Thông điệp đầu tiên, “Ánh Sáng Đức Tin” do Đức Phanxicô ban hành tháng Sáu năm 2013, phần lớn dựa vào bản thảo của Đức Bênêđictô và Đức Phanxicô mời Đức Bênêđictô tham dự nhiều biến cố lớn.

Vấn đề công chính hóa

Nay, ta lại được một nhắc nhở mới cho thấy câu truyện thực sự giữa hai vị là sự liên tục chứ không phải gián đoạn. Đó là cuộc phỏng vấn Đức Bênêđictô của Cha Jacques Servais, một linh mục và là thần học gia Dòng Tên, nhân cuộc hội nghị tại Rôma về học lý truyền thống Công Giáo về công chính hóa.

Theo cuộc phỏng vấn trên, Đức Bênêđictô cho rằng hiện đang có cuộc “khủng hoảng sâu xa hai mặt” về đức tin, phát sinh từ niềm tin thần học hiện đại cho rằng người ta có thể được cứu rỗi ở bên ngoài Kitô Giáo. Dù ủng hộ niềm tin này, ngài vẫn cho hay nó tạo ra việc đánh mất nhiệt tâm truyền giáo, và khiến người ta hoài nghi tự hỏi tại sao cần phải tuân theo các đòi hỏi của Kitô Giáo nếu bạn vẫn có thể về Trời mà không cần các đòi hỏi này.

Tất cả những điều trên đều đúng và không phải lần đầu tiên Đức Bênêđictô nói thế. Tuy nhiên điều đáng nói ở đây là việc ngài nói tới lòng thương xót. Ngài cho hay: cách nay 500 năm, khi xảy ra Phong Trào Thệ Phán, người ta coi sự hiện hữu của Thiên Chúa là điều đương nhiên và cho rằng Thiên Chúa phát giận về tất cả những lộn xộn mà con người đã gây ra trên thế giới. Cho nên, câu hỏi chủ lực là làm thế nào, một con người nhân bản có thể được cứu rỗi.

Martin Luther trả lời câu hỏi trên bằng cách nói rằng chỉ nhờ một mình đức tin mà thôi, còn Giáo Hội Công Giáo thì dạy rằng phải nhờ cả đức tin lẫn việc làm tốt nữa. Chính vì thế, đã xảy ra cuộc ly giáo lớn.

Ngày nay, theo Đức Bênêđictô, nội dung cuộc tranh luận trên đã bị đảo ngược. Con người nam nữ ngày nay nhìn vào mọi bạo lực, sự ác và sa đoạ trên thế giới, và tự hỏi tin vào một Thiên Chúa yêu thương có còn ý nghĩa gì không. Nói cách khác, đây không còn là vấn đề nhân loại phải tự biện minh trước Thiên Chúa; chính Thiên Chúa mới cần phải tự biện minh trước mặt nhân loại.

Lòng thương xót

Đức Bênêđictô tin rằng câu trả lời của Thiên Chúa cho thách thức trên là lòng thương xót. Theo ngài, Thiên Chúa không thể chỉ đơn giản làm cho mọi sự ác trên thế giới biến mất, vì làm thế là tước hết tự do của con người. Điều Thiên Chúa có thể làm là tỏ lòng thương xót, qua đó, khuyến khích con người thương xót lẫn nhau. Lòng thương xót nằm ở tâm điểm câu truyện của Kitô Giáo, với Con duy nhất của Thiên Chúa sẵn sàng chết vì yêu thương.

Ngài nói rằng: “chỉ nơi nào có thương xót nơi ấy tàn ác mới chấm dứt, chỉ với lòng thương xót, sự ác và bạo lực mới kết thúc”. Điều này đem chúng ta tới Đức Phanxicô một cách rất gần gũi vì Đức Tân Giáo Hoàng rõ ràng nhấn mạnh tới lòng thương xót. Chỉ cần nhìn huy hiệu giáo hoàng của ngài cũng đủ thấy: *miserando atque eligendo*, đại khái có nghĩa: “chọn bằng con mắt thương xót”. Bài giảng lễ Chúa Nhật đầu tiên làm giáo hoàng của ngài nói rằng “sứ điệp mạnh nhất của Chúa là lòng thương xót” và hiện ta đang ở giữa Năm Thánh Đặc Biệt do Đức Phanxicô khai mạc và dành cho chủ đề thương xót.

Sứ điệp ngắn gọn nổi tiếng nhất của ngài là câu “Tôi là ai mà dám xét đoán?”, một biểu thức nói lên lòng thương xót và cũng là thái độ của ngài đối với nhiều vấn đề khác: người nghèo, chiến tranh, người Công Giáo ly dị và tái hôn...

Đức Bênêđictô nói rằng “Đức Giáo Hoàng Phanxicô hoàn toàn đồng ý với đường hướng trên... Thực hành mục vụ của ngài được phát biểu qua sự kiện: ngài luôn nói với chúng ta về lòng thương xót của Thiên Chúa. Chính lòng thương xót thúc đẩy chúng ta hướng về Thiên Chúa trong khi đức công bằng khiến chúng ta sợ hãi trước Nhan Thánh Người”.

Theo Đức Bênêđictô, ngài thừa hưởng việc nhấn mạnh tới lòng thương xót từ triều giáo hoàng của Đức Gioan Phaolô II, xây dựng căn bản tri thức cho nó và trao nó lại cho Đức Phanxicô, người sẽ

dem sứ điệp này ra đường phố.

Cái nhìn của Đức Bênêđictô về lòng thương xót

Thiên nhiên, ta nên đọc chính lời Đức Bênêđictô trả lời Cha Servais để thấy rõ phần đóng góp của ngài vào ý niệm thương xót:

“Theo ý kiến tôi, tiếp tục vẫn có cảm thức cho rằng chúng ta cần ơn thánh và sự tha thứ. Đối với tôi, một 'dấu chỉ thời đại' là sự kiện ý niệm lòng thương xót của Thiên Chúa nên trở thành mỗi ngày một trung tâm và chủ chốt hơn, khởi đi từ Nữ Tu Faustina, người mà các thị kiến, về nhiều phương diện, vốn phản ánh một cách sâu xa hình ảnh Thiên Chúa mà người thời nay vốn có và khát mong của họ được lòng tốt của Thiên Chúa chiếu cố. Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II thẩm nhuần viên kiến này một cách sâu sắc, dù không luôn minh nhiên nói ra. Nhưng chắc chắn không phải là chuyện tình cờ khi cuốn sách cuối cùng của ngài, ấn hành ngay trước ngày ngài qua đời, đã nói về lòng thương xót của Thiên Chúa. Căn cứ vào các kinh nghiệm mà ngay từ thời niên thiếu vốn đã khiến ngài phải giáp mặt với mọi hành vi tàn bạo có thể có của con người, ngài quả quyết rằng lòng thương xót là phản ứng duy nhất chân thực và hữu hiệu cuối cùng chống lại sức mạnh của sự ác.

“Chỉ ở đâu có thương xót, bạo tàn mới chấm dứt, chỉ với lòng thương xót, sự ác và bạo lực mới kết thúc. Đức Giáo Hoàng Phanxicô hoàn toàn nhất trí với đường hướng này. Thực hành mục vụ của ngài được phát biểu qua sự kiện này: ngài liên tục nói với chúng ta về lòng thương xót của Thiên Chúa. Lòng thương xót giúp chúng ta hướng về Thiên Chúa, trong khi đức công bằng khiến chúng ta sợ hãi trước nhan Người. Theo cái nhìn của tôi, điều này cho thấy rõ: dưới nước sơn tự tin và tự cho mình chính trực, con người thời đại đã che đậy cái hiểu sâu sắc của họ về chính các thương tích của mình và sự bất xứng của họ trước mặt Thiên Chúa. Họ đang mong đợi sự thương xót.

"Chắc chắn không phải là chuyện trùng hợp ngẫu nhiên khi dụ ngôn Người Samaria Nhân Hậu trở thành lời cuốn đặc biệt đối với con người thời nay. Và không phải chỉ vì dụ ngôn này mạnh mẽ nhấn mạnh tới chiều kích xã hội của sự hiện hữu Kitô Giáo, cũng không hẳn vì trong nó, người Samaria, một con người không phải là tôn giáo, so với các đại diện của tôn giáo, xem ra mới là người, có thể nói, đã thực sự hành động phù hợp với Thiên Chúa, trong khi các đại diện chính thức của tôn giáo dường như chẳng ăn có gì với Thiên Chúa cả. Điều này rõ ràng làm con người hiện đại thích thú. Tuy nhiên, đối với tôi, điều xem ra cũng quan trọng là con người, trong cái thăm sâu của lương tâm họ, luôn mong được người Samaria tới giúp đỡ mình; mong ông cúi xuống trên mình, xức dầu các vết thương của mình, săn sóc mình và đưa mình tới bến lành bình an. Phân tích đến cùng, họ biết rằng họ cần lòng thương xót của Thiên Chúa và tình âu yếm của Người. Trong cái nghiệt ngã của thế giới kỹ thuật hóa trong đó xúc cảm không còn đáng kể nữa, người ta càng mong có được thứ tình yêu cứu vớt nhưng không. Đối với tôi, hình như trong thể tài lòng Chúa thương xót, có điều mà ta vốn hiểu là công chính hóa nhờ đức tin, nhưng mới mẻ hơn. Khởi đi từ lòng thương xót của Thiên Chúa, lòng thương xót mà ai cũng mong chờ, cả ngày nay, ta cũng có thể giải thích như mới cốt lõi nền tảng của học lý công chính hóa và làm cho nó xuất hiện một lần nữa trong mọi nét liên quan của nó.

"Khi Thánh Anselmô nói rằng Chúa Kitô chết trên Thập Giá để đền bù sự xúc phạm khôn cùng đến Thiên Chúa, và nhờ thế đã khôi phục trật tự từng bị phá nát, ngài đã sử dụng một ngôn từ rất khó để con người hiện đại chấp nhận (xem Gs 215.ss iv). Diễn tả cách này, ta liêu minh phóng chiếu lên Thiên Chúa một hình ảnh của vị Thiên Chúa giận dữ, tàn nhẫn đối với tội lỗi của con người, đầy tâm tình bạo lực và gây hấn so với những điều chính ta vốn cảm nghiệm. Làm thế nào có thể nói về đức công bằng của Thiên Chúa mà lại không có tiềm năng phá hoại niềm xác tín vốn đã được thiết lập hết sức vững vàng nơi các tín hữu rằng Thiên Chúa của người Kitô hữu là vị Thiên Chúa “giàu lòng thương xót” (Ep 2:4)? Hiện nay, cách quan niệm của Thánh Anselmô đã trở nên bất khả niệm đối với chúng ta. Nhiệm vụ của chúng ta là phải một lần nữa cố gắng hiểu được sự thật nằm phía sau kiểu phát biểu này. Về phần mình, tôi xin đề xuất 3 điểm để nhìn vấn đề này:

" a) Ngày nay, sự tương phản giữa Chúa Cha, Đấng nhấn mạnh tới công bằng một cách tuyệt đối, và Chúa Con, Đấng vâng lời Chúa Cha và, vì vâng lời, đã chấp nhận các đòi hỏi tàn bạo của công bằng,

không những bất khả niệm, mà, dựa vào nền thần học Ba Ngôi, còn tự sai lầm nữa. Chúa Cha và Chúa Con là một và do đó, ý chí của các vị từ nội tại vốn chỉ là một. Khi Chúa Con lao đao với ý muốn của Chúa Cha trong Vườn Cây Dầu, thì đó không phải là chuyện tự chấp nhận sự sắp đặt tàn bạo của Chúa Cha, nhưng đúng hơn là lời kéo nhân loại vào chính ý muốn của Thiên Chúa. Sau đây, ta sẽ còn phải trở lại với mối liên hệ giữa hai ý chí của Chúa Cha và của Chúa Con.

" b) Nếu thế, tại sao còn có chuyện thập giá và đền tội thay? Ngày nay, một cách nào đó, trong cảnh méo mó của tư tưởng hiện đại như trên đã nói, câu trả lời cho các câu hỏi này có thể được phát biểu cách mới mẻ. Ta hãy đặt mình trước số lượng không thể nào tin được các sự ác, bạo lực, gian dối, hận thù, bạo tàn và ngạo mạn đang lan tràn và phá hủy toàn bộ thế giới. Không ai, kể cả Thiên Chúa, có thể đơn giản tuyên bố khối lượng sự ác này không hề có. Khối lượng này phải được thanh tẩy, tu sửa và khuất phục. Israel ngày xưa xác tín rằng hy lễ đền tội hàng ngày và trên hết, đại phụng vụ Ngày Xá Tội (Yom Kippur) là điều cần thiết để làm đối trọng (counterweight) cho khối lượng sự ác kia trên thế giới và chỉ nhờ sự tái cân bằng này, thế giới mới có thể chịu đựng được, có thể nói như thế. Một khi các hy tế của đền thờ không còn nữa, người ta phải tự hỏi điều gì có thể chống lại các uy lực của sự ác, làm thế nào tìm được một thứ làm đối trọng đây. Các Kitô hữu biết rằng đền thờ bị hủy diệt đã được thay thế bởi thân xác sống lại của Chúa bị đóng đinh và trong tình yêu triệt để và khôn lường của Người, một đối trọng đối với khối lượng sự ác kia đã được tạo ra. Thực vậy, họ biết rằng của dâng được dâng lên cho tới lúc đó chỉ có thể được quan niệm như một cử chỉ mong chờ đối trọng chân thực mà thôi. Họ cũng biết rằng trước sức mạnh quá đáng của sự ác, chỉ có tình yêu vô giới hạn mới đủ, chỉ một đền tội thay vô giới hạn mới đủ. Họ biết rằng Chúa Kitô bị đóng đinh và sống lại mới là sức mạnh có thể đối trọng lại sức mạnh sự ác và cứu được thế giới. Và trên căn bản này, họ còn hiểu được cả ý nghĩa của chính đau khổ của mình như là một điều được lồng vào tình yêu đau khổ của Chúa Kitô và được kể là thành phần trong sức mạnh cứu chuộc của tình yêu này. Trên đây, tôi đã trưng dẫn nhà thần học cho rằng Thiên Chúa phải chịu đau khổ vì tội lỗi của Người đối với thế giới (1). Bây giờ, vì việc đảo ngược cách nhìn như thế, sự thật sau đây đã xuất hiện: Thiên Chúa không thể để khối lượng sự ác phát xuất từ sự tự do mà chính Người đã ban cấp "ở nguyên trạng" được. Chỉ có Người, đến chia sẻ sự đau khổ của thế giới, mới có thể cứu chuộc được thế giới.

" c) Trên căn bản trên, mối liên hệ giữa Chúa Cha và Chúa Con trở thành khả niệm hơn. Ở đây, trong chủ đề này, tôi xin trích lại một đoạn trong cuốn sách của Henri de Lubac viết về Origen mà tôi thấy rất rõ: "Đấng Cứu Chuộc đến thế gian vì cảm thương nhân loại. Người mang lấy các thống khổ của ta ngay trước khi chịu đóng đinh, thực sự còn trước cả lúc xuống thế nhập thể nữa: vì nếu Người không cảm nghiệm các thống khổ ấy từ trước, thì Người đã không đến để chia sẻ cuộc nhân sinh của ta. Nhưng sự đau khổ Người chịu trước cho chúng ta là sự đau khổ nào? Đó là sự thống khổ vì yêu. Nhưng chính Chúa Cha, Thiên Chúa của vũ trụ, Đấng vốn tràn đầy chịu đựng, nhẫn nại, thương xót và cảm thương, liệu Người có chịu đau khổ theo một nghĩa nào đó không? 'Chúa, Thiên Chúa của các người, thực sự, đã mang lấy cung cách các người như người bông bế con trai mình' (Đnl 1:31). Như thế, Thiên Chúa đã mang lấy các phong thái của ta khi Con của Người mang lấy các đau khổ của ta. Chính Chúa Cha cũng không khỏi thống khổ! Nếu Người được kêu cứu, thì chắc Người biết thương xót và cảm thương. Người hiểu được đau khổ của tình yêu (Các Bài Giảng Lễ về Êdêkien 6:6)".

"Ở một số nơi tại Đức, có lòng sùng kính rất cảm động đối với *Not Gottes* (Sự Nghèo Khổ của Thiên Chúa). Về phần tôi, điều ấy khiến hiện ra trước mắt tôi một hình ảnh gây ấn tượng diễn tả Chúa Cha đau khổ, Đấng, vì là Cha, đã chia sẻ trong lòng mình các đau khổ của Chúa Con. Và hình ảnh "ngai ơn thánh" nữa cũng là thành phần của lòng sùng kính này: Chúa Cha nâng đỡ thập giá và Đấng chịu đóng đinh, âu yếm cúi xuống với Người và cả hai như thế cùng ở trên thập giá với nhau. Bởi thế, một cách cao cả và trong sáng, ở đây, ta hiểu được lòng thương xót của Thiên Chúa có nghĩa gì, sự tham dự của Thiên Chúa vào đau khổ của con người có nghĩa gì. Đây không phải là chuyện công bằng tàn bạo, cũng không phải là chủ nghĩa cuồng tín của Chúa Cha, mà đúng hơn là sự thật và là thực tại của sáng thế: sự chiến thắng chân thực và thâm hậu sự ác cuối cùng chỉ có thể thực hiện được trong đau khổ của tình yêu".

Điều trên rất quan trọng vì một số nhà phê bình Đức Phanxicô phát xuất từ nhóm các thần học gia bảo thủ vốn mến mộ Đức Bênêđictô. Thực ra liên hệ giữa Đức Bênêđictô và Đức Phanxicô không phải

như người ta nghĩ là đối lập, mà là liên tục tuy các ngài thuộc hai loại nhân cách khác nhau. Hai nhân cách này không làm cho các ngài không cùng nhau thực hiện những điều lạ lùng trong thời đại mà dù gì cũng nặng màu sắc đa nguyên.

(1) Nhà thần học không nêu tên này cho rằng Chúa Kitô không chịu đau khổ vì tội lỗi ta mà 'đã triệt tiêu lỗi lầm của Thiên Chúa'.

Bài giảng Chúa Nhật Thương Xót của Đức Phanxicô

(Ngày 03/04/2016)

Mọi ồm yếu của ta đều tìm được sự chữa lành nơi lòng thương xót của Thiên Chúa.

“Chúa Giêsu làm nhiều dấu lạ khác trước mặt các môn đệ, nhưng không được ghi lại trong sách này” (Ga 20:30). Tin Mừng là sách nói về lòng thương xót của Thiên Chúa, để được đọc đi đọc lại, vì mọi sự Chúa Giêsu nói và làm đều nói lên lòng thương xót của Chúa Cha. Tuy nhiên, không phải mọi sự đều đã được ghi lại; Tin Mừng của lòng thương xót vẫn còn là một cuốn sách bỏ ngỏ, trong đó, các dấu lạ của các môn đệ Chúa Giêsu, tức các hành vi yêu thương cụ thể và các chứng tá tốt đẹp nhất của lòng thương xót, tiếp tục được ghi chép. Tất cả chúng ta đều được mời gọi trở nên những người sống động viết lên Tin Mừng, những người loan báo Tin Mừng cho mọi người nam nữ thời nay. Chúng ta làm việc này bằng cách thực hành các việc thương xót phần hồn và phần xác, vốn là các tiêu điểm của đời sống Kitô hữu. Nhờ các cử chỉ đơn sơ nhưng mạnh mẽ này, dù không được ai trông thấy, ta có thể đồng hành với người thiếu thốn, mang tới cho họ tình âu yếm và sự an ủi của Thiên Chúa. Và như thế là tiếp tục công việc lớn lao của Chúa Giêsu vào ngày Phục Sinh, khi Người tuôn đổ lòng thương xót của Chúa Cha vào tâm hồn các môn đệ đang run sợ của Người, đem đến cho họ Chúa Thánh Thần, Đấng tha thứ tội lỗi và ban phát niềm vui.

Đồng thời, câu chuyện chúng ta vừa nghe trình bày với chúng ta một tương phản rõ rệt: có sự sợ hãi nơi các môn đệ; các ngài tụ họp đằng sau những chiếc cửa kín mít; và rồi có việc sai đi của Chúa Giêsu, Đấng sai các ngài lên đường vào thế giới để công bố sứ điệp tha thứ. Sự tương phản này có thể cũng đang có nơi chúng ta, được cảm nhận như là một cuộc tranh đấu bên trong giữa một tâm hồn khép kín và lời mời gọi yêu thương phải mở toang các cánh cửa vốn bị tội lỗi khép kín. Đây là lời mời gọi sẽ giải thoát chúng ta để chúng ta ra khỏi con người của chúng ta. Chúa Kitô, Đấng vì yêu thương, đã bước qua nhiều chiếc cửa vốn bị ngăn chặn bởi tội lỗi, cái chết và quyền lực hỏa ngục, muốn đi vào mỗi người chúng ta để mở toang những cánh cửa khép kín của lòng ta. Chúa Giêsu, Đấng nhờ sự phục sinh của Người, đã chiến thắng sợ sệt và kinh hãi vốn giam hãm chúng ta, muốn phá tung mọi cánh cửa khép kín của ta và sai ta ra đi. Con đường mà Thầy Phục Sinh chỉ cho ta là con đường một chiều, nó chỉ có một hướng: nghĩa là ta phải tiến về phía trước, qua chúng ta, để làm chứng cho sức mạnh chữa lành của tình yêu đã chiếm được chúng ta. Ta thấy phía trước ta một nhân loại hay bị thương tích và sợ hãi, một nhân loại đang mang nhiều vết sẹo đau đớn và bất trắc. Trước tiếng kêu khẩn thiết muốn được thương xót và bình an, chúng ta nghe tiếng Chúa Giêsu mời gọi đầy cảm hứng: “Như Chúa Cha đã sai Thầy thế nào, Thầy cũng sai các con như vậy” (Ga 20:21).

Mọi ồm yếu của ta đều tìm được sự chữa lành nơi lòng thương xót của Thiên Chúa. Thực thể, lòng thương xót của Người không giữ khoảng cách nào: lòng thương xót này luôn tìm cách gặp gỡ mọi hình thức nghèo khó và giải phóng thế giới này khỏi quá nhiều thứ nô dịch. Lòng thương xót muốn đụng tới các vết thương của mọi người, để chữa lành chúng. Làm tông đồ của lòng thương xót nghĩa là đụng tới và xoa dịu các vết thương hiện đang làm đau đớn các thân xác và linh hồn của nhiều người trong các anh chị em của chúng ta. Chữa lành các vết thương này là chúng ta tuyên xưng Chúa Giêsu, chúng ta làm cho Người hiện diện và sống động; chúng ta giúp những người khác, những người đụng tới lòng thương xót của Người bằng đôi tay của mình, nhìn nhận Người là “Chúa Tể và là Thiên Chúa” (Ga 20:28), như thánh tông đồ Tôma xưa. Đây là sứ mệnh Người trao cho chúng ta. Rất nhiều người đang yêu cầu được lắng nghe và hiểu biết. Tin Mừng của lòng thương xót, cần được công bố và viết ra trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, luôn đi tìm con người với những trái tim kiên nhẫn và rộng mở, “những người Samaria nhân hậu” biết cảm thương và im lặng trước mẫu nhiệm của mỗi anh

chị em. Tin Mừng của lòng thương xót đòi phải có những người phục vụ đại lượng và vui tươi, những người yêu thương tự do không chờ mong được đền đáp bất cứ điều gì.

“Bình an cho các con!” (Ga 20:21) là lời Chúa Giêsu chào các môn đệ của Người; cũng một bình an này đang chờ đợi mọi người nam nữ thời nay. Đây không phải là thứ bình an do thương thuyết mà có, nó không phải là việc không có tranh chấp: nó là bình an của Người, bình an phát xuất từ trái tim của Chúa Phục Sinh, bình an đã đánh bại tội lỗi, sợ sệt và chết chóc. Nó là thứ bình an không chia rẽ mà hợp nhất; nó là thứ bình an không bỏ rơi chúng ta nhưng làm cho chúng ta cảm thấy được lắng nghe và được yêu thương; nó là thứ bình an trị chí ngay trong đớn đau và giúp hy vọng đâm bông. Thứ bình an này, giống như vào ngày Phục Sinh, được sinh ra như mới do sự tha thứ của Thiên Chúa, vốn làm cõi lòng xao xuyến của chúng ta được thanh thản. Được trở thành người mang bình an của Người, đó là sứ mệnh được ủy thác cho Giáo Hội vào ngày Phục Sinh. Trong Chúa Kitô, chúng ta sinh ra để trở thành các khí cụ hòa giải, đem sự tha thứ của Chúa Cha đến cho mọi người, biểu lộ khuôn mặt yêu thương của Người bằng các cử chỉ thương xót cụ thể.

Trong Thánh Vịnh đáp ca, chúng ta nghe thấy những lời này: “Tình yêu của Người bền vững thiên thu” (Tv 117/118: 2). Thực vậy, lòng thương xót của Thiên Chúa kéo dài muôn thuở: nó không bao giờ chấm dứt, nó không bao giờ thoái lui khi đối diện với những tâm hồn khép kín, và nó không bao giờ mệt mỏi. Trong cái muôn thuở này, chúng ta tìm được sức mạnh trong những lúc thử thách và yếu đuối vì chúng ta biết chắc chắn: Thiên Chúa không bỏ rơi chúng ta. Người ở với chúng ta muôn thuở. Chúng ta hãy cảm tạ Người vì một tình yêu lớn lao đến thế, một tình yêu chúng ta không tài nào hiểu thấu; Nó bao la xiết bao! Chúng ta hãy cầu xin để được ơn không bao giờ trở nên mệt mỏi trong việc kín múc giếng thương xót của Chúa Cha và đem nó đến cho thế giới. Chúng ta hãy cầu xin để cả chúng ta cũng trở nên những người có lòng thương xót, biết truyền bá sức mạnh của Tin Mừng ra khắp nơi, và viết các trang Tin Mừng mà Thánh Tông Đồ Gioan chưa viết hết.

Đức Phanxicô gặp người đứng đầu nhóm cực hữu duy truyền thống, Hội Piô X

(Ngày 04/04/2016)

Ngày 1 tháng Tư vừa qua, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã gặp giám mục Bernard Fellay, người đứng đầu nhóm cực hữu, tức Hội Thánh Piô X, để thảo luận “thân ái” về các viễn tượng hợp thức hóa nhóm duy truyền thống này.

Nhóm trên, vốn chống đối các giáo huấn của Công Đồng Vatican II về tự do tôn giáo và đại kết cũng như cực lực bênh vực việc cử hành Thánh Lễ theo qui định của Công Đồng Trent, đã ly khai với Tòa Thánh năm 1988, khi cố tổng giám mục Marcel Lefèbre truyền chức cho 4 giám mục mà không được sự chấp thuận của Tòa Thánh, do đó, bị tuyệt thông. Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI bãi bỏ hình phạt này năm 2009, nhưng các giáo phẩm và linh mục của Hội vẫn không được thi hành thừa tác vụ. Các cuộc thương thuyết nhằm hợp thức hóa nhóm này bị bế tắc năm 2012, nhưng các cuộc thảo luận không chính thức thì vẫn tiếp diễn.

Đức Phanxicô chưa bao giờ gặp gỡ giám mục Fellay, ngoại trừ chào hỏi qua loa. Trong một bản tuyên bố sau cuộc gặp gỡ lần này, Hội Thánh Piô X tường trình rằng: Đức Giáo Hoàng “đã muốn có cuộc gặp gỡ riêng tư và không chính thức, không có nghi thức của một cuộc yết kiến chính thức”. Ngài nói chuyện với giám mục Fellay trong khoảng 40 phút. Theo Hội, tư thế giáo luật của Hội Thánh Piô X “đã không được bàn bạc cách trực tiếp”, nhưng Đức Giáo Hoàng và giám mục Fellay đồng ý để các cuộc thương thảo tiếp tục “không vội vã”.

Trong một cuộc phỏng vấn được công bố vài ngày trước cuộc gặp gỡ với Đức Giáo Hoàng, giám mục Fellay nói rằng ngài nghĩ Đức Giáo Hoàng Phanxicô lo lắng muốn giải quyết các vấn đề của Hội Thánh Piô X, vì Đức Giáo Hoàng đặc biệt quan tâm đối với “bất cứ điều gì bị đẩy qua bên lề”.

Ngày 2 tháng Tư, giám mục Fellay đã gặp Đức Tổng Giám Mục Guido Pozzo, thư ký Ủy Ban *Ecclesia Dei* để tiếp tục các cuộc thương thảo.

Theo Ines San Martin của tập san *Crux*, rất có thể Đức Phanxicô sẽ dành cho Hội cực hữu trên danh xưng “giám hạt tông nhân” (personal prelature) theo giáo luật, có nghĩa đây không phải là một giáo phận tông thổ; danh xưng này hiện nay chỉ có tổ chức *Opus Dei* được hưởng.

Có lúc, dưới triều giáo hoàng của Đức Bênêđictô XVI, dường như một thỏa hiệp sắp sửa được công bố, nhưng sau đó, năm 2012, như trên đã nói, các cuộc thương thảo đã lâm vào ngõ bí.

Năm ngoái, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã đưa ra sáng kiến hòa giải bằng cách tuyên bố rằng trong Năm Thánh Lòng Thương Xót, người Công Giáo có thể đến xưng tội với các linh mục của nhóm cực hữu này và được ơn tha thứ, và Giáo Hội Công Giáo nhìn nhận bí tích này thành sự.

Trong một lá thư liên quan tới nhượng bộ đặc biệt trên, Đức Phanxicô tỏ ý hy vọng rằng “trong một tương lai gần, các giải pháp có thể được tìm ra để phục hồi sự hiệp thông trọn vẹn với các linh mục và bề trên của Hội”.

Năm 1995, Tòa Thánh ban hành một văn kiện nói rằng dù các linh mục của Hội Thánh Piô X được thụ phong thành sự, nhưng họ bị huyền chức (suspended) *a divinis* (khỏi các việc thánh) nghĩa là bị cấm không được thi hành các thừa tác vụ như bí tích giải tội, vì họ được thụ phong mà không có phép của Đức Giáo Hoàng.

Trong một cuộc phỏng vấn hồi tháng Ba năm ngoái, giám mục Fellay nói rằng các cuộc thảo luận để hợp thức hóa Hội vẫn đang tiếp diễn và được Đức Giáo Hoàng ủng hộ. Tuy nhiên, ngài cho hay: “không có chi vội vã cả, chắc chắn như thế”.

Vị giám mục trên cho trang mạng dici.org của Hội hay: Chúng ta có thực đang tiến lên phía trước hay không? Tôi nghĩ có. Tôi nghĩ có, nhưng chắc chắn một cách chậm chạp”.

Đức Bênêđictô XVI đã đặt việc hòa giải với Hội này thành một ưu tiên qua việc nói lỏng việc cho phép cử hành Thánh Lễ bằng tiếng La Tinh, một cử hành được Hội hết lòng cổ vũ, và bãi bỏ vạ tuyệt thông đối với 4 giám mục được tấn phong sau cuộc ly khai chính thức.

Giám mục Fellay dường như không mấy lạc quan khi nghe tin Đức Phanxicô lên ngôi giáo hoàng. Theo *Catholic Family News*, hồi tháng Mười năm 2013, ngài từng phát biểu: “khi chúng tôi thấy việc đang xảy ra hiện nay [dưới triều Đức Phanxicô], chúng tôi tạ ơn Thiên Chúa, chúng tôi tạ ơn Thiên Chúa, chúng tôi đã được gìn giữ khỏi bất cứ thỏa hiệp nào từ năm ngoái”.

Tuy nhiên, theo Ann Schneible của *CNA*, dưới triều Đức Phanxicô, các cuộc thương thảo với Hội đã được tái diễn năm 2014. Từ đó, một vài động thái cho thấy đã có sự ăm ắp trở lại giữa Tòa Thánh và Hội. Năm 2015, Tòa Thánh đã cử một vị Hồng Y và ba giám mục tới thăm các chủng viện của Hội để làm quen với Hội và để thảo luận các vấn đề tín lý và thần học trong một bầu khí ít trịnh trọng hơn. Và nhất là sáng kiến của Đức Phanxicô trong Năm Thánh Thương Xót như trên đã nói.

Theo Joshua McElwee của *National Catholic Reporter*, hiện nay, Giám Mục Fellay đặt nhiều hy vọng nơi Đức Phanxicô. Ngài tuyên bố: “điều rõ ràng là Đức Giáo Hoàng Phanxicô muốn chúng tôi sống và sống còn. Ngài còn nói với bất cứ ai muốn lắng nghe rằng ngài không bao giờ gây bất cứ tai hại nào cho Hội”.

Tuy nhiên, vị giám mục trên vẫn muốn có được “một định nghĩa rõ ràng cho hạn từ ‘hiệp thông trọn vẹn’”. Vì hiện nay, ngoài ân ban đặc biệt nhân Năm Thánh Thương Xót ra, các linh mục của Hội vẫn chưa được thi hành thừa tác vụ bình thường của chức linh mục thụ phong.

Tóm lược tông huấn *Amoris Laetitia*

(Ngày 08/04/2016)

Không phải là chuyện tình cờ khi Niềm Vui Yêu Thương (NVYT), tức tông huấn hậu thượng hội đồng về Tình Yêu Gia Đình, đã được ký vào ngày 19 tháng Ba, ngày lễ trọng kính Thánh Giuse. Tông huấn này tổng hợp các kết quả của hai Thượng Hội Đồng về gia đình do Đức Giáo Hoàng Phanxicô triệu tập trong các năm 2014 và 2015. Tông huấn rất hay trích dẫn các phúc trình sau cùng của hai thượng hội đồng này; các văn kiện và giáo huấn của các vị tiền nhiệm của ngài; và nhiều bài giáo lý của chính ngài về gia đình. Thêm vào đó, cũng như các văn kiện giáo huấn trước đây, Đức Giáo Hoàng cũng sử dụng các đóng góp của nhiều hội đồng giám mục khắp thế giới (Kenya, Úc, Á Căn Đình...) và trích dẫn nhiều nhân vật tiếng tăm như Martin Luther King và Erich Fromm. Ngài còn trích dẫn cả cuốn phim *Babette's Feast* để minh họa ý niệm cho không (gratuity).

Dẫn Nhập (1-7)

Tông Huấn đáng lưu ý về bề dày và chi tiết của nó. 325 đoạn của nó được phân chia thành 9 chương. Bảy đoạn dẫn nhập đã trình bày một cách đơn giản tính phức tạp của một chủ đề hiện đang rất cần được học hỏi thấu đáo. Các can thiệp của các nghị phụ Thượng Hội Đồng đã tạo nên một “viên ngọc nhiều mặt” (NVYT 4), một đa diện quý báu, mà ta phải duy trì giá trị của nó. Nhưng Đức Giáo Hoàng cảnh giác rằng “không phải mọi cuộc thảo luận về các vấn đề tín lý, luân lý hay mục vụ đều cần được giải quyết bằng các can thiệp của huấn quyền”. Thực vậy, đối với một số câu hỏi, “mỗi quốc gia hay miền... có thể tìm các giải pháp tốt hơn thích đáng với văn hóa của họ và miễn cảm với các truyền thống và nhu cầu địa phương của họ. Vì ‘các nền văn hóa, thực ra, hết sức đa dạng và mọi nguyên tắc tổng quát... cần được hội nhập văn hóa, nếu chúng muốn được tôn trọng và áp dụng’” (NVYT 3). Nguyên tắc hội nhập văn hóa này áp dụng vào việc phải phát biểu các vấn đề như thế nào và phải đề cập đến chúng ra sao và, ngoại trừ các vấn đề tín điều đã được huấn quyền Giáo Hội định tín rõ ràng, không một phương thức nào thuộc loại này có thể “được hoàn cầu hóa”. Trong diễn văn kết thúc thượng hội đồng năm 2015, Đức Giáo Hoàng nói rất rõ ràng rằng: “Điều xem ra bình thường đối với một giám mục ở một lục địa, có thể bị coi là bất thường và hầu như gây tai tiếng, hầu như!, đối với một giám mục ở một lục địa khác; điều được coi là vi phạm một quyền ở một xã hội lại là một qui luật hiển nhiên và bất khả vi phạm ở một xã hội khác; điều đối với một số người là tự do lương tâm thì đối với một số khác lại chỉ là hỗn độn đơn thuần”.

Đức Giáo Hoàng tuyên bố rõ ràng rằng trên hết, chúng ta cần phải tránh việc đặt kẻ nhau một cách vô dụng các đòi hỏi thay đổi và việc áp dụng tổng quát các qui luật trừu tượng. Ngài viết: “các cuộc tranh luận đang tiếp diễn trong truyền thông, trong một số ấn phẩm và cả giữa các thừa tác viên của Giáo Hội, diễn biến từ một ước muốn vô độ nhằm thay đổi toàn diện không cần suy nghĩ hay đặt cơ sở gì cả, tới một thái độ muốn giải quyết mọi sự bằng cách áp dụng các qui luật tổng quát hay rút ra các kết luận quá đáng từ những xem xét thần học đặc thù” (NVYT 2).

Chương Một: “Dưới ánh sáng Lời Chúa” (8-30).

Tiếp theo lời dẫn nhập nói trên, Đức Giáo Hoàng bắt đầu các suy nghĩ của ngài về Sách Thánh ở chương thứ nhất, một chương được diễn biến như một bài suy niệm về Thánh Vịnh 128 (vốn được đọc trong phụng vụ hôn phối của Do Thái cũng như trong phụng vụ hôn phối của Kitô Giáo). Thánh Kinh “đầy các gia đình, sinh nở, truyện yêu thương và khủng hoảng gia đình” (NVYT 8). Điều này thúc đẩy ta suy niệm về việc gia đình không phải là một lý tưởng trừu tượng như thế nào nhưng đúng hơn như một “chuyên nghề” (trade) thực tiễn (NVYT 16), một chuyên nghề được thi hành với tình âu yếm (NVYT 28), nhưng vốn cũng bị tội lỗi đối chất ngay từ thuở ban đầu, khi mối liên hệ yêu thương bị biến thành không chê (xem NVYT 19). Do đó, Lời Thiên Chúa “không phải là một loạt các ý niệm trừu tượng mà đúng hơn là nguồn an ủi và đồng hành đối với mọi gia đình đang trải nghiệm khó khăn hay đau khổ. Vì nó chỉ cho họ mục tiêu cuộc hành trình của họ...” (NVYT 22).

Chương Hai: “Các trải nghiệm và thách đố của các gia đình” (31-57)

Xây dựng trên nền Thánh Kinh, trong chương hai, Đức Giáo Hoàng xem xét tình huống hiện nay của các gia đình. Dù “đặt cơ sở vững vàng trên tính thực tại” của các trải nghiệm gia đình (NVYT 6), Đức Giáo Hoàng cũng đã rút tía khá nhiều từ các bản tường trình sau cùng của hai thượng hội đồng. Các gia đình hiện đang đối mặt với nhiều thách đố, từ việc di dân tới việc ý thức hệ bác bỏ các dị biệt giữa các giới tính (“ý thức hệ phái tính” NVYT 56); từ nền văn hóa tạm bợ tới náo trạng chống sinh nở và tác động của kỹ thuật sinh học đối với lãnh vực sinh đẻ; từ việc thiếu nhà ở và việc làm tới văn hóa khiêu dâm và lạm dụng vị thành niên; từ việc không lưu ý tới những người khuyết tật tới việc thiếu kính trọng người cao niên; từ việc dùng luật pháp tháo bỏ gia đình tới việc dùng bạo lực chống lại phụ nữ. Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh tới tính cụ thể, vốn là ý niệm then chốt trong Tông Huấn. Chính tính cụ thể, tính hiện thực và đời sống hàng ngày đã tạo thành sự dị biệt thực chất giữa “các lý thuyết” có thể chấp nhận được để giải thích thực tại và “các ý thức hệ” vô đoán.

Trung dẫn *Familiaris consortio*, Đức Phanxicô quả quyết rằng “ta rất đúng khi tập chú vào các thực tại cụ thể, vì ‘lời kêu gọi và các đòi hỏi của Thần Khí vang vọng trong các biến cố của lịch sử’ và qua các biến cố này, ‘Giáo Hội cũng được dẫn tới một cái hiểu sâu sắc hơn về mầu nhiệm khôn lường của hôn nhân và gia đình’” (NVYT 31). Ngược lại, nếu ta không chịu lắng nghe thực tại, ta không thể hiểu được các nhu cầu của hiện tại hay các chuyển động của Thần Khí. Đức Giáo Hoàng nhận định rằng chủ nghĩa duy cá nhân hung hăng khiến con người ngày nay khó có thể hiện thân một cách đại lượng cho người khác (xem NVYT 33). Đây là một bức tranh đáng lưu ý về tình huống hiện nay: “sợ cô đơn và ước muốn ổn định và trung thành hiện hữu song song với nỗi sợ mỗi ngày một lớn bị lừa vào một mối liên hệ rất có thể ngăn cản mình đạt được các mục tiêu bản thân” (NVYT 34).

Lòng khiêm tốn của tính hiện thực giúp ta tránh được việc trình bày “một lý tưởng thần học quá trừu tượng và hầu như giả tạo về hôn nhân, quá xa vời so với các tình huống cụ thể và các khả thể thực tiễn của các gia đình chân thực” (NVYT 36). Chủ nghĩa duy lý tưởng không cho phép hôn nhân được hiểu đúng theo bản chất của nó, tức “ngã đường năng động để phát triển và hoàn thành bản thân”. Quả không hiện thực chút nào khi nghĩ rằng các gia đình có thể tự nâng đỡ chính mình “chỉ bằng việc nhấn mạnh tới các vấn đề tín lý, đạo đức sinh học và luân lý mà thôi, mà không khuyến khích người ta cởi mở đối với ơn thánh” (NVYT 37). Cho rằng một số phương thức “tự phê phán” không đủ đối với kinh nghiệm hôn nhân và gia đình, Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh cần phải dành chỗ cho việc đào tạo lương tâm tín hữu: “chúng ta được kêu gọi đào luyện các lương tâm, chứ không thay thế chúng” (NVYT 37). Chúa Giêsu đề ra một lý tưởng đầy đòi hỏi nhưng “không bao giờ lại không tỏ lòng cảm thương và gần gũi đối với tính yếu đuối của các cá nhân như người đàn bà Samaria hay người đàn bà bị bắt quả tang ngoại tình” (NVYT 38).

Chương Ba: “Nhìn lên Chúa Giêsu: ơn gọi của gia đình” (58-88)

Chương thứ ba dành cho việc bàn tới một số yếu tố chủ yếu trong giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân và gia đình. Chương này quan trọng vì 30 đoạn của nó mô tả xúc tích ơn gọi của gia đình theo Tin Mừng và như Giáo Hội đã quả quyết xưa nay. Trước hết, nó nhấn mạnh tới các chủ đề bất khả tiêu, bản chất bí tích của hôn nhân, việc truyền sinh và giáo dục con cái. *Gaudium et Spes* của Vatican II, *Humanae Vitae* của Đức Phaolô VI, và *Familiaris Consortio* của Đức Gioan Phaolô II đã được trung dẫn rất nhiều.

Chương này cung cấp một cái nhìn bao quát và đụng tới cả các “tình huống bất toàn” nữa. Thực thế, chúng ta có thể đọc thấy “việc biện phân sự hiện diện của các hạt giống Lời Chúa’ trong các nền văn hóa khác (xem *Ad Gentes* 11) cũng có thể áp dụng vào thực tại hôn nhân và gia đình. Song song với hôn nhân tự nhiên đích thực, các yếu tố tích cực quả có hiện hữu trong các hình thức hôn nhân tìm thấy nơi các truyền thống tôn giáo khác’, dù có lúc khá mù mờ” (NVYT 77). Suy tư này cũng bao gồm “các gia đình bị thương tổn”; về các gia đình này, Đức Giáo Hoàng đã trích dẫn Bản Tường Trình Sau Cùng của Thượng Hội Đồng năm 2015 để nói rằng “luôn cần phải nhớ nguyên tắc tổng quát này” ‘các mục tử phải biết rằng, vì chân lý, các ngài buộc phải thi hành việc biện phân các hoàn cảnh một cách thận trọng’ (*Familiaris Consortio*, 84). Mức độ trách nhiệm không như nhau trong mọi trường hợp và có thể có các nhân tố khiến khả năng đưa ra quyết định bị hạn chế. Do đó, dù quả quyết

giáo huấn của Giáo Hội cách rõ ràng, các mục tử phải tránh các phán đoán không đếm xỉa gì tới tính phức tạp của các hoàn cảnh đa dạng, và các ngài phải lưu ý, nhất thiết phải lưu ý tới việc người ta trải nghiệm ra sao và chịu đựng thế nào các buồn phiền do hoàn cảnh của họ gây ra” (NVYT 79).

Chương Bốn: “Tình yêu trong hôn nhân” (89-164)

Chương bốn bàn về tình yêu trong hôn nhân, điều mà nó soi sáng bằng Bài Ca Tình Yêu của Thánh Phaolô trong thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô 13:4-7. Tiết mở đầu này là một giải thích công phu, tập chú, nhiều linh hứng và thơ mộng đối với bản văn của Thánh Phaolô. Nó là một sưu tập gồm nhiều đoạn văn ngắn nhằm mô tả một cách thận trọng và đầy âu yếm tình yêu hôn nhân bằng những hạn từ hoàn toàn cụ thể. Giá trị nội quan tâm lý của lời giải thích này quả là tuyệt vời. Những tầm nhìn tâm lý thấu suốt đã được đưa vào thể giới xúc cảm của vợ chồng, cả tích cực lẫn tiêu cực, và cả chiều kích gợi tình của tình yêu nữa. Đây quả là một đóng góp cực kỳ phong phú và có giá trị vào đời sống hôn nhân Kitô Giáo, chưa hề có trong các văn kiện giáo hoàng trước đây.

Tiết này vẫn vơi vượt ra ngoài việc bàn một cách rộng rãi, sâu sắc tới kinh nghiệm hàng ngày của tình yêu hôn nhân, điều mà Đức Giáo Hoàng từ khước, không muốn phán đoán dựa vào các tiêu chuẩn lý tưởng: “không nên đặt lên hai con người hữu hạn gánh nặng khủng khiếp phải lặp lại một cách hoàn hảo sự kết hợp giữa Chúa Kitô và Giáo Hội, vì hôn nhân, trong tư cách dấu chỉ, bao hàm ‘một diễn trình năng động...’, một diễn trình từ từ diễn tiến với việc hội nhập tiệm tiến các ân ban của Thiên Chúa” (NVYT 122). Mặt khác, Đức Giáo Hoàng mạnh mẽ nhấn mạnh sự kiện này: do chính bản chất của nó, tình yêu vợ chồng vốn xác định ra các người phối ngẫu trong một sự kết hợp hết sức bao trùm và lâu dài (NVYT 123), chính trong sự “pha trộn vui hưởng và đấu tranh, căng thẳng và thư thái, đau đớn và khuây khỏa, thỏa mãn và ham muốn, bực dọc và khoan khoái” ấy (NVYT 126), mà hôn nhân đã được lập thành.

Chương này kết thúc bằng một suy tư rất quan trọng về “việc biến đổi của tình yêu” vì “quãng đời dài hơn hiện nay có nghĩa: các mối liên hệ gần gũi và độc chiếm hẳn phải kéo dài tới 4, 5 hay ngay cả 6 thập niên; thành thử, quyết định lúc ban đầu hẳn phải luôn được làm mới trở lại” (NVYT 163). Khi về bề ngoài biến đổi, sự lôi cuốn yêu thương tuy không giảm nhưng thay đổi khi thêm muốn tính dục, với thời gian, có thể biến đổi để chỉ còn là ước muốn được ở với nhau và tương trợ nhau: “Không hề có bảo đảm nào là chúng ta sẽ cảm nhận như nhau suốt đời. Ấy thế nhưng, nếu cặp vợ chồng nào có thể nghĩ ra được một dự án sống chung lâu dài, họ vẫn có thể yêu thương nhau và sống với nhau như một, vui hưởng sự thân mật phong phú, cho tới lúc sự chết phân rẽ họ” (NVYT 163).

Chương Năm: “Tình yêu sinh hoa trái” (165-198)

Chương Năm hoàn toàn tập chú vào tính sinh hoa trái của tình yêu và sự sinh sản. Nó đề cập một cách thiêng liêng và tâm lý sâu sắc tới việc chào đón sự sống mới, tới thời gian chờ đợi thai nghén, tới tình yêu của người mẹ người cha. Nó cũng nói tới tính hoa trái mở rộng của việc nhận con nuôi, tới việc hoan nghinh sự đóng góp của các gia đình vào việc cổ vũ “nền văn hóa gặp gỡ”, và tới cuộc sống gia đình theo nghĩa rộng bao gồm cô chú, anh chị em họ, thân nhân của các thân nhân, bằng hữu. *Amoris laetitia* không tập chú vào điều vốn được gọi là “gia đình hạch nhân” vì nó rất coi trọng gia đình như một mạng lưới rộng lớn hơn gồm nhiều mối liên hệ. Linh đạo của bí tích hôn nhân có đặc điểm xã hội sâu sắc (xem NVYT 187). Và bên trong chiều kích xã hội này, Đức Giáo Hoàng đặc biệt nhấn mạnh tới vai trò đặc biệt của mối liên hệ giữa người trẻ và người cao niên, cũng như mối liên hệ giữa các anh chị em, coi nó như cơ sở huấn luyện cho việc liên hệ với người khác.

Chương Sáu: “Một số viễn ảnh mục vụ” (199-258)

Trong chương sáu, Đức Giáo Hoàng thảo luận một số viễn ảnh mục vụ nhằm tạo ra các gia đình vững chắc và sinh hoa trái theo kế hoạch của Thiên Chúa. Chương này sử dụng rộng rãi các bản tường trình sau cùng của hai thượng hội đồng và các bài giáo lý của Đức Giáo Hoàng Phanxicô và của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II. Nó nhắc lại rằng các gia đình không những nên được phúc âm hóa, mà họ còn phải rao giảng phúc âm nữa. Đức Giáo Hoàng tỏ ý tiếc rằng “các thừa tác viên thụ phong

thường hay thiếu sự huấn luyện cần thiết để đương đầu với các vấn đề phức tạp mà các gia đình hiện đang phải đối phó” (NVYT 202). Một mặt, việc huấn luyện các chủng sinh về tâm cảm (psycho-affective) cần được cải tiến, và các gia đình cần can dự nhiều hơn vào việc huấn luyện người cho thừa tác vụ (xem NVYT 203); và mặt khác, “kinh nghiệm giáo sĩ lập gia đình của truyền thống rộng lớn Đông Phương cũng có thể được rút tỉa” (NVYT 202).

Sau đó, Đức Giáo Hoàng nói tới việc chuẩn bị hôn nhân cho các cặp đính hôn; tới việc đồng hành với các cặp vợ chồng trong các năm đầu cuộc sống hôn nhân của họ, trong đó, có vấn đề làm cha mẹ có trách nhiệm; và ngài cũng nói tới một số hoàn cảnh và cuộc khủng hoảng phức tạp, vì biết rằng “mỗi cuộc khủng hoảng đều có một bài học để dạy chúng ta; chúng ta cần học cách biết lắng nghe về nó với lỗ tai của trái tim” (NVYT 232). Một số nguyên nhân của khủng hoảng đã được phân tích, trong số đó, có sự trẻ nãi trong việc trưởng thành về xúc cảm (xem NVYT 239).

Ngài còn nhắc thêm về việc đồng hành với những người bị bỏ rơi, ly thân hoặc ly dị. Tông Huấn nhấn mạnh tầm quan trọng của cuộc cải tổ mới đây đối với các thủ tục tuyên bố hôn nhân vô hiệu. Nó làm nổi bật sự đau khổ của con cái trong các hoàn cảnh tranh chấp và kết luận: “Ly dị là một sự ác và con số mỗi ngày một gia tăng các vụ ly dị là điều rất gây bối rối. Do đó, bổn phận mục vụ quan trọng nhất của chúng ta đối với các gia đình là củng cố tình yêu của họ, giúp hàn gắn các vết thương và làm việc để ngăn chặn việc lan tràn bi kịch này của thời ta” (NVYT 246). Sau đó, chương này nói tới các cuộc hôn nhân giữa một người Công Giáo và một Kitô hữu thuộc một hệ phái khác (hôn nhân hỗn hợp), và giữa một người Công Giáo và một người thuộc một tôn giáo khác (hôn nhân khác đạo). Liên quan tới các gia đình có thành viên là người có khuynh hướng đồng tính luyến ái, Tông Huấn tái xác nhận sự cần thiết phải tôn trọng họ và kiềm chế bất cứ sự kỳ thị bất công nào cũng như mọi hình thức gây hấn hay bạo động nào. Phần cuối cùng, rất cảm kích về phương diện mục vụ của chương này, “khi sự chết làm chúng ta cảm thấy nọc độc của nó” là nói về chủ đề mất người thân yêu và đời sống mất chồng, mất vợ.

Chương Bảy: “Hướng tới việc giáo dục con cái tốt hơn” (259-290)

Chương bảy dành để nói đến việc giáo dục con cái: đào luyện chúng về đạo đức, học tập kỷ luật bao gồm trừng phạt, hiện thực kiên nhẫn, giáo dục giới tính, truyền thụ đức tin và, nói chung hơn, cuộc sống gia đình như một bối cảnh giáo dục. Sự khôn ngoan thực tiễn thấy nơi mỗi đoạn thật đáng lưu ý, trên hết là việc dành chú ý cho các bước nhỏ, tiệm tiến “ta có thể hiểu, chấp nhận và trân quý được”(NVYT 271).

Có một đoạn đặc biệt gây chú ý và có tính nền tảng về sự phạm trong đó, Đức Phanxicô quả quyết một cách rõ ràng rằng “tuy nhiên, ám ảnh không phải là giáo dục. Ta không thể kiểm soát mọi hoàn cảnh mà đứa nhỏ có thể trải nghiệm... Nếu các cha mẹ bị ám ảnh với việc luôn phải biết con cái họ đang ở đâu và kiểm soát mọi chuyển động của chúng, họ đã chỉ tìm cách khống chế không gian mà thôi. Nhưng việc này không hề để giáo dục, củng cố và chuẩn bị con cái họ giúp chúng đương đầu với các thách đố. Điều quan trọng hơn cả là khả năng biết yêu thương giúp đỡ chúng lớn lên trong tự do, trưởng thành, kỷ luật nói chung và thực sự tự lập” (NVYT 260).

Tiết đáng lưu ý về giáo dục tính dục đã được đặt tựa đề rất hay là “Nói có với giáo dục tính dục”. Nhu cầu là ở đó, và chúng ta phải nêu câu hỏi: “liệu các định chế giáo dục của ta đã đảm nhiệm thách đố này chưa... trong một thời đại khi tính dục có khuynh hướng bị tầm thường hóa và làm cho ra nghèo nàn”. Nền giáo dục tốt đẹp cần được thi hành “bên trong khuôn khổ rộng lớn hơn của việc giáo dục tình yêu, của việc giáo dục tự hiến thân hổ tương” (NVYT 280). Bản văn cảnh cáo rằng kiểu nói “làm tình an toàn” chuyên chở “một thái độ tiêu cực đối với cùng đích tính sinh sản tự nhiên của tính dục, như thể đứa trẻ có thể được sinh ra là một kẻ thù cần phải đề phòng chống lại. Kiểu suy nghĩ này cổ vũ lòng tự yêu mình thái quá và tính gây hấn thay vì sự chấp nhận” (NVYT 283).

Chương Tám: “Hướng dẫn, biện phân và hội nhập yếu đuối” (291-312)

Chương tám là lời mời gọi hướng tới lòng thương xót và biện phân mục vụ trong các hoàn cảnh

không hoàn toàn phù hợp với những gì Chúa đã đề xuất. Đức Giáo Hoàng sử dụng ba động từ rất quan trọng: hướng dẫn, biện phân và hội nhập (integrating), tất cả đều có tính nền tảng để giải quyết các hoàn cảnh mỏng dòn, phức tạp, không hợp qui. Chương này có nhiều tiết nói về việc cần phải có sự tiệm tiến (gradualness) trong việc chăm sóc mục vụ; tầm quan trọng của biện phân; các qui luật và các hoàn cảnh giảm khinh trong việc biện phân mục vụ; và sau cùng, Đức Giáo Hoàng kêu gọi phải có “luận lý học thương xót mục vụ”.

Chương tám là chương hết sức hấp dẫn. Đọc nó, người ta phải nhớ rằng “trách vụ của Giáo Hội thường giống trách vụ một bệnh viện dã chiến” (NVYT 291). Ở đây, Đức Thánh Cha bám chặt các khám phá của hai thượng hội đồng về các vấn đề gây tranh cãi. Ngài tái khẳng định điều hôn nhân Kitô Giáo vốn là và nói thêm rằng “một số hình thức kết hợp mâu thuẫn triệt để với lý tưởng này, trong khi một số hình thức khác thể hiện nó ít nhất một phần hay tương tự”. Do đó, Giáo Hội “không coi thường các yếu tố xây dựng trong các hoàn cảnh chưa hoặc không còn phù hợp với giáo huấn của mình về hôn nhân nữa” (NVYT 292).

Về việc biện phân đối với các hoàn cảnh “không hợp qui”, Đức Giáo Hoàng nói rằng: “Cần phải ‘tránh các phán đoán không đếm xỉa tới tính phức tạp của các hoàn cảnh đa dạng’ và nhất thiết phải lưu ý tới việc người ta phải buồn phiền như thế nào vì hoàn cảnh của họ” (NVYT 296). Và ngài viết tiếp: “đây là vấn đề phải vươn tay ra với mọi người, phải giúp mỗi người tìm được cách riêng để tham dự vào cộng đồng Giáo Hội, và nhờ thế cảm nhận được sự vuốt ve của một lòng thương xót ‘không cần công trạng, vô điều kiện và nhưng không’” (NVYT 297). Và xa hơn: “những người ly dị đã bước vào một kết hợp mới, chẳng hạn, có thể rơi vào một loạt các hoàn cảnh khác nhau, mà ta không nên ngăn họ hay nhét vào các loại xếp hạng quá cứng nhắc, không chừa chỗ trống cho việc biện phân bản thân và mục vụ thích đáng” (NVYT 298).

Theo đường hướng trên, dựa vào các nhận xét của nhiều nghị phụ thượng hội đồng, Đức Giáo Hoàng quả quyết rằng “người đã chịu phép rửa nào ly dị và tái hôn theo dân luật cần được hội nhập trọn vẹn hơn vào các cộng đồng Kitô hữu bằng nhiều cách có thể có, trong khi phải tránh bất cứ dịp gây gương mù gương xấu nào”. “Việc tham dự của họ có thể được biểu lộ qua nhiều phục vụ khác nhau trong Giáo Hội... Những người như thế không nên cảm thấy mình như là các chi thể bị tuyệt thông của Giáo Hội, nhưng thay vào đó phải như các chi thể sống động, có khả năng sống và lớn lên trong Giáo Hội... Sự hội nhập này cũng cần phải có trong việc săn sóc và dưỡng dục con cái họ theo Kitô Giáo” (NVYT 299).

Nói tổng quát hơn, Đức Giáo Hoàng đưa ra một câu tuyên bố cực kỳ quan trọng để ta hiểu chiều hướng và ý nghĩa của Tông Huấn: “Nếu chúng ta xem xét sự đa dạng mênh mông của các hoàn cảnh cụ thể..., điều có thể hiểu được là không ai chờ mong cả thượng hội đồng lẫn tông huấn này sẽ cung cấp một bộ qui luật tổng quát mới, hợp giáo luật từ trong bản chất và có thể áp dụng cho mọi trường hợp. Điều cần đơn thuần là một khích lệ đối mới để người ta đảm nhiệm việc biện phân bản thân và mục vụ một cách có trách nhiệm trong các trường hợp đặc thù, một sự biện phân biết nhìn nhận rằng, vì ‘mức độ trách nhiệm không như nhau trong mọi trường hợp’, các hậu quả hay hệ quả của một qui luật không cần luôn phải nhất thiết như nhau” (NVYT 300). Đức Giáo Hoàng khai triển một cách sâu sắc các nhu cầu và các đặc điểm của cuộc hành trình đồng hành và biện phân cần thiết đối với cuộc đối thoại có chiều sâu giữa tín hữu và các mục tử của họ.

Để đạt mục đích trên, Đức Thánh Cha nhắc ta nhớ lại suy tư của Giáo Hội về “các nhân tố và hoàn cảnh giảm khinh” liên quan tới việc qui trách nhiệm và giải trình hành động; và dựa vào Thánh Tôma Aquinô, ngài tập chú vào mối liên hệ giữa các qui luật và việc biện phân bằng cách quả quyết rằng “Quả thực các qui luật tổng quát đưa ra một sự thiện mà ta không bao giờ có thể coi thường hay bỏ qua, nhưng trong hình thức phát biểu của chúng, chúng không thể tuyệt đối dự liệu mọi hoàn cảnh đặc thù được. Đồng thời, cần phải nói rằng, chính vì lý do đó, điều vốn là thành phần của một biện phân thực tiễn trong các hoàn cảnh đặc thù không thể được nâng lên hàng một qui luật” (NVYT 304).

Tiết sau cùng của chương này bàn đến “luận lý học thương xót mục vụ”. Để tránh hiểu lầm, Đức Giáo Hoàng Phanxicô mạnh mẽ nhắc lại: “Bây tỏ sự hiểu biết trước các hoàn cảnh ngoại lệ không bao giờ

hàm nghĩa phải giảm độ ánh sáng của các lý tưởng trọn vẹn hơn hay đề xuất ít hơn điều Chúa Giêsu đề xuất cho con người nhân bản. Ngày nay, điều quan trọng hơn việc chăm sóc mục vụ đối với những hoàn cảnh thất bại là cố gắng mục vụ nhằm củng cố các cuộc hôn nhân và nhờ thế phòng ngừa việc chúng đổ vỡ” (NVYT 307).

Chiều hướng nói chung của chương này và của tinh thần mà Đức Phanxicô muốn dành cho công việc mục vụ của Giáo Hội đã được tóm tắt trong các lời kết như sau: “Tôi khuyến khích các tín hữu đang thấy mình rơi vào các hoàn cảnh phức tạp hãy tin tưởng nói chuyện với các mục tử của họ hay với các tín hữu giáo dân khác vốn có đời sống dân thân cho Chúa. Có thể không phải lúc nào họ cũng tìm được nơi những người này một sự xác nhận đối với các ý nghĩ hay ước nguyện của mình, nhưng chắc chắn, họ sẽ nhận được chút ánh sáng nào đó giúp họ hiểu hoàn cảnh của mình tốt hơn và khám phá ra con đường phát triển bản thân. Tôi cũng khuyến khích các mục tử của Giáo Hội hãy lắng nghe họ một cách miễn cưỡng và thanh thản, thành thực muốn hiểu cảnh ngộ và quan điểm của họ, ngõ hầu giúp họ sống cuộc sống tốt đẹp hơn và nhìn nhận chỗ đứng thích đáng của họ trong Giáo Hội” (NVYT 312).

Về “luận lý học thương xót mục vụ”, Đức Phanxicô nhấn mạnh: “Đôi lúc, chúng ta thấy khó dành chỗ cho tình yêu vô điều kiện của Thiên Chúa trong hoạt động mục vụ của ta. Ta đặt không biết bao nhiêu điều kiện lên lòng thương xót đến nỗi làm nó rỗng hết mọi ý nghĩa cụ thể và ý nghĩa chân thực của nó. Đây là cách tệ hại nhất để làm loãng Tin Mừng” (NVYT 311).

Chương Chín: “Linh đạo hôn nhân và gia đình” (313-325)

Chương chín dành cho linh đạo hôn nhân và gia đình, một linh đạo “kết thành bởi hàng ngàn cử chỉ nhỏ mọn nhưng có thực chất” (NVYT 315). Đức Giáo Hoàng quả quyết một cách rõ ràng rằng “những ai có khát vọng linh đạo sâu sắc không nên cảm nhận rằng gia đình đánh giá thấp việc họ lớn lên trong sự sống Thần Khí, nhưng đúng hơn họ coi sự sống này như con đường Chúa muốn dùng để dẫn họ tới đỉnh cao của việc kết hợp huyền nhiệm” (NVYT 316). Mọi sự, “những lúc vui, thư giãn, cử hành, và ngay cả làm tình cũng có thể được cảm nghiệm như một tham dự vào cuộc sống trọn vẹn của phục sinh” (NVYT 317). Rồi ngài nói tới việc cầu nguyện dưới ánh sáng Phục Sinh, tới linh đạo của tình yêu độc chiếm và tự do trong thách đố và hoài mong được về già với nhau, luôn phản ánh lòng chung thủy của Thiên Chúa (xem NVYT 319). Và sau cùng, là linh đạo chăm sóc, an ủi và khuyến khích: Đức Giáo Hoàng dạy rằng “mọi cuộc sống gia đình đều là một ‘việc chăn chiên’ trong thương xót. Mỗi người chúng ta, qua yêu thương và săn sóc, đều để lại dấu ấn lên đời người khác” (NVYT 322). “Ngắm nhìn người thân yêu của chúng ta bằng con mắt của Thiên Chúa và thấy Chúa Kitô trong họ chính là một kinh nghiệm thiêng liêng” sâu sắc (NVYT 323).

Trong đoạn cuối cùng, Đức Phanxicô khẳng định: “không gia đình nào rơi xuống từ trời đã hoàn toàn được hình thành ngay; các gia đình luôn cần được lớn lên và trưởng thành trong khả năng yêu thương... Tất cả chúng ta đều được kêu gọi tiếp tục cố gắng hướng tới một điều gì đó lớn hơn chính chúng ta và gia đình chúng ta, và mọi gia đình phải cảm nhận được sự thúc đẩy này. Chúng ta hãy thực hiện cuộc hành trình này như các gia đình, chúng ta hãy tiếp tục tiến bước với nhau. (...) Chớ gì ta đừng ngã lòng vì các giới hạn của mình hay ngừng việc tìm kiếm sự viên mãn của tình yêu và tình hiệp thông mà Thiên Chúa đang bày tỏ trước mặt ta” (NVYT 325).

Tông Huấn kết thúc bằng lời cầu nguyện với Thánh Gia.

Tóm lại, *Amoris Laetitia* tìm cách khẳng định không phải “gia đình lý tưởng” mà là thực tại hết sức phong phú và phức tạp của đời sống gia đình. Nó cung cấp một cái nhìn cởi mở, tích cực sâu xa, được nuôi dưỡng không phải bằng các điều trừu tượng hay phóng chiếu lý tưởng, nhưng bằng sự quan tâm mục vụ đối với thực tại. Ngôn ngữ của Tông Huấn vì thế là ngôn ngữ của kinh nghiệm và hy vọng.

Tông Huấn *Amoris Laetitia* dưới mắt Đức Hồng Y Schonborn
(Ngày 04/05/2016)

Phản ứng đối với Tông Huấn Hậu Thượng Đồng về Hôn Nhân và Gia Đình *Amoris Laetitia* rất tức khắc và lẫn lộn. Người thì cho tông huấn này thay đổi tất cả, người thì cho nó chẳng thay đổi gì. Người thì cho đây là một trong những văn kiện quan trọng của huấn quyền, người cho đây chỉ là suy nghĩ cá nhân của Đức Phanxicô. Người thì coi nó là một văn kiện nhất quán. Người thì cho nó là hai văn kiện song hành, lắm khi đối chọi nhau.

Các nguồn của Tông Huấn

Đức Phanxicô hiển nhiên coi đây là một văn kiện thuộc huấn quyền, cho nên đã xếp nó vào loại Tông Huấn, tức giáo huấn tông truyền, nhất định không phải là suy nghĩ cá nhân. Theo Đức Hồng Y Baldisseri, Tổng Thư Ký Thượng Hội Đồng Giám Mục, một trong hai vị hợp báo công bố Tông Huấn, tính tông truyền này có thể được thấy rõ ở các nguồn của nó: “nền tảng căn bản của Tông Huấn là hai văn kiện sau cùng của hai phiên họp thượng hội đồng về gia đình: 52 trích dẫn từ Phúc Trình Thượng Hội Đồng (*Relatio Synodi*) năm 2014 và 84 trích dẫn từ Phúc Trình Sau Cùng (*Relatio Finalis*) năm 2015... Đáng khác, văn kiện này cũng tham chiếu rất nhiều từ Các Giáo Phụ... qua các thần học gia trung cổ và cận đại... tới các tác giả hiện đại... Trong số các văn kiện của các vị giáo hoàng tiền nhiệm, ta thấy *Casti Connubii* của Đức Piô XI; *Mystici Corpori Christi* của Đức Piô XII; *Humanae Vitae* của Đức Phaolô VI ... Các Bài Giáo Lý về Tình Yêu Nhân Bản và Tông Huấn *Familiaris Consortio* của Đức Gioan Phaolô II; *Deus Caritas Est* của Đức Bênêđictô XVI... Công Đồng Vatican II được trích dẫn 28 lần, Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo được trích dẫn 15 lần... Các văn kiện khác của Tòa Thánh được trích dẫn 12 lần và các văn kiện của các hội đồng giám mục được trích dẫn 10 lần”. Không phải chỉ là trích dẫn mà là trích dẫn với những quả quyết như ‘tôi ủng hộ’ (số 297), ‘tôi nhất trí’ (số 299), ‘tôi coi là thích đáng’ (số 302).

Dĩ nhiên, điều đặc biệt là giáo huấn tông truyền này đề cập đến hàng loạt nhiều vấn đề khác nhau, trong đó nhiều vấn đề còn đang cần được “biện phân”, nên tính chất giáo huấn cũng rất khác nhau, mức độ và hình thức áp dụng, vì thế cũng khác nhau. Chính Đức Giáo Hoàng cũng cho ta rõ điều này khi ngài cho rằng “Đối với chính các gia đình và những ai dẫn thân vào việc tông đồ gia đình, lợi ích lớn lao nhất sẽ xuất hiện nếu mỗi phần được đọc một cách kiên nhẫn và thận trọng, hoặc, nếu chú ý tới các phần nói tới *các nhu cầu chuyên biệt* của họ. Thí dụ, các cặp vợ chồng có lẽ sẽ quan tâm nhiều hơn tới các chương bốn [tình yêu trong hôn nhân] và năm [tình yêu sinh hoa trái], còn các thừa tác viên mục vụ có lẽ sẽ quan tâm nhiều hơn tới chương sáu [một số viễn ảnh mục vụ], trong khi người nào cũng nên cảm thấy như được chương tám [đồng hành, biện phân và hội nhập yếu đuối] *thách thức*”.

Nhu cầu và thách thức

Như mọi người đều biết: các nhà bình luận cả cấp tiến lẫn bảo thủ phần lớn chỉ lưu tâm tới chương tám mà thôi, nhất là tới ghi chú số 351. Chương này, tuy khuyên mọi người, bất kể là ai, nên đọc, nhưng Đức Phanxicô bảo nên đọc nó như một “thách thức” không hẳn như một “nhu cầu chuyên biệt”. Thách thức là một điều người ta khó có thể thực hiện ngay được, nó gần như là một lý tưởng mình nên khởi đầu dẫn thân vào từ bây giờ, một thái độ chủ quan nên có. Nhu cầu chuyên biệt thì phải giải quyết ngay, không thể chần chờ. Do đó, tính giáo huấn của mỗi chương cũng cần được “biện phân” vậy.

Thành thử mục vụ hôn nhân và gia đình có những khía cạnh phải thực hành ngay như những “nhu cầu chuyên biệt”, có những khía cạnh nêu ra như một lý tưởng thách thức ta bước tới, có chỉ thị cụ thể gì đâu. Chúng tôi đồng ý với nhiều bình luận gia rằng: Đức Phanxicô không hề nhắc tới việc cho phép người ly dị tái hôn được rước lễ. Ngài chỉ khuyên ta phải đồng hành với họ, giúp họ biện phân hoàn cảnh của họ và dẫn họ tới tính viên mãn của hôn nhân Kitô Giáo. Tính thách thức, thiện nghĩ, chính là ở điểm đó. Tóm lại, ngài không hẳn nhằm nói với người ly dị tái hôn, mà là nói với “mọi người” để họ thay đổi thái độ đối những người mà ngài vẫn coi là anh chị em của ta.

Hơn nữa, trong cuộc họp báo trên không từ đảo Lesbos, Hy Lạp, trở lại Rôma, ngày 16 tháng Tư vừa qua, khi được hỏi: tại sao một vấn đề quan trọng như thế lại chỉ được nói đến ở ghi chú số 351, ngài

có thấy trước người ta sẽ phản đối không, hay ngài muốn nói: điều này không quan trọng gì? Ngài cho hay: vấn đề mà giới truyền thông nêu ra khi ngài triệu tập Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình năm 2014 rằng liệu Giáo Hội có cho phép người ly dị tái hôn rước lễ hay không làm ngài vừa khó chịu vừa buồn lòng. “Vì tôi nghĩ: họ nói hết điều này tới điều nọ, nhưng há họ không hiểu ra rằng đó không phải là vấn đề quan trọng hay sao? Há họ không hiểu ra rằng gia đình đang gặp khủng hoảng khắp nơi trên thế giới đó sao? Mà gia đình là nền tảng của xã hội! Há họ không hiểu ra rằng giới trẻ không muốn kết hôn hay sao? Há họ không hiểu ra rằng việc giảm sinh suất ở Âu Châu đang làm người ta phát khóc đó sao? Há họ không hiểu ra rằng thiếu công ăn việc làm và khả thể có việc làm (trầm trọng) đến nỗi cha mẹ phải giữ hai công việc khiến con cái trần thân lớn lên một mình, không học lớn lên trong đối thoại với cha mẹ đó sao? Đó là những vấn đề lớn! Tôi không nhớ ghi chú ấy, nhưng chắc chắn nếu nó là một chuyện thuộc loại ấy, nghĩa là trong một ghi chú, thì hẳn là đã được nói tới trong *Evangelii Gaudium*, chắc chắn như thế! Nó phải là một trích dẫn từ *Evangelii Gaudium*”.

Như sợ người đọc hiểu lầm, ngài đã nhờ Đức Hồng Y Tổng Giám Mục Vienna là Schonborn giới thiệu Tổng Huấn. Trong cuộc họp báo vừa nói, ngài cho hay thêm: “Tôi khuyên tất cả quý vị đọc bài trình bày của Đức Hồng Y Schonborn; ngài là nhà thần học vĩ đại. Ngài là thành viên của Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin và biết rõ Tín Lý của Giáo Hội”.

Đức Hồng Y Schonborn đọc Tông Huấn

Trong bài trình bày của ngài, Đức Hồng Y Schonborn nói rằng: “Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã thành công trong việc nói tới mọi hoàn cảnh mà không phân loại chúng, không phạm trù hóa chúng, với một nhãn quan nhân hậu căn bản vốn được liên kết với trái tim Thiên Chúa, với đôi mắt Chúa Giêsu, Đáng không loại trừ ai (xem NCVYT, số 297), (trái lại) chào đón mọi người và ban cho mọi người ‘niềm vui Tin Mừng’”.

Ngài nói thêm: “Trong bầu khí chào đón này, văn kiện nói đến viễn kiến Kitô Giáo về hôn nhân và gia đình trở thành một lời mời, một lời khuyến khích đối với niềm vui yêu thương mà ta có thể tin và không loại trừ ai, thực sự và thành thực không trừ một ai”.

Theo Đức Hồng Y Schonborn, Tông Huấn *Amoris Laetitia* của Đức Phanxicô, trước hết và trên hết, là một “biến cố ngôn ngữ học”: lời lẽ không hề có tính phê phán. “Ở đây là một lòng tôn trọng trước mọi người vì họ không bao giờ là một ‘trường hợp có vấn đề’ trong một ‘phạm trù’, mà đúng hơn là một con người độc đáo, với câu chuyện riêng và cuộc hành trình riêng của họ với và hướng về Thiên Chúa”. Thái độ nền tảng này cũng cung cấp lý do sâu xa nhất cho hai chữ chủ yếu sau đó là *biện phân* và *đồng hành*, không những chỉ đối với gia đình “bất hợp lệ” mà với mọi gia đình. Thành thử, Đức Hồng Y cho hay, tông huấn này đã vượt qua sự phân biệt giả tạo, hời hợt giữa “hợp lệ” và “bất hợp lệ”, và đặt mọi người dưới lời kêu gọi nên thánh chung.

Tính “bao gồm” nói trên làm nhiều người bối rối. Đức Hồng Y hỏi rằng “Há nó không thiên về chủ nghĩa duy tương đối hay sao? Việc năng nói tới lòng thương xót há không trở thành buông thả đó sao?” Há đã không còn sự rõ ràng nào nữa về những giới hạn không được vượt qua, những hoàn cảnh buộc phải định nghĩa một cách khách quan là bất hợp lệ hay tội lỗi đó sao? Phải chăng Tông Huấn này nghiêng về một thứ buông thả nào đó, một cảm thức cho rằng “chuyện gì cũng cho qua được hết”? Lòng thương xót của Chúa Giêsu há không khát khe và đòi hỏi nhiều hơn hay sao?

Để trả lời các câu hỏi trên, Đức Hồng Y trích dẫn số 35 trong Tông Huấn: “Là các Kitô hữu, chúng ta khó có thể ngưng, không cô vũ hôn nhân, chỉ để tránh đụng chạm tới các nhạy cảm hiện thời, hoặc vì muốn hợp thời thượng hoặc vì cảm thấy bất lực trước các thất bại nhân bản và luân lý. Làm như thế chúng ta đã tước bỏ cả một thế giới giá trị mà chúng ta vốn có thể và phải cung ứng. Đã đành, chi biết tố cáo các cái xấu hiện thời như thế ta chẳng thay đổi được gì là điều vô nghĩa. Cũng chẳng ích lợi gì khi cố gắng áp đặt các qui luật chỉ bằng thẩm quyền của mình mà thôi. Điều cần là chúng ta phải ra sức một cách có trách nhiệm và quảng đại hơn trong việc trình bày các lý lẽ và nguyên động lực cho việc quyết định kết hôn và lập gia đình, và nhờ cách này, giúp các người nam nữ đáp ứng ơn thánh mà Thiên Chúa cung ứng cho họ một cách tốt đẹp hơn”.

Đức Hồng Y không quên nhấn mạnh việc Đức Phanxicô cho rằng cách Giáo Hội xử lý với hôn nhân trong quá khứ cần được “tự phê”: “Chúng ta cũng cần phải khiêm tốn và hiện thực, thừa nhận rằng có lúc, cung cách ta trình bày các niềm tin Kitô Giáo và việc cư xử với người khác chỉ giúp làm gia trọng tình thế đang gây vẩn nạn hiện nay mà thôi. Ta cần liều thuốc tự phê lành mạnh. Rồi, ta còn hay trình bày hôn nhân (tệ đến nỗi) khiến cho ý nghĩa nên một của nó, lời mời gọi lớn lên trong yêu thương của nó và lý tưởng trợ giúp nhau của nó bị che khuất bởi việc hầu như chỉ chuyên chú nhấn mạnh tới nhiệm vụ truyền sinh. Ta cũng đã không luôn cung cấp được sự hướng dẫn vững chắc cho những cặp vợ chồng trẻ, hiểu biết thời khóa biểu của họ, cách suy nghĩ và các quan tâm cụ thể của họ. Có lúc, ta cũng đã đề xuất một lý tưởng thần học về hôn nhân quá trừu tượng và gần như giả tạo, quá xa rời các hoàn cảnh cụ thể và các khả thể thực tế của các gia đình đích thực. Việc lý tưởng hóa thái quá này, nhất là khi ta thất bại trong việc gây hứng cho lòng tín thác vào ơn thánh Chúa, không giúp làm cho hôn nhân trở thành đáng ước muốn và lôi cuốn hơn, nhưng trở thành điều trái ngược hẳn” (số 36).

Hội Tâm Mục Vụ

Tính hiện thực cần thiết nói trên hoàn toàn phản ánh kinh nghiệm Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình năm ngoái trong đó, các giám mục của các nhóm nhỏ đã chia sẻ kinh nghiệm sống trong chính gia đình của các ngài. Đức Hồng Y thuật lại rằng: hầu hết các vị giám mục và các tham dự viên khác đều cho thấy trong gia đình họ, có đủ các chủ đề, các âu lo và các “bất hợp lệ” được bàn tới một cách trừu tượng ở Thượng Hội Đồng. Như thế, mọi người đều cần một cuộc “hội tâm mục vụ”.

Theo Đức Hồng Y Schonborn, cuộc “hội tâm mục vụ” nói trên được *Amoris Laetitia* đề cập tới như sau: “Từ lâu chúng ta vốn nghĩ rằng chỉ bằng cách nhấn mạnh tới các vấn đề tín lý, sinh học và luân lý, không cần phải khuyến khích sự cởi mở với ơn thánh, ta đã đang cung cấp cho các gia đình sự trợ giúp thỏa đáng, củng cố dây hôn phối và đem lại ý nghĩa cho đời sống vợ chồng rồi. Ta thấy khó có thể trình bày hôn nhân như con đường năng động để phát triển và hoàn thành bản thân hơn là một gánh nặng suốt đời. Ta cũng thấy khó có thể dành chỗ cho lương tâm tín hữu, những người thường hết mình đáp ứng Tin Mừng, bất chấp các hạn chế bản thân, và có khả năng thực hiện sự biện phân về chính họ trong các hoàn cảnh phức tạp. Chúng ta vốn được kêu gọi đào tạo các lương tâm, chứ không thay thế chúng” (số 37).

Đức Giáo Hoàng nói tới niềm tín thác sâu xa trong tâm hồn và việc hoài nhớ của người ta. Ngài nói tới nó một cách rất hay trong suy nghĩ của ngài về giáo dục. Ở đây, ta thấy rõ ảnh hưởng của truyền thống Dòng Tên trong việc giáo dục trách nhiệm bản thân. Đức Giáo Hoàng nhắc tới hai nguy hiểm trái ngược nhau: “để mặc” (*laisser-passer*) và ám ảnh với việc kiểm soát và thống trị mọi sự. Một đằng, đúng là “Các gia đình không thể là gì khác hơn là những nơi để nâng đỡ, chỉ bảo và hướng dẫn... Cảnh giác luôn là điều cần thiết và sao lãng không bao giờ có ích” (số 260). Nhưng cảnh giác cũng có thể trở thành ám ảnh: “Tuy nhiên, ám ảnh không phải là giáo dục. Ta không thể kiểm soát mọi hoàn cảnh mà một đứa con có thể trải qua... Nếu các cha mẹ cứ bị ám ảnh với việc phải biết cho bằng được con cái họ đang ở đâu và lo kiểm soát mọi chuyển động của chúng, thì họ chỉ tìm cách không chế không gian. Nhưng việc này không hề là giáo dục, là củng cố và chuẩn bị để con cái đương đầu với các thách đố. Điều quan trọng hơn cả là khả năng âu yếm giúp chúng lớn mạnh trong tự do, già dặn, kỷ luật tổng thể và thực sự tự lập” (số 261).

Tin tưởng lương tâm tín hữu

Đức Hồng Y cho rằng thực hành mục vụ trong Giáo Hội cũng phải như thế. Thực vậy, Đức Phanxicô hay trở tới trở lui với việc tin tưởng vào lương tâm của tín hữu “Chúng ta vốn được kêu gọi đào tạo các lương tâm, chứ không thay thế chúng” (số 37). Vấn đề lớn ở đây hiển nhiên là thế này: ta phải đào tạo lương tâm ra sao? Làm thế nào nắm được đâu là ý niệm then chốt của văn kiện quan trọng này, đâu là chìa khóa để hiểu chính xác các ý định của Đức Phanxicô: “biện phân bản thân”, nhất là trong các hoàn cảnh khó khăn và phức tạp?

Đức Hồng Y cho rằng “biện phân” vốn là ý niệm trung tâm trong khoa linh thao của Thánh Inhaxiô.

Thực vậy, các linh thao này phải giúp người ta biện phân thánh ý Thiên Chúa trong các hoàn cảnh sống cụ thể. Chính biện phân đem lại đặc điểm chín chắn cho một con người và đường lối Kitô Giáo phải giúp người ta đạt được sự chín chắn bản thân này: không đào tạo những người máy, bị điều kiện hoá từ bên ngoài và được điều khiển từ xa, nhưng đào tạo những con người chín chắn trong tình bằng hữu với Chúa Kitô. Chỉ khi nào việc “biện phân” bản thân này chín chắn thì người ta mới đạt được “sự biện phân mục vụ”; điều này càng quan trọng trong “các hoàn cảnh chưa đạt được những gì Chúa đòi hỏi nơi ta” (số 6). Chương thứ tám đề cập tới việc “biện phân mục vụ” này, “một chương”, theo Đức Hồng Y, “được chú ý rất nhiều không những đối với công luận trong Giáo Hội, mà cả với giới truyền thông nữa”.

Chương nào quan trọng

Thế nhưng theo Đức Hồng Y, Đức Phanxicô coi các chương 4 và 5 mới có tính trung tâm không những vì vị trí mà còn vì nội dung của chúng nữa. “Vì ta không thể khuyến khích con đường trung tín và hiến thân cho nhau nếu không khuyến khích việc tăng triển, việc củng cố và việc thâm hậu hóa lòng yêu thương vợ chồng và gia đình” (số 89). Hai chương có tính trung tâm của *Amoris Laetitia* này chắc chắn sẽ bị lướt qua bởi nhiều người chỉ mong sớm tới những điều gọi là “những củ khoai nóng hổi”, những điều [họ coi là] quan yếu. Là một chuyên viên sư phạm, Đức Phanxicô biết rõ: không gì lôi cuốn và khích lệ mạnh mẽ bằng kinh nghiệm yêu thương tích cực. “Nói về yêu thương” (số 89) rõ ràng đem lại niềm vui lớn lao cho Đức Phanxicô, và ngài nói về nó một cách hết sức linh động, dễ hiểu và đầy tương cảm (empathy). Chương bốn là lời bình luận rộng dài về “ca khúc yêu thương” trong chương 13 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô. Mọi người nên đọc lời bình luận này. Nó khuyến khích ta tin vào lòng yêu thương (xem Ga 4:16) và tin tưởng vào sức mạnh của nó. Chính ở đây, tăng trưởng, một từ ngữ then chốt khác của *Amoris Laetitia*, tìm được chỗ đứng chính: không chỗ nào, nó tự biểu lộ rõ ràng bằng ở đây, nhưng nó cũng có thể trở thành lạnh lùng. Chương này rất đáng đọc. Nhưng cần chỉ rõ một khía cạnh: ở đây, Đức Phanxicô đề cập rõ ràng tới vai trò của đam mê, của xúc cảm, của gợi dục (eros) và tính dục nói chung trong đời sống hôn nhân và gia đình. Không phải là chuyện tình cờ khi, ở đây, ngài nối kết với Thánh Tôma Aquinô, vị thánh vốn dành một vai trò quan trọng cho đam mê, trong khi xã hội hiện đại tỏ ra muốn hạ giá hay làm ngơ nó.

Chính ở đây, tựa đề tông huấn của Đức Phanxicô tìm được biểu thức trọn vẹn nhất của nó: Niềm Vui Yêu Thương!”. Ở đây, ta hiểu làm thế nào ta có thể “khám phá ra phẩm giá và vẻ đẹp của hôn nhân” (NVYT số 205). Nhưng ở đây, ta cũng đau đớn khám phá ra: tình yêu đã gây nên không biết bao nhiêu thương tích và kinh nghiệm thất bại của các mối liên hệ này đã xé nát con người như thế nào. Chính vì thế, không lạ gì nhiều người lưu ý tới chương tám. Thực vậy, đối với nhiều người, vấn đề Giáo Hội đã xử lý các thương tích này ra sao, Giáo Hội đã xử lý thế nào các thất bại của yêu thương, đã trở thành một câu hỏi thử nghiệm để hiểu liệu Giáo Hội có thực sự là nơi lòng thương xót của Thiên Chúa được cảm nhận hay không.

Kết quả của hai Thượng Hội Đồng

Đức Hồng Y Schonborn quả quyết rằng chương này là do công trình làm việc hăng say của hai Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình, do các cuộc thảo luận rộng dài trong các diễn đàn công luận và giáo luận. Ở đây, ta thấy rõ tính hoa trái trong phương pháp của Đức Phanxicô. Ngài minh nhiên muốn có một cuộc thảo luận cởi mở về việc đồng hành mục vụ với các hoàn cảnh phức tạp, và đã có thể đặt căn bản đầy đủ cho cuộc đồng hành này trên hai bản văn của hai Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình đã trình lên ngài, cho thấy khả thể “đồng hành, biện phân và hội nhập yêu đuối” (số 291).

Đức Phanxicô minh nhiên nhận làm của riêng các lời tuyên bố mà cả hai Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình đã trình lên ngài: “Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã đạt được một đồng thuận tổng quát, được tôi ủng hộ” (số 297). Về những người ly dị và tái hôn dân sự, ngài nói: “Tôi nhất trí với nhiều nghị phụ Thượng Hội Đồng khi nhận định rằng... Luận lý học của việc hội nhập này là chìa khóa cho việc đồng hành mục vụ với họ... Không những họ không nên tự coi mình như những chi thể bị tuyệt thông của Giáo Hội, mà như các chi thể sống động, có khả năng sống và lớn mạnh trong Giáo

Hội và cảm nghiệm Giáo Hội như mẹ hiền luôn đồng hành với họ...” (số 299).

Nhưng trên thực tế, điều trên có nghĩa gì? Câu trả lời dứt khoát tìm thấy ở số 300. Nó không những cung cấp chất liệu để ta thảo luận thêm mà còn đưa ra sự minh xác quan trọng và chỉ cho thấy nẻo đường cần phải theo: “Nếu ta xét tới tính đa dạng vĩ đại trong các hoàn cảnh cụ thể... thì dễ hiểu được việc: cả Thượng Hội Đồng lẫn Tông Huấn này đều không có hy vọng cung cấp được một loạt các qui định tổng quát mới, có bản chất giáo luật và có thể áp dụng cho mọi trường hợp”. Nhiều người mong đợi các qui định này, và họ phải thất vọng. Vậy điều gì có thể có? Đức Giáo Hoàng nói rõ: “Điều có thể làm được đơn giản chỉ là một khuyến khích đối mới đối với việc phải đảm nhiệm việc biện phân các trường hợp đặc thù một cách có trách nhiệm, cả bản thân lẫn mục vụ”.

Làm thế nào để biện phân

Làm thế nào để các biện phân bản thân và mục vụ này có thể có và nên có chính là chủ đề của toàn bộ các số từ 300 tới 312. Đức Hồng Y nhận định rằng Đức Giáo Hoàng đã tiếp nhận làm của riêng “Lộ Trình” biện phân trong phần phụ lục các tuyên bố của Nhóm Nói Tiếng Đức tại Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình năm 2015.

“Điều chúng ta đang nói tới là một diễn trình đồng hành và biện phân nhằm hướng dẫn tín hữu ý thức được hoàn cảnh của họ trước mặt Thiên Chúa”. Nhưng Đức Giáo Hoàng cũng nhắc nhở rằng “việc biện phân này không bao giờ được quên xét đến các đòi hỏi của Tin Mừng về chân lý và bác ái, như đã được Giáo Hội đề xuất”.

Theo Đức Hồng Y, Đức Giáo Hoàng cũng nhắc tới hai sai lầm. Một là quá khắt khe: “Mục tử không được cảm nhận điều này: chỉ cần áp dụng các lề luật luân lý vào những người đang sống trong các hoàn cảnh ‘bất hợp lệ’ là đã đủ, như thể các lề luật này là những viên đá dùng để ném vào cuộc sống người ta. Đó là trường hợp khép kín cõi lòng của những người quen nấp đằng sau các giáo huấn của Giáo Hội” (số 305). Mặt khác, Giáo Hội “không hề chống lại việc đề xuất lý tưởng hôn nhân trọn vẹn, vốn là kế hoạch của Thiên Chúa trong mọi nét cao cả của nó” (số 307).

Ghi chú 351

Lẽ dĩ nhiên, việc trên đặt ra câu hỏi này: Đức Giáo Hoàng nói gì liên quan tới việc lui tới các bí tích của những người đang sống trong các hoàn cảnh “bất hợp lệ”? Đức Bênêđictô XVI đã nói rằng “các công thức dễ dãi” không hề có (số 298, ghi chú 333). Đức Phanxicô nhắc lại việc cần phải biện phân hoàn cảnh này cách thận trọng, phù hợp với tông huấn *Familiaris consortio*, số 84 của Đức Gioan Phaolô II (số 298). “Việc biện phân phải giúp tìm ra các cách thể khả hữu để đáp trả Thiên Chúa và lớn lên giữa các giới hạn của người ta. Vì suy nghĩ mọi sự đều đen và trắng, nên đôi khi ta đóng kín đường ơn thánh và đường tăng trưởng, không khuyến khích các nẻo đường nên thánh nhằm đem vinh quang lại cho Thiên Chúa” (số 305). Ngài cũng nhắc nhở ta một câu quan trọng của *Evangelii gaudium*, số 44: “Một bước đi nhỏ giữa những hạn chế to lớn của con người, có thể làm vui lòng Thiên Chúa hơn là một cuộc sống bề ngoài xem ra đúng mực nhưng ngày ngày không phải đối diện với những khó khăn to lớn nào” (số 304). Theo hướng “via caritatis” (đường bác ái) này (số 306), Đức Phanxicô quả quyết, một cách khiêm nhường và đơn sơ, trong ghi chú 351 rằng ơn trợ giúp của các bí tích cũng có thể ban “trong một số trường hợp”. Nhưng ngài không cung cấp cho ta các trường hợp điển hình hay công thức nào cho mục đích này cả, thay vào đó, ngài chỉ nhắc nhở ta hai câu nói thời danh của ngài: “Tôi muốn nhắc nhở các linh mục rằng toà giải tội không phải là một buồng tra tấn nhưng là một nơi gặp gỡ lòng từ bi của Chúa” (*Niềm Vui Tin Mừng* số 44) và Bí tích Thánh Thể, “không phải là một phần thưởng cho người hoàn thiện, mà là một phương thuốc và lương thực cho người yếu đuối” (*Niềm Vui Tin Mừng* số 47).

Tinh yêu sẽ tìm ra cách

Đức Hồng Y Schonborn tự hỏi: đây có phải là một thách đố quá đáng không cho các mục tử, cho việc

hướng dẫn thiêng liêng và cho các cộng đồng khi “việc biện phân các hoàn cảnh” không được qui định một cách chính xác hơn? Ngài cho rằng: Đức Phanxicô thừa nhận quan tâm này, nên đã viết: “Tôi hiểu những ai vẫn thích lối chăm sóc mục vụ khắt khe hơn, vốn không có chỗ cho sự mơ hồ” (số 308). Tuy nhiên, ngài thách thức thái độ này bằng cách nhận xét rằng “Ta đặt quá nhiều điều kiện lên lòng thương xót đến nỗi ta làm rỗng hết ý nghĩa cụ thể và tầm quan trọng thực sự của nó. Đây là cách tệ hại nhất để làm loãng Tin Mừng” (số 311).

Ngài tin tưởng ở “niềm vui yêu thương”. Lòng yêu thương sẽ tìm ra cách. Nó là chiếc la bàn chỉ đường cho ta. Nó vừa là mục tiêu vừa là nẻo đường, vì Thiên Chúa là tình yêu và tình yêu là Thiên Chúa. Không gì đòi hỏi nhiều hơn tình yêu. Không thể nhận được nó cách rẻ tiền. Bởi thế, theo Đức Hồng Y Schonborn, không ai nên sợ điều này: với *Amoris Laetitia*, Đức Phanxicô muốn mời gọi ta bước theo con đường dễ dãi. Đường ngài đưa ra không dễ dãi nhưng tràn đầy niềm vui!

Đức Phanxicô và Ông Donald Trump

(Ngày 06/05/2016)

Đầu năm nay, ký giả Tim Stanley đã đặt câu hỏi: người Công Giáo có đầu óc nghĩ gì về ứng cử viên tổng thống Donald Trump? Yêu ông ta? Ghét ông ta? Cười ông ta? Bất kể trả lời ra sao, “ông ta vẫn dẫn đầu bằng cả một dặm vùng quê”.

Tim Stanley nhắc tới một người Công Giáo, tên Pat Buchanan, cũng thuộc Đảng Cộng Hòa, từng là cố vấn cao cấp của ba tổng thống Nixon, Ford và Reagan, và cũng vận động để được Đảng Cộng Hòa cử ra tranh chức tổng thống Hoa Kỳ các năm 1992, 1996 và 2000. Donald Trump được nhiều người so sánh với Buchanan, người vốn được mô tả là cực hữu và được lòng dân, và có cương lĩnh tranh cử rất giống với Trump: chống di dân, phê phán mậu dịch tự do và hoài nghi sự can thiệp của ngoại quốc. Cả hai đều ca ngợi chủ nghĩa kinh doanh duy quốc gia của truyền thống Hoa Kỳ, không muốn chính phủ can dự vào việc tư ngoại trừ để bảo vệ kỹ nghệ và nâng cao viễn tượng của người dân bé nhỏ. Buchanan hoan nghênh tư cách ứng cử của Trump và Trump vốn ca ngợi Buchanan. Cả hai đều phò sự sống và chống kiểm soát súng ống.

Nhưng Buchanan chỉ đại biểu cho cánh hữu của chính trị Công Giáo Hoa Kỳ, trong khi đa số người Công Giáo Hoa Kỳ hiện thời theo khuynh hướng tự do cấp tiến, coi Đức Phanxicô là quán quân của tiến bộ. Buchanan, ngược lại, chỉ trích thần học của Đức Phanxicô. Trump thì chỉ trích chủ trương kinh tế của ngài.

Về di dân, Donald Trump cho rằng “lời lẽ” của Đức Phanxicô “rất đẹp đẽ và tôi trọng kính Đức Giáo Hoàng” nhưng người Hoa Kỳ không thể đài thọ việc lấy thêm người. Còn về việc thay đổi khí hậu, Trump kết luận: “Khí hậu thay đổi và bạn có giông bão, gió mưa, và những ngày đẹp trời. Nhưng tôi không tin chúng ta nên gây nguy hại cho các công ty tại xứ sở ta được”. Kinh doanh phải trước nhất.

Cũng như với Buchanan, chắc chắn người Công Giáo Hoa Kỳ không bỏ phiếu cho Trump. Đây cũng là kết luận của CatholicVote, một tổ chức chuyên hướng dẫn lá phiếu của người Công Giáo Hoa Kỳ. Trong bài “Not. Trump.”, ngày 27 tháng Giêng, tổ chức này cho hay: chúng tôi “không thể đứng bên lề được nữa rồi”, buộc phải chia sẻ một số phê phán đối với cuộc đua, ít nhất đối với một ứng cử viên đặc thù. Và họ đặt câu hỏi: “Người Công Giáo có nên ủng hộ Donald Trump không?” Câu trả lời là: Không!

Ký giả John L. Allen Jr., ngày 17 tháng Hai, 2016 thì cho rằng cả người Công Giáo Hoa Kỳ tả hữu đều không ủng hộ Donald Trump. Phía hữu nghi ngờ chủ trương “pro-choice” (ủng hộ phá thai) trước đây của Trump (một quảng cáo trên truyền hình South Carolina năm 1999 cho thấy Trump tuyên bố ông “rất phò phá thai”). Phía tả dĩ nhiên không thích chính sách di dân của Trump.

Ngày 7 tháng Ba, 2016, Robert P. George và George Weigel, cùng bốn mươi nhà trí thức hàng đầu của Hoa Kỳ, ra hẳn một lời kêu gọi “các đồng đạo Công Giáo của chúng tôi và mọi người nam nữ có

thiện chí” cho hay: “Donald Trump hiển nhiên không xứng đáng là tổng thống của Hiệp Chúng Quốc. Chiến dịch tranh cử của ông ta đã kéo nền chính trị của ta xuống hàng tầm thường mới. Các lời kêu gọi kỳ thị chủng tộc và sắc tộc đầy thiên kiến của ông ta đang xúc phạm tới nhạy cảm Công Giáo chân chính. Ông ta hứa sẽ ra lệnh cho nhân viên quân sự Hoa Kỳ tra tấn những người tình nghi là khủng bố và sát hại các gia đình của người khủng bố, những hành động bị Giáo Hội kết án và các chính sách đem nhục nhã lại cho đất nước chúng ta. Và không có bất cứ điều gì trong chiến dịch tranh cử của ông ta hay các thành tích cũ của ông ta cho ta cơ sở để tin rằng ông ta thực sự chia sẻ các cam kết của ta đối với quyền sống, quyền tự do tôn giáo và các quyền lương tâm, tái xây dựng nền văn hóa hôn nhân, hay tính phụ đối và nguyên tắc cai trị có giới hạn”.

Mị dân, đàn độn, một tên hề

Các nhà trí thức trên không ngại gọi Trump là người mị dân, tầm thường, đàn độn, ngu ngốc đến phát khiếp. “Thành tích của ông Trump và chiến dịch tranh cử của ông ta không cho ta hứa hẹn cao cả nào; chúng chỉ hứa sẽ làm cho nền chính trị và văn hóa của chúng ta xuống cấp thấp hơn mà thôi”.

Ấy thế, nhưng Trump tiếp tục thắng hết kỳ bỏ phiếu “đầu tiên” (primary) này đến kỳ bỏ phiếu “đầu tiên” khác. Khiến Terry Mattingly, ngày 9 tháng Ba, thuật lại câu hỏi có người đã nêu lên ở truyền thông: phải chăng Donald Trump đang đánh bại Đức Giáo Hoàng và thắng phiếu của người Công Giáo Cộng Hòa?

Theo Mattingly, trước kỳ bỏ phiếu “đầu tiên” ở Michigan, cuộc thăm dò của Fox News cho thấy Trump là ứng viên được lòng các cử tri Công Giáo. Và nhiều tit lớn của báo chí viết nguyên văn: “Cử tri Công Giáo chọn Trump thay vì Đức Giáo Hoàng Phanxicô” dù Đức Phanxicô nói rõ: chủ trương di dân của Trump “không phù hợp với Kitô Giáo”.

Tuy nhiên, theo Mattingly, nếu đúng như thế, thì đây chỉ là những người Công Giáo theo danh nghĩa hay thông thuộc chứ không hẳn Công Giáo theo nghĩa đầy đủ của cả ba chữ B: belief (tin), behaviour (tác phong) và belonging (thông thuộc).

Gây kinh hoàng

Dù sao, sự thắng thế liên tục của Trump khiến tờ The Guardian phải chạy hàng tit “Tổng Thống Trump làm cho các nhà lãnh đạo thế giới tràn ngập lo sợ: từ vui nhộn tới kinh hoàng thực sự”. Họ gọi ông ta là: nguy hiểm, điên rồ, vô lý, gây lo sợ, kinh hoàng, vô trách nhiệm, một tên hề, một tai họa.

Kinh hoàng nói đây chính là kinh hoàng nguyên tử: ông ta vốn coi thoả hiệp hạch nhân với Iran gần đây là một sai lầm. Vô lý là ông ta đe sẽ tăng thuế quan đánh trên hàng hóa Trung Quốc lên tới 45%. Vô trách nhiệm vì “ông ta sẽ thực hiện một đóng góp quan trọng cho các tình cảm phản Hoa Kỳ ở khắp nơi trên thế giới”. Và ai cũng biết, chỉ có Nga mới ủng hộ Trump mà thôi.

Dù thế mặc lòng, Trump vẫn tiếp tục thắng. Sau khi Trump trở thành ứng viên “độc diễn” của Đảng Cộng Hòa, tờ The Guardian đành có lời bình luận “Ác mộng Trump của Hoa Kỳ đã tới”: con người nhục mạ đàn bà, khuyến khích bạo lực, cấm người Hồi Giáo vào Hoa Kỳ, mới đây được Ku Klux Klan ủng hộ, một tên tay mơ chính trị rất có thể trở thành tổng thống Hoa Kỳ!

Viễn ảnh trên gây “kinh hoàng” cả cho dư luận Úc Châu. Nick Pearson của Nine News đặt phụ đề cho bài báo của ông như sau: “Tôi đang chứng kiến một đảng chính trị 160 tuổi phạm tội tự sát”. Đó là lời phát biểu của Henry Olsen, một tư tưởng gia nổi tiếng của Đảng Cộng Hòa, lúc chứng kiến cuộc thắng vẻ vang của Trump tại tiểu bang Indiana.

Tự sát, vì nhiều đảng viên Cộng Hòa đe dọa sẽ bỏ phiếu cho Hilary Clinton vào tháng 11 này. Người ta coi Trump đang kéo đảng của ông tới chỗ thua đậm. Clinton không bỏ lỡ cơ hội, vội cho đăng tải một cuốn video tường thuật các lời bác bỏ Trump của các đảng viên Cộng Hòa nổi danh.

Thống Đốc Cộng Hòa Charlie Baker của Massachusetts đã tuyên bố sẽ không bỏ phiếu cho Trump. Cựu Thống Đốc New Jersey Christine Todd Whitman tuyên bố bà sẽ ủng hộ Clinton thay vì Trump. Trong khi ấy, nhiều đảng viên Cộng Hòa cho hay họ sẽ ở nhà, không đi bỏ phiếu lần này, hay bỏ phiếu trắng.

Thời khắc Phanxicô đã điếm

Như trên đã nói: Đức Phanxicô coi Trump không phải là Kitô hữu dù ông thuộc giáo phái Trưởng Lão. Ngài cực lực phản đối chính sách “xây tường” của ông, cho rằng xây tường không bao giờ thành công cả. Ngược lại, Trump cho rằng Đức Phanxicô không hề có ý niệm gì về vấn đề biên giới và chính sách kinh tế của ngài không phù hợp với đất nước ông. Ai cũng coi hai nhân vật này đi theo hai đường hướng trái ngược nhau.

Nhưng hiện tượng Trump, theo Charles Camosy, giáo sư đạo đức thần học và xã hội tại Đại Học Fordham, có khía cạnh tích cực của nó qua bài: “Chiến thắng của Trump có nghĩa thời khắc Phanxicô đã điếm” đăng trên tờ Crux ngày 4 tháng này.

Camosy nhận định rằng mùa bầu cử 2016 tại Hoa Kỳ cho thấy cả hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ đều đang mất dần sức lôi cuốn và uy tín chính trị và đều đang trên đường tự hủy, chứ không riêng gì Cộng Hòa. Đã đành Trump đang làm ta rã hàng ngũ lãnh đạo Đảng Cộng Hòa, làm cho Đảng này hiểu ra rằng đảng của họ đang rách bươm ở ngay những đường nối. Nhưng Đảng Dân Chủ cũng không hơn gì, vì tuy họ có viễn ảnh kiếm được nhiều phiếu từ các đảng viên Cộng Hòa bất mãn, nhưng với việc ứng viên Bernie Sanders đòi mang tranh chấp vào đại hội Đảng, đủ thấy đảng của ông ta cũng đến những hồi cuối của nó.

Nói tóm lại, mùa bầu cử này đang “gia tốc diễn trình tan rã của các phạm trù và giả thiết chính trị lỗi thời. Hàng triệu người đang sục sạo đi tìm một cách thể hoàn toàn khác để suy tưởng về chính trị”. Câu hỏi hiện nay là cuộc tập hợp chính trị mới này có hình dáng ra sao.

Camosy cho rằng việc này tùy thuộc ở lớp người ông gọi là “thiên niên kỷ” (millennials), lớp người sẽ gây tác động lớn bằng cách từ khước nhận mình là Dân Chủ hay Cộng Hòa. Và đối với lớp người này, Đức Phanxicô đến đúng lúc.

Trước hết, người Công Giáo Hoa Kỳ biết rõ: thần học luân lý và học thuyết xã hội Công Giáo không thích hợp chút nào đối với phương thức nhị phân cấp tiến/bảo thủ trong cuộc chiến văn hóa. Và, lần đầu tiên trong lịch sử, nền văn hóa chính trị của Hoa Kỳ đã mở rộng cửa để những người như Đức Phanxicô nói tới một giải pháp chân chính để thay thế.

Đây là một con người phản văn hóa đương thịnh đầy khiêm tốn, tự gọi mình trước hết là một người tội lỗi. Đây là một người tiếp nhận và sống thực nền đạo đức “hồng đậm [magenta]” (không đỏ không xanh dương), một nền đạo đức vừa bắt nguồn sâu xa từ các truyền thống và nguyên tắc xưa, vừa linh lợi khôn khéo đủ để đáp ứng các vấn đề độc đáo của thời ta.

Điều tuyệt diệu là Đức Phanxicô được giới trẻ yêu kính. Ta hãy lưu ý tới một vài điểm sau đây:

- a. Giống những người thiên niên kỷ, Đức Phanxicô hết sức quan tâm tới môi trường và việc thay đổi khí hậu.
- b. Giống những người thiên niên kỷ, Đức Phanxicô chống phá thai.
- c. Giống những người thiên niên kỷ, Đức Phanxicô đặt việc chào đón các di dân và người tị nạn lên trên an ninh biên giới và chủ nghĩa duy quốc gia.
- d. Giống những người thiên niên kỷ, Đức Phanxicô tin vào việc sống thực các giá trị của mình khi cố gắng thay đổi sự việc, không chỉ cậy nhờ các định chế lớn lao, xa xôi và chậm chạp của chính phủ để thực hiện việc mình làm.
- e. Giống những người thiên niên kỷ, Đức Phanxicô quan tâm tới tỷ lệ thất nghiệp cao nơi giới trẻ.

Quan trọng nhất có lẽ là việc Đức Phanxicô nhấn mạnh tới nền văn hóa gặp gỡ chân chính, một nền văn hóa khá lôi cuốn những người thiên niên kỷ, vì họ vừa từ khước việc phán đoán người ta dựa vào những phạm trù có thể bác bỏ được, vừa thấy mình càng ngày càng bị tách biệt khỏi các mối liên hệ chân chính.

Đức Phanxicô không chỉ lôi cuốn giới trẻ. Cuộc tông du Hoa Kỳ của ngài đã sản sinh nhiều thiện chí to lớn trong mọi phạm vi dân số, chính trị và thần học. Có lẽ ngài là khuôn mặt công cộng duy nhất vừa có những chủ trương mạnh mẽ trong các vấn đề gây tranh cãi nhiều nhất thời ta vừa thực sự chiếm được lòng yêu mến của người trẻ lẫn người già, người giàu lẫn người nghèo, người bảo thủ lẫn người cấp tiến, đàn ông lẫn đàn bà, người phạm lỗi lẫn người tu.

Điều cũng có lẽ nữa là viễn kiến phản văn hóa đương thời của Đức Phanxicô đã có đủ thời gian để thẩm thấu vào ý thức công Hoa Kỳ trước chu kỳ bầu cử đầy tính phá hoại nhất trong 60 năm nay của nước này. Với Đức Phanxicô, người ta có được một phương thức thay thế chân chính, một phương thức có tỷ lệ ủng hộ cao hơn của Trump tới 35%.

Mong sao nhận định của Camosy thành sự thực. Chỉ có điều sự thực này buộc ta phải chấp nhận Hilary Clinton, người nổi tiếng ủng hộ phá thai, làm tổng thống Hoa Kỳ.

Đức Phanxicô: Đường hay Pháo Đài (Ngày 08/05/2016)

Trong buổi lễ nhận giải thưởng Charlemagne tại Sala Regia ở Tông Điện vừa qua, Đức Phanxicô đã đọc một bài diễn văn rất hùng hồn về nên một viễn kiến tuyệt vời cho một Âu Châu Là Mẹ, chứ không phải một Âu Châu đang có nguy cơ trở thành bà già xấu xí, hết đường sinh nở.

Trong bài diễn văn trên, ngài đưa ra một công thức gồm “ba món” căn bản: khả năng hội nhập, khả năng đối thoại và khả năng phát sinh. Nói cách khác, Âu Châu cần tìm lại linh hồn của mình, “vốn phát sinh từ cuộc gặp gỡ của nhiều nền văn minh và của nhiều dân tộc”, không như lời cảnh cáo của một trong “những cha già” của Âu Châu là Konrad Adenauer: “Tương lai Phương Tây đang bị đe dọa không phải bởi các căng thẳng chính trị cho bằng bởi nguy cơ của chủ nghĩa duy hợp, độc dạng hình thức về tư tưởng và cảm quan: nói tắt, bởi toàn bộ hệ sống, bởi việc trốn chạy trách nhiệm, chỉ quan tâm tới chính mình”. Âu châu cần dạy cho con cháu mình không phải nghệ thuật vũ khí mà là nghệ thuật đối thoại, “chiến đấu trong cuộc chiến gặp gỡ và thương thảo tốt đẹp”. Nhờ nghệ thuật này, chúng sẽ có khả năng “thiết kế ra các chiến lược sống, chứ không chết, bao gồm chứ không loại trừ”. Sau cùng, khả năng phát sinh đòi phải mang lại cho giới trẻ một tương lai, tránh làm họ đánh mất giấc mơ của họ, cụ thể qua nhân dụng, không thể để 48.9 phần trăm người trẻ Hy Lạp thất nghiệp như hiện nay. Tóm lại, Âu Châu phải tạo ra một chủ nghĩa nhân bản mới nhằm cổ vũ công bằng kinh tế, chào đón người mới, tôn trọng sự sống trong mọi giai đoạn và đối thoại với mọi người.

Đây cũng là quan điểm của Chủ Tịch Quốc Hội Âu Châu Martin Schulz, của Chủ Tịch Ủy Ban Âu Châu Jean-Claude Juncker và của Chủ Tịch Hội Đồng Âu Châu Donald Tusk. Cả ba người này cùng tham dự buổi lễ trao giải thưởng tại Vatican và cùng phát biểu trước bài diễn văn của Đức Phanxicô. Schultz phê phán việc các nước Âu Châu có chiều hướng xây tường kiểu Bức Màn Sắt cách nay 25 năm, phản lại bài học lịch sử, bài học liên đới.

Trong bài diễn văn của ngài, Đức Phanxicô cũng cho rằng Âu Châu đang cảm thấy không thoải mái “bên trong những bức tường của căn nhà chung”. Ngài phê phán việc “các quyền lợi ích kỷ” đang “lập các hàng rào” đây đó.

Nhận định về bài diễn văn của Đức Phanxicô, Andrea Riccardi, sáng lập viên của Cộng Đồng Sant'Egidio, cho rằng Đức Phanxicô coi thách đố chính tại Âu Châu ngày nay không giống Đức Bênêđictô XVI: thách đố này không phải là chủ nghĩa duy tục và các bất bình đối với nó, mà là việc canh tân nền văn hóa đối thoại và hội nhập, cổ vũ “nền kinh tế xã hội” thay cho nền kinh tế “lòng”,

một nền kinh tế có khả năng cung cấp việc làm và niềm hy vọng, nhất là cho người mới tới và người trẻ.

Riccardi cho rằng mấy năm trước đây, “đối thoại” không phải là nhận định hàng đầu phát sinh từ Vatican đối với Âu Châu. Thực thể, trong các thập niên 1990 và 2000, cả Đức Gioan Phaolô II lẫn Đức Bênêđictô XVI đều đã phát động các chiến dịch “dữ dằn” nhằm kéo Âu Châu trở về với gốc rễ Kitô Giáo của nó. Trong số nhiều điều, các ngài nhấn mạnh tới việc phải có những bản tân hiệp pháp với “điều khoản nói về Thiên Chúa” hay *invocatio Dei*.

Khi việc đó không thành, đôi khi người ta cảm thấy có điều gì đó ra xa lạ rõ ràng. Năm 2007 chẳng hạn, khi tiếp một phái đoàn chính khách và giám mục nhân dịp kỷ niệm 50 năm Hiệp Ước Rôma, Đức Bênêđictô XVI thẳng thừng kết án Âu Châu đã “bác bỏ chính mình”.

Đối với một số người Công Giáo Âu Châu, Đức Bênêđictô XVI trở thành lời kêu gọi phòng thủ, rút vào pháo đài, ngay cả trước khi ngài lên ngôi giáo hoàng. Như việc ngài sử dụng thuật ngữ của sử gia Anh Arnold Toynbee để nói về tư thế Kitô Giáo trong thế giới hiện nay: “thiểu số sáng tạo” (creative minority). Trong một bài diễn văn năm 2004, lúc còn là Hồng Y Ratzinger, ngài hô hào “Các tín hữu Kitô Giáo nên tự coi mình như một thiểu số sáng tạo, và giúp Âu Châu giành lại điều tốt nhất trong di sản của nó và nhờ đó, tự đặt mình vào việc phục vụ toàn thể nhân loại”.

Dù Đức Hồng Y Ratzinger không có ý gì tiêu cực trong lời kêu gọi trên, nhưng các người Công Giáo trên vẫn coi nó như phát lệnh phòng thủ nền văn hóa phụ (subculture) đang bị đe dọa, cổ thủ những ố đức tin khép kín giữa một môi trường duy tục thù nghịch. Người ta lưu luyến nhắc tới tinh thần *contemptus mundi*, hay “khinh miệt thế gian”, của các phong trào đơn tu thuở đầu Kitô Giáo.

Theo Riccardi, Đức Phanxicô đã phá vỡ não trạng pháo đài nói trên. Trong bài diễn văn gần 3,000 chữ của ngài nói trên, các chữ như “thế tục” (secular) và “duy tục” (secularism) không bao giờ xuất hiện. Nói cách khác, các bóng ma của cuộc chiến đấu đòi có “câu nói về Thiên Chúa” hoàn toàn vắng bóng một cách đáng ghi nhận.

Thay vào đó, Đức Phanxicô phác thảo vai trò tác nhân gấp gờ và hội nhập để các Kitô hữu, và nói chung, các người có đức tin, đóng trong Âu Châu ngày nay. Khi nói tới các “gốc rễ” của Âu Châu, ngài không nói tới Thế Giới Kitô Giáo thời Trung Cổ, mà đúng hơn tới viễn kiến hậu Thế Chiến II về một lực địa vốn là thành lũy của hòa bình, của nhân quyền và của khoan dung, luôn thắng vượt chủ nghĩa duy quốc gia đầy bạo lực từng chôn vùi cho hai cuộc thế chiến.

Dĩ nhiên, Đức Phanxicô biết rõ dự án Âu Châu hậu chiến nói trên của các chính khách được ngài nêu tên như Alcide de Gasperi, Robert Schuman và Konrad Adenauer, về căn bản, vốn dựa trên di sản và các giá trị Kitô Giáo của họ. Schuman hiện còn là ứng viên được phong thánh nữa. Và ngài cho rằng gốc rễ này cần được “dẫn thủy nhập điền bằng nước Tin Mừng”.

Tuy nhiên, theo Riccardi, Đức Phanxicô chủ trương rằng đức tin trong hành động mới đáng kể. Ngài tin rằng Kitô Giáo được bảo vệ tốt nhất không phải bằng đánh trận đánh biểu tượng và ngôn từ mà bằng cách đem các xác tín của mình ra thực hành vào các thời điểm khi thế giới cần đến chúng nhất.

Riccardi viết rằng: “các chính trị gia tìm thấy nơi Đức Giáo Hoàng một nhà lãnh đạo thiêng liêng biết tin vào Liên Hiệp Âu Châu, bao lâu nó còn có khả năng mở rộng và hội nhập”. Ông nghĩ: “theo Đức Giáo Hoàng, Âu Châu... ngày nay đang sa sút do nỗi sợ phải gặp gỡ các dân tộc và các tôn giáo khác, nấp mình đằng sau các biên giới và căn tính bị pha lê hóa”. Theo ông, trong xương thịt Âu Châu, các chính khách nam nữ hiện nay cũng biết như thế, nhưng không tự ý điều chỉnh gì được.

Trước đây không lâu, số lớn trong giai cấp chính trị và các nhà văn hóa ưu tú của Âu Châu coi ngôi vị giáo hoàng, và Giáo Hội nói chung, như trở lực đối với xã hội giải phóng và đa nguyên mà họ muốn xây dựng. Ngày nay, hình như gió đã đổi chiều, nhiều người trong số họ coi ngôi vị giáo hoàng và Giáo Hội như nguồn tài nguyên để đạt được mục tiêu vừa nói, có lẽ còn như hy vọng sau cùng và tốt

đẹp nhất của họ nữa.

Tất cả đều nhờ vị giáo hoàng Á Căn Đình, nhưng có gốc gác Âu Châu này. Và đây có lẽ là thành quả đáng kể nhất trong triều giáo hoàng của ngài, một triều giáo hoàng trong đó càng ngày “điều đáng kể” càng trở thành điều thông thường mới.

Đức Phanxicô nói về Giáo Hội Pháp

(Ngày 17/05/2016)

Trong cuộc phỏng vấn của Nhật Báo Công Giáo Pháp La Croix vừa qua, Đức Giáo Hoàng Phanxicô cho rằng Giáo Hội tại đây có một khả năng sáng tạo.

Trả lời câu hỏi "Đức Giáo Hoàng nghĩ gì về nước Pháp" của Guillaume Goubert, giám đốc của tờ báo, Đức Phanxicô nói rằng: Pháp là “trường nữ của Giáo Hội... nhưng không phải là đứa con gái trung thành nhất! (cười). Trong các năm 1950, người ta cũng hay nói “Nước Pháp, xứ của truyền giáo”. Theo nghĩa này, Pháp là một khu ngoại biên cần được phúc âm hóa. Nhưng ta phải công bằng với nước Pháp. Giáo Hội ở đây có một khả năng sáng tạo. . Nước Pháp cũng là một lãnh thổ của các vị đại thánh, các đại tư tưởng gia: Jean Guittou, Maurice Blondel, Emmanuel Levinas, người không phải là Công Giáo, Jacques Maritain. Tôi cũng nghĩ tới sự sâu sắc của nền văn chương Pháp.

Tôi cũng đánh giá cao việc nền văn hóa Pháp đã thấm nhiễm linh đạo Dòng Tên ra sao so với trào lưu Tây Ban Nha, có tính khổ hạnh hơn. Trào lưu Pháp, một trào lưu khởi đầu với Thánh Pierre Favre, luôn nhấn mạnh tới việc biện phân thần khí, đem lại một mùi vị khác hẳn. Với những nhà linh đạo Pháp vĩ đại: Louis Lallemant, Jean-Pierre de Caussade. Và với những nhà thần học Pháp vĩ đại, từng giúp ích xiết bao cho Dòng Tên: Henri de Lubac và Michel de Certeau. Hai vị vừa kể làm tôi rất hài lòng: hai tu sĩ Dòng Tên có óc sáng tạo. Tóm lại, đó là điều làm tôi rất hào hứng với nước Pháp. Một đảng, là tính thể tục cường điệu, di sản của Cách Mạng Pháp và, đảng khác, rất nhiều các đại thánh.

Hỏi: Vị thánh nam hay vị thánh nữ nào được Đức Thánh Cha quý chuộng hơn?

Đức Phanxicô: Thánh Nữ Têrêxa thành Lisieux.

Hỏi: Đức Thánh Cha đã hứa sẽ tới Pháp. Khi nào thì một cuộc tông du như thế khả thi?

Đức Phanxicô: Tôi đã nhận được thư mời của Tổng Thống François Hollande. Hội Đồng Giám Mục cũng đã mời tôi. Tôi không biết khi nào thì cuộc viếng thăm này diễn ra vì năm tới là năm tuyển cử ở Pháp và, nói chung, thói quen của Tòa Thánh là không thực hiện một cuộc viếng thăm như thế vào lúc ấy. Năm ngoài, một số giả thuyết đã được đưa ra đối với cuộc viếng thăm như thế, bao gồm việc thăm Ba Lê và vùng ngoại ô, thăm Lộ Đức và một thành phố chưa có vị giáo hoàng nào tới thăm, Marseille chẳng hạn, tượng trưng cho một hải cảng mở ra thế giới.

Hỏi: Giáo Hội tại Pháp hiện trải qua cuộc khủng hoảng trầm trọng về ơn gọi linh mục. Ngày nay, phải làm thế nào với một ít linh mục như thế?

Đức Phanxicô: Đại Hàn cho ta một điển hình lịch sử. Nước này đã được phúc âm hóa bởi các nhà truyền giáo từ Trung Hoa, nhưng sau đó, các vị này đã bỏ đi. Rồi, suốt trong hai thế kỷ, Đại Hàn đã được các giáo dân phúc âm hóa. Đó là một lãnh thổ của các vị thánh và các vị tử đạo với một Giáo Hội vững mạnh hiện nay. Để phúc âm hóa, không nhất thiết phải có các linh mục. Phép Rửa ban cho ta sức mạnh để phúc âm hóa. Và Chúa Thánh Thần, mà ta lãnh nhận lúc chịu Phép Rửa, thúc đẩy ta lên đường, mang theo sứ điệp Kitô Giáo, một cách can đảm và đầy nhẫn nại.

Chính Chúa Thánh Thần là đáng chủ đạo cho các công trình của Giáo Hội, là động cơ của Giáo Hội. Rất nhiều Kitô Hữu đã làm ngơ điều đó. Một nguy cơ phản lại Giáo Hội là chủ nghĩa duy giáo sĩ. Đó là một tội mà cả hai người đều phạm, giống như điệu tango! Các linh mục muốn giáo sĩ hóa các giáo

dân, còn các giáo dân thì đòi được giáo sĩ hóa, cho nó dễ dàng. Ở Buenos Aires, tôi có biết một số đồng cha xứ tốt bụng, thấy một giáo dân có khả năng, bèn sướng rên hô lớn: “Phải cho ông này làm phó tế!” Không, phải để ông ta tiếp tục làm giáo dân. Chủ nghĩa duy giáo sĩ (là vấn đề) hết sức quan trọng ở Châu Mỹ Latinh. Nếu lòng đạo bình dân mạnh mẽ ở đó, thì chỉ vì nó là sáng kiến duy nhất của giáo dân, những người này không nên bị giáo sĩ hóa. Hàng giáo sĩ vẫn chưa coi trọng họ.

Hỏi: Giáo Hội ở Pháp, nhất là ở Lyon, hiện đang bị lao đao bởi tai tiếng ấu dâm trong quá khứ. Giáo Hội ấy phải làm gì trước tình thế này?

Đức Phanxicô: Quả thực rất khó phán đoán các sự kiện sau nhiều thập niên, trong một bối cảnh khác. Thực tại không luôn luôn sáng sủa.

Nhưng đối với Giáo Hội, trong lãnh vực này, hiện khó có thể có toa thuốc. Qua các lạm dụng này, một linh mục, người vốn có ơn gọi dẫn dắt một đứa trẻ về với Thiên Chúa, lại tiêu hủy em. Ngài đã phát tán điều ác, sự oán hận, sự đau đớn. Như Đức Bênêđictô XVI đã nói, khoan dung phải là số không.

Theo các yếu tố tôi hiện có, tôi tin rằng ở Lyon, Đức Hồng Y Barbarin đã đưa các biện pháp cần thiết, ngài đã nắm mọi việc trong tay. Đây quả là một vị can đảm, có óc sáng tạo, một nhà truyền giáo. Nay ta phải chờ các thủ tục của luật pháp dân sự.

Hỏi: Như thế, Đức Hồng Y Barbarin không bị bãi chức?

Đức Phanxicô: Không, điều đó vô lý, thiếu khôn ngoan. Ta sẽ thấy sau khi diễn trình dân sự hoàn tất. Còn nay, điều ấy tự nó là một tội phạm.

Các nhà trí thức Pháp được Đức Phanxicô nhắc đến

Trên đây, Đức Phanxicô có nhắc đến 4 nhà trí thức Pháp, trong đó một người không phải là Công Giáo, đó là Levinas. Tờ La Croix cho biết một số chi tiết về họ:

Jean Guitton (1901-1999): triết gia và văn sĩ, một bạn thân của Đức Phaolô VI và là giáo dân đầu tiên tham dự Công Đồng Vatican II.

Maurice Blondel (1861-1949): tốt nghiệp Trường Sư Phạm Quốc Gia, thạc sĩ triết học, giảng dạy suốt đời tại Aix-en-Provence. Ông kết án “việc bác bỏ siêu việt” hay quyền tự quyết của lý trí đẩy xa đến chỗ cho mình là đủ.

Emmanuel Levinas (1906-1995): sinh tại Lithuania, nhập quốc tịch Pháp, triết gia gốc Do Thái này dẫn nhập các tư tưởng của Husserl và của Heidegger vào Pháp. Các soạn phẩm cuối cùng của ông đề cập tới đạo đức học.

Jacques Maritain (1882-1973): trở lại Công Giáo năm 1906, tác giả của cuốn “Chủ Nghĩa Nhân Bản Toàn Diện” (*Humanisme Integral*, 1936), năm 1945, được tướng de Gaulle cử làm Đại Sứ Pháp bên cạnh Tòa Thánh, tại đây, ông đã kết bạn thân với Đức Phaolô VI tương lai.

Trưởng nữ của Giáo Hội

Nhân dịp này, Báo La Croix nhắc đến một bài báo ngày 15 tháng 6 năm 2015 nói về một câu phát biểu của Đức Phanxicô đối với Pháp, nhân cuộc gặp gỡ giới trẻ Pháp ngày 11 tháng 6, qua trung gian của Đức Hồng Y Barbarin. Câu phát biểu đó gần y hệt như câu đầu tiên ngài trả lời Báo La Croix lần này: Đức Giáo Hoàng nói bằng tiếng Pháp: “người ta bảo Pháp là trưởng nữ của Giáo Hội”. “Và nó quả rất đúng như thế!”. Rồi giơ ngón tay lên, ngài nói tiếp “Nhưng không trung thành hơn hết”. Vừa cười, ngài vừa hỏi: “Đúng chứ, không trung thành hơn hết?”

Giới truyền thông vin vào câu này, đọc sai, cho rằng theo Đức Phanxicô “Pháp là đứa con gái rất bất

trung”. La Croix đặt câu hỏi: thực ra bối cảnh của câu nói trên là gì? Theo một người trẻ trong đoàn, thì cuộc gặp gỡ kéo dài 50 phút với Đức Giáo Hoàng này chủ mục vào sự khó khăn phải làm sao để Giáo Hội (tại Pháp, chứ không hẳn nước Pháp) chịu “nhức nhích”. Đức Giáo Hoàng nói đùa với nhóm người trẻ này rằng: “có một nơi duy nhất không có thay đổi, đó là... nghĩa địa”. Rồi ngài giải thích: “Nhiều người bề ngoài thì sống đây, nhưng bề trong thì đã chết. Nhiều người đã đánh mất niềm vui”. Theo anh, Đức Giáo Hoàng dường như muốn nói đến một giấc mộng không thành, đến hẹn lại không lên, nơi Giáo Hội Pháp, “như thể ngài chờ mong nơi người Công Giáo Pháp một cuộc canh tân, một sự thức giấc, một lòng bạo dạn không thấy đến”.

Việc đọc ra bối cảnh của câu nói trên đây quả ăn khớp với ý nghĩa cuộc gặp gỡ của ngài với các giám mục Pháp ngày 19 tháng 12, năm 2014, trong đó, ngài cũng nửa đùa nửa thật nhắc tới câu gần như đã trở thành công thức quen thuộc “Pháp là trường nữ của Giáo Hội”. Các vị giám mục hôm đó cũng cho rằng Đức Phanxicô tiến nũi cách chung việc thiếu năng động tính nơi Giáo Hội Pháp. “Với ngài, nước Pháp ngày nay là một trong các khu ngoại vi của ngài” như nhận định của Đức Hồng Y Beniamino Stella, Bộ Trưởng Thánh Bộ Giáo Sĩ”.

Giáo sĩ hóa

Nhân dịp Đức Phanxicô đề cập tới chủ nghĩa duy giáo sĩ, Báo La Croix cũng muốn độc giả lưu ý tới một bài báo ngày 3 tháng 5, năm 2016 của họ nói về nguy cơ này trong Giáo Hội. Họ có ý nói tới lá thư của Đức Phanxicô gửi Đức Hồng Y Marc Ouellet, Chủ Tịch Ủy Ban Giáo Hoàng về Châu Mỹ Latinh nói đến việc hợp tác đúng đắn giữa giáo sĩ và giáo dân, cả hai đều là các tác nhân trong Giáo Hội.

Đức Phanxicô đặc biệt phê phán việc “công chức hóa” người giáo dân. Họ “là các nhà chủ đạo của Giáo Hội và của thế giới”. Nên các giám mục và các linh mục được mời gọi “phục vụ họ, chứ không bắt họ phục vụ mình”.

Bốn cột trụ trong suy tư của Đức Phanxicô

(Ngày 29/05/2016)

Nhà bình luận Sandro Magister có lúc đã bị văn phòng báo chí của Tòa Thánh rút “chứng minh thư” (credential) vì đã tiết lộ trước thời hạn một văn kiện quan trọng của Đức Phanxicô. Sau đó, ông đã được văn phòng này cấp chứng minh thư trở lại. Tuy nhiên, không vì thế mà các nhận định của ông về triều đại của Đức Phanxicô thay đổi.

Gần đây, ông có tường thuật lại một bài báo của Cha Giovanni Scalese, Dòng Barnabite, một nhà ngoại giao và là một triết gia, để nhấn mạnh rằng từ lúc còn trẻ, Đức Phanxicô đã có những tiêu chuẩn hướng dẫn suy nghĩ của ngài. Các tiêu chuẩn này vẫn tiếp tục được ngài sử dụng trong huấn quyền đối với toàn thể Giáo Hội Công Giáo hiện nay.

Theo Cha Scalese, có bốn tiêu chuẩn hay nguyên tắc hướng dẫn, được cha gọi là định đề (postulati). Nguyên tắc thứ nhất đã được Đức Phanxicô xác định ở phần đầu Tông Huấn Hậu Thượng Hội Đồng Về Gia Đình *Amoris Laetitia* (Niềm Vui Yêu Thương): “Vì ‘thời gian lớn hơn không gian’ nên tôi muốn mình xác ngay rằng không phải mọi cuộc thảo luận về các vấn đề tín lý, luân lý hay mục vụ đều cần phải được giải quyết thanh thỏa bằng các can thiệp của huấn quyền”. Sau đó, ngài dẫn giải tiêu chuẩn này như sau: “Điều quan trọng là khởi diễn các diễn trình hơn là thống trị không gian”.

Thực ra, “Thời gian lớn hơn không gian” là tiêu chuẩn thứ nhất trong bốn tiêu chuẩn hướng dẫn mà Đức Phanxicô đã liệt kê và minh giải trong văn kiện trình bày nghị trình của triều giáo hoàng của ngài tức tông huấn “Niềm Vui Tin Mừng”. Ba tiêu chuẩn còn lại là: hợp nhất lướt thắng tranh chấp, thực tại quan trọng hơn ý niệm, toàn bộ lớn hơn thành phần.

Toàn bộ cuộc sống của người mang tên Jorge Mario Bergoglio đã được linh hứng bởi bốn nguyên tắc

trên. Linh mục Dòng Tên Diego Fares, người Á Căn Đình, khi bình luận Tông Huấn *Amoris Laetitia* trong số mới nhất của tập san “La Civiltà Cattolica”, đã trích dẫn khá nhiều nhận định từ một cuộc mạn đàm năm 1978 với Cha Bergoglio, lúc đó là giám tỉnh Dòng Tên tại Á Căn Đình, về “lãnh vực không gian hành động và cảm thức thời gian”. Theo đó, ngay khi vừa làm giám tỉnh Dòng Tên, Đức Phanxicô đã sử dụng các tiêu chuẩn hay nguyên tắc trên rồi để soi sáng một số tình thế mà tỉnh dòng đang gặp phải. Lúc ấy là năm 1974, lúc ngài mới 38 tuổi, nhập Dòng Tên được 16 năm, cử nhân triết 11 năm, làm linh mục được 5 năm và làm giám tỉnh được 1 năm, chưa qua Đức để chuẩn bị luận án tiến sĩ. Điều này chứng tỏ, bốn nguyên tắc trên hoàn toàn do suy tư riêng của ngài mà có.

Tuy nhiên, một cách minh nhiên, phải đợi tới lúc ngài qua Frankfurt, Đức năm 1986 để dọn tiến sĩ, bốn nguyên tắc trên mới được xác định thành văn dứt khoát. Luận án này không được hoàn thành, nhưng trọn phần trong “Niềm Vui Tin Mừng” nói tới bốn nguyên tắc này thực ra chỉ là chép lại một chương trong luận án tiến sĩ viết dở về nhà thần học Ý gốc Đức, Romano Guardini, mà thôi.

Hậu cảnh trên đã được chính Đức Phanxicô tiết lộ trong một cuốn sách phát hành tại Á Căn Đình năm 2014 về các năm “khó khăn” làm tu sĩ Dòng Tên: “Cho dù tôi không thể hoàn thành luận án, các nghiên cứu tôi thực hiện lúc ấy giúp tôi rất nhiều đối với những gì sẽ xảy ra sau đó, kể cả tông huấn ‘Niềm vui Tin Mừng’, vì ta thấy trọn phần nói về các tiêu chuẩn xã hội ở trong đó đã được lấy từ luận án của tôi về Guardini”.

Thành thử, điều không thể thiếu là phân tích các tiêu chuẩn trên, nếu ta muốn hiểu tư tưởng của Đức Phanxicô. Cha Giovanni Scalese cho ta một phân tích khá tường tận về các tiêu chuẩn này, các tiêu chuẩn được ngài cho là “con đường chân thực để đạt hòa bình trong mỗi quốc gia và khắp trên thế giới” (Niềm Vui Tin Mừng, số 221).

Nguyên tắc thứ nhất: thời gian lớn hơn không gian

Đây hẳn phải là nguyên tắc thân thiết nhất của Đức Phanxicô. Ngài nói đến nó lần đầu tiên trong “Ánh sáng đức tin” (số 57). Ta thấy nó lần nữa cùng với 3 nguyên tắc kia trong “Niềm vui Tin Mừng” (các số 222-225). Sau đó, nó được lồng trong “Laudato Si” (số 178). Và mới đây, hai lần, trong “Niềm Vui Yêu Thương” (các số 3 và 261).

Nguyên tắc này thoát đầu hơi khó hiểu. Nó chỉ rõ ràng hơn khi được Niềm vui Tin Mừng giải thích như sau: “Nguyên tắc này giúp chúng ta hoạt động từ từ nhưng chắc chắn, không bị ám ảnh bởi những kết quả tức thì. Nó giúp chúng ta kiên nhẫn chịu đựng những khó khăn và nghịch cảnh, hay những thay đổi không tránh khỏi trong các kế hoạch của mình. Nó mời gọi chúng ta chấp nhận sự căng thẳng giữa sự viên mãn và sự giới hạn, và dành ưu tiên cho thời gian. Một trong các khuyết điểm chúng ta thường gặp trong hoạt động chính trị-xã hội là người ta thích không gian và quyền lực hơn thời gian và các qui trình. Dành ưu tiên cho không gian có nghĩa là điên cuồng tìm cách níu kéo tất cả trong hiện tại, cố gắng chiếm hữu tất cả các không gian của quyền lực và sự tự khẳng định mình; là cô đọng các qui trình và cố níu kéo chúng. Dành ưu tiên cho thời gian có nghĩa là quan tâm tới việc khởi động các qui trình hơn là chiếm hữu không gian. Thời gian điều khiển các không gian, soi sáng chúng và biến chúng thành những mắt xích trong một chuỗi xích kéo dài, không có khả năng quay ngược trở lại. Vì vậy cái chúng ta cần là dành ưu tiên cho các hành động phát sinh các qui trình mới trong xã hội và lôi kéo sự tham gia của những người khác và những nhóm khác, những người có thể phát triển chúng tới chỗ chúng sinh hoa kết quả trong các biến cố lịch sử quan trọng. Không lo âu, nhưng đầy những xác tín rõ ràng và sự bền bỉ” (số 223).

Trong “Niềm Vui Yêu Thương”, nó còn được trình bày súc tích hơn nữa: “Điều quan trọng hơn là khởi diễn các diễn trình hơn là thống trị không gian” (số 261). Và cũng trong tông huấn này, ta thấy một áp dụng gây ngạc nhiên của nguyên tắc này: “Vì ‘thời gian lớn hơn không gian’, tôi xin minh xác điều này: không phải mọi cuộc thảo luận về các vấn đề tín lý, luân lý hay mục vụ đều cần được giải quyết thanh thỏa bởi các can thiệp của huấn quyền. Việc thống nhất giữa giáo huấn và thực hành chắc chắn là điều cần thiết trong Giáo Hội, nhưng điều này không loại trừ các cách giải thích đa dạng một số khía cạnh của giáo huấn ấy và từ đó rút ra một số hệ quả. Điều này luôn luôn đúng vì Thần Khí

hướng dẫn chúng ta hướng về sự thật toàn vẹn (xem Ga 16:13), cho tới khi Người hướng dẫn ta vào mầu nhiệm Chúa Kitô một cách trọn vẹn và giúp ta thấy mọi sự như Người thấy. Hơn nữa, mỗi quốc gia hay mỗi miền có thể tìm các giải pháp tốt hơn, thích hợp đối với văn hóa của họ và nhạy cảm đối với truyền thống và nhu cầu địa phương của họ” (số 3).

Theo Cha Scalese, ta phải thành thực nhìn nhận rằng kết luận như trên không lập tức hiển nhiên. Hình như cốt yếu của nguyên tắc này nằm ở chỗ ta không nên đồng nhất hóa mọi sự và mọi người, nhưng cho phép mọi người tự tiến tới “chân trời” của họ (các số 222 và 225).

Trong cuộc phỏng vấn của Cha Antonio Spadaro trên tạp san "La Civiltà Cattolica" ngày 19 tháng 9 năm 2013, Đức Phanxicô trình bày nguyên tắc này theo viễn ảnh thần học: “Thiên Chúa tự tỏ mình ra trong mầu nhiệm có tính lịch sử, trong thời gian. Thời gian khởi diễn các diễn trình, không gian cô đọng chúng. Thiên Chúa ở trong thời gian, ở trong các diễn trình. Chúng ta đừng tập chú vào việc chiếm hữu không gian nơi quyền lực được thi hành, mà đúng hơn nên tập chú vào việc khởi diễn các diễn trình lịch sử lâu dài. Ta phải khởi diễn các diễn trình hơn là chiếm không gian. Thiên Chúa tự tỏ mình ra trong thời gian và hiện diện trong các diễn trình lịch sử. Điều này ưu tiên hóa các hành động nhằm khai sinh ra các năng động tính lịch sử mới. Và điều này đòi kiên nhẫn, biết chờ đợi” (trang 468).

Trong tạp san “PATH” của Giáo Hoàng Hàn Lâm Thần Học Viện (số 2/2014, các trang 403-412), Cha Giulio Maspero nhận diện nguồn gốc của nguyên tắc này nơi Thánh Inhã và Thánh Gioan XXIII, được Đức Phanxicô nhắc đến trong cuộc phỏng vấn của Cha Spadaro, và nơi Thánh Pietro Favre, được trích dẫn trong Niềm Vui Tin Mừng số 171; nhưng ngài loại bỏ nguồn Romano Guardini, dù được trích dẫn trong Niềm Vui Tin Mừng số 224. Linh mục này cho rằng nguyên tắc này có “gốc rễ Ba Ngôi một cách sâu sắc” trong khi chìa khóa giải thích nó nằm ở việc khẳng định sự hiện diện và sự biểu hiện của Thiên Chúa trong lịch sử.

Nguyên tắc thứ hai: Hợp nhất lướt thắng tranh chấp

Nguyên tắc này cũng đã được phát biểu lần đầu tiên trong “Ánh Sáng Đức Tin” (số 55). Trong “Niềm Vui Tin Mừng” (các số 226-230), nó được quảng diễn chi tiết hơn. Sau cùng, ta thấy nó trong “Laudato Si” (số 198). “Niềm Vui Tin Mừng” viết như sau:

“Xung đột không thể được làm ngơ hay che giấu. Phải đối diện nó. Nhưng nếu chúng ta bị mắc kẹt trong xung đột, chúng ta mất tầm nhìn, chân trời của chúng ta bị thu nhỏ lại và chính thực tại bắt đầu tan rã. Trong xung đột, chúng ta mất ý thức về sự duy nhất sâu xa của thực tại” (số 226).

Rồi ngài mô tả ba thái độ:

“Khi xảy ra xung đột, một số người chỉ biết nhìn rồi bỏ đi như thể chẳng có gì xảy ra; họ phui tay rồi tiếp tục cuộc sống của mình. Những người khác thì bám chặt lấy nó khiến họ trở thành tù nhân của nó; họ bị mất phương hướng, phóng chiếu sự hoang mang và bất mãn của họ vào các tổ chức và vì thế làm cho không thể nào có được sự hiệp nhất. Nhưng cũng có một cách thứ ba, và đây là cách tốt nhất để xử lý xung đột. Đó là sẵn sàng trực diện với xung đột, giải quyết nó và làm nó trở thành mắt xích trong sợi dây của một qui trình mới. “Phúc cho những ai xây dựng hoà bình!” (Mt 5:9).

Thái độ thứ ba dựa trên nguyên tắc “hợp nhất lướt thắng tranh chấp” thực sự được coi là “tối thiết để xây dựng tình bằng hữu trong xã hội” (số 228). Nguyên tắc này gợi hứng cho ý niệm “đa dạng hoà giải” (số 230), được lặp đi lặp lại trong giáo huấn của Đức Phanxicô, đặc biệt, trong lãnh vực đại kết.

Theo Cha Scalese, nguyên tắc trên dường như giả định một cái nhìn biện chứng về thực tại rất giống với cái nhìn của Hegel:

“Tình liên đới, hiểu theo nghĩa sâu xa nhất và thách thức nhất của nó, trở thành một cách để làm lịch sử trong một môi trường sống mà các xung đột, căng thẳng và đối kháng có thể đạt được một sự hiệp nhất đa dạng và đem lại sức sống. Đây không phải là chọn một thái độ ba phải, hay chọn cách hoà tan người này vào người kia, nhưng là chọn một cách giải quyết trên bình diện cao hơn và giữ lại điều gì có giá trị và ích lợi ở cả hai bên” (số 228).

“Giải pháp trên bình diện cao hơn” trên nhắc ta nhớ tới “Aufhebung” (hợp đề) của Hegel. Không phải là việc tình cờ khi số 230 nhắc tới một “tổng hợp” mà tổng hợp thường giả thiết một chính đề (thesis) và một phản đề (antithesis), các cực trong một tranh chấp với nhau.

Nguyên tắc thứ ba: thực tại quan trọng hơn ý niệm

Nguyên tắc này được trình bày trong “Niềm Vui Tin Mừng” (các số 231-233) và sau đó được lồng trong “Laudato Si” (số 201).

“Cũng có một sự căng thẳng thường xuyên giữa các ý niệm và các thực tại. Các thực tại thì hiện hữu, còn các ý niệm thì được làm ra. Phải có sự đối thoại liên tục giữa thực tại và ý niệm, nếu không các ý niệm sẽ trở thành xa rời thực tại. Thật nguy hiểm khi chỉ dừng lại ở những lời nói suông, những hình ảnh và những bài diễn văn hay. Vì vậy chúng ta có một nguyên tắc thứ ba: các thực tại lớn hơn các ý niệm. Nguyên tắc này đòi chúng ta phải bác bỏ các phương tiện khác nhau nhằm che giấu thực tại: các dạng tính tuyên siêu phàm, sự chuyên chế của chủ nghĩa tương đối, những lời nói sáo rỗng, những mục tiêu lý niệm nhưng không thực tế, những nhãn hiệu của chủ nghĩa cực đoan phi lịch sử, những hệ thống đạo đức không có tình thương, những nghị luận trí thức không có minh triết” (số 231).

Xem ra nguyên tắc này dễ hiểu hơn và được chấp nhận nhiều hơn, một nguyên tắc gần hơn với triết lý truyền thống. Việc khai triển nó trong “Niềm Vui Tin Mừng” còn lồi cuồn nữa và thoát xem còn hoàn toàn có thể chấp nhận được:

“Các ý niệm, hay các khai triển có tính khái niệm (conceptual elaborations), được dùng để truyền thông, hiểu biết và thực hành. Các ý niệm tách rời khỏi thực tại thường tạo ra những hình thức duy tâm và duy danh vô bổ, cùng lắm cũng chỉ giúp phân loại và định nghĩa, nhưng chắc chắn không dẫn đến hành động. Các thực tại được lý trí soi sáng mới thúc đẩy chúng ta đến hành động. Thái độ duy danh hình thức phải nhường chỗ cho tính khách quan hài hoà. Nếu không, chân lý sẽ bị xuyên tạc, đồ mỹ phẩm sẽ thế chỗ cho sự chăm sóc thân xác thực sự” [Plato, “Gorgias”, 465] (số 232).

Trong tập san đã trích trên đây của Giáo Hoàng Hàn Lâm Thần Học Viện, Cha Giovanni Cavalcoli, trong một nhận định sáng khoái về nguyên tắc này, đã hội nhập nó vào chủ nghĩa duy thực trong nhận thức học Aristot-Tôma truyền thống. Theo Cha Scalese, vị linh mục này không xét tới hai khía cạnh quan trọng:

- *bối cảnh*, trong đó, nguyên tắc này được trình bày; đây là một bối cảnh xã hội học với nhiều vang dội có tính mục vụ. “Niềm Vui Tin Mừng” không phải là một khảo luận về triết lý nhận thức: dù xử lý một nguyên tắc triết lý, nhưng nguyên tắc này được sử dụng để khai triển việc sống chung trong xã hội và việc xây dựng một dân tộc (số 221);

- và *ngôn ngữ sử dụng*, vì đây không phải là ngôn ngữ kỹ thuật. Khi ngài nói tới việc có “những hình thức duy tâm và duy danh vô bổ”, ngài không có ý nói tới các trào lưu duy tâm và duy danh trong lịch sử, nên đã dùng chúng ở số nhiều. Hơn nữa, các hạn từ “ý niệm” hay “thực tại” ở đây được hiểu theo một nghĩa khác với nghĩa được nền nhận thức luận truyền thống vốn hiểu. “Thực tại” được nói tới trong “Niềm Vui Tin Mừng” không phải là một thực tại hoàn toàn có tính hiện tượng. “Ý niệm” không phải là việc trình tả trong tâm trí về một đối vật, nhưng như bản văn cho thấy, nó đồng nghĩa với “các khai triển có tính khái niệm” (số 232) và do đó là các khai triển “ý thức hệ”. Đáng khác, việc sử dụng các kiểu nói về hiện hữu không nên hiểu theo nghĩa ngôn ngữ kinh viện cổ truyền.

Các nhận xét trên có những hậu quả quan trọng. Nguyên tắc “thực tại quan trọng hơn ý niệm” không liên hệ gì tới “adaequatio intellectus ad rem” (sự cân phương giữa trí khôn và sự vật). Thay vào đó, nó chỉ có nghĩa ta phải chấp nhận thực tại như nó hiện là, không giả thiết phải thay đổi nó dựa vào các nguyên tắc tuyệt đối, như các nguyên tắc luân lý, vốn chỉ là các ý niệm “trừu tượng”, mà phần lớn có nguy cơ bị biến thành ý thức hệ. Nguyên tắc này nằm ở nền tảng các luận điểm liên tục của Đức Phanxicô nhằm chống lại học lý. Về phương diện này, điều có ý nghĩa là câu khẳng định của Đức

Phanxicô trong cuộc phỏng vấn của tờ “La Civiltà Cattolica”:

“Nếu người Kitô hữu là người duy phục hồi, duy luật pháp, nếu người này muốn mọi sự phải rõ ràng và an toàn, thì họ chẳng tìm được gì. Truyền thống và kỷ ức dĩ vãng phải giúp ta có can đảm mở ra những lãnh vực mới cho Thiên Chúa. Những ai ngày nay luôn tìm các giải pháp kỹ luật, những ai chỉ mong sự ‘an toàn’ cường điệu về tín lý, những ai ương cố tìm cách phục hồi một quá khứ đã không còn nữa, thì chỉ nhìn sự vật một cách tĩnh tại và hướng vào bên trong mà thôi. Với cách đó, đức tin trở thành một ý thức hệ trong số các ý thức hệ khác” (các trang 469-470).

Nguyên tắc thứ tư: toàn thể lớn hơn thành phần

Ta thấy nguyên tắc này được trình bày rộng rãi trong “Niềm Vui Tin Mừng” (các số 234-237) và sau đó được tóm lược trong “Laudato Si” (số 141):

“Toàn thể lớn hơn thành phần, nhưng cũng lớn hơn tổng số các thành phần. Vì vậy, không cần bị ám ảnh quá nhiều bởi những vấn đề hạn hẹp và riêng biệt. Chúng ta cần không ngừng mở rộng chân trời của mình để thấy cái tốt lớn hơn mà tất cả chúng ta đều được hưởng. Nhưng phải làm điều này mà không tìm cách trốn tránh hay nhô bỏ gốc rễ. Chúng ta cần cắm sâu các gốc rễ của mình vào mảnh đất phì nhiêu và lịch sử của quê quán mình, đó là một quà tặng của Thiên Chúa. Chúng ta có thể làm ở qui mô nhỏ, trong khu vực chúng ta ở, nhưng với một nhãn quan rộng hơn. Và những người sống hết lòng trong một cộng đồng cũng không cần mất đi cá tính hay che giấu căn tính của họ; trái lại, họ nhận được những động lực mới để thăng tiến bản thân. Không cần bóp nghẹt cái toàn thể, cũng không cần làm cho cái đặc thù trở nên cằn cỗi” (Niềm Vui Tin Mừng, số 235).

Ta phải đánh giá cao đối với cố gắng nhằm duy trì với nhau hai cực vốn ở thế căng thẳng với nhau: toàn thể và thành phần, và là hai cực được Niềm Vui Tin Mừng đồng nhất hóa với “hoàn cầu hóa” và “địa phương hóa” (số 234). Việc nhìn nhận thành phần, một thành phần không được mất đi trong toàn thể, đã được tượng trưng bằng một hình ảnh hình học rất thân thiết đối với Đức Phanxicô, tức hình ảnh khối đa diện (polyhedron), tương phản với khối hình cầu (số 236).

Theo Cha Scalese, trong cách phát biểu của nó, nguyên tắc này dường như không nói lên được sự cân bằng giữa toàn thể và thành phần. Nó công khai nói tới tính trội hơn của toàn thể so với các thành phần. Trong khi ấy, học thuyết xã hội của Giáo Hội cho rằng con người là hữu thể xã hội ngay trong họ, nhưng đồng thời tái khẳng định tính ưu vị của họ và việc không thể giản lược họ vào cơ thể xã hội (Toát Lược Học Thuyết Xã Hội Công Giáo, các số 125 và 149; Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, các số 1878-1885). Hơn nữa, theo quan điểm chủ giải, không nên mô tả mối liên hệ giữa toàn thể và các thành phần theo kiểu hơn thua mà theo kiểu vòng tròn: toàn thể phải được giải thích dưới ánh sáng các thành phần; và các thành phần phải được giải thích dưới ánh sáng toàn thể.

Kết luận

Việc có những phân cực trong thực tế đời sống ta là một sự kiện khó có thể bác bỏ. Điều quan trọng là thái độ ta cần có khi đối diện với các căng thẳng trong trải nghiệm hàng ngày. Xem xét cả bốn nguyên tắc nói trên như một toàn thể, xem ra ta phải kết luận rằng thái độ thích đáng nhất quả là thái độ đem các cực đối nghịch nhau lại với nhau, nhưng với giả thiết này: một trong hai cực cao hơn cực kia: thời gian lớn hơn không gian; hợp nhất thắng lướt tranh chấp; thực tại quan trọng hơn ý niệm; toàn thể lớn hơn thành phần.

Như thế, điều cần là luôn phải “quản trị” các căng thẳng; nói cách khác, bao lâu ta còn sống ở đời này, thì các căng thẳng này sẽ không bao giờ được vượt qua cách dứt khoát cả. Sẽ là một lầm lẫn lớn nếu đứng hẳn về một cực để chống lại cực kia, như thể sự thiện đều dồn về một phía còn phía kia chỉ có sự ác. Đó là tác phong của nhóm Manikêô (lưỡng nguyên) vốn bị Giáo Hội lên án. Kitô hữu không phải là người của “aut aut” (tiếng Latinh có nghĩa: hoặc là hoặc là) mà là của “et et” (tiếng Latinh có nghĩa: và và). Ở đời này, có chỗ, và phải có chỗ, cho mọi sự: cho thời gian và cho không gian, cho hợp nhất và cho đa dạng, cho thực tại và ý niệm, cho toàn thể và thành phần. Không điều gì bị loại

trừ, mà không làm cho thực tại mất cân bằng, điều sẽ dẫn tới các tranh chấp tàn hại.

Một nhận xét khác nữa có thể đưa ra vào lúc này là: việc trình bày bốn nguyên tắc này cho thấy rõ: trong hành động của con người, không thể tránh được việc để mình được hướng dẫn bởi một số nguyên tắc vốn có bản chất trừu tượng. Do đó, sẽ là điều vô ích nếu cứ tranh cãi nhau về tính trừu tượng của “học lý”, tương phản nó bằng một “thực tại” mà ta phải thích ứng với. Thực tại, nếu không được soi sáng, hướng dẫn, và xếp đặt bởi một số nguyên tắc, nguy cơ sẽ biến thành hỗn loạn.

Áp dụng vào Đức Phanxicô, ta nên nhớ ngài đưa bốn nguyên tắc trên ra, làm nổi bật chúng, trong bối cảnh mục vụ, nên ngài có thiên về thực tại, hành động, hơn là lý thuyết hay học lý hay tín lý. Nhưng ngài không chối bỏ tín lý, qua câu nói thời danh: về tín lý, ngài là người con của Giáo Hội. Hơn nữa, khi đưa ra chữ “hơn” trong cả bốn nguyên tắc nói trên, ngài không hề loại về kém hơn của phương trình. Hơn bất cứ ai khác, Đức Phanxicô là người của “et et” chứ không phải là người của “au taut”, nói theo kiểu nói của Cha Scalese

Bài phát biểu của Đức Tổng Giám Mục Georg Gänswein về “giáo hoàng hoạt động và giáo hoàng chiêm niệm”

(Ngày 01/06/2016)

Trong lịch sử Giáo Hội, đã có thời (1378-1417) có tới 2 hay 3 giáo hoàng, rồi băng đi tới 6 thế kỷ, tức tới ngày 13 tháng 3 năm 2013, hiện tượng ấy mới lại tái diễn. Tuy nhiên, có sự khác nhau lớn. Hai, ba vị giáo hoàng thời 1378-1417 đều cho rằng mình đang cai trị toàn bộ “Giáo Hội duy nhất, thánh thiện, Công Giáo và tông truyền”, còn hai vị giáo hoàng từ năm 2013 không như thế: chỉ có một vị coi mình là cai trị toàn thể Giáo Hội, còn vị kia chính thức coi mình rút lui khỏi thừa tác vụ hoạt động để lui vào thừa tác vụ cầu nguyện và đồng khổ (compassion). Trong ngôn ngữ chính thức thì một vị là Giáo Hoàng, vị kia là Giáo Hoàng Hưu Trí. Cả hai vị đều ăn vận hâu như nhau và cùng cư ngụ bên trong Vatican, chỉ khác một điều: một vị ở tông điện (chính thức, nhưng thực tế sống ở Nhà Khách Santa Marta), vị kia ở một đan viện đã chỉnh trang.

Liên hệ giữa hai vị là một liên hệ tuyệt diệu, được chính vị Giáo Hoàng hoạt động, thay mặt con cái tín hữu của mình mô tả là liên hệ “ông cháu trong gia đình”, do đó là cha con giữa hai vị mà đi đâu và làm gì cũng đến vắn an nhau. Cho đến nay, liên hệ ấy vẫn rất đậm đà. Và mùi đậm đà ấy, người tín hữu nào cũng cảm nhận được. Thành thử, không ít người “cau mày” khi nghe Đức Tổng Giám Mục Georg Gänswein, thư ký của Giáo Hoàng Hưu Trí và là chủ tịch Phủ Giáo Hoàng hiện nay của Giáo Hoàng Hoạt Động nói rằng: chúng ta đang sống với hai vị thừa nhiệm Thánh Phêrô và cả hai vị này đều đang tham dự vào Thừa Tác Vụ Phêrô (munus petrinum), một thừa tác vụ đã được Giáo Hoàng Hưu Trí mở rộng lần đầu tiên trong lịch sử.

Để hiểu được nhận định của một người thân tín với cả hai vị giáo hoàng hiện nay, tức Đức Tổng Giám Mục Georg Gänswein, ta nên đọc toàn văn bài phát biểu của ngài ngày 20 tháng Năm, 2016, nhân dịp ra mắt cuốn sách của Linh Mục Giáo Sư Roberto Regoli tại Đại Học Gregoriana, *Beyond the Crisis of the Church – The Pontificate of Benedict XVI* (Bên kia Cuộc Khủng Hoảng của Giáo Hội: Triều Giáo Hoàng của Đức Bênêđictô XVI), viết về Đức Giáo Hoàng Hưu Trí Bênêđictô XVI.

Đại cương, theo bài phát biểu trên, không hề có hai vị giáo hoàng, “nhưng trên thực tế, có một thừa tác vụ mở rộng, với một thành viên hoạt động và một thành viên chiêm niệm”.

Điều gây ngạc nhiên là nhận định tiếp theo: “đó là lý do khiến Đức Bênêđictô XVI không từ bỏ cả danh hiệu lẫn áo dài trắng. Đó là lý do khiến danh hiệu chính xác để xưng hô với ngài cả ngày nay nữa là ‘Thưa Đức Thánh Cha’ (Your Holiness) và đó cũng là lý do ngài không lui về một đan viện hẻo lánh, nhưng sống ngay trong Vatican, như thế ngài chỉ bước qua một bên để nhường chỗ cho vị kế nhiệm của mình và cho một giai đoạn mới của lịch sử ngôi vị giáo hoàng mà chính ngài, bằng biện pháp trên, đã phong phú hóa với ‘trạm phát điện’ của lời cầu nguyện và sự đồng khổ đặt tại Vườn

Vatican”.

Sau đây là toàn văn bài phát biểu dựa theo bản tiếng Anh của tạp chí Aleteia:

Kính thưa các đức Hồng Y, các Đức Cha, quý tu sĩ, quý bà và quý ông!

Trong cuộc nói chuyện cuối cùng mà người viết tiểu sử của Đức Giáo Hoàng, Ông Peter Seewald ở Munich, có được với Đức Bênêđictô XVI, khi chào tạm biệt, ông hỏi ngài “Đức Thánh Cha là kết thúc của điều cũ hay là khởi đầu của điều mới?” Câu trả lời của Đức Giáo Hoàng rất vắn nhưng chắc nịch: “cả hai”, ngài nói thế. Máy ghi âm lúc ấy đã tắt; nên câu trao đổi cuối cùng này đã không thấy trong bất cứ cuốn phỏng vấn nào của Peter Seewald, cả cuốn thời danh là *Ánh Sáng Thế Gian*. Nó chỉ xuất hiện trong cuộc phỏng vấn của tờ Corriere della Sera sau khi Đức Bênêđictô XVI tuyên bố từ chức, trong đó, người viết tiểu sử nhắc lại các lời then chốt ấy, các lời, phần nào, đã trở thành châm ngôn cho cuốn sách của Cha Roberto Regoli mà chúng tôi đang ra mắt hôm nay tại Đại Học Gregoriana.

Thực vậy, tôi phải nhìn nhận rằng có lẽ không thể tóm tắt triều giáo hoàng của Đức Bênêđictô XVI một cách xúc tích hơn được. Và người nói điều này, trong nhiều năm qua, từng có đặc ân được cảm nghiệm vị giáo hoàng này một cách gần gũi như một “homo historicus” (con người lịch sử), con người Tây Phương *par excellence* (tuyệt vời) từng là hiện thân của truyền thống phong phú Công Giáo hơn bất cứ người nào khác; và, đồng thời, là con người mạnh dạn đủ để mở ra cả một giai đoạn mới, cả một khúc quanh lịch sử mà không ai 5 năm trước dám tưởng nghĩ. Kể từ đó, ta sống trong một kỷ nguyên lịch sử chưa từng có trong suốt 2000 năm lịch sử Giáo Hội.

Thời Thánh Phêrô cũng như thời nay, Giáo Hội duy nhất, thánh thiện, Công Giáo và tông truyền liên tiếp chỉ có một vị giáo hoàng hợp pháp. Nhưng ngày nay, chúng ta đang sống với hai vị kế nhiệm Thánh Phêrô vẫn còn sống giữa chúng ta: các vị không sống trong một mối liên hệ tranh chấp nhau, nhưng cả hai vị đều hiện diện cách phi thường! Chúng ta dám nói thêm rằng tinh thần của Joseph Ratzinger đã ghi một dấu ấn dứt khoát lên triều giáo hoàng lâu dài của Thánh Gioan Phaolô II, người mà ngài đã trung thành phục vụ gần 1 phần tư thế kỷ trong tư cách Bộ Trưởng Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin. Cả ngày nay, nhiều người vẫn tiếp tục coi tinh thể mới này như một loại trạng thái phi thường của thừa tác vụ Phêrô do Thiên Chúa thiết lập.

Nhưng đã đến lúc lượng giá triều giáo hoàng của Đức Bênêđictô XVI chưa? Nói một cách tổng quát, trong lịch sử Giáo Hội, các vị giáo hoàng chỉ có thể được phán đoán và xếp loại một cách chính xác sau khi đã rời nhiệm sở (ex post). Và để chứng minh cho điểm này, chính Cha Regoli đã nhắc đến trường hợp Đức Grêgôriô VII, vị giáo hoàng cải tổ vĩ đại thời Trung Cổ, một vị giáo hoàng, về cuối đời, đã chết lưu đầy ở Salerno, bị người đương thời coi như thất bại. Ấy thế nhưng, dù giữa nhiều tranh cãi ở thời ngài, Đức Grêgôriô VII vẫn là vị giáo hoàng đã dứt khoát lên khuôn cho bộ mặt của Giáo Hội trong nhiều thế hệ sau đó. Thế cho nên, Giáo Sư Regoli quả là người can đảm khi cố gắng đánh giá triều giáo hoàng của Đức Bênêđictô XVI, dù ngài vẫn còn sống.

Số lượng chất liệu có phê phán được ngài duyệt xét và phân tích cho mục đích trên rất bao la và gây ấn tượng. Thực vậy, Đức Bênêđictô XVI cũng hiện diện và vẫn còn hiện diện cách phi thường trong các trước tác của ngài: cả các trước tác khi làm giáo hoàng (ba cuốn nói về Chúa Giêsu thành Nadarét và 16 cuốn “Giảng Dạy” suốt trong triều giáo hoàng của ngài), lẫn các trước tác khi làm Giáo Sư Ratzinger hay Hồng Y Ratzinger, các trước tác có thể chứa đầy một thư viện nhỏ.

Do đó, công trình của Giáo Sư Regoli không thiếu các ghi chú, mà số lượng cũng nhiều như các kỷ niệm chúng đánh thức nơi tôi. Vì tôi có mặt khi Đức Bênêđictô XVI tháo chiếc nhẫn Ngự Phủ ra lúc chấm dứt sứ vụ của ngài, như thói quen sau cái chết của một vị giáo hoàng, dù trong trường hợp này, ngài vẫn còn sống! Đàng khác, tôi có mặt khi ngài quyết định không bỏ danh hiệu ngài đã chọn, như Đức Giáo Hoàng Celestinô V đã làm khi, ngày 13 tháng Mười Hai, năm 1295, chỉ mấy tháng sau khi bắt đầu thừa tác vụ của mình, ngài bắt đầu trở thành Pietro dal Morrone.

Từ tháng Hai năm 2013, thừa tác vụ giáo hoàng, do đó, đã không còn như trước nữa. Nó là và vẫn là nền tảng của Giáo Hội Công Giáo; ấy thế nhưng là một nền tảng đã được Đức Bênêđictô XVI biến đổi một cách sâu xa và vĩnh viễn trong triều giáo hoàng phi thường của ngài, một việc mà Đức Hồng Y Sodano, trong một phản ứng đơn sơ và trực tiếp ngay sau việc từ chức đầy ngạc nhiên này, đầy xúc động và gần như ngỡ ngàng, đã lớn tiếng nói rằng tin trên giáng xuống các vị Hồng Y đang tụ họp “như một cú sét đánh giữa trời quang mây tạnh”.

Việc ấy xảy ra buổi sáng thì buổi tối cùng ngày lần sét với tiếng động kinh hồn đã đánh trúng đỉnh vòm Nhà Thờ Thánh Phêrô, toạ lạc ngay trên mộ của Thủ Lãnh Các Tông Đồ. Thật họa hiểm vũ trụ mới đồng hành với một khúc quanh lịch sử cách cảm kích đến thế. Nhưng buổi sáng ngày 11 tháng Hai năm ấy, niên trưởng Hồng Y Đoàn, Angelo Sodano, đã kết thúc bài diễn văn đáp lại lời tuyên bố của Đức Bênêđictô XVI bằng một sự lượng giá cũng có tính vũ trụ như thế về triều giáo hoàng của ngài, khi kết luận rằng: “Chắc chắn, các vì sao trên bầu trời sẽ luôn luôn chiếu sáng thế nào, thì ngôi sao của triều giáo hoàng của ngài cũng luôn chiếu sáng như thế giữa chúng ta”.

Việc trình bày thấu suốt và đầy đủ tài liệu của Cha Regoli về các giai đoạn khác nhau của triều giáo hoàng này cũng xuất sắc và đầy tính soi sáng không kém. Nhất là việc bắt đầu của nó tại mật nghị hội bầu giáo hoàng tháng Tư năm 2005; từ mật nghị hội này, [Đức Hồng Y] Joseph Ratzinger đã được bầu, sau một trong những cuộc đầu phiếu ngắn nhất của lịch sử Giáo Hội, vì chỉ gồm 4 lần đầu phiếu, sau một cuộc đua tranh khá cảm kích giữa nhóm gọi là “Muối Đất” qui tụ quanh các vị Hồng Y López Trujillo, Ruini, Herranz, Rouco Varela và Medina và nhóm gọi là “Thánh Gallen” gồm các vị Hồng Y Danneels, Martini, Silvestrini và Murphy-O’Connor, nhóm mà gần đây Đức Hồng Y Danneels của Brussels gọi đùa là “một thứ câu lạc bộ Mafia”. Cuộc bầu cử chắc chắn cũng còn là kết quả một cuộc xung đột mà chìa khóa để hiểu nó đã được chính Đức Hồng Y Ratzinger, trong tư cách niên trưởng Hồng Y đoàn, đã cung cấp trong bài giảng lịch sử ngày 18 tháng Tư năm 2005 tại Công Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô; nói chính xác hơn, trong bài giảng đó, ngài đã tương phản “nền độc tài của chủ nghĩa duy tương đối không thừa nhận bất cứ điều gì là nhất định và mục đích tối hậu của chủ nghĩa này nằm ở cái tôi và dục vọng của riêng nó mà thôi” với một thước đo khác: “Con Thiên Chúa, và là con người đích thực” chính là “thước đo của chủ nghĩa nhân bản thực sự”. Hôm nay, chúng ta đọc phần này trong cuộc phân tích thông minh của Cha Regoli gần như một tiểu thuyết trinh thám mới đầy hồi hộp về những gì mới xảy ra không bao lâu; dù “nền độc tài của chủ nghĩa duy tương đối” đã tự phát biểu nó ra từ lâu qua nhiều kênh của tin tức truyền thông, nhưng năm 2005, ít người tưởng nghĩ tới nó.

Tên mà vị tân giáo hoàng lấy ngay sau khi được bầu, do đó, đã nói lên một kế hoạch. [Đức Hồng Y] Joseph Ratzinger đã không trở thành Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô III, như nhiều người mong muốn. Thay vào đó, ngài trở lui tới Đức Bênêđictô XV, vị giáo hoàng vĩ đại ít được chú ý và kém may mắn của hòa bình trong các năm chiến tranh khủng khiếp của Thế Chiến I, và tới Thánh Bênêđictô thành Norcia, tổ phụ của phong trào đơn tu và là bôn mạng Âu Châu. Tôi giống như một nhân chứng hàng đầu để có thể chứng thực rằng trong mấy năm trước đó, Đức Hồng Y Ratzinger không hề vận động để leo lên chức vụ cao cấp nhất trong Giáo Hội Công Giáo.

Thay vào đó, ngài chỉ mơ ước có được điều kiện để viết nốt một vài cuốn sách cuối cùng trong bình an và yên tĩnh. Mọi người đều biết sự việc đã đi theo hướng khác. Thành thử, tại Nhà Nguyện Sistine, trong cuộc bầu cử, tôi là nhân chứng tận mắt, thấy rõ ngài coi cuộc bầu cử như một “cú sốc thực sự”, khá “bật ngửa” và ngài cảm thấy “choáng váng” ngay khi hiểu ra rằng “chiếc riu” bầu cử đã đánh trúng ngài. Không phải tôi tiết lộ điều gì bí mật ở đây, vì chính Đức Bênêđictô XVI đã thú nhận tất cả các chi tiết ấy một cách công khai nhân dịp tiếp kiến lần đầu tiên các khách hành hương từ Đức qua Vatican. Và không lạ gì, ngay sau khi được bầu, Đức Bênêđictô XVI đã yêu cầu tín hữu cầu nguyện cho ngài, như cuốn sách này đã nhắc nhở chúng ta.

Cha Regoli đã mô tả các năm thừa tác vụ khác nhau một cách hấp dẫn và cảm kích, nhắc lại kỹ năng và niềm tự tin trong cách thức Đức Bênêđictô XVI thừa hành sứ vụ của ngài. Kết quả là: chỉ mấy tháng sau khi được bầu, ngài đã dám mời tới nói chuyện riêng cả địch thủ đáng sợ cũ là Hans Küng lẫn Oriana Fallaci, vốn là một mệnh phụ bất khả tri và hay tranh đấu gốc Do Thái, đang làm việc cho

giới truyền thông thế tục Ý; ngài còn dám cử Werner Arber, một người Tin Lành Thụy Sĩ và lãnh giải Nobel làm Chủ tịch không Công Giáo đầu tiên của Giáo Hoàng Hàn Lâm Viện Khoa Học Xã Hội. Cha Regoli không che đậy lời tố cáo về việc không hiểu biết đủ về người đời mà người ta thường đưa ra chống lại nhà thần học sáng chói nay đang mang giày Ngự Phủ này; một người có khả năng đánh giá các bản văn và các cuốn sách khó hiểu một cách thực sự sâu sắc, ấy thế nhưng năm 2010, đã thành thực tỏ lộ với Peter Seewald rằng thật khó đưa ra quyết định đối với người ta vì “không ai đọc được lòng một người khác”. Câu ấy đúng xiết bao!

Cha Regoli chính xác gọi năm 2010 là “năm đen tối” đối với Đức Giáo Hoàng, chính là vì liên quan tới tai nạn thảm khốc, gây tử thương cho Manuela Camagni, một trong bốn *Memores Domini* (Người Tưởng Nhớ Chúa) thuộc “gia đình nhỏ của Đức Giáo Hoàng”. Tôi chắc chắn có thể làm chứng cho điều này. So với sự không may này, các chấn động gay gắt do truyền thông tải đi về những năm tháng này, từ vụ giám mục duy truyền thống Williamson tới hàng loạt các vụ tấn kích càng ngày càng mãnh chống lại Đức Giáo Hoàng, dù khá hữu hiệu, vẫn không khiến trái tim ngài đau đớn bằng cái chết của Manuela, một người bỗng bị lấy đi đột ngột khỏi chúng tôi. Đức Bênêđictô XVI không phải là vị “giáo hoàng kịch sĩ”, càng không phải là vị “giáo hoàng người máy”; dù ngồi trên ngai toà Phêrô, ngài vẫn là và mãi là một con người; hoặc, như Conrad Ferdinand Meyer thường nói, ngài không phải là một “cuốn sách khéo léo”, mà là “một con người với những mâu thuẫn của ngài”. Và đó là cách chính tôi hàng ngày có khả năng nhận ra và đánh giá ngài. Và cho đến nay, ngài vẫn như thế.

Tuy nhiên, Cha Regoli nhận xét rằng sau thông điệp cuối cùng, tức *Caritas in veritate* ngày 4 tháng Mười Hai, năm 2009, triều giáo hoàng canh tân với ý lực mạnh mẽ về phụng vụ, đại kết và giáo luật này bỗng nhiên “chậm hẳn lại”, bị cản trở, mắc cạn. Dù quả thực các ngọn gió ngược có gia tăng trong các năm sau đó, nhưng tôi không thể xác nhận phán đoán này. Các cuộc tông du của Đức Bênêđictô XVI tới Anh (2010), tới Đức và Erfurt, thành phố của Luther (2011), hay tới Trung Đông, tới với các Kitô Hữu được quan tâm tại Lebanon (2012), tất cả đều là những mốc lịch sử có tính đại kết trong mấy năm gần đây. Các cố gắng cương quyết của ngài nhằm giải quyết vấn đề lạm dụng tình dục là và vẫn là những chỉ dẫn dứt khoát đối với việc giải quyết vấn đề. Và lại, trước ngài, đã có vị giáo hoàng nào, dù với một trách nhiệm nặng nề như trách nhiệm của ngài, đã viết được các cuốn sách về Chúa Giêsu thành Nadarét, những cuốn sách cũng đã được coi như di sản quan trọng nhất của ngài chưa?

Ở đây, cũng không cần tôi phải lưu lại lâu ở việc ngài, vốn đã khốn đốn với cái chết đột ngột của Manuela Camagni, sau đó còn khốn đốn vì sự phản bội của Paolo Gabriele, người cũng thuộc “gia đình nhỏ của Đức Giáo Hoàng”. Nhưng đây là dịp tốt để tôi nói lần chót và một cách rõ ràng rằng Đức Bênêđictô, xét cho cùng, không từ chức vì người phụ tá quản gia đáng thương và lầm lẫn này, hay vì những “mẫu tin vụn vặt” từ căn hộ của ông ta, những mẫu tin, trong vụ gọi là “rò rỉ Vatican”, được truyền bá như thứ vàng dỏm ở Rôma nhưng được trao đổi như thứ vàng nén thật sự ở các nơi khác trên thế giới. Không người phản bội hay “con quạ” nào (tiếng lóng của báo chí Ý chỉ nguồn gây ra Vatileaks) hay nhà báo nào có khả năng đẩy ngài tới quyết định đó. Tai tiếng đó quá nhỏ không thể gây ra một việc như thế được, và cái bước được dẫn đo suy nghĩ chín chắn mang ý nghĩa thiên niên lịch sử của Đức Bênêđictô XVI lớn hơn thế nhiều.

Việc trình bày của Cha Regoli về các biến cố này cũng đáng được xem xét vì Cha đã không đẩy mạnh chủ trương mà Cha thăm dò và giải thích về biện pháp sau cùng và khá lạ lùng này, bằng cách không làm phong phú rất nhiều truyền thuyết với các giả thuyết không liên quan gì tới thực tại. Cả tôi nữa, trong tư cách người mục kích biện pháp hết sức đáng lưu ý và bất ngờ của Đức Bênêđictô XVI, tôi phải nhìn nhận rằng điều tôi luôn nghĩ tới là câu châm ngôn nổi tiếng và sáng chói được John Duns Scotus, ở Thời Trung Cổ, dùng để biện minh cho sắc chỉ của Thiên Chúa muốn Mẹ Thánh của Người được vô nhiễm thai:

“Decuit, potuit, fecit”

Nghĩa là: điều ấy thích đáng, vì nó hữu lý. Và vì Thiên Chúa có thể làm điều ấy, nên Người đã làm nó. Tôi xin áp dụng châm ngôn trên vào quyết định từ chức như sau: điều ấy thích đáng, vì Đức

Bê-nê-díc-tô XVI biết rõ ngài thiếu sức khỏe cần thiết để tiếp tục thi hành chức vụ cực kỳ nặng nhọc ấy. Ngài có thể làm điều ấy vì ngài đã suy nghĩ thấu đáo khả thể có các vị giáo hoàng hưu trí trong tương lai, theo quan điểm thần học. Nên ngài đã làm điều ấy.

Việc từ chức hết sức quan trọng của vị giáo hoàng thần học gia nói lên một bước tiến, chủ yếu do sự kiện này: ngày 11 tháng Hai năm 2013, nói bằng tiếng Latinh trước các vị Hồng Y đầy ngạc nhiên, ngài đưa vào Giáo Hội Công Giáo một định chế mới, đó là định chế “giáo hoàng hưu trí”, khi nói rằng sức khỏe của ngài không còn đầy đủ nữa “để thi hành thừa tác vụ Phê-rô”. Chữ then chốt trong lời tuyên bố vừa rồi là chữ *munus petrinum*, một chữ quen được dịch là “thừa tác vụ Phê-rô”. Nhưng thực ra, trong tiếng Latinh, “munus” có khá nhiều nghĩa khác nhau: nó có thể có nghĩa phục vụ, bổn phận, hướng dẫn hay hồng ân, cả kỳ diệu nữa. Trước và sau khi từ chức, Đức Bê-nê-díc-tô hiểu và vẫn hiểu nhiệm vụ của ngài là tham dự vào “thừa tác vụ Phê-rô” như thế. Ngài rời khỏi ngài giáo hoàng, thế nhưng, với biện pháp ngày 11 tháng Hai, năm 2013, ngài không hề bỏ rơi thừa tác vụ này. Thay vào đó, ngài đã bổ túc chức vụ có tính bản vị (personal office) này bằng một chiều kích hợp đoàn và công đồng đoàn, như một thừa tác vụ gần như chia sẻ (tiếng Anh: a quasi shared ministry, tiếng Đức: als einen quasi gemeinsamen Dienst); như thế, qua biện pháp này, ngài muốn lặp lại một lần nữa lời mời vẫn chứa đựng trong khẩu hiệu ngài từng chọn lúc làm Tổng Giám Mục Munich và Freising và dĩ nhiên ngài lưu giữ lúc lên làm Giám Mục Rô-ma: “cooperatores veritatis” có nghĩa: “những người cùng làm công trong sự thật”. Quả thực, khẩu hiệu này không ở số ít mà là ở số nhiều; nó được rút ra từ câu thứ 8 trong Thư Thứ Ba của Thánh Gioan: “Chúng ta phải nâng đỡ những người như thế, để chúng ta trở nên những người cùng làm công trong sự thật”.

Cho nên, từ ngày vị kế nhiệm ngài là Phanxicô được bầu vào ngày 13 tháng Ba, năm 2013, không phải đang có hai vị giáo hoàng, nhưng trên thực tế, là một thừa tác vụ mở rộng, với một thành viên hoạt động và một thành viên chiêm niệm. Chính vì thế, Đức Bê-nê-díc-tô XVI đã không từ bỏ cả danh hiệu lẫn chiếc áo dài trắng. Chính vì thế, danh xưng đúng đắn để ngỏ với ngài cho đến nay vẫn là “thưa Đức Thánh Cha” (Your Holiness); và cũng chính vì thế ngài không lui về một đan viện hẻo lánh, nhưng ngay bên trong Vatican, như thế ngài chỉ bước qua một bên nhường chỗ cho vị kế nhiệm mình và cho một giai đoạn mới trong lịch sử ngôi vị giáo hoàng, một ngôi vị, với biện pháp này, ngài đã phong phú hóa bằng một “trạm điện” gồm các lời cầu nguyện và đồng khổ (compassion) của ngài tọa lạc trong Vườn Vatican.

Cha Regoli viết về điều trên rằng đây quả là “một biện pháp bất ngờ trong Đạo Công Giáo hiện nay”, ấy thế nhưng đây là một khả thể mà Đức Hồng Y Ratzinger từng công khai xem xét vào ngày 10 tháng Tám, năm 1978 tại Munich, trong một bài giảng nhân dịp Đức Phaolô VI qua đời. Ba mươi lăm năm sau, ngài vẫn chưa bỏ rơi Thừa Tác Vụ Phê-rô, một điều hoàn toàn bất khả hữu đối với ngài sau khi ngài đã chấp nhận chức vụ một cách bất phản hồi vào tháng Tư, năm 2005. Thay vào đó, bằng một hành vi can đảm phi thường, ngài đã đổi mới thừa tác vụ này (ngược với cả ý kiến của nhiều cố vấn rất thiện chí và rất có khả năng). Và với cố gắng sau cùng, ngài đã làm thừa tác vụ này vững mạnh (tôi hy vọng thế). Dĩ nhiên, chỉ có lịch sử mới chứng minh được điều vừa nói. Nhưng trong lịch sử Giáo Hội, điều vẫn đúng là trong năm 2013, nhà thần học thời danh trên tòa Phê-rô đã trở thành vị “giáo hoàng hưu trí” đầu tiên trong lịch sử. Kể từ đó, xin cho tôi được phép nhắc lại một lần nữa, vai trò của ngài hoàn toàn khác với vai trò của Đức Giáo Hoàng Celestinô thứ V chẳng hạn, vị giáo hoàng, sau khi từ chức năm 1294, những muốn lui về làm một nhà ẩn sĩ, nhưng thay vào đó, đã trở thành tù nhân của vị kế nhiệm, Bônifaxiô VIII (vị giáo hoàng đã thiết lập việc mở năm thánh). Thực thế, cho đến nay, chưa có biện pháp nào như biện pháp Đức Bê-nê-díc-tô XVI đã đưa ra. Thành thử không ngạc nhiên gì khi nó được một số người coi là cách mạng, hay ngược lại hoàn toàn nhất quán với Tin Mừng; trong khi đó, nhiều người khác coi ngôi vị giáo hoàng như thế đã bị thế tục hóa như chưa bao giờ có trước đó, và do đó, có tính hợp đoàn và thiết thực hơn, thậm chí nhân bản hơn và ít thánh thiêng hơn. Lại có những người có ý kiến cho rằng Đức Bê-nê-díc-tô XVI, với biện pháp này, gần như đã phi huyền thoại hóa ngôi vị giáo hoàng, nếu nói theo ngôn ngữ thần học và phê bình lịch sử.

Trong cuộc tổng duyệt triều giáo hoàng (của Đức Bê-nê-díc-tô XVI) này, Cha Regoli rõ ràng đã đề cập đến đủ mọi khía cạnh như chưa từng có trước đây. Có lẽ phần cảm kích nhất đáng đọc đối với tôi là chỗ, với đoạn trích dẫn dài, Cha đã nhắc đến buổi yết kiến chung lần chót của Đức Giáo Hoàng

Bênêđictô XVI vào ngày 27 tháng Hai, năm 2013, khi, dưới bầu trời hết sức trong sáng, ngay trước khi từ chức hẳn, ngài đã tóm tắt triều giáo hoàng của mình như sau:

“Trong cuộc hành trình của Giáo Hội, đã có những thời điểm hết sức hân hoan và đầy ánh sáng, nhưng cũng có những khoảnh khắc không dễ dàng gì; tôi từng cảm nhận như Thánh Phêrô với các Tông Đồ trong con thuyền trên Biển Galilê: Chúa đã ban cho chúng ta nhiều ngày nắng ráo gió nhẹ, những ngày bắt được nhiều cá; cũng có những ngày nước nổi sóng và gió thổi ngược, giống như suốt lịch sử Giáo Hội, và Chúa xem ra như đang thiếp ngủ. Nhưng tôi luôn biết rằng Chúa đang ở trong thuyền ấy, và tôi luôn biết rằng con thuyền Giáo Hội không phải của tôi, cũng không phải của chúng ta, mà là của Người. Chúa cũng không thể để nó chìm; chính Người hướng dẫn nó, chắc chắn cũng nhờ những con người mà Người đã chọn, vì Người muốn như thế. Điều ấy đã là và hiện vẫn là một điều chắc chắn mà không điều gì có thể che mờ được”.

Tôi phải thừa nhận rằng: đọc lại các lời lẽ trên vẫn còn làm tôi chảy nước mắt, có khi còn chảy nước mắt hơn nữa vì tôi đích thân và rất gần gũi thấy Đức Giáo Hoàng Bênêđictô, vì chính ngài và vì thừa tác vụ của ngài, đã trung thành một cách vô điều kiện biết chừng nào đối với lời lẽ của Thánh Bênêđictô rằng “không được đặt bất cứ điều gì trước tình yêu Chúa Kitô”, *nihil amori Christi praeponere*, một câu đã được xác định thành luật và được Đức Giáo Hoàng Grêgôriô Cả truyền lại cho ta. Tôi là nhân chứng của điều đó, nhưng tôi vẫn còn bị lôi cuốn nhiều trước sự chính xác của lời phân tích cuối cùng tại Công Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô, nghe thật thơ mộng nhưng không kém phần tiên tri. Thực thế, đó là những lời lẽ mà cả ngày nay, Đức Phanxicô chắc chắn cũng chấp nhận ngay lập tức. Không thuộc các vị giáo hoàng mà là thuộc Chúa Kitô, thuộc về chính Chúa chứ không thuộc một ai khác là con thuyền Phêrô, một con thuyền bị sóng biển trong giông bão xô đẩy khiến ta luôn sợ rằng Chúa thiếp ngủ, các nhu cầu của ta không quan trọng đối với Người, trong khi, thực ra chỉ cần một lời nói của Người cũng đủ dẹp tan mọi giông bão; hơn cả sóng to gió lớn, chính sự thiếu lòng tin của ta, chính đức tin nhỏ nhoi của ta và sự thiếu kiên nhẫn của ta mới làm ta liên tục rơi vào hốt hoảng.

Như thế, cuốn sách này một lần nữa đã đưa ra một cái nhìn đầy an ủi về đức điềm tĩnh và sự thanh thần của Đức Bênêđictô XVI trong cương vị lèo lái con thuyền Phêrô trong các năm đầy cảm kích từ 2005 tới 2013. Tuy nhiên, cùng một lúc, qua trình thuật đầy soi sáng của mình, Cha Regoli cũng đang dự phần vào *munus Petri* mà tôi đã đề cập trên đây. Giống Peter Seewald và nhiều người khác trước ngài, Roberto Regoli, trong tư cách một linh mục, một giáo sư và một học giả, cũng đang bước vào thừa tác vụ Phêrô mở rộng quanh các vị kế nhiệm Thánh Tông Đồ Phêrô; và vì thế, hôm nay tôi xin hết lòng cảm ơn ngài.

Đức Phanxicô nói với Hội Đồng Giáo Dân: Chúng ta cần các giáo dân được huấn luyện kỹ càng

(Ngày 20/06/2016)

Theo tin của tờ L'Osservatore Romano, hôm thứ sáu vừa qua, nhân kỳ họp toàn thể lần thứ 28 của Hội Đồng Giáo Hoàng về Giáo Dân, trước khi Hội Đồng này được sát nhập vào Thánh Bộ Giáo Dân, Sự Sống và Gia Đình, Đức Giáo Hoàng đã nói chuyện với Hội Đồng. Sau đây là nguyên văn bài nói chuyện của ngài.

Anh chị em thân mến

Tôi không muốn những lời này là lời “valediction” với Thánh Bộ, lời từ giã, nhưng thực ra đây là những lời cảm ơn đối với mọi công việc đã thực hiện.

Tôi tiếp kiến anh chị em nhân dịp anh chị em họp kỳ họp toàn thể. Tôi chào mừng anh chị em một cách thân tình và tôi cảm ơn Đức Hồng Y Chủ Tịch về những lời tốt đẹp của ngài. Kỳ họp này của anh chị em có một tính chất đặc biệt, vì, như tôi đã loan báo, Hội Đồng Giáo Hoàng của anh chị em sẽ

mang một diện mạo mới. Việc này kết thúc một giai đoạn quan trọng và mở ra một giai đoạn mới cho một Cơ Quan của Giáo Triều Rôma, một Cơ Quan vốn hỗ trợ sự sống, sự trưởng thành và các biến đổi của hàng ngũ giáo dân Công Giáo kể từ Công Đồng Vatican II cho tới nay.

Do đó, đây là dịp thuận tiện để nhìn lại gần 50 năm hoạt động của Cơ Quan và, cùng một lúc, dự phóng sự hiện diện đổi mới nhằm phục vụ giáo dân, đang liên tiếp lên men và gặp gỡ nhiều vấn đề mới. Hội Đồng Giáo Hoàng về Giáo Dân được khai sinh do ý muốn minh nhiên của Công Đồng Vatican II, là Công Đồng, trong Sắc Lệnh về tông đồ giáo dân, đã muốn thiết lập ra “trong Tòa Thánh, một văn phòng đặc biệt nhằm phục vụ và thúc đẩy việc tông đồ của hàng ngũ giáo dân” ngõ hầu trợ giúp “bằng cách góp ý kiến cho hàng giáo phẩm và hàng ngũ giáo dân trong các công trình làm việc tông đồ của họ” (*Apostolicam Actuositatem*, 26). Do đó, Chân Phúc Phaolô VI đã khai sinh ra Cơ Quan này, một Cơ Quan mà tôi không do dự mô tả là “một trong các hoa trái tốt đẹp nhất của Công Đồng Vatican II” (Tư Sắc *Apostolatus Peragendi* [10 tháng 12, 1976], 697) — và ngài quả là “người cha” của Liên Đoàn Sinh Viên Đại Học Ý (FUCI), của giới trẻ và của hàng ngũ giáo dân; ngài làm việc rất nhiều và có cảm tình rất nhiều với cơ quan này, coi thành quả này không như một cơ quan kiểm soát mà đúng hơn như một trung tâm phối trí, nghiên cứu, tham khảo, nhằm “kích thích hàng ngũ giáo dân tham gia vào đời sống và sứ mệnh của Giáo Hội [...] trong tư cách thành viên của các hiệp hội [...] hay trong tư cách tín hữu giáo dân” (*Đã dẫn*). Hội Đồng Giáo Hoàng hiện hữu để kích thích!

Bởi thế, tôi xin cảm tạ Chúa về các thành quả phong phú và rất nhiều thách đố trong các năm qua. Chẳng hạn, ta có thể nhớ đến mùa năng nổ mới, một mùa, ngoài các hiệp hội giáo dân với lịch sử lâu dài và xứng đáng ra, còn chứng kiến rất nhiều Phong Trào và Cộng Đồng Mới phát sinh từ thúc đẩy truyền giáo cao độ; các Phong Trào mà anh chị em từng theo dõi trong diễn trình phát triển của họ, đồng hành với họ một cách đầy quan tâm và trợ giúp họ trong giai đoạn tế nhị để tư cách pháp lý của họ được thừa nhận chính thức. Và rồi còn xuất hiện nhiều thừa tác vụ giáo dân mới mẻ, đã được ủy thác cho khá nhiều sinh hoạt tông đồ. Hơn nữa, điều cần nhấn mạnh là vai trò càng ngày càng gia tăng của phụ nữ trong Giáo Hội với sự hiện diện, sự mặn cảm và các tài năng của họ. Và sau cùng, là việc tạo ra ngày Giới Trẻ Thế Giới, một cử chỉ đầy tính quan phòng của Thánh Gioan Phaolô II, một khi cụ truyền giảng Tin Mừng cho các thế hệ mới, được anh chị em trông coi với một dân thân đặc biệt.

Do đó, anh chị em có thể nói rằng sự ủy nhiệm mà anh chị em tiếp nhận từ Công Đồng chính là một uỷ nhiệm “thúc đẩy” hàng ngũ giáo dân mỗi ngày mỗi tham dự tốt hơn vào sứ mệnh truyền giảng Tin Mừng của Giáo Hội, không phải do sự “ủy quyền” của hàng giáo phẩm, mà là vì việc tông đồ của họ “là tham dự vào sứ mệnh cứu rỗi của Giáo Hội, một sứ mệnh mà chính Chúa, qua Phép Rửa và Phép Thêm Sức, đã trao phó cho mọi người” (Hiến Chế Tín Lý *Lumen Gentium*, 33). Và đó chính là lối vào! Ta bước vào Giáo Hội qua Phép Rửa, không qua việc truyền chức linh mục hay giám mục; ta bước vào qua Phép Rửa! và tất cả chúng ta đều bước vào cùng qua một lối ấy. Chính Phép Rửa biến mọi tín hữu giáo dân thành môn đệ truyền giáo của Chúa, thành muối đất, thành ánh sáng thế gian, thành men bột biến đổi mọi thực tại từ bên trong.

Các sinh hoạt của Giáo Hội, như các sinh hoạt ta vừa nhắc tới, luôn được thi hành bởi các khuôn mặt, trí và tâm của những con người cụ thể. Và điều quan trọng là: trong kỳ họp toàn thể của mình, anh chị em muốn tưởng nhớ tất cả những ai đã hy sinh đời họ một cách say mê và dân thân trong việc sinh động hóa, cổ vũ và phối hợp đời sống và việc tông đồ của hàng ngũ giáo dân trong các năm qua. Trước nhất, nhiều vị Chủ Tịch đã lần lượt thay phiên nhau; rồi rất nhiều thành viên và cố vấn viên, trong đó có cả Karol Wojtyła (Đức Gioan Phaolô II), Đáng đã theo dõi Cơ Quan này một cách chăm chú và với tầm nhìn xa rộng ngay từ những bước đầu tiên của nó; và rồi còn rất nhiều thành viên giáo dân âm thầm làm việc vì lợi ích của hàng ngũ giáo dân Công Giáo.

Dưới sự soi sáng của con đường đã đi, đã tới lúc ta nhìn tương lai một lần nữa với lòng hy vọng. Nhiều việc vẫn còn cần phải làm, mở rộng các chân trời và tiếp nhận các thách đố mới do thực tại đem đến cho chúng ta. Chính từ đây, kế hoạch cải tổ Giáo Triều đã phát sinh, đặc biệt là việc hợp nhất cơ quan của anh chị em với Hội Đồng Giáo Hoàng về Gia Đình cũng như Hàn Lâm Viện về Sự Sống. Do đó, tôi mời gọi anh chị em tiếp nhận cuộc cải tổ này, một cuộc cải tổ có sự can dự của anh chị em,

như một dấu chỉ sự đánh giá và sự quý mến cao đối với công việc của anh chị em và như dấu chỉ niềm tin tưởng đối mới vào ơn gọi và sứ mệnh của hàng ngũ giáo dân trong Giáo Hội ngày nay. Để tiếp tục việc lèo lái của nó, cơ quan mới sắp được khai sinh sẽ dùng làm “bánh lái” một là văn kiện *Christifideles Laici* hai là văn kiện *Evangelii Gaudium* và *Amoris Laetitia*, lấy gia đình và việc bảo vệ sự sống làm các lãnh vực ưu tiên.

Trong giờ phút lịch sử đặc biệt này, và trong bối cảnh Năm Thánh Lòng Thương Xót, Giáo Hội được mời gọi ý thức hơn bao giờ hết việc trở thành “nhà cha nơi có chỗ cho mọi con người đang lao nhọc và có cuộc sống tội lỗi” (Tông Huấn *Evangelii Gaudium*, 47); trở thành một Giáo Hội luôn mãi ra đi, “một cộng đồng truyền giảng Tin Mừng [...] có khả năng lãnh nhận sáng kiến mà không sợ sệt, khả năng gặp gỡ, tìm kiếm những người cách xa và khả năng tới các ngã ba đường để mời gọi những người bị loại bỏ” (*Đã dẫn*, 24). Tôi muốn đề nghị với anh chị em lấy nhệ thức có thể phát biểu như sau “Giáo Hội ra đi – giáo dân ra đi” làm chân trời qui chiếu cho tương lai gần kề của anh chị em. Bởi thế, anh chị em cũng phải cất cao tầm mắt của anh chị em lên và nhìn ra “bên ngoài”, nhìn ra rất nhiều người của thế giới chúng ta đang ở tận phía xa kia, nhìn ra rất nhiều gia đình đang gặp khó khăn và cần lòng thương xót, nhìn ra rất nhiều lãnh vực tông đồ chưa được thăm dò, nhìn ra vô số các giáo dân có tâm hồn tốt lành và quảng đại sẵn sàng dùng năng lực của họ, thì giờ của họ, các khả năng của họ để phục vụ Tin Mừng, nếu họ được can dự, được các mục tử và các định chế của Giáo Hội đánh giá cao và hỗ trợ. Chúng ta đang cần các giáo dân dám dấn thân, dám để bàn tay của mình ra dơ bẩn, không sợ làm lấm, cứ nhắm mắt trước mà tiến tới. Chúng ta đang cần các giáo dân có viễn kiến tương lai, không khép mình vào những điều nhỏ mọn của cuộc sống. Và tôi từng nói điều này với giới trẻ: chúng ta đang cần các giáo dân thích ném kinh nghiệm sống, dám mơ mộng. Nay là ngày người trẻ phải có các giấc mơ của người già. Trong nền văn hóa vứt bỏ này, chúng ta đừng để mình trở nên quen thuộc với việc vứt bỏ người cao niên! Chúng ta hãy thúc đẩy họ, chúng ta hãy thúc đẩy để họ biết mơ mộng và như tiên tri Gioen từng nói, “có những giấc mơ”, có khả năng mơ mộng, và đem lại cho mọi người chúng ta sức mạnh của viễn kiến tông đồ mới mẻ.

Các Thành Viên và các Cố Vấn thân mến, tôi xin cảm ơn anh chị em vì công việc anh chị em thực hiện để phục vụ Cơ Quan này, và tôi khuyến khích anh chị em mở lòng mình ra, sẵn sàng vâng theo và khiêm nhường trước các điều mới mẻ của Thiên Chúa, những điều làm chúng ta ngạc nhiên và vượt quá khả năng của chúng ta nhưng không bao giờ lừa dối chúng ta, như Đức Mẹ đã làm; ngài là Mẹ và là Cô Giáo của chúng ta trong đức tin. Từ tận đáy lòng, tôi ban cho anh chị em và các người thân yêu của anh chị em phúc lành của tôi. Và xin anh chị em đừng quên cầu nguyện cho tôi.

Theo bản tiếng Anh của Zenit

Đức Phanxicô: tôi tiếp tục tiến bước, không nhìn trở lui

(Ngày 04/07/2016)

Đức Giáo Hoàng Phanxicô vừa dành cho một nhật báo Á Căn Đình, tờ La Nacion, một cuộc phỏng vấn về nhiều vấn đề: Đức Bênêđictô XVI, mối liên hệ của ngài với tân tổng thống Á Căn Đình, các người chống đối cuộc cải cách của ngài.

Về vị tiền nhiệm, một lần nữa Đức Phanxicô không tiếc lời ca ngợi. Theo ngài, dù tuổi đời có ảnh hưởng tới việc đi lại, nhưng “trí óc và trí nhớ của ngài (Đức Bênêđictô XVI) vẫn nguyên vẹn, hoàn hảo”. Ngài gọi vị tiền nhiệm của mình là một “nhà cách mạng” và “lòng quảng đại của ngài thật không ai sánh bằng”.

Đức Giáo Hoàng nói tiếp: “Việc từ nhiệm của ngài, một việc cho thấy mọi nan đề của Giáo Hội, không liên quan gì tới vấn đề bản thân. Đây là một hành động cai quản, hành động cai quản sau cùng của ngài”.

Về cuộc cải tổ của ngài, Đức Giáo Hoàng cho biết: “Họ làm việc của họ, tôi làm việc của tôi. Tôi muốn một Giáo Hội cởi mở, hiểu biết, biết đồng hành với các gia đình bị thương tổn... Họ thì bác bỏ

mọi sự. Tôi tiếp tục cứ đường tôi, tôi tiến, không nhìn trở lui. Tôi không chém đầu ai. Tôi không bao giờ muốn làm thế. Tôi xin nhắc lại: tôi bác bỏ tranh chấp”.

Về Á Căn Đình, Đức Giáo Hoàng bác bỏ tin đồn cho rằng ngài có nhiều vấn đề với tân tổng thống nước này.

Ngài nói: “tôi không có vấn đề nào với Tổng Thống Macri. Với tôi, ông là một người tốt của gia đình, một con người mã thượng”.

Dù thừa nhận, lúc Macri là thị trưởng Buenos Aires, ngài có lần tranh luận với ông, nhưng ngài bảo “một lần trong một thời gian dài thì chỉ là một số trung bình rất thấp”.

Nhân dịp này, ngài cũng quả quyết: không ai ở Á Căn Đình là phát ngôn viên của ngài cả. Phát ngôn viên của ngài chỉ là Phòng Báo Chí của Tòa Thánh

Bài giảng của Đức Giáo Hoàng Phanxicô trong Thánh Lễ và Nghi thức phong thánh cho Chân phước Mẹ Têrêsa Calcutta (Ngày 04/09/2016)

Đức Giáo Hoàng Phanxicô, vào ngày Chúa Nhật, đã cử hành nghi lễ phong thánh cho Mẹ Têrêsa Calcutta, một Thánh Lễ trọng thể được cử hành tại công trường Nhà Thờ Thánh Phêrô.

Trong bài giảng, Đức Thánh Cha nói, "Trong tất cả các khía cạnh của cuộc sống ngài, Mẹ Têrêsa là một người phân phối rộng rãi lòng thương xót của Thiên Chúa, làm cho mình sẵn sàng có đó cho mọi người qua việc chào đón và bảo vệ sự sống con người, các trẻ chưa sinh và những người bị bỏ rơi và bị loại bỏ".

Với các tình nguyện viên có mặt tại Rôma tham dự Năm Thánh cho các Tình Nguyên Viên và Người Làm Việc cho Lòng Thương Xót, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đề xuất Thánh Têrêsa Calcutta như một "mô hình thánh thiện."

Dưới đây, là trọn bản văn bài giảng soạn sẵn của Đức Giáo Hoàng Phanxicô trong Thánh Lễ phong thánh của Thánh Têrêsa Calcutta:

Bài giảng của Đức Giáo Hoàng Phanxicô trong Thánh Lễ và Nghi thức phong thánh cho Chân phước Mẹ Têrêsa Calcutta, tại Công Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô, ngày 04 tháng 9 năm 2016.

"Nào ai có thể hiểu được ý định của Thiên Chúa?" (Kn 9:13). Câu hỏi từ Sách Khôn Ngoan mà chúng ta vừa nghe trong bài đọc thứ nhất này cho thấy: cuộc sống của chúng ta là một mầu nhiệm, và chúng ta không có chìa khóa để hiểu nó. Luôn có hai nhân vật chủ đạo trong lịch sử: Thiên Chúa và con người. Nhiệm vụ của chúng ta là nhận ra tiếng gọi của Thiên Chúa và sau đó làm theo ý Người. Nhưng để làm theo ý của Người, chúng ta phải tự hỏi mình, "đâu là ý của Thiên Chúa trong cuộc sống của tôi?"

Chúng ta tìm thấy câu trả lời trong cùng một đoạn văn của Sách Khôn Ngoan: "Con người đã được dạy những gì làm vui lòng Ngài" (Kn 9:18). Để xác định tiếng gọi của Thiên Chúa, chúng ta phải tự hỏi mình và hiểu điều gì đẹp lòng Thiên Chúa. Trong nhiều trường hợp, các tiên tri đã loan báo những gì làm đẹp lòng Thiên Chúa. Sứ điệp của họ tìm được một sự tổng hợp tuyệt vời trong các lời "Ta muốn lòng thương xót, chứ không phải lễ hy sinh" (Hs 6: 6; Mt 09:13). Thiên Chúa được hài lòng bởi mọi hành động thương xót, bởi vì trong anh chị em mà chúng ta giúp đỡ, chúng ta nhận ra khuôn mặt của Thiên Chúa, khuôn mặt mà không ai có thể nhìn thấy (xem Ga 1:18). Mỗi lần chúng ta cúi xuống các nhu cầu của anh chị em chúng ta, chúng ta dâng cho Chúa Giêsu một cái gì đó để ăn và uống; chúng ta mặc áo, chúng ta giúp đỡ, và chúng ta thăm viếng Con Thiên Chúa (x Mt 25:40).

Do đó, chúng ta được mời gọi chuyển dịch thành hành động cụ thể những gì chúng ta khấn nài trong kinh nguyện và tuyên xưng trong đức tin. Không có gì thay thế cho lòng bác ái: những người đã dần dần phục vụ người khác, ngay cả khi họ không biết điều đó, đều là những người yêu mến Thiên Chúa (x 1 Ga 3: 16-18; Gc 2: 14-18). Tuy nhiên, đời sống Kitô hữu không chỉ đơn thuần là mở rộng một bàn tay trong lúc thiếu thốn. Nếu chỉ là điều này, chắc chắn nó có thể là một biểu hiện đáng yêu của tình liên đới nhân ái nhằm cung cấp các phúc lợi tức khắc, nhưng nó cần cỗi vì thiếu gốc rễ. Bốn phận Chúa trao cho chúng ta, trái lại, là ơn gọi bác ái trong đó mỗi môn đệ Chúa Kitô dâng toàn bộ cuộc sống của mình để phục vụ, nhờ thế mỗi ngày mỗi lớn lên trong tình yêu.

Chúng ta đã nghe trong Tin Mừng, "Đám đông lớn đã đi với Chúa Giêsu" (Lc 14:25). Hôm nay, "đám đông" này được nhìn thấy trong số rất đông các tình nguyện viên đã cùng nhau tới đây dự Năm Thánh Thương Xót. Anh chị em là đám đông đã đi theo Thầy và làm cho hiển hiện tình yêu cụ thể của Người dành cho mỗi người. Tôi lặp lại với anh chị em những lời sau đây của Thánh Tông Đồ Phaolô: "Tôi đã thực sự nhận được nhiều niềm vui và an ủi từ tình yêu của anh chị em, bởi vì trái tim của các thánh đã được làm tươi mát nhờ anh chị em" (Plm 1: 7). Biết bao trái tim đã được an ủi bởi các tình nguyện viên! Biết bao bàn tay họ đã nắm lấy; biết bao nước mắt họ đã lau khô; biết bao tình yêu đã được biểu lộ cách kín đáo, khiêm tốn và vị tha! Việc phục vụ đáng khen ngợi này đem lại tiếng nói cho đức tin và nói lên lòng thương xót của Chúa Cha, Đấng kéo những người túng thiếu lại gần.

Theo chân Chúa Giêsu là một trách vụ nghiêm túc, và, đồng thời, là một trách vụ tràn đầy niềm vui; cần một thứ táo bạo và can đảm nào đó mới có thể nhận ra Thầy chí thánh trong những người nghèo nhất trong số các người nghèo và hiến mình phục vụ họ. Để làm được như thế, các tình nguyện viên, những người, vì tình yêu đối với Chúa Giêsu mà phục vụ người nghèo và người túng thiếu, không mong đợi bất cứ lời cảm ơn hay phần thưởng nào; đúng hơn, họ từ bỏ tất cả những thứ ấy vì họ đã khám phá được tình yêu đích thực. Chúa đã đến gặp tôi và đã cúi xuống cùng bình diện với tôi trong lúc tôi túng thiếu thể nào, thì tôi cũng phải đi gặp Người, cúi xuống những người đã mất đức tin hoặc sống như thể Thiên Chúa không hiện hữu, cúi xuống những người trẻ không có giá trị hoặc lý tưởng, những gia đình gặp khủng hoảng, những người bệnh và những người bị cầm tù, những người tị nạn và di dân, những người yếu đuối và không thể tự vệ cả trong cơ thể lẫn trong tinh thần, những trẻ em bị bỏ rơi, những người cao niên phải tự lo liệu một mình như thế. Bất cứ nơi nào, có người đưa tay ra, xin một bàn tay giúp đỡ để có thể đứng dậy, thì đó là nơi sự hiện diện của chúng ta - và sự hiện diện của Giáo Hội, nhằm nâng đỡ và đem lại hy vọng - phải có mặt.

Trong mọi khía cạnh của cuộc sống ngài, Mẹ Têrêsa là một người phân phối rộng rãi lòng thương xót của Thiên Chúa, tự làm cho mình có sẵn đó cho mọi người qua việc chào đón và bảo vệ sự sống con người, các trẻ chưa sinh và những người bị bỏ rơi và bị loại bỏ. Mẹ đã dần dần bảo vệ sự sống, không ngừng tuyên bố rằng "trẻ chưa sinh là những người yếu đuối nhất, nhỏ nhội nhất, dễ bị tổn thương nhất". Mẹ đã gặp người trước những ai đã kiệt sức, để mặc cho chết trên lề đường, ở trong họ, Mẹ nhìn thấy phẩm giá Thiên Chúa ban cho họ; Mẹ làm cho tiếng nói của Mẹ được các cường quốc trên thế giới nghe thấy, ngõ hầu họ nhận ra phần lỗi của họ trong tội nghèo đói mà chính họ đã tạo ra. Đối với Mẹ Têrêsa, lòng thương xót là "muối" đem hương vị đến cho việc làm của mình, là "ánh sáng" tỏa chiếu trong bóng tối của rất nhiều người đã không còn nước mắt để tuôn ra vì cảnh nghèo và đau khổ của họ.

Đối với chúng ta ngày nay, sứ mệnh của Mẹ đối với các khu ngoại vi của đô thị và của hiện sinh, vẫn mãi là một nhân chứng hùng hồn cho sự gần gũi của Thiên Chúa đối với những người nghèo nhất trong những người nghèo. Hôm nay, tôi chuyển giao hình tượng đầy tính biểu tượng về nữ tính và đời sống thánh hiến này cho cả thế giới các tình nguyện viên: Ước mong Mẹ là mô hình thánh thiện cho các anh chị em! Ước mong người lao công không biết mệt mỏi này của lòng thương xót giúp chúng ta ngày càng hiểu rằng tiêu chuẩn duy nhất để chúng ta hành động là tình yêu nhưng không, thoát khỏi mọi ý thức hệ và mọi trói buộc, được cung cấp miễn phí cho mọi người không phân biệt ngôn ngữ, văn hóa, chủng tộc hay tôn giáo. Mẹ Têrêsa thích nói: "Có lẽ tôi không nói được ngôn ngữ của họ, nhưng tôi có thể mỉm cười". Chúng ta hãy mang nụ cười của Mẹ trong trái tim chúng ta và hiến tặng nó cho những người chúng ta gặp dọc hành trình của chúng ta, đặc biệt là những người đau khổ. Bằng

cách này, chúng ta sẽ mở ra nhiều cơ hội hân hoan và hy vọng cho các anh chị em của chúng ta, những người đang chán nản và đang cần được hiểu biết và âu yếm.

Chung quanh câu chuyện Đức Phanxicô nói về việc rước lễ của các cặp ly dị tái hôn bất hợp lệ

(Ngày 17/09/2016)

Gần đây, có người cho rằng Đức Phanxicô cho phép một số trường hợp ly dị tái hôn được rước lễ, căn cứ vào lá thư ngài gửi cho các giám mục Á Căn Đình mới đây, trong đó, ngài hoàn toàn đồng ý với lối giải thích của các ngài về chương 8 của tông huấn Niềm Vui Yêu Thương.

Các giám mục Á Căn Đình nói gì?

Như mọi người đã biết, chương 8 của tông huấn Niềm Vui Yêu Thương nói về việc hội nhập các gia đình bị thương tích và bất hợp lệ, và kêu gọi diễn trình biện phân giúp đem đến việc tái cho phép các đối tượng này được chịu các bí tích nhất là Bí Tích Thánh Thể, tùy từng trường hợp cá biệt, mà không đi vào lãnh vực giải nghi học (casuistry) hay buộc các gia đình này phải tuân theo các qui định khắt khe. Chương này từng được giải thích nhiều cách khác nhau, và đây là lần đầu tiên, Đức Phanxicô cho biết: lối giải thích của các giám mục Á Căn Đình rất chính xác “không có lối giải thích nào khác hơn”. Vậy, các ngài đã giải thích ra sao?

Theo Andrea Tornielli, một chuyên gia về Vatican, trước nhất, các ngài quả quyết: “nói rằng cho phép” chịu các bí tích là điều không thích đáng, đúng hơn, đây là một diễn trình biện phân dưới sự hướng dẫn của một mục tử.

Bản giải thích của các giám mục Á Căn Đình nói tiếp: trong diễn trình này, “vị mục tử nên nhấn mạnh tới việc công bố có tính nền tảng, tức sơ truyền (kerygma), nhằm kích thích hay hồi sinh cuộc gặp gỡ bản thân với Chúa Kitô”. Việc “đồng hành mục vụ” này đòi vị linh mục cho người ta thấy “khuôn mặt mẫu thân của Giáo Hội”, qua việc chấp nhận ý hướng trung thực của hối nhân và ý hướng thành thực của họ trong việc sống đời họ phù hợp với Tin Mừng và thực hành đức ái”.

Bản giải thích nhấn mạnh: con đường biện phân trên “không nhất thiết dẫn tới các bí tích nhưng có thể dẫn tới các hình thức hội nhập nhiều hơn vào đời sống Giáo Hội: hiện diện mạnh mẽ hơn vào cộng đoàn, tham dự nhiều hơn vào các nhóm cầu nguyện và suy niệm, dần dần nhiều hơn vào các lãnh vực phục vụ khác nhau trong Giáo Hội”.

Ở điểm này của bản giải thích, các giám mục Á Căn Đình nói rằng “Cam kết tiết dục (continence) có thể được coi như một giải pháp khi các hoàn cảnh cụ thể của cặp vợ chồng cho phép, đặc biệt là khi cả hai người cùng là Kitô hữu biết sống theo con đường đức tin”, để “mở ra khả thể đến với bí tích hòa giải trong những trường hợp như thế”.

Tiết dục ở đây muốn nói tới việc vợ chồng sống với nhau như anh trai em gái. Khả thể này vốn đã có trong các giáo huấn của Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II trong tông huấn *Familiaris Consortio*. Bản giải thích nói tiếp: trong trường hợp “các hoàn cảnh phức tạp hơn và khi không thể có được án tuyên bố vô hiệu, giải pháp trên (tức tiết dục) có thể không đứng vững. Dù thế, con đường biện phân vẫn có thể có. Trong trường hợp cụ thể, khi đã nhìn nhận quả có những giới hạn làm giảm mức độ trách nhiệm và qui tội, nhất là khi người ta tin rằng họ sẽ phạm sai lầm khác có thể gây hại cho những đứa con được cuộc kết hợp mới sinh ra, thì ‘Niềm Vui Yêu Thương’ đưa ra khả thể cho họ được đến với các bí tích hoà giải và Thánh Thể”.

Bản giải thích viết tiếp: “Các bí tích này, ngược lại, giúp người ta tiếp tục trưởng thành và lớn lên nhờ sức mạnh của ơn thánh”. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải bảo đảm rằng việc mở rộng này không được coi như việc cho phép người ta thả dãn lui tới các bí tích hay như thể bất cứ hoàn cảnh nào cũng

biện minh được việc này. Điều thực sự được đề xuất ở đây là một sự biện phân để có thể phân biệt thỏa đáng các trường hợp khác nhau. Vì quả có những trường hợp ngay sau khi ly dị, người ta đã vội vàng bước vào một cuộc kết hợp mới. Cũng có những trường hợp người ta liên tiếp sai phạm đối với các cam kết của mình đối với gia đình. Lại có những trường hợp người ta bênh vực hay khoắc lác về hoàn cảnh của mình, coi nó như là một phần của lý tưởng Kitô Giáo. Nên người ta cần được hướng dẫn biết đặt “lương tâm của mình trước mặt Thiên Chúa” nhất là “khi đụng đến tác phong của họ đối với con cái hay đối với người phối ngẫu bị bỏ rơi. Khi vẫn còn các bất công chưa được giải quyết, thì việc lui tới với các bí tích phải đặc biệt bị nghi vấn”.

Sau cùng, các giám mục Á Căn Đình nhận định rằng “nếu việc lui tới với các bí tích được ban cấp trong một số trường hợp nào đó, thì điều hợp lý là phải giữ cho việc này được kín đáo, nhất là khi thấy trước sẽ có tranh chấp” nghĩa là khiến cho cộng đoàn bối rối. Thành thử, cùng một lúc, “cộng đoàn cần được hướng dẫn để lớn lên trong tinh thần hiểu biết và cởi mở”.

Đức Phanxicô ủng hộ

Thư của Đức Phanxicô gửi cho các vị giám mục Á Căn Đình ngày 5 tháng Chín ca ngợi việc làm của các ngài như “một điển hình chân thực của việc đồng hành của các linh mục”. Lời lẽ chủ yếu của lá thư như sau: tài liệu do các giám mục công bố “rất tốt đẹp và nắm được trọn vẹn ý nghĩa Chương 8 của Tông Huấn ‘Niềm Vui Yêu Thương’”. Không có lối giải thích nào khác. Tôi chắc chắn nó sẽ gây nhiều lợi ích”. Về “con đường chào đón, đồng hành, biện phân và hội nhập”, Đức Phanxicô viết: “chúng ta biết nó gây mệt mỏi, đây là việc chăm sóc mục vụ ‘tay trao tay’, trong đó, việc trung gian có tính chương trình, tổ chức và luật lệ mà thôi không đủ, dù cần thiết”.

Không phải vấn đề cho phép

Việc cho rằng tông huấn "Niềm Vui Yêu Thương" quả có mở ra khả thể cho phép một số trường hợp ly dị tái hôn, dù hôn nhân cũ không được tuyên bố vô hiệu và hai người không sống như anh trai em gái, được rước lễ, là điều làm rất nhiều người Công Giáo bối rối và lo lắng.

Tuy nhiên, lối giải thích của các giám mục Á Căn Đình trên đây khá thận trọng khi quả quyết rằng đây chỉ là diễn trình biện phân, chứ không phải vấn đề cho phép hay không cho phép. Câu quả quyết này khiến người ta nhớ lại một nguyên tắc đã và đang được áp dụng trong lãnh vực kế hoạch hóa gia đình. Ai cũng biết việc sử dụng các phương pháp nhân tạo nhằm ngăn ngừa thụ thai bị Giáo Hội coi là xấu từ bên trong. Tuy nhiên, người tín hữu cá biệt, tùy theo hoàn cảnh riêng của mình, vẫn được khuyến khích, khi cần, bàn thảo với vị giải tội để biện phân có nên sử dụng một trong các phương pháp này hay không. Vị giải tội sẽ hướng dẫn, chứ không cho phép, trong diễn trình biện phân này. Chính đôi vợ chồng, bằng lương tâm được soi sáng của họ, phải đưa ra quyết định.

Vị mục tử phải đồng hành với cặp vợ chồng này trong tâm tình “mẫu thân” để họ biện phân được hoàn cảnh của họ trong một lương tâm trong sáng trước mặt Thiên Chúa. Việc biện phân này có thể dẫn họ tới các bí tích, mà cũng có thể không dẫn họ tới các bí tích, nhưng dẫn họ tới các hình thức hội nhập khác vào đời sống Giáo Hội.

Bản giải thích đưa ra các trường hợp có thể dẫn họ tới các bí tích đó là trường hợp tiết dục, sống với nhau như anh trai em gái, một điều không phải là không thể không có, như trường hợp triết gia Jacques Maritain và vợ là Raissa đã chứng minh. Nhưng nếu vì những lý do bất khả kháng mà giải pháp này không thể áp dụng được, thì “trong trường hợp cụ thể, khi đã nhìn nhận quả có những giới hạn làm giảm mức độ trách nhiệm và qui tội, nhất là khi người ta tin rằng họ sẽ phạm sai lầm khác có thể gây hại cho những đứa con được cuộc kết hợp mới sinh ra, thì ‘Niềm Vui Yêu Thương’ đưa ra khả thể cho họ được đến với các bí tích hoà giải và Thánh Thể”.

Trường hợp tiếp tục sống trong cuộc kết hợp bất hợp pháp chỉ là tội nhẹ

Nhận định về lối giải thích trên, Tiến Sĩ Jeff Mirus, một người vốn có quan điểm bảo thủ, quả quyết

rằng nó không lạc giáo. Thực vậy, chủ trương rằng, trong một số hoàn cảnh, nên cho những người đang sống trong các cuộc hôn nhân bất thành hiệu được Rước Lễ không bắt tương hợp với giáo huấn của Giáo Hội về cả hôn nhân lẫn Rước Lễ.

Tiền Sĩ Mirus cho rằng đó là hoàn cảnh trong đó, tội tiếp tục sống trong cuộc hôn nhân bất thành hiệu được coi là một tội nhẹ. Ông cho rằng tội nặng đòi hỏi ba điều kiện: điều lỗi phạm tự bản chất là điều xấu nặng; biết rõ điều xấu ấy; và chủ ý lỗi phạm. Thiếu một trong ba điều này thì chỉ là tội nhẹ.

Cuộc hôn nhân bất thành hiệu dĩ nhiên là điều xấu nặng. Nhưng còn biết rõ nó là xấu và chủ ý lỗi phạm nó thì sao? Đó là điều cần bàn. Tiền sĩ đơn cử trường hợp sau:

- a. Một cặp kết hôn bất thành hiệu có con với nhau và những đứa con này còn đang sống với họ.
- b. Một trong hai người thừa nhận tính tội lệ của cuộc “hôn nhân” này, hối tiếc vì đã bước vào, và nay muốn làm điều đúng (trong trường hợp này là hai người sống như anh trai em gái trong khi tiếp tục săn sóc con cái như cha như mẹ dưới một mái nhà).
- c. Nhưng người kia bác bỏ việc sống như anh trai em gái.
- d. Họ nói họ sẽ lìa bỏ gia đình nếu bị từ chối việc làm tình.
- e. Do đó, người ấy phải tiếp tục mối liên hệ tính dục, dù miễn cưỡng, để bảo đảm cho các con khỏi mất một trong hai cha mẹ.

Tiền Sĩ Mirus cho rằng, người bị “bó buộc” tiếp tục sống như vợ chồng ấy chỉ phạm tội nhẹ, vì thiếu điều kiện thứ ba tức việc hoàn toàn tự do ưng thuận phạm tội. Và do đó, họ không bị trở ngại gì trong việc Rước Lễ.

Dĩ nhiên người ta rất có thể nghi vấn sự khôn ngoan của thực hành trên vì một trong các hệ quả của nó là làm yếu đi cái hiểu và cam kết của người Công Giáo đối với hôn nhân. Nhưng điều gì quan trọng hơn: tiềm năng gây gương mù gương xấu hay nhu cầu giúp người phạm tội nhẹ được nuôi dưỡng bằng Mình và Máu Thánh Chúa? Lòng thương xót chắc chắn buộc ta phải nghiêng về về thứ hai. Và lại, về việc này, bản giải thích của các giám mục Á Căn Đình có đề cập tới tính kín đáo (confidentiality) của diễn trình biện phân này và việc giáo dục đề cộng đoàn thông hiểu và cởi mở, tránh gây ra bối rối đối với giáo huấn của Giáo Hội về tính bất khả tiêu của hôn nhân.

Mới chỉ là một bản thảo

Nhân dịp này, nữ ký giả Ines San Martin cho biết: từ ngày công bố hồi tháng Ba vừa qua cho tới nay, tông huấn “Niềm Vui Yêu Thương” đã không ngừng được đem ra thảo luận về việc tông huấn này có câu kết luận dứt khoát ra sao đối với việc rước lễ của các người Công Giáo ly dị và tái hôn bất hợp lệ. Nhiều nhà thần học, nhiều giám mục, và chuyên viên giáo luật và ngay cả báo Người Quan Sát Rôma của Tòa Thánh cũng đã dấn thân vào việc giải thích chương Tám của Tông Huấn này. Một số cho rằng chương này mở cửa dẫn người ly dị tái hôn bất hợp lệ tới các bí tích. Một số khác cũng nghĩ thế nhưng cho rằng điều này ngược với giáo huấn hôn nhân bất khả tiêu của Giáo Hội. Một số nghi vấn tính chính đáng của tông huấn khiến Đức Hồng Y Christoph Schonborn của Vienna phải lên tiếng quả quyết rằng tông huấn là một phần của huấn quyền và lời quả quyết này được Đức Phanxicô xác nhận. Thành thử bản giải thích của các giám mục vùng Buenos Aires, một vùng chiếm tới 40% dân số Á Căn Đình, không phải là bản giải thích đầu tiên. Nó được chú ý chỉ vì được Đức Phanxicô “công nhận” qua văn thư ngày 5 tháng Chín vừa qua, và đây là lần đầu tiên, ngài chính thức tham dự vào cuộc thảo luận này.

Nhưng San Martin cho rằng hình như tài liệu này mới chỉ là một dự thảo, không nhằm để công bố, lại càng không được đem ra thi hành ngay. Cung cách công bố nó khiến người ta nghĩ vậy. Thoạt đầu nó được trang mạng InfoCatolica đăng tải cùng với lá thư của Đức Phanxicô. Sau đó, trang mạng này lấy cả hai văn kiện xuống, với lý do: các khuyến cáo của tài liệu chưa đầy đủ và chưa sẵn sàng để công bố.

Ngày 8 tháng Chín, một số giáo sĩ vùng Buenos Aires, trong đó, có Đức Hồng Y Mario Poli, người kế

nhệm Đức Phanxicô ở Buenos Aires, họp nhau thảo luận về tài liệu này. Và Chúa Nhật 11 tháng Chín, trang mạng IlSismografo của Ý, vốn được coi là trang mạng bán chính thức của Tòa Thánh, đăng tải cả hai văn kiện bằng tiếng Tây Ban Nha. Rồi thứ Hai, ngày 12 tháng Chín, tờ Quan Sát Viên Rôma, tờ báo chính thức của Tòa Thánh đăng cả hai văn kiện bằng tiếng Ý.

Các giám mục Gia Nã Đại

Như thế, xem ra Tòa Thánh “tích cực” hơn trong việc công bố hai văn kiện này. Điều đáng nói là: mấy ngày sau, tức ngày 15 tháng Chín, các giám mục Công Giáo vùng Alberta và Các Lãnh Thổ Phía Bắc Gia Nã Đại cũng công bố những hướng dẫn mới cho các linh mục trong vùng liên quan đến việc chăm sóc mục vụ cho những người ly dị tái hôn bất hợp lệ, nhấn mạnh rằng: những ai muốn Rước Lễ nên cương quyết sống như anh trai em gái, nhưng chưa thấy Tòa Thánh lên tiếng chi. Bản hướng dẫn này viết:

“Điều rất có thể xảy ra là qua các phương tiện truyền thông, bạn bè hoặc gia đình, nhiều cặp vợ chồng được hướng dẫn để hiểu rằng đã có sự thay đổi của Giáo Hội về thực hành, đến nỗi nay những người ly dị và tái hôn phần đời có thể rước lễ trong Thánh Lễ nếu họ chịu nói chuyện với một linh mục. Quan điểm này sai lạc”.

Trong các trường hợp như thế, các giám mục dạy rằng các mục tử phải đồng hành với các cặp vợ chồng trong “một hành trình hàn gắn và hoà giải” để dẫn họ tới tham khảo với các tòa án hôn phối. Trích dẫn tông huấn *Familiaris Consortio* của Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, các giám mục quả quyết rằng nếu các cặp vợ chồng kết hôn bất hợp lệ lần thứ hai không thể ly thân vì lợi ích của con cái do họ sinh ra, “thì họ cần tiết dục và sống ‘như anh trai em gái’”. Xin xem *Guidelines for the Pastoral Accompaniment of Christ's Faithful who are Divorced and Remarried without a Decree of Nullity* (PDF, 10 trang).

Ủng hộ rồi lại không ủng hộ

Phải chăng vì đọc tài liệu trên đây của các giám mục Ga Nã Đại, nên Tiến Sĩ Mirus hình như muốn rút lại sự ủng hộ của ông đối với lời giải thích của các giám mục Á Căn Đình, mặc dù sự ủng hộ của ông được tiến sĩ Edward Peters, giáo sư giáo luật tại Đại Chung Viện Thánh Tâm ở Detroit và là thẩm trình viên (referendary) của Tòa Án Tối Cao của Giáo Hội, yểm trợ, nếu chỉ dựa vào điều 916 của Bộ Giáo Luật, là điều nói tới bổn phận của người rước lễ. Trong trường hợp này, nếu người rước lễ tin rằng hoàn cảnh tội của họ chỉ là nhẹ, họ có thể tiến lên rước lễ.

Tuy nhiên, tiến sĩ Peters cho hay: bản giải thích của các giám mục Á Căn Đình và thậm chí cả tông huấn *Niềm Vui Yêu Thương* không nhắc gì tới điều 915 là điều nói tới bổn phận của các thừa tác viên Thánh Thể: họ không thể cho rước lễ những người Công Giáo “có chấp sống trong một tội trọng công khai”, trong trường hợp này, là những người ly dị tái hôn không hợp giáo luật. Không ai chính thức nói tới trách nhiệm của các thừa tác viên này. Thành thử, theo tiến sĩ Peters, trường hợp được tiến sĩ Mirus đưa ra làm điển hình đã chỉ giải quyết một nửa vấn đề rước lễ của người ly dị tái hôn bất hợp pháp, vì nó chỉ giải quyết khía cạnh trách nhiệm chủ quan của người rước lễ chứ chưa giải quyết trách nhiệm khách quan của việc cho họ rước lễ.

Có lẽ vì thế mà liên tiếp trong ba ngày 14 tới 16 tháng Chín, Tiến Sĩ Mirus đã viết 3 bài đề cập tới vấn đề này, rõ ràng để nhấn mạnh sự dè dặt. Ngày 14, ông cho rằng: Các giám mục Á Căn Đình đã đi quá xa khi nâng một “ghi chú tối nghĩa” trong “*Niềm Vui Yêu Thương*” thành một thay đổi kỷ luật để người ly dị tái hôn bất hợp pháp có thể rước lễ. Đức Phanxicô đã ca ngợi việc nâng lên này, cho rằng nó tuyệt đối là đường hướng của “*Niềm Vui Yêu Thương*”.

Nhưng Tiến Sĩ Mirus cho rằng không vị giáo hoàng nào được che chở khỏi sai lầm khi, trong một thư từ riêng, ngài đưa ra một giải thích nào đó đối với bất cứ văn kiện Huấn Quyền nào, ngay cả các văn kiện do chính ngài ban hành. Điều này càng đúng khi nói tới các biện pháp kỷ luật, vì các biện pháp

này không hưởng được sự che chở của Chúa Thánh Thần, nên nhận xét tư riêng của một vị giáo hoàng về điều ngài có ý nói lúc đó về biện pháp ấy càng không soi sáng gì cho các giáo huấn của huấn quyền.

Ông viện dẫn các lời lẽ trong học lý *extra ecclesiam nulla salus* (bên ngoài Giáo Hội không có sự cứu rỗi). Khi nghiên cứu cẩn thận, huấn quyền liên tục của Giáo Hội nhận thấy rằng các lời lẽ này thực sự không đòi buộc các kết luận như đã có trong đầu óc các vị giáo hoàng hay các công đồng đã công bố chúng và là những kết luận xem ra thích đáng vào thời đó. Khi phải lượng giá một giáo huấn Huân Quyền, Giáo Hội được hướng dẫn nguyên bởi chính bản văn mà thôi, cùng với Sách Thánh và mọi tuyên bố khác có liên quan của Huân Quyền, chứ không bởi lời tuyên bố có tính cá nhân của Đức Giáo Hoàng về điều ngài muốn nói. Các lời lẽ tư riêng này không được Chúa Thánh Thần che chở và do đó, chúng hoàn toàn không có liên quan.

Trên thực tế, "Niềm Vui Yêu Thương" không đòi lời giải thích theo đó, trong một số trường hợp, người ly dị tái hôn bất hợp pháp có thể được chấp nhận rước lễ mà không cần án tuyên bố vô hiệu. Đã đành, ghi chú vẫn vôi của "Niềm Vui Yêu Thương" có nói chung chung tới "các bí tích", nhưng phần đông nghĩ rằng đây có ý nói tới bí tích Hòa Giải, một điều nhất quán với thực hành lâu đời của Giáo Hội và Bộ Giáo Luật hiện hành.

Nên ông nghĩ: "trong tương lai, Huân Quyền rất có thể sẽ về phe với những người chỉ trích vị giáo hoàng hiện nay. Tôi chỉ muốn nói rằng, đối với những người chống đối việc thay đổi kỷ luật này, các vấn đề liên hệ tới tín lý vẫn chưa được giải quyết. Các vị giáo hoàng và các thế hệ Công Giáo tương lai sẽ sử dụng "Niềm Vui Yêu Thương", không theo điều Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói ngài muốn thực hiện, mà chỉ theo điều chính bản văn đòi hỏi, một điều không bao hàm việc cho những người ly dị tái hôn, không có án vô hiệu, rước lễ".

Các giải thích trên của Tiến Sĩ Mirus không hẳn là không có giá trị, nhưng người ta sợ ông đã trở lại nguyên hình tác phong bảo thủ của mình khi chỉ trong vòng 2, 3 ngày, ông đã lật hẳn lại suy nghĩ của mình. Chối bỏ giá trị lời bình luận của Đức Phanxicô về một văn kiện do chính ngài công bố, tôi thiếu, cũng bị coi là quá đáng.

Dù sao, bình tĩnh mà xét, trường hợp điển hình ông đưa ra quả có giá trị cho diễn trình biện phân của các người ly dị tái hôn bất hợp pháp. Trong trường hợp này, họ có thể an tâm tiến lên rước lễ, phù hợp với điều 916 của Bộ Giáo Luật. Còn điều 915? Nên nhớ, bản giải thích của các giám mục Á Căn Đình, vì chủ yếu nói với các thừa tác viên Thánh Thể, thành thử mặc nhiên cho họ thấy: những người trong trường hợp này không phải là những người "cố chấp sống trong một tội trọng công khai", thì tại sao lại không cho họ rước lễ?

Tân tổng thư ký Liên Hiệp Quốc có thể là đồng minh của Đức Phanxicô

(Ngày 07/10/2016)

Theo ký giả Inés San Martín, với điều kiện được Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc chấp thuận vào ngày 17 tháng Mười này, cựu Thủ Tướng Bồ Đào Nha, Ông Antonio Guterres, sẽ trở thành tân Tổng Thư Ký của Liên Hiệp Quốc, và bối cảnh của ông, một người Công Giáo theo phe Xã Hội với một quan tâm sâu sắc đối với người tị nạn và vấn đề công lý hoàn cầu nói chung, cho thấy ông có thể trở thành một đồng minh chủ yếu của Đức Giáo Hoàng Phanxicô.

Ông trở thành ứng viên sáng giá nhất vào hôm thứ Tư vừa qua khi tất cả 15 thành viên của Hội Đồng Bảo An nhất trí đề đạt tên ông lên Đại Hội Đồng chấp thuận.

Với sự hỗ trợ của các siêu cường: Trung Hoa, Pháp, Nga, Anh và Hoa Kỳ, ông sẽ là người đứng hàng đầu thay thế Ông Ban Ki-moon của Đại Hàn về hưu vào cuối năm nay.

Ông Guterres xuất thân là một kỹ sư, trở thành phụ tá giáo sư trước khi gia nhập Đảng Xã Hội vào

năm 1974, làm thủ tướng Bồ Đào Nha từ năm 1995 tới năm 2002. Sau đó, ông tham gia nền ngoại giao quốc tế, trở thành Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc vào năm 2005, một chức vụ ông giữ trọn một thập niên, với 2 nhiệm kỳ.

Thông thạo tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Anh, tiếng Pháp và Bồ Đào Nha, ông có hai con. Người vợ đầu tiên của ông qua đời năm 1998 và ông tục huyền năm 2001.

Ông được mọi người coi là người chính trực về luân lý, thông thạo lãnh vực quốc tế, và có óc cải tổ: trong các năm làm Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc, ông giảm tới 1 phần ba nhân viên văn phòng, phái nhiều nhân viên đi làm việc tại chỗ hơn. Nhờ thế giải quyết nhanh chóng được nhiều cuộc khủng hoảng. Khi ra đi vào năm 2015, ông để lại hơn 10 ngàn nhân viên cho cơ quan này, được coi là một trong các cơ quan lớn nhất của Liên Hiệp Quốc.

Trong lời tuyên bố về viễn kiến của mình khi nộp đơn xin chức vụ tổng thư ký, Ông Guterres nói tới các thách đố đang đặt ra cho thế giới về gia tăng bất bình đẳng, chủ nghĩa khủng bố và tội ác có tổ chức, thay đổi khí hậu và lan tràn các nhân tố vũ trang quốc tế.

Tất cả các vấn đề trên đều được Đức Phanxicô hết sức quan tâm và năng đề cập tới, thậm chí còn ban hành một thông điệp về môi trường.

Tháng Chín năm ngoái, khi nói chuyện với Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc nhân chuyến tông du Hoa Kỳ, Đức Phanxicô kêu gọi một cuộc cải tổ cho tổ chức này, sao cho mọi quốc gia đều có một ảnh hưởng chân chính và công bằng đối với các diễn trình đưa ra quyết định.

Ngài cũng cảnh cáo cơ quan này đừng để mất cột trụ của nó là phát triển con người toàn diện và cứu các thể hệ tương lai khỏi chiến tranh bằng việc trở nên “thứ tán gẫu vô công rồi nghề chỉ nhằm che đậy đủ thứ lạm dụng và thói nát, hoặc thi hành việc thực dân hóa đầy tính ý thức hệ qua việc áp đặt các mẫu mực và lối sống dị thường hoàn toàn xa lạ đối với bản sắc con người và xét cho cùng, hoàn toàn vô trách nhiệm”.

Ông Guterres từng viếng thăm Đức Giáo Hoàng Phanxicô hồi tháng Mười Hai, năm 2013. Cuối cuộc viếng thăm này, ông nhận định: “Giáo Hội Công Giáo luôn là một tiếng nói rất quan trọng trong việc bảo vệ người tị nạn và di dân. Một tiếng nói của khoan dung, của tôn trọng đối với sự đa dạng trong một thế giới đang đứng, nếu không muốn nói là thù nghịch, đối với tất cả những gì là ngoại quốc”.

Lúc ấy, Ông Guterres cũng nói rằng ở Âu Châu, cũng như ở nhiều quốc gia đang mở mang, đang có việc nổ ra chủ nghĩa bài ngoại. “Đức Giáo Hoàng Phanxicô không những chỉ ra điều phải là học lý chính đáng cho cộng đồng Kitô Giáo, mà ngài còn là một chứng nhân đích danh”, ông nói thể trước khi ca ngợi tông huấn Niềm Vui Tin Mừng của ngài và chuyến ngài viếng thăm Đảo Lampudesa ở Ý.

Nói với Đài Phát Thánh Vatican, sau khi yết kiến Đức Phanxicô, Ông Guterres còn nói tới cuộc viếng thăm Vatican trước đó của ông, lúc ông yết kiến Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI. Ông cho hay: lúc ấy, hai vị cùng nhất trí về quan điểm đối với người tị nạn.

Về các quan tâm xã hội khác mà Giáo Hội vốn coi là chủ yếu, như việc bảo vệ sự sống các trẻ em chưa sinh, các quan điểm của ông Gueterres cũng đã có từ cuối thập niên 1990.

Phe đối lập tại quốc gia ông tố cáo ông là người chủ chốt trong việc chiến thắng của lá phiếu “không” trong cuộc trưng cầu dân ý năm 1998 về phá thai, dù ông là đảng viên Đảng Xã Hội. Ông đề cuộc bầu phiếu diễn ra, nhưng công khai chống đối phá thai dựa vào các xác tín bản thân của mình.

Khi có cuộc tham khảo ý dân tương tự vào năm 2007, ông giữ im lặng. Phiếu ủng hộ phá thai theo yêu cầu trong 10 tuần đầu của thai kỳ thắng thế, nhưng vô giá trị vì người đi bầu quá ít. Tuy nhiên, một dự luật cho phép việc này cuối cùng cũng được thông qua cùng một năm.

Ông cũng bị các nhóm đồng tính luyến ái và những người cổ vũ hôn nhân đồng tính chỉ trích nặng nề. Năm 1995, Ông Gutterres mô tả đồng tính luyến ái là “một bất ổn tâm thần” và các nhà tranh đấu đồng tính Mỹ đang vận động Tổng Thống Obama phủ quyết việc bổ nhiệm ông làm Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc.

Thực vậy, trong một cuộc phỏng vấn của Đài Truyền Hình SIC, Bồ Đào Nha, ngày 16 tháng Chín, năm 1995, Ông Gutterres công khai tuyên bố rằng “đồng tính luyến ái không phải là một phương diện tôi đặc biệt thích” và nhường câu hỏi cho vợ ông, một nhà phân tâm học, trả lời.

Các người đồng tính hết sức bất mãn cho rằng từ năm 1973, đồng tính luyến ái đã không còn bị Hội Phân Tâm Học Hoa Kỳ coi như một bất ổn tâm thần nữa và do đó, Tổ Chức Y Tế Thế Giới, ngày 17 tháng Năm năm 1990, đã loại đồng tính luyến ái ra khỏi danh sách các bệnh tâm thần. “Thành thử quả là điều phi lý và vô trách nhiệm khi tránh né câu hỏi bằng cách nhường câu hỏi cho một nhà phân tâm học khi nó không còn là một vấn đề y khoa từ lâu rồi!”. Các người đồng tính nói thế.

Ông rất được Hội Đồng Giám Mục Bồ Đào Nha ca ngợi vì “cảm thức sâu sắc về nhân tính và đức tin”. Các ngài nhận định rằng “Chúng tôi hy vọng ông có thể đương đầu, bằng can đảm, đối thoại và quyết tâm, với mọi thách đố lớn lao trên nghị trình của thế giới ngày nay, luôn luôn tìm kiếm hòa bình, các giải pháp hoà bình và phát triển các mối liên hệ thân hữu giữa các quốc gia, như đã được quả quyết ở đầu Hiến Chương Liên Hiệp Quốc”.

Tuy là một đảng viên Đảng Xã Hội Bồ Đào Nha, Ông Gutterres, 67 tuổi, vẫn là một người Công Giáo nhiệt thành. Ông là một trong các sáng lập viên của Grupo da Lux (Nhóm Ánh Sáng) do Dòng Phanxicô yểm trợ; nhóm này được thành lập đầu thập niên 1970, lúc ông còn là sinh viên đại học ở Lisbon. Nhóm này làm việc cho người nghèo tại thủ đô Bồ Đào Nha. Trong số các đồng nghiệp của ông thuộc nhóm này, có Marcelo Rebelo de Sousa, hiện là Tổng Thống Bồ Đào Nha.

“Liên Hiệp Quốc hiện nay đang có một cơ hội độc nhất để suy nghĩ lại, để duyệt lại, và để cải tổ việc phục vụ của mình đối với cộng đồng quốc tế”, Rebelo de Sousa nói với các nhà báo như thế, đầu tháng Mười qua, khi đứng chờ phiên nói với Liên Hiệp về người bạn của mình.

Đức Hồng Y Müller viết cuốn sách mới về Đức Bênêđictô XVI và Đức Phanxicô

(Ngày 21/10/2016)

Đức Hồng Y Gerhard Müller, Tổng Trưởng Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, vừa viết một cuốn sách mới nói về Đức Bênêđictô XVI và Đức Phanxicô, lưu ý người đọc tới trọng điểm của hai vị: “độc tài duy tương đối” và “hoàn cầu hóa dừng dừng”.

Trong cuốn sách tựa là *Bênêđictô và Phanxicô, Các Vị Kế Nhiệm Phêrô trong Việc Phục Vụ Giáo Hội*, Đức Hồng Y Tổng Trưởng đã đưa ra “một cuộc phân tích và một sự suy nghĩ thành thực” về các thách thức mà các xã hội và nền văn hóa đương thời đang đặt ra cho Giáo Hội dưới ánh sáng hai triều giáo hoàng.

Theo các nhà xuất bản của nó, đây là một cuốn sách bao gồm nhiều bài tiểu luận bàn về “vai trò của ngôi vị giáo hoàng ngày nay, giá trị của chủ nghĩa thế tục đối với Kitô hữu, sự lưỡng phân biểu kiến giữa tính duy nhất của Giáo Hội do Chúa Giêsu Thành Nadarét lập ra và tính đại kết, và ơn gọi phổ quát làm tông đồ và nên thánh giữa các đòi hỏi của “tân phúc âm hóa””.

Các nhà xuất bản này cũng cho rằng “Trước các điển hình trên, các vị giáo hoàng, trong đó có Đức Bênêđictô XVI và Đức Phanxicô, mỗi người đáp ứng bằng một đặc sủng riêng, được tác giả muốn nhấn mạnh”.

Trong các tiểu luận của ngài, Đức Hồng Y Müller muốn phân tích xem, với cảnh “khủng hoảng trầm trọng của con người thời ta” và thế giới “mỗi ngày xem ra mỗi tiến tới điểm tan tác” do “chủ nghĩa yêu mình thái quá và càng ngày các tranh chấp hoàn cầu càng gia tăng”, Tin Mừng có thể được tái khám phá, “được nhập thân như thế nào qua các thế kỷ thuộc Truyền Thống của Giáo Hội”. Điều này giúp Giáo Hội thi hành “sứ mệnh có tính bí tích của mình quanh vị Giám Mục Rôma, ngọn hải đăng duy nhất có thể giúp con người”.

Trong một đoạn văn ngắn, các nhà xuất bản trích dẫn lời của Đức Hồng Y Müller viết rằng “trong ‘nền độc tài duy tương đối’ và trong ‘việc hoàn cầu hóa dừng đọng’, nói theo các kiểu nói của Đức Bênêđictô XVI và Đức Phanxicô, các biên giới giữa chân và giả, giữa thiện và ác, đã trở nên lẫn lộn”.

Ngài viết thêm rằng: “thách thức đối với hàng giáo phẩm và đối với mọi chi thể của Giáo Hội là chống lại sự lây lan tinh thần thế gian và các chứng bệnh thiêng liêng của thời ta”.

Tính liên tục và sự phê phán

Đức Hồng Y Müller thường cố gắng nối kết tính liên tục giữa Đức Bênêđictô và Đức Phanxicô, nhưng cũng đồng thời phê phán một số yếu tố và khuynh hướng trôi vọt trong Giáo Hội.

Có lẽ các điều trên được thấy rõ nhất trong một bài nói chuyện ít được phổ biến của ngài tại Chile cách nay một năm. Trong bài nói chuyện này, Đức Hồng Y nhấn mạnh tới tầm quan trọng của việc các giám mục tái khẳng định sự hợp nhất của các ngài với Đức Giáo Hoàng, nhưng cũng cảnh giác trước “sự du nhập của một số yếu tố của chủ nghĩa Thệ Phán cấp tiến” trong Giáo Hội.

Về các hội đồng giám mục, ngài cho rằng các hội đồng này không nên trở thành “một thứ chính phủ trung ương trên thực tế của Giáo Hội” tại một quốc gia đặc thù. Trích dẫn Thánh Gioan Phaolô II, Đức Hồng Y nói rằng các hội đồng này hiện hữu để “giúp các giám mục, chứ không thay thế các ngài”, nhưng “một cái hiệu nghèo nàn” thuộc bản chất thần học về một định chế tương đối mới đã dẫn tới nguy cơ các hội đồng này tự khoắc cho mình một “phong thái tổ chức kiểu cộng đồng Cải Cách”. Lúc ấy, các hội đồng này trở nên tương tự như “một Giáo Hội quốc gia”, có khả năng xác định “một số nhân mạnh nào đó về nội dung và thủ tục” bắt chương trình mục vụ của các giáo phận phải thích ứng theo.

Đức Hồng Y Müller cũng nói tới các nguy hiểm của chủ nghĩa duy tương đối trong Giáo Hội, lưu ý mọi người rằng tuyên bố *Dominus Jesus* năm 2000 đã bị một số giới thần học bác bỏ ra sao và chủ nghĩa duy tương đối đã dẫn tới một thứ “chủ nghĩa chiết trung tôn giáo” như thế nào. Ngài cũng nhận định rằng chủ nghĩa này đã “tác động lên mối liên hệ với các hệ phái Kitô Giáo” như thế nào, khiến dẫn tới một thứ đại kết mà trong một số trường hợp đã bác bỏ cả sứ điệp Kitô Giáo chân thực để tuyên xưng “các chân lý tôn giáo hoàn toàn tự nhiên”. Hậu quả là các chân lý nhân học nền tảng về con người nhân bản đã trở thành “tan loãng”, nhất là các ý niệm đặc trưng Kitô Giáo về “nhân vị, hôn nhân và sự sống”.

Ngài nhận định thêm: “sự bất đồng thần học” trong lãnh vực luân lý Công Giáo, luôn là mối quan tâm của Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, đã “hiện diện cách đặc biệt” trong các thập niên gần đây. Ngài nhắc nhở các giám mục và các giáo sĩ rằng vì được “ủy thác nhiệm vụ duy trì, giải thích và truyền bá Lời Thiên Chúa”, các ngài phải “can đảm và mạnh bạo sửa sai các lầm lạc”, thậm chí phải dùng các phương tiện truyền thông đại chúng để làm việc này.

Đức Hồng Y Müller nhiều lần nhắc tới Chỉ Thị *Donum Veritatis* năm 1990 của Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, một chỉ thị dạy rằng “thần học quan trọng đối với Giáo Hội mọi thời để Giáo Hội có thể đáp ứng kế hoạch của Thiên Chúa ‘Đấng muốn mọi người được cứu rỗi và tiến tới chỗ biết sự thật’ (1Tm 2:4)”.

Đức Hồng Y cũng phê phán ảnh hưởng bất xứng của các khoa học nhân văn đối với thần học, và việc các nhà bất đồng đôi khi nại tới một “thứ lý luận xã hội học để chủ trương rằng ý kiến của số lớn các

Kitô hữu nói lên một cách trực tiếp và thỏa đáng ‘cảm thức đức tin siêu nhiên’.

Về “cảm thức đức tin” hay cảm thức tín hữu này, ngài nói “không thể đồng hóa hoàn toàn và một cách đơn giản các ý kiến của tín hữu với cảm thức đức tin”. Vì cảm thức đức tin vốn là “đặc tính của đức tin đối thần, và vì là hồng ơn của Thiên Chúa, giúp người ta đích thân gắn bó với Sự Thật, nên không thể sai lầm”.

Đức Hồng Y cũng ghi nhận sự “biến mất hay thiếu đánh giá cao tầm quan trọng của ơn thánh trong đời sống thiêng liêng”, một điều kết cục sẽ “dị hình hóa mục đích của các bí tích, việc cầu nguyện và giáo huấn truyền thống của Giáo Hội đối với Kitô hữu và đời sống ơn gọi”.

Ngoài ra, ngài còn nhấn mạnh tới sự quan trọng của “giáo huấn thỏa đáng trong nội dung Sách Giáo Lý” mà theo ngài, nói theo ngôn từ của Đức Gioan Phaolô II, “là một dụng cụ có giá trị và hợp pháp để hiệp thông Giáo Hội và là chuẩn mực chắc chắn để giảng dạy đức tin”.

Chung quanh vụ bốn hồng y hoài nghi Đức Giáo Hoàng

(Ngày 01/12/2016)

Đến nay, ai cũng biết vụ bốn vị Hồng Y, trong đó, có Đức Hồng Y Burke của Hoa Kỳ, công bố bức thư gửi cho Đức Giáo Hoàng Phanxicô yêu cầu ngài giải thích rõ một số điểm hoài nghi (dubia) của các ngài về tông huấn *Niềm Vui Yêu Thương*, sau khi bị Đức Giáo Hoàng từ khước việc trả lời. Ở đây, chúng tôi sẽ không đi vào nội dung bức thư vì các độc giả của vietcatholic.net đã am hiểu cả rồi. Chúng tôi chỉ phỉếm chuyện quanh vụ này mà thôi.

Đe dọa và cay đắng

Việc đầu tiên là vị chủ tịch Toà Thượng Thẩm Rôma (Roman Rota), một Tòa dường như chỉ chuyên về các vụ án hôn nhân, lên tiếng cho rằng rất có thể Đức Phanxicô sẽ tước bỏ mũ đỏ của bốn vị này. Lý do: đã hoài nghi giáo huấn của Đức Giáo Hoàng dù giáo huấn này không hề trái ngược học lý Công Giáo truyền thống. Dù vị chủ tịch này thận trọng cho hay: rất có thể thôi, chứ Đức Giáo Hoàng chưa có quyết định này, nhưng người ta thấy “dự đoán” này khá nặng ký.

Thực vậy, Đức Cha Pio Vito Pinto nhận định rằng bốn vị Hồng Y Raymond Burke, Walter Brandmüller, Carlo Caffarra, và Joachim Meisner rất có thể bị phạt vì đã gây “tai tiếng lớn” qua việc hoài nghi việc giải thích một văn kiện giáo hoàng. Việc hoài nghi này không thích đáng vì văn kiện này phản ánh công trình của Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình: “Người ta không thể hoài nghi hành động của Chúa Thánh Thần”.

Nhận định trên được đưa ra trong một hội nghị ở Tây Ban Nha. Đức Cha Pinto cho biết thêm: dù Đức Giáo Hoàng không trực tiếp trả lời thư của bốn vị Hồng Y, nhưng ngài đã gián tiếp trả lời rằng: “các vị chỉ thấy đen và trắng, trong khi có những màu lẫn lộn trong Giáo Hội”.

Linh Mục Sparado, Dòng Tên, mà có người cho là người đọc rõ tư duy của Đức Phanxicô, cũng cho rằng: Đức Phanxicô đã trả lời cho bốn vị rồi. Bởi vì các câu hoài nghi này đã từng được nêu ra ngay trong Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình. Và “tất cả các câu trả lời cần thiết đã được đưa ra hơn một lần”.

Cha Spadaro còn cay đắng cho rằng “một lương tâm hoài nghi có thể dễ dàng tìm được mọi câu trả lời nó tìm kiếm, nếu nó tìm kiếm chúng một cách thành thực”.

Vị linh mục này nói thêm: “Niềm Vui Yêu Thương” mở ra một cuộc tranh luận quan trọng, có thể rất hữu ích cho Giáo Hội, ngoại trừ đối với “những ai sử dụng chỉ trích vì các mục đích khác hay hỏi những câu hỏi nhằm tạo ra khó khăn hay chia rẽ”.

Nhận định nói trên của Linh mục Sparado được CNN phổ biến ngày 28 tháng Mười Một.

Là quyền lợi và nghĩa vụ

Tuy nhiên, các đe dọa mặc nhiên và các phản ứng cay đắng trên vẫn không làm Đức Hồng Y George Pell của Úc và Đức Cha Jozef Wrobel của Ba Lan tiếp tục lên tiếng ủng hộ bốn vị Hồng Y “hoài nghi”.

Thực vậy, tiếp theo một bài diễn văn tại London, Đức Hồng Y Pell được người ta hỏi liệu ngài có đồng ý với bốn vị Hồng Y lên tiếng hoài nghi Đức Giáo Hoàng Phanxicô và ngài đã trả lời: “Làm thế nào bạn lại có thể bất đồng với một câu hỏi?” nhất là khi các câu hỏi này có tính “quan trọng”.

Trong bài diễn văn, Đức Hồng Y Pell nói khá chi tiết về cách hiểu đúng đắn thái độ của lương tâm đối với luận luân lý. Dù thừa nhận tính tối thượng của lương tâm, nhưng như chân phúc John Newman từng nhấn mạnh, ta phải lưu ý tới “sự giả mạo đáng thương” của lương tâm, một thứ giả mạo chuyên cổ vũ “quyền của ý riêng”.

Theo ngài, lương tâm phải được thông tri thích đáng. “Khi một linh mục và một hối nhân cố gắng biện phân cách tốt nhất để đi tới, trong điều gọi là tòa trong”, thì họ luôn phải tham chiếu các lẽ luật luân lý do Giáo Hội qui định. “Ý niệm cho rằng bạn có thể tùy cơ biện phân luật luân lý nào không nên theo hoặc không nên nhìn nhận là điều phi lý”.

Đức Hồng Y Pell nhận định một cách sắc cạnh rằng người Công Giáo đôi khi được khuyên phải theo lương tâm của họ về các vấn đề thuộc luân lý tính dục. Ngài nói: có điều, một lời khuyên như thế thường lại không được đưa ra đối với những người nuôi dưỡng các thái độ kỳ thị chủng tộc hay những người bác bỏ nghĩa vụ trợ giúp người nghèo.

Đối với những người lưu tâm tới việc hiểu biết giáo huấn của Giáo Hội về các vấn đề luân lý, Đức Hồng Y Pell mạnh mẽ đề nghị nên đọc *Veritatis Splendor* (Ánh Sáng Chân Lý) và *Evangelium Vitae* (Tin Mừng Sự Sống), hai “thông điệp vĩ đại” của Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II. Các nhà phê bình Đức Giáo Hoàng Phanxicô vốn nhận định rằng hai thông điệp này phần lớn bị làm ngơ trong *Niềm Vui Yêu Thương*.

Đức Hồng Y Pell cho rằng nhiều tín hữu Công Giáo “mất bình tĩnh” trước các khai triển gần đây bên trong Giáo Hội. Ngài nói rằng điều này là hậu quả của việc mơ hồ lẫn lộn khá phổ biến đối với thẩm quyền của luật luân lý.

Trong khi đó, Đức Cha Jozef Wrobel cho hay: “Điều chính đáng là trả lời” bốn vị Hồng Y, những người không hề tranh biện về thẩm quyền của Đức Giáo Hoàng, mà chỉ yêu cầu được minh xác về văn kiện. “Điều hiển nhiên cần phải làm là trả lời các vị”.

Trong một bài phỏng vấn đăng trên nhật báo của Ý La Fede Quotidiana, Đức Cha Wrobel nói rằng ngài có thiện cảm đối với các mối quan tâm của bốn vị Hồng Y về tông huấn: “Niềm Vui Yêu Thương không được viết khéo lắm”. Nó mơ hồ, có thể vì viết về quá nhiều điều một cách quá vội vã, không phân tích nội dung và các hậu quả thực tiễn có thể có của nó. Câu hỏi này cần được đặt ra cho Vatican và các cộng sự viên vốn được Đức Giáo Hoàng tin cậy. Biên tập bản văn như thế này một cách vội vã không hề phục vụ tốt cho Giáo Hội”.

Đức Cha Wróbel là giám mục phụ tá của giáo phận Lublin, và hiện giảng dạy môn đạo đức sinh học tại Đại Học Lublin. Ngài cho rằng các vị Hồng Y này chỉ thi hành đúng đắn điều được Bộ Giáo Luật dự trù. “Tôi nghĩ đây không những là một quyền lợi mà hơn nữa còn là một nghĩa vụ”. Bởi vì trong mấy tháng qua đã có những nhà thần học, các linh mục và cả các giám mục giải thích khác nhau và ngược nhau về ý nghĩa của văn kiện này.

Đức Cha Wróbel nhận định rằng không trả lời các vị là điều không chính đáng. “Các ngài không hỏi về thời tiết ngày mai, nhưng về những câu hỏi liên quan đến tín lý Giáo Hội và do đó đến các tín hữu của Giáo Hội”. Do đó, trả lời là vấn đề thuộc đức ái. “Tính tối thượng của đức ái bắt đầu với những người gần gũi mình nhất”.

Nhìn lại sinh hoạt của Đức Phanxicô năm 2016

(Ngày 21/12/2016)

Sau đây là bài cuối cùng trong loạt bài của nữ ký giả Inés San Martín về Giáo Hội Công Giáo năm 2016. Trong bài này, cô đề cập tới Đức Giáo Hoàng Phanxicô và sáu cuộc tông du, việc công bố Tông Huấn Niềm Vui Yêu Thương, việc cải tổ giáo triều của ngài và việc thỉnh thoảng ngài được chứng kiến Đức Bênêđictô XVI xuất hiện công khai.

Tóm trình các biến cố về Đức Phanxicô trong năm 2016 là điều khó khăn, vì chúng quá nhiều và quá đa diện: từ Năm Thánh Lòng Thương Xót tới các cuộc họp báo trên không với đủ mọi đề tài, lúc nào ngài cũng đều tạo tin nóng hổi, đáng lưu ý, ấy là chưa kể tới nhiều cuộc phỏng vấn trực diện. Tuy nhiên, Inés cố gắng nhìn ngài qua 4 khía cạnh sau: tông du, tỵ nạn, Tông Huấn Niềm Vui Yêu Thương và việc cai quản Giáo Hội.

Tông du

Dù là người không thích du hành, Đức Phanxicô cũng đã ra khỏi nước Ý nhiều lần hơn dự tính, với 6 cuộc tông du riêng trong năm 2016.

Trước nhất là chuyến tông du Mễ Tây Cơ nặng tính chính trị, nơi không những ngài kính viếng Đức Mẹ Guadalupe, quan thầy Mỹ Châu, mà còn thực hiện cuộc hành hương suốt từ nam lên bắc, giống con đường mà hàng ngàn di dân đã đi trong hành trình tiến vào Hiệp Chúng Quốc của họ.

Chuyến đi trên bắt đầu ở Mexico City, rồi từ đó, ngài tới khu ngoại ô Ecatepec nghèo nàn, đầy tội ác, nơi ngài đưa ra lời cảnh cáo chống lại con cái đồ “giàu có, phù vân, và kiêu căng”. Sau đó, ngài tiến xuống phía nam, tới San Cristóbal de Las Casas thuộc vùng Chiapas, nơi tập trung phần lớn người bản địa của xứ sở; và chính ở đây, ngài lên tiếng đòi hỏi công lý cho các cộng đồng bản địa.

Rồi ngài tới Morelia, được biết dưới danh xưng “thủ đô giết người” của Mễ Tây Cơ, nơi tung hoành của nhiều băng đảng ma túy và khủng bố. Tại đây, ngài kêu gọi các thanh thiếu niên nhớ rằng Chúa Giêsu không giờ nào bảo họ trở nên các tay anh chị giết người.

Cuối cùng, tại Ciudad Juárez trên biên giới Mỹ Mễ, ngài đọc bài diễn văn về nhân phẩm người di dân, trong một Thánh Lễ có nhiều vị giáo phẩm Mỹ tham dự, trong đó, có Đức Hồng Y Sean O'Malley của Boston.

Điều đáng chú ý là trước khi vào Mễ Tây Cơ, Đức Phanxicô tới Cuba nơi ngài ký tuyên bố chung với Thượng Phụ Chính Thống Nga Kirill, một thành quả sau nhiều thập niên liên hệ đại kết giữa Vatican và Kremlin.

Tuy nhiên, Mễ Tây Cơ cũng chỉ là một cuộc tông du. Tháng Tư, ngài còn làm một cuộc tông du khác tới Đảo Lesbos của Hy Lạp. Tháng Sáu, ngài tới Armenia, nơi ngài kết án tội diệt chủng người Armenia của người Thổ Nhĩ Kỳ trong Thế Chiến I và đưa ra một số bài học dạy ta tại sao phong trào đại kết lại quan trọng.

Tháng Bảy, ngài lên đường qua Krakow, Ba Lan, nơi ngài hướng dẫn hơn 2 triệu bạn trẻ du hành tới đất nước của Thánh Gioan Phaolô II và của Thánh Faustina Kowalska tham dự Ngày Giới Trẻ Thế Giới.

Ở Ba Lan, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã thăm trại tử thần khét tiếng Auschwitz-Birkenau. Chính ở

đây, ngài hiến cho thế giới một bài học mạnh mẽ về “tình người của người với người” qua việc gặp gỡ 25 “Người Công Chính Giữa Các Dân Tộc”.

Ở buổi lễ kết thúc Ngày Giới Trẻ Thế Giới, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói với đám đông hơn hai triệu người tụ tập tại một cánh đồng bên ngoài Krakow: đừng nhụt chí bởi những người muốn trình bày hình ảnh một Thiên Chúa vô cảm, ngược lại nên tin tưởng vào sức mạnh của lòng Chúa thương xót.

Và trong quý cuối cùng của năm 2016, cuộc đối thoại đại kết và liên tôn lại một lần nữa đứng đầu nghị trình du hành của Đức Giáo Hoàng, với các cuộc tông du Georgia và Azerbaijan vào cuối tháng Chín đầu tháng Mười, rồi Thụy Điển vào tháng Mười Một, để đánh dấu lễ kỷ niệm 500 năm ngày khởi đầu Phong Trào Cải Cách.

Azerbaijan có một cộng đồng Công Giáo bé nhỏ đến nỗi một số người cho rằng nếu không vì cố gắng liên tôn của Đức Phanxicô, thì chẳng tha đưa họ tới Rôma còn rẻ hơn là chuyển tới đó của Đức Giáo Hoàng.

Một lần nữa, đây cũng là dịp để Đức Giáo Hoàng tổ chức cuộc họp báo trên không trong đó, ngài trả lời đủ các câu hỏi về Ông Trump, Ông Sanders, chủ nghĩa cực đoan Hồi Giáo, việc Công Giáo xin lỗi cộng đồng đồng tính, linh mục nữ giới và nhiều câu hỏi khác.

Đức Phanxicô và người tỵ nạn

Ai cũng biết cuộc khủng hoảng di dân ở Âu Châu, được coi như tồi tệ nhất kể từ Thế Chiến II, là quan tâm hàng đầu của Đức Giáo Hoàng Phanxicô kể từ đầu triều giáo hoàng của ngài. Ngài vốn là con của các di dân.

Nếu cần phải chứng minh quan tâm của ngài đối với những người phải rời bỏ quê hương của mình vì chiến tranh, bách hại, đói kém... thì chỉ cần nhớ chuyến tông du trong ngày của ngài tới Đảo Lesbos của Hy Lạp. Từ cuộc viếng thăm này, ngài mang theo về Rôma ba gia đình tỵ nạn.

Trước đó, khi dừng chân tại Ciudad Juarez, Biên Giới Mỹ Mễ, để trả lời một câu hỏi về Ông Trump, ngài bảo các chính trị gia nào muốn xây tường ngăn cách đều không phải là Kitô hữu.

Trong 4 tháng sau cùng, ngài nói rằng chào đón người tỵ nạn là phương thế giúp ta an ổn khỏi bị khủng bố. Ngài cho biết: sợ sệt là cố vấn tồi đối với các quốc gia đang cố gắng thiết lập các chính sách về di dân và tỵ nạn. Ngài thúc giục người ta khắc phục sự dửng dưng trước số phận những người này vì “rất có thể đây là (số phận của) anh chị em. Hay (của) tôi”. Ngài gọi các Kitô hữu khước từ người tỵ nạn là “những kẻ giả hình”.

Hồi tháng Chín, Tòa Thánh công bố: Đức Giáo Hoàng Phanxicô đang thiết lập một siêu thánh bộ lo việc Cổ Vũ Phát Triển Con Người Toàn Diện, bảo vệ các quyền của những người bị hắt hủi và “trông nom các sự thiện vô giá là công lý, hòa bình và chăm sóc môi trường”. Nhưng điều đáng nói là Đức Phanxicô giành vấn đề tỵ nạn cho riêng ngài.

Một số người coi việc ấy không có gì mới lạ cả. Vì các vị tiền nhiệm của ngài là Thánh Giáo Hoàng Piô X và Đức Piô XII vốn cũng đã mở cửa Tòa Thánh hay dinh mùa hè cho người tỵ nạn.

Dù Đức Giáo Hoàng Phanxicô vốn thúc giục người Công Giáo xem xét các khuôn mặt chứ đừng xem xét các con số trong cuộc khủng hoảng tỵ nạn, nhưng nếu xét con số thống kê, thì quan tâm của Giáo Hội đối với người tỵ nạn không phải là vô cớ. Cho đến ngày 20 tháng Mười Một, ít nhất đã có 4,500 người chết chìm ở Địa Trung Hải, khi cố gắng vượt biển tới Âu Châu.

Ấy thế nhưng, Đức Phanxicô làm nhiều hơn là chỉ kêu gọi mọi định chế Công Giáo ở Âu Châu chào đón ít nhất một gia đình tỵ nạn: ngài cũng còn trở thành tiếng nói hàng đầu trong việc tìm ra các giải

pháp cho vấn đề gốc rễ đứng đằng sau cuộc khủng hoảng tỵ nạn tại các nước nguyên gốc, trong đó, có vấn đề hâm nóng hoàn cầu, cảnh nghèo, chiến tranh và buôn bán vũ khí.

Tông Huấn *Niềm Vui Yêu Thương*

Công bố hồi tháng Tư, Tông Huấn *Niềm Vui Yêu Thương* của Đức Giáo Hoàng Phanxicô là một văn kiện dài 255 trang, rút các kết luận từ hai thượng hội đồng giám mục đầy biến động về gia đình hồi tháng 10 năm 2014 và tháng 10 năm 2015.

Trong văn kiện trên, Đức Giáo Hoàng, theo đúng nghĩa đen, đã chạm đến mọi vấn đề liên quan đến điều ngài gọi là "lời công bố của Kitô giáo về gia đình": Từ di trú tới ý thức hệ giới tính, thách đố đối thoại trong các gia đình và nhu cầu phải chuẩn bị hôn nhân mạnh mẽ hơn và hỗ trợ nhiều hơn cho các cặp vợ chồng mới bắt đầu sống với nhau.

Tuy nhiên, sau này, hầu hết các cuộc thảo luận đã tập trung vào chương tám, là chương, cùng với các vấn đề khác, đã bàn đến sự chăm sóc mục vụ cho các người Công Giáo vướng vào các mối liên hệ bất hợp lệ, đặc biệt là những người ly dị và tái hôn dân sự.

Về vấn đề trên, điều quá ấu trĩ đúng nghĩa đen nằm ở chi tiết của chú thích 351. Chú thích này nói rằng trong một số trường hợp đặc biệt, những người trong các hoàn cảnh này có thể được chịu các bí tích.

Kể từ khi phát hành tông huấn, các giám mục bắt đầu cho công bố các chỉ dẫn, trong đó, các ngài nhấn mạnh rằng không có gì thay đổi liên quan tới giáo luật hoặc giáo huấn về tính bất khả tiêu của hôn nhân, và do đó, chỉ thị rằng trong giáo phận của các ngài, người ly dị và tái hôn dân sự vẫn không hội đủ điều kiện để lãnh nhận các bí tích, trừ khi họ sống như "anh trai em gái".

Các vị giám mục khác có một chủ trương dễ dãi hơn, như các giám mục của tổng giáo phận Buenos Aires trước đây của Đức Giáo Hoàng tại quê hương Á Căn Đình. Các vị này được Đức Phanxicô nhất trí và khuyến khích.

Vào mùa thu, bốn vị Hồng Y, trong đó có Đức Hồng Y người Mỹ Raymond Burke, đệ nạp một số "dubia" (hoài nghi), tức một số câu hỏi "có hay không", lên Đức Giáo Hoàng Phanxicô về ý nghĩa của Tông Huấn *Niềm Vui Yêu Thương*. Thoạt đầu, lá thư này có tính tư riêng, nhưng khi Đức Phanxicô từ chối trả lời trực tiếp, các Hồng Y đã công khai công bố nó cho công chúng.

Đức Hồng Y Burke còn đi xa hơn nữa khi gợi ý rằng nếu Đức Giáo Hoàng không giải tỏa những gì các vị Hồng Y mô tả như là "sự hồ đồ" và "làm mất phương hướng" do Tông Huấn tạo ra, thì một loại sửa sai hay quả trách công khai nào đó với Đức Giáo Hoàng có thể được coi là cần thiết.

Các đồng minh của Đức Giáo Hoàng nhiều lần nói rằng trên thực tế, Đức Phanxicô đã trả lời các điểm "hoài nghi" rồi, ví dụ qua việc ngài ủng hộ lập trường của các giám mục Á Căn Đình, nhưng nhiều người khác lập luận rằng lá thư bị rò rỉ dựa trên một bộ hướng dẫn mới đang ở giai đoạn soạn thảo không thể được coi là huấn quyền của một vị giáo hoàng.

Bất luận các lời qua tiếng lại trên đây, điều hiển nhiên là vấn đề chưa được giải quyết. Do đó, chắc chắn nó sẽ tái xuất hiện vào năm 2017.

Việc cai trị Giáo Hội

Khi được các hiền huynh Hồng Y bầu vào chức vụ giáo hoàng năm 2013, Đức Phanxicô, người từng công khai bày tỏ sự không ưa của mình đối với nền chính trị kiểu triều đình Rôma, biết rằng một trong những cơ sở ngài được sự ủng hộ của các hiền huynh là việc ngài biết đầu tay nền hành chánh của Vatican bị rối loạn chức năng và chậm chạp như thế nào đối với người bên ngoài.

Đó là lý do tại sao ngay sau khi được bầu, ngài đã lập ra một nhóm gồm chín Hồng Y cố vấn, hoặc

C9, để giúp ngài trong cuộc cải tổ Giáo Triều Rôma. Các vị giáo phẩm này đến từ khắp các châu lục, trừ Antarctica, và thuộc đủ các bối cảnh thần học khác nhau.

Vì nhóm chỉ họp trung bình bốn lần một năm kể từ khi ra đời, và ít có thông báo được đưa ra liên quan tới việc cải tổ cơ quan chủ quản của Giáo Hội, nên có người cho rằng diễn trình cải tổ đang bị mắc kẹt.

Năm nay, hai thông báo quan trọng là việc lập ra hai cơ quan vĩ đại có tính bao trùm tại Vatican. Một dành cho việc Phát Triển Con Người, và một dành cho tất cả những việc liên quan tới gia đình, giáo dân và sự sống, đứng đầu là Hồng Y người Mỹ Kevin Farrell.

Ấy thế nhưng, Đức Hồng Y Oswald Gracias, người Ấn Độ, một thành viên của C9, mô tả nhóm tư vấn này như "nội các bộ trưởng của Đức Thánh Cha". Ngài cho rằng nó đã trở thành "ban thẩm dò" của triều giáo hoàng này, và mặc dù không có nhiều tin tức hấp dẫn phát xuất từ nó, 75 đến 80 phần trăm các quyết định lớn của Đức Phanxicô đã được soạn thảo dựa trên sự tham khảo với nhóm.

Có lẽ, một trong những điều Đức Phanxicô nhờ ban thẩm dò là văn kiện mới đây nhất của Thánh Bộ Giáo sĩ. Văn kiện này nhắc lại một văn kiện năm 2005, tức văn kiện nói rằng không nên nhận những người đàn ông có "khuyh hướng đồng tính sâu xa" vào các chủng viện Công Giáo và, do đó, không nên để họ trở thành linh mục Công Giáo. Văn kiện này không do ngòi bút của Đức Giáo Hoàng, nhưng đã được ngài phê chuẩn.

Cuối cùng, mặc dù, theo Đức Giáo Hoàng, đây là một vấn đề gây nhiều kích động hơn là đáng có, ta vẫn không thể không kể đến quyết định của ngài lập ra một ủy ban giáo hoàng để nghiên cứu vai trò của nữ phó tế thời Giáo Hội sơ khai.

Ngài gợi ý rằng một ủy ban như thế có thể được lập ra trong khi ngài đang họp với các bề trên của các dòng nữ ở Rôma. Mấy ngày sau, khi cho rằng việc lập ra ủy ban này là điều đáng lưu ý, ngài nói với các phóng viên tháp tùng ngài trên đường từ Armenia bay về rằng ngài ngạc nhiên trước phản ứng lớn lao của nhiều người.

Ngài bảo: "ngay ngày hôm sau, dường như Giáo Hội đã mở cửa đón các nữ phó tế rồi, nhưng đâu phải thế". Theo ngài, vai trò hàng đầu của Ủy Ban là quyết chắc vai trò của các nữ phó tế trong Giáo Hội sơ khai.

Ngài nói thêm: "Tôi tin rằng chủ đề này đã được nghiên cứu khá nhiều rồi và sẽ không khó khăn gì khi phải làm sáng tỏ".

Các thành viên của nhóm, trong đó có Phyllis Zagano, một người Mỹ ủng hộ phụ nữ làm phó tế, đã được công bố đầu tháng Tám. Nhóm họp phiên đầu tiên hồi cuối tháng Mười Một.

Đức Bênêđictô XVI

Mặc dù giữ lời hứa sẽ ở im lặng sau khi từ chức, hồi tháng Hai năm 2013, Đức Giáo Hoàng hưu trí Bênêđictô XVI cho ta thấy: mọi quy tắc đều có ngoại lệ. Thực vậy, ngài đã để thế giới thấy ngài nhiều dịp, còn đọc diễn văn ở nơi công cộng lần thứ hai trong 3 năm.

Việc ấy xảy ra hồi tháng Sáu, khi Vatican tổ chức một buổi lễ để kỷ niệm năm thứ 65 ngày ngài thụ phong linh mục. Đức Phanxicô chủ tọa buổi lễ này. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, một vị đương kim giáo hoàng vinh danh một vị đã nghỉ hưu.

Hồi tháng Chín, Đức Bênêđictô cũng trở thành vị giáo hoàng đầu tiên tự kiểm điểm triều đại giáo hoàng của chính ngài, trong một cuộc phỏng vấn in thành sách với nhà báo Đức Peter Seewald.

Trong cuộc phỏng vấn trên, Đức Bênêđictô thắng thắn thừa nhận rằng việc cai trị không phải là điểm mạnh của ngài, bất kể sự kiện này: ngài đã thực sự thực hiện nhiều cải cách có tính lịch sử.

Mười Hai Nguyên Tắc hướng dẫn cuộc cải tổ Giáo Triều

(Ngày 23/12/2016)

Chủ điểm bài nói chuyện của Đức Phanxicô tại Sala Clementina mới đây là về cuộc cải tổ giáo triều, một sứ mệnh ngài cho hay đã nhận được từ những vị đã bầu ngài làm giáo hoàng năm 2013. Ai cũng biết, sứ mệnh này đã được ngài hết sức nghiêm túc thi hành từ những ngày đầu triều đại của ngài.

Kết quả? Dường như một số người cho rằng kết quả cải tổ không mấy chú ý hoặc có lẽ tiến quá chậm. Nhà báo John Allen thì gợi ý: một số viên chức Vatican cho rằng mình đang sống trong một bầu khí lo âu “cấp thấp” vì không biết liệu việc mình làm có còn đó nữa hay không khi “nhạc ngừng tấu”; và lại thực hết sức khó khăn cho họ có thể nghĩ trước hay đưa ra các dự án lâu dài, khi không biết bao giờ cuộc cải tổ này kết thúc, ngã ngũ.

Có lẽ để trả lời cho các quan tâm ấy, Đức Phanxicô đã không ngại liệt kê các thành tích đáng kể của cuộc cải tổ nói trên. Dù đáng kể, nhưng đó mới chỉ là một phần của cuộc cải tổ lần này. Tuy nhiên, điều được Đức Phanxicô nhấn mạnh ở đây là cuộc cải tổ sẽ không bao giờ chấm dứt cả, vì Giáo Hội luôn cần đổi mới (*sempet reformanda*). Và sở dĩ luôn cần đổi mới là vì Giáo Hội luôn luôn sống động. Sống động đi đôi với đổi mới.

Ngài xác nhận: “cuộc cải tổ Giáo Triều là một diễn trình tế nhị cần được thi hành trong sự trung thành với những điều cốt yếu”. Nó phải được tiến hành bằng “sự biện phân liên tục, đức can đảm của phúc âm, hành động tri chí, **im lặng tích cực**, quyết định cứng rắn và thật nhiều cầu nguyện”. Nó đòi hỏi “đức khiêm nhường sâu sắc, tầm nhìn xa rõ ràng, với những bước tiến cụ thể và, nếu cần, cả bước lùi nữa”. Nó cần được thi hành “với một ý chí kiên định, sinh khí sống động, sức mạnh có trách nhiệm, đức vâng lời vô điều kiện” và “trước nhất, phó mình cho sự hướng dẫn hết sức bảo đảm của Chúa Thánh Thần, tin tưởng ở sự hỗ trợ cần thiết của Người”.

Điều lý thú là trong những chỉ dẫn kể trên ta thấy có sự “im lặng tích cực”. Đức Hồng Y Burke, một trong bốn vị Hồng Y muốn Đức Phanxicô phá vỡ im lặng để trả lời các “dubia” của các ngài và là người có mặt tại Sala Clementina hôm ấy, chắc hơi “chột dạ” khi nghe lời chỉ dẫn này: im lặng tích cực!

Liên sau các chỉ dẫn trên, Đức Phanxicô liệt kê 12 nguyên tắc dùng để hướng dẫn cuộc cải tổ Giáo Triều:

1. Trách nhiệm cá nhân (hoán cải bản thân)

Một lần nữa, tôi xin tái xác nhận sự quan trọng của việc hoán cải bản thân, vì không có nó, mọi thay đổi cơ cấu đều sẽ vô ích. Linh hồn đích thực của việc cải tổ là những người đàn ông đàn bà, vốn là thành phần của nó và làm cho nó khả hữu. Thực vậy, hoán cải bản thân nâng đỡ và củng cố hoán cải cộng đoàn.

Có một sự tương tác mạnh mẽ giữa các thái độ bản thân và các thái độ cộng đoàn. Một con người đơn độc có thể đem lợi ích to lớn cho toàn thể cơ quan, nhưng cũng mang thiệt hại to lớn và dẫn tới bệnh hoạn. Một cơ quan lành mạnh là một cơ quan có thể phục hồi, chấp nhận, củng cố, săn sóc và thánh hóa các thành viên của mình.

2. Quan tâm mục vụ (hoán cải mục vụ)

Nên để ý hình ảnh người chăn chiên (xem Edk 34:16; Ga 10:1-21) và nhìn nhận rằng Giáo Triều là một cộng đồng phục vụ, “điều cũng tốt cho chúng ta, những người được kêu gọi làm mục tử trong

Giáo Hội, là đề gương mặt Thiên Chúa, Đấng Chấn Chiên Lành, soi sáng chúng ta, thanh tẩy chúng ta và biến cải chúng ta, nên mới trọn vẹn, để phục vụ sứ mệnh của chúng ta. Để ngay trong các nơi làm việc của chúng ta, chúng ta cảm thấy, vun sới và thực hành một cảm thức mục vụ trong lành, nhất là đối với những người chúng ta gặp hàng ngày. Đừng để ai cảm thấy bị làm ngơ hay xử tệ, nhưng người nào cũng cảm nhận được, ở đây trước nhất, sự sẵn sóc và quan tâm của Đấng Chấn Chiên Lành”.
Đằng sau mọi giấy tờ đều có một con người.

Các cố gắng của mọi người đang làm việc tại Giáo Triều phải lấy hứng từ quan tâm mục vụ và nền linh đạo phục vụ và hiệp thông, vì đây là phản cực của mọi nọc độc tham vọng hư danh và thù nghịch ảo tưởng. Đức Phaolô VI cảnh cáo rằng “Giáo Triều Rôma không nên là cơ quan bàn giấy, như một số người phê phán nó, đầy tham vọng và lãnh cảm, chuyên vụ pháp lý và nghi thức, cơ sở huấn luyện của tham vọng nguy trang và đối lập dấu mặt, như một số người khác vốn nghĩ về nó. Đúng hơn, nó phải là một cộng đồng thực sự của đức tin và đức ái, của cầu nguyện và sinh hoạt, của anh em và con cái Đức Giáo Hoàng, những người thi hành các bổn phận của mình trong sự kính trọng khả năng người khác và với một cảm thức hợp tác, để phục vụ ngài như ngài vốn phục vụ các anh em ngài và con cái của Giáo Hội hoàn vũ và của toàn thể giới”.

3. Tinh thần truyền giáo (lấy Chúa Kitô làm trung tâm)

Như Công Đồng vôn day, mục đích chính của mọi hình thức phục vụ trong Giáo Hội là đem Tin Mừng tới tận cùng thế giới. Vì “có những cơ cấu của Giáo Hội có thể gây trở ngại cho các cố gắng phúc âm hóa, tuy nhiên, ngay các cơ cấu tốt cũng chỉ hữu ích khi có một sự sống không ngừng thúc đẩy, nâng đỡ và lượng giá chúng. Không có sự sống mới và một tinh thần phúc âm chân chính, không có lòng trung thành của Giáo Hội đối với ơn gọi của mình, bất cứ cơ cấu mới nào cũng không mấy chốc trở thành vô hiệu”.

4. Rõ ràng về tổ chức

Dựa trên nguyên tắc mọi Bộ đều bằng nhau về pháp lý, nên việc tổ chức rõ ràng hơn cho các cơ quan của Giáo Triều là điều cần thiết, để làm rõ sự kiện này mỗi Bộ có phạm vi năng quyền riêng. Các phạm vi năng quyền này phải được tôn trọng, nhưng chúng cũng phải được phân phối một cách hợp lý, hữu hiệu và có kết quả. Do đó, không Bộ nào có thể lấn năng quyền của một Bộ khác, theo các qui định sẵn có của luật lệ. Mặt khác, mọi Bộ đều phúc trình trực tiếp lên Đức Giáo Hoàng.

5. Điều hành cải tiến

Việc sát nhập hai hay nhiều hơn các bộ có năng quyền trong các vấn đề tương tự hay có liên hệ mật thiết với nhau để tạo nên một Bộ duy nhất, một đảng, để đem lại cho Bộ mới này một tầm quan trọng lớn hơn (cả bề ngoài nữa). Mặt khác, sự gần gũi và tương tác của các cơ quan cá thể trong một Bộ duy nhất sẽ góp phần cho việc điều hành cải tiến (như hai Bộ mới thiết lập gần đây đã chứng tỏ).

Việc điều hành cải tiến cũng đòi hỏi phải luôn duyệt lại các vai trò, tính liên quan của các phạm vi năng quyền, và các trách nhiệm của nhân viên, và do đó, diễn trình tái bổ nhiệm, thuê mướn, ngưng việc, và cả thăng thưởng nữa.

6. Hiện đại hóa (cập nhật)

Điều này liên hệ tới khả năng giải thích và lưu ý tới “các dấu chỉ thời đại”. Theo chiều hướng này, “chúng ta quan tâm tới việc đưa ra các dự liệu để các Bộ Sở của Giáo Triều phù hợp với các hoàn cảnh thời ta và thích ứng với nhu cầu của Giáo Hội phổ quát”. Đây là yêu cầu của chính Công Đồng Vatican II: “các bộ sở của Giáo Triều nên được tổ chức lại một cách thích đáng hơn với nhu cầu thời đại và với những vùng và nghi lễ khác nhau, nhất là về số lượng, danh xưng, năng quyền, thủ tục và cách chúng phối trí các hoạt động của mình”.

7. Tính đơn giản

Đây là điều người ta vốn gọi là đơn giản hóa và hợp lý hóa Giáo Triều. Điều này bao gồm việc kết hợp hay sát nhập các Bộ dựa trên phạm vi năng quyền; đơn giản hóa bên trong các Bộ cá thể; việc dẹp bỏ các văn phòng không còn đáp ứng nhu cầu liên hệ; việc hội nhập vào các Bộ hay giảm các Ủy Ban, Hàn Lâm Viện, Ủy Ban, v.v... tất cả nhằm những điều thật cần thiết cho việc làm chứng thích đáng và chân chính mà thôi.

8. Tính phụ đới

Điều này liên hệ tới việc sắp xếp lại các phạm vi năng quyền chuyên biệt đối với các Bộ khác nhau, hoán chuyển chúng khi cần từ Bộ này sang Bộ nọ, nhằm đạt được sự độc lập, sự phối trí và tính phụ đới trong phạm vi năng quyền và việc tương tác hữu hiệu để phục vụ.

Cả ở đây nữa, phải tỏ rõ sự tôn trọng đối với nguyên tắc phụ đới và việc tổ chức rõ ràng liên quan tới các liên hệ với Phủ Quốc Vụ Khanh và, trong Phủ này, giữa các phạm vi năng quyền khác nhau, để khi thi hành các bổn phận riêng của mình, nó trở thành người trợ giúp trực tiếp và tức khắc của Đức Giáo Hoàng. Điều này cũng cải thiện sự phối trí giữa các phòng sở khác nhau của các Bộ và Văn Phòng của Giáo Triều. Phủ Quốc Vụ Khanh sẽ có khả năng thi hành chức năng quan trọng của nó khi đạt được sự hợp nhất, liên lập và phối trí giữa các phòng sở và khu vực khác nhau của mình.

9. Tính công đồng (Synodality)

Việc làm của Giáo Triều phải có tính công đồng, với các cuộc gặp gỡ thường xuyên của các vị đứng đầu Bộ dưới sự chủ tọa của Đức Giáo Hoàng; thường xuyên phải dự liệu các buổi yết kiến Đức Giáo Hoàng của các vị đứng đầu các Bộ và thường xuyên có những cuộc họp liên bộ. Con số giảm thiểu các Bộ sẽ cho phép các vị Bộ Trưởng yết kiến Đức Giáo Hoàng thường xuyên hơn và có hệ thống hơn cũng như các cuộc họp hữu ích của các vị đứng đầu các Bộ, vì điều này khó thực hiện được khi có quá nhiều các Bộ Sở.

Tính công đồng cũng phải hiển hiện trong việc làm của từng Bộ, với sự chú ý đặc biệt dành cho Hội Nghị Toàn Thể (Congress) và ít nhất Các Phiên Họp Thông Thường có tính thường xuyên hơn. Mỗi Bộ phải tránh sự phân mảnh gây ra do các nhân tố như việc nhân thừa các phòng chuyên môn, vốn có xu hướng tự qui chiếu vào chính mình. Sự phối trí chúng phải là nhiệm vụ của vị Thư Ký hay vị Phó Thư Ký.

10. Tính Công Giáo

Giữa các viên chức, ngoài các linh mục và những người tận hiến, tính Công Giáo của Giáo Hội phải được phản ánh trong việc thuê mướn nhân viên trên khắp thế giới, và thuê mướn các phó tế vĩnh viễn và tín hữu giáo dân, cẩn thận lựa chọn dựa trên đời sống thiêng liêng và luân lý ngoại hạng và khả năng chuyên môn của họ. Điều thích hợp là dự liệu việc thuê mướn số lượng đông đảo các tín hữu giáo dân, nhất là trong các Bộ nơi họ có khả năng hơn các giáo sĩ và người tận hiến. Điều cũng quan trọng là vai trò gia tăng của phụ nữ và tín hữu giáo dân trong đời sống Giáo Hội và việc hội nhập họ vào các vai trò lãnh đạo tại các Bộ, đặc biệt lưu ý tới chủ nghĩa đa văn hóa.

11. Tính chuyên nghiệp

Mỗi Bộ phải có chính sách đào tạo liên tục cho nhân viên của mình, tránh rơi vào hủ tục hay trở thành chết cứng trong các thói quen hành chánh của mình.

Cũng thế, điều chủ yếu là dứt khoát bãi bỏ thói quen *promoveatur ut amoveatur* (thăng thưởng để ngồi chơi soi nước hay để tống khứ đi). Đây là một chứng ung thư.

12. Tính tiệm tiến (biện phân)

Tính tiệm tiến có liên quan tới nhu cầu biện phân đòi hỏi bởi các diễn trình lịch sử, dòng đời trôi qua với các giai đoạn khai triển, lượng giá, sửa sai, thí nghiệm, và chấp nhận để thử nghiệm. Trong các trường hợp này, không phải là vấn đề thiếu cương quyết, mà là sự mềm dẻo cần thiết để đạt được sự cải tổ đích thực.

NĂM 2017

Đức Hồng Y Muller tuyên bố việc sửa sai Đức Phanxicô sẽ không có vào lúc này

(Ngày 09/01/2017)

Vị đứng đầu lo về tín lý của Vatican tin rằng việc Đức Hồng Y Raymond Burke đe dọa sẽ công bố một sự "sửa sai huynh đệ" đối với Đức Giáo Hoàng Phanxicô còn lâu mới diễn ra bởi vì bất chấp những gì vị giáo phẩm Hoa Kỳ này nói, văn kiện giáo hoàng *Amoris Laetitia* về gia đình, trên thực tế, rất rõ ràng về tín lý.

Nói về lá thư “dubia” mà Đức Hồng Y Burke và ba vị Hồng Y khác gửi cho Đức Giáo Hoàng vào cuối năm 2016, thúc giục ngài trả lời một số câu hỏi có hoặc không liên quan đến *Amoris Laetitia* và các quy định của nó đối với người Công Giáo ly dị và tái hôn dân sự, Đức Hồng Y người Đức Gerhard Muller, người đứng đầu Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, thừa nhận rằng mọi người “nhất là các Hồng Y” có quyền viết thư cho Đức Giáo Hoàng.

Tuy nhiên, Đức Hồng Y Muller nói thêm, “Tôi ngạc nhiên khi việc này trở thành công khai, cơ bản là buộc Đức Giáo Hoàng phải nói ‘có’ hoặc ‘không’. Tôi không thích việc này”.

Bức thư được dự định như một việc riêng tư, nhưng khi Đức Giáo Hoàng Phanxicô từ chối trả lời các câu hỏi, các vị Hồng Y đã đưa nó cho báo chí, chỉ một vài ngày trước mật nghị hội hồi tháng Mười để thiết lập các tân Hồng Y.

Về sự sửa sai chính thức có thể có mà Đức Hồng Y Burke cho biết ngài sẵn sàng làm nếu Đức Giáo Hoàng tiếp tục từ chối trả lời các câu hỏi đã được đệ trình hội thánh Chín năm ngoái, Đức Hồng Y Muller tuyên bố rằng “vào lúc này, điều đó không thể xảy ra, vì nó đâu có liên quan gì đến một mối nguy hiểm đối với đức tin như Thánh Tôma nói”.

Đức Hồng Y Muller cho rằng: *Amoris Laetitia*, mà một số người tin là đưa ra một sự cởi mở thậm trọng để người Công Giáo ly dị và tái hôn dân sự được rước lễ, “hết sức rõ ràng về tín lý của nó và chúng ta có thể giải thích toàn bộ giáo huấn của Chúa Giêsu về hôn nhân, toàn bộ giáo huấn của Giáo Hội trong 2000 năm lịch sử”.

Những lời lẽ trên của vị giáo phẩm được đưa ra nhân dịp ngài nói chuyện với chương trình truyền hình Y Tgcom24 vào ngày Chúa Nhật, hơn một tháng sau khi ngài nói với trang mạng của Đức Kathpress rằng Văn Phòng của ngài không có vai trò nào để “Tham gia vào cuộc tranh cãi ý kiến”, ngoại trừ lên tiếng với sự cho phép của Đức Giáo Hoàng.

Trong cuộc phỏng vấn hôm Chúa Nhật, Đức Hồng Y Muller cũng cho biết: Đức Phanxicô “yêu cầu biện phân tình trạng của những người hiện đang sống trong các cuộc kết hợp không hợp lệ, nghĩa là, không phù hợp với giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân, và yêu cầu giúp những người này tìm được một nẻo đường để họ được tái hội nhập vào trong Giáo Hội tùy theo các điều kiện của bí tích, sứ điệp Kitô giáo về hôn nhân”.

Theo vị giáo phẩm người Đức, được bổ nhiệm làm chiến lược gia về tín lý của Vatican bởi Đức Bênêđictô XVI, không hề có sự chông chênh: “Một mặt chúng ta có giáo huấn rõ ràng về hôn nhân, và mặt khác, Giáo Hội có nghĩa vụ phải lo lắng cho những người đang sống trong các khó khăn này”.

Đức Hồng Y Muller cũng trả lời nhiều câu hỏi về các vấn đề khác, như các nhận định của Đức Phanxicô đã đưa ra trước đó trong ngày, liên quan tới việc phụ nữ có quyền cho con bú ở nơi công cộng - kể cả ở trong nhà thờ, và cuốn sách mới nhất của ngài, Đức *Bênêđictô XVI và Đức Phanxicô*,

Các Người Kế Vị Thánh Phêrô trong Việc Phục Vụ Giáo Hội.

Đức Hồng Y Muller nói: "Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói khá nhiều về di sản, nền thần học, việc công bố Tin Mừng của Đức Giáo Hoàng [hưu trí] Bênêdictô XVI, đặc biệt khi ngài nói rằng" truyền giáo không phải là cải đạo, nó muốn thu hút người ta cho Chúa Giêsu Kitô".

Khi được hỏi về xu hướng phổ biến người ta hay so sánh Đức Phanxicô và người tiền nhiệm của ngài, Đức Hồng Y cho rằng làm thế là "đi ngược lại đức tin Công Giáo", vì cả hai vị giáo hoàng đều là "các ơn phúc dành cho Giáo Hội" mỗi vị có những kinh nghiệm khác nhau và các nền văn hóa khác nhau.

Bài giảng ngày 10 tháng Giêng, 2017 của Đức Phanxicô: Chúa Giêsu có uy quyền vì Người phục vụ

(Ngày 11/01/2017)

Chúa Giêsu có uy quyền vì Người phục vụ người ta, Người gần gũi người ta và Người nhất quán, trái ngược với các luật sĩ tự coi mình như các ông hoàng.

Ba đặc điểm trong uy quyền của Chúa Giêsu đã được Đức Giáo Hoàng Phanxicô làm nổi bật trong bài giảng của ngài tại Thánh Lễ ban sáng ở Nhà Santa Marta. Mặt khác, Đức Thánh Cha còn nhấn mạnh rằng các luật sĩ giảng dạy bằng thứ uy quyền giáo sĩ trị: Họ xa cách người dân, và không sống những gì họ rao giảng.

Các uy quyền tương ứng của Chúa Giêsu và của người Phariseu là hai thái cực quanh đó bài giảng của Đức Thánh Cha đã được triển khai. Một cực là uy quyền thực sự, còn cực kia là uy quyền hình thức. Tin Mừng hôm nay nói tới sự ngạc nhiên của người ta vì Chúa Giêsu dạy "Như một người có uy quyền" chứ không giống các ký lục: Họ là các nhà cầm quyền của người dân, Đức Giáo Hoàng nói thế, nhưng những gì họ giảng dạy đã không nhập vào trái tim người ta, trong khi Đức Giêsu có uy quyền thực sự: Người không phải là một người "quyến rũ", Người dạy Lễ Luật "cho tới điểm cuối cùng", Người dạy sự thật, nhưng một cách có uy quyền.

Chúa Giêsu phục vụ người dân trong khi các luật sĩ tự coi mình như các ông hoàng

Đức Giáo Hoàng, sau đó, đi vào chi tiết, chú tâm vào ba đặc điểm vốn phân biệt uy quyền của Chúa Giêsu với uy quyền của các luật sĩ. Trong khi Chúa Giêsu "Dạy với sự khiêm nhường", và nói với các môn đệ của Người, "Người lớn nhất phải như người phục vụ: họ phải tự làm cho mình nhỏ bé", thì người Phariseu tự coi mình như các ông hoàng:

"Chúa Giêsu phục vụ người ta, Người giải thích các điều để người ta hiểu rõ: Người phục vụ người ta. Người có thái độ của một người tôi tớ, và điều này mang lại uy quyền. Ngược lại, các luật sĩ mà người ta... đứng, họ có nghe, họ có kính trọng nhưng họ không cảm thấy các người này có uy quyền trên họ; những người này có tâm lý của các ông hoàng: 'chúng tôi là những bậc thầy, là các ông hoàng, và chúng tôi dạy dỗ các anh. Không phục vụ gì hết: chúng tôi ra lệnh, các anh phải nghe'. Còn Chúa Giêsu không bao giờ tự coi Người như một ông hoàng: Người luôn luôn là tôi tớ của mọi người, và đây là điều đem lại uy quyền cho Người".

Đặc điểm thứ hai trong uy quyền của Chúa Giêsu là sự gần gũi

Chính việc sống gần gũi với người ta thực sự đã đem lại uy quyền. Sự gần gũi, do đó, là đặc tính thứ hai phân biệt uy quyền của Chúa Giêsu với uy quyền của người Phariseu. Đức Giáo Hoàng giải thích: "Chúa Giêsu không dị ứng đối với người ta: việc đụng chạm vào người phong cùi, người bệnh, đã không làm Người rùng mình"; trong khi ấy, những người Biệt Phái khinh bỉ "người nghèo, người dốt nát", họ thích đi bộ quanh các công trường, trong quần áo đẹp đẽ:

“Họ tách xa người ta, họ không gần gũi [người ta]; Chúa Giêsu rất gần gũi với mọi người, và điều này đem lại uy quyền. Những người sống xa cách này, các luật sĩ này, có tâm lý giáo sĩ trị: Họ giảng dạy với một uy quyền giáo sĩ trị - đó là thái độ giáo sĩ trị. Quả rất dễ chịu khi tôi được đọc sự gần gũi với người ta mà Đức Phaolô VI vốn có; trong số 48 của tông huấn *Evangelii nuntiandi*, ta thấy tấm lòng của một mục tử gần gũi [người ta]; chính đó là nơi anh chị em tìm thấy uy quyền của Vị Giáo Hoàng, sự gần gũi. Thứ nhất, một người đầy tớ, tinh thần phục vụ, tinh thần khiêm tốn: người đứng đầu là người phục vụ, người biến mọi sự lộn ngược, giống như một tảng băng trôi. Người ta chỉ nhìn thấy chỏm của tảng băng trôi; Chúa Giêsu, ngược lại, đã lộn ngược nó và người ta ở trên đầu còn người ra lệnh thì ở bên dưới, và ra lệnh từ bên dưới. Thứ hai, sự gần gũi”.

Chúa Giêsu nhất quán; thái độ giáo sĩ trị đạo đức giả

Nhưng còn điểm thứ ba để phân biệt uy quyền của các ký lục với uy quyền của Chúa Giêsu đó là "sự nhất quán". Chúa Giêsu "sống những gì Người rao giảng". "Có một điều gì đó giống như một sự thống nhất, một sự hài hòa giữa những gì Người nghĩ, Người cảm nhận, và Người làm". Trong khi đó, người tự coi mình là ông hoàng có một "thái độ giáo sĩ trị"- nghĩa là, đạo đức giả - nói một điều và làm một điều khác:

“Thực vậy, người này không nhất quán và nhân cách của họ bị phân chia đến độ Chúa Giêsu phải khuyên các môn đệ của Người rằng: ‘Nhưng, các con hãy làm những gì họ nói với các con, chứ không làm những gì họ làm’: Họ nói một điều nhưng làm một điều khác. Bất nhất. Họ bất nhất. Và thái độ mà Chúa Giêsu sử dụng để chỉ về họ thường là đạo đức giả. Và ai cũng hiểu người nào tự coi mình như ông hoàng, có thái độ giáo sĩ trị, người ấy là một kẻ đạo đức giả, không có uy quyền! Họ nói sự thật, nhưng không có uy quyền. Chúa Giêsu, ngược lại, vì là người khiêm tốn, là người phục vụ người khác, là người gần gũi, không xem thường người ta, và là người nhất quán, nên có uy quyền. Và đây là uy quyền được dân Chúa cảm nhận”.

Sự ngạc nhiên của người chủ quán trong dụ ngôn người Samaritanô nhân hậu

Nhằm làm cho điều trên được hiểu rõ hơn, trong phần kết luận, Đức Giáo Hoàng đã nhắc đến dụ ngôn người Samaritanô nhân hậu. Thấy người đàn ông gần chết bị các tên cướp bỏ lại dọc đường, các linh mục đã lướt qua, và tiếp tục bước, có lẽ vì thấy máu và ông ta nghĩ nếu chạm vào họ ông ta sẽ trở thành ô uế chẳng. Thầy Lêvi bước qua, và Đức Giáo Hoàng nói, "Tôi tin ông này nghĩ" nếu pha mình vào vụ này, ông có thể phải ra tòa làm chứng, mà ông thì có nhiều việc phải làm. Và do đó, ông cũng cứ thế tiếp tục bước.

Và cuối cùng, người Samaritanô bước tới, và là một người có tội, nhưng ông này, trái lại, có lòng thương xót. Nhưng, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nhận định, còn một người khác trong dụ ngôn: người chủ quán trọ, người tỏ ra ngạc nhiên, không phải vì cuộc tấn công của bọn cướp, vì điều này là điều xảy ra ở dọc đường; không phải vì tác phong của vị linh mục và của thầy Lê-vi, vì ông biết họ; nhưng vì tác phong của người Samaritanô. Sự ngạc nhiên của người chủ quán đối với người Samaritanô: "Nhưng người này thật điên ... Anh ta đâu phải Người Do Thái, anh ta là một kẻ tội lỗi" ông ta dám nghĩ như thế. Rồi Đức Giáo Hoàng Phanxicô nối kết sự ngạc nhiên này với sự ngạc nhiên của những người trong bài Tin Mừng hôm nay khi đối diện với uy quyền của Chúa Giêsu: "một uy quyền khiêm tốn, phục vụ ... một uy quyền gần gũi với mọi người" và “nhất quán”.

Đức Phanxicô: cần chuẩn bị về luật pháp và bí tích cho các cặp kết hôn

(Ngày 22/01/2017)

Thứ bảy, 21 tháng Giêng vừa qua, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã tiếp kiến các thành viên của Tòa Thượng Thẩm Rôma nhân dịp khai mạc năm làm việc của họ.

Nói với các người hiện diện, Đức Giáo Hoàng Phanxicô chú tâm vào mối liên hệ giữa đức tin và hôn nhân.

Tình yêu và sự thật

Trích dẫn các vị tiền nhiệm, trong đó, có Đức Giáo Hoàng Huru Trí Bê-nê-đi-cô XVI, ngài nhấn mạnh sự quan trọng của Tình Yêu và Sự Thật.

Ngài nói: “tình yêu cần có sự thật. Chính nhờ đặt căn bản trên sự thật, mà tình yêu có thể kéo dài với thời gian, vượt qua các khoảnh khắc phù du và kiên vững trong việc cùng hỗ trợ nẻo đường chung. Nếu tình yêu không liên quan gì tới sự thật, nó sẽ tùy thuộc các cảm xúc luôn thay đổi và không đứng vững với thời gian. Tình yêu thực sự kết hợp mọi yếu tố của con người và trở thành một ánh sáng mới hướng tới một cuộc sống tuyệt diệu và trọn vẹn”.

Trong các nhận xét của ngài, Đức Giáo Hoàng Phanxicô làm nổi bật sự kiện này “các kinh nghiệm đức tin của những người muốn kết hôn trong Kitô Giáo rất khác nhau”. Đứng trước tình thế này, ngài bảo: “chúng ta cần tìm ra các phương thuốc có giá trị”.

Đối với phương thuốc thứ nhất, Đức Thánh Cha chỉ ra rằng người trẻ cần được huấn luyện bằng một diễn trình chuẩn bị thỏa đáng nhằm tái khám phá ra hôn nhân và gia đình theo kế hoạch của Thiên Chúa.

Ngài nói, bởi thế, điều cần là: các người thi hành và các tổ chức có nhiệm vụ săn sóc các gia đình về mục vụ phải có các kỹ năng chuyên biệt ngõ hầu làm cho việc chuẩn bị lãnh nhận bí tích hôn phối được hữu hiệu hơn.

Trong tinh thần này, Đức Giáo Hoàng nhắc lại nhu cầu phải có một “giai đoạn dự tòng mới” trong việc chuẩn bị hôn nhân.

Phương thuốc thứ hai của Đức Thánh Cha là giúp những người mới cưới nhau tiếp tục cuộc hành trình đức tin của họ trong Giáo Hội ngay cả sau khi đã cử hành lễ cưới.

Đức Giáo Hoàng Phanxicô nhấn mạnh “anh em cần phải can đảm và có óc sáng tạo nhận diện ra một dự án huấn luyện dành cho các cặp vợ chồng mới cưới, với các sáng kiến nhằm làm gia tăng sự hiểu biết về bí tích họ lãnh nhận”.

Quan điểm luật pháp và bí tích về việc chuẩn bị hôn nhân

Đức Thánh Cha nói rằng hai phương thuốc trên nhằm khuyến khích một bối cảnh đức tin thích đáng để cử hành và sống cuộc hôn nhân.

Ngài giải thích rằng điều cần là rời bỏ viễn kiến hoàn toàn có tính luật lệ và hình thức trong việc chuẩn bị hôn nhân, để bước vào nền tảng của bí tích.

Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói rằng điều trên đòi phải có sự “quảng đại đóng góp của các Kitô hữu nam nữ, những người cùng làm công tác săn sóc mục vụ với các linh mục, ngõ hầu xây dựng được một gia đình đầy yêu thương theo kế hoạch của Thiên Chúa”.

Kinh Truyền Tin Chúa Nhật với Đức Phanxicô: khó nghèo trong tinh thần, phương thuốc chữa bứt rứt

(Ngày 29/01/2017)

Elise Harris của CNA/EWNT News, khi đưa tin về bài nói chuyện của Đức Phanxicô trong buổi đọc kinh Truyền Tin Chúa Nhật thứ Tư Mùa Thường niên, đã đặt chủ đề cho nó như trên.

Nữ ký giả này tường trình như sau: Vào ngày Chúa Nhật, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói rằng sống nghèo khó trong tinh thần không nhất thiết có nghĩa từ bỏ các sự vật, mà thay vào đó, là sống khiêm nhường và cởi mở đối với người khác, một thái độ có khả năng thắng vượt được các cuộc bút chiến và chia rẽ và dẫn ta tới tình huynh đệ lớn hơn.

Ngài nói: “Người nghèo trong tinh thần là người Kitô hữu không dựa vào chính mình, vào của cải vật chất, là người không khư khư giữ ý kiến riêng, nhưng biết lắng nghe với lòng kính trọng và sự sẵn lòng chiều theo các quyết định của người khác. Nếu trong cộng đồng ta, có nhiều hơn những người nghèo trong tinh thần, thì sẽ có ít chia rẽ, tranh chấp và bút chiến hơn!”.

Ngài nói như trên với các khách hành hương tụ tập tại Quảng Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô để nghe bài nói chuyện nhân dịp đọc kinh Truyền Tin vào Chúa Nhật. Theo cảnh sát Vatican, số người tham dự chừng 25,000 người, trong đó có 3,000 người trẻ thuộc Công Giáo Tiến Hành Rôma đang tham dự biến cố gọi là “Đoàn Lữ Hành Hòa Bình”. Đoàn này đã đọc to lời hiệu triệu hòa bình, nhất là với giới trẻ.

Trong bài nói chuyện của ngài trước khi đọc Kinh Truyền Tin, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nhắc tới bài tin mừng trong ngày, trích của Thánh Mátthêu, thuật lại các mối phúc.

Theo ngài, trong “Bài Giảng Trên Núi”, được coi như “đại hiến chương” của Tân Ước, dù Chúa Giêsu mình giải sự gần gũi của Thiên Chúa đối với người nghèo và người bị áp bức qua các Mối Phúc, nhưng Người làm điều này bằng cách theo một khuôn mẫu đặc biệt.

Ngài cho rằng Chúa Giêsu bắt đầu dùng chữ “phúc” theo nghĩa “hạnh phúc” trước khi phác họa các điều kiện cần thiết để có được nó và cuối cùng đưa ra một hứa hẹn.

Động lực của các mối phúc, tức hạnh phúc, theo ngài, “không phải là các điều kiện được yêu cầu” như nghèo trong tinh thần, bị sầu buồn, đói khát sự công chính hay bị bách hại, mà đúng hơn là “hứa hẹn tiếp theo sau đó được tiếp nhận như hồng phúc Chúa ban”.

Ngài nói rằng: bằng cách khởi đầu nói tới các điều kiện thua thiệt, Chúa Giêsu đã dẫn cử tọa của Người tới chỗ cởi mở đối với Thiên Chúa và với khả thể bước vào “một thế giới mới”. Theo ngài, diễn trình này không phải là một “cơ chế tự động, mà là một lối sống bước chân theo Chúa”.

Đức Giáo Hoàng nói rằng: đối với Chúa, thực tại của những người bị chà đạp được nhìn “dưới một viễn ảnh mới và được phát biểu theo sự hoán cải được thực hiện. Người ta không được phúc nếu không hoán cải”.

Đặc biệt nhấn mạnh tới mối phúc dành cho “người nghèo trong tinh thần”, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói rằng người thực sự sống trong mối phúc này “mang những tâm tình và thái độ của những người nghèo và họ không nổi loạn trong thân phận của họ, nhưng biết sống khiêm nhường, ngoan ngoãn, mở lòng ra cho ơn thánh Chúa”.

Ngài chỉ rõ: mối phúc hay hạnh phúc của những người nghèo trong tinh thần có hai ý nghĩa: nghèo của cải vật chất và nghèo đối với Thiên Chúa.

Nói đến nghèo của cải vật chất, Đức Giáo Hoàng nói rằng thứ nghèo này có tên là sự tiết độ (sobriety), một đức tính không nhất thiết đồng nghĩa với từ bỏ của cải của mình, mà đúng hơn là có khả năng “thường thức những điều chính yếu, biết chia sẻ; khả năng hàng ngày biết đổi mới sự ngưỡng phục đối với sự tốt lành của sự vật”.

Ngài cảnh cáo ta đừng rơi vào “cảnh mờ ảo của thứ tiêu thụ ngẫu nhiên”, một thứ tiêu thụ nói lên thái độ “càng có, tôi càng muốn: đó là thứ tiêu thụ ngẫu nhiên. Và thứ tiêu thụ này giết chết tinh thần”.

Đức Phanxicô cho biết: “Những người đàn ông hay đàn bà nào thực hành điều trên... đều không hạnh phúc và sẽ không đạt được hạnh phúc”. Còn đối với Thiên Chúa, cái nghèo này hệ ở việc “ca ngợi và nhìn nhận rằng thế giới là một chúc phúc và nguồn cội của nó là tình yêu sáng tạo của Chúa Cha”.

Theo ngài, “nó cũng là việc cởi mở đối với Chúa, vâng theo quyền chúa tể của Người”. Trong nghĩa này, người nghèo duy trì sống động mục tiêu chiếm được Nước Thiên Chúa qua thái độ huynh đệ trong cộng đồng của họ, một thái độ “ủng hộ việc chia sẻ của cái”.

Đức Giáo Hoàng nói thêm: “Anh chị em hãy luôn có trái tim và bàn tay rộng mở, đừng khép kín”. Theo ngài, khi trái tim khép kín, “nó là một trái tim chật hẹp: đến yêu, nó cũng không biết cách. Khi trái tim rộng mở, nó tiến tới trên con đường yêu thương”.

Chung quanh việc phê bình Đức Phanxicô

(Ngày 03/02/2017)

Theo Austen Ivereign, người viết tiểu sử của ngài, Đức Phanxicô không những không ngại bị bất đồng ý kiến mà còn khuyến khích người ta bất đồng ý kiến với ngài. Nhưng gần đây, có nguồn tin cho rằng ngài hết sức sôi giận trước các bất đồng gay gắt đối với giáo huấn của ngài trong *Niềm Vui Yêu Thương*, các bất đồng đã vượt ranh giới để rơi vào bất thuận (dissent).

Có nên phê bình Đức Giáo Hoàng không?

Trước tình thế gay gắt như trên, Tiến Sĩ Jeff Mirus, chủ nhiệm CatholicCulture.org, một trang mạng thuộc khuynh hướng bảo thủ, nghiêng về phía phê bình các cải tiến của Đức Phanxicô, đã viết một loạt ba bài chung quanh câu hỏi “Chúng ta có nên phê bình Đức Giáo Hoàng Phanxicô, hay không? Nếu có, thì phê bình ra sao?”

Tiến sĩ Mirus và người cộng sự của ông là Phil Lawler nhìn nhận trong mấy tuần hồi cuối tháng Tám qua đầu tháng Chín năm nay, lời phê bình Đức Phanxicô của các ông gay gắt hơn thường lệ và xem ra càng ngày càng thêm gay gắt hơn, khiến nhiều độc giả của họ lên tiếng về sự khôn ngoan của động thái này. Ông trả lời: các ông lúc nào cũng quan tâm tới khía cạnh này.

Tuy về phương diện con người, không dễ gì đạt được sự quân bằng hoàn hảo khi thấy cần phải giải thích và lượng giá một điều gì đó Đức Thánh Cha nói và làm, nhưng các ông vẫn nghĩ đó là điều cần phải làm.

Không phải là vấn đề mới

Theo tiến sĩ Mirus, việc phê bình một vị giáo hoàng không hẳn là một vấn đề mới mẻ. Từ thời Đức Phaolô VI, ông từng lên tiếng than phiền về sự yếu ớt của ngài đối với cuộc cách mạng tân duy hiện đại (thực chất là việc phát triển của chủ nghĩa duy tục về thần học) hồi ấy. Đức Phaolô VI quen cho rằng điều ngài có thể làm cho Giáo Hội là chịu đau khổ. Thực ra, dù ngài không thành công bao nhiêu trong việc theo đuổi mục tiêu của ngài, nhưng việc ngài can đảm công bố thông điệp *Sự Sống Con Người* năm 1968 đủ chứng tỏ Chúa Thánh Thần luôn bảo vệ Huấn Quyền.

Trong triều giáo hoàng kế tiếp, Tiến Sĩ Mirus cũng phê phán Đức Gioan Phaolô II về sự thất bại khá thông thường trong việc áp dụng kỷ luật. Nhưng ngài rất mạnh mẽ khi giảng dạy về đức tin, luân lý và bổn phận của các giám mục. Thêm vào đó, là cá tính quỵên rũ của ngài được các cuộc du hành và tường thuật của truyền thông tích cực cổ vũ đã kích thích nhiều lực lượng cạnh tân trong Giáo Hội.

Dưới thời Đức Bênêđictô XVI, ông hoài nghi khả năng của Đức Giáo Hoàng trong việc diễn dịch tính rõ ràng vô sánh của ngài về thần học thành hành động quản trị hữu hiệu. Nhưng cũng như vị tiền nhiệm của ngài, Đức Bênêđictô XVI nổi vượt cả về phương diện dẫn đầu lẫn cổ vũ việc nội tâm hóa

cái hiểu bên trong đối với Đức Tin Công Giáo, điều duy nhất có thể dẫn tới việc canh tân thực sự.

Quả thực, các vị trên có một đầu óc rất sâu sắc, chính xác, thực hành và được ơn thánh soi sáng rõ ràng. Nghe các ngài nói hay đọc điều các ngài viết là một cơ hội tham dự vào một khía cạnh tri thức quan trọng của cuộc canh tân Công Giáo chân chính.

Nói cách khác, bất kể các điểm yếu về quản trị, Giáo Hội Công Giáo đã được lãnh đạo bởi các vị giáo hoàng tinh tường về linh đạo và thần học suốt trong 53 năm có sự hỗn độn nặng nề trong Giáo Hội, những vị giáo hoàng đã củng cố vững mạnh cái hiểu và sự cam kết của chúng ta đối với các sự thật sâu xa hết sức chính yếu đối với cuộc canh tân Công Giáo.

Đức Phanxicô không thể

Đức Phanxicô, theo Tiến Sĩ Mirus, thì không thể. Ngài sống cao độ về cảm tính, để mình bị thúc đẩy bởi cảm xúc nhiều hơn các vị tiền nhiệm. Ngài ít thận trọng rào đón trước sau về các suy nghĩ của ngài. Chính ngài cho biết ngài muốn khuấy động sự việc, coi việc này như một đặc điểm của tiếng nói tiên tri, một tiếng nói dành chỗ cho hành động của Chúa Thánh Thần. Có thể nói: ngài rất tốt trong việc mở cửa sổ hay rút nút chặn nước, nhưng không tốt lắm trong việc giải thích sự khác nhau giữa nước đã tắm và em bé được tắm.

Tiến Sĩ Mirus cho rằng phong thái bản thân của Đức Phanxicô rất lôi cuốn. Ngài rất được yêu mến bởi những người bị các vị tiền nhiệm của ngài coi là trở ngại cho canh tân vì họ không chịu chấp nhận tính viên mãn của đức tin Công Giáo. Những người này coi đức Phanxicô như luôn sắp sửa thay đổi các truyền thống và các giáo huấn để dành chỗ cho một số các biểu hiện đa dạng của chủ nghĩa duy thể tục của chính họ. Nhưng cùng một lúc, ngài bị nghi ngờ bởi những người vốn mến mộ các vị tiền nhiệm của ngài chỉ vì các vị này có khả năng thâm hậu hóa chứ không thể tục hóa sứ mệnh Công Giáo”.

Điều đáng lưu ý là cả hai nhóm cùng nhận định về Đức Phanxicô một cách như nhau. Điều này cho thấy lần đầu tiên trong khá nhiều năm, các thành viên dân thân cao độ nhất của đoàn giáo dân Công Giáo bị đặt vào một tình huống tri thức khá lúng túng. Họ phải đương đầu không những với việc phê phán sự hữu hiệu trong việc quản trị của ngài, mà còn phê phán cả các ưu tiên của Đức Phanxicô và các phát biểu của ngài về chúng, cả hai đều bị họ coi như gây hại tới đức tin và bản sắc Công Giáo.

Tiến Sĩ Mirus cho rằng càng ngày người ta càng tin rằng triều giáo hoàng này sẽ dẫn tới một cuộc thể tục hóa lớn hơn trong Giáo Hội, tương phản với tác động của các vị tiền nhiệm. Nhiều người Công Giáo thành thực, dân thân và có hiểu biết tin rằng việc tiếp tục canh tân phát sinh từ quyền lãnh đạo của một vị giáo hoàng khó mà có được trong triều giáo hoàng này. Hiện nay, sau một thế hệ gặt hái tuy chậm nhưng có ý nghĩa cao, họ thấy kim đồng hồ canh tân đang quay trở lại với việc thể tục hóa “um tùm” của thập niên 1960. Điều này khiến họ ngã lòng, nhiều người lui về ẩn dật.

Tác động đối với những người hướng dẫn dư luận

Theo Tiến Sĩ Mirus, nhiều người quyết định ở lại để tường trình các tin tức Công Giáo đáng lưu ý và bình luận các biến cố và ý tưởng hiện thời nhằm tạo ra sự hiểu biết tốt hơn ngõ hầu đức tin được thâm hậu hóa. Nhưng trở ngại cho họ là phải xử lý nhiều hiểu lầm phát sinh từ các câu nói và việc làm của Đức Phanxicô. Các hiểu lầm này thường đem lại cho người đọc một ý nghĩ không đầy đủ, và đôi khi sai lạc, về ý nghĩa của việc là một người Công Giáo.

Đối với Đức Giáo Hoàng Phanxicô, việc này thường diễn ra khi ngài nhấn mạnh một phần của sự thật mà ngài nghĩ người chưa dân thân sẽ coi là lôi cuốn (như thương xót, không phán đoán người khác, phục vụ người nghèo, và chăm sóc môi trường) trong khi không nhấn mạnh tới những phần bị người chưa dân thân coi là khó nhá (như lời mời gọi ăn năn, bản chất luân lý của sự sống mới trong Chúa Kitô, việc sống nghèo nàn về tâm linh, và luật tự nhiên). Ngài nặng về “đồng hành” nhưng không mạnh như thế về “đích đến”.

Không may một điều, theo Tiến Sĩ Mirus, là việc ngài coi những người nhấn mạnh tới “đích đến” là “các luật sĩ”, nghĩa là Pharisiêu. Nhưng việc yêu thương nhấn mạnh tới sự khác nhau giữa sự chân và sự giả hay giữa sự đúng và sự sai có gì liên hệ tới việc Pharisiêu nhấn mạnh tới truyền thống hay vị thế nhóm đang đầu. Việc này buộc các nhà bình luận Công Giáo phải ra sức trình bày các lời nói và hành động của Đức Phanxicô sao cho tối thiểu hóa được sự nguy hiểm đối với đức tin của người đọc hoặc hy vọng của họ.

Khô một điều, việc phê phán ấy gây gương mù gương xấu. Nhiều độc giả không ngại nói với Tiến Sĩ Mirus không được bắt đồng với Đức Giáo Hoàng bất cứ cách nào và nên lấy làm xấu hổ về việc này.

Ông cho rằng luận điểm của những người trên sai nhưng gương mù thì có thật. Mặt khác phê phán có thể có tính xói mòn, làm giảm tình yêu, khuyến khích người ta kiêu ngạo... Thành thử cần phải thận trọng khi phê phán Đức Giáo Hoàng. Theo Tiến Sĩ, nên phê phán Đức Giáo Hoàng nhưng có nhiều phương pháp thích đáng khác nhau để phê ngài, nhiều điều “coi chừng” (caveat) khi sử dụng các phương pháp này.

Các hình thức phê phán tương đối thụ động

Các hình thức phê phán thụ động nhằm không trực tiếp đối đầu với sứ điệp của Đức Giáo Hoàng. Theo Tiến Sĩ Mirus, có thể có các phương pháp phê phán thụ động sau đây:

Làm ngơ sứ điệp: Chỉ tường trình các tin vui, không đưa những tin gây tranh cãi. Các người viết phải biết chọn lựa khi tường trình về Đức Giáo Hoàng, chỉ viết về những tuyên bố và hành động dễ dàng được sử dụng một cách tích cực. Có thể gọi đây là một hình thức phê phán mặc nhiên, vì lợi ích người đọc. Nó không trực tiếp phê phán, nhưng phê phán bằng cách loại trừ.

Thay thế bằng sứ điệp của chính ta: Người viết không cho biết nguồn của lời nói và hành động mình tường trình chỉ cho biết “ai đó nghĩ rằng” và sau đó trình bày lời phân tích về vấn đề đang bàn.

Cũng có thể nhắc tới điều các ký giả khác tường trình như thể họ tường trình sai. Hoặc trích dẫn Đức Giáo Hoàng nêu câu hỏi rồi trả lời câu hỏi ấy cách tốt nhất. Ở đây tránh lưu ý tới các điểm khác với Đức Giáo Hoàng, nhờ thế, độc giả nhận được sứ điệp “đúng” về vấn đề ngài nêu ra.

Các hình thức phê phán tích cực hơn

Đây là các phương pháp trực tiếp đối chất với các thiếu sót trong lời nói và hành động của Đức Giáo Hoàng. Có thể có các phương pháp phê bình tích cực sau đây:

Làm lắng dịu sứ điệp: Có thể có hai cách làm cho sứ điệp của Đức Giáo Hoàng mất sức mạnh của nó. Cách thứ nhất, ta trực tiếp đề cập tới điều Đức Giáo Hoàng nói hoặc làm, nhưng giải thích nó cách nào đó để nó hoàn toàn phù hợp với điều Giáo Hội vẫn luôn hiểu xưa nay.

Cách thứ hai, ta nhấn mạnh rằng điều Đức Giáo Hoàng nói chỉ có tính huân dụ, chứ không có tính trói buộc: ngài không đưa ra một tín lý hay một luật lệ, nhưng chỉ thúc giục người Công Giáo lưu tâm tới một cạm bẫy hay phải lưu ý tới một việc nhấn mạnh nào đó về tâm linh hay luân lý. Ta có thể dùng hai cách này để giải thích một số nhận định của Đức Giáo Hoàng có thể dẫn tới bối rối hay nguy hiểm, nhưng chấp nhận một áp dụng thích đáng.

Thách thức tính khôn ngoan của sứ điệp: Theo Tiến Sĩ Mirus, Đức Phanxicô có thói quen nói những điều khiến người ta khá ngạc nhiên mà không quan tâm đến việc chúng được tiếp nhận ra sao, có thể bao hàm các sai sót nào hoặc cần phải thận trọng hay dè chừng (caveat) cách nào. Thách thức tính khôn ngoan của ngài trong các dịp này là điều nên làm hơn là thách thức tính chính thống của ngài. Trọng điểm ở đây khá đơn giản: người Công Giáo không cần phải nhất trí với phán đoán có tính dạy khôn (prudential judgment) của ngài.

Đôi khi ta cũng có thể đưa ra phán đoán khôn ngoan của ta với hy vọng đề xuất được một phương thức tốt hơn.

Kiểm soát sứ điệp: Nếu xem ra Đức Giáo Hoàng bàn đến một vấn đề nào đó một cách khiến cho tình hình thêm tệ hơn, thì ta cần phải kiểm soát sứ điệp của ngài một cách quả quyết hơn, để tín hữu không bị chướng tai gai mắt (scandalized) một cách trầm trọng. Điều này đặc biệt cần thiết khi phương thức của Đức Giáo Hoàng xem ra phá hoại một khía cạnh nào đó của tín lý Công Giáo. Một trong các phương pháp là nhấn mạnh tới bất cứ điều gì tích cực nhất trong sứ điệp của ngài, không nhấn mạnh các lạc đề (off-notes) của sứ điệp, nhằm chuyển tải nó một cách nhất quán hơn với đức tin, luân lý và truyền thống Công Giáo. Tiền Sĩ Mirus cho rằng chính phòng báo chí của Tòa Thánh cũng năng sử dụng phương pháp này dưới thời Đức Phanxicô.

Một cách nữa là tự ý thêm vào những điều Đức Giáo Hoàng không nhắc đến và coi những gì ngài nói là một phần của một bức tranh lớn hơn. Mục đích là trình bày Đức Giáo Hoàng như thể ngài “làm nổi bật” một điểm vốn không nhằm chỉ được tiếp nhận trong cõi chân không, nhưng cần được quân bình hóa bởi các khía cạnh khác của cùng vấn đề. Quảng cáo cho bức tranh lớn hơn như thế này sẽ giảm thiểu gương mù có thể có.

Chống đối sứ điệp: Cuối cùng, có khi ta cần phải đối chất với sứ điệp của Đức Giáo Hoàng một cách chống đối nhiều hơn. Trước nhất, là cần thận nhận diện các hệ luận không thể nào được phép trong các nhận định của Đức Giáo Hoàng, với giả thuyết cho rằng ngài nói hơi bất cẩn và thực ra ngài không có ý nói những hệ luận này.

Thứ hai, mạnh hơn, là nhấn mạnh rằng điều Đức Giáo Hoàng nói và làm có hại cho tín lý Công Giáo, không được huấn quyền biện minh, và rất có thể bị huấn quyền bác bỏ, trong triều giáo hoàng sau. Nhiều người tin rằng đây là lúc phải áp dụng lời phê phán này khi Đức Giáo Hoàng Phanxicô toan tính cho người ly dị tái hôn dân sự rước lễ tuy không có án tuyên bố hôn nhân trước của họ vô hiệu. Họ nhận định rằng giáo huấn trước đây của Giáo Hội, Bộ Giáo Luật và thực hành Công Giáo chứng tỏ rằng việc này không thể cho phép, và do đó, họ mong Huấn Quyền hủy bỏ mọi hoài nghi kịp thời, hơn là nhận diện một ngoại lệ hợp pháp.

Các thái độ phải có khi phê bình Đức Giáo Hoàng

Dù cách nào, việc phê bình Đức Giáo Hoàng luôn phải hợp tình hợp lý (fair) và hết sức có tính xây dựng. Thành thử, ta luôn luôn phải dè chừng, ý tứ. Tiền Sĩ Mirus cho hay: các thái độ sau đây cần phải lưu ý khi phê bình Đức Giáo Hoàng:

Khiêm nhường : Trước nhất, mọi nhà phê bình phải nhìn nhận khả thể sai lầm của mình. Bất luận ta nhấn mạnh thế nào về một điểm đặc thù, điều luôn có thể là ta rất có thể sai lầm. Các sai lầm ta có thể có thì vô vàn và đôi khi, ta không nhận ra mình có thể vướng vào một sai lầm đặc thù nào đó. Thành thử việc ta mạnh mẽ đưa ra một lập luận là điều chấp nhận được nhưng điều không thể chấp nhận được là coi những người bất đồng với ta như ngu đần, phi lý.

Hợp tình hợp lý: Điều thích đáng là tất cả chúng ta nên đáp ứng các ý nghĩ và hành động của người khác như ta muốn họ đáp ứng các ý nghĩ và hành động của ta. Đây là một điều hết sức quan trọng và có lẽ hiển nhiên nhất của luật tự nhiên: sự hợp tình hợp lý. Điều này có nghĩa ta phải thường xuyên dành một xây dựng tốt nhất đối với bất cứ tuyên bố hay hành động nào ta nghĩ đáng bị phê phán, trong đó, có việc nhìn nhận ý tốt của người khác ngoại trừ có đủ bằng chứng ngược lại. Hơn nữa, khi nào sự thật về một vấn đề nào đó cho phép có những sự dị biệt hợp pháp, thì ta phải vui lòng thừa nhận khả thể này.

Liên chính (Integrity): Một vi phạm trầm trọng đối với chính sự liên chính bản thân, chưa kể còn là một bất công nghiêm trọng, khi cố tình lên đặc điểm sai cho chủ trương hoặc luận điểm của đối phương. Hơn nữa, ta không bao giờ được phán đoán tình trạng nội tâm của người ta phê phán. Ta ít

khi biết được các ý hướng thực sự của một con người: chỉ có Thiên Chúa mới có thể vừa nhìn rõ các động lực vừa phán đoán đúng về chúng mà thôi.

Cân bằng: Bất cứ điều gì có tiềm năng làm người ta bị các bề trên trong Giáo Hội của họ xa lánh đều nguy hiểm về phương diện thiêng liêng. Đây không phải là chuyện chính trị. Nếu phải liên tiếp phê phán, ta cũng phải có trách nhiệm tương ứng trong việc nhìn nhận bất cứ điều gì có thể khuyến cáo bất cứ nhân vật nào của Giáo Hội có thẩm quyền hợp pháp đối với người khác khen ngợi họ. Cũng cần phải lưu ý tới mục tiêu: nếu lời phê phán của ta không tới tai Đức Giáo Hoàng thì ta vẫn cần phải củng cố đức tin và đức cậy của các tín hữu. Không gì làm tha hóa và nản lòng người khác nhanh hơn việc làm cho sự việc tệ hơn là chính chúng bằng cách không ngừng bôi lông tìm vết.

Tính giới hạn: Ở đây, ta phải tuân giữ các qui luật Công Giáo chuyên biệt của việc dẫn thân giao tiếp. Phải cư xử tôn kính đối với những người của Giáo Hội. Hơn nữa, phạm vi bất đồng hợp pháp bị giới hạn bởi huân quyền hiện hữu, và bởi thẩm quyền kỷ luật thích đáng của Giáo Hội đối với người khác. Tổ cáo một vị giáo hoàng đã giảng dạy sai lầm một cách có huân quyền hay khuyến cáo người ta bất tuân thẩm quyền kỷ luật hợp pháp của ngài là đã vượt quá ranh giới Công Giáo. Vì chúng ta tin vào việc Chúa Kitô che chở Giáo Hội của Người, nên chúng ta không bao giờ được rơi vào cái bẫy cho rằng Giáo Hội sẽ bị tiêu diệt nếu các quan điểm đặc thù của chúng ta không được thi hành. Như Thánh Augustinô từng cảnh cáo một cách ngắn gọn trong cuốn *Tự Thú* của ngài: sự thật vốn là tài sản của mọi người. Nhưng ai chỉ nói từ cái kho của mình, người ấy nói láo.

Nhạy cảm: Phải tỏ ra nhạy cảm đối với bất cứ ai ta phê phán. Nếu người đọc của ta thấy chướng tai gai mắt (scandalized), ta lại càng phải tỏ ra nhẹ nhàng hơn. Nếu thấy lời phê phán của ta bị coi là xâm hại (corrosive), ta cần phải rút nó lại. Khi phê phán người khác, ta rất dễ bị cảm dỗ đánh thật mạnh mà không lưu ý tới các thiệt hại phụ thêm (collateral damage). Nhưng nếu không nghĩ tới ích lợi của các linh hồn trong mọi giai đoạn của việc ta cố gắng làm cho sự việc đúng đắn, thì thà ở im lặng còn hơn. Trọng điểm là che chở và nuôi dưỡng đức tin và đức cậy của những người sẵn sàng nghe theo điều chúng ta nói.

Sửa sai: Nếu ta đã quảng bá những phê phán mà sau đó bị chứng tỏ là không chính xác hay thiếu căn cứ, ta có nghĩa vụ nặng nề phải nhìn nhận như thế, và bảo đảm rằng cũng những người nghe chúng ta lần đầu cũng được nghe ta lần thứ hai. Chúng ta dễ bị quyến rũ xiết bao khi hy vọng người khác quên các lỗi lầm quá khứ của chúng ta và tiếp tục tin tưởng vào phán đoán của ta! Người nào biết tôn trọng bốn phạm này, thì người đó chính là một nhà phê phán thực sự đáng tin cậy.

Câu truyện Nôê

Nói tóm lại, việc phê phán Đức Giáo Hoàng là điều có thể biện minh được, tuy có nhiều cách phê phán ngài và với nhiều thái độ thích đáng khác nhau. Trong một bài báo sau đó, Tiến Sĩ Mirus nói rằng: có người trích dẫn câu truyện Nôê say rượu đến bỏ cả mặc quần, được hai con trai đi ngược cầm áo quần cho khỏi xấu hổ, để cho rằng không nên phê phán Đức Giáo Hoàng, vì dù sao, ngài cũng là cha chung của chúng ta.

Nhưng theo Tiến Sĩ Mirus, câu truyện Nôê là “vấn đề im lặng trước một việc tư riêng, một việc mà công chúng không biết tới”. Nó “không thể áp dụng vào các câu tuyên bố hay hành động công khai của Đức Giáo Hoàng, những điều đã được nhiều người biết đến và thảo luận khắp thế giới”.

Nhưng phê phán không đồng nghĩa với việc tiếng Anh gọi là “character assassination”, tức diễn trình cố ý và kéo dài nhằm hủy diệt sự khả tín và danh thơm tiếng tốt của một con người, nhất là ở trường hợp người cha trong gia đình mà dù gì các con cũng phải tìm cách đề cao các giá trị tích cực của ngài.

Hơn nữa, các vấn đề Đức Giáo Hoàng phải đối phó không hề đơn giản chút nào mà lại đa dạng. Rất nhiều điều ngài làm hết sức tốt đẹp và hoàn toàn đúng. Nên dù có những điểm yếu, ta không được quên các điểm mạnh rất nhiều của ngài.

Nói tóm lại, khi phê phán Đức Giáo Hoàng, 3 điều sau đây tôi cần thiết: tình hiếu thảo và bổn phận của ta đối với Đức Giáo Hoàng; ý thức các giới hạn của chính ta; lợi ích của Giáo Hội.

Để thể hiện 3 điều trên, Tiến Sĩ Mirus đề nghị bốn điều sau đây:

1. Không bao giờ được lấy bất cứ điều gì Đức Giáo Hoàng nói ra khỏi ngữ cảnh để minh chứng một điều gì đó. Ngữ cảnh là điều rất quan trọng, và đặt lời cho các sự việc với sự chính xác tuyệt đối nhưng độc lập đối với một ngữ cảnh đặc thù nào đó là điều không bao giờ nên làm. Lấy sự việc ra khỏi ngữ cảnh là sai lầm rất thông thường; khi cố tình, nó là sự bất trung thực.
2. Ta nên cố gắng tưởng tượng ra các điều kiện theo đó một điều hồ nghi do Đức Phanxicô nói hay làm có thể là điều hoàn toàn được phép, rồi cẩn thận xét xem liệu các điều kiện này có thể hợp pháp hay không. Tóm lại, nên dừng lại và khảo sát một số nhân tố cách cẩn thận hơn.
3. Tốt hơn, nên phê phán một cách nhẹ nhàng và có tính tạm thời. Nói rằng “Đức Giáo Hoàng thiếu đức tin” hay “Đức Giáo Hoàng bị lừa phỉnh” hoặc “Đức Giáo Hoàng lầm” là điều vội vã, nên tránh. Tốt hơn, nên nói: “tôi không hiểu lời tuyên bố hay hành động của Đức Giáo Hoàng làm sao có thể thích đáng hay chính xác, xét theo quan điểm X,Y và Z của Công Giáo”.
4. Không những hợp đức ái mà còn khôn ngoan nữa khi chỉ phê phán một vị giáo hoàng về sự thất bại tối thiểu, nhất quán với vụ việc mà thôi. Thí dụ, khi xét tới việc liệu các điều giáo luật 915 và 916 về việc cho rước lễ có gốc rễ tín lý sâu xa đến nỗi không thể phát biểu cách khác được hay không, thì tốt hơn chỉ nên than phiền Đức Giáo Hoàng đã không làm sáng tỏ Giáo Luật trước khi bàn tới việc rước lễ của người ly dị tái hôn, hơn là tố cáo ngài lạc giáo.

Cùng bước với Phêrô

Hiện nay, nhiều người Công Giáo dường như đã vượt ranh giới phê bình Đức Giáo Hoàng để kết án ngài. Trong đó, có đồng nghiệp của Tiến Sĩ Mirus tức Phil Lawler. Ngày 27 tháng Giêng vừa qua, ký giả này đặt bút viết bài “Pope Francis has become a source of division” (Đức Giáo Hoàng Phanxicô Đã Trở Thành Nguồn Gây Chia Rẽ).

Theo ký giả này, Đức Phanxicô có lối cai trị độc đoán và cổ vũ, cách không khoan nhượng, một chương trình có bản chất cực đoan. Lối cai trị độc đoán thể hiện rõ rệt nhất gần đây khi ngài qua mặt tư thế độc lập và có chủ quyền của Hội Hiệp Sĩ Malta. Viết về hành động này trên tờ Wall Street Journal, Sohrab Ahmari, một tân tông, cho rằng nó “gây chia rẽ Giáo Hội”.

Lawler còn nhận định thêm: “Cũng như trong các cuộc tranh luận khác gần đây như việc rước lễ của người ly dị tái hôn; tư thế của Thánh Lễ bằng tiếng La Tinh; đối thoại giữa Tòa Thánh và chế độ Cộng Sản Trung Hoa, các người bảo thủ đứng về một bên còn Đức Giáo Hoàng Phanxicô thì đứng về bên kia”.

Dĩ nhiên, Đức Giáo Hoàng có quyền ra quyết định và ấn định chính sách. Nhưng không như các lãnh tụ chính trị, ngài không nên đem nghị trình riêng của mình vào chức vụ, không nên cổ vũ các đồng minh của mình và trừng phạt các người đối lập trong Giáo Hội. Trump có thể lật ngược quyết định của Obama, nhưng một vị giáo hoàng được người ta chờ mong duy trì các quyết định của các vị tiền nhiệm. Vì dù gì, Giáo Hội cũng không tự phân chia thành phe đảng chống chọi nhau. Nhất là vì ngài là người rất tha thiết với tính cộng đồng, không cai trị theo lối quân chủ, chỉ đề xuất chứ không áp đặt giải pháp cho các vấn đề mục vụ.

Đức Giáo Hoàng, theo Lawler, có thẩm quyền rất lớn trong Giáo Hội, có quyền nói với toàn thể Giáo Hội, nhưng ngài phải bỏ khả năng nói cho chính ngài. Ngài không được phe phái, ngài nên giải quyết các tranh chấp, không nên khởi động chúng.

Giáo hoàng là thầy dạy tối cao về đức tin Công Giáo, nhưng ngài chỉ nên dạy những gì Giáo Hội luôn

luôn dậy. Ngài không thể dậy điều gì mới lạ, chỉ nên dậy những chân lý cổ xưa một cách mới lạ. Tự ý đưa vào một điều mới lạ, ngài đã lạm dụng thẩm quyền của mình. Đưa vào một điều mới lạ lại trái với các tín lý đã thành hình của Giáo Hội, ngài phá hủy chính thẩm quyền của mình. Đối với các thắc mắc khiêu nại của tín hữu về tín lý, ngài nên giải thích, không nhục mạ họ.

Thiên nghĩ các nhận định của Lawler quá đáng, vượt quá ranh giới của “ecclesia discens” (Giáo Hội học tập). Không chắc gì ta đã hiểu hết đường lối của Đức Phanxicô để phê phán, thậm chí lên án như trên.

Về phương diện trên, ký giả Michael O’Loughlin của tờ America đề nghị một cách để hiểu đường hướng của Đức Phanxicô là cùng bước đi với ngài.

Ký giả này dùng hình ảnh bước đi để khởi đầu bài báo của mình: xem ra đơn giản, vì bước đi chỉ cần đặt một chân đằng trước chân kia. Nhưng cơ học của nó không đơn giản: hàng chục cơ bắp phải dẫn nở trong khi hàng chục cơ bắp khác phải thắt bóp cùng một lúc, tạo ra nhiều căng thẳng trong cơ thể mới đẩy ta tiến về phía trước. Căng thẳng vì thế là dấu chỉ sự sống.

Nếu Giáo Hội hành xử như một thân xác con người, điều mà Thánh Phaolô đã chủ trương, thì trong Giáo Hội cũng phải có các căng thẳng. Từ những ngày đầu triều giáo hoàng của ngài, Đức Phanxicô đã xử lý với khá nhiều căng thẳng trong Giáo Hội, định chế ngài được bầu lên để cai quản. Các căng thẳng này mấy lúc gần đây đã trở nên hiển hiện hơn khi ngài cố gắng cải tổ Giáo Hội: tân quyền, nối kết với dân, sẵn sàng đương đầu với các thách đố hơn là tiếp tục làm ngơ chúng vì quan niệm làm lẫn và quá đơn giản về hợp nhất.

Hình ảnh thứ hai là lễ tấn phong 17 tân Hồng Y hồi tháng 11, 2016 tại Đền Thờ Thánh Phêrô. Các tân Hồng Y hứa “không ngừng vâng lời Giáo Hội Thánh Thiện, Tông Truyền, Rôma, và Đấng Diễm Phúc Phêrô trong con người của Giám Mục Tối Cao”. Sau đó, các ngài nhận mũ đỏ, nhẫn và phép lành, trao đổi cái hôn với Đức Giáo Hoàng và các Hồng Y hiện diện. Nghi lễ này nhằm đưa ra một sứ điệp rõ ràng: Dưới Phêrô, tất cả chúng ta là một.

Nhưng mấy ngày trước đó, 4 vị Hồng Y cho người ta thấy rõ: sự hợp nhất của Giáo Hội dưới thời Đức Phanxicô là điều khó nắm (elusive), qua lá thư tỏ ý hoài nghi một số chủ trương của ngài trong tông huấn *Niềm Vui Yêu Thương* và mong ngài trả lời.

Đức Phanxicô không trực tiếp trả lời. Nhưng theo O’Loughlin, ngài không làm ngơ các quan tâm của các vị. Trong một bài giảng sau lễ tấn phong 17 tân Hồng Y, ngài than phiền về thái độ cứng nhắc của một số vị giáo phẩm.

Rồi ba ngày trước Lễ Giáng Sinh, nói với Giáo Triều, ngài bảo: việc cải tổ Giáo Hội là “dấu hiệu thứ nhất và quan trọng nhất chỉ sự sống của một Giáo Hội đang tiến bước trên đường lữ thứ của mình”. Ngài chấp nhận lời phê bình, cho hay: “thiếu phản ứng là dấu chỉ sự chết!”.

Theo Loughlin, gần 4 năm ở ngôi vị giáo hoàng, Đức Phanxicô tiếp tục phối hợp việc suy tính có tham khảo, việc vâng vâng đưa ra các quyết định và việc trực tiếp lôi cuốn các tín hữu giáo dân để đẩy mạnh nghị trình của ngài. Hiện đang có những gợi ý cho thấy ngài rất có thể không thành công trong các cố gắng cải tổ Giáo Hội, vì những người trong nội bộ và những người bảo thủ đang trở thành mạnh dạn hơn nhờ các cố gắng kiểu “dubia” (hoài nghi), nhưng Đức Phanxicô tỏ ra không nao núng, cương quyết đẩy Giáo Hội tiến tới.

Một điểm nữa cần lưu ý, nếu muốn hiểu cung cách cai trị của Đức Phanxicô, đó là tinh thần thượng hội đồng (synodality), tức tham khảo rộng rãi càng nhiều người càng tốt từ khắp mọi nơi trong Giáo Hội.

Ai cũng biết Đức Phaolô VI thiết lập ra Thượng Hội Đồng Giám Mục vào năm 1965, nhằm tiếp tục triết lý hành động đầy tính hợp tác của Công Đồng Vatican II, một triết lý thực ra đã phát sinh ngay

trong những ngày đầu tiên của Giáo Hội.

Nhưng, theo Loughlin, đến thập niên 1980, các Thượng Hội Đồng đã trở thành hết hiệu lực và còn đó cho có lệ, chứ ít làm việc và thiếu đối thoại để có thể thắng vượt tính cứng ngắc của nền hành chánh Vatican.

Loughlin cho biết Đức Tân Hồng Y Joseph Tobin của Newark, người vốn làm việc tại Tòa Thánh một số năm và từng tham dự 5 thượng hội đồng thời Đức Gioan Phaolô II và Đức Bênêđictô XVI, nói rằng: đây là một diễn trình rất rõ ràng, không cần phải suy nghĩ hay tra vấn chỉ cả, các nghị phụ “nhảy vọt” (frog-marched) thẳng tới kết luận.

Bầu khí bên trong phòng họp của Thượng Hội Đồng bắt đầu bớt ngột ngạt nhờ sáng kiến của Đức Bênêđictô XVI qua việc du nhập “giờ thoải mái” (happy hour) sau các phiên họp khô khan. Nhờ thế, các giám mục bắt đầu cởi mở với nhau hơn qua một ly cà phê hay một ly bia.

Đức Giáo Hoàng Phanxicô tiến một bước xa hơn nữa. Non một năm sau ngày lên ngôi, ngài loan báo sẽ triệu tập một Thượng Hội Đồng đặc biệt về Gia Đình, trong đó, không có gì bị loại khỏi nghị trình. Sau đó là hai phiên họp liên tiếp trong hai năm, trong đó, các giám mục có nhiệm vụ soạn thảo các ý tưởng để củng cố các gia đình và đó là điều các ngài đã dành phần lớn thì giờ để bàn thảo.

Nhưng các ngài cũng đã nói tới các gia đình đổ vỡ, những người ly dị và tái hôn theo dân luật, cả những người đồng tính nữa. Đức Phanxicô khuyến khích việc thảo luận này.

Cuộc thảo luận trở nên căng thẳng khi bản tường trình sơ khởi bị bác bỏ vì điều báo chí gọi là “một số ngôn ngữ tích cực một cách không ngờ nói về người đồng tính” và ý nghĩ cho rằng người ly dị tái hôn dân sự có thể được lãnh nhận các bí tích trở lại.

Phiên thứ hai, khai mạc năm 2015, không giải quyết được mọi căng thẳng trên. Theo Loughlin, để tránh có hại cho cuộc đối thoại, Đức Phanxicô đã hạn chế tối đa các can thiệp của ngài.

Tuy nhiên, ngay trước khi phiên thứ hai bắt đầu, 13 vị Hồng Y đã trình lên Đức Giáo Hoàng một lá thư ký chung của họ, gợi ý rằng Thượng Hội Đồng của ngài được dự kiến sẽ dẫn tới một kết luận đã định sẵn chứ không hẳn nhằm cô vũ đối thoại công khai. Một số giám mục còn cho rằng các biên bản của Thượng Hội Đồng đã lạc đề.

Tuy nhiên, Tổng Giám Mục Coleridge của Brisbane, Úc, thì cho rằng ngài biết rõ Đức Phanxicô có kế hoạch riêng.

Quả thế, tháng Tư năm 2016, với việc công bố Tông Huấn *Niềm Vui Yêu Thương*, ngoài việc mô tả vẻ đẹp của đời sống gia đình và việc Giáo Hội phải hỗ trợ các gia đình cách hữu hiệu hơn, Đức Giáo Hoàng cũng gợi ý cách phải giải quyết vấn đề rước lễ như thế nào cho những người ly dị tái hôn dân sự.

Theo Loughlin, “Ngài [Đức Phanxicô] dường như muốn gợi ý rằng qua một diễn trình biện phân và thống hối, với sự tham khảo một linh mục, các người Công Giáo ly dị và tái hôn nào muốn rước lễ có thể được trở lại lãnh nhận các bí tích. Đức Giáo Hoàng tìm cách thúc đẩy Giáo Hội tiến tới trong vấn đề này bằng một ghi chú, một dấu hiệu cho thấy giáo huấn này không hẳn là thúc đẩy chính của tông huấn”.

Nhưng ghi chú trên đã gây ra phản ứng mãnh liệt trong Giáo Hội. Theo Loughlin, nó đã lay động cả Giáo Hội và cung cấp cho ta cơ hội để hiểu rõ Đức Giáo Hoàng có ý dẫn ta tới đâu.

Tháng Chín năm ngoái khi các giám mục Á Căn Đình đưa ra một khuôn khổ cụ thể cho phép nói lỏng việc rước lễ và được Đức Phanxicô đồng ý, thì đây là dấu rõ rệt nhất cho thấy qua diễn trình Thượng Hội Đồng, Đức Phanxicô có ý định tổ chức lại cơ cấu của Giáo Hội ra sao. Theo lời Đức HY Tobin, thì diễn trình này là: trong Giáo Hội hoàn cầu này, phải cai quản một cách ít tập trung quyền hành

hơn, với địa phương căng thẳng một cách sáng tạo đối với trung ương.

Trên thực tế, diễn trình ấy gồm ba bước: hỏi những câu hỏi khó, suy tính với càng nhiều tâm trí càng hay, rồi đưa ra quyết định để tiến thêm một bước trong cuộc hành trình.

Nhận định của Loughlin là: “Đức Giáo Hoàng Phanxicô rất có thể không biết diễn trình trên dẫn ngài hay Giáo Hội tới đâu, nhưng ngài tin tưởng rằng đứng yên một chỗ không phải là một giải pháp”.

Diễn trình trên được Đức Cha Robert McElroy của San Diego, Hoa Kỳ, hết lòng ủng hộ và ngài còn tiến xa hơn một bước bằng cách mời các giáo dân dự một “thượng hội đồng” giáo phận để bàn về *Niềm Vui Yêu Thương* vào mùa hè năm ngoái với lời hứa: thì giờ của họ không bị phí phạm, và, ngoại trừ sai lầm ra, các khuyến cáo của họ sẽ được thi hành!

Chính Đức Cha McElroy cũng không rõ “thượng hội đồng” của ngài sẽ đi về đâu. Và kết quả của nó làm chính ngài phải ngạc nhiên.

San Diego, với gần 1 triệu người Công Giáo, vốn là giáo phận không thiếu những gia đình ly tán. Quân nhân hiện diện đông đảo tại đây, thành thử, nhiều gia đình phải chịu cảnh bị triển khai (deployment) lâu dài khiến vợ chồng và cha mẹ phải sống xa nhau trong một thời gian dài. Địa phương hóa sứ điệp phổ quát của Đức Phanxicô, người Công Giáo San Diego cho rằng Giáo Hội nên cung ứng tài nguyên cho các gia đình phân tán vì bị triển khai. Và thế là San Diego nghiêng về phía cho phép người ly dị tái hôn rước lễ, chỉ vì, như lời Đức Cha McElroy: “chúng tôi sẽ làm điều Đức Giáo Hoàng yêu cầu chúng tôi làm và tôi chắc chắn sẽ làm điều này vì dân chúng yêu cầu chúng tôi làm”.

Người hết lòng ủng hộ phương thức của Đức Phanxicô là linh mục Antonio Sparado, giám đốc tập san “bán chính thức” của Tòa Thánh và là người cùng Dòng Tên với ngài. Trong các tháng qua, Linh Mục Sparado đã dùng mọi phương tiện truyền thông để bênh vực người cùng Dòng. Điều này cũng dễ hiểu vì Dòng Tên vốn rất thích việc biện phân. Phương thức này, theo Loughlin, có thể làm lệch hướng những người quen với lối chỉ huy từ trên phán xuống, hết sức rõ ràng. Phản ánh Đức Phanxicô từng nét, Cha Sparado nói với tờ America rằng: “nếu diễn trình có thực chất, bạn sẽ không biết kết cục”.

Cha so sánh lối cai quản của Đức Phanxicô với việc đi tìm đường đi quanh co khắp Rôma. Người thời nay có thể dùng GPS để tìm đường cách an toàn dễ dàng. Nhưng Đức Phanxicô thì nhất định thuộc trường phái cũ trong phương thức của ngài. Nên “Ngài không biết chính xác con đường này sẽ dẫn tới đâu. Ngài học và ngài hiểu sự việc từng bước một”. Mỗi bước có thể gây căng thẳng cho những người lo lắng đối con đường mới ngài đi.

Theo Tổng Giám Mục Coleridge, trong phương thức của ngài, Đức Phanxicô còn muốn cởi bỏ tính huyền bí chung quanh ngôi vị giáo hoàng, một sự huyền bí đạt tới tột đỉnh thời Đức Gioan Phaolô II, người mà nhiều người coi như “một thứ sấm truyền có thể phán ra lời nói cuối cùng cho bất cứ vấn đề nào”.

Đối với Đức Giáo Hoàng Phanxicô, đúng hơn ngài là thành phần của một cuộc chuyện văn vĩ đại thuộc về toàn thể Giáo Hội.

Trong cuộc phỏng vấn của tờ báo Công Giáo *Berti* hồi tháng Mười Hai, Đức Phanxicô nói như sau về viễn kiến thượng hội đồng dành cho Giáo Hội của ngài: “Một là có một Giáo Hội theo hình kim tự tháp, trong đó điều gì Phêrô nói đều được thực hiện, hai là có một Giáo Hội với tính thượng hội đồng, trong đó, Phêrô là Phêrô nhưng ngài đồng hành với Giáo Hội, ngài để Giáo Hội lớn mạnh, ngài lắng nghe Giáo Hội, ngài học hỏi từ thực tại này và tiến hành việc hoà nhập nó, biện phân những gì phát xuất từ Giáo Hội và phục hồi nó cho Giáo Hội”.

Đức Phanxicô nói rằng trong Giáo Hội có tính thượng hội đồng, luôn có chuyển động và đối thoại, nhưng giáo hoàng luôn cầm chịch. Ngài bảo: “Nhưng có câu La Tinh nói rằng các Giáo Hội luôn luôn

cum Petro et sub Petro (với Phêrô và dưới Phêrô). Phêrô là người bảo đảm sự hợp nhất của Giáo Hội. Ngài là người bảo đảm”.

Tiến về phía trước không luôn luôn dễ dàng. Nó có thể làm bất an những ai quen với những lối sự việc là và vốn là. Thành thử không ngạc nhiên bao nhiêu nếu Đức Phanxicô gặp một số đề kháng nào đó. Tuy thế, Cha Sparado cho hay: những người phê bình Đức Phanxicô đã nhận được quá nhiều chú ý. Dù gì, gần như mọi Hồng Y, chỉ trừ một số vị, đã lên tiếng ủng hộ Đức Giáo Hoàng. Phần lớn người Công Giáo không bận tâm đến các cuộc tranh luận trong nội bộ Giáo Hội.

Cha nói: “Nếu ta đọc ‘Niềm Vui Yêu Thương’, thì sẽ thấy rõ đâu là điều Đức Giáo Hoàng có ý định thực hiện: thiết lập việc biện phân trong mọi diễn trình của Giáo Hội. Ngài cố gắng nói với các mục tử rằng công việc của anh em không phải chỉ áp dụng các qui luật, coi chúng giống như toán học hay các lý thuyết. Công việc của anh em là nhìn vào cuộc sống người dân của anh em và giúp họ khám phá ra Thiên Chúa và lớn lên trong Giáo Hội chứ không loại trừ, không phân rẽ bất cứ ai ra khỏi Tin Mừng và đời sống Giáo Hội”.

Cha Spadaro cho rằng Đức Phanxicô không có kế hoạch tổng thể (master plan). “Ngài quyết định thực hiện điều gì đó bằng cách nhìn vào các biến cố và cầu nguyện, điều này có nghĩa ngài không xây dựng các kế hoạch lớn lao. Ngài đi từng bước, bước từng bước”.

Dĩ nhiên, mỗi bước nói trên phức tạp hơn điều Đức Giáo Hoàng muốn, cho thấy nhiều căng thẳng ở dọc đường. Nhưng việc này không làm Đức Giáo Hoàng lo âu. Dĩ nhiên, ngài biết rõ các rủi ro; nhưng nếu đường đi được Thiên Chúa hướng dẫn, thì có chi bạn phải bối rối hay lo lắng”.

Mấy dòng nhận định

Đã dành một số người phê bình Đức Phanxicô đã đi tới quá trớn bằng cách kết án ngài lạc giáo. Nhưng những người bênh vực ngài cũng đã phạm không thiếu những điều quá đáng khi quả quyết những điều không hẳn có trong đầu vị Cha Chung của Giáo Hội hoàn vũ.

Đọc các nhận định trên đây của Loughlin, ai cũng phải thừa nhận rằng: với niềm tín thác vào sự hướng dẫn của Thiên Chúa, có chi mà phải bối rối hay lo lắng. Nhưng Thiên Chúa hướng dẫn Đức Giáo Hoàng qua điều chính ngài xác nhận là tính thượng hội đồng hay công đồng và đối thoại cởi mở không hẳn chỉ với các chức sắc trong Giáo Hội mà là mọi tín hữu theo nguyên tắc đã có từ ngàn xưa của Giáo Hội: cảm thức tín hữu (*sensus fidelium*), một điều có giá trị tương đương như quyền bất khả ngộ của Phêrô.

Và lại, nếu bảo rằng khi Đức Phanxicô lên tiếng chỉ trích các vị chống đối là cứng nhắc là ngài đã gián tiếp trả lời họ thì e là không đúng, vì đây đâu phải là câu trả lời mà là lời cáo buộc.

Đàng khác, hàm ý cho rằng các vị Hồng Y “dubia” đã góp phần làm tăng cường sự chống đối cuộc cải tổ của Đức Phanxicô là một cáo buộc bất công, chắc chắn không có trong đầu óc Đức Phanxicô.

Nhận định cho rằng các thượng hội đồng trước thời Đức Phanxicô chỉ là để đóng dấu cho một quyết định có sẵn là nhận định nông nổi gây chia rẽ và dường như mâu thuẫn với những nhận định sau đó trong diễn trình tạo ra *Niềm Vui Yêu Thương*.

Ai cũng biết, lối giải thích liên tục tính là lối giải thích đúng đắn nhất trong lịch sử Giáo Hội. Lối giải thích đứt đoạn chỉ nhằm gây chia rẽ và vô tình chối bỏ hành động liên tục của Chúa Thánh Thần trong lịch sử này.

Đàng khác, ai cũng biết trong cả hai phiên năm 2014 và năm 2015 của Thượng Hội Đồng Đặc Biệt về Gia Đình, các vấn đề gây tranh cãi sôi động thuộc chương Tám của *Niềm Vui Yêu Thương* sau này đã không đạt được đại đa số đồng thuận như qui định của Thượng Hội Đồng Giám Mục. Đáng lẽ những điều đó phải bị loại ra khỏi phúc trình cuối cùng, nhưng Đức Phanxicô đã quyết định cho giữ lại và

sau đó, chính ngài, cho vào *Niềm Vui Yêu Thương* với ghi chú 351 gây phản ứng dữ dội.

Thành thử, đúng như nhận định của Tổng Giám Mục Coleridge, người hết lòng bên vực lối giải thích đứt đoạn, Đức Phanxicô có kế hoạch lớn, chứ không như Cha Sparado cho rằng ngài không có kế hoạch lớn. Kế hoạch đó không đạt được đại đa số nghị phụ Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình hỗ trợ, nhưng vẫn đã được công bố chính thức bằng một văn kiện huấn quyền. Như thế, “việc nhảy vọt tới kết luận”, trên thực tế, vẫn đã xảy ra.

Và nếu thế, thì diễn trình đối thoại nên tiếp tục. Và dường như đây là quyết định mới nhất của Đức Phanxicô khi ngài “đề” Đức Hồng Y Muller, bộ trưởng thánh bộ Giáo Lý Đức Tin, lên tiếng trả lời 4 vị Hồng Y “dubia”, bằng cách xác nhận nguyên tắc bất hủ này: phải đọc *Niềm Vui Yêu Thương* trong liên tục tính với huấn quyền xưa nay của Giáo Hội về hôn nhân và các bí tích.

Thực vậy, lá thư của bốn vị Hồng Y “dubia” được gửi cho cả Đức Phanxicô lẫn Đức Hồng Y Muller. Đức Phanxicô không trả lời mà Đức Hồng Y Muller cũng không trả lời. Giải thích việc này, Đức Hồng Y nói: vì không được ủy quyền của Đức Giáo Hoàng. Vậy nay, nếu ngài đã lên tiếng trả lời, dù không bằng văn thư, nhưng bằng một cuộc phỏng vấn, thì hẳn vì đã được Đức Giáo Hoàng “ủy quyền”. Dù cho mấy ngày qua, tại Rôma, xuất hiện nhiều bích chương công khai chống đối Đức Phanxicô, người ta vẫn hy vọng: cuộc khủng hoảng có thật nhưng bị những người vây quanh Đức Phanxicô cho là vẽ vôi, quá chú trọng tới một ghi chú không quan trọng gây ra mà thôi, sẽ được giải quyết êm đẹp, lấy lại hòa khí trong Giáo Hội.

Đức Phanxicô bình thản khi nghe có những bích chương phản đối ngài tại Rôma

(Ngày 08/02/2017)

Theo tin ngày 6 tháng Hai của CNA/EWTN News, Đức Phanxicô tỏ ra bình thản khi được tường trình rằng chung quanh thành phố Rôma đã có các bích chương phản đối ngài.

Thực vậy, thứ Bảy tuần rồi, trên nhiều bức tường khắp trong thành phố Rôma, đã xuất hiện chừng 200 bích chương phản đối ngài. Nhưng khi nghe tin ấy, Đức Phanxicô không tỏ ra lúng túng chi và không lưu ý bao nhiêu tới biến cố này. Hãng tin Ý ANSA cho hay: ngài tiếp nhận tin này “một cách bình thản và thờ ơ”.

Với bức hình Đức Phanxicô nghiêm nghị, các bích chương này viết: “Ôi Đức Phanxicô, ngài đã qua mặt các thánh bộ, tống khứ các linh mục, xử trăm Hội Hiệp Sĩ Malta và Dòng Phanxicô Vô Nhiễm, phớt lờ các vị Hồng Y... nhưng lòng thương xót của ngài ở đâu?”

Chỉ sau một thời gian ngắn, nhiều bích chương này đã bị bôi bỏ với hàng chữ “bích chương lãng mạn”. Qua sáng Chúa Nhật, đa số các bích chương này đã bị gỡ bỏ và đến sáng thứ Hai, thì không còn tăm nào nữa.

Câu vẽ vôi trên các bích chương được viết bằng tiếng “Romanaccio”, một thổ ngữ của Rôma, cho thấy nhóm chủ trương là một nhóm ở địa phương. Còn nếu căn cứ vào nội dung, thì nhóm này hẳn thuộc phe bảo thủ, những người xưa nay không đồng ý với nhiều quyết định và đường lối cải tổ của Đức Phanxicô.

Khi nói Đức Giáo Hoàng “xử trăm Hội Hiệp Sĩ Malta”, nhóm chủ trương có ý nói đến vụ gần đây Đức Phanxicô yêu cầu người đứng đầu hội (Grand Master) là Hiệp Sĩ Matthew Festing (người Anh) từ chức và cho người đứng thứ ba (Grand Chancellor) là Albrecht Freiherr von Boeselager (người Đức) được phục chức, một người từng bị người đứng đầu bãi chức. Còn câu nói về việc qua mặt các thánh bộ và tống khứ các linh mục có lẽ muốn nhắc đến các tổ cáo gần đây cho rằng Đức Phanxicô sa thải 3 linh mục khỏi Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin mà không thông báo cũng như cho biết lý do. Câu

làm ngơ các vị Hồng Y thì rõ ràng ám chỉ lá thư viết hồi tháng Chín của 4 vị Hồng Y yêu cầu ngài làm sáng tỏ 5 điều “hoài nghi” về tông huấn “Amoris Laetitia”. Lá thư này, qua tháng Mười Một, đã được công bố sau khi Đức Phanxicô từ chối trả lời.

Lá thư trên được ký tên bởi Đức Hồng Y Raymond Burke (Người Mỹ), Người Bảo Trợ Hội Hiệp Sĩ Malta, hai Đức Hồng Y người Đức Walter Brandmüller và Joachim Meisner, và Đức Hồng Y người Ý Carlo Caffarra. Tất cả các vị này được nhiều người coi thuộc phe bảo thủ.

Câu nói đến Dòng Phanxicô Vô Nhiễm là có ý nói tới sự kiện: ở đầu triều đại của ngài, Đức Phanxicô đã thực hiện một số thay đổi đối với Dòng này, bằng cách hạn chế việc họ cử hành Thánh Lễ bằng tiếng Latinh vốn được cử hành trước thời Công Đồng Vatican II.

Tuy nhiên, dù việc Đức Giáo Hoàng không bận tâm tới các bích chương có thể làm nhiều người ngạc nhiên, nhưng hồi tháng Mười Một, khi trả lời cuộc phỏng vấn của tờ báo Ý Avvenire, ngài từng nói rằng ngài không hề mất ngủ vì các lời chỉ trích. Trước đó, nhiều lần, ngài cho hay: phản kháng là điều bình thường trong bất cứ cuộc cải tổ nào.

Rồi hồi tháng Mười Hai, trong một bài diễn văn dài trước Giáo Triều, ngài liệt kê ba loại phản kháng và cho hay hiện tượng này “bình thường (và) thậm chí lành mạnh nữa”.

Ngài nói tới “việc phản kháng công khai” thường phát sinh từ “thiện chí và đối thoại thành thực”, nhưng cho hay còn có loại “phản kháng dẫu mặt” phát sinh từ “các tâm hồn sợ sệt hay tê cứng tự bằng lòng với sáo ngữ rỗng tuếch về một cuộc cải tổ tinh thần đầy tự mãn”.

Đó là những người “miệng thì nói sẵn sàng thay đổi, nhưng (lòng thì) muốn mọi sự cứ y nguyên như trước”.

Tuy vậy, Đức Giáo Hoàng cũng cho biết loại phản kháng thứ ba mà ngài gọi là “phản kháng ác ý, thường phát sinh từ các tâm trí bị hướng dẫn sai và xuất hiện khi ma quỷ gợi hứng các ý xấu”. Ngài bảo loại phản kháng này thường “ẩn phía sau các lời lẽ tự biện minh mình và thường tố cáo (người khác); nó nấp mình trong truyền thống, vẻ bề ngoài, các hình thức trịnh trọng, trong những điều quen thuộc, hoặc trong ý muốn biến mọi sự thành bản vị, mà không phân biệt giữa hành vi, người làm hành vi và hành động”.

Ngài cũng nói rằng không phản ứng “là dấu chỉ sự chết” và vì thế, “các phản kháng tốt, và cả các phản kháng không mấy tốt, đều cần thiết và đáng được lắng nghe, hoan nghênh và khuyến khích để tự nói ra”.

Đức Phanxicô: Giáo Hội cần tinh thần bền chôn thao thức

(Ngày 11/02/2017)

Ai cũng biết Đức Phanxicô xuất thân từ Dòng Tên, từng làm bề trên tỉnh dòng này tại Á Căn Đình nhiều năm. Trở thành Hồng Y tổng giám mục rồi giáo hoàng, dĩ nhiên, ngài không chỉ thuộc Dòng Tên mà là người của mọi dòng, mọi tu hội, mọi người. Nhưng một điều nổi bật là ngài không quên nguồn cội và không e dè biểu lộ sự gần gũi với nguồn cội này. Thành thử trong mọi cuộc du hành thế giới, hễ đâu có Dòng Tên và nếu có thời gian, bao giờ ngài cũng tìm cách gặp gỡ anh em cùng Dòng.

Tờ báo 167 tuổi và ấn bản thứ 4,000

Ở Rôma cũng thế, lúc nào ngài cũng tìm dịp gặp gỡ những người cùng dòng. Ngoài cha bề trên cả ra, người được ngài năng chuyện văn chính là linh mục Sparado, người đầu tiên làm cuộc phỏng vấn dài với ngài và từ đó, là người hết lòng bênh vực ngài bất cứ trong vấn đề nào. Cha Sparado là chủ nhiệm tập san Civiltà Cattolica, một tờ báo Công Giáo vừa mừng ấn bản thứ 4,000 trong 167 năm từ ngày thành lập.

Khác với các tờ báo khác, kể cả tờ báo chính thức của Tòa Thánh là L'Osservatore Romano, nhân kỷ niệm ấn bản thứ 4,000 của Civiltà Cattolica, Đức Phanxicô đã trực tiếp gặp gỡ ban giám đốc, ban biên tập và tất cả các cây viết của nó tại Vatican. Trong cuộc gặp gỡ này, ngài đã đọc một diễn văn dài đề ca ngợi thành quả và chiều hướng của tờ báo.

Theo tin ngày 9 tháng Hai năm 2017 của CNA/EWTN News, nhân dịp này, tờ báo đã cho phát hành lần đầu tiên các ấn bản bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Đại Hàn, và việc này đã được Đức Phanxicô đề cao. Trong số những điều nhấn nhủ, ngài thúc giục tờ báo có tinh thần bền chôn thao thức, cởi mở và óc tưởng tượng lành mạnh.

Ngài nói rằng tờ báo hiện vẫn “can đảm tiếp tục vượt sóng trên biển rộng bao la”. Ngài khuyên họ cứ ở mãi trên mặt nước mênh mông ấy. Vì theo ngài, “người Công Giáo không bao giờ sợ biển rộng, không bao giờ mưu tìm trú ẩn ở những bến yên lành”. Với ngài, các tu sĩ Dòng Tên phải “tránh việc khur khur bám vào những điều chắc chắn và an toàn”.

“Chúa kêu gọi chúng ta lên đường thi hành sứ mệnh và ra khỏi bờ biển chứ không rút lui tìm cách bảo vệ những điều chắc chắn”. Ngài nói thể và giải thích thêm rằng ra khỏi bờ biển, họ có thể phải đối diện với “giông bão gió lớn” nên họ phải mạnh mẽ và tiếp tục “chèo chống để phục vụ Giáo Hội”.

Ba điển hình của bền chôn thao thức, cởi mở và óc tưởng tượng sáng tạo

Ngài ca ngợi tinh thần khiêm nhường của các cây viết trước đây của Civiltà Cattolica, khi họ tự gọi mình là “các công nhân” chứ không phải là các “nhà trí thức”. Chính vì thế, ngài ưa đọc tờ báo và thường lưu giữ một ấn bản trên bàn làm việc.

Khi suy tư về việc một tờ báo Công Giáo phải như thế nào, Đức Phanxicô đã lấy ba tu sĩ Dòng Tên làm điển hình “để đi tới”. Vị đầu tiên là Thánh Peter Favre, đồng sáng lập Dòng Tên với Thánh Inhã, “một người có những ước nguyện vĩ đại, một tinh thần bền chôn thao thức, không bao giờ thỏa mãn và là một người tiên phong của phong trào đại kết”.

Thánh Peter Favre, điển hình của bền chôn thao thức

Thánh Peter Favre và ước nguyện thâm sâu của ngài muốn thay đổi thế giới có thể dạy các nhà báo giá trị của “bền chôn thao thức” (restlessness) vì nếu không có một chút bền chôn thao thức lành mạnh, “chúng ta sẽ khô cạn”. Chỉ có sự bền chôn thao thức mới “đem lại bình an cho tâm hồn một tu sĩ Dòng Tên”.

Ngài cảnh cáo rằng đôi lúc “sự an toàn về tín lý” bị lẫn lộn với “lòng hoài nghi đối với việc tìm tòi”. Người làm báo không nên lằm lằm như thế. Ngài bảo: “các giá trị và truyền thống Kitô Giáo không phải là những của hiếm cần phải cất trong hộp trưng trong viện bảo tàng”. Thay vào đó, phải sử dụng “sự chắc chắn của đức tin” làm động lực cơ cho việc làm của họ.

Ngài nói với các cây viết của tờ Civiltà Cattolica rằng “tờ báo của anh chị em phải ý thức được các vết thương của thế giới này và các cách điều trị cá thể”. Họ phải tìm hiểu sự ác, nhưng cũng phải biết xức thuốc cho các vết thương sâu hoắm để chữa lành chúng.

Cha Matteo Ricci, điển hình cởi mở

Vị thứ hai là linh mục Matteo Ricci, tu sĩ Dòng Tên, người Ý, đóng vai trò chính trong việc thành lập các sứ bộ truyền giáo của Dòng tại Trung Hoa, cuối thế kỷ 16, đầu thế kỷ 17, người, vào năm 1602, đã vẽ bản đồ thế giới bằng tiếng Trung Hoa.

Đức Phanxicô cho rằng: cũng như chiếc bản đồ trên giúp giới thiệu nhân dân Trung Hoa với thế giới thế nào, các cây viết của Civiltà Cattolica, “cũng được kêu gọi soạn ra một bản đồ thế giới” như vậy.

Bản đồ này bao gồm việc làm cho các khám phá gần đây được mọi người biết đến, đặt tên cho các địa danh và biết ý nghĩa thực sự của nền văn minh Công Giáo. Nó cũng có nghĩa giúp người Công Giáo biết rằng Thiên Chúa “làm việc cả ở bên ngoài biên giới Giáo Hội, trong mọi nền văn minh đích thực, bằng hơi thở của Chúa Thánh Thần”.

Nói tới nhân đức “chưa trọn vẹn” (incompleteness), Đức Phanxicô nói rằng Cha Ricci là một điển hình của nhân đức này. Các cây viết nên học cách trở thành các nhà báo có “suy nghĩ chưa trọn vẹn” theo nghĩa có tâm tính cởi mở, chứ không “khép kín và cứng nhắc” khi đứng trước các thách thức hoàn cầu hiện nay.

Thầy Andrea Pozzo, điển hình của tưởng tượng lành mạnh

Vị thứ ba là Thầy Andrea Pozzo, sống trong các năm 1642-1709, và là một họa sĩ và kiến trúc sư thành đạt theo khuynh hướng Baroque. Các nhà báo nên học ở thầy óc tưởng tượng và óc sáng tạo.

Suy nghĩ về tầm quan trọng của thi ca, hội họa và các hình thức nghệ thuật khác, Đức Phanxicô nói rằng Giáo Hội phải tái khám phá ra nét thiên tài của con người, giúp chúng ta nhận ra đời sống không phải chỉ là đen và trắng mà đúng hơn là một bức tranh màu với những màu tối tế vi. Theo ngài, ta phải sử dụng óc tưởng tượng để mãi mãi mềm dẻo, có óc hài hước, có tâm hồn từ bi và tự do nội tâm.

Ngài còn nói tới cả tầm quan trọng của biện phân nữa. Biện phân “luôn được thể hiện trước nhan Chúa, nhìn vào các dấu chỉ, lắng nghe những điều đang xảy ra và tâm tư của những người biết nẻo đường khiêm nhường của những khó khăn hàng ngày, nhất là người nghèo”.

Theo ngài, “sự khôn ngoan của biện phân cứu vớt được tính hàm hồ cần thiết của đời sống”. Nhưng ngài cảnh cáo rằng sự hàm hồ này cần được xâm nhập và bước vào, như Chúa Kitô từng bước vào lịch sử con người bằng cách mặc lấy xác phàm.

Ngài nói: “ý nghĩ cứng nhắc không phải của Thiên Chúa vì Chúa Giêsu mặc lấy xác phàm, một xác thịt không cứng nhắc ngoại trừ khi đã chết”.

Bồn chồn thao thức

Đức Phanxicô sử dụng khá nhiều hình ảnh và đức tính đời thường trong các bài nói của ngài. Nhưng đây có lẽ là lần đầu tiên ngài nói tới hai “đức tính” lạ: “chưa trọn vẹn” và “bồn chồn thao thức”. Cả hai, thoạt nghe, chỉ có tính tiêu cực chứ không thể là các đức tính, càng không thể là nhân đức.

Nhưng trong ngữ cảnh của ngài, hai điều này không hề có tính tiêu cực. Chưa trọn vẹn chỉ việc không tự mãn coi mình là hoàn hảo và do đó, cần cởi mở lắng nghe người khác và chào đón ý kiến của họ. Bồn chồn thao thức, nhất là “bồn chồn”, mà tiếng Anh gọi là *restless*, theo từ điển Merry-Webster, có thể có ba nghĩa: a) cảm thấy lo lắng hay buồn nản và có khuynh hướng chuyển động quanh quẩn (không thư giãn hay thanh thản); b) không bằng lòng với hoàn cảnh và muốn thay đổi; c) ít hay thiếu nghỉ ngơi hoặc ngủ nghỉ.

Trong ba nghĩa trên, hai nghĩa có tính tiêu cực, một nghĩa tương đối có tính tích cực. Nhưng với tâm lý học và y khoa hiện đại, đây là một căn bệnh hay ít ra là một xáo trộn tâm lý cần được chữa trị.

Chắc chắn, Đức Phanxicô muốn nói tới nghĩa b) trên đây mà tiếng Việt thay vì dịch là bồn chồn, có lẽ nên dịch là thao thức: không bằng lòng với hiện trạng và muốn thay đổi. Nghĩa này chắc chắn có tính tích cực vì theo M. Scott Peck, tác giả cuốn *The Road Less Traveled* (Con Đường Ít Được Đi), “sự thật là các khoảnh khắc tốt nhất phần lớn xảy ra khi chúng ta cảm thấy không thoải mái, không hài lòng, không thỏa mãn một cách sâu xa. Vì chỉ trong các khoảnh khắc này, bị thúc đẩy bởi sự khó chịu của mình, chúng ta mới bước ra khỏi cảnh gì sét của ta (chết dần chết mòn) và bắt đầu tìm kiếm các phương thức khác hay các giải đáp đúng hơn”.

Không ai nói lên sự thật ấy bằng Thánh Augustinô, cách nay 15 thế kỷ, khi ngài viết ngắn gọn trong Tự Thú rằng: “Lạy Chúa, Chúa đã dựng nên chúng con cho Chúa và tâm hồn chúng con bồn chồn thao thức cho tới khi nó tìm được nghỉ ngơi trong Chúa”.

Ở đây, Đức Phanxicô không nhấn mạnh đến việc tìm được nghỉ ngơi, cho bằng luôn thao thức muốn ra khỏi mình, thậm chí ra khỏi cả những “chắc chắn và an toàn”, để tìm phương cách mới phục vụ anh em.

Có điều nhân dịp này, ngài vẫn đề cập tới sự kiện con thuyền Phêrô, nhiều lần trong lịch sử, cả hôm nay lẫn hôm qua, đã bị sóng đánh nghiêng ngả. Điều này thì hiển nhiên rồi. Nhưng ngài nói thêm: “Ngay các thủy thủ được kêu gọi chèo trong thuyền Phêrô cũng chèo theo hướng ngược lại. Luôn luôn xảy ra như thế!” Các ký giả hiện diện cho rằng ngài ám chỉ các Hồng Y và giám mục chống đối ngài trong vụ *Amoris Laetitia* gần đây.

Phải chăng các vị này đã không góp phần tạo nên sự bồn chồn thao thức khiến ngài luôn ra khỏi mình để tìm ra phương thức tốt hơn nhằm phục vụ Giáo Hội đó sao?

Hội đồng hồng y công khai bày tỏ sự ủng hộ đối với con người và huấn quyền của Đức Phanxicô

(Ngày 13/02/2017)

Theo tin của Cindy Wooden, thuộc Catholic News Service, ngày 13 tháng Hai, sau một số thách thức công khai đối với giáo huấn và thẩm quyền của Đức Phanxicô, các thành viên của Hội Đồng 9 Hồng Y do chính ngài thành lập, nhân dịp phiên họp thứ 18, đã bày tỏ “sự ủng hộ hoàn toàn” của các vị đối với việc làm của ngài.

Thực vậy, theo một bản tuyên bố của Phòng Báo Chí Tòa Thánh, Đức Hồng Y người Honduras, Oscar Rodriguez Maradiaga, phối trí viên của Hội Đồng, khởi đầu phiên họp, với sự hiện diện của Đức Phanxicô, đã cam đoan với Đức Giáo Hoàng rằng các Hồng Y “hoàn toàn ủng hộ con người và huấn quyền của ngài”.

Bản tuyên bố của Phòng Báo Chí Tòa Thánh cho hay việc ủng hộ hoàn toàn này đã được đưa ra “liên quan tới các biến cố gần đây”.

Tuy Bản Tuyên Bố không cho biết đó là những biến cố nào, nhưng nó được công bố chỉ vài ngày sau khi một ấn bản giả của nhật báo Tòa Thánh là L'Osservatore Romano được gửi qua điện thư cho các giới chức Tòa Thánh và một tuần lễ sau khi các bích chương được phát hiện trên các bức tường quanh Thành Phố Rôma chỉ trích ngài về các hành vi liên quan tới Hội Hiệp Sĩ Malta và một số nhóm khác. Nó cũng xuất hiện một vài tháng sau ngày Đức Hồng Y người Mỹ Raymond L. Burke và ba vị Hồng Y đã về hưu công khai tỏ ý hoài nghi đối với giáo huấn của ngài trong chương 8 của Tông Huấn "Amoris Laetitia".

Đức Hồng Y Rodriguez Maradiaga, nhân danh Hội Đồng, cũng đã cảm ơn Đức Giáo Hoàng về cung cách ngài đã giải thích cho các giới chức Vatican hay về việc làm của Hội Đồng đối với việc cải tổ Giáo Triều.

Gặp gỡ nhân viên Giáo Triều trước Lễ Giáng Sinh năm rồi, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói rằng: việc cải tổ được động viên bởi ý nguyện nhằm làm cho các văn phòng trung ương của Giáo Hội tập chú vào việc chia sẻ Tin Mừng, thỏa mãn các nhu cầu của tín hữu cách tốt hơn và trợ giúp Đức Giáo Hoàng trong thừa tác vụ phục vụ Giáo Hội và thế giới của ngài.

Dịp đó, ngài nói rằng “Chúng ta không thể chỉ đơn giản hài lòng với việc thay đổi nhân viên; chúng ta cần khuyến khích việc canh tân thiêng liêng, nhân bản và chuyên nghiệp nơi các nhân viên của Giáo

Triều. Việc cải tổ Giáo Triều không cách chi có thể thi hành được chỉ bằng việc thay đổi nhân sự, một điều chắc chắn sẽ diễn ra và sẽ còn tiếp tục diễn ra, nhưng còn bằng sự hoán cải nơi các con người nữa. Tiếp tục huấn luyện là điều không đủ; điều chúng ta cũng cần và cần hơn hết là tiếp tục hoán cải và thanh tẩy. Không có sự thay đổi nào trạng, các cố gắng trong việc cải tiến thực tế sẽ vô ích”.

Ấn bản giả của L'Osservatore Romano

Về các bích chương phản đối Đức Phanxicô, chúng tôi có đề cập tới rồi, cách nay chừng một tuần, trên VietcatholicNews. Riêng về ấn bản giả của L'Osservatore Romano, tờ báo chính thức của Tòa Thánh, theo tạp san Crux, thì đây là một ấn bản hài hước, cho rằng Đức Giáo Hoàng đã trả lời cả "không" lẫn "có" cho các câu hỏi của các vị Hồng Y "dubia" (hoài nghi) về chương 8 của Tông Huấn "Amoris Laetitia".

Ấn bản giả này đề ngày 17 tháng Giêng, với hàng chữ lớn ở ngoài bìa là "Ngài Đã Trả Lời!". Tờ bìa cũng có thêm hàng chữ "Ước mong lời nói của các con sẽ là có (nói) có, không (nói) không" ám chỉ đoạn Tin Mừng Máthêu trong đó Chúa khuyên "Hãy để chữ 'không' của con là 'không', và chữ 'có' của các con là 'có'". Hơn nữa trong các giới ở Rôma, ai cũng biết Si Si No No (có có không không) là một ấn phẩm nhỏ của Trung Tâm Công Giáo Thánh Piô X Nghiên Cứu Chống Bê Duy Hiện Đại của Nhóm Lefèbre chỉ trích các cải tổ Hậu Vatican II.

Tạp chí Crux cho hay giọng điệu của ấn bản giả này không có gì là trịnh trọng, trái lại có tính hài hước nhiều hơn, mặc dù có vài chỗ được kể là hài hước đen như khi nó nói tới một đức ông lăn đùng ra chết vì nghe các câu trả lời của Đức Giáo Hoàng.

Thí dụ, câu hỏi thứ nhất 4 vị Hồng Y đặt cho Đức Giáo Hoàng là liệu "sau tông huấn 'Amoris Laetitia', việc giải tội và rước lễ, trong một số trường hợp, có thể ban cho các người ly dị hiện đang sống trong một cuộc kết hợp mới và vẫn tiếp tục sống theo kiểu vợ chồng hay không" được ấn bản giả cho hay Đức Giáo Hoàng đã trả lời cả "có" lẫn "không" với lời giải thích trích từ một bài giảng của ngài ngày 15 tháng Mười Một năm 2015: “Tôi lấy câu hỏi này làm của mình. Tôi tự hỏi: 'Bữa Tiệc Ly là cùng đích của cuộc lữ hành hay là một khúc lệ để tiến bước? Có những câu hỏi mà chỉ ai trung thực với chính mình và với một ít ánh sáng thần học mà tôi hiện có, phải trả lời như nhau, anh em thấy đó'. Và từ đó, anh em chấp nhận các hậu quả. Đây là một câu hỏi mà mỗi người phải tự trả lời”.

Còn câu hỏi thứ tư, trong đó, 4 vị Hồng Y hỏi rằng liệu sau tông huấn "Amoris Laetitia", hoàn cảnh hay ý hướng có thể biến đổi một "điều xấu từ trong nội tại" thành một điều tốt về phương diện chủ quan hay không, thì ấn bản giả cho rằng Đức Giáo Hoàng đã trả lời cả "có" lẫn "không" bằng cách trích dẫn nhiều câu vắn tắt (one-liner) đã trở thành nổi tiếng của ngài như "Tôi là ai mà dám phê phán?" (28/6/2013), "Tôi không pha mình vào" (17 tháng Hai, 2016). "Nhưng nếu tiến sĩ Gaspari, một người bạn vĩ đại, chửi mẹ tôi một câu, ông ta hẳn sẽ phải đợi một cú đấm! Nhưng đây là chuyện bình thường! Bình thường mà!" (15 tháng Giêng 2015). "Thiên Chúa không hợp tình hợp lý? Đúng, Người không hợp tình hợp lý với Con của Người, Đấng mà Người sai đi vác thập giá" (15 tháng Mười Hai, 2016).

Ngoài bài chính như trên, còn 5 bài khác, 2 bài với các phản ứng của Đức Hồng Y Walter Kasper và của Cha Antonio Spadaro. Dưới tựa đề "tôi xẹp gối", Đức Hồng Y Kasper được ấn bản cho là đã nói như sau: "Tôi thú thực, gối có hơi khó chịu một chút, nhưng đây là cách duy nhất phải làm khi đọc thấy các câu trả lời làm dịu lòng của Đức Thánh Cha đối với các vị Hồng Y đa nghi".

Cha Spadaro thì được ấn bản giả cho rằng đã đưa ra câu "tuyên bố có tính lịch sử: Sau các câu trả lời này, 2 cộng 2 quả là 5". Có ý nhắc lại một câu hót (tweet) của Cha hồi tháng Giêng năm ngoái.

Một bài khác nói về Đức Ông Pio Vito Pinto, vị hiện đứng đầu Tòa thượng thẩm Roman Rota, người không lâu trước đây nói rằng Đức Phanxicô rất có thể cắt mũ Hồng Y của bốn vị đa nghi. Nói sai, nhưng có lẽ có ý, khi gọi Đức Ông là "Hồng Y", ấn bản giả nói vị này lăn ra chết khi nghe các câu trả lời của Đức Phanxicô sau khi nói "những lời cuối cùng" này: "rõ ràng hơn điều này là các bạn sẽ

chết".

Hãng tin Associated Press tường trình rằng chủ bút tờ L'Osservatore Romano, Giovanni Maria Vian, không lúng túng chi cả về ấn bản này "chúng tôi chỉ buồn là cách xếp bài dở hơn của chúng tôi".

Đức Phanxicô có phải là vị giáo hoàng đầu tiên bị chống đối đến thế hay không?

(Ngày 20/02/2017)

Khi có những bích chương chống đối Đức Phanxicô xuất hiện trên các bức tường quanh thành phố Rôma, ký giả John Allen, ngày 4 tháng Hai, được một người bạn ký giả Ý lâu năm sau khi điện đi khắp nơi hỏi một giám mục, một nhà thần học hoặc bất cứ ai có một cái tên xem câu chuyện đầu đuôi ra sao mà không gặp, bèn chạy đến ông hỏi: chuyện này trước đây có không, đã trả lời đại ý như sau:

Các bích chương công khai chỉ trích một vị giáo hoàng thì trước đây chưa từng có. Năm 2013, nhân mật nghị hội bầu giáo hoàng, chỉ có các bích chương ở Rôma vận động bất thành công cho Đức Hồng Y Peter Turkson làm giáo hoàng.

Thời Đức Gioan Phaolô II, có các truyền đơn tố cáo ngài lạc giáo do các cố gắng đại kết và liên tôn của ngài. Còn thời Đức Bênêđictô XVI thì có những phim tài liệu trên truyền hình Ý chỉ trích ngài về các vụ tai tiếng giáo sĩ lạm dụng tình dục. Nhưng bích chương thì không từng có.

Về phạm vi và cường độ chỉ trích, John Allen nghĩ rằng Đức Phanxicô không bị nặng hơn các vị tiền nhiệm của ngài. Ông đã được chính tai nghe những chỉ trích miệt thị và viết chẳng tốt đẹp gì của các nhà thần học Công Giáo đối với nhiều khía cạnh khác nhau của triều giáo hoàng Gioan Phaolô II. Với Đức Bênêđictô XVI cũng thế. Ngài bị chỉ trích từ nhiều phía nhưng cao độ hơn cả là dịp ngài tha vạ tuyệt thông cho vị giám mục duy truyền thống và sau đó vị này bác bỏ “truyền thuyết” diệt chủng Do Thái. Lời chỉ trích nặng đến nỗi, Đức Bênêđictô XVI phải viết thư xin lỗi hàng giám mục hoàn cầu. Đây là lần đầu tiên, một vị giáo hoàng hành động như thế.

Chỉ có điều khác một chút là những người chỉ trích Đức Phanxicô mạnh nhất phát xuất từ cánh hữu và phản ứng của ngài đối với họ không kém quyết liệt. Thứ hai, dưới thời truyền thông xã hội thống trị này, bất cứ lời chỉ trích nhân vật nổi tiếng nào cũng được loan truyền nhanh hơn vi khuẩn (viral). Thành thử nguyên điều này không thể chứng minh ngài bị chỉ trích nặng nề và phổ quát hơn. Và lại, đại đa số tín hữu không bị nao núng bởi các chỉ trích này. John Allen cho hay 85 phần trăm giáo dân Mỹ vẫn rất yêu mến ngài.

Bị chỉ trích với cùng những lý do

Một tác giả khác tại Brussels, chuyên viết về các giáo huấn xã hội của Giáo Hội, và về triết lý chính trị cũng như các cuộc tranh luận xã hội hiện nay, là Hrvoje Vargić, mới đây nhận định rằng điều lý thú là ba nhân vật vĩ đại mà những người chỉ trích Đức Phanxicô luôn nhân danh để chống lại ngài vốn cũng bị chỉ trích với cùng những lý lẽ. Đó là Thánh Tôma Aquinô, Đức Gioan Phaolô II và Đức Bênêđictô XVI.

Ai cũng biết Thánh Tôma Aquinô quảng bá tư tưởng của Aristôt qua các triết gia Ả Rập và tư tưởng này trước đó vốn bị các đại học Công Giáo bác bỏ. Lúc đó, thuyết Platông mới là triết học Kitô Giáo, còn Aristôt đơn giản chỉ là “triết gia của kẻ thù”, tức Hồi Giáo. Trong không khí trí thức ấy, các đề xuất của Thánh Tôma có lúc đã bị coi là sách cấm.

Đức Gioan Phaolô II, sau khi cho công bố tác phẩm triết học “Osoba i czyn” (sau này được phiên dịch là Con Người Hành Động, “The Acting Person”), đã bị tố cáo là duy hiện đại và theo chủ nghĩa triết chung, pha trộn bừa bãi học thuyết Tôma và hiện tượng luận. Tuy nhiên, tác phẩm này, sau đó, đã ảnh

hưởng lớn tới triều giáo hoàng của ngài.

Một điều tương tự như thế cũng đã xảy đến với cuốn "Các Nguồn Gốc Canh Tân" của ngài. Trước cuộc gặp gỡ thượng đỉnh liên tôn năm 1986 ở Assisi, nhiều nhóm duy truyền thống đã tố cáo ngài tội lạc giáo.

Đức Bênêđictô XVI, trong cuộc phỏng vấn gần đây nhất của nhà báo Peter Seewald, đã nhìn nhận rằng thời Vatican II, ngài vốn theo phe cấp tiến. Chính ngài bị tố cáo là lạc giáo sau bài báo "Các người ngoại đạo mới và Giáo Hội" và giám mục của ngài, Đức Hồng Y Joseph Wendel, đã muốn ngăn cản việc ngài được bổ nhiệm làm giáo sư ở Bonn với cùng lý do này.

Người ta cũng còn nhớ văn kiện do Cha Joseph Ratzinger soạn thảo cho Vatican II cũng đã bị một số người mô tả là việc làm của Tam Điểm.

Lý do phê phán chỉ trích

Theo tác giả này, thì giai cấp có học trong Giáo Hội đôi khi gặp trở ngại trong việc biện phân giữa thuyết duy hiện đại một bên và bên kia việc thâm hậu hóa cách hiểu sự thật. Những tâm trí không bằng lòng với việc lặp lại các công thức cũ và cố gắng thâm hậu hóa cách hiểu đức tin hầu hết trong lịch sử đều bị các tư tưởng gia và tín hữu khác tố cáo là đi lạc ra ngoài học lý chính thống.

Những người trên thông thạo trích dẫn nhưng không hiểu các trích dẫn đó trong ngữ cảnh của chúng. Họ cũng hiểu lầm về truyền thống. Khi kết án Lefebvre, Đức Gioan Phaolô II cho rằng vị này có "quan niệm không đầy đủ và mâu thuẫn về truyền thống". Không đầy đủ vì họ không lưu ý tới đặc điểm sinh động của truyền thống, như Vatican II từng nhấn mạnh, truyền thống này "phát xuất từ các tông đồ và diễn tiến trong Giáo Hội với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần. Có sự lớn mạnh về cách nhìn thấu suốt vào thực tại và các lời lẽ được truyền lại". Họ quên mất lời của Đức Bênêđictô XVI khi ngài nhận định rằng Kitô Giáo "luôn là điều đang xảy ra, một cuộc gặp gỡ, chứ trước nhất không phải là một lý thuyết hay hệ thống luân lý". Ngài còn nói thêm: "chúng ta không sở hữu chân lý, chân lý sở hữu chúng ta".

Họ cũng hiểu lầm cả khoa giải thích liên tục. Liên tục không có nghĩa là nhắc lại các biểu thức chính thức của tín lý, mà có nghĩa là chân thực với bản chất đức tin và cố gắng thâm hậu hóa cách hiểu nó. Các hình thức cũ không thể có giá trị cao hơn chỉ vì chúng lâu đời hơn. Trong "Tinh Thần Phụng Vụ", Đức Bênêđictô XVI từng viết: "tuổi, tự nó và trong bản chất của nó, không thể là một tiêu chuẩn và những gì xuất hiện qua diễn trình phát triển lịch sử không thể tự động bị xếp vào loại xa lạc ngoại vì đối với điều nguyên thủy. Xét cho cùng có thể có việc phát triển đem lại sinh khí mạnh mẽ nhờ đó hạt giống nguyên thủy lớn lên và sinh hoa trái".

Chúng ta, theo tác giả này, rất biết ơn khi Đức tiên giáo hoàng vẫn còn sống để minh giải nguyên tắc liên tục này. Thực thế, trong cuộc phỏng vấn cuối cùng của Peter Seewald, khi được hỏi: "như thế, Đức Thánh Cha không thấy có sự gián đoạn nào với triều giáo hoàng của ngài sao?", Đức Bênêđictô XVI đã trả lời "Không. Tôi nghĩ một vài chỗ có thể bị giải thích sai và... Khi một vài chỗ bị tách biệt, cắt rời, thì các chống chọi có thể được tạo ra, nhưng không, nếu ta nhìn vào toàn bộ. Có lẽ có những giọng điệu mới, nhưng không có gián đoạn".

Dù sao, như nhận định của nữ ký giả San Martin của tờ Crux, tuy Đức đương kim Giáo Hoàng không có thì giờ lục tìm trên internet để thấy những người chủ trương Đức Piô XII là vị giáo hoàng cuối cùng thực sự (sedevacantists) viết gì về ngài. Nhưng họ viết rất nhiều: từ các lăng nhục kiểu các phim ảnh thuộc loại R tới các tố cáo lạc giáo, chẳng còn điều gì họ không viết và không nói.

Vị giáo hoàng bị chống đối hơn cả từ tứ phía

Tuy thế, Đức Phanxicô chỉ bị phe bảo thủ hay duy truyền thống chỉ trích mà thôi. Cho đến nay, vị

giáo hoàng bị chống đối nhiều hơn cả và từ tứ phía phải kể Đức Phaolô VI. Sáng kiến triệu tập Công Đồng Vatican II là của Thánh Gioan XXIII, nhưng người lèo lái Công Đồng này qua các khó khăn trăm bề tới thành công mỹ mãn không ai khác ngoài Chân Phúc Phaolô VI.

Ngài được cả Giáo Hội biết ơn. Nhưng không thiếu những người cực lực chống đối ngài. Những người này thuộc phe cực hữu mà nổi nhất là Tổng Giám Mục Lefèbre và Hội Thánh Piô X (SSPX) của vị này.

Nhóm Lefèbre, ly khai nhưng không nhận là ly khai

Hội Thánh Piô X được coi như một tổ chức Công Giáo bất hợp pháp vì đi ngược lại kỷ luật và tín lý Công Giáo. Tuy không coi mình là một Giáo Hội (ly khai), nhưng trên thực tế, không vâng phục thẩm quyền Giáo Hoàng và các quyết định của Vatican II, dù cấm các đệ tử không được tra vấn tính thành hiệu (validity) của các vị giáo hoàng đang trị vì, chỉ tra vấn các quyết định gọi là dựa vào “khôn ngoan” (prudence) của các ngài mà thôi.

Năm 1974, phản ứng lại phúc trình của các thanh tra Giáo Hội, vị tổng giám mục này đã ra một tuyên ngôn nói rằng mình chỉ suy phục “Rôma Công Giáo”, “Rôma muôn thuở” chứ không suy phục thứ Rôma của “thuyết tân duy hiện đại” và “các khuynh hướng tân Thệ Phản” thể hiện ở Vatican II và các cải tổ trong Giáo Hội tiếp theo sau đó, nhằm phá hủy Giáo Hội chân chính của Chúa Kitô.

Ngày 29 tháng 6 năm 1976, Lefèbre tự ý phong chức linh mục cho 13 chủng sinh thuộc chủng viện Écône do ông thiết lập trái với lệnh cấm của Tòa Thánh. Ông bị cấm không được truyền chức (suspensio a collatione ordinum). Chống lại lệnh cấm này, ông cho rằng việc canh tân Giáo Hội của Đức Phaolô VI theo tinh thần của Vatican II là “thỏa hiệp với ý nghĩ của con người hiện đại” phát sinh từ một thỏa hiệp ngầm giữa các chức sắc cao cấp trong Giáo Hội và các tên Tam Điểm cao cấp trước khi có Công Đồng. Và sau khi không chịu xin lỗi Đức Phaolô VI, ngày 22 tháng Bảy năm 1976, ông bị ngài cấm không được cử hành các bí tích (suspensio a divinis).

Ông tự giải thích là bị cấm không được cử hành Thánh Lễ theo "Novus Ordo", chứ Thánh Lễ gọi là của Công Đồng Trent hay của Đức Piô V (thánh lễ hướng đông bằng tiếng Latinh) thì không bị cấm, nên ông tiếp tục cử hành Thánh Lễ và các bí tích khác theo kiểu cũ.

Để biểu lộ sự bất tuân của mình, ngày 29 tháng Tám, năm 1976, ông tổ chức một thánh lễ đại trào tại Nhà Thờ Lille với sự tham dự của 6,000 tín hữu. Báo *La Croix* hồi đó tường thuật khá đầy đủ về buổi lễ này với tựa đề: “Mgr Lefèbre: un pas de plus vers la Rupture” (Đức Cha Lefèbre: một bước nữa tới ly giáo).

Chủ bút tôn giáo của *La Croix* là Jean Potin nhận định như sau: “Thánh lễ cử hành hôm qua ở Lille đã hoàn tất vụ ly giáo của Đức Cha Lefèbre với hợp đoàn Giáo Hội Công Giáo. Việc ly giáo trên thực tế đã hiện hữu, dù không được phát biểu bằng một vạ tuyệt thông long trọng. Đây là một bi kịch đối với Giáo Hội, một đau khổ đối với mỗi Kitô hữu, vì bất cứ cuộc chia rẽ nào cũng làm tổn thương đến tình yêu và sự hợp nhất mà Chúa Kitô muốn có giữa những kẻ tin vào Người”.

Cũng theo tờ *La Croix*, ngày ấy Đức Phaolô VI, theo dõi biến cố trên tại nhà nghỉ hè của ngài ở Castel Gandolfo, đã lên tiếng xin 7 ngàn khách hành hương cầu nguyện “cho sự hòa hợp, sự hợp nhất và bình an trong nội bộ Giáo Hội” để “Giáo Hội luôn trung thành với ước nguyện tối cao của Chúa Kitô, Đấng muốn Giáo Hội vừa là một vừa là Công Giáo, như một hiệp thông phổ quát mọi tín hữu sống trong cùng một đức tin và cùng một đức ái”.

Đức Phaolô nói tiếp, theo báo *La Croix*: “Giây phút này đây [lúc Lefèbre cử hành Thánh Lễ tại Lille] phải cùng cố trong lương tâm ta sự gắn bó chắc chắn và đầy tình con thảo với Giáo Hội của ta đang gặp khốn khó và bị xé nát vào ngay lúc này bởi những vụ tranh cãi khác nhau có khuynh hướng tách rời những người chủ xướng và những người theo họ ra khỏi tình liên đới Giáo Hội chân thực. Vụ tranh chấp này cũng có khuynh hướng thúc đẩy họ tiến vào những con đường khó hiểu của ý kiến cá

nhân, tán loạn và phá hoại gia đình độc nhất, chân chính và duy nhất của Chúa Kitô”.

Tuy rất đau buồn trước biến cố này, Đức Phaolô vẫn coi Lefèbre là “anh em”. Ngài nói thêm: “một trong các vụ đầu đón và nay hết sức trầm trọng này, không cần phải dấu diếm chi, là vụ một trong các anh em của ta trong hàng giám mục mà ta luôn quý mến và kính trọng. Bất chấp các lời khuyên của ta, ngài đã phạm một vi phạm nặng nề đối với một trong các luật lệ của Giáo Hội là cử hành trái phép các vụ phong chức thánh này. Như thế, ngài đã chuốc lấy việc ngưng thi hành các năng quyền linh mục dự liệu bởi Bộ Giáo Luật”.

Đức Phaolô VI nói tiếp: “tuy nhiên, ta được biết rằng người anh em này, trong một thái độ khinh thường đối với quyền chìa khoá được Chúa Kitô đặt trong tay ta, muốn tự ban cho mình quyền cử hành các hành vi thờ phượng và thừa tác mà không có sự hòa giải xứng đáng và được lưu ý trước đó, với Giáo Hội của Thiên Chúa”.

Đức Phaolô VI cho hay thêm: “Ta rất đau lòng và chắc chắn anh chị em cũng thế”. Nhưng ngài vẫn không ra vụ tuyệt thông cho Lefèbre. Vụ này chỉ diễn ra thời Đức Gioan Phaolô II khi vị tổng giám mục này phong chức giám mục cho 4 linh mục theo ông.

Một điều đáng nói là lý luận được nhóm Lefèbre đưa ra để chống lại các cải tổ về phụng vụ của Đức Phaolô VI khá giống với lý chứng mà phe bảo thủ hiện nay trong Giáo Hội dùng để chống lại Tông Huấn *Amoris Laetitia* của Đức Phanxicô. Nhóm trước cho rằng không thể thay đổi luật thờ phượng (*lex orandi*) mà không thay đổi luật tin (*lex credendi*). Ai cũng biết nguyên tắc bất hủ: luật cầu là luật tin (*lex orandi lex credenda est*). Còn nhóm sau thì chủ trương rằng không thể thay đổi thực hành mục vụ mà không thay đổi tín lý.

Humanae Vitae

Trở lại với Đức Phaolô VI. Ngài bị phe bảo thủ trong Giáo Hội tấn công dữ dội là điều dễ hiểu vì ai cũng biết Vatican II là một *aggiornamento* vĩ đại, một luồng gió mới thổi vào Giáo Hội. Người Bảo thủ bao giờ cũng ngại những điều mới lạ. Nhưng phản ứng tiêu cực của phe cấp tiến đối với ngài có khi còn dữ dội hơn qua vụ thông điệp *Humanae Vitae*.

Thực vậy, ai cũng nghĩ: với sự ủng hộ việc sử dụng một số phương tiện ngừa thai nhân tạo của đa số thành viên trong Ủy Ban Giáo Hoàng về Kiểm Soát Sinh Sản, một ủy ban do Đức Gioan XXIII thiết lập và được ngài mở rộng, Đức Phaolô VI sẽ ban hành một thông điệp nghiêng về phía đa số ấy. Nhưng không ngờ, ngài đã ngã theo phe thiểu số, rất nhỏ, của Ủy Ban đề duy trì giáo huấn truyền thống của Giáo Hội: người Công Giáo không được sử dụng bất cứ phương pháp nhân tạo nào để điều hòa việc sinh sản!

Chính vì thế, thông điệp *Humanae Vitae* đã bị chống đối dữ dội đến nỗi từ đó, dù ngài tiếp tục giảng dạy bằng 122 Tông Hiến, 8 Tông Huấn, 121 Tông Thư, rất nhiều bài giảng, thư từ và suy gẫm, nhưng không bao giờ ra một thông điệp nào nữa!

Người bên ngoài phản đối đã đành nhất là kỹ nghệ ngừa thai. Điều đáng nói là người trong Giáo Hội còn hung hăng hơn. Đức Hồng Y Leo Joseph Suenens, một trong những phối trí viên của Vatican II, khi ví vụ này như vụ Galilêô, đã đặt câu hỏi (kiểu *dubia* sau này) “liệu thần học luân lý có lưu ý đủ tới tiến bộ của khoa học chẳng, là tiến bộ có thể giúp xác định điều gì phù hợp với tự nhiên. Tôi xin các hiền huynh của tôi tránh một vụ Galilêô khác. Một vụ đã đủ cho Giáo Hội rồi”. Trong một cuộc phỏng vấn ngày 15 tháng Năm năm 1969 (gần một năm sau), vị Hồng Y này chỉ trích quyết định của Đức Phaolô VI là phá hoại tính hiệp đoàn đã được Công Đồng ấn định, gọi nó là một hành vi không hiệp đoàn, thậm chí chống hiệp đoàn. Nhận định này được sự ủng hộ của các thần học gia Vatican II như Karl Rahner, Hans Küng, và một số giám mục.

Nhưng phản đối công khai mạnh nhất ngay hai ngày sau khi *Humanae Vitae* được công bố phải kể nhóm thần học gia bất phục thuộc Đại Học Công Giáo America, do linh mục Charles Curran lãnh đạo.

Họ ra tuyên bố cho rằng “các người phối ngẫu có thể quyết định một cách có trách nhiệm theo lương tâm họ rằng ngừa thai nhân tạo trong một số trường hợp là điều được phép và thực sự còn cần thiết nữa để duy trì và cổ vũ giá trị và tính thánh thiêng của hôn nhân”.

Chưa hết, hai tháng sau, “Tuyên Ngôn Winnipeg” được Hội Đồng Giám Mục Gia Nã Đại công bố. Tuyên ngôn này quả quyết rằng không được cấm cản những người không thể chấp nhận giáo huấn của *Humanae Vitae* ra khỏi Giáo Hội Công Giáo và các cá nhân, với một lương tâm tốt, có thể dùng phương tiện ngừa thai miễn là trước nhất họ phải trung thực cố gắng chấp nhận các chỉ thị khó khăn của thông điệp.

Ở Đức, Hội Đồng Giám Mục công bố “Königsteiner Erklärung” (Tuyên Ngôn Königstein) vào năm 1968. Và cũng cùng năm này, ở Áo, Hội Đồng Giám Mục công bố tuyên ngôn “Mariatroster”. Trong một diễn văn năm 2008 ở Giêrusalem, Đức Hồng Y Christoph Schönborn cho rằng với hai tuyên ngôn này, các giám mục đã phạm một tội rất nặng. Thêm vào đó còn là tội thiếu can đảm nói ngược lại việc phá thai.

Trong cả hai tuyên ngôn trên, bằng một ngôn ngữ hàm hồ, các vị giám mục, cuối cùng, đã để cho lương tâm cá nhân của giáo dân quyết định có nên dùng thuốc ngừa thai hay không. Việc này dẫn đến việc bất tuân rộng rãi và các khuynh hướng muốn ly giáo.

Đức Hồng Y Carlo Maria Martini, một Hồng Y cấp tiến khác, thì tố cáo Đức Phaolô VI che giấu sự thật, để mặc các nhà thần học và các mục tử chính đốn sự việc bằng cách thích ứng các giới răn vào thực hành.

Điều kỳ diệu là lòng khiêm nhường của Đức Phaolô VI. Tháng Ba năm 1969, nhân cuộc gặp gỡ với Đức Hồng Y Suenens, ngài lắng nghe quan điểm của vị này và chỉ thưa lại: “vâng, xin Đức Hồng Y cầu nguyện cho tôi; vì các yếu đuối của tôi, nên Giáo Hội bị cai trị không tốt”. Tuy nhiên, ngày 23 tháng Sáu, năm 1978, chỉ vài tuần trước khi qua đời, trong bài diễn văn với Hồng Y Đoàn, ngài tái khẳng định rằng *Humanae Vitae*: “tuân theo các xác quyết của khoa học nghiêm túc” trong việc khẳng định nguyên tắc tôn trọng luật tự nhiên và “tư cách làm cha mẹ có ý thức và hợp trách nhiệm đạo đức”.

Chính nhờ thế, dù có những người bất phục trong Giáo Hội phản đối, *Humanae Vitae* vẫn được các giáo huấn của các vị giáo hoàng liên tiếp sau đó bênh vực và hết lòng bảo vệ. Theo ký giả John Allen, “ba thập niên bổ nhiệm các giám mục của Đức Gioan Phaolô II và Bênêđictô XVI, cả hai vị đã minh nhiên cam kết đối với *Humanae Vitae*, có nghĩa: các vị lãnh đạo cao cấp trong Đạo Công Giáo ngày nay ít có khuynh hướng như năm 1968 muốn tách mình ra khỏi việc ngăn cấm kiểm soát sinh đẻ, hay tỏ ra êm dịu với nó. Một số đáng kể các giám mục Công Giáo gần đây còn cho ban hành các văn kiện riêng nhằm bênh vực *Humanae Vitae*. Từ thập niên 1960 đến nay, nhiều khai triển về ý thức thai sản đã làm phát sinh ra nhiều tổ chức kế hoạch hóa gia đình cách tự nhiên như Phương Pháp Billings, Liên Đoàn Cặp Với Cặp (Couple to Couple League) và Hệ Thống Săn Sóc Thai Sản Kiểu Mẫu Creighton, chuyên huấn luyện cách dùng và tính đáng tin cậy của các phương pháp ngừa thai tự nhiên”.

Có người cho rằng lòng can trường của Đức Phaolô VI trở thành mẫu gương cho Đức Phanxicô, vị đã phong á thánh cho ngài. Ngày 1 tháng Năm năm 2014, trong một cuộc phỏng vấn của Tờ Corriere della Sera, Đức Phanxicô đã nói về *Humanae Vitae* như sau: “Mọi sự còn tùy ở việc giải thích *Humanae Vitae* ra sao. Xét cho cùng, chính Đức Phaolô VI cũng đã thúc giục các vị giải tội phải rất từ bi thương xót và lưu ý tới các hoàn cảnh cụ thể. Nhưng óc thiên phú của ngài có tính tiên tri, ngài có can đảm đưa ra một chủ trương chống lại đa số, để bênh vực kỷ luật luân lý, để thực thi một tự chế văn hóa, chống đối thuyết tân Malthus hiện nay và tương lai. Vấn đề không phải là thay đổi tín lý, nhưng đào sâu và bảo đảm để việc chăm sóc mục vụ lưu ý tới các hoàn cảnh và những điều người ta có thể làm”.

Bầu khí 1968

Hy vọng giáo huấn biện phân của Đức Phanxicô cũng vượt qua được các khó khăn hiện nay để khởi sắc như *Humanae Vitae*. Dù sao, bầu khí hiện nay cũng thuận lợi cho ngài nhiều hơn cho Đức Phaolô VI năm 1968, mà theo Marie Meaney, là năm của “anarchical idealism” (lý tưởng vô chính phủ) và “sexual hedonism” (duy khoái lạc tính dục) bởi cuộc tổng nổi dậy của sinh viên thế giới năm đó mang lại.

Đức Hồng Y James Stafford, lúc ấy còn là một linh mục ở Baltimore, Hoa Kỳ, mô tả bầu khí năm 1968 như sau: “Mùa hè năm 1968 phá kỷ lục nóng nhất của Thiên Chúa. Các hoài niệm không quên được; chúng hiện còn rất đau đớn. Chúng vẫn sống động như cơn lốc ở đồng bằng Colorado. Chúng chứa đựng cơn gió lốc nơi cơn giận của Thiên Chúa cư ngụ. Năm 1968, một điều gì đó rất đáng sợ đã xảy ra cho Giáo Hội. Trong hàng linh mục thừa tác, các vụ tuyệt giao phát triển khắp nơi giữa bạn bè mà không bao giờ hàn gắn lại được. Và các vết thương cứ thế tiếp tục ảnh hưởng tới toàn thể Giáo Hội. Sự bất phục, cùng với sự thao túng cơn giận mà các nhà lãnh đạo xúi bẩy trở nên một thử thách tối thượng. Nó thay đổi các mối liên hệ nền tảng trong Giáo Hội. Đây là một *Peirasmòs* [nghĩa là thử thách, thử thách đức tin] đối với nhiều người...”

"Các cuộc chuyện trò giữa hàng giáo sĩ ...trở nên nhiễm mùi sợ hãi. Nghi ngờ giữa hàng linh mục trở nên kinh niên. Sợ hãi trầm phủ. Và cứ thế tiếp diễn. Hàng linh mục trong Tổng Giáo Phận mất hết một điều gì đó thuộc tình anh em trọn vẹn mà các linh mục Baltimore trong bao thế hệ vốn có. Năm 1968 đánh dấu một gián đoạn trong tình hiệp thông thế hệ... Tình anh em linh mục đã bị tổn thương. Sự bất phục mục vụ đã tấn công nền tảng Thánh Thể của Giáo Hội. Ý nghĩa hôn ước của Giáo Hội đã bị bác bỏ. Một số linh mục coi giám mục không hơn không kém như những người nộm của Rôma.

"Đức Hồng Y Shehan (lúc đó là Tổng Giám Mục Baltimore) sau đó phúc trình rằng vào sáng Thứ Hai, mùng 5 tháng Tám, ngài “hết sức ngỡ ngàng đọc thấy trên tờ Baltimore Sun: 72 linh mục của vùng Baltimore đã ký vào Tuyên Ngôn Bất Phục”. Điều sau này ngài gọi là “những năm khủng hoảng” đã bắt đầu cho ngài vào... buổi tối nóng bức tháng Tám năm 1968... Các hậu quả mặc tình cứ thế tiếp diễn. Sự bất phục đầy lắng đọng, bức bách đã trở thành một thực tế trong Giáo Hội và buộc Giáo Hội phải chịu những cuộc tranh cãi vũ bão, gây tê liệt, vô bổ và kinh niên.

"Tính bạo động của việc bất tuân khởi đầu chỉ là khúc dạo đầu dẫn tới tính bạo động hơn nữa và có tính phổ quát hơn nữa... Việc coi thường sự thật, bất kể là hung hăng hay thụ động, đã trở thành thông thường trong đời sống Giáo Hội. Các linh mục, các nhà thần học và giáo dân bất phục vẫn tiếp diễn các kỹ thuật bức bách của họ. Ngay từ đầu, báo chí đã sử dụng họ để đẩy mạnh hơn nữa nghị trình lươn lẹo của mình”.

Đức Hồng Y Muller: Giáo Triều không chống đối cuộc cải cách của Đức Phanxicô

(Ngày 07/03/2017)

Gần đây, tin gây chú ý từ Ủy Ban Bảo Vệ Trẻ Em của Tòa Thánh là việc Bà Marie Collins từ chức khỏi Ủy Ban vì bà thấy Ủy Ban gặp nhiều đối kháng từ các bộ sở khác nhau của Vatican nhất là Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin.

Cáo buộc thiếu hợp tác

Theo Catholic News Service ngày 1 tháng Ba, 2017, thì Bà Collins nói rằng “sự miễn cưỡng của một số người tại Vatican trong việc thi hành các khuyến cáo hay hợp tác vào việc làm của Ủy Ban nhằm cải thiện an toàn của trẻ em và các người lớn dễ bị thương tổn trên thế giới là điều không thể chấp nhận được”.

Rồi, trong một bài báo đăng trên tờ National Catholic Reporter, bà viết thêm: “Trong năm 2017, quả

là nát lòng khi thấy các đồng nam nữ này vẫn còn đặt nhiều quan tâm khác trên sự an toàn của trẻ em và người lớn tuổi dễ bị tổn thương”.

Trên trang mạng riêng, mariecollins.net, bà viết rằng “dù Đức Thánh Cha đã phê chuẩn mọi khuyến cáo của Ủy Ban đệ lên ngài, vẫn luôn có những đỉnh đốn liên tục. Điều này trực tiếp do sự đối kháng của một số thành viên trong Giáo Triều đối với việc làm của Ủy Ban. Việc thiếu cộng tác, nhất là của một thánh bộ có liên quan mật thiết nhất với việc xử lý các vụ lạm dụng, quả là điều đáng xấu hổ”.

Trong bài báo của National Catholic Register, bà nói rằng tập chỉ dẫn về an toàn của Ủy Ban không bao giờ được gửi tới các hội đồng giám mục, giúp các hội đồng này soạn thảo hay cải tiến các chính sách riêng của họ và “thánh bộ có trách nhiệm duyệt xét các văn kiện chính sách của các hội đồng giám mục..., đã từ khước hợp tác với ủy ban trong việc phối hợp việc làm”.

Ủy Ban từng khuyến cáo phải có ban tư pháp mới để phán xử các tội “lạm dụng chức vụ” của các giám mục bị tố cáo là không chịu chu toàn các trách nhiệm có liên quan tới việc xử lý các vụ lạm dụng tính dục còn đang nghi vấn hay đã được biết tới. Dù ban này đã được cả Đức Thánh Cha lẫn hội đồng 9 Hồng Y cổ vũ chấp thuận từ giữa năm 2015, nhưng cho tới nay, chưa thấy được thi hành.

Cộng rơm cuối cùng khiến bà từ chức là “khuyến cáo đơn giản nhất mà Ủy Ban đã đưa ra cho tới nay” và đã được Đức Thánh Cha chỉ thị cho các bộ sở phải thi hành nhưng không được thi hành. Đó là: các bộ sở “phải chắc chắn trả lời mọi thư từ của các nạn nhân bị lạm dụng gửi tới” nhưng bà cho hay: “Tôi được biết qua một lá thư từ thánh bộ đặc thù này rằng họ từ khước làm như thế”.

Bà nhận định: “tôi thấy không thể nào lắng nghe các tuyên bố công khai về mối quan tâm sâu xa trong Giáo Hội đối với việc chăm sóc những người mà đời sống đã bị tàn rụi vì các vụ lạm dụng này, ấy thế nhưng một cách tư riêng lại phải chứng kiến một thánh bộ của Vatican từ khước cả việc chứng thực mình đã nhận được thư từ!”

“Điều này phản ánh rõ việc toàn bộ cuộc khủng hoảng lạm dụng trong Giáo Hội đã được xử lý ra sao: bằng những lời lẽ tốt đẹp nơi công cộng, nhưng các hành động thì trái ngược lại sau những cánh cửa đóng kín”.

Trong các phát biểu trên, Bà Collins không nêu đích danh thánh bộ bà muốn chỉ trích, nhưng Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin là thánh bộ có nhiệm vụ điều tra các tội phạm được Giáo Hội coi là “các tội phạm nghiêm trọng hơn” trong đó có việc lạm dụng tình dục trẻ em. Thánh Bộ này, trong tư cách cố vũ công lý, cũng có nhiệm vụ theo dõi các thủ tục hiện có của các hội đồng giám mục trong việc xử lý các lời tố cáo lạm dụng và việc hồi tục các giáo sĩ phạm tội lạm dụng tính dục. Nên chắc chắn Bà muốn ám chỉ Thánh Bộ này. Và lại, sau đó, khi trả lời phỏng vấn của Tập San America, Bà đích danh nêu tên Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin.

Trả lời của Đức Hồng Y Muller

Bởi thế, Đức Hồng Y Muller, bộ trưởng Thánh Bộ này, đã phải lên tiếng để minh xác vấn đề. Ngài cho rằng ẩn phía đằng sau các chỉ trích của Bà Collins là khuynh hướng “rập khuôn” (cliché) muốn tô vẽ Đức Phanxicô cải cách ở một bên và các bộ sở khác của Tòa Thánh ở bên chống lại. Theo ngài đã đến lúc chấm dứt khuynh hướng này. Vì “duy trì sứ mệnh phổ quát của Đức Giáo Hoàng, đã được Chúa Giêsu ủy thác cho ngài, là một phần trong đức tin Công Giáo của chúng ta và là triết lý hành động của giáo triều”.

Ngài cho hay tuy việc làm của Thánh Bộ và của Ủy Ban khác nhau, nhưng Thánh Bộ luôn hợp tác với Ủy Ban, thường xuyên giữ liên lạc

Còn về việc thư từ với các nạn nhân, Đức Hồng Y Muller cho hay: “Thánh Bộ có nhiệm vụ điều hành các vụ xử theo giáo luật. Các tiếp xúc đích thân với các nạn nhân được thực hiện tốt hơn bởi các mục tử địa phương. Nên khi một lá thư tới, chúng tôi luôn yêu cầu vị giám mục cung cấp việc chăm sóc mục vụ cho các nạn nhân, giải thích rõ cho họ thấy Thánh Bộ sẽ làm mọi sự có thể để thực hiện công

lý”.

Ngài nói rằng quả là một quan niệm sai lầm khi tin rằng các cơ quan tại Rôma có thể săn sóc mọi giáo phận và mọi dòng tu trên thế giới, vì việc này không tôn trọng “tính tự lập hợp pháp của các giáo phận và nguyên tắc phụ đới”.

Được hỏi về điều Bà Collins cho rằng thiếu hợp tác của các thành viên giáo triều, Đức Hồng Y Muller nói rằng ngoài các thư từ ra, ngài không biết trường hợp nào như thế. Còn về tòa án mới mà Bà Collins nhắc tới, một tòa án do Ủy Ban đề nghị và được Đức Phanxicô chấp thuận, để xử các vị giám mục bị tố cáo là làm nơ các lời tố cáo lạm dụng, Đức Hồng Y Muller cho biết: đề nghị này đã được các thánh bộ của Vatican thảo luận ngay sau khi nó được đưa ra, nhưng các thánh bộ này đã kết luận rằng Thánh Bộ Giám Mục đã có phương thế cần thiết để khởi tố các giám mục vì các điều các vị làm hay không làm liên quan tới các vụ giáo sĩ lạm dụng tình dục.

Lên tiếng nhân dịp dự một hội nghị tại Florence về Thông điệp *Evangelii Gaudium*, Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh, Đức Hồng Y Pietro Parolin, cho rằng: hành động từ chức của Bà Collins nhằm “rung cây” ở Vatican.

Ngài cho hay: có những tình tiết chuyên biệt dẫn tới việc từ chức trên. “Đối với những điều tôi biết, bà ấy đã giải thích các tình tiết này như là thiếu hợp tác, và cảm thấy cách duy nhất là từ chức”.

Thực ra “Chính Ủy Ban không xử lý việc lạm dụng tình dục, Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin mới xử lý việc này. Ủy Ban nên lo lắng trước hết tới việc tạo ra trong Giáo Hội một môi trường để bảo vệ các em nhỏ trai cũng như gái, che chở các em, và không để tái diễn ra các tình tiết lạm dụng tình dục vị thành niên”.

Linh mục Zollner, một thành viên của Ủy Ban ngay từ những ngày đầu năm 2014 như Bà Collins, cho rằng có thể Bà Collins thiếu kiên nhẫn. Cha nói rằng với một Giáo Hội lớn nhất và cổ xưa nhất trên thế giới, với 1.3 tỷ thành viên, không thể có việc “chuyển dịch trong một ngày, khi nói tới các thay đổi nào trạng”.

Tuy thế, theo kinh nghiệm của Cha, sau khi thăm viếng hơn 40 quốc gia thuộc 5 lục địa, sự việc quả có đang thay đổi. Như trong hai tuần lễ ngài thăm Nam Phi và Malawi, hai quốc gia mà trước đây không lâu vấn đề này thuộc loại cấm kỵ. Cha vốn cho rằng “ý thức hoàn cầu” về việc lạm dụng tình dục vị thành niên đang lớn mạnh, nhưng cảnh cáo rằng vẫn còn rất lâu mới có thể chấm dứt tội ác này, một tội ác sẽ còn tiếp diễn bao lâu con người nhân bản còn hiện hữu. Cha cũng có lúc rất thất vọng, vì ở một số quốc gia Đông Âu, Phi Châu, Á Châu và Châu Mỹ La Tinh, vẫn còn những linh mục coi vấn đề này là của Tây Phương.

Nhiều người phê phán cả thái độ mềm mỏng của Đức Phanxicô đối với một số linh mục phạm tội ấu dâm, thay vì hồi tục họ, lại lên án “chung thân” phải ẩn dật để cầu nguyện và thống hối. Nhưng làm như thế, Giáo Hội vừa loại họ khỏi thừa tác vụ công cộng, không còn trong tư thế có thể gây hại đến trẻ em, vừa có thể tiếp tục giám sát họ.

Chính Đức Hồng Y O'Malley, chủ tịch Ủy Ban, cũng cho rằng hồi tục đúng là hình phạt nặng nhất đối với một linh mục, nhưng nếu thi hành như thế, Giáo Hội “không còn khả thể nào theo dõi hoạt động của vị linh mục này hay có bất cứ loại kiểm soát nào đối với tác phong của ngài”.

Đây cũng là điều được Đức Hồng Y Muller nhấn mạnh. Ngài nói rằng hiện nay ta cần một thay đổi hoàn cầu về não trạng, không chỉ ở trong Giáo Hội, khi nói đến việc lạm dụng tình dục vị thành niên. “Tôi tin rằng việc lạm dụng này không thể được giải quyết chỉ bằng cách đe dọa trừng phạt, theo cả dân luật lẫn giáo luật. Ta cần sự thay đổi hoàn toàn về não trạng: từ lòng vị kỷ về tính dục tới việc kính trọng con người trọn vẹn”.

Các lá thư phụ nữ trẻ Hoa Kỳ gửi Đức Phanxicô

(Ngày 09/03/2017)

Theo tập san Công Giáo Hoa Kỳ, America, tháng Chín năm 2015, Chủ Tịch trường Cao Đẳng St Mary, Carol Ann Mooney, và nữ sinh viên của trường này, Kristen Millar, đã trình lên Đức Giáo Hoàng Phanxicô một hồ sơ gồm các lá thư của các nữ sinh và nữ sinh viên của trường họ cũng như của nhiều định chế giáo dục Công Giáo Hoa Kỳ khác viết.

Các lá thư trên từng xuất hiện trên Hộp Thư của Trung Tâm Linh Đạo St Mary, ở Notre Dame, Indiana, như những thư trả lời một yêu cầu được những người đồng trang lứa đặt ra cho các nữ sinh viên thuộc thế hệ thiên niên kỷ. Sáng kiến này được gợi hứng bởi một bài báo tựa là “A Lost Generation?” (Một Thế Hệ Đã Mất?) của nhà xã hội học, nữ tu Patricia Wittberg, đăng trên tập san America hồi năm 2012.

Nhà xã hội học trên viết rằng một phần ba phụ nữ thuộc thế hệ thiên niên kỷ, từng chịu phép rửa trong Giáo Hội Công Giáo ở Hoa Kỳ, nay không còn tìm được căn nhà thiêng liêng của họ trong Đạo Công Giáo nữa. Các người đàn ông cùng thế hệ cũng rời bỏ Giáo Hội, nhưng không nhiều bằng; hiện tượng này dường như biến thế hệ này thành thế hệ đầu tiên trong lịch sử Kitô Giáo Tây Phương trong đó, các phụ nữ tích cực trong Giáo Hội Công Giáo ít hơn các người đồng trang đồng lứa nam giới của họ.

Việc không còn thống thuộc Giáo Hội Công Giáo của quá nhiều phụ nữ trẻ như thế là một mất mát cho cả Giáo Hội lẫn những người rời bỏ. Giáo Hội mất đi các thiên bẩm và đặc sủng mà các phụ nữ trẻ này có thể đóng góp vào đời sống và sứ mệnh của nhiệm thể Chúa Kitô, và, ngược lại, các phụ nữ trẻ này mất đi cuộc sống bí tích, phụng vụ và cộng đoàn vốn là các ơn phúc của Giáo Hội dành cho họ.

Đàng khác, việc mất mát quá nhiều phụ nữ thiên niên kỷ này là điềm báo gở đối với tương lai của Giáo Hội Công Giáo tại Hoa Kỳ. Di Wittberg nhận định rằng, theo truyền thống, phụ nữ đảm nhận trách nhiệm hàng đầu đối với việc chuyển giao đức tin cho con cái. Nếu các phụ nữ trẻ cứ tiếp tục rời bỏ Giáo Hội, thì theo Di, chắc chắn Giáo Hội sẽ đánh mất không những các phụ nữ trẻ này mà cả một thế hệ con cái sắp đến của họ nữa.

Các sinh viên tích cực thuộc thừa tác vụ đại học của trường cao đẳng phụ nữ Công Giáo này có thể làm gì để đáp lại thách thức trên? Được khuyến khích bởi sự khiêm nhường và niềm vui tin mừng của Đức Giáo Hoàng Phanxicô, họ quyết định viết thư cho ngài và hy vọng rằng các phụ nữ trẻ khác, tuổi từ 15 tới 30, cũng sẽ tham gia chiến dịch này. Bằng một lời mời đăng trên tập san America và được phổ biến qua Hiệp Hội Thừa Tác Vụ Đại Học, họ kêu gọi các phụ nữ trẻ cùng trang lứa chia sẻ với họ tình yêu đối với truyền thống Công Giáo và các ý tưởng có thể góp phần vào việc nối vòng tay lớn của Giáo Hội với các phụ nữ trẻ. Hai trăm hai mươi lăm thiếu nữ Công Giáo từ các trường trung học, cao đẳng và đại học đã đáp ứng. Họ viết về sự quan trọng của đức tin Công Giáo trong đời họ, các thách đố họ gặp phải trong nền văn hóa hiện nay và các phương thế để cải thiện việc Giáo Hội nối vòng tay lớn với thế hệ của họ.

Nhiệm thể Chúa Kitô và Bí Tích Tình Yêu

Các lá thư gửi cho Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói lên cái chân thiện mỹ mà người phụ nữ trẻ tìm thấy nơi truyền thống Công Giáo. Kate, chẳng hạn, viết rằng “Ngày con chịu Phép Thêm Sức, con biết chắc con là một người Công Giáo. Ngôi ở hàng ghế dài với chị con, vốn là người đỡ đầu của con, con ngược mắt nhìn lên và xúc động trước vẻ đẹp của ngôi nhà thờ và âm nhạc tuyệt diệu đến gần như muốn khóc. Con thực sự cảm nhận được tình yêu của Thiên Chúa và được linh hứng nhất định thực thi các bổn phận làm người Công Giáo của mình”.

Haley thì sáng tác một bài thơ, tựa là “My Church, My Home” (Giáo Hội của Tôi, Căn Nhà của Tôi) nói lên sức mạnh cô nhận được qua việc hiệp thông Thánh Thể trong nhiệm thể Chúa Kitô. Còn Anna

thì nhận định rằng “Giáo Hội cung hiến ơn cứu độ trong Chúa Kitô, ơn tha thứ, và quan trọng hơn cả, tình yêu. Không phải thứ tình yêu mà xã hội mong muốn, nhưng là tình yêu chân thực... Chúng ta cần các phụ nữ Công Giáo mạnh mẽ để mạnh dạn lên tiếng hôm nay, ngày mai và ngày kế tiếp”.

Các phụ nữ trẻ này nói đến Giáo Hội như một gia đình đầy cảm thương vươn tay ra với người khác. Họ trân quý việc đào tạo về luân lý và linh đạo mà họ đã nhận được, việc Giáo Hội bảo vệ sự sống và nhân phẩm, truyền thống xã hội Công Giáo và công trình công lý và kiến tạo hòa bình. Mary Jane, một nữ sinh viên đại học, viết rằng “Con thấy việc Giáo Hội chú tâm tới người nghèo là điều gọi hứng, và tập chú này đã thúc đẩy con sử dụng kiến thức của mình để phục vụ người khác. Con hy vọng sẽ tốt nghiệp ngành dinh dưỡng và được làm việc tại một nước thuộc thế giới thứ ba để tạo sự khác biệt”.

Nhiều thư là của các nữ sinh trung học và của nữ sinh viên cao đẳng. Trong số này, Emma viết rằng “con may mắn được học trường Công Giáo dành cho phụ nữ, nơi việc giúp các phụ nữ trẻ có khả năng đi vào thế giới như những nhà lãnh đạo đầy tự tin là một mục tiêu chính. Nhiều thiếu nữ và phụ nữ hơn cần có cơ hội này”.

Các thách đố đang đặt ra cho các phụ nữ trẻ

Tân Phúc Âm Hóa đề Chuyển Giao Đức Tin Kitô Giáo, Kỳ Họp Toàn Thể Thường Lệ Lần Thứ XII của Thượng Hội Đồng Giám Mục, năm 2012, khẳng định rằng một trong các mục tiêu là nối vòng tay lớn với các người Công Giáo đã chịu phép rửa nhưng nay “đã trôi dạt ra khỏi Giáo Hội và việc thực hành Kitô Giáo”. Trong “Niềm Vui Tin Mừng”, Đức Giáo Hoàng Phanxicô giải thích sự trôi dạt này diễn ra trong cuộc khủng hoảng cam kết cộng đoàn, thấy rõ trong chủ nghĩa duy tục và duy tương đối, trong sự bất bình đẳng kinh tế rộng lớn khắp hoàn cầu và trong bạo lực do sự bất bình đẳng này sinh ra, trong một nền kinh tế coi con người như những món hàng có thể vứt bỏ được, trong việc hoàn cầu hóa lòng dửng dưng, trong việc thủ tiêu tự do tôn giáo và trong việc làm suy yếu các nôi kết gia đình. Trong bối cảnh này, Đức Phanxicô cho rằng tuổi trẻ thường cảm thấy “một cảm thức lạc hướng tổng quát, nhất là trong thời thiếu niên và chớm trưởng thành”.

Trong các lá thư gửi Đức Giáo Hoàng Phanxicô, người ta thấy rõ điều này: một số hậu quả của cuộc khủng hoảng cam kết cộng đồng đã sản sinh ra nhiều chiều kích. Các bất bình đẳng kinh tế tại Hoa Kỳ, chẳng hạn, đã được cảm nhận một cách thấm thía trong cuộc sống của nhiều phụ nữ trẻ. Grace cho rằng “phụ nữ vẫn còn bị kỳ thị trong lực lượng lao động”. Theo Ủy Ban Toàn Quốc về Tiền Lương Công Bằng (the National Committee on Pay Equity), hồ phân cách về thu nhập trung bình giữa đàn ông và đàn bà vẫn còn đó. Mặt khác, các gia đình được đứng đầu bởi một người lớn duy nhất thì người lớn này phần lớn là đàn bà, và theo thống kê năm 2012, gần 31% các gia đình do đàn bà đứng đầu đều đang sống dưới mức nghèo. Hoa Kỳ cũng là một trong các quốc gia Tây Phương không ra lệnh trả tiền nghỉ hộ sản cho các phụ nữ làm việc ở bên ngoài gia đình. Chính vì thế, Teresa viết rằng “thật là tan nát cõi lòng khi phải để đứa con trai mới 7 tuần ở nhà trẻ với một người xa lạ. Nhưng nếu không có thu nhập của con, chúng con không thanh toán được các đơn đòi tiền”.

Nổi bật trong các lá thư của nữ sinh trung học và nữ sinh viên cao đẳng là các thách đố do nền văn hóa truyền thông và các phong thái tính dục đặt ra. Âm nhạc, phim ảnh, tập san, truyền hình và các trang mạng, những thứ đang tràn ngập đời sống của tuổi trẻ ngày nay, thường xuyên tình dục hóa người đàn bà. Việc tình dục hóa này chỉ lưu ý tới sự quyến rũ tình dục thể xác và biến con người thành đồ vật để người khác hưởng dùng. Anna giải thích với Đức Giáo Hoàng Phanxicô rằng “Phụ nữ bị biến thành đồ vật trong mọi phương tiện truyền thông xã hội, biến thân xác chúng con thành những lon bia và bắt chúng con ngồi trên xe khoa thân nửa người”. Jordan viết về các lời ca của âm nhạc phổ thông như sau: “chúng con bị nói đến như tài sản mà đàn ông có thể sử dụng lại và rồi lại vứt bỏ đi bất cứ khi nào họ thích. Con đơn giản không hiểu tại sao chúng con lại bị các phương tiện truyền thông nghĩ như thế, khi hàng bao thế hệ qua, chúng con vốn là những người chăm sóc người khác và lo toan việc gia đình”. Claudia thì cho rằng “phụ nữ bị gọi bằng nhiều tên xấu trong các bài ca”.

Trong một diễn trình mà các nhà tâm lý học mô tả là “tự đồ vật hóa chính mình”, các phương tiện

truyền thông bị tình dục hóa dạy các thiếu nữ nghĩ về thân xác họ như những đồ vật phục vụ thềm muốn của người khác. Một cuộc nghiên cứu của Hiệp Hội Tâm Lý Học Hoa Kỳ cho thấy: các hậu quả đối với các thiếu nữ và phụ nữ trẻ là trở ngại trong khả năng tập trung và thành tích trí tuệ giảm, thiếu tự tin đối với chính thân xác mình, cảm thấy xấu hổ hay lo lắng, các bất ổn về ăn uống có hại cho sức khỏe, thiếu tự trọng, trầm cảm và tự nội tâm hóa điều giả tưởng cho rằng phụ nữ là đồ vật tình dục và sự quyến rũ thể xác là tất cả giá trị của người đàn bà. Emma viết cho Đức Giáo Hoàng rằng “Nền văn hóa truyền thông ngày nay khiến con khó chấp nhận mình là sáng tạo tốt đẹp của Thiên Chúa, được tạo nên giống hình ảnh và họa ảnh của Người. Áp lực xã hội nặng nề đã thử thách nền luân lý và các tiêu chuẩn của con. Là một phụ nữ, con phải đương đầu với các hoài mong hạ cấp, như thể mục đích của con là làm vui lòng những người đàn ông. Trong các trạng huống này, đôi lúc con thấy mình tự hỏi: Thiên Chúa ở đâu giữa những điều này?”.

Các hình ảnh của truyền thông tạo ra các lý tưởng về sắc đẹp nữ giới căn cứ hoàn toàn vào vẻ bề ngoài; các lý tưởng này không thể đạt được và phá hủy cảm thức của người phụ nữ trẻ đối với sự tốt lành mà Thiên Chúa đã ban cho họ. Kelly thưa với Đức Giáo Hoàng rằng những câu như “nhẹ hơn 20 cân Anh”, “cái nhìn rạng rỡ”, “trông trẻ hơn trong một tuần” là những câu liên hồi được nện vào đầu phụ nữ. Bề ngoài là quan trọng hơn hết trong thế giới internet và truyền thông. Chúng con quên rằng tất cả chúng ta đều được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa”. Grace thì chia sẻ rằng “Có lần con phải đấu tranh với hình ảnh thân xác. Cuộc đấu tranh của con dường như kéo dài mãi mãi. Sự thôi thúc phải trở nên một người không phải là con hết sức mạnh... Con ngắm nhìn các cô gái khác và so sánh con với họ, thường là để tự trách mình không đẹp hay không thon thả như họ. Khối lượng tự ghét mình sao khủng khiếp quá”.

Ashley thì viết rằng: các cố gắng mô phỏng mẫu mực của truyền thông có thể dẫn tới các sáo trộn về ăn uống như chứng biếng ăn và ăn vô độ hoặc các hậu quả còn bi đát hơn nữa: “chúng con không ngừng bị áp lực của nhau và của xã hội phải thích ứng với các mẫu hoàn hảo không thể nào đạt được. Quá nhiều thiếu nữ đã bị đẩy tới việc tự làm hại mình, đôi lá, thậm chí cả tự tử nữa vì những hành hạ về xúc cảm họ phải chịu. Nạn dịch này cần được chấm dứt”.

Việc tình dục hóa con người nhân bản của truyền thông chắc chắn đã góp phần vào nền văn hóa căn câu bừa bãi (hookup culture) tại nhiều trường cao đẳng và đại học. Hạn từ “căn câu” (hooking up) chỉ cuộc làm tình của hai con người chỉ mới quen nhau không bao lâu và không hề có dự tính gì đối với mối liên hệ tương lai. Kaitlyn viết cho Đức Giáo Hoàng Phanxicô rằng: “Ngày nay, phụ nữ được mong đợi duy trì mẫu người tiệc tùng vui chơi. Điều này có nghĩa: người ta mong đợi phụ nữ ăn mặc theo một lối nào đó nhằm lôi kéo sự chú ý của đàn ông. Người đàn ông tại khuôn viên đại học cảm thấy mình có quyền làm tình. Con viết cho Đức Thánh Cha trong tư cách một sinh viên cao đẳng lớp cao, 21 tuổi, người đã chứng kiến nhiều phụ nữ tự hạ thấp mình để thích hợp, cảm thấy được yêu và được chấp nhận tại các buổi vui chơi. Con muốn phụ nữ cảm nhận được tình yêu của Chúa Giêsu Kitô”. Lisa thì viết: “Con buồn khi thấy nhiều bạn hữu của con thuận theo nền văn hóa căn câu vì họ không nhìn nhận giá trị của chính họ... Chúng con cần Đức Thánh Cha nhắc nhở các thanh niên đối xử với chúng con một cách tôn trọng”. Nền văn hóa căn câu đã được rệu rã hỗ trợ, và các cuộc phỏng vấn các sinh viên cao đẳng cho thấy nó không thỏa mãn các mong mỏi chân thực của tâm hồn bất cứ người đàn ông đàn bà nào. Các cuộc nghiên cứu luôn liên kết nền văn hóa này với nạn trầm cảm, buồn bã và thiếu tự trọng. Các hậu quả của nó có thể bao gồm các bệnh do tình dục truyền lan, thai ngoài ý muốn và phá thai. Bốn mươi tư phần trăm các vụ phá thai tại Hoa Kỳ đã được thực hiện nơi các phụ nữ tuổi học cao đẳng.

Thiếu hỗ trợ cho những đứa trẻ thụ thai trong các tình huống khó khăn là một thách đố khác cho một số phụ nữ trẻ. Dự Án Rachel, một thừa tác vụ của Giáo Hội Công Giáo dành cho các phụ nữ đang than khóc và trầm cảm sau khi mất đứa con vì phá thai, tường trình rằng các phụ nữ được họ phục vụ bị các bạn trai hay chồng cho biết “họ chưa sẵn sàng làm cha”. Nhân danh các phụ nữ trong tình huống này, Lucy viết cho Đức Giáo Hoàng rằng “Còn các bà mẹ bị áp lực phải phá thai nhưng đã quyết định chọn sự sống thì sao? Có thể làm gì để giúp đỡ và nâng đỡ họ và con cái họ?”

Nhiều lá thư phê phán bạo lực tính dục trong nền văn hóa của ta. Kirsten viết cho Đức Giáo Hoàng:

“Chúng con không cần cảm thấy sợ hãi khi phải ra ngoài, bước vào giữa các khu phố của mình. Nhưng chúng con đã nghe và cảm nghiệm nhiều câu chuyện về xách nhiễu tình dục, hết sức bạo động”. Theo một nghiên cứu, 83 phần trăm thiếu nữ trung học bị người cùng trang lứa sách nhiễu tình dục. Theo số thống kê liên bang, một trong năm phụ nữ tại Hoa Kỳ từng là nạn nhân của hiếp dâm hoặc mưu toan hiếp dâm. Trong số các phụ nữ tường trình việc hiếp dâm cho Cuộc Nghiên Cứu của Hội Phụ Nữ Toàn Quốc, 22.2% thuộc cỡ tuổi 18 và 24 khi vụ hiếp dâm xảy ra, 32.3% thuộc cỡ tuổi 11 và 17, và 29.3% dưới 11 tuổi. Các cuộc nghiên cứu cho thấy: bạo lực tình dục có tác động tàn hại cho cả sức khỏe xúc cảm lẫn của sức khỏe thể lý.

Cùng nhau làm việc

Trong một nền văn hóa trong đó “đường phân rẽ điều đúng và điều sai gần như bị xóa bỏ” (Anna) và “không ai có lòng tôn trọng lẫn nhau” (Julia), các giáo xứ Công Giáo được một số lá thư mô tả như là nơi trong đó, các phụ nữ trẻ tìm được nơi trú ẩn, được nhìn nhận, thêm sức mạnh và niềm hy vọng. Emma chia sẻ rằng “Giáo xứ con là nơi trú ẩn an toàn của con, nơi con trốn thoát được các tình huống đe dọa tới chủ trương luân lý của con. Giáo Hội là nguồn để con vươn tới Thiên Chúa... Con luôn rời khỏi Thánh Lễ với một tâm hồn tươi mát và sẵn sàng đương đầu với thế gian theo cung cách Thiên Chúa muốn con thực hiện. Con cảm ơn Giáo Hội Công Giáo đã luôn có mặt khi con cần tới một cách tuyệt vọng”.

Còn Colleen thì viết rằng “Con yêu mến Giáo Hội vì Giáo Hội bao gồm cả những con người tan nát đang đi tìm bình an và hướng tới sự toàn thiện... Con tìm được của dưỡng nuôi trong ơn phúc Thánh Thể và được an ủi và lành lặn trở lại nhờ bản chất bí tích của Giáo Hội”.

Những phụ nữ trẻ này hoan nghênh lời kêu gọi của Đức Giáo Hoàng Phanxicô trong "Niềm Vui Tin Mừng" muốn có "sự hiện diện sâu sắc hơn của phụ nữ trong Giáo Hội" và các đề xuất của họ về phương diện này bao gồm sự tham gia nhiều hơn của phụ nữ vào các thừa tác vụ giáo dân và lãnh đạo giáo dân. Julia viết rằng "Chúng con mang nhiều quả phúc đặc biệt đến cho Giáo Hội như tình yêu, hạnh phúc và năng lực!" Để tăng cường việc Giáo Hội có thể bắt tay với các phụ nữ trẻ, họ đề nghị các chương trình cổ vũ cho các phụ nữ trẻ (và cả thanh niên nữa), trong đó người trẻ có thể hỗ trợ lẫn nhau trong việc sống nên đạo đức tính dục Công Giáo khi bị áp lực nặng nề của các người cùng trang lứa phải làm khác đi. Họ cũng đề nghị những điều sau đây: phải có các bài giảng nói về những kinh nghiệm của phụ nữ trẻ và khẳng định phẩm giá do Thiên Chúa ban cho họ; sự đào luyện về tôn giáo nhằm đề cao các mẫu mực điển hình của phụ nữ trong Kinh Thánh và truyền thống; các thừa tác vụ hàn gắn dành cho những người sống thoát cuộc tấn công tình dục và các nhóm hỗ trợ dành cho các bà mẹ và các phụ nữ trẻ khác. Anya viết: "Mọi người và mọi thứ chung quanh chúng con có khuynh hướng đề bẹp chúng con. Chúng con cần các nhà lãnh đạo trong cộng đồng của chúng con vun đắp để chúng con có thể đứng lên lại".

Các phụ nữ trẻ này đưa ra các đề xuất xây dựng để phúc âm hóa nền văn hoá của chúng ta. Các sáng kiến này bao gồm: một sáng kiến Công Giáo toàn quốc nhằm cải tổ các phương tiện truyền thông; một cương lĩnh truyền thông xã hội Công Giáo; một chiến dịch Công Giáo nhằm đạt được các tiêu chuẩn quốc gia mạnh mẽ hơn về việc nghỉ hộ sản sản cho cả bố mẹ; các sáng kiến của Giáo Hội để giảm mức độ bạo hành tình dục trong xã hội ta và một loạt sản phẩm thời trang kiểu “giống hình ảnh và họa ảnh” dành cho phụ nữ Công Giáo trẻ không quá bó sát hoặc hở hang. Đây mới chỉ kể một vài ý tưởng của họ mà thôi. Các tác giả viết thư này đều là các nhà lãnh đạo trẻ luôn sẵn sàng hành động. Colleen viết: "Chúng con phải vươn tay ra với người ta qua các hoạt động và cộng đồng vốn đem lại cho họ niềm vui và mục đích. Chúng con là một thể hệ rất nhiệt tình làm một điều gì đó có ý nghĩa; Chúng con chỉ cần được yêu cầu".

Đức Giáo Hoàng Phanxicô đích thân tiếp nhận bó thư của họ cùng với nhiều tác phẩm nghệ thuật và một chiếc khăn choàng phụng vụ do các nữ sinh viên của Học Viện Thánh Ursula ở Cincinnati, Ohio may tay. Những tặng phẩm này đã được đệ trình trong một buổi triều kiến chung với Đức Giám Mục Kevin C. Rhoades thuộc giáo phận Fort Wayne-South Bend, Carol Ann Mooney, Chủ Tịch Cao Đẳng Saint Mary, Kristen Millar, một sinh viên của Saint Mary, và Grace Urankar, cựu sinh viên năm 2014.

Grace giải thích với Đức Giáo Hoàng Phanxicô rằng "Chúng con là một nhóm đa dạng, với nhiều kinh nghiệm, hy vọng, ước mơ, thất bại, mất mát, nhưng với rất nhiều, rất nhiều yêu thương. Không phải vì thương tổn, sợ hãi hay đau khổ mà con tới gần Đức Thánh Cha. Đúng hơn, con chỉ muốn bày tỏ với Đức Thánh Cha tình yêu tuyệt vời mà con đã được biết và lãnh nhận được. Con hy vọng Đức Thánh Cha sẽ tiếp tục khuyến khích tất cả chúng con yêu thương cách trọn vẹn, cởi mở và triệt để hơn trước".

Mặc dù các bức thư trên được viết cho Đức Giáo Hoàng, nhưng tiếng nói của những phụ nữ trẻ này mời gọi tất cả chúng ta can dự một cách xây dựng vào các thực tế mà họ đã mô tả. Lá thư của Jordan kết luận: "Kính thưa Đức Giáo Hoàng Phanxicô, con xin chân thành cảm tạ Đức Giáo Hoàng vì vai trò của Đức Giáo Hoàng trong Giáo Hội Công Giáo. Đức Giáo Hoàng truyền cảm hứng cho các thiếu nữ mỗi ngày. Chúng con hy vọng Giáo Hội Công Giáo lắng nghe các kiến nghị của chúng con liên quan đến các phụ nữ trong xã hội của chúng con, và nếu Đức Giáo Hoàng có thời gian, kính xin Đức Giáo Hoàng vui lòng trả lời cho chúng con. Kính thưa Đức Giáo Hoàng Phanxicô, con biết chúng ta có thể làm điều này. Đức Giáo Hoàng hãy tưởng tượng chúng ta có thể làm gì nếu tất cả chúng ta cùng làm việc với nhau".

Đức Phanxicô trả lời cuộc phỏng vấn mới về nhiều vấn đề

(Ngày 10/03/2017)

Trong cuộc phỏng vấn mới đây của tạp chí Đức Die Zeit trước khi ngài tham dự tuần tĩnh tâm Mùa Chay, Đức Phanxicô đã trả lời nhiều câu hỏi khác nhau. Dưới đây là một số điều đáng lưu ý trong cuộc phỏng vấn này.

Đức Hồng Y Burke là một luật sư tuyệt vời

Trước nhất là về Đức Hồng Y Raymond Burke. Đức Giáo Hoàng xác nhận Đức Hồng Y Burke vẫn là người bảo hộ (patron) của Hội Hiệp Sĩ Malta, dù ngài thấy cần phải bổ nhiệm một vị giáo phẩm khác để giám sát việc canh tân thiêng liêng cho Hội này. Đức Giáo Hoàng nói rằng Đức Hồng Y Burke gặp một số vấn đề của Hội Hiệp Sĩ Malta mà Đức Hồng Y không giải quyết được.

Tuy nhiên, Đức Giáo Hoàng bác bỏ lời đồn cho rằng Đức Hồng Y Burke bị phái tới Guam như một hình phạt. Đức Giáo Hoàng cho hay việc ấy vốn có liên quan tới công việc chuyên môn của Đức Hồng Y. Đức Giáo Hoàng nói tiếp: "vì việc này, tôi rất biết ơn ngài; ngài là một luật sư tuyệt vời".

Nhưng, cũng nhân dịp này, ngài có nói với tờ Die Zeit rằng ngài thấy có vấn đề với "những người Công Giáo cực đoan". Ngài cho rằng việc quá tự tin của những người Công Giáo loại này khiến ngài nghĩ tới Thánh Phêrô khi vị thánh này tự hào mình sẽ không bao giờ chối Chúa Giêsu.

Được hỏi về các cuộc khủng hoảng đức tin, Đức Phanxicô nói rằng các cuộc khủng hoảng là điều cốt yếu để lớn mạnh, cả ở ngoài đời lẫn trong đức tin. Ngài nhắc lại đoạn Tin Mừng trong đó Thánh Phêrô chối Chúa ba lần, sau đó, mới quả quyết rằng ngài sẽ không bao giờ làm thế nữa. Đức Giáo Hoàng bảo: "khi Chúa Giêsu cảm nhận sự chần chừ ấy của Thánh Phêrô, nó làm tôi nghĩ tới rất nhiều người Công Giáo cực đoan". Ngài nhận định: Thánh Phêrô "chối Chúa Giêsu, trải qua một cuộc khủng hoảng ghê gớm, thế rồi được cử làm giáo hoàng!"

Nữ phó tế và tông du

Được nhà báo Giovanni di Lorenzo hỏi về ủy ban nghiên cứu vai trò phó tế nữ trong lịch sử, Đức Phanxicô kể lại rằng năm ngoái, trong cuộc gặp gỡ các bề trên dòng nữ tại Tòa Thánh, "tôi được hỏi tại sao chúng ta không thiết lập một ủy ban nghiên cứu để tìm hiểu xem các người đàn bà đó làm gì và

có phải họ được thụ phong hay không. Tôi trả lời, đúng, tại sao không?”.

Nhưng ngài nói thêm: “đây là chuyện thăm dò chủ đề, chứ không phải mở một cánh cửa... Thời gian sẽ cho biết ủy ban tìm ra những gì. Họ giả thiết sẽ họp lại lần thứ ba vào tháng Ba này, và tôi sẽ tìm hiểu xem sự việc tiến triển tới đâu”.

Còn đối với câu hỏi về các chuyến tông du trong năm 2017, Đức Phanxicô cho biết: đang sắp xếp chuyến đi Ai Cập. Còn chuyến dự định đi Nam Sudan và hai nước Congo (Cộng Hòa Congo, và Cộng Hòa Dân Chủ Congo) đã bị loại bỏ.

Chuyến đi khác mà ngài rất muốn thực hiện là tới Nga mà không được “vì tôi phải tới cả Ukraine nữa”.

Tuy nhiên, ngài xác nhận chuyến tông du đã dự trù cho năm 2017 là Colombia, đáng lẽ đã có thể thực hiện ngay từ đầu triều giáo hoàng của ngài, và nay càng khả hữu hơn sau khi chính phủ nước này ký thỏa ước hòa bình với nhóm du kích lớn nhất trong nước là FARC, chấm dứt cuộc nội chiến lâu đời nhất trong lịch sử gần đây.

Ngài cũng xác nhận chuyến tông du Ấn Độ và Bangladesh, đã được sắp xếp từ lâu, nhưng chưa định ngày giờ nhất định. Nhưng chuyến đi Fatima thì chắc chắn diễn ra giữa tháng Năm.

Luôn bình an dù là một người có tội

Về các cuộc tấn công đích danh đối với ngài gần đây, Đức Phanxicô cho hay: “Từ lúc tôi được bầu làm giáo hoàng đến nay, tôi chưa bao giờ mất cảm thức bình an. Tôi hiểu một số người có thể không thích lối hành động của tôi, tôi còn biện minh cho nó nữa: có rất nhiều lối suy nghĩ; thậm chí còn được phép nữa, hợp nhân bản và ngay cả phong phú nữa”.

Về các bích chương phản đối ngài thiếu lòng thương xót và ấn bản giả của tờ L'Osservatore Romano mới đây, Đức Phanxicô cho biết: ngài thấy điều sau không phong phú chút nào, nhưng điều trước thì có. Ngài nói: “Tiếng địa phương Romanesco trong các bích chương ấy quả tuyệt diệu!”, chắc chắn do một người có học thức cao viết.

“Có phải một người từ Vatican không?” nhà báo hỏi thế, ngài vừa cười vừa trả lời: “Không, nhưng là một người có học thức cao!”

Nhân dịp này, ngài thổ lộ: ngày nào ngài cũng đọc kinh Ông Thánh Thomas More, xin được ơn biết hài hước. Ngài bảo: “Chúa chưa lấy mất sự bình an của tôi, và Người ban cho tôi đủ tính hài hước”.

Và cũng như trước đây, ngài thú nhận mình là người có tội và có những khoảnh khắc ngài nổi điên với Chúa Giêsu hoặc nói rằng ngài không hiểu tại sao một điều gì đó lại xảy ra, kể cả những điều chính ngài làm, do “chính tội lỗi tôi: tôi là kẻ có tội, và tôi nổi điên... Bây giờ thì tôi quen rồi”.

Đức Phanxicô cũng cho hay: ngài không cảm thấy ngài là “một người đặc biệt” và các chờ mong người ta đặt lên ngài, có hơi cường điệu hóa, quả không công bằng đối với ngài.

Ngài bảo: “tôi không phải là người tồi, không, nhưng tôi là một người làm điều mình có thể làm, nhưng thông thường. Tôi cảm thấy mình như thế. Và khi ai đó nói với tôi: ‘Không, thưa Đức Thánh Cha, Đức Thánh Cha là...’ điều này chẳng ích lợi gì cho tôi”.

Được hỏi ngài có sợ làm ngã lòng các vị ở trong Giáo Triều với những lời lẽ như trên hay không, các

vị này cần có một người cha hoàn hảo, Đức Phanxicô trả lời: không, không có chuyện người cha hoàn hảo, vì chỉ có một người cha hoàn hảo mà thôi, đó là Thiên Chúa.

Ngài bảo: “mọi người cha đều là người có tội, xin cảm ơn Chúa, vì điều này sẽ khích lệ chúng ta ra đi và ban phát sự sống trong thời đại côi cút này, trong đó, người ta đang cần tình phụ tử”.

Ngài nói thêm: “tôi là người có tội và tôi dễ sai lầm, và ta không nên quên rằng lý tưởng hóa một con người cũng luôn là một thứ gây hấn hung hăng siêu phàm”.

"Viri probati" làm linh mục

Cũng trong cuộc phỏng vấn này, Đức Phanxicô tỏ ra cởi mở đối với việc phong chức linh mục cho một số người đàn ông đã có gia đình. Tuy nhiên, ngài ủng hộ việc duy trì luật độc thân khi nhấn mạnh rằng “độc thân nhiệm ý” không phải là một giải pháp đối với cuộc khủng hoảng ơn gọi trong Giáo Hội Công Giáo.

Thực vậy, theo Đức Phanxicô, việc thiếu linh mục trên thế giới hiện nay là một vấn nạn rất lớn cần được giải quyết, nhưng “độc thân nhiệm ý” không phải là một giải pháp.

Tuy nhiên, theo ngài, vấn đề *virī probati*, tức những người đàn ông đã lập gia đình nhưng vững mạnh trong đức tin và nhân đức có thể được chọn để thụ phong linh mục, là một “khả thể” mà “ta phải xem xét”.

Đức Giáo Hoàng nói: “ta cũng phải xác định xem họ có thể đảm nhiệm những trách vụ gì, thí dụ, tại các cộng đồng xa xôi”.

Nghi lễ La Tinh vốn đã cho một số giáo sĩ không phải là Công Giáo đã có gia đình, sau đó trở lại Công Giáo, được thụ phong linh mục, như các cựu giáo sĩ Anh Giáo chẳng hạn. Các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương cho phép phong chức các người đàn ông đã có vợ làm linh mục, nhưng cũng như các Giáo Hội Chính Thống và Công Giáo La Tinh, họ không cho phép các đám cưới giáo sĩ, nghĩa là không cho phép các linh mục cưới vợ một khi đã thụ phong.

Năm ngoái, Đức Giáo Hoàng Phanxicô bác bỏ việc hủy bỏ luật độc thân của các linh mục; ngài nói rằng: nên “duy trì như hiện tại”. Nhưng ngài có gợi ý tới khả thể phong chức cho những người đàn ông tỏ ra xứng đáng, tùy sự quyết định của các giám mục địa phương, căn cứ vào tình thế đặc thù. Ngài có nhắc đến một giáo phận tại Mỹ Tây Cơ, nơi mỗi cộng đoàn có một phó tế nhưng không có linh mục.

Người ta cũng biết Đức Giáo Hoàng Phanxicô từng muốn Thượng Hội Đồng Giám Mục kế tiếp thảo luận về luật độc thân của linh mục, nhưng sáng kiến này đã bị Hội Đồng Thường Trục của Thượng Hội Đồng Giám Mục bỏ phiếu chống. Tổng thư ký của Thượng Hội Đồng, Đức Hồng Lorenzo Baldisseri, sau đó còn nói thêm rằng vấn đề này cũng sẽ không được bàn đến trong Thượng Hội Đồng Giám Mục năm 2018 về “Người Trẻ, Đức Tin và Việc Biện Phân Ôn Gọi”.

Trong lời tóm tắt cuộc phỏng vấn, tờ Die Zeit tường trình rằng Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh đến sự quan trọng của cầu nguyện, như phương thế vượt qua cuộc khủng hoảng ơn gọi. Ngài nói: “Điều còn thiếu là cầu nguyện”.

Theo tờ báo, nhiều tiếng nói tại Đức gần đây đã nghi vấn luật độc thân của linh mục, trong đó, có Đức Cha Dieter Geerlings, giám mục phụ tá của Münster, và Thomas Sternberg, đứng đầu Ủy Ban Trung Ương Các Người Công Giáo Đức, một cơ chế gồm nhiều tổ chức giáo dân Công Giáo ở Đức.

Sternberg nói rằng luật độc thân bắt buộc đã “mất hết tính khả tín của nó”.

Trong những năm qua, một số các vị cố vấn và bạn bè của Đức Giáo Hoàng cũng xa gần cổ vũ các thay đổi đối với luật độc thân của linh mục. Trong đó, có các vị Hồng Y Pietro Parolin, nay là Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh, và Claudio Hummes, một người bạn của Đức Phanxicô và trước đây đứng đầu Thánh Bộ Giáo Sĩ.

Các thay đổi như cho phép một hình thức linh mục có vợ nào đó, việc rước lễ liên phái và có thể cả phò tá phụ nữ là ba cuộc cải tổ mà một số quan sát viên của Giáo Hội cho là có thể xảy ra trong mấy tháng sắp đến. Cũng như đối với việc cho phép những người ly dị tái hôn lãnh nhận các bí tích, những người này lo sợ rằng các luật trừ đối với mỗi việc cải tổ này, cuối cùng, sẽ kết thúc ở chỗ kết liễu các kỷ luật như luật độc thân của linh mục và một cách tổng quát sẽ phá hủy tín lý của Giáo Hội về chức linh mục và Phép Thánh Thể.

Nhưng, trong cuộc phỏng vấn, Đức Phanxicô lý luận rằng Giáo Hội không nên sợ hãi khi phải đối diện với thay đổi. Ngài nói: “sự thật có nghĩa đừng sợ hãi. Sợ hãi đóng cửa, tự do mở cửa. Và nếu tự do nhỏ nhoi, thì ít nhất nó cũng mở được chiếc cửa sổ nhỏ”.

Tấn công chủ nghĩa dân túy

Theo Catholic World News, Đức Phanxicô cho rằng thiếu linh mục, “Giáo Hội yếu đi, vì một Giáo Hội không có Thánh Thể thì không có sức mạnh: Giáo Hội làm ra Phép Thánh Thể, nhưng Phép Thánh Thể cũng làm ra Giáo Hội”.

Hãng này cũng tường thuật rằng Đức Phanxicô tấn công chủ nghĩa duy quốc gia và chủ nghĩa dân túy (populism). Ngài bảo: “chủ nghĩa dân túy là chủ nghĩa ghê tởm và sẽ kết liễu tội tệ, như thế kỷ vừa qua đã chứng minh”. Ngài cho rằng chủ nghĩa này “luôn cần một vị thiên sai”, và nêu kinh nghiệm Đức và việc xuất hiện của Hitler làm điển hình.

Đài Phát Thanh Vatican tường thuật thêm rằng, Đức Phanxicô nói với người phỏng vấn: “tôi cũng có những khoảnh khắc trống rỗng”. Ngài nói đến “những khoảnh khắc đen tối thiêng liêng” trong đời ngài, những lúc ngài thưa với Thiên Chúa: “Lạy Chúa, con không hiểu điều này”. Theo ngài, “không ai lớn lên mà lại không gặp khủng hoảng: trong đời người, cùng một việc đó xảy ra. Cả tăng trưởng sinh học cũng là một cuộc khủng hoảng, không phải sao? Cuộc khủng hoảng của một em nhỏ trở thành người lớn. Và đức tin cũng thế”.

Về đức tin, ngài bảo đó là một hồng ơn, ta không thể tự mình phục hồi được đức tin của mình mà phải cầu xin Thiên Chúa: “Tôi xin và Người đáp ứng. Chẳng chóng thì chầy, đúng không? Nhưng có lúc ông phải đợi thôi, trong cơn khủng hoảng”.

Đài Vatican cũng cho biết Đức Thánh Cha còn nói tới lòng sùng kính của ngài đối với Đức Mẹ, Đức Mẹ Tháo Nút cũng như điều ngài gọi là “Thế Chiến Thứ Ba” đang diễn ra từng mảng, như tại Châu Phi, Ukraine, Á Châu, Iraq...

Đức Phanxicô kết thúc cuộc phỏng vấn với một lời xin lỗi: “tôi xin lỗi nếu tôi không thỏa mãn mong ước của ông... Xin cầu cho tôi!”

Đức Phanxicô: kỷ niệm năm thứ tư, tạp chí Rolling Stone và thế hệ thiên niên kỷ

(Ngày 14/03/2017)

Với Đức Phanxicô, dĩ nhiên vui bao giờ cũng nhiều hơn buồn, đối với cả ngài lẫn các tín hữu và thế giới nói chung. Nhưng nhất là thế hệ những người mà người ta vốn gọi là thiên niên kỷ. Claire Giangravè của tạp chí Crux, ngày 10 tháng Ba vừa qua, quả quyết như thế, nhân dịp Tạp Chí Rolling Stone của Ý đăng hình ngài ở trang bìa, một vinh dự mà vị tiền nhiệm có tiếng được lòng truyền thông của ngài là Đức Gioan Phaolô II cũng không có.

"Pop Pope" của Tạp Chí Rolling Stone

Tạp chí trên đặt tựa cho tờ bìa là FRANCIS, POP POPE (Đức Phanxicô, Vị Giáo Hoàng Được Người Ta Ưa Thích). Thực ra chữ “pop”, theo Từ Điển Cambridge, có nghĩa đầy đủ là “người được nhiều người ưa thích và được họ hiểu dễ dàng”. Định nghĩa này rất thích hợp với Đức Phanxicô nhất là đối với thế hệ thiên niên kỷ, một thế hệ vốn có đặc điểm ngò vức quyền lực và các định chế nói chung, nhất là Đạo Công Giáo.

Cũng nên biết, tạp chí Rolling Stone của Hoa Kỳ vốn đã đăng hình Đức Phanxicô năm 2013, lúc ngài mới lên ngôi giáo hoàng. Thành thử, có thể kết luận độc giả của tạp chí này vốn có cảm tình với vị giáo hoàng độc đáo theo quan điểm của họ.

Theo một cuộc thăm dò năm 2016 của chính tạp chí này, gần 50% độc giả của họ thuộc lứa tuổi từ 18 tới 34. Đây chính là thế hệ thiên niên kỷ, những người sinh ra giữa đầu thập niên 1980 và đầu thập niên 2000, thế hệ mà cha mẹ họ không để lại cho họ điều gì để tin. Người ta gọi họ là thế hệ “bông tuyết” (snowflakes). Họ được dưỡng dục để tin rằng mình độc đáo, cực kỳ nhạy cảm và đi tìm an ủi nơi các màn hình sáng loáng và được nối kết với nhau.

Chỉ có thời gian mới nói được thực ra thế hệ thiên niên kỷ là ai. Tuy nhiên, theo Giangravè, ít người có thể nói chuyện với thế hệ này một cách có khả năng bằng Đức Giáo Hoàng Phanxicô.

Theo cuộc Nghiên Cứu của Trung Tâm Pew năm 2016, thế hệ thiên niên kỷ ít cầu nguyện hơn, ít tham dự Thánh Lễ hơn và nói chung ít tin hơn các thế hệ trước. Tuy nhiên, họ tin cuộc sống đời sau và thiên đàng, hỏa ngục và phép lạ, giống như các thế hệ đàn anh.

Phương pháp thông đạt độc đáo của Đức Phanxicô nói với thế hệ thiên niên kỷ một cách rất đặc biệt qua tính “có thật” (realness) của ngài, qua con người bất chấp những gì đã được thiết lập (anti-establishment) của ngài, qua việc ngài tập chú vào lòng thương xót hiểu như một thực hành bao trùm mọi người, và qua việc ngài sử dụng kỹ thuật một cách thành thạo.

Một con người bình thường

Theo Giangravè, thực ra, ngay từ lúc Đức Phanxicô, lần đầu tiên, từ mật nghị hội bầu giáo hoàng bước ra ban-công nhà thờ Thánh Phêrô ngày 13 tháng Ba, năm 2013 và lên tiếng chào đám đông đang tụ tập dưới quảng trường “Fratelli e sorelle, buonasera!” (chào mừng anh chị em một buổi tối tốt lành), thì không những đám đông hân hoan đến như điên như dại mà cả báo chí và các cơ sở truyền thông khắp thế giới đều phải giới thiệu ngài như là Vị Giáo Hoàng của Dân.

Chính ngài, năm 2014, đã nói với tờ báo Ý Corriere della Sera rằng: “Giáo hoàng là người biết cười, biết khóc, biết ngủ an lành và có bằng hữu y như mọi người khác, một con người bình thường”.

Hồi còn trẻ, ngài vốn là một nhân viên an ninh (bouncer) trong một quán ba ở Á Căn Đình, có bạn gái, thường thức âm nhạc và thể thao. Tất cả những điều này làm ngài trở thành người dễ bắt liên lạc (relatable), “người có thật”. Ngài chụp hình tự sướng, sống tại một khách sạn tẻ nhất ở Vatican và dễ dàng nhận giải “giáo hoàng lôi thôi nhất”.

Nhưng những điều trên chưa đủ đối với thế hệ thiên niên kỷ, một thế hệ quá quen thuộc với các thủ thuật quảng bá các nhân vật công cộng và thù nghịch các định chế, nhất là Giáo Hội Công Giáo.

Biến những điều không mấy liên hệ trở thành liên hệ

Điều thực sự làm Đức Phanxicô trở thành “pop pope” chính là khả năng “minh tinh truyền hình sống” (reality TV star) của ngài: một khả năng biến cả các hoàn cảnh ít liên hệ nhất trở thành có liên hệ, một điều khiến một số người Công Giáo cao niên cảm thấy bối rối nhưng thế hệ thiên niên kỷ thì chỉ mong sao được thấy nhiều hơn.

Theo một cuộc nghiên cứu của Morley Winograd và Michael Hais, hơn 80% người thiên niên kỷ tin rằng quá nhiều quyền lực đã bị tập trung trong tay một số ít công ty vĩ đại. Và Bernie Sanders, người đấu tranh cho 99%, đã chiếm được 2 triệu phiếu của những người dưới 30 tuổi, hơn cả Clinton và Trump cộng lại.

Thế hệ này làm mọi người thấy rõ: họ không có một chút niềm tin nào vào các công ty, chính phủ và Giáo Hội. Nếu để ý đến việc thế hệ thiên niên kỷ gia nhập lực lượng lao động vào khoảng năm 2008, trong các hoàn cảnh giống hệt các hoàn cảnh của thời Đại Suy Thoái năm 1930, thì điều vừa nói không gây ngạc nhiên chi.

Đức Phanxicô, như mọi người đều biết, rất lưu tâm tới những người không có việc làm. Trương mục Tweeter @Pontifex năm 2013 của ngài từng viết rằng “Tâm tư tôi hướng về tất cả những ai không có việc làm, thường là kết quả của một não trạng tự lấy mình làm tâm điểm chỉ biết lợi nhuận bằng bất cứ giá nào”.

Ngài nói đến tiền bạc như “phân thối của ma quỷ” và từng nặng nề chỉ trích thị trường tự do, chủ nghĩa tư bản và nền kinh tế nhỏ giọt.

Lên tiếng chỉ trích con người mà vẫn dễ bắt liên lạc, Đức Phanxicô quả đã trở thành “kẻ phản loạn” mà người thiên niên kỷ thích được yêu mến.

Rồi tới sự kiện trên chuyến bay từ Brazil trở lại Rôma năm 2013, câu nói “Nếu một người nào đó là đồng tính nhưng biết tìm kiếm Thiên Chúa và có thiện chí, thì tôi là ai mà dám phê phán họ?” của Đức Phanxicô đã để lại một sứ điệp lâu dài, cho thấy sự cởi mở của ngài đối với đồng tính luyến ái trong Giáo Hội Công Giáo, nhất là nơi người thiên niên kỷ.

Theo một cuộc thăm dò về tôn giáo năm 2007, so với các thế hệ đi trước, con số người thiên niên kỷ ủng hộ hôn nhân đồng tính đã tăng gấp đôi.

Bảo vệ môi trường

Chưa hết. Một cuộc thăm dò năm 2016 của Nghị Hội Kinh Tế Thế Giới (World Economic Forum), từng phỏng vấn hơn 26,000 người thiên niên kỷ của 181 nước, cho thấy 45.2% những người trả lời nói rằng thay đổi khí hậu và việc hủy hoại các nguồn tài nguyên thiên nhiên là các quan tâm hàng đầu của họ.

Trong thông điệp *Laudato Si* và trong nhiều lần xuất hiện trước công chúng của ngài, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã lên tiếng về việc bảo vệ địa cầu và nhiệm vụ của chúng ta phải che chở nó.

Về các vấn đề xã hội khác rất thân thiết đối với sự nhạy cảm của thế hệ thiên niên kỷ như di dân, sự bài ngoại và bất bình đẳng phái tính, Đức Phanxicô cũng vốn là một tác nhân đáng tin cậy và lớn tiếng cho sự thay đổi.

Sử dụng kỹ thuật

Trong một tuyên bố vào năm 2014, Đức Giáo Hoàng Phanxicô gọi Internet là một “ơn phúc của Thiên Chúa” và tiến xa hơn bằng cách mời gọi tín hữu “mạnh dạn trở thành công dân của thế giới kỹ thuật số”.

Dù không phải là vị giáo hoàng đầu tiên sử dụng Twitter, vì Đức Bênêđictô XVI chính là vị này, Đức Phanxicô là vị đầu tiên dấn thân vào thế giới Instagram, hiện có 3 triệu 6 trăm ngàn người theo dõi.

Nhưng trong một cuộc nghiên cứu gần đây của Tập San Y Khoa Phòng Ngừa Hoa Kỳ, các nhà tìm tòi của Đại Học Pittsburgh thấy rằng những người trẻ nào năng sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội có nguy cơ 3 lần cảm thấy bị cô lập về phương diện xã hội nhiều hơn.

Thành thử chính Đức Phanxicô cũng đã lớn tiếng đề cập tới sự quan trọng của việc đừng đi tìm tình yêu hay hạnh phúc trong các dụng cụ hay thiết bị của ta; thậm chí, ngài còn đặt câu hỏi không biết chúng ta có lưu ý đến việc cũng mang theo Thánh Kinh như mang theo điện thoại di động hay không.

Người ta cũng cần phải nhớ rằng phần lớn những người thiên niên kỷ không theo dõi sinh hoạt nội bộ của Tòa Thánh và các năng động tinh phức tạp của Giáo Triều. Thành thử khi Đức Phanxicô thu hút được cảm tình của họ, thì hẳn là nhờ khả năng thông đạt của ngài.

Theo một cuộc nghiên cứu của Viện Giuseppe Toniolo, 90 phần trăm người Ý thuộc thế hệ thiên niên kỷ tin rằng ngài có các kỹ năng thông đạt vĩ đại, 80% thích ngài và 70% cho rằng ngài gợi hứng cho họ. Không lạ gì, tạp chí Rolling Stone của họ đã cùng lên toa tàu hợp lòng họ.

Nhìn lại bốn năm đầu của Đức Giáo Hoàng Phanxicô

(Ngày 16/03/2017)

Đức Giáo Hoàng không có nhiệm kỳ như các tổng thống Hoa Kỳ, dù thế, ký giả John Allen, nhân dịp kỷ niệm 4 năm lên ngôi giáo hoàng của Đức Phanxicô, cũng đã có cái nhìn trở lui đối với điều nhiều người gọi là “nhiệm kỳ 4 năm đầu” của ngài.

Ông thấy ngài có những thắng lợi rõ ràng, một số phán kết lẫn lộn và một số vấn đề chưa được giải quyết trọn vẹn.

Các thắng lợi rõ ràng

Các nhà lãnh đạo sẽ không thể thay đổi được gì nếu không ai biết họ là ai, thành thử thước đo tính hữu hiệu đầu tiên hẳn phải là luôn luôn kéo được sự chú ý của người ta. Về khía cạnh này, Đức Phanxicô được kể là rất thành công, vì đã kéo được sự chú ý của thế giới từ những ngày đầu tiên.

Cả ngày nay nữa, nếu Đức Phanxicô có phải chia sẻ tước hiệu nhân vật công cộng kéo được sự chú ý nhiều nhất của thế giới với Tổng Thống Donald Trump, thì ngài vẫn thuộc một câu lạc bộ hết sức ngoại hạng.

Bốn năm qua rồi, vẫn chưa có dấu hiệu chi là hiện tượng trên gia giảm. Sức lôi cuốn của ngài rất rõ ràng xét theo nhiều cách, từ việc theo dõi 9 trương mục twitter của ngài, hiện đã lên trên 30 triệu, đến các cuộc thăm dò ý kiến khắp thế giới, cho thấy Đức Phanxicô được xếp hạng hài lòng rất cao, ấy là chưa kể việc các phương tiện truyền thông đua nhau tường thuật hầu như mọi điều ngài nói và làm.

Thay đổi câu chuyện

Như Đức Giám Mục Phụ Tá của Los Angeles, Robert Barron, ưa nói, thiên tài của Đức Giáo Hoàng Phanxicô là ngài không thay đổi giáo huấn của Đạo Công Giáo, nhưng chắc chắn, ngài đã thay đổi câu chuyện về giáo huấn này.

Trước khi ngài được bầu làm giáo hoàng, cuộc bàn luận về Đạo Công Giáo phần lớn chú trọng tới những vấn đề gây nhiều tranh cãi như phá thai, ngừa thai, đồng tính và hôn nhân đồng phái, chưa kể tới việc giáo sĩ lạm dụng tình dục. Dù không một vấn đề nào trong các vấn đề này biến đi, nhưng Đức

Phanxicô đã thành công trong việc nêu lên nhiều vấn đề có tính cách khẩn trương hơn như người nghèo, tị nạn và di dân, môi trường, và giải quyết tranh chấp.

Xét về bản chất, không có chi mới lạ cả, nhưng nhiều nhà quan sát nhận thấy Đức Phanxicô đã đem tới cho các vấn đề trên một nhấn mạnh và ưu tiên mới mẻ, khiến họ có một ấn tượng khác hẳn về Giáo Hội Công Giáo.

Đàng khác, phong thái cởi mở và không lưu ý mấy tới quy tắc của Đức Phanxicô đã lôi cuốn được rất nhiều bộ phận rộng lớn của thế giới trước đây vốn ngoảnh mặt khỏi Giáo Hội; nhờ thế, ít nhất, đã tạo được khả thể về một thế năng động truyền giảng tin mừng mới. Như Claire Giangravé từng tường thuật, mới đây, Đức Phanxicô còn được Tạp Chí Rolling Stone của Ý đăng hình ở ngoài bìa, cho thấy sức lôi cuốn của ngài đối với thế hệ thiên niên kỷ.

Các cuộc tông du

Cho đến nay, tông du đã trở thành một phần có tính tiêu chuẩn trong mô tả chức vụ của một vị giáo hoàng. Thực vậy, cho tới hôm nay, Đức Phanxicô đã thực hiện 17 cuộc tông du ra khỏi Vatican, đưa ngài tới 26 quốc gia, với một số cuộc tông du nữa đã được hoạch định cho năm 2017.

Đức Phanxicô còn được điền tích cực vào mọi ô hỏi ý kiến về một cuộc tông du thành công.

Cờ đám đông ư? Ngay cuộc tông du đầu tiên của ngài ở Rio de Janeiro, tháng Bảy năm 2013, để chủ tọa Ngày Giới Trẻ Thế Giới, cũng đã thu hút được 3 triệu người. Ngài tăng số người ấy lên gần gấp đôi trong cuộc tông du Manila, Phi Luật Tân, vào hai năm sau, tức năm 2015.

Cờ tường thuật của truyền thông ư? Sự hiện diện của Đức Giáo Hoàng kéo được sự lưu ý rất mạnh của giới truyền thông, bất kể ngài đi đâu, kể cả ở Hoa Kỳ, nơi, cuộc thăm viếng 6 ngày của ngài qua Washington, New York và Philadelphia hồi tháng Chín năm 2015 đã được tường thuật như một lễ nhậm chức kéo dài 1 tuần, và bài diễn văn của ngài trước Quốc Hội lưỡng viện được tường thuật như một Bài Diễn Văn Về Tình Trạng Liên Bang.

Còn về tác động ư? Dù không phải cuộc tông du nào cũng như nhau, nhưng cuộc tông du ngắn ngủi của ngài hồi tháng Mười Một năm 2015 tại Cộng Hòa Trung Phi đã được mọi người gán cho công trạng đã đem lại cho xứ sở này đủ lòng tin để tổ chức thành công cuộc tuyển cử và chuyển quyền hòa bình 3 tháng sau đó; nhờ thế hạn chế, nếu quả tình chưa chấm dứt được, điều vốn được coi là cuộc nội chiến đẫm máu nhất trên thế giới. Như Đức Tổng Giám Mục Dieudonné Nzapalainga sau này nhận định “Ngay giờ này đây, tại đất nước tôi, mọi người đều sẽ nói với ông cùng một điều như nhau. Bất kể họ là người Hồi Giáo, Thệ Phán, hay Công Giáo, mọi người! Họ đều sẽ nói: Đức Giáo Hoàng Phanxicô mang một luồng gió mát mới mẻ đến cho xứ sở chúng tôi và cho đời sống cá nhân của chúng tôi”.

Ngoại giao

Dù các vị giáo hoàng không phải là chính trị gia, nhưng các ngài là những nhà lãnh đạo tinh thần với những nguyên tắc có liên hệ với đời sống xã hội và chính trị. Trong trường hợp Đức Phanxicô, ngài đã chứng tỏ có năng khiếu đặc biệt trong việc làm cho các nguyên tắc này được lắng nghe thực sự.

Người ta còn nhớ hồi tháng Chín năm 2013, ngài dẫn đầu cuộc đề kháng tinh thần chống lại một dự án quân sự quốc tế do Tây Phương lãnh đạo nhằm can thiệp vào Syria, sau khi có lời tố cáo cho rằng chế độ của Tổng Thống Bashar al-Assad đã triển khai vũ khí hóa học đánh vào các khu do phe đối lập chiếm giữ quanh Damascus. Đức Phanxicô phát động một chiến dịch ngoại giao toàn diện chống lại việc mở rộng cuộc tranh chấp, và sau đó được Tổng Thống Nga, Vladimir Putin, ca ngợi là người có công dứt khoát trong việc chặn đứng cuộc tấn công đã được nhóm G8 thông qua.

Khi Hoa Kỳ và Cuba công bố việc tái tục các liên hệ ngoại giao vào cuối năm 2014, cả nhà lãnh đạo

Cuba, Raul Castro, lẫn Tổng Thống Hoa Kỳ, Barack Obama, đều nhìn nhận vai trò lãnh đạo của Đức Phanxicô trong việc tạo bầu khí thuận lợi cho bước khai phá này. Cũng thế, nhiều nhà lãnh đạo thế giới, tụ tập nhau tại Paris dự hội nghị thượng đỉnh về thay đổi khí hậu do Liên Hiệp Quốc bảo trợ cuối năm 2015, đã thừa nhận vai trò cổ vũ tinh thần của Đức Phanxicô về việc bảo vệ môi trường giúp họ đạt được thỏa hiệp mạnh mẽ trong vấn đề này.

Dĩ nhiên, không phải cố gắng ngoại giao nào của ngài cũng thành công. Như các cố gắng tại Venezuela chẳng hạn. Ấy thế nhưng, điều chắc chắn là Đức Phanxicô đã gia tăng tính liên hệ của Vatican và của Giáo Hội đối với nền ngoại giao thế giới.

Các phán kết lẫn lộn

Niềm Vui Yêu Thương

Khi Đức Phanxicô khởi đầu diễn trình triệu tập hai Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình vào năm 2014, ngài nói rằng ngài muốn có một kết quả sau cùng nói lên sự đồng thuận lớn lao giữa các giám mục và cộng đồng Giáo Hội về con đường hành động đúng sẽ được đưa ra. Nhưng, bất kể mọi điều khác có thể có, riêng việc “đồng thuận” thì dường như không có.

Thay vào đó, phán kết đưa ra trong văn kiện tháng Tư năm 2016 của Đức Phanxicô nhằm tổng kết hai Thượng Hội Đồng nói trên, tức tông huấn hậu thượng hội đồng *Niềm Vui Yêu Thương*, đã tạo ra cuộc tranh cãi gắt gao trong đời sống nội bộ của Giáo Hội Công Giáo, với việc mở cửa nhằm cho phép người ly dị và tái hôn dân sự được rước lễ.

Nhiều người cho rằng biện pháp trên nói lên tình bác ái mục vụ đáng lẽ đã phải đưa ra từ lâu, và cũng có thể là việc phê chuẩn một điều vốn đã được âm thầm thực hành ở nhiều nơi trong Giáo Hội. Nhưng cũng có khá nhiều người coi nó như một việc đảo ngược giáo huấn của Giáo Hội một cách đáng lo ngại về cả phép hôn phối lẫn các bí tích nói chung, và hiện chưa có dấu hiệu nào cho thấy cuộc tranh cãi này giảm cường độ.

Sau khi văn kiện trên ra đời, các giám mục khác nhau trên thế giới bắt đầu ban hành các hướng dẫn hay đưa ra các lời tuyên bố về việc thi hành biện pháp này, và các dấu hiệu họ đưa ra hết sức chống chọi nhau. Vì Đức Phanxicô từng nói rõ ràng rằng ngài không có ý định đưa ra bất cứ lời tuyên bố nào có tính trói buộc về chủ đề này nữa, nên ít nhất vào lúc này, tính đa dạng về phương thức chắc chắn sẽ vẫn còn đó.

Dù người ta ca ngợi ngài đã tự chế một cách đáng lưu ý, không áp đặt quan điểm của ngài, bắt mọi người phải tuân theo, nhưng ai cũng phải công nhận trong việc chăm sóc mục vụ hôn nhân, ngài chưa thành công trong việc đem mọi người đến chỗ cùng chia sẻ viễn kiến của mình.

Nguồn hợp nhất

Một trong các mô tả cổ điển về vai trò của Đức Giáo Hoàng trong Giáo Hội Công Giáo là: ngài là nguồn của hợp nhất đối với toàn thể Giáo Hội. Đạo Công Giáo là một cộng đồng hết sức đa dạng gồm 1.3 tỷ người rải rác khắp thế giới, và để giữ cho cộng đồng này khỏi tan vỡ, người ta cần có một trung ương vững mạnh.

Tuy nhiên, trong bốn năm qua, đôi lúc Đức Phanxicô gieo hạt chia rẽ cũng nhiều như gieo tinh thần cùng chung chính nghĩa.

Đối với mỗi người Công Giáo được gợi hứng bởi viễn kiến xã hội và phong thái cải cách của ngài, thì thường lại có một người Công Giáo khác thấy ngài quá tự phát, quá khinh thường truyền thống và ước lệ, quá bùng bột, và, quá cấp tiến đối với phần lớn những người Công Giáo bảo thủ hơn. Sự ngứa ngáy khó chịu mà những sự kiện này tạo nên nơi một số giới đã trở nên không thể nào nhầm lẫn được, với các bích chương chống ngài tại Rôma mấy tháng trước đây cho thấy rõ.

Nói cho ngay, không vị giáo hoàng nào mà không gây tranh cãi. Mọi vị giáo hoàng, kể cả từ những ngày đầu, đều bị chỉ trích. Điều khác duy nhất là trong thời đại truyền thông xã hội này, thì các chỉ trích nghe lớn tiếng hơn và phát đi nhanh hơn mà thôi.

Tuy nhiên, nếu chỉ để mô tả mà thôi, thì công bằng mà nói, vì Đức Phanxicô là nhà lãnh đạo linh hoạt và hiện diện nhất, nên ngài vừa gọi hứng vừa làm thất kinh ở một mức sâu xa hơn cả. Điều ấy rất có thể chỉ là cái giá phải trả cho việc thi hành nhiệm vụ, nhưng cũng là một sự kiện sống hiện nay khi vị giáo hoàng không chỉ là tác nhân của sự hợp nhất, mà đồng thời cũng gần như là cái cột thu lôi.

Những việc chưa hoàn tất

Cải tổ tài chánh

Đức Phanxicô được bầu làm giáo hoàng vào tháng Ba năm 2013, với một sứ mệnh cải tổ, và ngài bắt đầu với cuộc cải tổ toàn diện các cơ cấu tài chánh của Tòa Thánh, nhằm phát huy một bầu khí trong sáng và có trách nhiệm mới mẻ. Tuy nhiên, các cơ cấu này mau chóng bị vướng vào nhiều cuộc tranh chấp hành chánh nội bộ, và cho đến nay, chưa hoàn toàn thực hiện được các lời hứa hẹn lúc ban đầu.

Bốn năm qua đi, ba mảng chủ chốt sau đây vẫn còn đang thiếu:

- Một báo cáo tài chánh đáng tin hàng năm vượt quá việc chỉ liệt kê thu nhập và mất mát, cho thấy bức tranh tổng thể về các tài sản Vatican hiện kiểm soát và các tài sản đã được sử dụng.
- Một cuộc thanh lý hàng năm có ý nghĩa, hoặc do một thanh lý viên ở bên ngoài hoặc do một chức vụ mới của Tòa Thánh gọi là Tổng Thánh Lý Viên tiến hành, một cuộc thanh lý nhằm qui kết trách nhiệm thực sự.
- Các vụ truy tố và kết án đối với các tội phạm tài chánh dưới luật lệ mới từng được ban hành dưới thời Đức Bênêđictô XVI và Đức Phanxicô. Cho đến nay, ít nhất đã có 40 vụ như thế được gửi tới các công tố viên của Vatican, nhưng chưa có hình phạt nào đã được đưa ra, một điều mà các quan sát viên tin là cần thiết để thuyết phục mọi người rằng hệ thống quả có răng.

Các vụ tai tiếng lạm dụng tình dục

Khởi đầu, Đức Phanxicô gây nhiều tin tưởng nơi các nạn nhân bị các giáo sĩ lạm dụng tình dục và các người bệnh vực họ vì ngài cam kết sẽ thi hành chính sách “tuyệt đối không dung túng” (zero tolerance) và xem ra ngài sẽ thi hành chính sách này khi lập ra Ủy Ban Giáo Hoàng Bảo Vệ Vị Thành Niên do Đức Hồng Y Sean O'Malley của Boston cầm đầu.

Tuy nhiên, với thời gian qua đi, niềm tin trên bắt đầu lung lay. Một phần, do một vài biện pháp bị coi là không nhạy cảm đối với các nạn nhân bị lạm dụng, như bổ nhiệm một giám mục ở Chile từng có lịch sử bệnh vực một linh mục nổi tiếng lạm dụng tình dục ở đây. Một phần cũng do một số biện pháp cải tổ như đã hứa hẹn nhưng chậm đem ra thực hành, như guồng máy mới nhằm áp đặt kỷ luật lên các giám mục không xử lý đúng các đơn khiếu nại bị lạm dụng.

Mới đây, người sống sót duy nhất phục vụ trong tư cách thành viên hoạt động của ủy ban giáo hoàng chống lạm dụng, Marie Collins của Ái Nhĩ Lan, đã từ chức vì thất vọng đối với điều được bà mô tả như là kinh công của hệ thống hành chánh Giáo Triều trước việc làm của Ủy Ban.

Phụ nữ

Đức Phanxicô nhiều lần tuyên bố rằng ngài muốn thăng tiến vai trò phụ nữ trong Giáo Hội Công Giáo, cả tại Vatican lẫn tại các hoạt trường khác nơi thẩm quyền được thừa hành và tài lãnh đạo được triển khai. Tuy nhiên, cho đến nay, ngài có một phương thức không cân xứng để làm cho việc này xảy ra.

Thực vậy, cho tới nay, ngài vẫn chưa bổ nhiệm một phụ nữ nào lãnh đạo một cơ quan quan trọng của Tòa Thánh, và đã bỏ lỡ một số cơ hội khá hiển nhiên ở một số bộ phận khác. Khi ngài cho thiết lập Hội Đồng Kinh Tế, ra dấu lần đầu tiên rằng hàng ngũ giáo dân sẽ phục vụ như những người hoàn toàn bình đẳng với các Hồng Y trong cơ chế ra quyết định mới này, ngài cũng chỉ cử nhiệm các giáo dân nam giới mà thôi; một việc khiến nhiều người thắc mắc không biết có phải ngài không tìm được một nhà chuyên nghiệp nữ nào về tài chánh hay không.

Đức Phanxicô cũng đã loại bỏ ý niệm linh mục phụ nữ và nói chung tỏ ra hoài nghi đối với các mưu toan muốn “giáo sĩ hóa” phụ nữ.

Nhưng ngài chưa cho biết đâu là chiến lược phi giáo sĩ hóa phụ nữ hữu hiệu nhằm thăng tiến vai trò phụ nữ trong một Giáo Hội đã từ lâu vốn dành quyền lực cho bậc sống giáo sĩ. Phải chăng nay đã đến lúc, ngài nghĩ tới chuyện này.

Đức Phanxicô: nạn nhân tin vọt và giải thích sai

(Ngày 17/03/2017)

Sau bốn năm ở ngôi giáo hoàng, Đức Phanxicô được rất nhiều người ái mộ nhưng không thiếu người chỉ trích. Đến nay, người ta biết rõ ai là người ủng hộ và ai là người chỉ trích ngài, không phải trên thế giới nói chung, mà còn cả trong thế giới Kitô Giáo nữa. Đường ranh hình như đã được rạch rõ nét. Đọc các báo chí Công Giáo nói tiếng Anh, người ta thấy điều ấy. Trong số các báo chí này, tờ Crux được coi là quân bình hơn cả: có khen, có chê, cố gắng hết sức trong chủ trương nói hết sự thật của họ.

Nhân dịp kỷ niệm 4 năm ở ngôi vị giáo hoàng của ngài, trước sức tấn công như vũ bão của một số tờ báo Công Giáo cực hữu, tờ này cho biết ngài bị giải thích sai nhiều điều và còn bị tung cả tin vọt nữa.

Những trái bom chấn động

Ký giả John Allen, trong một bài tựa là “Rules of thumb for processing the latest papal bombshell” (Luật ngón tay để xử lý trái bom chấn động mới nhất của Đức Giáo Hoàng), cho rằng Đức Giáo Hoàng Phanxicô có “khả năng bắt tận đưa ra những câu nói ngắn (soundbites) rất đáng nhớ đối với truyền thông”.

Thực vậy, trong bốn năm qua, ít nhất ngài đã nói 5 câu “bất hủ” sau đây được người ta trích dẫn đi trích dẫn lại không biết bao nhiêu lần cả bởi những người ủng hộ lẫn những người chỉ trích ngài:

- “Tôi là ai mà dám phê phán?” – trên đường từ Ba Tây bay về Rôma, tháng Bảy, 2013, trong bối cảnh nói tới người đồng tính.
- “Thiên Chúa không phải là một người Công Giáo” – được nhà báo Ý Eugenio Scalfari gán cho ngài trong cuộc đàm đạo hồi tháng Chín năm 2013.
- “Nếu [một người bạn thân] nói một câu chửi thề với mẹ tôi, chắc chắn anh ta sẽ nhận được một cú đấm vào mũi” – trên máy bay từ Sri Lanka tới Philippines hồi tháng Giêng năm 2015, để trả lời một câu hỏi về cuộc tấn công tại tòa soạn của tờ Charlie Hebdo ở Paris.
- “Người Công Giáo không cần đề như thỏ” – trên đường trở lại Rôma hồi tháng Giêng năm 2015, trong bối cảnh một câu hỏi về kiểm soát sinh đẻ.
- “Phần nhiều các cuộc hôn nhân ngày nay bất thành” – phát biểu tại một hội nghị mục vụ về gia đình tại giáo phận Rôma hồi tháng Sáu năm 2016, sau đó, được Vatican sửa lại là “một số”.

Vừa nghe những trái bom chấn động trên, các “học giả” và bình luận gia thi nhau giải thích đủ điều.

Có điều đúng nhưng phần lớn sai. Để tránh sai lầm, theo Allen, người ta cần những qui luật tối thiểu sau đây:

Thứ nhất, bất kể các câu nói ấy “kêu” như thế nào, rõ ràng chúng không phải là các phát biểu chính thức của thẩm quyền giáo huấn của Đức Giáo Hoàng. Nếu Đức Phanxicô muốn tuyên bố một tín điều mới có tính bắt buộc đối với lương tâm Công Giáo, thì ngài biết ngài phải làm ra sao, chứ một câu nói buột miệng (zinger) trong một cuộc họp báo không phải là cách này.

Dĩ nhiên, nói như thế không có nghĩa coi thường bất cứ điều gì Đức Giáo Hoàng phát biểu trong các khung cảnh bất chính thức như trên. Ngài là giáo hoàng, nên lời lẽ của ngài luôn đáng được tiếp nhận một cách kính trọng. Tuy nhiên, ý kiến của ngài đối với các cuộc tấn công ở tòa soạn Charlie Hebdo hiển nhiên không có cùng tư thế như các tuyên xưng trong kinh Tin Kính về Ba Ngôi hay về Chúa Kitô.

Ngay từ đầu, phát ngôn viên Tòa Thánh lúc đó, là Cha Federico Lombardi, nói rằng chúng ta đang đối diện với một văn thể khác trong ngôn từ giáo hoàng, một văn thể phóng khoáng, tự phát, không được hiệu đính bởi một nhóm thần học gia, nên ta phải thích ứng lối giải thích của ta theo đó. Điều này nay vẫn còn đúng.

Thứ hai, điều quan trọng cần nhớ là những câu nói ngắn trên không luôn luôn nắm được các ưu tiên của Đức Giáo Hoàng. Chúng thường xuất hiện để trả lời các câu hỏi người khác hỏi ngài, chứ không phải là những điều ngài tự ý nói ra.

Nếu bạn muốn hiểu điều gì thực sự thúc đẩy Đức Phanxicô, thì tốt hơn nên đọc những cuộc đàm đạo chính ngài khởi diễn ở ngôi thứ nhất: các thông điệp và các văn kiện khác, hay các bài diễn văn trong các cuộc tông du và tụ tập được ngài coi trọng, như Cuộc Gặp Gỡ Thế Giới Các Phong Trào Bình Dân mà chính ngài đã thành lập 3 năm trước.

Dù những câu ngắn ăn khách trên có thể vẽ ra hình ảnh Đức Phanxicô theo quan điểm truyền thông, nhưng đó không phải là điều ngài coi như trọng tâm của triều đại ngài.

Thứ ba, điều cốt yếu là đặt các phát biểu trên vào bối cảnh của chúng mới hiểu được thực ra Đức Giáo Hoàng muốn nói gì.

Như câu phát biểu “đẻ như thỏ”, chẳng hạn, thoạt đầu được một số giới coi như một bước thụt lùi đối với chính sách chống lại việc ngừa thai nhân tạo, nhưng trong ngữ cảnh của nó, Đức Giáo Hoàng muốn nói tới việc Kế Hoạch Hóa Gia Đình cách tự nhiên và một số chiến lược khác được Giáo Hội nhìn nhận trong điều Đức Phanxicô gọi là “làm cha mẹ có trách nhiệm”.

Tiểu thay, nghề truyền thông thường chỉ thích thổi phồng mấy câu gây chấn động hơn là cung cấp bối cảnh thích đáng của chúng.

Lẽ dĩ nhiên, một số người chỉ trích Đức Phanxicô không hài lòng với việc này. Họ khư khư cho rằng ngài nên có kỷ luật hơn và thực thi một chút tự chủ nào đó. Trái lại, những người ái mộ ngài thì khoái chí đối với lối ăn nói thả dãn của ngài và không muốn ai đặt giới hạn gì đối với ngài cả.

Tin vịt

Nữ Ký Giả Inés San Martín, trong bài “Here’s a thought: If it’s fake or implausible, don’t share it” (Đây là một ý nghĩ: nếu là tin vịt hay vô lý, đừng chia sẻ nó), cho rằng Đức Giáo Hoàng Phanxicô là nạn nhân của nhiều tin vịt (fake news).

Mà tin vịt động trời mới đây cho rằng ngài đang mưu toan thay đổi Mười Điều Răn! Thực thế, tin này cho rằng ngài muốn viết lại điều răn thứ tư để bao gồm cả các trẻ em được các cha mẹ đồng tính dương dục, và loại bỏ điều răn thứ bảy để cho phép việc ngoại tình và các liên hệ đồng tính.

Theo tin vịt được đăng trên tờ *Real News Right Now* bởi một “nhà báo” có tên R. Hobbus J.D., Đức Giáo Hoàng cũng dự tính sẽ thêm hai điều răn mới, một để ngăn cấm công nghệ di truyền (genetic engineering) và việc tiêu thụ các thực phẩm biến đổi di truyền (genetically modified food). Điều răn thứ hai ngăn cấm việc thần tượng hóa cá nhân, gọi việc chụp hình tự sướng (selfies) là “sự kinh tởm dưới con mắt Chúa”.

Đầu năm nay, một tin vịt khác cũng đã được tung ra nói rằng Đức Phanxicô lên tiếng kêu gọi kết hợp Hồi Giáo và Kitô Giáo và tin này được loan đi nhanh hơn cả vi khuẩn với đủ lời trích cho là của ngài: “Giêsu Kitô, Môhamét, Giêhôva, Alla. Tất cả đều là các tên được dùng để mô tả một thực thể rõ ràng chỉ là một cùng khắp thế giới. Trong nhiều thế kỷ, máu đã đổ ra vô ích vì ý muốn phân rẽ các tín ngưỡng của chúng ta”.

Người ta còn cho rằng ngài nói thêm: “chúng ta có thể thực hiện những điều lạ lùng trên thế giới bằng cách kết hợp các tín ngưỡng của chúng ta, và thời giờ cho động thái này chính là lúc này đây”.

Khó có thể xác định nguồn gốc của tin vịt trên vì có nhiều dịch bản khác nhau về nó từ năm 2015, xáo nhúng câu trích dẫn đã bị Vatican liên tiếp bác bỏ.

Tuy chỉ đáng đăng trên các trang mạng hài hước như *The Onion* hoặc *Eye of the Tiber*, nhưng các chuyện này được cả truyền thông chính dòng đăng tải, một là vì có những người tin thật rằng Đức Giáo Hoàng có thể làm những điều trên, hai là vì câu truyện như thế này quá hấp dẫn phải đăng ngay kéo trễ.

Ngài từng là nạn nhân của tin vịt ngay từ đầu triều giáo hoàng khi vô vàn câu nói và cả các vần thơ được gán cho ngài trên Facebook, Twitter và WhatsApp.

Mấy tuần trước đây, một trương mục Twitter tên là *Ecuador Mundial* cho hay Đức Giáo Hoàng nói về cuộc tuyển cử toàn quốc mới đây như sau: “khi các ông chọn một tổng thống giàu có, ông ta sẽ muốn tiếp tục như thế khiến các ông cứ thế mà nghèo, [thành thử] đừng bao giờ làm thế”.

Lời tuyên bố trên được hót lại (retweeted) tới 214 lần và được hàng ngàn trương mục đón xem với tổng số 90,000 người theo dõi. Họ chẳng hề bận tâm rằng Đức Giáo Hoàng chưa bao giờ nói thế.

Rồi còn có lời nhắn được lặp đi lặp lại trên WhatsApp cho rằng Đức Giáo Hoàng Phanxicô đang nằm trong bệnh viện, mà nào chuyện này có bao giờ xảy ra. Một tin nhắn khác cho hay ngài yêu cầu một ngày ăn chay và cầu nguyện cho Syria. Chuyện này, như mọi người được biết, ngài từng làm, nhưng làm năm 2013 rồi!

Inés Martin cho hay: gia đình và bè bạn của cô chuyển tiếp nhiều tin vịt như thế cho Cô, dường như làm ngỡ cô là người theo dõi tin tức sát nút về Đức Giáo Hoàng để kiếm sống mà có bao giờ nhận được những tin tức như thế đâu! Có thì cô đã chuyển cho họ rồi. Và lại, họ chuyển tới cô không phải để hỏi: “chuyện này có thực không?” mà như để thông tri một sự kiện có thật: “Đức Giáo Hoàng đang ở trong bệnh viện. Hãy cầu nguyện cho ngài”.

Hãy mọi người còn nhớ, nhân mùa bầu cử tổng thống ở Hoa Kỳ năm 2016, người ta đã tung tin vịt Đức Phanxicô hô hào bỏ phiếu cho cả hai ứng cử viên Trump lẫn Clinton. Những tin vịt như thế Tòa Thánh khỏi cần đính chính vì nó quá ư vô lý. Nhưng không thiếu các “chuyên sĩ” Công Giáo “giúp phổ biến” rộng rãi trong vòng bạn bè thân thuộc, không cần tìm hiểu xem nguồn của những tin vịt này ở đâu.

Những tin vịt như thế không thể nào “sống sót” nếu người nghe cho là quá phi lý đến không thể chia sẻ với bạn bè người thân.

Đức Phanxicô dưới con mắt Cha Cự Bề Trên Cả Dòng Tên

(Ngày 14/05/2017)

Cha Adolfo Nicolás, SJ, cự Bề Trên Cả Dòng Tên, vừa viết lại, trên ấn phẩm Mensajero của Dòng Tên Tây Ban Nha, các cuộc đàm đạo của ngài với Đức Phanxicô, sau khi vị này được bầu làm giáo hoàng, giáo hoàng thứ nhất của Dòng Tên.

Ai cũng biết Cha Nicolás và Đức Phanxicô có sợi dây nối kết chặt chẽ ngay từ đầu, khi đức tân giáo hoàng tìm cách thiết lập mối liên hệ làm việc gần gũi với dòng của ngài sau nhiều thập niên nghỉ ngơi và lạnh nhạt.

Trong một giai thoại được loan truyền nhanh chóng tại Rôma trong các ngày đầu tiên của triều giáo hoàng mới, Đức Phanxicô trực tiếp gọi điện thoại cho Cha Nicolás một ngày sau khi được bầu, khiến thầy canh điện thoại ở trụ sở chính của Dòng Tên ở Rôma “mắc nỡm”, phát ra câu nói “để đời”: “nếu ông là Giáo Hoàng thì tôi là Napoleon!”

Sau khi đôi bên nói chuyện với nhau, Đức Phanxicô hứa sẽ gọi lại để hẹn một cuộc gặp mặt nhau. Trong một giai thoại đáng lưu ý đối với các nhà chép sử về ngôi vị giáo hoàng, khi gọi lại vào Chúa Nhật sau đó, Đức Phanxicô nói với Cha Nicolás rằng: “Cha hãy tới Nhà Thánh Marta đi vì ngày mai tôi sẽ dọn vào Tông Phủ rồi, vì ở đây, tôi có nhiều tự do hơn”. Nói cách khác, theo Cha Nicolás, “quyết định ở lại Nhà Thánh Marta đã được đưa ra vào phút chót”.

Điều trên xác nhận nhiều truyện kể cho rằng chỉ sau khi tới Tông Phủ và nhìn thấy nó, một dãy phòng vô tận, phòng này dẫn tới phòng kia, Đức Phanxicô mới quyết định ở lại nhà khách thân thiện và cởi mở hơn.

Cha Nicolás rất ngạc nhiên trước thái độ của Đức Phanxicô: ngài biết rõ người ta nhận định về ngài ra sao và chỉ trích ngài như thế nào. Có một lần ngài nói với cha: “Người ta chỉ trích tôi, thứ nhất, vì tôi không ăn nói như một giáo hoàng, và thứ hai, vì tôi không hành xử như một ông vua”.

Cha Nicolás cho rằng, trong bối cảnh linh đạo Inhã, “đối với tôi điều hiển nhiên là những chỉ trích như thế không hề làm ngài bận tâm”.

Các tu sĩ Dòng Tên nổi tiếng là những người khấn hứa từ khước chức vụ cao và các đề bạt trong Giáo Hội. Phần chủ yếu của tuần lễ thứ hai trong Linh Thao của Thánh Inhã là “bày ra trong trí khôn” cung cách Satan cám dỗ các môn đệ của Chúa Kitô bằng “giàu có, vinh dự và kiêu hãnh”.

Cha cự bề trên cả nhận xét khiến người ta ngạc nhiên rằng theo cách nhìn của Đức Phanxicô điều thế giới hiện đang cần là “nhiều khôn ngoan, ít tín điều hơn, và nhiều ý nghĩa nói chung hơn để sống và hy vọng”.

Quan điểm trên, theo Cha Nicolás, phát sinh từ việc Đức Phanxicô đọc thấy sự tương tự giữa việc thời nay thiếu đức tin và việc mất đức tin thời dân Do Thái bị đầy ải, lúc truyền thống khôn ngoan thắng thế truyền thống tiên tri.

Về việc cải tổ Giáo Triều, Cha Nicolás nhận xét rằng Đức Phanxicô muốn tiến hành “theo cung cách Tin Mừng hơn cả, điều mà ngài có khả năng” và cuộc cải tổ này “phải liên hệ tới tính khả tín của Giáo Hội” một điều “đụng tới khí lực truyền giáo cực kỳ quan trọng đối với ngài”.

Nói cách khác, mục đích cuộc cải tổ Giáo Triều là loại bỏ các trở ngại đối với nhiệm vụ truyền giáo và rao giảng Tin Mừng, hơn là một mục tiêu ngay trong nó.

Các bài diễn văn Giáng Sinh của ngài với Giáo Triều, theo Cha Nicolás, “là lời kêu gọi mọi người sống phù hợp hơn với Tin Mừng”, không “tránh né và viện cớ” mà phần lớn chúng ta vốn triển khai.

Cha bề trên cả và Đức Giáo Hoàng đã dành nhiều thì giờ bàn luận tới chức linh mục; cha xác nhận rằng đối với Đức Phanxicô, việc hồi tâm mục vụ là ưu tiên chính của hàng giáo sĩ.

Cha Nicolás liệt kê những điều mà đối với Đức Phanxicô vốn không thuộc chức linh mục: một đẳng cấp ưu đãi, một nguồn phúc lợi kinh tế, một nghề nghiệp, một phương thế đạt quyền hành trên người khác v.v... Đồng thời nhấn mạnh tới điều vốn thuộc chức linh mục: linh mục là người “mà lo lắng chính” là sự đau khổ của người khác, và làm cách nào giảm thiểu nó; linh mục là người tiếp xúc với đời người, một tiếp xúc phải được phản ánh trong các suy nghĩ và lối sống của ngài, v.v...

Để trả lời các chỉ trích thường nghe được từ các giáo sĩ cho rằng Đức Giáo Hoàng không quý trọng các vị vì ngài có bao giờ khen các vị đâu, Cha Nicolás cho rằng thay vào đó, các vị nên biết ơn ngài vì ngài đã nhận diện rõ ràng các cơn cám dỗ chỉ tạo nên xa cách và thậm hại nơi các vị mà thôi.

Về câu hỏi Đức Phanxicô còn làm giáo hoàng bao lâu nữa, Cha Nicolás cho hay cha không có câu trả lời và cả Đức Phanxicô cũng không. Cha cho hay: “Suy nghĩ của Đức Giáo Hoàng khá linh động tùy theo sự biện phân của ngài về tình trạng của Giáo Hội”.

Khi cha, người cùng tuổi với Đức Giáo Hoàng, nói với ngài về ý định từ chức bề trên cả, Đức Phanxicô nói với cha: “chính tôi đang nghĩ tới việc nghiêm túc bước theo thách thức của Đức Bênêđictô”.

Nhưng rồi, mấy tháng sau, lúc phải đương đầu với một số đề kháng chống lại các cải tổ của ngài, Đức Phanxicô lại nói với cha: “Tôi xin Chúa nhân lành nhận lấy tôi khi các thay đổi đã thành bất phản hồi”. Nói cách khác, theo Cha Nicolas “phó thác chúng ta trong bàn tay Thiên Chúa”.

Cha Nicolás cho chúng ta một giai thoại lý thú. Ngài kể lại rằng lúc còn là Hồng Y tổng giám mục Buenos Aires, Đức Phanxicô có nghe kể: tại một cuộc cử hành phụng vụ trong nhiệt độ dưới zero ở thủ đô Bosnia là Sarajevo, “một ai đó đã chuyển đi một ly rượu mạnh nhỏ” giúp cho buổi phụng vụ diễn tiến ấm áp và vui tươi.

Cha cho hay: khi được bầu làm giáo hoàng, Đức Phanxicô “không chậm trễ đã cử người đó làm Trưởng Bộ Thí của Tòa Thánh và khích lệ vị này tới sống tại Rôma để gần gũi hơn với người nghèo”.

Cha Cự Bề Trên Cả hẳn có ý nói tới vị trưởng bộ thí của Đức Phanxicô, Đức Tổng Giám Mục Konrad Krajewski, người Ba Lan, được Đức Phanxicô cử nhiệm hồi tháng Tám năm 2013. Nhưng thực ra “Don Corrado”, như người ta thường gọi ngài, vốn sống ở Rôma, làm Trưởng Nghi từ năm 1999.

Đức Phanxicô, Ông Trump và nền đạo đức học nhất quán về sự sống (Ngày 15/05/2017)

Trong những ngày Ông Trump còn đang tranh cử chức tổng thống Hoa Kỳ, giáo sư Charles C. Camosy của Đại Học Fordham về môn Đạo Đức Thần Học và Xã Hội, đã viết một loạt bài bình luận so sánh nền đạo đức học nhất quán về sự sống của Đức Phanxicô và nền văn hóa vứt bỏ mà lúc ấy ông Trump bị coi là đại biểu.

Nhân dịp hai vị sắp sửa gặp nhau tại Vatican, chúng tôi xin trình bày các nhận định của vị giáo sư này.

Gốc rễ nền đạo đức học nhất quán về sự sống của Đức Phanxicô

Đức Phanxicô được coi là vị giáo hoàng nhất quán về đạo đức học sự sống. Dĩ nhiên, nền tảng của đạo đức học này là Thánh Kinh và Thánh Truyền. Riêng tại Hoa Kỳ, người đầu tiên đem nó ra trình

bày với công chúng một cách đầy sáng tạo chính là Đức Hồng Y Joseph Bernardin của Chicago.

Thực vậy, các giám mục Hoa Kỳ lúc đó bầu Đức Hồng Y Bernardin làm chủ tịch Ủy Ban Phò Sự Sống. Còn Đại Học Fordham thì mời ngài tới Thành Phố New York để đọc bài diễn văn Gannon năm 1983. Ngài đã thỏa mãn lời mời này với bài diễn văn nổi tiếng tựa là *A Consistent Ethic of Life: an American-Catholic Dialogue* (Đạo Đức Học Nhất Quán về Sự Sống: Cuộc Đối Thoại Hoa Kỳ - Công Giáo).

Bài diễn văn trên nổi tiếng đến nỗi ngày hôm sau, New York Times cho chạy hàng tit lớn: “Bernardin Yêu Cầu Người Công Giáo Đấu Tranh Cả Vũ Khí Hạch Nhân Lẫn Nạn Phá Thai” và mô tả Đức Hồng Y như người đã mở màn “một cuộc tấn công rộng lớn vào hàng loạt vấn đề có liên quan tới ‘tính thánh thiêng của sự sống’, trong đó, có vũ khí hạch nhân, phá thai, và án tử hình”.

Bài báo trên kích động nhiều phản ứng và quan tâm cao độ, khiến Đức Hồng Y Bernardin dành nhiều thì giờ hơn nữa để đào sâu nền đạo đức học nhất quán về sự sống. Nhờ thế, cuối cùng, ngài đã nối kết các vấn đề như nghèo khó, an tử, di truyền học, chăm sóc sức khỏe và khiêu dâm vào đạo đức học.

Dù ngài nói rõ: ta không nên che phủ nhiều sự khác nhau có thật giữa các vấn đề được ngài nối kết với nhau như trên, ngài vẫn đã chứng minh được các đặc điểm chung rất đáng lưu ý của chúng và mời gọi chúng ta lý luận một cách nhất quán khi đề cập tới các vấn đề này. Ngài cho rằng, những ai dấn thân vào lý lẽ và tính chân chính đều phải từ khước việc bàn đến các vấn đề cá thể trên một cách *ad hoc* (chỉ chuyên về nó), tách rời nó một cách giả tạo ra khỏi các mối tương quan của nó với các vấn đề khác.

Nền đạo đức học nhất quán về sự sống cũng bị chỉ trích, phần lớn chung quanh vấn đề phá thai. Một số người ở phe tả chính trị chỉ trích nó vì, một cách thiếu phê phán, nó đã gộp chung các vấn đề công bằng xã hội vào việc hạn chế quyền phá thai. Trong khi ấy, một số người thuộc cánh hữu chính trị chỉ trích nó vì đã không coi trọng việc hàng triệu sinh mạng bị nạn phá thai lấy đi như đối với những vấn đề ít quan trọng hơn khác.

Tuy nhiên, chống lại các chỉ trích trên, “Kế Hoạch Mục Vụ Dành Cho Các Sinh Hoạt Phò Sự Sống” của các giám mục Hoa Kỳ minh nhiên lấy “Nền Đạo Đức Học Nhất Quán Về Sự Sống” làm khuôn khổ trung tâm của nó. Trích dẫn Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, các giám mục quả quyết rằng “ở đâu sự sống có liên quan, ở đây việc phục vụ bác ái phải nhất quán một cách sâu xa. Nó không thể khoan thứ cho thành kiến và kỳ thị, vì sự sống con người là thánh thiêng và bất khả xâm phạm ở mọi giai đoạn và trong mọi hoàn cảnh; nó là một thiện ích bất khả phân chia. Như thế, chúng ta cần phải tỏ lòng chăm sóc đối với mọi sự sống và sự sống của mọi người”.

Bất cứ ai đã đọc thông điệp *Tin Mừng Sự Sống* (Evangelium Vitae) năm 1995 của Đức Gioan Phaolô II, hẳn không thể không nhìn ra nền đạo đức học nhất quán của ngài về sự sống.

Khi bệnh vực phẩm giá cố hữu của sự sống con người, nhất là khi sự sống này yếu ớt và không ai bảo vệ, Đức Gioan Phaolô II lưu ý người ta không những tới “các tai ương nghèo khó, đói khát, bệnh tật, bạo lực và chiến tranh xưa cũ” mà cả “các đe dọa mới đang xuất hiện trên quy mô lớn lao đáng ngại”. Bảng liệt kê càng dài hơn khi Đức Giáo Hoàng cùng với Công Đồng Vatican II “mạnh mẽ kết án” các thực hành “chống lại chính sự sống”:

“Bất cứ loại sát nhân, diệt chủng, phá thai, trợ tử hay tự hủy hoại mình nào, bất cứ điều gì vi phạm tính toàn vẹn của con người nhân bản, như làm què quặt, các hành hạ đối với thân xác hay tinh thần, các mưu toan cưỡng bức ý chí người ta; bất cứ điều gì xâm phạm tới nhân phẩm, như các điều kiện sống phi nhân, việc giam cầm độc đoán, trục xuất, nô dịch, đĩ điếm, mua bán phụ nữ và trẻ em; cũng như các điều kiện làm việc phũ phàng, trong đó, con người bị đối xử chỉ như các dụng cụ để kiếm lời chứ không phải như những ngôi vị tự do và có trách nhiệm; tất cả những điều này và những điều khác tương tự như chúng đều quả là những điều ô nhục. Chúng chuốc độc xã hội con người, và gây hại cho những người thực hành chúng nhiều hơn cho những người bị chúng gây thương tích”.

Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI cũng phản ánh cùng những quan điểm như vị tiền nhiệm của ngài. Trong *Caritas in Veritate* (Đức Ái trong Sự Thật), ngài chống lại sự phân biệt giả tạo giữa các vấn đề “phò sự sống” và “công bằng xã hội”. Phá thai, an tử, và việc dùng và diệt bào thai để nghiên cứu phải được nhìn qua khuôn khổ công bằng xã hội, y hệt như chủ nghĩa tư bản hoàn cầu, các quan tâm sinh thái, và nghèo khó phải được nhìn qua khuôn khổ sự sống.

Chẳng hạn, dù Đức Bênêđictô XVI đưa ra lời kêu gọi có tính khai phá phải quan tâm hơn nữa tới sinh thái trong *Caritas in Veritate*, vì nền đạo đức học nhất quán về sự sống, nhưng ngài từ khước việc cô lập hóa mỗi quan tâm này khỏi điều ngài gọi là “sinh thái nhân bản”:

“Nếu thiếu lòng tôn trọng đối với quyền sống và quyền chết tự nhiên, nếu việc thụ thai, mang thai và sinh ra của con người được làm một cách nhân tạo, nếu các bào thai người bị hy sinh cho nghiên cứu, thì lương tâm xã hội kết cục sẽ đánh mất ý niệm sinh thái nhân bản và, cùng với nó, là ý niệm sinh thái môi trường... Nhiệm vụ của ta đối với môi trường được liên kết với các nhiệm vụ của ta đối với con người nhân bản, được xem xét ngay trong họ hay trong tương quan với người khác. Ta sẽ làm lần nếu chủ trương tuân giữ một số nhiệm vụ trong khi chà đạp một số nhiệm vụ khác”.

Thành thử, dù Đức Hồng Y Bernardin làm cho nền đạo đức học nhất quán về sự sống trở thành nổi tiếng, nhưng lực đẩy chính của ngài cũng chỉ là việc mạnh mẽ bảo vệ giáo huấn của Giáo Hội Công Giáo. Và mặc dù các Đức Gioan Phaolô II và Bênêđictô XVI đặt nền tảng vững chắc cho nền đạo đức học nhất quán, nhưng các ngài vẫn để chỗ để ta góp phần làm nó lớn lên.

Điều đáng mừng là Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã tiếp nối con đường của hai vị tiền nhiệm. Khẳng định điều các ngài dạy trong các vấn đề sự sống, ngài đã đẩy xa hơn nữa truyền thống đạo đức học nhất quán. Thiên nghĩ, thuật ngữ “nền văn hóa vứt bỏ” có sức mạnh rất lớn trong khả năng nói chuyện với thế hệ mới.

Nền đạo đức học nhất quán về sự sống dưới thời Đức Phanxicô

Camosy cho rằng các người bảo thủ và cấp tiến thế tục đã thay phiên nhau ca ngợi hoặc tố cáo Đức Giáo Hoàng Phanxicô như một người cấp tiến. Nhưng lập trường của ngài về các vấn đề luân lý nóng bỏng theo chân rất sát Nền Đạo Đức Học Nhất Quán về Sự Sống của các vị tiền nhiệm.

Đoạn văn đẹp đẽ sau đây của *Laudato Si'* đủ nói lên điều trên:

"Văn hóa duy tương đối cũng là một vô trật tự y như thế khi nó khiến người này lợi dụng người nọ, đối xử với nhau như những đồ vật không hơn không kém, buộc họ phải khổ sai lao động hay bắt họ làm nô lệ để trừ nợ. Loại suy nghĩ y như thế đang dẫn tới việc bóc lột tình dục trẻ em và bỏ rơi người có tuổi không còn phục vụ quyền lợi của ta nữa. Đây cũng là nỗi trạng của những người nói rằng: ta hãy để cho các lực lượng vô hình của thị trường điều hòa nền kinh tế, và coi tác động của chúng đối với xã hội và thiên nhiên như những thiệt hại phụ thuộc. Thiếu vắng các chân lý khách quan hay các nguyên tắc đúng đắn thay cho việc thỏa mãn các thèm muốn và nhu cầu tức khắc của riêng chúng ta, thì đâu là các giới hạn có thể đặt lên việc mua bán người, tội ác có tổ chức, buôn bán ma túy, và thương mại kim cương gây đổ máu (blood diamonds) và lông các loài thú đang có nguy cơ diệt chủng? Điều này há không y hệt như thứ luận lý học duy tương đối chuyên biện mình cho việc mua bán các bộ phận của người nghèo để bán lại hay sử dụng trong thí nghiệm, hay loại bỏ các trẻ em vì chúng không phải là điều cha mẹ các em mong muốn? Cũng chính cùng một thứ luận lý học “dùng rồi vứt bỏ” này đã sản xuất ra không biết bao nhiêu đồ phế thải, vì ý muốn vô trật tự muốn tiêu thụ nhiều hơn là thực sự cần thiết”.

Một số người có thể ngạc nhiên khi thấy phá thai được dành cho một chỗ nổi bật trong danh sách này, vì nhiều người vẫn cho rằng Đức Giáo Hoàng Phanxicô từng yêu cầu chúng ta không nên quá bàn tới chủ đề này. Ấn tượng này có thể phát xuất từ một cuộc phỏng vấn độc quyền mà Đức Giáo Hoàng đã dành cho một ấn phẩm Dòng Tên năm 2013 (Tập San America ở Hoa Kỳ), trong đó, ngài nói:

“Ta không thể chỉ nhấn mạnh tới các vấn đề liên quan tới phá thai, hôn nhân đồng tính và việc sử dụng các phương pháp ngừa thai. Việc này không thể. Tôi vốn không nói nhiều về các vấn đề này, và vì thế tôi đã bị chỉ trích. Nhưng khi nói tới các vấn đề này, chúng ta phải nói tới chúng trong bối cảnh của chúng”.

Trái với những gì được tường trình, Đức Phanxicô đã không nói với người Công Giáo phải ngưng việc nói tới phá thai. Đúng hơn, ngài đã cùng với các vị tiền nhiệm nhấn mạnh rằng phá thai phải được hiểu trong bối cảnh cam kết đối với các vấn đề khác về sự sống.

Thực vậy, ngay ngày hôm sau, Đức Phanxicô đã sử dụng một ngôn từ rất mạnh để lên án phá thai trong một diễn văn trước một số bác sĩ sản và nhi khoa ở Rôma. Giới truyền thông đã không có cùng một sự chú ý khi Đức Phanxicô nói rằng: “mọi trẻ em chưa sinh ra, dù bị bất công kết án phải trục thai, đều có khuôn mặt của Thiên Chúa”. Một cách đầy ý nghĩa, khi ngài cho rằng phá thai là sản phẩm của “não trạng kiểm soát rất phổ thông, ‘thứ văn hóa vứt bỏ’ mà hiện nay đang nô dịch tâm trí của rất nhiều người”.

‘Nền văn hóa vứt bỏ’ là thuật ngữ hàng đầu trong nền đạo đức học nhất quán của Đức Phanxicô về sự sống. Ngài diễn tả nó như là “não trạng trong đó mọi sự đều có một cái giá, mọi sự đều có thể mua, mọi sự đều có thể thương lượng được. Lối suy nghĩ này chỉ dành chỗ cho một số ít người ưu tuyển, trong khi vứt đi tất cả những ai không có năng xuất”.

Nó giảm thiểu mọi sự, kể cả con người, chỉ còn là sự vật mà giá trị hệ ở việc mua, bán, dùng, và vứt đi khi giá thị trường của chúng đã hết.

Giá trị cố hữu, bất khả giảm thiểu của những hữu thể nhân bản ‘không hữu hiệu’ và ‘trở thành gánh nặng’ đơn giản bị làm ngơ bởi nền văn hóa vứt bỏ, một nền văn hóa coi những giá trị như thế là đồ bất tiện. Khi giảm thiểu con người nhân bản chỉ còn là sản phẩm trên thị trường, một sản phẩm có thể được dùng rồi vứt bỏ, nền văn hóa của ta đã phạm một sai lầm tuyệt đối. Con người là một cứu cánh ngay trong họ, với một giá trị cố hữu và bất giảm thiểu, và không bao giờ bị vứt bỏ như rác rưởi.

Tính bạo động minh nhiên, chết người của nền văn hóa vứt bỏ bị Đức Giáo Hoàng Phanxicô chống đối bao gồm các thực hành bạo lực theo nghĩa cổ điển như chiến tranh, diệt chủng, khủng bố và án tử hình. Nhưng ngài còn nghĩ các thực hành như phá thai (vứt bỏ đứa trẻ như vật bất tiện) và an tử (đối xử với người có tuổi như một gánh nặng cần phải vứt bỏ) cũng là thành phần của cùng một thứ văn hóa bạo lực giết người này.

Đức Phanxicô cũng tập chú đặc biệt vào điều bạo lực gây ra cho người phạm tội. Trong diễn văn của ngài trước Quốc Hội Hoa Kỳ, ngài nói rằng khi liên tiếp tái sử dụng bạo lực, ta liệu mình trở thành các tù nhân, bị chính các thói quen của ta vây hãm. Đức Phanxicô cũng cảnh cáo chúng ta rằng cách tốt nhất trở thành những tên sát nhân và độc tài là bắt chước các thực hành đầy bạo lực của những người này.

Nhưng nền đạo đức học nhất quán về sự sống không chỉ quan tâm tới bạo lực minh nhiên dưới hình thức giết chóc, mà còn quan tâm tới bạo lực cơ cấu hiện diện trong cung cách chúng ta sắp xếp các xã hội của chúng ta. Đối với Đức Phanxicô và các vị tiền nhiệm của ngài, tôn trọng sự sống không thể đơn giản chỉ là việc chống cự lại bạo lực gây hấn của nền văn hóa vứt bỏ, mà còn cả các cơ cấu xã hội của nó nữa.

Đức Phanxicô nhấn mạnh rằng giới răn như “chớ giết người” rõ ràng có thể áp dụng vào điều ngài gọi là “kinh tế loại trừ” trong nền văn hóa của ta. Như ngài đã viết trong *Niềm Vui Tin Mừng* “một nền kinh tế như thế đang giết người”.

Hơn nữa, thứ loại trừ khiến Đức Phanxicô quan tâm sâu xa thường thường là kết quả của các thực hành vô ý thức dẫn tới việc một số loại người trở thành “những người bị loại bỏ” hay “phế thải”.

Đức Phanxicô đặc biệt chỉ trích “các lý thuyết phát triển kinh tế nhỏ giọt từ trên xuống”. Các lý thuyết này coi con người nhân linh như những thứ đồ vật có thể làm ngơ và vứt đi nếu là cản trở thuần đối với sự phát triển này. Người vô gia cư chết còng; đứa trẻ không được chăm sóc y tế thỏa đáng chết vì chứng bệnh có thể chữa được một cách dễ dàng; những dân tộc ở đảo bị đe dọa bởi khí hậu thay đổi, những người như thế chỉ là những ý nghĩ muộn màng đến sau sự việc (afterthoughts) trong điều ngài gọi là “hoàn cầu hóa lòng dừng dừng”.

Phẩm giá của những con người dễ bị thương tổn trên hoàn toàn là thứ bất tiện đối với những người trong chúng ta vốn được lợi nhờ nền văn hóa tiêu thụ hoàn cầu, thành ra, chúng ta làm ngơ người nghèo và người bị hắt hủi cho tới lúc ta hết còn cảm giác gì đối với tiếng kêu than của họ. Tính tối thượng của con người nhân bản bị thay thế bởi lòng mê tiền, điều mà ở Santa Cruz, Bolivia, ngài gọi là “phân thối của ma quỷ”; luận lý học của phát triển kinh tế đạt tới chỗ thống trị tuyệt đối, bất kể ai bị vứt bỏ trong diễn trình này.

Trên đây chỉ là một vài nét chấm phá của nền đạo đức học nhất quán về sự sống. Khó có thể nắm bắt mọi khía cạnh của nền đạo đức học này trong một bài báo.

Nền đạo đức học nhất quán về sự sống và nền văn hóa bạo lực tính dục của những người như ứng cử viên Trump

Bạo lực tính dục vốn được triết lộ trong cuốn video của Ông Trump lúc đang tranh cử. Trong đóng góp cuối cùng này, Giáo Sư Charles Camosy khảo sát vấn đề bạo lực và thỏa mãn tính dục như là triệu chứng của nền văn hóa vứt bỏ bị Đức Phanxicô lên án.

Giáo Sư Camosy cho rằng dù chủ đề này đúng lúc vì các tin tức liên quan đến các thói quen tính dục của Ông Donald Trump, nhưng nhiều người cho là lạ khi nền đạo đức học nhất quán về sự sống lại chú tâm đến nền văn hóa tính dục của ta. Nhưng quả thực nền văn hóa này là một phần của nền văn hóa vứt bỏ bị Đức Phanxicô cực lực lên án.

Ta nên nhớ Đức Phanxicô đặc biệt quan tâm tới thứ bạo lực “đối xử với người khác như các đồ vật” như ngài đã viết trong *Laudato Si'*, vì thứ bạo lực này từ chối việc nhìn nhận các hữu thể nhân bản như có giá trị nội tại khiến không thể bị giản lược thành đồ vật.

Điều mà đôi khi ta gọi là nền văn hóa “hook-up” (chấp nhận và khuyến khích các cuộc làm tình bừa bãi chỉ để hưởng lạc, bất cần gắn bó xúc cảm hay cam kết lâu dài), một thứ văn hóa rất thịnh hành trong âm nhạc, phim ảnh và các phương tiện truyền thông hiện đại, đã đặt tiền đề của nó trên loại bạo lực này. Chỉ cần nhìn thoáng qua trang mạng “Texts from Last Night” (một hiện tượng văn hóa có tới hơn 4 triệu người theo dõi trên Twitter), ta sẽ thấy rõ nền văn hóa này.

Đây là “bản văn” đầu tiên trong một ngày kia của họ: “Chick in class has 69 tattooed on the back of her neck. Target acquired” (Con gà mái trong lớp có dấu 69 xăm sau gáy. Mục tiêu đạt được).

Người ta khó lòng tìm được một điển hình tốt hơn về thái độ vốn lên đặc điểm cho nền văn hóa “hook-up”. Bản văn này không những nói tới người phụ nữ bằng một ngôn từ hạ cấp, mà còn sử dụng một hình ảnh cổ điển vẫn bị coi là bạo lực để nói lên thêm thường của người gửi muốn được “hook up” với nàng.

Đức Giáo Hoàng Phanxicô vốn than phiền rằng nền văn hóa tính dục của ta đã trở nên thành phần của nền văn hóa vứt bỏ nói chung. Trong *Niềm Vui Yêu Thương*, ngài nhận định rằng chúng ta đã tách mình ra khỏi giá trị của mọi sự đến nỗi mọi sự đều trở nên có thể vứt bỏ được, kể cả những con người trong các mối liên hệ thân mật nhất. Và ngài có lý khi than phiền như thế, đặc biệt khi xét đến các hậu quả nặng nề nhất trong bạo lực của nền văn hóa “hook up”.

Vị trí nổi bật của rượu trong cuộc “hook up”, cùng với việc phi nhân hóa người đối tác, thường dẫn tới bạo lực tính dục. Đôi khi bạo lực này mang hình thức áp chế tính dục đối với người kháng cự. Tuy

nhiên, thông thường hơn, nó bao gồm những âm mưu có tính toán của kẻ phạm tội nhằm chuốc cho “mục tiêu” uống đủ say để họ dễ bề “đạt được”.

Vì thế, phần lớn những cuộc làm tình trong nền văn hóa “hook up” thực ra là hiếp dâm. Việc mãi dâm cũng thế, bị Đức Phanxicô coi là hình thức nô lệ hiện đại, một “thứ dịch trên thân thể nhân loại hiện thời”.

Việc sử dụng thân xác một người khác để chiếm hữu hay thỏa mãn tính dục một khi đã thành điều có thể chấp nhận được về phương diện xã hội, và nhất là khi nó được cổ vũ và trân quý nhân danh tự do và giải phóng tính dục, thì khó có thể nói được một cách chính xác tại sao điển hình A xấu, nhưng điển hình B lại chấp nhận được, và điển hình C còn có thể tốt là đằng khác.

Với những đường ranh mờ nhạt trên, cộng với việc tôn trọng tính dục như là điều thuộc lãnh vực tự lập tư riêng, thì việc ta tách mình ra khỏi các nạn nhân của bạo lực tính dục và “đứng ngoài giường người ta” sẽ trở thành điều dễ dàng hơn.

Nền đạo đức học nhất quán về sự sống đòi phải có một nền văn hóa tính dục ngược lại, không bác bỏ những cuộc gặp gỡ chân chính, nhưng chống lại những cuộc gặp gỡ bị thống trị bởi việc vì nỗi trạng duy tiêu thụ, người ta quá chú trọng tới tự lập, tư riêng, chiếm hữu và sử dụng thân xác người khác.

Ai cũng biết, bất chấp nỗi trạng tiêu cực trên, Ông Trump vẫn đã thắng cuộc để chễm chệ ngôi vào ghế Tổng Thống Hoa Kỳ. Hy vọng cuộc gặp gỡ với người chủ đạo nền đạo đức học nhất quán về sự sống sẽ góp phần làm xoay chiều từ từ một trong những đứa con của nền văn hóa vứt bỏ, coi người khác chỉ là đồ vật để sử dụng và khi không còn sử dụng được nữa thì vứt bỏ không thương tiếc.

Hai ngày trước khi Tổng Thống Trump gặp Đức Phanxicô: các vấn đề để đồng ý và bất đồng

(Ngày 22/05/2017)

Cuộc gặp gỡ giữa Tổng Thống Trump và Đức Giáo Hoàng Phanxicô, theo nhà báo John Allen, không đơn giản là một cuộc gặp gỡ giữa những người mà các vấn đề bất đồng và đồng ý đã được vạch ra rõ ràng.

Thực vậy, theo nhà báo trên, khi phân tích tới chi tiết, thì sự việc giữa hai vị trở nên càng lúc càng phức tạp hơn. Về phía Đức Phanxicô chẳng hạn, giống như các vị giáo hoàng khác, ngài thường nói tới những huấn dụ luân lý cao quý, chứ không hẳn các chính sách chi tiết, khiến phát sinh nhiều lối giải thích khác nhau. Thí dụ, về vấn đề di dân, tuy khẩn khoản xin người ta bắc cầu chứ không xây tường, ngài vẫn cho rằng các quốc gia có quyền bảo vệ biên giới của họ, thành thử, người ta vẫn có thể tìm ra cách giao hòa hai chủ trương trái ngược nhau này.

Còn về phía Tổng Thống Trump, ông tự khen mình là người mềm dẻo, nhưng các nhà phê bình thì cho là ông bất nhất chứ không hẳn mềm dẻo. Lập trường của chính phủ ông đối với một số vấn đề xem ra còn đang diễn biến, chuyển mình giữa những lời hoa hòe hoa xói và các chính sách thực sự của ông mà đôi khi hiểu được cũng là điều khó khăn.

Kết quả: khi ta đặt chúng dưới kính hiển vi, những điều xem ra bất đồng có thể trở thành không hẳn tuyệt đối đến thế, và cũng vậy, những điều xem ra đồng thuận bắt đầu được làm rõ manh mối.

Hơn nữa, cuộc gặp gỡ giữa Đức Phanxicô và Ông Trump diễn ra vào thời điểm chính phủ Trump đã nhận ra họ không thể thi hành nhanh chóng một số phương diện trong nghị trình của họ vốn làm Đức Phanxicô lo ngại.

Họ đã tạm hoãn việc bác bỏ hiệp định Paris về thay đổi khí hậu. Họ cũng buộc phải duyệt lại việc chi

tiêu của Liên Bang sau khi phần lớn các chi tiêu này bị Quốc Hội bác bỏ, và, ít nhất là cho tới nay, vẫn chưa có ngân khoản để Ông Trump xây bức tường biên giới.

Dưới góc độ trên, Đức Phanxicô và đội ngũ của ngài có thể có cơ hội ảnh hưởng tới đường lối của chính phủ Trump, thay vì phải trực diện với hàng loạt các sự kiện đã rồi.

Tuy nhiên, theo John Allen, sau đây là một số vấn đề có thể xuất hiện trong cuộc gặp gỡ văn vôi của hai vị:

1. Di dân

Trên bình diện quy ước, Đức Phanxicô và Ông Trump đại diện cho hai cực đối lập nhau trong cuộc tranh luận về di dân. Đức Giáo Hoàng được coi như nhà lãnh đạo thân thiện nhất với di dân trên thế giới, trong khi Ông Trump bị coi như người thù nghịch nhất đối với các đối tượng này.

Tuy nhiên, nếu đi vào chi tiết, đã có nhiều phát triển ở cả hai phía, cho thấy ít nhất cũng có những khía cạnh có thể lấy khỏi cuộc đụng độ.

Về phía Đức Giáo Hoàng, trong cuộc họp báo sau cuộc tông du Thụy Điển hồi tháng Mười năm ngoái, ngài đã lên đặc điểm cho lập trường khái quát của ngài về di dân và tỵ nạn bằng một chút cảm thức thực tiễn như sau:

Dịp ấy, ngài cho biết: “Các nhà cai trị cũng phải thực thi sự khôn ngoan. Họ nên coi mở nhiều đối với việc tiếp nhận [di dân và tỵ nạn], nhưng họ cũng nên tính toán phương cách định cư những người này, vì người tỵ nạn không những phải được nghinh đón mà còn phải được hội nhập nữa. Thí dụ, nếu một nước chỉ có khả năng hội nhập 20 người, thì họ chỉ nên nhận bằng ấy thôi. Nếu một nước khác có khả năng hơn, họ hãy nhận nhiều hơn”.

Về phía ông Trump, ông tiếp tục nhấn mạnh tới kế hoạch xây bức tường dọc biên giới Mỹ Mễ của ông, nhưng hiện nay, không có ngân khoản cho việc này trong dự luật ngân sách 2017. Đảng Dân Chủ thì sẽ ngăn chặn nó, thậm chí một số dân biểu Cộng Hòa cũng tỏ ra hoài nghi đối với nó. Và lại, hình như Ông Trump muốn nối kết việc xây tường này với việc Mễ phải đóng góp cho nó, nhưng tổng thống nước này vốn bác bỏ ý tưởng này.

Do đó, ông Trump đến gặp Đức Giáo Hoàng hôm thứ Tư này không phải là người đang xây bức tường, trong khi Đức Giáo Hoàng thì đưa ra một lập trường phần nào đã được thực tiễn hóa căn cứ theo khả năng của từng quốc gia cá thể.

2. Thay đổi khí hậu

Đức Giáo Hoàng Phanxicô là nhà lãnh đạo tinh thần của phong trào hoàn cầu đòi có hành động chống lại việc thay đổi khí hậu, sau khi là vị giáo hoàng đầu tiên trong lịch sử dành hẳn một thông điệp để chuyên bàn về vấn đề này năm 2015, tựa là *Laudato Si'*.

Đức Phanxicô là nguồn cảm hứng chính của thỏa hiệp Paris về thay đổi khí hậu, một thỏa hiệp mà Ông Trump cho biết sẽ bãi bỏ, dù chính phủ của ông mới đây đình hoãn quyết định này cho tới sau Hội Nghị Thượng Đỉnh G7 sắp sửa khai mạc, một điều khiến ông đang rên rỉ đường tới Ý.

Ông Trump nhiều lần lên tiếng tỏ vẻ hoài nghi đối với việc hâm nóng hoàn cầu, gọi nó là “một trò đánh lừa rất đắt tiền” nhưng các chính sách của ông về vấn đề này khá mềm dẻo. Ngoại Trưởng Rex Tillerson, chẳng hạn, mới đây vừa ký văn kiện có tên là “Tuyên Bố Fairbanks”, coi việc thay đổi khí hậu là một “đe dọa nghiêm trọng” đối với Bắc Cực, và kêu gọi phải có hành động để giảm thiểu các hậu quả gây hại của nó.

Trong cuộc điều trần để được xác nhận việc bổ nhiệm, Ông Tillerson cho biết: trước đây, trong tư

cách một nhà khoa học và là một kỹ sư, ông vốn kết luận rằng “mối nguy thay đổi khí hậu là việc có thật” và “phải có hành động ngay” dù ông tỏ ra thận trọng đối với các hệ luận của niềm tin này.

Tuy nhiên, người ta phải chờ xem đâu là các bước kế tiếp trong cách tiếp cận của chính phủ Trump, nhưng sự kiện chưa có những quyết định chắc chắn và nhanh chóng ít nhất cũng tạo cơ hội để Đức Phanxicô thực hành một thuyết phục luân lý nào đó đối với vị thượng khách của ngài vào thứ Tư này.

3. Các cố gắng chống nghèo đói

Khi Đức Phanxicô bắt đầu triều giáo hoàng của ngài, ngài mô tả giấc mơ của ngài là lãnh đạo “một Giáo Hội nghèo cho người nghèo”.

Khắp trên thế giới, ngài được biết như là quán quân của những người bị chà đạp và khổ rách áo ôm. Thành thử, khó có thể tưởng tượng được việc ngài vui vẻ khi thấy các động thái ban đầu của chính phủ Trump trong các cố gắng chống nghèo đói của họ.

Trong dự luật ngân sách đầu tiên được ông Trump đệ trình Quốc Hội, ông dự trù loại bỏ các trợ cấp chăm sóc y tế cho người có thu nhập thấp, bãi bỏ Các Trợ Khoản Phát Triển Cộng Đồng, loại bỏ việc tài trợ chương trình Medicaid cho Puerto Rico, và cắt giảm việc cấp ngân khoản cho các chương trình chuẩn bị Cao Đẳng cho người nghèo như TRIO và GEAR UP.

Đã đành, phần lớn các đề nghị trên đã bị bác bỏ trong một thỏa thuận lưỡng đảng nhằm tránh việc đóng cửa các cơ quan chính phủ, vốn bị coi như một thua cuộc lớn của chính phủ. Tuy nhiên, có tường trình cho rằng các dân biểu Cộng Hòa đang xem xét nhiều cắt giảm mới đối với các chương trình lưới an toàn (safety-net) như tem phiếu thực phẩm, trợ cấp xã hội, phụ cấp thu nhập cho người khuyết tật và có thể cả phúc lợi của cựu chiến binh, trong cố gắng giảm thiểu hụt ngân sách Liên Bang.

Điều trên cộng với 880 tỷ cắt giảm Medicaid nhờ bãi bỏ Đạo Luật Chăm Sóc Y Tế của Obama. Các nhà phê bình cho rằng những cắt giảm ấy đè nặng một cách bất cân xứng lên người nghèo Hoa Kỳ.

4. Tự do tôn giáo

Đức Giáo Hoàng Phanxicô là người cổ vũ tự do tôn giáo, trong đó, có quyền phản đối lương tâm dựa trên xác tín tôn giáo, điều được ngài coi là “nhân quyền nền tảng”. Khi tới thăm Hoa Kỳ hồi tháng Chín, năm 2015, ngài gọi tự do tôn giáo là “một trong các sở hữu quý giá nhất của Hoa Kỳ”.

Ngài nói: “Và, như các hiền huynh của tôi, các giám mục Hoa Kỳ, vốn nhắc nhở chúng ta, mọi người được mời gọi thận trọng trong việc duy trì và bảo vệ quyền tự do này khỏi mọi điều có thể đe dọa hay gây hại cho nó”.

Vì thế, Đức Phanxicô và các phụ tá của ngài chắc chắn có nhiều nhận định tích cực để nói tới lệnh hành pháp gần đây về các vấn đề tự do tôn giáo của Ông Trump, nhất là lời đoan hứa sẽ bãi bỏ chỉ thị ngửa mặt do chính phủ Obama áp đặt trước đây như một phần trong cuộc cải tổ hệ thống chăm sóc y tế của Hoa Kỳ.

Trong cùng cuộc tông du Hoa Kỳ nói trên, Đức Phanxicô đã bắt gặp tới thăm cộng đoàn các Tiểu Muội Người Nghèo, rõ ràng để yểm trợ họ trong cuộc đấu tranh chống lại chỉ thị trên.

Tuy nhiên, cả ở đây, các chính sách thực sự của chính phủ cũng không cùng nhịp với lời nói của tổng thống. Không lâu trước khi Ông Trump đoan hứa sẽ loại bỏ chỉ thị, các luật sư của Bộ Tư Pháp xin thêm thì giờ để họ đệ trình các giải thích nhằm bênh vực nó, thành thử điều này khiến người ta không biết đường nào mà mò đối với các ý định thực sự của chính phủ Trump.

Đàng khác, còn có nhiều khía cạnh trong lệnh hành pháp cho thấy Ông Trump không hẳn hài lòng,

trong đó, có việc bãi bỏ Tu Chính Án Johnson ngăn cấm các Giáo Hội không được ủng hộ các ứng cử viên chính trị.

Đức Phanxicô nhiều lần cho hay: ngài sẽ không để mình liên lụy vào nền chính trị phe phái, và từng thúc giục hàng giáo sĩ phải xa lánh nó, nên bất cứ biện pháp nào xem ra có thể làm mờ đường ranh này chắc chắn không phải là điều ngài muốn.

5. Các vấn đề phò sự sống

So với chính phủ của Tổng thống Obama, Ông Trump cho đến nay đã được các nhà lãnh đạo phò sự sống nhìn bằng con mắt thuận lợi hơn nhiều, cho dù một số người vẫn tiếp tục nuôi dưỡng một mức độ nghi ngờ nào đó về sự chân thành trong cam kết của ông.

Ví dụ, hồi tháng Giêng chỉ mấy ngày sau khi nhậm chức, ông Trump đã phục hồi "Chính sách Thành phố Mexico" ngăn cấm việc Hoa Kỳ cấp ngân khoản cho các tổ chức phi chính phủ thực hiện hoặc cổ vũ các vụ phá thai thông qua các quỹ kế hoạch hóa gia đình.

Gần đây chính phủ đã mở rộng chính sách đó, áp dụng nó vào các hình thức viện trợ nước ngoài khác như hỗ trợ y tế toàn cầu.

Vào tháng Tư, Ông Trump đã bổ nhiệm Charmaine Yoest, người từng giữ chức Chủ tịch và Giám đốc điều hành của American United for Life (AUL), làm trợ lý bộ trưởng phụ trách các vấn đề công vụ, cũng như Teresa Manning, cựu vận động hành lang với Ủy ban Quyền sống Quốc gia (NRLC) làm phó trợ lý bộ trưởng phụ trách các vấn đề dân số. Cả hai động thái đều được các nhà lãnh đạo phò sự sống hoan nghênh.

Tương tự như vậy, việc bổ nhiệm Neil Gorsuch vào Tòa án tối cao Hoa Kỳ được coi như một chiến thắng cho lập trường phò sự sống, một phần dựa trên tuyên bố của ông này trong một cuốn sách năm 2006 rằng "không hề có cơ sở hiến pháp nào để người ta chuộng quyền tự do của người mẹ hơn sự sống của đứa con".

Đức Giáo Hoàng Phanxicô, hiển nhiên, cam kết sâu sắc đối với chính nghĩa phò sự sống, vì ngài vốn định nghĩa phá thai như một tội ác "khủng khiếp", và thường liệt kê những đứa trẻ chưa sinh vào số những nạn nhân của điều ngài gọi là "nền văn hoá vứt bỏ".

Nếu có sự khác biệt giữa hai vị này trong mặt trận phò sự sống, thì chỉ là trong giọng điệu hơn là thực chất. Việc ủng hộ của Ông Trump dường như hay phát xuất từ khuôn khổ văn hóa giao chiến, trong khi Đức Phanxicô có xu hướng là người của đối thoại nhiều hơn. Tuy nhiên, sự tương phản này có lẽ không ngăn được vị giáo hoàng đánh giá cao lập trường của chính phủ Hoa Kỳ trong lãnh vực này.

6. Các Kitô hữu bị bách hại

Ứng cử viên Trump thề sẽ làm cho việc bảo vệ các Kitô hữu bị bách hại ở Trung Đông trở thành một ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ, trong khi đó Đức Giáo Hoàng Phanxicô nhiều lần bày tỏ sự âu lo của ngài đối với số phận các Kitô hữu trong vùng. Do đó, trên nguyên tắc, đây hẳn là một khu vực mà hai nhà lãnh đạo có thể tìm thấy cơ sở chung.

Tuy nhiên, có hai nếp nhăn có thể làm phức tạp cho bức tranh.

Thứ nhất, như đã nói, các chính sách của chính phủ là một bức tranh đang chuyển động, chịu ảnh hưởng một phần bởi thực tế chính trị.

Ví dụ, phiên bản ban đầu của lệnh hành pháp gây tranh cãi của Ông Trump về người tị nạn đáng lẽ đã dành việc đối xử ưu tiên cho các nạn nhân bị bách hại tôn giáo ở Trung Đông. Phiên bản này có lẽ là khía cạnh duy nhất được Đức Phanxicô ủng hộ. Tuy nhiên, vì bị chống đối mạnh mẽ, yếu tố trên đã bị huỷ bỏ.

Vấn đề thứ hai là Ông Trump và Đức Phanxicô có thể có những viễn kiến khác nhau về ý nghĩa của việc bảo vệ các Kitô hữu bị bách hại.

Xin đơn cử một ví dụ, tháng Tư, Ông Trump đã đảo ngược chính sách đối với Syria, khi cho phép bán 59 hỏa tiễn Tomahawk vào căn cứ không quân do chính phủ Syria kiểm soát sau khi có báo cáo cho rằng Tổng thống Bashar al-Assad đã sử dụng vũ khí hóa học. Nói chung, hiện nay, Ông Trump dường như có xu hướng sẽ sử dụng đòn bẩy của Mỹ để cô buộc Assad phải ra đi.

Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo Kitô giáo ở nước này rất nghi ngờ các cố gắng như thế, sợ rằng bất cứ điều gì xảy ra sau thời Ông Assad sẽ tệ hơn nhiều cho các các nhóm thiểu số tôn giáo của đất nước này.

Đức Phanxicô có thể cho rằng việc bảo vệ các Kitô hữu bao gồm cả việc lưu ý tới các quan tâm của họ khi soạn thảo chính sách đối ngoại và các quyết định quân sự. Không hoàn toàn rõ ràng, ít nhất vào lúc này, liệu Ông Trump và chính phủ của ông có lưu ý tới thông điệp này hay không.

Đức Phanxicô tiếp kiến Tổng Thống Trump

(Ngày 24/05/2017)

Căn cứ vào nét mặt của Đức Phanxicô lúc đầu và lúc cuối trong cuộc gặp gỡ với Tổng Thống Trump, đi từ căng thẳng tới mỉm cười thoải mái, ai cũng hiểu là ngài đã qua cánh cửa hé mở nào đó của ông Trump để lên vào nói chuyện rồi bước ra “hài lòng”.

Tường trình chính thức

Thấy Ông Trump đi bằng cửa sau để vào tông điện, dùng thang máy “chật cứng” để lên lầu rồi từ đó băng qua khá nhiều chiếc cửa để vào thư phòng của Đức Phanxicô; chưa hết, đến cửa thư phòng, Ông còn được ra dấu ngừng lại, để Đức Tổng Giám Mục Ganswein soát xem bên trong đã sẵn sàng chưa, rồi mới mời Ông Trump tiến vào, ai cũng cho rằng hội kiến riêng với vị chủ chăn của hơn một tỷ người Công Giáo không phải là chuyện dễ dàng.

Ông Trump bằng lòng như thế và coi đây là một vinh dự. Ông nói thể với cả Đức Phanxicô lẫn Tổng Thống Ý và những ai theo dõi chương mục Twitter của ông. Như thế, ta có thể kết luận, cả ông cũng lên được vào cánh cửa hé mở nào đó của Đức Phanxicô để nói chuyện rồi bước ra hài lòng. Vì trên đường tới thư phòng của Đức Phanxicô, ông khá căng thẳng, chỉ nghe Đức Tổng Giám Mục Ganswein nói mà không nói gì, nhưng lúc từ thư phòng Đức Phanxicô đi ra, ông còn dừng lại nói chuyện “vui vẻ” với hai vị giáo phẩm dường như cấp không cao, ít nhất không cao bằng Đức Tổng Giám Mục Ganswein.

Không ai biết hai vị đã nói với nhau những gì mà “vui vẻ” thế, vì ngoài hai thông dịch viên ra, không ai khác nghe lỏm được câu chuyện của hai vị.

Văn Phòng Báo Chí Tòa Thánh là cơ quan chính thức trám được cái trống vắng ấy phần nào qua tuyên bố sau đây:

“Sáng nay, Thứ Tư ngày 24 tháng Năm năm 2017, Ngài Donald Trump, Tổng Thống Hiệp Chúng Quốc Mỹ Châu, đã được Đức Thánh Cha Phanxicô tiếp kiến riêng và sau đó hội kiến với Đức Hồng Y Quốc Vụ Khanh Pietro Parolin, người được tháp tùng bởi Đức Tổng Giám Mục Paul Richard Gallagher, Bộ Trưởng Liên Lạc Các Quốc Gia.

“Trong cuộc thảo luận thân ái, sự hài lòng đã được phát biểu đối với các mối liên hệ song phương tốt đẹp hiện nay giữa Tòa Thánh và Hiệp Chúng Quốc Mỹ Châu, cũng như cam kết chung ủng hộ sự sống, cùng tự do thờ phượng và tự do lương tâm. Hy vọng rằng sẽ có sự hợp tác thanh thân giữa Nhà

Nước và Giáo Hội Công Giáo tại Hiệp Chúng Quốc, dần thân phục vụ người ta trong các lãnh vực chăm sóc y tế, giáo dục và trợ giúp di dân.

“Các cuộc thảo luận sau đó đã giúp trao đổi quan điểm về nhiều thể tài khác nhau liên quan tới quốc tế sự vụ và việc cổ vũ hòa bình trên thế giới qua thương lượng chính trị và đối thoại liên tôn, đặc biệt lưu ý tới tình hình ở Trung Đông và việc bảo vệ các cộng đồng Kitô Giáo”.

Tường trình không chính thức

Phòng Báo Chí Tòa Thánh chỉ vồn vện có thể. Mà chắc chỉ có thể. Vì cuộc hội kiến chỉ kéo dài chưa đầy nửa tiếng đồng hồ. Nhưng đối với truyền thông có thể là quá dài, vì trong lúc đó, họ không biết phải làm gì, đành chiếu hình các bức bích họa trong Tông Điện và thỉnh thoảng cho thấy các chức sắc của Vatican đứng trò chuyện với các viên chức chính phủ Hoa Kỳ, nổi bật nhất có ngoại trưởng Tillerson và vợ chồng Kushner, con rể của Ông Trump.

Nói thể thôi, chứ truyền thông làm sao im lặng được, không có chuyện, họ còn bịa ra chuyện nữa là. Ít nhất họ cũng đem chuyện cũ ra để nói hoặc ghi nhận những chuyện bên lề hay bình luận. Daniel Burke của CNN, chẳng hạn, cho rằng chẳng dừng chân tại Vatican là một phần trong cuộc viếng thăm các tôn giáo thế giới (tour of world religions) của ông Trump. Và đây là “cuộc gặp gỡ mà hàng triệu người đang chờ đợi, một cuộc gặp gỡ giữa hai nhân cách gọi tò mò và phức tạp nhất trên thế giới: người thánh thiện mặc áo trắng giảng tin mừng cho người nghèo và doanh gia táo tợn mặc bộ đồ đen hiện thân cho sự hoang phí của Hoa Kỳ”.

Nói thể rồi, Burke chỉ còn biết nhắc lại câu chuyện năm xưa về bức tường, nhưng lần này, theo Burke, Cha Antonio Spadaro quả quyết “sẽ là một cuộc gặp gỡ không có bức tường”. Và chính Burke cũng cho rằng: “cả hai người xem ra không còn tha thiết chỉ trong việc tiếp tục cuộc va chạm nữa”. Quả thế, trước khi gặp Ông Trump, Đức Phanxicô cho rằng ngài sẽ cố tìm ra cánh cửa hé mở, bước vào “đàm đạo về những sự việc chung”, để tìm đồng thuận, dĩ nhiên! Còn Ông Trump, thì thứ Sáu vừa rồi cho hay ông mong được “vinh dự” gặp Đức Giáo Hoàng để thảo luận việc “các giáo huấn Kitô Giáo có thể đặt thế giới vào con đường công lý, tự do và hòa bình ra sao”.

Burke trích dẫn Massimo Faggioli, một giáo sư về lịch sử Đạo Công Giáo của Đại Học Villanova. Ông này nghĩ rằng giữa Ông Trump và Đức Phanxicô có nhiều điểm chung, nhất là việc hai người lên cầm quyền. Trump từng khánh kiệt sau mới ngai lên. Đức Phanxicô từng bị “cộng đồng Dòng Tên đầy biệt xử” trước khi được đề cử làm giám mục. Trump là người Mỹ đầu tiên không có kinh nghiệm chính trị hay quân sự nào nhưng lại đã chiếm được Tòa Bạch Ốc. Đức Phanxicô là người Châu Mỹ La Tinh đầu tiên làm giáo hoàng. Chính Ông Trump, năm 2013, khi nghe tin ngài được bầu làm giáo hoàng, đã hót rằng: “Tân giáo hoàng là một người khiêm hạ, rất giống tôi, điều này có lẽ giải thích được lý do tại sao tôi mến ngài!”.

Khiêm hạ hay không, nhưng cũng như Đức Phanxicô, Trump tự trình bày mình như tiếng nói của người không có tiếng nói, một kẻ thù của chủ nghĩa ưu tuyển (elitism) và là nhà tranh đấu cho những người bị chủ nghĩa hoàn cầu bỏ quên. Và nhất là: cả hai vị đều thích nói buông, gây khốn khổ cho các thuộc hạ!

Còn về đề đoán, Burke căn cứ vào cố vấn an ninh H.R. McMaster để cho rằng hai vị bàn tới tự do tôn giáo, hợp tác với Giáo Hội Công Giáo trong các sứ mệnh nhân đạo và chống bách hại tôn giáo và việc buôn người.

Stephanie Kirchgaessner của tờ The Guardian thì cho rằng theo ngoại trưởng Rex Tillerson, Ông Trump và Đức Phanxicô có một cuộc mạn đàm khá rộng rãi về các đe dọa khủng bố và việc cực đoan hóa người trẻ. Ngoại trưởng Tillerson cũng cho hay, khi nói chuyện trong 1 tiếng đồng hồ với Đức Hồng Y Quốc Vụ Khanh, ông Trump thảo luận nhiều về việc thay đổi khí hậu.

Còn theo Mark Lander và Jason Horowitz của New York Times, thì song song với việc Đức Phanxicô

tặng ông Trump bản thông điệp *Laudato Si'* về môi trường của ngài, Đức Hồng Y Parolin khẩn khoản yêu cầu Tổng Thống Trump đừng kéo Hiệp Chúng Quốc ra khỏi hiệp ước Paris về thay đổi khí hậu.

Cũng theo nguồn tin trên, Ông Trump nói với các vị chủ nhà ở Vatican rằng ông sẽ không có quyết định sau cùng trước khi trở lại Hoa Kỳ, dù một số người mong ông sẽ tuyên bố một quyết định gì đó tại Hội Nghị Thượng Đỉnh G7.

Theo hai ký giả trên, ngoại trưởng Tillerson nói với các nhà báo về cuộc trao đổi ở Vatican: “chúng tôi có cuộc trao đổi tốt đẹp về nỗi khó khăn phải cân bằng giữa vấn đề giải quyết việc thay đổi khí hậu, và vấn đề bảo đảm bạn vẫn có một nền kinh tế phồn thịnh và vẫn cung cấp công ăn việc làm cho người ta để họ có thể nuôi sống gia đình họ”.

Dĩ nhiên, hai vị nói tới các cố gắng vẫn hồi hòa bình trên thế giới. Điều này thấy rõ qua việc Đức Phanxicô tặng ông Trump bản Sứ Điệp Ngày Hòa Bình Thế Giới năm 2017 do chính ngài ký tên và ở món quà ngài tặng Ông: huy chương với hình cây ôliu. Còn ông Trump, sau này, trên Twitter, ông sẽ viết: “Rời Vatican, tôi quyết tâm hơn bao giờ hết theo đuổi hòa bình trong thế giới của chúng ta”.

Cũng theo hai ký giả trên, điều đáng lưu ý là trong phái đoàn của Ông Trump tới Vatican không có Stephen K. Bannon, trưởng chiến thuật gia của Ông Trump. Ông rời phái đoàn này trước khi họ tới Rôma. Dù là người Công Giáo, Ông Bannon vốn chỉ trích Đức Phanxicô theo xã hội chủ nghĩa, duy ưu tuyển (elitist) về hoàn cầu và cổ vũ việc di dân Hồi Giáo vào Âu Châu. Ông cũng ủng hộ việc rút chân ra khỏi hiệp ước Paris về thay đổi khí hậu.

Các ký giả Karen DeYoung, Philip Rucker và Anthony Faiola của Washington Post thì cho rằng theo Tòa Bạch Ốc, Ông Trump và Đức Phanxicô nói đến việc làm thế nào các cộng đồng tôn giáo có thể chống lại việc phải chịu đau khổ tại “các vùng gặp khủng hoảng” như Syria, Libya và các lãnh thổ do ISIS kiểm soát. Ông Trump nói với Đức Giáo Hoàng rằng hai quốc gia của họ có chung “khá nhiều giá trị nền tảng” như cổ vũ nhân quyền, chống nghèo đói hoàn cầu và bảo vệ tự do tôn giáo.

Đức Phanxicô, đối thoại liên tôn, vai trò phụ nữ và Wonder Woman

(Ngày 11/06/2017)

Ngày 9 tháng Sáu vừa qua, Hội Đồng Giáo Hoàng về Đối Thoại Liên Tôn đã tổ chức phiên họp toàn thể để bàn về các đóng góp của phụ nữ vào cuộc đối thoại liên tôn. Nhân dịp này, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã tới đọc một bài diễn văn, trong đó, ngài kêu gọi một “sự nhìn nhận lớn lao hơn khả năng của phụ nữ trong việc giáo dục tình huynh đệ phổ quát”.

Theo ngài, phụ nữ đóng vai trò chủ yếu trong cuộc đối thoại liên tôn vì họ là những nhà giáo dục đầy khả năng. Ngài cho rằng “Người đàn bà luôn ở trung tâm việc giáo dục gia đình, không chỉ là người mẹ mà thôi. Sự đóng góp của người đàn bà trong lãnh vực giáo dục là điều ta không thể nào đánh giá được”.

Ngài than phiền rằng “ngày nay, khuôn mặt người đàn bà như nhà giáo dục tình huynh đệ phổ quát đã bị lu mờ và thường không được nhìn nhận”. Ngài nhận xét rằng phụ nữ và trẻ em “quả ở trong số các nạn nhân thông thường nhất của bạo lực mù quáng”. Ấy thế nhưng cùng một lúc, “các phụ nữ thường là những người duy nhất đồng hành với người khác, nhất là những người yếu kém nhất trong gia đình và trong xã hội, các nạn nhân của tranh chấp, và những người phải chạm trán với các thách đố hàng ngày”.

Và sau cùng, ngài nói: “Phụ nữ dẫn thân, thường thường nhiều hơn nam giới vào lãnh vực liên tôn ở bình diện ‘đối thoại sự sống’”.

Sau đây là nguyên văn bài diễn văn của Đức Giáo Hoàng Phanxicô:

Các Hồng Y thân mến
Các hiền huynh giám mục thân mến,
Anh chị em thân mến,

Tôi hân hoan kính chào anh chị em và xin cảm ơn Đức Hồng Y Jean-Louis Tauran về lời chào kính ngài tỏ với tôi nhân danh anh chị em. Chúng ta gặp nhau vào cuối Phiên Hợp Toàn Thể của anh chị em, trong đó, anh chị em xem xét “Vai trò của phụ nữ trong việc giáo dục hướng tới tình huynh đệ phổ quát”.

Chắc chắn, đã có cuộc trao đổi hết sức phong phú về chủ đề này, một chủ đề quan trọng hàng đầu đối với con đường nhân loại dùng để đi tới tình huynh đệ và hòa bình, một con đường không nên bị coi là đương nhiên, cũng không thẳng thừng, nhưng đúng hơn, có nhiều khó khăn và trở ngại.

Chẳng may, ngày nay, ta thấy khuôn mặt người đàn bà như nhà giáo dục tình huynh đệ phổ quát đã bị lu mờ và thường không được nhìn nhận xiết bao, do rất nhiều chứng bệnh đang gây họa cho thế giới này, và những căn bệnh này ảnh hưởng tới phẩm giá và vai trò của phụ nữ cách riêng. Quả thực, các phụ nữ, và cả trẻ em nữa, đang ở trong số các nạn nhân thông thường nhất của bạo lực mù quáng. Nơi nào hận thù và bạo lực thắng thế, nơi ấy các gia đình và xã hội tan nát, không để cho phụ nữ, hiệp thông ý hướng và hành động với nam giới, thực thi sứ mệnh làm nhà giáo dục của họ một cách thanh thản và hữu hiệu.

Suy tư về chủ đề mà anh chị em đã suy xét, tôi muốn tập chú cách riêng vào ba khía cạnh: *quí trọng vai trò phụ nữ, giáo dục tình huynh đệ, và đối thoại*.

1. Quý trọng vai trò phụ nữ. Trong xã hội phức tạp ngày nay, có đặc điểm đa nguyên và hoàn cầu hóa, có việc cần phải nhìn nhận nhiều hơn khả năng của phụ nữ trong việc giáo dục tình huynh đệ phổ quát. Khi người phụ nữ có khả năng chuyển giao trọn vẹn các thiên bẩm của họ cho toàn thể cộng đồng, thì cung cách trong đó xã hội tự hiểu và tự tổ chức lấy mình sẽ được biến đổi theo hướng tích cực, đến độ có thể suy nghĩ tốt hơn về sự hợp nhất bản thể của gia đình nhân loại. Ở đây chứa đựng tiền đề có giá trị hơn cả để củng cố tình huynh đệ chân chính. Việc hiện diện đang gia tăng của phụ nữ trong đời sống xã hội, kinh tế và chính trị ở bình diện địa phương, quốc gia, và quốc tế, và trong bối cảnh Giáo Hội, do đó, là một diễn trình ích lợi. Phụ nữ có đầy đủ quyền được tích cực can dự vào mọi lãnh vực, và quyền của họ phải được khẳng định và che chở cả bằng các phương tiện luật pháp khi cần thiết.

Điều này có nghĩa: phải mở rộng chỗ cho sự hiện diện sâu sắc hơn của phụ nữ. Có rất nhiều phụ nữ, trong các vai trò họ thủ diễn trên căn bản hàng ngày, đôi khi can đảm một cách anh hùng, đã và đang tạo thành quả cho thiên tài của họ, cho các đặc điểm có giá trị của họ trong rất nhiều chuyên môn chuyên biệt đa dạng và có huấn luyện của họ, được nối kết với kinh nghiệm thực chất làm mẹ và làm nhà đào tạo của họ.

2. Giáo dục tình huynh đệ. Là các nhà giáo dục, phụ nữ có một ơn gọi đặc thù; họ có khả năng tạo ra và nuôi dưỡng các hình thức chấp nhận và tôn trọng nhau cách mới mẻ. Người đàn bà luôn luôn ở tâm điểm việc giáo dục gia đình, không chỉ là một người mẹ mà thôi. Sự đóng góp của phụ nữ trong lãnh vực giáo dục là điều ta không thể nào đánh giá được. Và giáo dục bao gồm nhiều hệ quả phong phú cả đối với chính người đàn bà, cách họ hiện hữu, lẫn đối với các mối liên hệ của họ, cách họ đối diện với sự sống con người và sự sống nói chung.

Tóm lại, mọi người, đàn ông cũng như đàn bà, đều được kêu gọi góp phần vào việc giáo dục tình huynh đệ phổ quát, một việc, xét cho cùng, chính là việc giáo dục hòa bình, giáo dục tính bổ túc cho nhau giữa các nhậy cảm và vai trò khác nhau. Do đó, được nối kết thân thiết với mẫu nhiệm sự sống, các phụ nữ có thể góp phần rất nhiều vào việc cổ vũ tình thân huynh đệ, qua sự kiện họ chăm sóc việc duy trì sự sống và xác tín của họ rằng tình yêu là sức mạnh duy nhất có thể biến thế giới thành nơi có thể cư ngụ cho mọi người.

Thực vậy, các phụ nữ thường là những người duy nhất đồng hành với người khác, nhất là những người yếu kém nhất trong gia đình và trong xã hội, các nạn nhân của tranh chấp, và những người phải đối diện với các thách đố hàng ngày. Nhờ các đóng góp của họ, việc giáo dục tình huynh đệ của họ, tự bản chất, có tính bao gồm và phát sinh ra các dây nối kết, sẽ thắng vượt được nền văn hóa vứt bỏ.

3. Đối thoại. Điều rõ ràng là việc giáo dục tình huynh đệ phổ quát, tức việc học tập để xây dựng các mối liên kết bằng hữu và tôn trọng, là điều quan trọng trong lãnh vực đối thoại liên tôn. Phụ nữ dân thân, thường thường nhiều hơn nam giới, vào lãnh vực liên tôn ở bình diện ‘đối thoại sự sống’, và nhờ cách này, họ đóng góp vào việc hiểu biết tốt hơn các thách đố tiêu biểu của sinh hoạt đa văn hóa. Nhưng phụ nữ cũng có thể hoàn toàn hội nhập vào các cuộc trao đổi ở bình diện trải nghiệm tôn giáo cũng như ở bình diện thần học. Nhiều phụ nữ rất được trang bị để đương đầu với các cuộc gặp gỡ đối thoại liên tôn ở các cấp cao nhất, và không phải chỉ ở phía Công Giáo mà thôi. Điều này có nghĩa: không được giới hạn sự đóng góp của phụ nữ vào các vấn đề “phụ nữ” hay các cuộc gặp gỡ giữa các phụ nữ mà thôi. Đối thoại là con đường mà cả đàn ông lẫn đàn bà đều cần phải cùng nhau theo đuổi. Hơn bao giờ hết, ngày nay, phụ nữ cần phải có mặt.

Vì có nhiều đặc điểm chuyên biệt, nên phụ nữ có thể cung hiến một nhập lượng quan trọng trong cuộc đối thoại, qua khả năng lắng nghe, chấp nhận, và cởi mở một cách quảng đại đối với người khác.

Tôi cảm ơn toàn thể anh chị em, các thành viên, cố vấn và người cộng tác với Hội Đồng Giáo Hoàng về Đối Thoại Liên tôn, vì anh chị em đã thực hiện được một sự phục vụ có giá trị. Tôi hy vọng anh chị em sẽ tiếp tục dệt nên tấm thảm đối thoại phức tạp với tất cả những ai tìm kiếm Thiên Chúa và mọi người thiện chí. Tôi khẩn cầu phúc lành dồi dào xuống trên anh chị em và tôi xin anh chị em vui lòng cầu nguyện cho tôi.

Wonder Woman

Như thế, Đức Phanxicô không chỉ nói đến vai trò phụ nữ trong các tôn giáo mà thôi mà là vai trò của họ trong thế giới nữa. Nhiều người, khi nói tới việc hạ giá phụ nữ, tự động chĩa mũi dùi vào tôn giáo, nhất là Công Giáo để tấn công.

Thực ra, họ nên hướng mũi dùi vào thế giới thế tục, nơi người phụ nữ chưa chắc đã đóng được trọn vẹn vai trò tích cực của họ. Thực vậy, song song với phiên họp khoáng đại của Hội Đồng Giáo Hoàng về Đối Thoại Liên Tôn, Tạp Chí Công Giáo America có viết một bài điểm cuốn phim “Wonder Woman” (Người Đàn Bà Kỳ Diệu).

Ký giả Meghan J. Clark của tạp chí trên nhận định rằng từ năm 2008, cả Marvel lẫn DC Comics đã tạo ra cả một vũ trụ phức tạp xoay quanh Các Người Trá Thủ (Avengers) và Liên Đoàn Công Lý (Justice League). Họ đã cho ra đời 19 cuốn phim hành động nhưng, cho tới cuối tuần qua, không một cuốn phim nào tập chú vào một siêu nhân phụ nữ cả. Lý do chính đưa ra là các cuốn phim về phụ nữ khó có thể có đủ khán giả để sinh lời.

Thực tế thì cuốn phim dài 2 giờ 21 phút, vào cuối tuần qua, đã thu được 233 triệu dollars khắp thế giới; “Wonder Woman” đã phá đổ sự dè dặt hiện hành.

Clark được coi cuốn phim trên trong một buổi chiếu riêng cho phụ nữ. Phim nói đến đất Themyscira, thuộc vùng Amazons nơi các người đàn bà đủ sức mạnh, không cần tới đàn ông bảo vệ. Khi hòn đảo của họ bị Đức tấn công trong Thế Chiến I, những người đàn bà này liên kết với nhau để bảo vệ quê hương. Khi Diana Prince (Người Đàn Bà Kỳ Diệu) lên đường thi hành sứ mệnh là giết chết Ares, Thần Chiến Tranh, người mà nàng tin đứng phía sau cuộc Đại Chiến, nàng đã bước vào thế giới loài người và thấy nó bị đàn ông thống trị. Người xem cảm thấy Diana khó chịu và rối trí khi đặt chân tới London, nơi người ta mong nàng ở yên và đứng ở một góc. Bất kể mình không thuộc cái phòng chiến tranh này ở London, nàng nhất định không chịu thính lạng, và bất ngờ thấy mình là người duy nhất ở trong phòng có khả năng đọc được mật mã của Đức.

Một số nhà phê bình than phiền rằng đạo diễn không cho Diana một nữ diễn viên phụ khi nàng rời Themyscira, nhưng Clark cho rằng đạo diễn cố tình như thế để gợi hứng cho các phụ nữ và các cô gái thời nay: không sợ một mình đi vào không gian đàn ông.

Clark cho rằng là một thần học gia, cô biết rõ cảm nghiệm là người đàn bà duy nhất ở chiếc bàn thảo luận. “Wonder Woman” đã nắm được cường độ và sự thất vọng của cảm nghiệm này, cũng như việc cảm thấy trách nhiệm lớn lao hơn của những người không được phép có mặt trong phòng.

Clark cho rằng có một phản ứng gần như phản xạ khi phụ nữ bước vào các không gian giả thiết của đàn ông. Phản ứng của các Twitter đàn ông tức giận bởi việc Rap Alamo Drafthouse chỉ chiếu cho phụ nữ xem mà thôi là một thí dụ. Thí dụ khác là phản ứng đối với bức điêu khắc “Fearless Girl”, tức bức tượng tả một cô gái đứng đối đầu với “Con Bò Đực Đang Húc” của Wall Street. Trong tháng Năm vừa qua, một nghệ sĩ khác cho đặt một bức tượng con chó đái lên đầu “Fearless Girl”. Vấn đề ở đây là quyền ấn định không gian.

Clark cho rằng trong các sách Tin Mừng, một trong các quyết định triệt để nhất của Chúa Giêsu là việc Người chọn phụ nữ làm chứng nhân. Từ Maria Mađalêna cho tới người đàn bà Samaria bên bờ giếng, Chúa Giêsu phó thác phụ nữ việc kể lại câu truyện của Người. Thực vậy, nếu không có các phụ nữ này, thì việc duy trì trình thuật đóng đinh và sống lại chắc chắn đã ra khác rồi, vì chính các phụ nữ là những người không trốn chạy.

Trong bài diễn văn trên, Đức Phanxicô nói đến việc phụ nữ “đồng hành” với người khác hơn nam giới, thiết tưởng cũng ở trong đồng văn này.

Bất hạnh thay, không gian phụ nữ trong các trình thuật Tin Mừng đã không được cử hành trong phần lớn lịch sử Kitô Giáo. Sự bóp méo hiển nhiên nhất là việc mạ lị Maria Mađalêna như một gái điếm hoàn lương, một mạ lị không hề có nền tảng trong Thánh Kinh. Sức mạnh và chứng tá của bà trong các không gian văn hóa và tôn giáo vốn được coi là của nam giới chắc chắn sẽ kém tính đe dọa hơn khi người ta rút gọn bà vào các tiêu mẫu phụ nữ định sẵn.

Theo Clark, trong hơn 75 năm qua, đã có rất nhiều mưu toan nhằm làm yếu hay thu nhỏ Wonder Woman. Trong thập niên 1940, Nàng bị thu nhỏ vào làm thư ký cho “Hội Công Lý”. Năm ngoái, Liên Hiệp Quốc tính “cử” Nàng làm đại sứ đặc biệt để tăng sức mạnh cho các thiếu nữ nhưng phải bỏ ý định sau khi bị các nhà phê bình phản đối vì cho rằng không nên sử dụng một nhân vật “quá ư bị tính dục hóa” làm mẫu mực cho các thiếu nữ.

Điều quan trọng là trong tâm thức con người, Wonder Woman luôn hiện hữu, điều này được chứng minh hùng hồn bởi số lượng người coi Nàng cuối tuần qua.

Các bổ nhiệm mới tại Giáo Hoàng Hàn Lâm Viện Sự Sống cho thấy tính đa dạng trong quyết định của Đức Phanxicô (Ngày 14/06/2017)

Theo tin của Catholic News Services, sau khi mở rộng phạm vi và ban hành qui chế mới cho Giáo Hoàng Hàn Lâm Viện Sự Sống, Đức Phanxicô vừa bổ nhiệm các thành viên mới cho cơ quan cố vấn này, bao gồm các khoa học gia, các giáo sư và chuyên viên y khoa lẫn đạo đức học xuất thân từ hậu cảnh tôn giáo và thế tục.

Bảy thành viên là người Hoa Kỳ và Gia Nã Đại, trong đó có Bác Sĩ Kathleen M. Foley, một nhà thần kinh học tại Trung Tâm Ung Thư Tưởng Niệm Sloan ở New York, và Bác Sĩ William F. Sullivan, một y sĩ gia đình và đạo đức học ở Toronto, người hiện giữ chức chủ tịch Hiệp Hội Đạo Đức Sinh Học Quốc Tế tại Canada.

Trong một tuyên bố phát hành sau cuộc công bố ngày 13 tháng Sáu, Đức Tổng Giám Mục Vincenzo Paglia, chủ tịch Hàn Lâm Viện, nói rằng việc bổ nhiệm các giáo sĩ, khoa học gia và chuyên viên y khoa, vừa đạo vừa đời, sẽ đem lại cho Giáo Hội và thế giới một “viễn kiến sâu sắc và khôn ngoan trong việc phục vụ sự sống con người, nhất là sự sống yếu ớt nhất và ít được bảo vệ nhất”.

Ngài cho biết "trong số các vị này, có một số vị không phải là người Công Giáo, hoặc thuộc các tôn giáo khác hoặc không có tôn giáo nào cả, một dấu hiệu cho thấy việc bảo vệ và cổ vũ sự sống con người không có phân rẽ và chỉ có thể được bảo đảm qua cố gắng chung”.

Việc bổ nhiệm lần này bao gồm Giáo Sĩ Do Thái Giáo Fernando Szlajen, người Á Căn Đình nhiều kinh nghiệm lâu dài về đạo đức sinh học, và mục sư Anh Giáo Nigel Biggar, hiện đang giảng dạy thần học mục vụ và luân lý tại Đại Học Oxford.

Đức Tổng Giám Mục Anthony Fisher của Sydney, giáo sư đạo đức sinh học và luân lý, và Đức Hồng Y Willem Eijk của Utrecht, Hòa Lan, nguyên bác sĩ y khoa làm việc tại bệnh viện của Đại Học Amsterdam, trước khi đi tu làm linh mục, cũng đã được Đức Phanxicô bổ nhiệm vào Hàn Lâm Viện.

Được Đức Gioan Phaolô II thành lập năm 1994, Giáo Hoàng Hàn Lâm Viện Sự Sống có nhiệm vụ bảo vệ và cổ vũ “giá trị của sự sống con người và phẩm giá của nó”.

Tháng Mười Một năm 2016, Đức Giáo Hoàng Phanxicô ban hành qui chế mới cho Hàn Lâm Viện để mở rộng phạm vi hoạt động và tìm tòi của nó liên quan đến các vấn đề sự sống.

Qui chế mới nói thêm rằng việc bảo vệ sự sống của Hàn Lâm Viện phải bao gồm “việc chăm sóc phẩm giá của con người nhân bản trong các giai đoạn khác nhau của cuộc sống” cũng như “việc cổ vũ phẩm chất của sự sống con người bằng cách tích hợp giá trị vật chất và tinh thần của nó nhằm tiến tới một ‘sinh thái nhân bản’ chân chính, một sinh thái giúp ta tái khám phá sự quân bình nguyên thủy của tạo thế giữa con người nhân bản và toàn thể vũ trụ”.

Các thành viên mới được Đức Phanxicô bổ nhiệm xuất thân từ 27 quốc gia khác nhau, trong đó có Ý, Tây Bna Nha, Nhật Bản, Tunisia, Do Thái và Burkina Faso.

Việc bổ nhiệm lần này cũng bao gồm 13 thành viên vốn đã phục vụ tại Hàn Lâm Viện trước khi ban hành qui chế mới.

Năm vị lãnh đạo Hàn Lâm Viện trước đây cũng đã được Đức Phanxicô bổ nhiệm làm thành viên danh dự đó là Đức Hồng Y Carlo Caffarra, Tổng Giám Mục hưu trí của Bologna, Ý, và Birthe Lejeune, phó chủ tịch của quỹ lập ra để tôn kính chồng bà là Jerome Lejeune, chủ tịch đầu tiên của Hàn Lâm Viện.

Đức Tổng Giám Mục Paglia nói rằng các thành viên danh dự “đại diện cho lịch sử hàn lâm viện và sự đam mê đối với sự sống con người mà chúng ta phải biết ơn”.

Chính nhờ “công trình tiên khởi của rất nhiều vị nam nữ sáng chói mà ngày nay, với sự bổ nhiệm các hàn lâm sĩ mới, định chế của chúng ta tiếp tục phục vụ sự sống của mình với một năng lực canh tân”.

Ngoài hai thành viên Foley và Sullivan, các thành viên khác phát xuất từ Hoa Kỳ cả Gia Nã Đại là: Carl Anderson, hiệp sĩ tối cao của Hội Hiệp Sĩ Columbus; John Haas, chủ tịch, Trung Tâm Đạo Đức Sinh Học Toàn Quốc, Philadelphia; Bác Sĩ Daniel Sulmasy, giáo sư đạo đức sinh học của Đại Học Georgetown; John Keown, giáo sư đạo đức học Kitô Giáo của Đại Học Georgetown; và Đức Cha Noel Simard của Valleyfield, Quebec, phát ngôn viên của Hội Đồng Giám Mục Gia Nã Đại về các vấn đề đạo đức sinh học liên quan tới an tử.

Các thành viên của Hàn Lâm Viện có nhiệm kỳ 5 năm, có thể được tái bổ nhiệm. Tư cách thành viên sẽ chấm dứt khi hàn lâm sĩ tới 80 tuổi.

Đức Giáo Hoàng gửi thư cho Thượng Đỉnh G20

(Ngày 07/07/2017)

Theo tin Zenit, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã kêu gọi các nhà tham dự Hội Nghị Thượng Đỉnh G20 đang nhóm họp tại Hamburg, Đức Quốc, từ ngày 7 tới ngày 8 tháng 7 năm 2017: “Quý vị hãy dành ưu tiên tuyệt đối cho người nghèo, người tỵ nạn, người đau khổ, người rời cư và người bị hắt hủi” và “hãy bác bỏ các tranh chấp có vũ trang”.

Ngài viết như trên trong một lá thư gửi Thủ Tướng Đức, Angela Merkel. Trong bức thư này, ngài khẩn khoản yêu cầu họ lưu ý tới số dân đang chết đói tại Châu Phi, nhất là tại Nam Sudan, lưu vực Hồ Chad, vùng Sừng Châu Phi (Horn of Africa) và Yemen.

Sau đây là nguyên văn lá thư dựa vào bản tiếng Anh của Tòa Thánh (nguyên bản bằng tiếng Đức):

Kính gửi Ngài,
Bà Angela Merkel,
Thủ Tướng Cộng Hòa Liên Bang Đức

Tiếp theo cuộc hội kiến mới đây của chúng ta tại Vatican, và để trả lời cho lời yêu cầu thâm trầm của ngài, tôi muốn đưa ra một vài xem xét mà, cùng với mọi Mục Tử của Giáo Hội Công Giáo, tôi coi là quan trọng trong viễn ảnh cuộc họp sắp tới của G20, một cuộc họp sẽ quy tụ Các Vị Đứng Đầu Nhà Nước và Chính Phủ của Nhóm gồm các nền kinh tế lớn của thế giới và các thẩm quyền cao nhất của Liên Hiệp Âu Châu. Khi làm như thế, tôi chỉ tuân theo một truyền thống vốn khởi đầu bởi Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI hồi tháng Tư năm 2009 nhân dịp Thượng Đỉnh G20 tại Luân Đôn. Vị tiền nhiệm của tôi cũng đã viết cho ngài năm 2006, khi Đức giữ chức chủ tịch của Liên Hiệp Âu Châu và của G8.

Trước nhất, tôi muốn diễn tả, với ngài, và với các nhà lãnh đạo ở Hamburg, sự đánh giá cao của tôi về các cố gắng đang được thực hiện để bảo đảm tính có thể cai trị và ổn định của nền kinh tế thế giới, nhất là liên hệ tới các thị trường tài chánh, giao thương, các vấn đề ngân sách và, một cách tổng quát hơn, sự lớn mạnh có tính bao gồm và lâu dài hơn của nền kinh tế hoàn cầu (xem *Thông Cáo Chung của Các Nhà Lãnh Đạo G20*, Thượng Đỉnh Hàng Châu, ngày 5 tháng Chín năm 2016). Như đã rõ trong chương trình của Thượng Đỉnh, các cố gắng như thế không thể tách rời khỏi việc phải giải quyết các tranh chấp đang tiếp diễn và các vấn đề di dân khắp thế giới.

Trong Tông Huấn *Niềm Vui Tin Mừng* của tôi, một văn kiện có tính cách lên chương trình của triều giáo hoàng của tôi ngỏ cùng các tín hữu Công Giáo, tôi đề ra bốn nguyên tắc hành động để xây dựng các xã hội huynh đệ, công lý và hòa bình: *thời gian lớn hơn không gian; hợp nhất trở vượt hơn tranh chấp; các thực tại quan trọng hơn các ý niệm; và toàn bộ lớn hơn từng phần*. Các đường hướng hành động này hiển nhiên là thành phần trong túi khôn lâu đời của toàn thể nhân loại; tôi tin rằng chúng cũng có thể được dùng làm trợ cụ suy tư cho cuộc họp tại Hamburg và cho việc đánh giá các thành quả của nó.

Thời gian lớn hơn không gian. Tính cách nghiêm trọng, phức tạp và bất nổi kết trong các vấn đề của thế giới lớn lao đến nỗi không thể có các giải pháp ngay tức khắc và hoàn toàn thỏa mãn. Buồn thay, cuộc khủng hoảng di dân, một cuộc khủng hoảng không thể tách rời khỏi vấn đề nghèo khó và càng làm cho tôi tệ thêm bởi các cuộc tranh chấp có vũ trang, là chứng cứ của điều này. Dù thế, vẫn có thể khởi động các diễn trình có thể mang lại các giải pháp tiệm tiến và không gây chấn thương, và là các giải pháp có thể dẫn tới việc tự do lưu chuyển và một cuộc định cư có lợi cho mọi người, trong một thời gian tương đối ngắn. Ruy nhiên, sự căng thẳng giữa không gian và thời gian này, giữa giới hạn và viên mãn, đòi phải có sự chuyển đổi hoàn toàn ngược lại trong tâm trí các nhà lãnh đạo chính phủ và những người có thể lực. Một giải pháp hữu hiệu, một giải pháp nhất thiết phải trải dài trong thời gian, sẽ chỉ khả hữu nếu mục tiêu sau cùng của diễn trình được trình bày rõ ràng trong việc lên kế hoạch về nó. Trong tâm trí các nhà lãnh đạo chính phủ, và ở mọi giai đoạn thi hành các biện pháp chính trị, cần

phải dành ưu tiên tuyệt đối cho người nghèo, người ty nạn, người đau khổ, người rời cư và người bị hắt hủi, không phân biệt quốc gia, nòi giống, tôn giáo hay văn hóa, và phải bác bỏ các cuộc tranh chấp có vũ trang.

Ở điểm này, tôi không thể không ngỏ với Các Vị Đứng Đầu Nhà Nước và Chính Phủ của G20, và với toàn thể cộng đồng thế giới, lời kêu gọi tự đáy lòng cho hoàn cảnh bi thương ở Nam Sudan, lưu vực Hồ Chad, vùng Sừng Châu Phi (Horn of Africa) và Yemen, nơi 30 triệu người đang thiếu lương thực và nước uống cần thiết để sống còn. Một cam kết để giải quyết các tình huống này một cách khẩn trương và cung cấp ngay tức khắc sự trợ giúp những con người này sẽ là một dấu chỉ tính nghiêm túc và lòng thành thực của một cam kết trung hạn nhằm cải tổ nền kinh tế thế giới và một bảo đảm cho việc phát triển lành mạnh của nó.

Hợp nhất trời vượt hơn tranh chấp. Lịch sử nhân loại, cả ở thời ta, trình bày với chúng ta một toàn cảnh rộng lớn các cuộc tranh chấp hiện nay và có thể có. Tuy nhiên, chiến tranh không bao giờ là một giải pháp. Nhân dịp gần kề ngày kỷ niệm năm thứ 100 lá thư của Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XV *Gửi Các Nhà Lãnh Đạo của Các Dân Tộc Đang Giao Chiến*, tôi cảm thấy có bổn phận yêu cầu thế giới hãy chấm dứt mọi “cuộc tàn sát vô ích” ấy. Mục tiêu của G20 và của những cuộc hội họp hàng năm tương tự là để giải quyết các dị biệt kinh tế một cách hòa bình và để đồng ý với nhau về các qui định chung liên quan tới tài chánh và giao thương nhằm cho phép một sự phát triển toàn diện cho mọi người, ngõ hầu thi hành Nghị Trình 2030 và Các Mục Tiêu Phát Triển Lâu Dài (xem *Tuyên Bố Chung của Thượng Đỉnh G20* tại Hàng Châu). Thế nhưng, điều này chỉ khả hữu nếu mọi bên đều tự cam kết giảm thiểu có phẩm lượng các mức độ tranh chấp, ngưng cuộc chạy đua vũ khí hiện nay và từ bỏ việc can dự trực tiếp hoặc gián tiếp vào các cuộc tranh chấp, cũng như đồng ý với nhau trong việc thảo luận một cách thành thực và trong sáng mọi dị biệt của họ. Hiện đang có sự mâu thuẫn và bất nhất bi đát trong việc hợp nhất có tính biểu kiến từng được phát biểu tại các diễn đàn chung về các vấn đề kinh tế hay xã hội, và việc chấp nhận các cuộc tranh chấp có vũ trang, một cách tích cực hoặc thụ động.

Các thực tại quan trọng hơn các ý niệm. Các ý thức hệ gây tai họa của tiền bán thế kỷ 20 đã được thay thế bằng các ý thức hệ mới về quyền tự trị tuyệt đối của thị trường và đầu cơ tài chánh (xem *Niềm Vui Tin Mừng*, số 56). Theo chân bi đát của chúng là loại trừ, phí phạm và thậm chí chết chóc nữa. Đáng khác, các thành tựu chính trị và kinh tế có ý nghĩa của thế kỷ qua luôn luôn được đánh dấu bằng một tính thực dụng lành mạnh và khôn ngoan, được điều hướng bởi tính ưu việt của con người nhân bản và cố gắng hội nhập và phối hợp các thực tại đa dạng và đôi khi trái ngược nhau, dựa trên việc tôn trọng mỗi một và mọi công dân. Tôi cầu xin Thiên Chúa để Thượng Đỉnh Hamburg được chiếu rọi bởi gương sáng của những nhà lãnh đạo Âu Châu và thế giới luôn nhất quán dành một chỗ danh dự cho đối thoại và mưu tìm các giải pháp chung; họ là Schuman, De Gaspari, Adenauer, Monnet và rất nhiều người khác nữa.

Toàn bộ lớn hơn từng phần. Các vấn đề cần được giải quyết một cách cụ thể và lưu ý một cách thỏa đáng tới tính chuyên biệt của chúng, nhưng các giải pháp như thế, muốn lâu dài, không thể nào làm ngơ một viễn kiến bao quát hơn. Chúng cũng phải xem xét các hậu quả có thể có đối với mọi quốc gia và các công dân của họ, trong khi vẫn tôn trọng các quan điểm và ý kiến của các thực thể vừa nói. Ở đây, tôi muốn nhắc lại lời cảnh báo mà Đức Bênêđictô XVI từng ngỏ với Thượng Đỉnh G20 tại Luân Đôn năm 2009. Dù điều hợp lý là các Thượng Đỉnh G20 chỉ nên được giới hạn cho một số nhỏ các quốc gia đại diện cho 90% việc sản xuất của cải và dịch vụ khắp thế giới, nhưng tình huống này phải thúc đẩy các nhà tham dự suy nghĩ sâu xa hơn. Các nhà nước và cá nhân có tiếng nói yếu ớt nhất trên sân khấu chính trị thế giới chính là các thực thể chịu phần lớn các hậu quả tai hại của các cuộc khủng hoảng kinh tế, những cuộc khủng hoảng họ có rất ít trách nhiệm, hay không có trách nhiệm nào cả. Khối đại đa số này, mà trong lãnh vực kinh tế chỉ chiếm 10% của toàn bộ, là phân bộ nhân loại có tiềm năng lớn nhất để đóng góp vào sự tiến bộ của mọi người. Thành thử, cần phải luôn tham chiếu Liên Hiệp Quốc, các chương trình và các cơ quan liên hệ của nó, và tiếp tục cố vũ phương thức đa phương, để các giải pháp được phổ quát và lâu dài thực sự, vì lợi ích của mọi người (xem Bênêđictô XVI, *Thư Gửi Ngài Gordon Brown*, 30 tháng 3 năm 2009).

Tôi đưa ra các xem xét trên như một đóng góp vào việc làm của G20, với lòng tin tưởng vào tinh thần liên đới có trách nhiệm đang hướng dẫn tất cả những ai đang tham dự. Tôi cầu xin Thiên Chúa chúc lành cho cuộc họp ở Hamburg và cho mọi cố gắng của cộng đồng quốc tế trong việc lên khuôn một thời đại phát triển mới có tính canh tân, nối kết với nhau, lâu dài, biết tôn trọng môi trường và bao gồm mọi dân tộc và mọi cá nhân (xem *Thông Cáo Chung Thượng Đỉnh G20*, Hàng Châu).

Tôi mượn dịp này bảo đảm với ngài sự ân cần và lòng quý mến cao độ của tôi.

Từ Vatican,, 29 tháng 6 năm 2017

Phanxicô

Đức Phanxicô và báo chí

(Ngày 14/07/2017)

Linh mục ký giả và tác giả Raymond A. Schroth, Dòng Tên, có người cha viết hơn 40,000 bài xã luận trong suốt nghiệp làm báo của mình. Theo gương cha, linh mục Schroth, trong thời gian học ở Đại Học Fordham, đã làm biên tập viên xã luận và phụ trách một chuyên mục cho tờ Fordham Ram. Sau hai năm phục vụ quân ngũ, đã vào Dòng Tên, dạy trung học ba năm rồi dành 40 năm dạy nghề làm báo tại 5 đại học Dòng Tên và 2 đại học thế tục. Song song, Cha còn là chủ bút mùa hè và viết chuyên mục cho tờ America thập niên 1960, tham gia tờ Commonweal làm chủ bút điểm sách, thập niên 1970, và viết cũng như phê bình truyền thông cho tờ National Catholic Reporter khoảng 30 năm, rồi 6 năm trước đây, là chủ bút điểm sách của tờ America. Ngoài ra, cha còn viết và xuất bản 9 cuốn sách, phần lớn về các nhà báo và Tu Sĩ Dòng Tên.

Linh mục Schroth tự giới thiệu mình dài dòng như trên có lẽ để chứng tỏ rằng các nhận định sau đây của ngài chắc chắn không thiếu sự chín chắn của một nhà báo chuyên nghiệp.

Tôi luôn cảm thấy một sức căng thẳng nào đó giữa báo chí và một số thành phần trong Giáo Hội. Một ngày kia, lúc còn nhỏ, tôi theo cha đi lễ tại giáo xứ của chúng tôi. Tôi nghĩ vị mục tử hôm đó chắc chưa bao giờ chịu soạn một bài giảng, vì ngài nói huyền thuyên bất tận, phản nản về “báo chí thế tục”, một từ ngữ được ngài thốt ra một cách găm gù. Lần đó, từ bục giảng, ngài phản nản về việc một tờ báo kia tường thuật về một cuộc tranh cãi nào đó liên quan tới một linh mục. Cha tôi, người luôn kiểm soát xúc cảm của mình đến 102%, nên đã chỉ nắm chặt cổ tràng hạt rồi lật đi lật lại nó trong bàn tay nắm chặt của ngài. Tôi coi việc này như một dấu chỉ bảo tôi rằng nếu tôi trở thành một nhà báo, chắc chắn tôi phải chấp nhận một lượng đối xử tồi tệ nào đó, nên phải thật bình thản.

Các nguyên tắc hướng dẫn

Tôi cũng học được rằng các phương tiện truyền thông, mà hiện nay bao gồm truyền thanh, phim ảnh, truyền hình, Facebook, các trang mạng, các blogs và Twitter cũng như các tờ báo, có thể lạm dụng đặc ân của họ trong việc nói với và nói cho công chúng mà họ giả thiết phải đại diện. Ta hãy xem 6 vai trò do các phương tiện truyền thông khác nhau đảm nhiệm và xét xem đâu là nghĩa vụ của họ.

Thông tin. Truyền bá tin tức một cách rộng rãi và sâu sắc đủ để người công dân hưởng được nền dân chủ thực sự trong khi họ điều hướng và xây dựng các cộng đồng của họ.

Kích thích thương mại. Nhờ các tin tức về kinh doanh và quảng cáo, báo chí và cộng đồng được phát đạt.

Giáo dục. Thế kỷ 19, tờ New York World của Joseph Pulitzer giúp các di dân nắm vững ngôn ngữ tiếng Anh.

Có một cảnh lớn trong cuốn phim *Deadline U.S.A* của Humphrey Bogart, thập niên 1940, trong đó,

Bogart là chủ bút một tờ báo địa phương vừa được bán cho người vốn cạnh tranh với nó, nên chỉ còn mấy ngày để vạch trần bọn cướp từng sát hại một phụ nữ di dân trẻ. Vào phút chót, mẹ của người phụ nữ trẻ đem đến cho ông chủ bút một số lá thư chứng minh tội ác của bọn cướp. Bogart hỏi người mẹ xem tại sao bà đem bằng chứng này đến ông thay vì đến cảnh sát. Người mẹ trả lời: “tôi không biết cảnh sát. Tôi chỉ biết tờ báo”. Vào lúc chót, khi tờ báo đang in lời vạch trần trên trang nhất, tên cướp gọi cho Bogart ở phòng báo chí. Hắn sửa: “ồn ào chi rứa?” Bogart quặt lại, “Ông bạn ạ, đó là báo chí, và ông bạn chẳng làm gì được nó đâu!”.

Bảo toàn lịch sử. Nếu không có các văn khố của các tờ báo có trách nhiệm, với các tài liệu công cộng của họ: các cuộc bầu cử và chiến tranh khởi diễn, thắng và thua, thì quá khứ của ta sẽ biến mất như thể đời ta chẳng bao giờ xuất hiện.

Phát triển văn hóa. Nếu không có các bài phê bình, các phóng viên thể thao và các người điểm sách, thì nền văn chương, phim ảnh, kịch nghệ, âm nhạc, khiêu vũ, truyện tranh và các biến cố thể thao sẽ xuống dốc. Phẩm chất tiêu khiển sẽ nhạt thêch và tri thức công chúng sẽ co cụm.

Gọi hứng. Trang xã luận là tâm và trí của tờ báo. Trên hết, nó là lương tâm của tờ báo. Đây là nghĩa vụ quan trọng nhất của cả truyền thông đạo lẫn truyền thông đời. Gần đây, trong một số ngày, tờ New York Times cho đăng một tuyên bố dài cả trang gồm 19 câu bằng chữ đậm nói về “sự thật” áp dụng cho chính họ và mọi cơ quan truyền thông khác. Trong đó, có câu: “Sự thật khó nhá. Sự thật không thể bị che đậy. Sự thật không đứng về phe nào. Sự thật khó chấp nhận. Sự thật đòi có lập trường”.

Điều nổi bật

Tóm lại, làm nhà báo đòi có cả khôn ngoan lẫn can đảm. Ban biên tập phải cho in sự thật dù nó có thể xúc phạm tới một số độc giả. Ngày nay, tại nhiều nước, các nhà báo nói sự thật đang bị giết chết. Khi tôi đang viết những dòng này, các tờ Times, Brooklyn Tablet, London Tablet, Catholic Free Press, America, National Catholic Reporter, New York Daily News, Guardian, Commonweal, The Nation, The Michigan Catholic và nhiều ấn phẩm khác đang được trải rộng trên bàn làm việc của tôi. Nên các qui luật trên áp dụng cho chúng ta tất cả, bất kể là tôn giáo hay thế tục.

Năm nay kỷ niệm năm thứ tư ngày Đức Phanxicô được bầu làm Giáo Hoàng, có lẽ, một điều nổi bật nhất là việc ngài sẵn lòng, thậm chí, rất tha thiết, trà trộn với người ta, bất chấp tôn giáo và địa vị xã hội của họ. Nó làm ta nhớ tới những câu truyện và phim ảnh lãng mạn trong đó nhà vua, giả dạng, trà trộn với các công dân thấp hèn nhất để biết họ nghĩ gì về mình, giống Vua Henry V của Shakespear: hòa mình với các binh sĩ quanh lửa trại đêm trước khi tham gia trận chiến.

Phong cách mới

Trước khi làm giáo hoàng, Đức Phanxicô nổi tiếng là người hay từ khước các cuộc phỏng vấn, nhưng khi đảm nhiệm vai trò mục tử thế giới, ngài mau mắn vươn tay ra với đoàn chiên của mình. Linh mục Antonio Spadaro, S.J., chủ bút tờ La Civiltà Cattolica, một tạp san định kỳ do Dòng Tên biên tập chính thức, từng là người đầu tiên phỏng vấn ngài và cuộc phỏng vấn này được đăng trên cả tờ Civiltà lẫn tờ America. Trong khi đó, ngài nhanh chóng thách thức các phương tiện truyền thông trong một bài diễn văn trực tiếp với các phóng viên Rôma, ngày 16 tháng 3, chỉ 3 ngày sau khi được bầu làm giáo hoàng.

Dịp đó, ngài cho rằng các biến cố của Giáo Hội khó tường trình hơn các biến cố chính trị, một phần vì các biến cố của Giáo Hội có tính cách “thiên thượng” nhiều hơn các biến cố chính trị. Ngài nói: “Chúa Kitô là mục tử của Giáo Hội” nhưng “Sự hiện diện của Người trong lịch sử xuyên qua sự tự do của những con người nhân bản”. Quý bạn phải lưu ý điều ấy và “phải tập chú cách thích đáng vào điều thực sự xảy ra lúc đó”. Ngài ca ngợi việc làm quan trọng của họ và nói thêm: “Quý bạn nắm trong tay các phương thế để nghe và đem tiếng nói lại cho các hoài mong và đòi hỏi của người ta, và cung cấp một phân tích và giải thích các biến cố đương thời”. Điều này đòi ta phải đánh giá cao bất cứ điều gì là “chân, thiện, mỹ”.

Ngài kết luận bằng cách giải thích tại sao ngài lấy hiệu là Phanxicô. Số là một người bạn tốt, tức vị Hồng Y ngồi cạnh ngài trong diễn trình bầu cử, khi các lá phiếu đang được đếm, đã ôm lấy ngài, hôn ngài rồi nói “Đừng quên người nghèo!” Ngay tức khắc, ngài nghĩ tới con người luôn yêu thương người nghèo, yêu hòa bình, yêu và bảo vệ môi trường: Thánh Phanxicô Assisi. Chính thời điểm ấy, “hình ảnh” tân giáo hoàng đã được đóng ấn, được tăng cường nhờ việc ngài sống ở một khách sạn dành cho các linh mục hơn là các phòng ốc trong dinh giáo hoàng, di chuyển bằng chiếc xe hơi nhỏ bình thường, tránh đôi giày đỏ và phẩm phục giáo sĩ sang trọng và thường khấn khoản xin công chúng cầu nguyện cho mình.

Trong một diễn văn nhân kỷ niệm 50 năm Ngày Truyền Thông Xã Hội Thế giới (25 tháng Sáu năm 2016), Đức Phanxicô nói về các phương tiện truyền thông xã hội. Ngài nói: Liên mạng và các mạng lưới xã hội là một “ơn phúc của Thiên Chúa” và là “các hình thức truyền thông có tính nhân bản trọn vẹn”. Nhưng với điều kiện hiệu quả của nó phải “giúp vượt thắng nỗi trạng tách biệt kẻ có tội khỏi nhóm chính trực một cách sắc nét. Chúng ta có thể lên án tội lỗi, bạo lực, và tham nhũng cũng như bóc lột, nhưng không nên lên án các cá nhân, vì chỉ có Thiên Chúa mới nhìn thấu tâm hồn họ mà thôi”. Tuy thế, trong “Đi Tìm Thánh Nhan Thiên Chúa” (*Vultum Dei Quaerere*, 22 tháng 7 năm 2016), ngài nói các nữ tu phải cẩn trọng đừng “phí thì giờ” hoặc sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội để trốn tránh các đòi hỏi của đời sống tu trì.

Khó mà phán đoán được sự hiện diện của Đức Giáo Hoàng trên Twitter hoặc Facebook đã ảnh hưởng tới mức nào đối với việc dẫn thân tu trì của thể hệ đương thời. Theo Editor and Publisher, Facebook dường như khiến nhiều nhà chấp hành các phương tiện truyền thông lo sợ. Vì hiện nay, hơn 40% người Mỹ trưởng thành lấy tin tức từ Facebook. Khắp thế giới, khoảng 1 trong 10 người cho biết: các phương tiện truyền thông xã hội là nguồn tin tức chính của họ. Tổng Thống Trump giao tiếp với công chúng bằng “tweets” hơn là trực tiếp đối diện với các nhà báo; vì thế, ông càng làm phức tạp thêm các cố gắng nắm sự thật của các nhật báo. Một nhà báo Công Giáo nói với tôi: một cú tweet của Đức Phanxicô được hơn 30 triệu người theo dõi.

Một phần các truyện tin gần đây cho thấy Đức Phanxicô sẵn lòng lên tiếng bất cứ lúc nào. Cuối tháng Hai vừa qua, trong thánh lễ riêng của ngài, ngài chỉ trích những người Công Giáo không thực hành điều họ rao giảng. Họ không trả lương thích đáng cho công nhân. Họ rửa tiền, sống cuộc sống hai mặt. Các chủ nhân của các công ty đang sa sút không trả đủ lương cho các công nhân. Người ta đi nghỉ mùa đông ở bờ biển Trung Đông trong khi các công nhân của họ không được trả lương. Ở một bình diện khiếp đảm hơn, theo tường trình của New York Times, Miến Điện đàn áp nhóm thiểu số Hồi Giáo Rohingya, sát hại và hãm hiếp hàng trăm đàn ông, đàn bà và trẻ em trong một “chiến dịch khủng bố”. Đức Phanxicô nói với cử tọa hàng tuần của ngài rằng những người này bị tra tấn và sát hại chỉ vì đức tin Hồi Giáo của họ. Ngài nói chúng ta phải cầu nguyện cho các anh chị em Hồi Giáo của chúng ta, đừng xây tường mà hãy xây những cây cầu. Nhắc đến tường cũng được người ta coi như nhắc đến bức tường dọc biên giới Mễ Tây Cơ do Tổng Thống Trump đề xướng, và có lẽ cả bức tường của Do Thái giữa họ và người Palestine.

Tác động trọng đại

Trong phán đoán của các quan sát viên báo chí hàng đầu, Đức Phanxicô đã đạt được những gì? Linh mục Thomas Rosica, O.S.B., sáng lập viên của Quỹ Truyền Thông Muối và Ánh Sáng, mạng lưới truyền hình Công Giáo toàn quốc đầu tiên của Gia Nã Đại, viết trên tờ The Catholic Journalist rằng Đức Phanxicô đã “đặt nhãn hiệu lại” cho Đạo Công Giáo. Trước đây không lâu, khi được hỏi Giáo Hội đại diện cho điều gì, người Công Giáo thường trả lời: người Công Giáo chống phá thai, hôn nhân đồng tính, kiểm soát sinh đẻ và tai tiếng về cuộc khủng hoảng lạm dụng tình dục. Ngày nay, chúng ta thường trả lời: chúng tôi có một vị giáo hoàng quan tâm tới môi trường, lòng từ bi, cảm thương và tình yêu. Chúng tôi say mê chăm sóc người nghèo và người tị nạn đang thang lang khắp mặt địa cầu.

Trong giới báo chí, ngài đã làm cho việc làm ký giả tôn giáo trở thành điều vui thích trở lại. Các trường kinh doanh hậu đại học nổi danh tôn vinh ngài như một điển hình của việc “đặt nhãn hiệu lại”.

Tuy nhiên, cha Rosica nêu lên hai tình huống vẫn cần được lưu ý: thiếu tinh thần trách nhiệm trong “thế giới cuồng nhiệt của thiên cầu blogs” và nhiều người Công Giáo biến liên mạng thành hăm dọa kỳ thị và nọc độc nhân danh việc bảo vệ đức tin.

Sau khi phỏng vấn một số giám mục và học giả, Joshua J. McElwee, phóng viên của National Catholic Reporter tại Rôma (10-23 tháng Ba) đã chú tâm vào “cảm thức mục vụ độc đáo” đang thay đổi thế giới quan của Giáo Hội, trong một nền văn hóa bao quát hơn, hiện không còn là của Kitô Giáo nữa, hướng hồ là của Công Giáo, và, theo các vị Hồng Y Donald Wuerl của Washington D.C., và Sean O’Malley của Boston, Đức Phanxicô đang thúc đẩy Giáo Hội thay đổi “cách xử sự” của mình khi ngài thận trọng thay đổi các cơ cấu của nó, từ từ đi từ dưới lên. Một tường trình, cũng trên số báo này, đã thuật lại bài diễn văn của Đức Cha Robert McElroy, Giám Mục San Diego, tại Cuộc Gặp Mặt các Phong Trào Bình Dân Thế Giới hồi tháng Hai, trong đó, ngài kêu gọi 700 nhân viên xã hội trở thành “những người đập đổ và xây dựng lại” để chống lại việc Tổng Thống “đập đổ” Trump tấn công các chương trình công bằng xã hội: Chúng ta phải đập đổ những người phái binh đội ra đường phố để tách biệt các người cha người mẹ ra khỏi gia đình họ, những người mô tả người tị nạn là kẻ thù, những người coi người Hồi Giáo như nguồn gây sợ hãi, những người cướp mất quyền được chăm sóc y tế của người nghèo, những người tước hết phiếu thực phẩm khỏi miệng trẻ em.

Như thể lặp lại khẩu hiệu của tờ Times, ngài nói rằng chúng ta đừng bao giờ sợ hãi khi phải nói lên sự thật. Trong cuộc chiến đấu để bảo toàn nhân phẩm, chúng ta phải đứng về phía “một chính phủ và một sự che chở mạnh mẽ đối với người không quyền lực, công nhân, người vô gia cư, người đói, những người không được chăm sóc y tế, người thất nghiệp”.

Xét theo tầm nhìn lịch sử, có lẽ hai đóng góp quan trọng nhất của Đức Giáo Hoàng Phanxicô là thông điệp “Laudato Si” (Lạy Chúa, Ngợi Khen Chúa, 24 tháng Năm, 2015) về việc bảo vệ môi trường, và tông huấn “Amoris Laetitia” (Niềm Vui Yêu Thương, 19 tháng Ba, 2016) về tình yêu trong gia đình. Cả hai văn kiện này đều được đọc và thảo luận rộng rãi và cả hai đều bị phê phán. “Laudato Si” lấy từ ca khúc của Thánh Phanxicô Assisi, người từng tuyên bố trái đất là căn nhà chung của chúng ta. Đức Giáo Hoàng Phanxicô liệt kê các tai hại chúng ta đã gây ra khi không tuân theo lệnh truyền của Thiên Chúa trong Sách Sáng Thế về việc phải chăm sóc tạo thế của Người: ô nhiễm, phung phí, văn hóa vứt bỏ, thay đổi khí hậu do việc hâm nóng địa cầu đem lại, một hâm nóng gây ra bởi việc tập trung các khí thải nhà kính (greenhouse) trong bầu khí quyển, lạm dụng “việc cung cấp nước trên thế giới cấp thiết đối với sự sống con người và đối với việc nâng đỡ các hệ sinh thái trên đất và dưới nước”.

Do đó, bảo toàn là một nhân quyền căn bản và thế giới chúng ta mang một món nợ xã hội nặng nề đối với người nghèo, những người đang bị từ chối quyền sử dụng. Gần như thể viết cho giới báo chí Hoa Kỳ, Đức Phanxicô nhấn mạnh việc sa sút về phẩm chất của sự sống con người và việc gia tăng bất bình đẳng hoàn cầu và ngài phê phán sự yếu ớt trong việc giải quyết các cuộc khủng hoảng loại này của quốc tế. “Lời thần thông” trong giải đáp của Đức Giáo Hoàng Phanxicô đối với mọi vấn đề tranh cãi mà hiện thời ngài đang phải đương đầu là “đối thoại”. Ở đây, cuộc thảo luận phải trải dài từ cộng đồng quốc tế tới giới lãnh đạo, giới khoa học và các công dân thuộc đủ mọi giai tầng. Đại đa số dân số thế giới hoan nghinh lời kêu gọi hành động của Đức Giáo Hoàng; những người còn lại bác bỏ thực tại tính của việc thay đổi khí hậu.

“Amoris Laetitia” là kết quả của một diễn trình dài: mọi giáo xứ và giáo phận được mời gọi tụ họp và thảo luận công khai các vấn đề đang phá hoại đời sống gia đình, sau đó, gửi các kết quả tham khảo về Rôma; nơi đây, các phái đoàn của hàng giáo phẩm, họp nhau trong hơn hai năm, đã đề xuất các giải đáp có tính cố vấn cho Đức Giáo Hoàng. Một số người Công Giáo ly dị hiện đang sống trong cuộc hôn nhân thứ hai có thể được tự do lãnh nhận Bí Tích Thánh Thể, dù cuộc hôn nhân thứ nhất của họ, vì các lý do đa dạng, chưa được tuyên bố vô hiệu. Trong các trường hợp mà việc biện phân ở cấp địa phương nghiêng về phía tự do, Đức Phanxicô muốn chào đón các gia đình này lãnh nhận các bí tích trở lại. Một nhóm 4 vị Hồng Y đã thách thức Đức Giáo Hoàng; họ coi ngài vi phạm giáo luật, nhưng ngài đã hoan nghinh các phản bác thành thực của họ. Trong khi ấy, các giám mục Đức thuộc hai giáo phận đã soạn thảo sách hướng dẫn nhằm làm dễ cuộc thảo luận giữa các cặp vợ chồng và vị linh mục của họ.

Ở Á Căn Đình, các giám mục đã ban hành lời giải thích riêng của họ về văn kiện đời sống gia đình của Đức Giáo Hoàng để phong chức cho các người đàn ông có gia đình; và ở Ba Tây, nơi chỉ có 1,800 linh mục cho 140 triệu người Công Giáo, các giám mục đã yêu cầu các linh mục xuất tu và cưới vợ trở lại hàng linh mục cùng gia đình của họ.

Nhà báo kiêm thần học gia Thomas Reese, Dòng Tên, đã liệt kê năm thành tựu lớn của Đức Giáo Hoàng Phanxicô: (1) Ngài rao giảng Tin Mừng bằng cách nhấn mạnh tới lòng cảm thương và lòng thương xót; (2) ngài cho phép thảo luận và tranh luận công khai trong Giáo Hội; Cha Reese viết: “không thể nào nói ngoa điều này phi thường xiết bao”; (3) ngài đã chuyển dịch cuộc thảo luận về các vấn đề luân lý từ qui luật qua biện phân, dựa vào ơn thánh trong đời sống những con người không hoàn hảo; (4) ngài đã nâng các vấn đề môi sinh lên một chỗ quan trọng trong đức tin Công Giáo; (5) ngài đã khởi động việc cải tổ các cơ cấu cai quản trong Giáo Hội. Quan trọng hơn cả, ngài đang cố gắng thay đổi nền văn hóa giáo sĩ, nhất là thuyết phục các giám mục rằng các ngài không phải là các ông hoàng mà là các tôi tớ.

Richard R. Gaillardetz, trong Commonweal (số 27 tháng Giêng), nhắc nhở chúng ta rằng dù Đức Giáo Hoàng Piô XII tuyên bố rằng khi Đức Giáo Hoàng nói về một tín lý, thì nó không còn chấp nhận tranh luận nữa, nhưng Đức Gioan XXIII phê phán việc Giáo Hội dựa vào các kết án, và ngài nhấn mạnh tới đối thoại, “môn thuốc thương xót”. Điều Giáo Hội cần là sinh khí mục vụ. Ông Gaillardetz gợi ý rằng thiên bẩm của Đức Giáo Hoàng Phanxicô nằm ở chỗ ngài nhấn mạnh tới một hình thức của thẩm quyền giáo huấn với 6 đặc điểm rõ rệt sau đây: (1) chúng ta lắng nghe Giáo Hội. (2) Giáo huấn mục vụ sẽ tốt nhất khi đi qua các cử chỉ có tính biểu tượng, như rửa chân cho một phụ nữ Hồi Giáo vào Thứ Năm Tuần Thánh. (3) Việc hàng giáo phẩm Ba Tây hướng tới các linh mục có gia đình là do thẩm quyền địa phương quyết định, chứ không phải Rôma. (4) Nhìn nhận thực tại tính của hoài nghi và không chắc chắn trong đời sống đức tin. Tín lý không phải là một hệ thống đóng kín, nhưng là một hệ thống chuyển động. (5) Đào luyện lương tâm quan trọng hơn các qui luật pháp lý cứng rắn. (6) Không phải vấn đề nào cũng đòi các kết luận của thẩm quyền. Những cuộc phỏng vấn ứng khẩu trên máy bay được các nhà báo hưởng ứng quả là các cuộc đối thoại, không phải là các định tín long trọng. Tác giả nhắc chúng ta nhớ rằng giáo huấn của Giáo Hội về nạn nô lệ, cho vay nặng lãi, tự do tôn giáo và sự bình đẳng nên tăng giữa đàn ông và đàn bà đã thay đổi.

Điều ta đang thấy

Làm sao biết được lời giảng dạy trên đã ảnh hưởng thế nào đối với nghề làm báo? Ta phải đọc, đọc và đọc. Trong vòng ít ngày, các trang xã luận và độc giả bình luận của tờ New York Times đọc lên nghe như các đoạn tin mừng. Mục của Nicholas Kristof giới thiệu một nhân vật có tên Phaolô Ngoan Đạo Ryan, người không ngừng án ngữ Chúa Giêsu lúc Người chữa người đàn bà băng huyết đã 12 năm, chữa 10 người cùi, và kể câu truyện về người Samaritanô nhân hậu tránh lòng thương người bị bọn cướp đánh đập và bị một thừa tác viên và một người nhà giàu làm ngơ cho tới khi Chúa Giêsu đưa người bị thương tới bệnh viện.

Ông Phaolô Ngoan Đạo Ryan nói với Chúa Giêsu: Người nên dạy người bệnh và người nghèo phải tự lãnh lấy trách nhiệm. Hãy ngưng, đừng chữa cho 10 người cùi nữa, vì chúng ta đã trễ giờ dự buổi trà rượu tại đền thờ rồi.

Ryan cho rằng việc người Samaritanô dùng tiền của mình giúp các khách du lịch trên những con đường nguy hiểm chỉ có nghĩa là góp tiền cho những kẻ thua cuộc. Như thế là xã hội chủ nghĩa! Ryan đề nghị người Samaritanô đó nên đi gặp bạn anh ta là The Donald để mở một ngân quỹ và xây dựng một bệnh viện kiếm lời. Hãy bỏ cái vô nghĩa của một trái tim rướm máu coi việc chăm sóc sức khỏe như một nhân quyền. Chúa Giêsu quay lại Ông Phaolô Ngoan Đạo mà nói, “xéo đi. Khi con không nuôi người đói, là con không nuôi Thầy”.

Trong bài xã luận chính ngày 4 tháng Ba, tựa là “The Pope and the Panhandler” (Đức Giáo Hoàng và Người Ăn Xin), tờ Times cho hay Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã giúp người dân New York một việc

là khuyên họ nên cư xử với những người ăn xin ra sao, nhất là tại các thành phố lớn, nơi nạn vô gia cư không được ai giải quyết và hàng ngày ta đều gặp những con người đau khổ xin được giúp đỡ. Ta có khuynh hướng tiếp tục bước đi hay lục lọi một vài đồng tiền lẻ. Hay có khi suy tính - phải kiểm soát bối cảnh hình sự của người này? Sức khoẻ tâm thần của anh ta? Được phỏng vấn, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói rằng cho ai cái gì “luôn là điều đúng”. Nhưng không phải chỉ cho mà thôi. Hãy dùng chân, hãy nhìn vào đôi mắt họ và đưa tay ra chạm vào họ. Trọng điểm không phải là xây một bức tường, nhưng coi người ta không như một nạn đề xã hội mà như một hữu thể nhân bản có cuộc sống cũng quý giá như chính cuộc sống của các bạn.

Diện đối diện

Sau cùng, có hai lý do khiến Đức Phanxicô hưởng được sự xử xự đầy thiện cảm của báo chí. Lý do thứ nhất, mà tôi tin là đúng, là họ chia sẻ cùng một hệ thống giá trị: nghĩa vụ thông tin cho công chúng, một cảm thức lịch sử và cảm giác cả hai bên đều đang tạo lịch sử khi họ gặp gỡ và cùng du hành với nhau, một dân thân cho quyền tự do ngôn luận và công lý đối với những thành viên dễ bị thương tổn hơn hết của xã hội. Lý do thứ hai là khi họ gặp ngài, ngài thực sự là con người ấm áp và khiêm nhường, con người mà ngài vốn muốn trở thành.

Nhà phê bình của tờ Washington Post, Hank Stuever, nói rất đúng: “Nơi các phóng viên, nhất là những người chỉ biết những ngày sau cùng của Đức Gioan Phalo II, rồi Đức Bênêđictô XVI, có một cảm nhận thực sự rằng xuyên suốt các câu chuyện về Vatican người ta ít còn thấy thứ văn hóa KHÔNG nữa. Chủ đề đã thay đổi... các phóng viên chính dòng, và cả các độc giả của họ, bằng cách riêng, đã đáp ứng các vòng tay giang rộng. Không nhất thiết là thứ văn hóa CÓ, nhưng nay, nó quá xuất hiện như một thứ văn hóa lắng nghe và quan tâm. Thứ văn hóa này có cách làm cho các truyện kể của các nhà báo viết về Giáo Hội trở thành thích thú hơn để viết và để đọc”.

Hai phóng viên đã chia sẻ ấn tượng của họ về chuyến cùng bay với Đức Giáo Hoàng từ Rôma tới Châu Mỹ La Tinh. Một số phóng viên trên máy bay xuất thân từ Á Căn Đình nên đã biết rõ (Hong Y) Jorge Bergoglio từ những ngày ngài chưa làm giáo hoàng. Dường như lúc đó, ngài là một con người khác hẳn. Rất nghiêm nghị, thỉnh thoảng lẩm nhẩm mới chịu mỉm cười. Nay thì nụ cười rạng rỡ luôn nở trên môi. Giữa các tu sĩ Dòng Tên ở Á Căn Đình, ngài có biệt danh là “La Giocanda”, tên tiếng Ý của Mona Lisa, người cười không ra nụ trong bức chân dung nổi tiếng. Ngài ít khi nói chuyện với các phương tiện truyền thông; nay thì các cuộc họp báo trên không có khi kéo dài cả một tiếng đồng hồ. Những người trên chuyến bay trước đó có “làm bài tập” thì biết ngài được cử làm cha giám tỉnh Dòng Tên, lúc mới có 36 tuổi và nỗi khó khăn của ngài phải lèo lái ra sao để vượt qua “Cuộc Chiến Bản Thiêu” của thời kỳ 1976-1983, trong đó nền độc tài đã man rợ đã sát hại hàng ngàn người bị coi là “có âm mưu lật đổ”. Rồi còn chuyện va chạm với các đồng tu sĩ Dòng Tên tự liệu mình làm việc tại các khu bùn lầy nước đọng và việc ngài thất sủng với chính Dòng Tên, dẫn tới việc tạm thời bị đẩy tới vùng xa xôi hẻo lánh của Á Căn Đình và sau đó qua Đức.

Còn nay, kìa con người “mới” đang từ từ đi xuống cuối máy bay, vừa chuyện vãn vừa bắt tay từng người trong số 77 phóng viên, những người, dù được cảnh báo phải ngồi bình thản, nhưng hết đứng lên lại ngồi xuống, chụp hình bằng iPhone lúc ngài chúc lành cho họ và cả các bức hình gia đình họ, đích thân trao bánh sinh nhật cho “niên trưởng” của Đoàn Báo Chí Vatican. Một phóng viên vội vàng đội chiếc nón dư của anh ta lên đầu Đức Giáo Hoàng để ngài đội làm “nón giáo hoàng” lúc đi dự tiệc tùng. Một phóng viên truyền hình Tây Ban Nha từ Miami tặng Đức Giáo Hoàng một hộp gồm 48 chiếc bánh *empanadas* do các di dân Á Căn Đình ở Miami chế biến. Khoái chí, Đức Phanxicô cười hớn hớn, rồi vừa đùa bỡn vừa chia sẻ các chiếc bánh này với mọi người.

Bart Jones của Newsday từng có 10 năm tường trình về Venezuela và đã phỏng vấn Hugo Chavez, người mà anh viết tiểu sử; nhưng lần này có khác. Anh muốn tạo một thứ tác dụng đặc biệt. Anh trình bày với Đức Phanxicô một bức ảnh của người vợ di dân gốc Venezuela của anh và hai đứa con. Đức Phanxicô ký tên vào bức ảnh và chúc lành cho nó. Bart muốn được thêm một phút nữa. Anh kể cho ngài nghe về việc học của anh với các tu sĩ Dòng Tên ở Fordham và tuyệt diệu ra sao khi được trải nghiệm cách dạy của họ. Anh với tay ra và chạm vào cánh tay Đức Giáo Hoàng. Đức Phanxicô nở

một nụ cười mỉm và nói bằng tiếng Tây Ban Nha “Bây giờ thì anh có cái vi khuẩn” đã học với các tu sĩ Dòng Tên. Ngài với tôi và di chuyển bàn tay của ngài khắp vùng trán của Bart, “Nhân danh Cha, và Con và Thánh Thần” rồi tiến bước.

Phụ Thêm

Ngày 6 tháng 7 vừa qua, Đức Thánh Cha Phanxicô đã dành cho ông Eugenio Scalfari, một nhà báo lão thành, 93 tuổi, không có niềm tin tôn giáo, một cuộc phỏng vấn. Sau đây là chính nhận định của nhà báo này về cuộc gặp gỡ hôm đó:

“Trời đã muộn. Đức Thánh Cha tặng tôi hai cuốn sách kể lại lịch sử của ngài tại Á Căn Đình cho tới Công nghị Hồng Y bầu ngài làm Giáo Hoàng. Một cuốn dày hàng trăm trang. Chúng tôi ôm hôn nhau. Và Đức Thánh Cha đã muốn mang hai cuốn sách ra xe cho tôi. Chúng tôi xuống thang máy và ra cửa nhà trọ thánh Marta. Chiếc xe của tôi đã dừng trước cửa. Ông tài xế xuống xe bắt tay chào Đức Thánh Cha và tìm giúp tôi vào trong xe. Đức Thánh Cha mời ông tài xế ngồi vào tay lái cho xe nổ máy và nói “Để tôi giúp ông ấy”. Ngài đỡ tôi và giúp tôi vào trong xe và giữ cửa xe mở. Khi tôi đã ngồi trong xe, ngài hỏi tôi có thoải mái không. Tôi trả lời là có. Khi đó ngài mới đóng cửa xe, và lui ra sau một bước chờ cho xe chuyển bánh, Ngài vẫy tay chào tôi cho tới phút chót, trong khi tôi đầy nước mắt vì cảm động. Tôi thường viết rằng Đức Thánh Cha Phanxicô là một người cách mạng. Ngài nghĩ đến việc phong chân phước cho ông Pascal, ngài nghĩ tới người nghèo, người di cư. Ngài cầu mong một Âu châu liên bang và cuối cùng và không phải cuối cùng ngài giơ tay giúp tôi vào trong xe. Một vị Giáo Hoàng như thế chúng ta đã không bao giờ có! Và những gì ngài đã nói với tôi trong cuộc phỏng vấn cứ vang lên trong đầu tôi”.

Đức Phanxicô và Ông Trump: mô thức lãnh đạo thế kỷ 21

(Ngày 04/08/2017)

Theo ký giả John Allen Jr., bất chấp nhiều khác biệt lớn lao về thể giới quan, kinh nghiệm và nghị trình, Ông Trump và Đức Phanxicô vẫn có những tương đồng khá ngỡ ngàng. Cả hai đều là những người dân túy phi qui ước, dù với các sắc thái rất khác nhau. Cả hai từ bản năng vốn hoài nghi bộ máy lãnh đạo hiện họ đang điều khiển, tức Vatican của Đức Phanxicô và hệ thống quan lại liên bang của Ông Trump. Cả hai đều có thiên bẩm lôi kéo sự chú ý của thiên hạ, bất cứ là chú ý đề ca ngợi (Đức Phanxicô) hay chú ý đề phê phán (Ông Trump).

Allen cho rằng bài tiểu luận của Richard Haas về các rủi ro và cơ may trong nghị trình chính sách ngoại giao của Trump đăng trên số mới nhất của tập san *Foreign Affairs*, còn gián tiếp gợi ý một tương đồng khác, tức cách cai trị của hai người.

Hiện là Chủ Tịch của Hội Đồng Liên Hệ Với Nước Ngoài, một Hội Đồng độc lập, phi đảng phái, liên tục từ năm 2003, và là cựu Giám Đốc Hoạch Định Chính Sách của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, Haas được coi như một quan sát viên tinh tường nhất của Hoa Kỳ đối với tình hình thế giới. Mặc dù bị những người “Nước Mỹ là nhất” trong chính phủ Trump phủ quyết chức Phó Bộ Trưởng Ngoại Giao, tiểu luận của Haas nói chung rất tích cực, vì cho rằng Trump có cơ hội tạo được nhiều thành công quan trọng trong chính sách ngoại giao.

Tuy nhiên, ông cũng cho rằng các cơ hội này rất có thể bị trệch đường rầy, phần lớn tùy thuộc cung cách đưa ra quyết định của Trump. Đây là nhận định chủ yếu của Haas:

“Trump rõ ràng thích diễn trình phi chính thức trong việc đưa ra quyết định; bao gồm nhiều tiếng nói khác nhau và nhiều điểm đóng góp, sau đó, đi theo đường riêng của mình. Nhưng phương thức này có cả yếu điểm lẫn ưu điểm, và nếu chính phủ muốn tránh các nguy cơ phát xuất từ việc tùy hứng (improvisation) quá đáng, thì họ cần bảo đảm rằng diễn trình chính thức trong việc tạo chính sách cho Hội Đồng An Ninh Quốc Gia phải trội vượt hơn diễn trình phi chính thức – và các cuộc bàn luận phi chính thức quan trọng cuối cùng phải được tích nhập vào diễn trình chính thức thay vì được tiến hành

riêng rẽ”.

Dĩ nhiên, người ta có thể đồng ý hay bất đồng với kết luận trên, nhưng việc chẩn đoán thì khó mà bác bỏ được: Ông Trump quả muốn chạy vòng vòng quanh các thủ tục chính thức.

Và nếu ai quen thuộc với sự việc của Vatican, lối chẩn đoán trên hình như quen thuộc một cách kỳ lạ.

Như nhiều người biết, Đức Phanxicô hay có xu hướng dựa nhiều vào mạng lưới bằng hữu và các cố vấn phi chính thức để lên khuôn cho tư duy của ngài hơn là các cơ cấu chính thức của Vatican. Nếu ai đó tin rằng Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin có ảnh hưởng chính trong việc lèo lái các quyết định của ngài về các vấn đề thần học, hay Thánh Bộ Thờ Phụng Thiên Chúa đóng vai trò này về phụng vụ, thì rõ ràng là chưa bao giờ quan sát Tòa Thánh cả.

Các quan sát viên gần gũi biết rất rõ rằng khi đụng tới các vấn đề thần học, Đức Phanxicô dựa nhiều vào Đức Tổng Giám Mục Victor Fernández, người Á Căn Đình, một người bạn cũ của ngài, và hiện đứng đầu Giáo Hoàng Đại Học tại Buenos Aires, chứ không hẳn bất cứ ai đó đứng đầu Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin.

Với những người ái mộ Đức Phanxicô, sự độc lập đối với “hệ thống” này là một phần tạo ra sức lôi cuốn của ngài. Còn với những người phê bình, nó là một phần của điều khiến ngài trở thành nguy hiểm và gây bất ổn. Tuy nhiên, dù sao, đây cũng là đặc điểm trong phong cách của ngài.

Sau đây là một nhận định khác của Haas về Trump:

“Tổng Thống cũng rõ ràng thích làm người khó đoán. Việc này có thể có lý nếu là một chiến thuật, nhưng không phải là một chiến lược. Giữ cho kẻ thù không biết đường mò (off balance) có thể hữu dụng, nhưng giữ cho bạn bè và đồng minh không biết đường mò thì không hữu dụng bao nhiêu - nhất là các bạn bè và đồng minh vốn đặt nền an ninh của họ vào tay Hoa Kỳ trong nhiều thế hệ qua. Càng thấy rằng bàn tay này kém vững ổn, họ càng có thể quyết định tự tìm hướng khác, phớt lờ các yêu cầu của Washington và cân nhắc các thỏa hiệp bên lề để bảo vệ quyền lợi của họ. Các vụ đảo ngược chính sách thường xuyên, cả những vụ đảo ngược được hoan nghênh, cũng đều gây thiệt hại đáng kể cho khả tín tính của Hiệp Chúng Quốc và cho tiếng thơm đáng cậy nhờ của nó”.

Một lần nữa, nếu ta nhắm mắt và quên đi các dị biệt hiển nhiên giữa nhà nước và Giáo Hội, hẳn ta sẽ nghĩ Haas đang nói về Đức Phanxicô.

Tháng Ba tới kỷ niệm đúng 5 năm ngày ngài được bầu làm giáo hoàng và nếu ta thăm dò các “đồng minh” truyền thống của ngôi vị giáo hoàng, gồm cả những người Công Giáo, về phương diện lịch sử, luôn tuân phục Đức Giáo Hoàng lẫn những người ở bên ngoài Giáo Hội nhưng có thói quen thực hiện các chính nghĩa chung với Rôma, có lẽ sự thất vọng hơn cả của họ là không bao giờ biết Đức Phanxicô sắp sửa nói hay làm gì.

Một lần nữa, về lâu về dài, không biết điều trên tích cực hơn hay tiêu cực hơn. Nhưng chắc một điều, đối với những người có xu hướng nghĩ rằng Đức Phanxicô là một sức mạnh tích cực cho cả Giáo Hội lẫn thế giới, thì sự kiện ngài không ngừng khuấy động sự việc lên là thành phần tạo ra sức lôi cuốn của ngài. Rất nhiều lần, ngài gửi đi sứ điệp này: không nên duy trì hiện trạng, lập trường “làm việc như bình thường” (business as usual) đã cáo chung.

Tuy nhiên, bất chấp giải thích ra sao, ý thích “cai trị cách bất ngờ” dường như đã trở thành một sự kiện hiển nhiên đối với vị đương kim giáo hoàng.

Có lẽ câu kết luận ở đây là: không kể vấn đề ý thức hệ, cả Đức Phanxicô lẫn Ông Trump đều đang lên khuôn cho mẫu lãnh đạo của thế kỷ 21: coi nhẹ các định chế và guồng máy hành chánh, buộc cả bạn lẫn thù phải đoán chừng.

Nguyên văn bài diễn văn của Đức Phanxicô về Phụng Vụ: Cuộc cải tổ Phụng Vụ của Vatican II là không thể đảo ngược.

(Ngày 29/08/2017)

Ngày 24 tháng Tám vừa qua, lúc 12 giờ trưa, Đức Phanxicô đã tiếp kiến, tại Hội Trường Phaolô VI, các tham dự viên của Tuần Lễ Phụng Vụ Toàn Quốc Ý lần thứ 68. Chủ đề của Tuần Lễ Phụng Vụ năm nay là “Một Phụng Vụ Sống Động cho Một Giáo Hội Sống Động”.

Nhân dịp này, Đức Phanxicô tuyên bố một cách long trọng rằng cuộc cải tổ phụng vụ của Vatican II là không thể đảo ngược. Ngài nói: “Chúng ta có thể quả quyết một cách chắc chắn và với thế giá của huấn quyền rằng cuộc cải tổ phụng vụ là điều không thể đảo ngược được”.

Sau đây là nguyên văn bài diễn văn dựa vào bản tiếng Anh của Hãng Tin Zenit:

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Tôi chào mừng tất cả anh chị em và xin cảm ơn vị Chủ Tịch, Đức Cha Claudio Maniago, về những lời ngài trình bày về Tuần Lễ Phụng Vụ Toàn Quốc, kỷ niệm 70 năm ngày ra đời của Trung Tâm Hoạt Động Phụng Vụ.

Khoảng thời gian trên là một thời kỳ, trong đó, trong lịch sử Giáo Hội, và, cách riêng, trong lịch sử phụng vụ, các biến cố chủ yếu chứ không hề hời hợt đã diễn ra. Công Đồng Vatican II sẽ không thể bị quên lãng thế nào thì cuộc cải tổ phụng vụ cũng sẽ được tưởng nhớ như thế vì nó từ đó mà có.

Công Đồng và cuộc cải tổ là các biến cố trực tiếp liên kết với nhau, các biến cố không bỗng chốc đem bông mà đã được chuẩn bị từ lâu. Nó đã được chứng nghiệm bởi điều được gọi là phong trào phụng vụ, và các câu giải đáp do Các Vị Giám Mục Tối Cao đưa ra để trả lời các khó khăn được tri cảm trong việc cầu nguyện trong Giáo Hội. Khi một nhu cầu được ghi nhận, dù giải pháp chưa tức thì có đó, vẫn có nhu cầu phải bắt đầu hành động.

Tôi nghĩ tới Đức Piô X, đáng đã truyền lệnh phải sắp xếp lại nền âm nhạc thánh (1) và việc phục hồi cử hành ngày Chúa Nhật (2); ngài còn lập một Ủy Ban để cải tổ tổng quát nền phụng vụ, vì biết rằng nó sẽ có bao hàm một công việc vừa dài vừa ngắn hạn; và do đó, như chính ngài thừa nhận, cần phải nhiều năm qua đi, trước khi tòa nhà phụng vụ này, có thể nói như thế, [...] tái hiện sáng chói trong phẩm giá và sự hoà hợp của nó, khi đã được thanh tẩy khỏi mọi vết nhơ của tuổi già” (3).

Đức Piô XII đã tiếp nối dự án cải tổ với Thông Điệp *Mediator Dei* (4) và lập ra một Ủy Ban Nghiên Cứu (5); ngài cũng đưa ra nhiều quyết định cụ thể liên quan đến sách Thánh Vịnh (6), giảm chay trước khi Rước Lễ, sử dụng sinh ngữ trong Nghi Thức, cải tổ quan trọng Lễ Vọng Phục Sinh và Tuần Thánh (7). Từ thúc đẩy này, theo gương nhiều dân tộc khác, Trung Tâm Hoạt Động Phụng Vụ đã xuất hiện tại Ý, được hướng dẫn bởi các vị giám mục biết lo lắng cho những người đã được ủy thác cho mình và được sinh động hóa nhờ các học giả biết yêu mến Giáo Hội cũng như nền mục vụ phụng vụ.

Rồi Công Đồng Vatican II đã hoàn thiện Hiến Chế về phụng vụ thánh *Sacrosanctum Concilium* (SC) như hoa trái tốt lành của cây Giáo Hội; các đường hướng cải tổ tổng quát của hiến chế này đáp ứng các nhu cầu có thực và niềm hy vọng cụ thể về một cuộc canh tân: một phụng vụ sống động được mong ước cho một Giáo Hội vốn được lên sinh lực nhờ các mầu nhiệm được cử hành. Đây là việc nói lên một cách mới mẻ sinh lực muôn thuở của Giáo Hội cầu nguyện, Giáo Hội hằng bận tâm lo cho các Kitô hữu “tham dự vào mầu nhiệm đức tin ấy, không như những khách bàng quan, câm lặng, nhưng là những người thấu đáo mầu nhiệm đó nhờ các nghi lễ và kinh nguyện: họ tham dự hoạt động thánh một cách ý thức, thành kính và linh động” (SC, 48). Chân Phước Phaolô VI đã nhắc lại điều vừa rồi khi giải thích các biện pháp đầu tiên của cuộc cải tổ mới được công bố: “Nên cảnh giác điều này: thích đáng biết bao nếu thẩm quyền của Giáo Hội mong muốn, cổ vũ, đề xướng lối cầu nguyện mới mẻ này, nhờ thế đem lại một sự gia tăng lớn lao hơn cho sứ mệnh thiêng liêng của Giáo Hội [...]; và ta không

nên do dự trong việc tự làm cho mình trước nhất trở thành các môn đệ và sau đó trở thành các người yểm trợ trường cầu nguyện đang khởi sự bắt đầu này” (8).

Hướng đi do Công Đồng vạch ra đã tìm được hình thức của nó, một hình thức phù hợp với nguyên tắc vừa kính trọng truyền thống lành mạnh vừa kính trọng sự tiến bộ chính đáng; hình thức này được tìm thấy nơi các sách phụng vụ do Chân Phúc Phaolô VI công bố, và được tiếp nhận một cách nồng nhiệt bởi các vị giám mục hiện diện tại Công Đồng, và cho tới nay trong gần 50 năm được sử dụng trong Nghi Lễ Rôma. Việc áp dụng thực tế cho từng quốc gia liên hệ, dưới sự hướng dẫn của các hội đồng giám mục, vẫn thịnh hành, vì đề canh tân não trạng, cải cách các sách phụng vụ mà thời không đủ. Phù hợp với qui phạm trong các sắc lệnh của Công Đồng, các sách cải tổ đã khắc ghi một diễn trình đòi hỏi thì giờ, trung thành tiếp nhận, thực tiễn vâng lời, thi hành việc cử hành khôn ngoan, trước nhất, từ phía các thừa tác viên thụ phong, nhưng cũng từ phía các thừa tác viên khác, các linh xướng viên (cantor), và tất cả những ai tham dự phụng vụ. Thực vậy, ta biết đây, việc giáo dục phụng vụ cho các mục tử và tín hữu là một thách đố phải luôn được đề cập lại. Chính Đức Phaolô VI, một năm trước khi qua đời, đã nói với các vị hồng y tụ họp nhau tại cơ mật hội: “Nay đã đến lúc để các chia rẽ nhất định phải thất bại, vì tất cả đều độc hại như nhau, cách này hay cách khác, và áp dụng, một cách toàn diện với đủ mọi tiêu chuẩn công chính và gọi hứng của nó, việc cải tổ đã được Ta chấp thuận để thực thi các quyết định của Công Đồng” (10).

Và hiện nay, vẫn còn việc phải làm trong chiều hướng trên, cách riêng, phải tái khám phá các lý do cho quyết định đã được đưa ra đối với việc cải tổ phụng vụ, phải khắc phục các bài đọc thiếu nền tảng và hời hợt, việc tiếp nhận và các thực hành phiên dịch khiến phụng vụ ra méo mó. Đây không hẳn là việc phải suy nghĩ lại cuộc cải tổ bằng cách khảo sát lại các quyết định, mà là nhận thức tốt hơn các lý do nằm ở bên dưới, và nhờ các tài liệu lịch sử, biết nội tâm hóa các nguyên tắc linh hứng và tuân giữ các kỷ luật qui định về nó. Sau huấn quyền này, sau cuộc hành trình lâu dài này, ta có thể quả quyết một cách chắc chắn và với thế giá của huấn quyền rằng cuộc cải tổ phụng vụ là điều không thể đảo ngược được.

Nhiệm vụ cổ vũ và bảo vệ phụng vụ đã được bộ giáo luật ủy thác cho Tòa Thánh và các giám mục giáo phận; trách nhiệm và thẩm quyền của những vị này rất đáng kể vào lúc này; các cơ quan quốc gia và giáo phận lo việc mục vụ phụng vụ, các viện huấn luyện và các chủng viện cũng tham gia vào việc này. Ở Ý, nổi bật trong lãnh vực huấn luyện này là Trung Tâm Hoạt Động Phụng Vụ với nhiều sáng kiến của nó như Tuần Lễ Phụng Vụ hàng năm.

Sau khi duyệt lại cuộc hành trình này bằng ký ức, nay tôi muốn đề cập một số khía cạnh dưới chủ đề được anh chị em suy nghĩ trong mấy ngày này, tức là “Một Phụng Vụ Sống Động cho một Giáo Hội Sống Động”.

Phụng vụ “sống động” là nhờ sự hiện diện sống động của Đấng “khi chết đã tiêu diệt sự chết và khi sống lại đã phục hồi sự sống cho chúng con” (Kinh Tiến Tụng Phục Sinh I), không có sự hiện diện thực sự của mầu nhiệm Chúa Kitô, sẽ không có sự sinh động của phụng vụ. Không có nhịp đập của trái tim, sẽ không có sự sống con người thế nào, thì ở đây, không có nhịp đập của Chúa Kitô, sẽ không có hoạt động phụng vụ nào như thế. Thực ra, điều định nghĩa phụng vụ chính là sự thực thi, qua các dấu hiệu thánh thiện, chức linh mục của Chúa Giêsu Kitô, nghĩa là, việc người hiến mạng sống Người đến độ chịu chết giang tay trên thập giá, một chức linh mục được làm cho trở thành hiện diện không ngừng nhờ các nghi thức và lời cầu nguyện, tuyệt hảo nhất trong Mình và Máu Thánh Người, nhưng cũng trong con người của vị linh mục, trong việc công bố Lời Chúa, trong cộng đoàn tụ họp để cầu nguyện nhân danh Người (xem SC, số 7). Trong số các dấu hiệu hữu hình của Mầu Nhiệm vô hình, ta thấy có bàn thờ, dấu chỉ Chúa Kitô là viên đá sống động, bị con người liệng bỏ nhưng đã trở thành viên đá góc của tòa nhà thiêng liêng trong đó việc thờ phượng bằng tinh thần và sự thật được dâng lên Thiên Chúa hằng sống (xem *IPr* 2:4; *Ep* 2:20). Bởi thế, bàn thờ, trung tâm mà mọi chú ý của ta qui về trong các nhà thờ (11), đã được thánh hiến, được xúc dầu thánh, được xông hương, được hôn kính, được tôn kính: cái nhìn của dân cầu nguyện, cả linh mục lẫn giáo dân, đều hướng về bàn thờ, được triệu tập để tụ họp quanh nó (12); được đặt trên bàn thờ là lễ vật của Giáo Hội mà Chúa Thánh Thần đã thánh hiến thành Bí Tích hy sinh của Chúa Kitô; từ bàn thờ, bánh sự sống và chén cứu độ được ban

phát “để chúng con trở thành một thân thể và một tinh thần trong Chúa Kitô” (*Kinh nguyện Thánh Thể III*).

Phụng vụ là sự sống dành cho toàn bộ dân của Giáo Hội (13). Quả thế, từ bản chất, phụng vụ vốn là của “người dân” (*populus*) chứ không phải của hàng giáo sĩ, là hành động vì dân và của dân, như chính từ nguyên đã chứng tỏ. Như rất nhiều lời cầu nguyện phụng vụ đã nhắc nhở, nó là hành động mà Thiên Chúa đã thi hành vì dân của Người, nhưng cũng là hành động dân lắng nghe lời của Thiên Chúa nói, và họ đáp ứng bằng cách ca ngợi Người, cầu khẩn Người, lãnh nhận nguồn bất tận của sự sống và lòng thương xót tuôn ra từ các dấu hiệu thánh thiện. Giáo Hội cầu nguyện qui tụ tất cả những ai có một tâm hồn biết lắng nghe Tin Mừng, chứ không hề loại bỏ ai; được triệu mời là người hèn mọn và người cao cả, người giàu có và người nghèo khổ, trẻ em và người cao niên, người khỏe mạnh và người ốm đau, người công chính và người tội lỗi. Phù hợp với hình ảnh “đám đông menh mông” cử hành phụng vụ tại đền thánh Thiên Quốc (Xem *Kh 7:9*), cộng đồng phụng vụ, trong Chúa Kitô, vượt lên trên mọi giới hạn tuổi tác, chủng tộc, ngôn ngữ và quốc gia. Tầm mức “người dân” của phụng vụ nhắc ta nhớ rằng nó có tính bao gồm (*inclusive*) chứ không loại trừ (*exclusive*), cổ vũ sự hiệp thông, tuy nhiên không đánh đồng (*homologizing*), vì nó kêu gọi từng người đóng góp vào việc xây dựng Nhiệm Thể Chúa Kitô, tùy theo ơn gọi và tính độc đáo của mình: “Thánh Thể không phải là một bí tích ‘dành cho tôi’ mà thôi, nó là bí tích của nhiều người lập thành một thân thể là dân thánh tín thành của Thiên Chúa” (14). Do đó, chúng ta không nên quên rằng trước nhất nó là nền phụng vụ nói lên lòng *sùng đạo* (*pietas*) của toàn bộ dân Chúa, rồi được kéo dài nhờ việc thi hành và lòng sùng kính mà chúng ta vốn biết dưới danh xưng *lòng đạo bình dân*, một lòng đạo đức cần được đánh giá và khuyến khích trong sự hòa hợp với phụng vụ (15). Phụng vụ là sự sống chứ không phải một ý niệm để hiểu xuôi mà thôi. Thực vậy, nó dẫn tới việc sống kinh nghiệm khởi đầu, vốn có tính biến đổi lối suy nghĩ và cư xử, chứ không làm phong phú một mớ ý niệm về Thiên Chúa. Việc thờ phượng của phụng vụ “trước hết không phải là một học lý để hiểu xuôi hay một nghi thức để cử hành; dĩ nhiên nó cũng là một nghi thức nhưng xét cách khác, nó khác hẳn: nó là một nguồn sống và soi sáng hành trình đức tin của ta” (16).

Suy gẫm thiêng liêng là một điều khác với phụng vụ, vì phụng vụ “thực sự là bước vào mầu nhiệm Thiên Chúa; để mình được dẫn vào mầu nhiệm và hiện hữu trong mầu nhiệm” (17). Có một sự khác nhau lớn giữa việc nói rằng Thiên Chúa hiện hữu và việc cảm thấy Thiên Chúa yêu thương chúng ta, trong con người thực của chúng ta, ngay lúc này và tại đây. Trong lời cầu nguyện của phụng vụ, chúng ta cảm nghiệm sự hiệp thông được tượng trưng không phải bằng các ý niệm trừu tượng nhưng bằng một hành động mà Thiên Chúa và chúng ta, mà Chúa Kitô và Giáo Hội, là các tác nhân (18). Do đó, các nghi thức và lời cầu nguyện (xem *SC*, số 48), từ bản chất của chúng chứ không do các giải thích của chúng ta, đã trở thành một trường học dạy lối sống Kitô Giáo, mở ra cho mọi người có lỗi tai rộng mở, có mắt có tim để học hỏi ơn gọi và sứ mệnh của môn đệ Chúa Giêsu. Điều này phù hợp với nền huấn giáo nhiệm tính (*mystagogic catechesis*) vốn được các giáo phụ thực hành và cũng đã được *Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo* tiếp nhận; Sách này nói về phụng vụ, Phép Thánh Thể và các bí tích khác dưới ánh sáng các bản văn và nghi thức trong các sách phụng vụ ngày nay.

Nhờ kết hợp thành một hiện hữu sống động với Chúa Kitô mà trở thành người cư mang sự sống, trở thành mẹ, thành nhà truyền giáo, nhưng Giáo Hội chỉ thực sự sống động nếu dám đi ra ngoài gặp gỡ người lân cận, lo lắng phục vụ mà không chạy theo các thế lực trần gian chỉ khiến Giáo Hội ra hiểm muộn. Do đó, việc cử hành các mầu nhiệm thánh nhắc chúng ta nhớ tới Đức Mẹ, Trinh Nữ của Kinh Ngợi Khen, chiêm ngưỡng nơi ngài “mọi điều ngài ước mong và hy vọng, như trong một hình ảnh tinh ròng nhất” (*SC* 103).

Cuối cùng, chúng ta không thể quên được rằng sự phong phú của Giáo Hội cầu nguyện, vì là “công giáo”, nên phải vượt quá Nghi Lễ Rôma, là nghi lễ, mặc dù sâu rộng nhất, nhưng không duy nhất. Sự hòa hợp của các truyền thống nghi lễ khác nhau của cả Đông Phương lẫn Tây Phương, từ hơi thở của cùng một Thần Khí, đem lại tiếng nói cho Giáo Hội cầu nguyện duy nhất vì Chúa Kitô, với Chúa Kitô và trong Chúa Kitô, vì vinh danh Chúa Cha và sự cứu rỗi thế giới.

Anh chị em thân mến, tôi cảm ơn anh chị em đã tới viếng thăm và tôi khuyến khích những ai có trách

nhệm đối với Trung Tâm Hoạt Động Phụng Vụ tiếp tục có lòng tin vào sự gọi hứng lúc ban đầu, là phục vụ việc cầu nguyện của dân thánh Thiên Chúa. Thực vậy, Trung Tâm Hoạt Động Phụng Vụ luôn nổi bật vì sự quan tâm đối với nền mục vụ phụng vụ, trung thành với các chỉ dẫn của Tòa Thánh cũng như của các giám mục và hưởng được sự hỗ trợ của các ngài. Kinh nghiệm lâu dài của Tuần Lễ Phụng Vụ, được tổ chức tại nhiều giáo phận của Ý, cùng với tập san “Phụng Vụ”, đã rất hữu ích trong việc cổ vũ cuộc canh tân phụng vụ trong đời sống các giáo xứ, các chủng viện và các cộng đồng tu trì. Cực nhọc là điều không thiếu, nhưng niềm vui cũng luôn có đó! Hôm nay, một lần nữa, tôi yêu cầu sự cam kết này nơi anh chị em: để giúp các thừa tác viên thụ phong, cũng như các thừa tác viên khác, các linh xưng viên, các nghệ sĩ, các nhạc sĩ biết hợp tác với nhau để phụng vụ thực sự là “nguồn suối và đỉnh cao của sinh lực trong Giáo Hội” (xem SC,10). Tôi xin anh chị em vui lòng cầu nguyện cho tôi và tôi xin ban cho anh chị em Phép Lành Tông Truyền từ đáy lòng tôi.

Chú thích

[1] Xem Tự Sắc *Tra le sollecitudini*, ngày 22 tháng Mười Một, 1903: ASS 36 (1904), 329-339.

[2] Xem Tông Hiến *Divino afflatu*, ngày 1 tháng Mười Một, 1911: AAS 3 (1911), 633-638.

[3] Tự Sắc *Abhinc duos annos*, ngày 23 tháng Mười, 1913: AAS 5 (1913) 449-450).

[4] 20 tháng Mười Một, 1947: AAS 39 (1947) 521-600.

[5] Xem Thánh Bộ Nghi Lễ, phần lịch sử, số 71. “Memoria sulla riform liturgica” (1946).

[6] Xem Piô XII, Tự Sắc *In cotidianis precibus*, ngày 24 tháng Ba, 1945: AAS 37 (1945) 65-67.

[7] Xem Thánh Bộ Nghi Lễ, Sắc Lệnh *Dominicae Resurrectionis*, ngày 9 tháng 2, 1951: AAS 43 (1951) 128-129; Id., Sắc Lệnh *Maxima Redemptionis*, ngày 16 tháng Mười Một, 1955: AAS 47 (1955) 838-841).

[8] *Yết Kiến Chung*, ngày 13 tháng Giêng, 1965.

[9] “Việc cải tổ các nghi thức và các sách phụng vụ đã được thực hiện gần như ngay sau khi công bố Hiến Chế *Sacrosanctum Concilium* và được thi hành một ít năm sau nhờ việc làm đáng kể và vô tư của rất đông các nhà chuyên môn và mục tử khắp thế giới (Xem *Sacrosanctum Concilium*, 25). Công việc này được thực hiện dưới sự hướng dẫn của nguyên tắc công đồng: trung thành với Truyền Thống và cởi mở với tiên bộ hợp pháp (xem *Đã dẫn*, 23); do đó, có thể nói rằng việc cải tổ phụng vụ hoàn toàn hợp truyền thống “*ad normam Sanctorum Patrum*” (quy phạm Giáo Phụ) (xem *Đã dẫn*, số 50; *Insitutio generalis Missalis Romani, Prooemium*, 6)” (Đức Gioan Phaolô II, Tông Thư *Vicesimus quintus annus*, 4).

[10] “Ngày nay, một điểm đặc thù trong đời sống Giáo Hội, một lần nữa, lôi cuốn sự chú ý của Đức Giáo Hoàng: đó là các hoa trái có ích không thể bác bỏ được của việc cải tổ phụng vụ. Kể từ lúc công bố Hiến Chế Công Đồng *Sacrosanctum Concilium*, nhiều tiến bộ vĩ đại đã được thực hiện, đáp ứng được các tiền đề do phong trào phụng vụ của cuối thế kỷ 19 đề xuất và đã thực hiện trọn vẹn các khát vọng sâu xa, mà rất nhiều người trong Giáo Hội cũng như các học giả từng cố gắng và cầu nguyện cho. Nghi Thức Thánh Lễ mới, do Ta công bố sau một chuẩn bị lâu dài, đầy trách nhiệm của nhiều cơ quan, và đã đưa nhiều bài tán dương (eulogies) khác vào Qui Điển Rôma, là qui điển cho đến nay chủ yếu vẫn không thay đổi, đã mang lại nhiều hoa trái tốt lành: tham dự nhiều hơn vào hành động phụng vụ; ý thức hành động thánh một cách đứng đắn hơn; nhận thức nhiều hơn và rộng rãi hơn các kho tàng bất tận của Thánh Kinh; gia tăng ý nghĩa cộng đoàn của Giáo Hội. Diễn biến trong các năm qua cho thấy chúng ta đang đi đúng đường. Tuy nhiên, bất hạnh thay, đã có những lạm dụng và tự sáng chế trong lúc thi hành. Nay đã đến lúc để các chia rẽ nhất định phải thất bại, vì tất cả đều độc hại như nhau, cách này hay cách khác, và áp dụng, một cách toàn diện với đủ mọi tiêu chuẩn công chính và gọi hứng của nó,việc cải tổ đã được Ta chấp thuận để thực thi các quyết định của Công Đồng” (Bà

nói chuyện *Gratias ex animo*, ngày 27 tháng Sáu, 1977: *Insegnamenti di Paolo VI*, XV [1977], 655-656, bằng tiếng Ý 662-663).

[11] Xem *Ordinamento generale del Messale Romano*, n 299; *Rito della dedicazione di un altare*, Premesse, nn. 155, 159.

[12] “Quanh bàn thờ này, chúng con được nuôi dưỡng bằng Mình và Máu Con Cha để tạo thành Giáo Hội duy nhất và thánh thiện của Cha” (*Nghi thức thánh hiến bàn thờ*, số 213, Kinh Tiền Tụng).

[13] “Các hành động phụng vụ không phải là các hành động tư riêng mà là các cử hành của Giáo Hội; mà Giáo hội thì vốn là ‘bí tích của hợp nhất’ nghĩa là, dân thánh tụ họp và được sắp xếp dưới sự hướng dẫn của các giám mục. Do đó, các hành động này thuộc toàn bộ cơ thể Giáo Hội, chúng biểu lộ Giáo Hội một cách minh nhiên và tiềm ẩn” (SC, số 26).

[14] *Bài giảng lễ trọng Mình và Máu Cực Thánh Chúa Kitô*, ngày 18 tháng Sáu, 2017: *L'Osservatore Romano*, các ngày 19-20 tháng Sáu, 2017, trang 8.

[15] Xem SC, 13; Tông Huấn *Evangelii gaudium*, ngày 24 tháng Mười Một, 2013, 122-126: AAS 105 (2013), 1071-1073.

[16] *Bài giảng Thánh Lễ Chúa Nhật III Mùa Chay*, Giáo Xứ Ognissanti thuộc Giáo Phận Rôma, ngày 7 tháng Ba, 2015.

[17] *Bài giảng Thánh Lễ tại Nhà Thánh Marta*, ngày 10 tháng Hai, 2014.

[18] “Hãy xem xem tại sao việc tưởng niệm Thánh Thể lại đem lại cho ta nhiều ơn phúc đến thế: đây không phải là một ký ức trừu tượng, lạnh lùng, chỉ có tính ý niệm, mà là ký ức sống động và đầy an ủi về tình yêu Thiên Chúa. [...] Trong Thánh Thể, có mọi mùi của lời và cử chỉ của Chúa Giêsu, mọi vị Phục Sinh của Người, mọi hương thơm của Thần Trí Người. Được khắc ghi trong trái tim tiếp nhận nó của chúng ta là sự chắc chắn được Người yêu thương” (*Bài giảng lễ trọng Mình và Máu Cực Thánh Chúa Kitô*, ngày 18 tháng Sáu, 2017: *L'Osservatore Romano*, các ngày 19-20 tháng Sáu, 2017, trang 8).

Đức Phanxicô có ủng hộ hôn nhân đồng tính như một số người Công Giáo Úc nghĩ không?

(Ngày 04/09/2017)

Có khoảng 5 triệu người Công Giáo ở Úc. Với đặc tính đa nguyên của xã hội Úc và nhất là dưới ảnh hưởng nặng nề của chủ nghĩa duy tục hiện nay, 5 triệu người Công Giáo này không cùng nghĩ và hành động như nhau dù Chúa Nhật nào họ cũng cùng đọc một kinh Tin Kính: tôi tin Giáo Hội công giáo, duy nhất, thánh thiện, và tông truyền.

Nên khi có những người và những nhóm Công Giáo lên tiếng ủng hộ hôn nhân đồng tính, thì điều này không gây ngạc nhiên bao nhiêu. Nhưng khi họ làm thế nhân danh Đức Phanxicô, người được coi là vị đại diện dưới thể của Chúa Kitô, thì việc này quả gây ngỡ ngàng.

Và đó là trường hợp của hai vị đứng đầu hai trường Công Giáo hàng đầu của Giáo Hội Công Giáo Úc: Trường Ignatius ở Sydney và Trường Xavier ở Melbourne. Trường đầu là “alma mater” của cựu thủ tướng Abbott, người quyết liệt chống hôn nhân đồng tính, trường sau là “alma mater” của thủ lãnh đối lập Shorten, người quyết liệt ủng hộ hôn nhân đồng tính.

Ký Giả Michael Koziol, trong bản tin của mình, viết như sau: “Hai trường Công Giáo nổi danh nhất của Úc đã thận trọng ủng hộ hôn nhân đồng tính trong thư gửi các phụ huynh, nhân viên và học sinh, trực tiếp chỉ trích các tuyên bố mới đây của các nhà lãnh đạo Giáo Hội.

“Dù dừng lại, chưa đi đến chỗ cổ vũ lá phiếu “có”, Trường Ignatius ở Sydney và Trường Xavier ở Melbourne đã nại tới các giáo huấn của Đức Giáo Hoàng Phanxicô về tình yêu, lòng thương xót và không phê phán, để thúc giục cộng đồng nhà trường phải lắng nghe tiếng lương tâm của họ”.

Theo ký giả trên, linh mục Chris Middleton, Giám Đốc Trường Xavier hoàn toàn dựa vào xu hướng của người trẻ trong việc ủng hộ hôn nhân đồng tính để thúc giục hàng giáo phẩm phải thực hiện một “cuộc kiểm tra thực tại” (a reality check): “Theo kinh nghiệm của tôi, gần như có một sự nhất trí nơi người trẻ trong việc ủng hộ hôn nhân đồng tính, và các luận điểm chống lại nó hầu như không có bất cứ tác dụng nào đối với họ”.

Linh mục Middleton, sau đó, ca ngợi xu hướng trọng bình đẳng của người trẻ: “Họ bị thôi thúc bởi một cam kết xúc cảm mạnh mẽ đối với sự bình đẳng, và điều này chắc chắn là một điều phải tôn trọng và ca ngợi. Họ duy lý tương đối với giá trị họ dành cho tình yêu, vốn là giá trị hàng đầu trong Tin Mừng”.

Và Cha cho rằng tôn giáo không có vai trò gì trong cuộc trưng cầu dân ý kỳ này vì “cuộc bỏ phiếu này có liên quan tới hôn nhân như một quyền dân sự, và trong yếu tính, không đụng gì tới cái hiểu bí tích của người Công Giáo về hôn nhân”.

Còn Tiến Sĩ Paul Hine, hiệu trưởng Trường Ignatius ở Riverview, Sydney, bác bỏ nhận định của Đức Tổng Giám Mục Hart về việc sa thải các nhân viên cưới người đồng tính: “Tôi không biết liệu Riverview có bất cứ thầy cô hay phụ huynh đồng tính nào trong trường và nếu họ có ý định kết hôn hay không: nhưng tôi sẽ không hỏi với ý định xua đuổi họ khỏi trường.

“Những người có xu hướng đồng tính, vì là thành phần của cộng đồng chúng ta, nên được nghênh đón và trân quý như là thành phần của sứ mệnh lớn lao hơn của Giáo Hội, và sứ mệnh đó là đem tình yêu Thiên Chúa cho thế giới và những ai cần đến nó”.

Hai vị đứng đầu hai trường Công Giáo nổi tiếng trên có lý do riêng của họ khi ủng hộ quyền của người đồng tính. Như kết quả của cuộc nghiên cứu HILDA trong hơn 10 năm qua của Học Viện Melbourne (xem bài "Cập nhật tin tức chung quanh cuộc trưng cầu ý dân về hôn nhân đồng tính tại Úc") cho thấy, những người xuất thân từ giới nói tiếng Anh, có bằng cấp đại học, có thu nhập cao thường có xu hướng ủng hộ người đồng tính. Hai trường Ignatius và Xavier là hai trường phục vụ những người này nhiều nhất. Giống như người Hồi Giáo hiện nay ở Úc, hai trường này không muốn mất đồng minh.

Tuy nhiên, xu hướng bảo hoàng hơn vua là xu hướng cho tới nay vẫn rất thịnh hành trong một xã hội mà sự cạnh tranh được nâng lên hàng “quốc sách”, hai trường này hình như đi xa hơn xu hướng trọng bình đẳng của thân chủ họ.

Thực vậy, câu hỏi mà cuộc nghiên cứu HILDA trong 10 năm chỉ là về sự bình đẳng về quyền lợi. Sự bình đẳng này được thể hiện trọn vẹn cả dưới hình thức kết hợp dân sự giữa hai người cùng phái tính lẫn hôn nhân giữa một người đàn ông và một người đàn bà.

Giáo Hội có thể ủng hộ hình thức kết hợp dân sự, nhưng không thể nhìn nhận cuộc kết hợp giữa hai người cùng phái tính là hôn nhân được. Nói như linh mục Middleton, Dòng Tên, rằng: “cuộc bỏ phiếu này có liên quan tới hôn nhân như một quyền dân sự, và trong yếu tính, không đụng gì tới cái hiểu bí tích của người Công Giáo về hôn nhân” là nói theo linh mục Brennan, cũng thuộc Dòng Tên, khi linh mục này bảo rằng ngài tiếp tục bênh vực giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân nghĩa là sự kết hợp giữa một người đàn ông và một người đàn bà, nhưng việc này phải được phân biệt hẳn với hôn nhân dân sự, là điều người Úc hiện đang được hỏi ý kiến trong cuộc trưng cầu ý dân sắp tới. “Đây là một định chế khác hẳn với điều là hôn nhân trong Giáo Hội Công Giáo”.

Nhà giáo luật học Edward Peters cho nhận định trên là vô nghĩa, không đầu không đuôi. Theo ông, hôn nhân, một nhân quyền căn bản, phát xuất từ sự ưng thuận hỗ tương của một người đàn ông có khả

năng và một người đàn bà có khả năng, trong khi hôn nhân bí tích, mà ta có thể gọi là Phép Hôn Phối (Matrimony), là hậu quả chắc chắn về phương diện thần học của hôn nhân xảy ra giữa một người đàn ông đã chịu phép rửa và một người đàn bà đã chịu phép rửa.

Thành thử, mỗi lần một cuộc hôn nhân xảy ra giữa các người đã chịu phép rửa, thì Phép Hôn Phối cũng xảy ra; nhưng nếu một cuộc hôn nhân không xảy ra, vì bất cứ lý do nào, thì cũng không có Phép Hôn Phối nào xảy ra cả.

Sau đó, cách nay 4 thế kỷ, để chống lại các cuộc hôn nhân lén lút, Giáo Hội Công Giáo đã buộc các tín hữu phải cưới nhau trước một giáo sĩ Công Giáo, thì hôn nhân của họ mới được coi là thành hiệu. Điều kiện mới này khiến nhiều người Công Giáo, trong đó, dường như có cả linh mục Brennan, vốn là một luật gia, lầm tưởng hôn nhân bên ngoài Giáo Hội là vô giá trị.

Không gì sai hơn điều ấy. Vì không những Giáo Hội nhìn nhận hôn nhân của những người không phải là Công Giáo mà còn coi hôn nhân của những người đã chịu phép rửa không phải là Công Giáo là Phép Hôn Phối, dù những người này không nhận hôn nhân của họ là một bí tích, miễn đây là một cuộc kết hợp giữa một người đàn ông và một người đàn bà.

Nói tóm lại, bệnh vực một “hôn nhân đồng tính” luôn là điều sai. Edward Peters cũng cho rằng việc hôn nhân chỉ có thể hiện hữu giữa một người đàn ông và một người đàn bà là một chân lý được giảng dạy bằng sự chắc chắn không thể sai lầm của Giáo Hội Công Giáo. Điều này có nghĩa: người Công Giáo nào chấp nhận bất cứ loại kết hợp nào khác như một hình thức hôn nhân là “chống lại tín lý của Giáo Hội Công Giáo” (Bộ Giáo Luật năm 1983 điều 750 § 2), khiến họ phải chịu hình phạt xứng đáng (Bộ Giáo Luật năm 1983 điều 1371 số 1).

Nhưng còn vấn đề phải chống lại bất cứ mưu toan dân sự nào trong việc dành cho các cặp đồng tính bất cứ quyền lợi nào của các cặp hôn nhân thì Văn Kiện “Considerations Regarding Proposals To Give Legal Recognition to Unions Between Homosexual Persons” (Các Xem Xét liên quan tới Các Đề Xuất Dành Việc Nhìn Nhận Hợp Pháp Các Cuộc Kết Hợp Giữa Những Người Đồng Phái Tính) năm 2003 của Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin không nói gì.

Dù gì, thì hôn nhân đồng tính là điều Giáo Hội Công Giáo không thể chấp nhận. Trung dẫn Đức Phanxicô đề bệnh vực nó là điều hoàn toàn đi ngược lại giáo huấn của ngài. Trong cuốn “Politique et Société” (Chính trị và xã hội) sẽ được phát hành vào ngày 6 tháng Chín này ở Pháp, thuật lại các cuộc phỏng vấn của nhà báo Dominique Wolton với ngài, Đức Phanxicô, khi được hỏi về hôn nhân đồng tính, đã nói rằng do chính định nghĩa nó, hôn nhân chỉ có thể giữa một người đàn ông và một người đàn bà. Ngài nói “Chúng ta không thể thay đổi điều này. Đây là bản chất của sự vật” không phải chỉ trong Giáo Hội mà là trong lịch sử con người.

Theo ngài chỉ nên gọi các cuộc kết hợp đồng tính là các “cuộc kết hợp dân sự. Chúng ta đừng đùa giỡn với sự thật”.

Tại Sydney là tổng giáo phận của Trường Ignatius, Đức Tổng Giám Mục Anthony Fisher vừa viết lá thư mục vụ về vấn đề này gửi tín hữu vào Chúa Nhật vừa qua. Sau đây là toàn văn lá thư của Đức Tổng Giám Mục Fisher:

Đức Giáo Hoàng Phanxicô có ủng hộ hôn nhân đồng tính không?

Một số nhà bình luận gần đây cho rằng lòng trung thành với giáo huấn Công Giáo, và nhất là với Đức Giáo Hoàng Phanxicô, sẽ cho phép, thậm chí buộc, người ta phải ủng hộ hôn nhân đồng tính; do đó, các giám mục Úc đã hiểu lầm giáo huấn Công Giáo và bất trung thành với Đức Giáo Hoàng Phanxicô khi nói rằng người Công Giáo nên bỏ phiếu KHÔNG. Nhưng thực sự Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nói gì về vấn đề này?

Tháng Tư năm 2010, lúc còn là Tổng Giám Mục Buenos Aires, ngài công bố một lá thư mục vụ với

lời lẽ mạnh mẽ, nhân danh các vị đồng giám mục của ngài, chống đối việc định nghĩa lại hôn nhân trong luật lệ của Á Căn Đình. Ngài nhắc các nhà cầm quyền dân sự nhớ trách nhiệm của họ là bảo vệ hôn nhân và sự đóng góp độc đáo của nó cho ích chung. Ngài nhấn mạnh rằng nhà nước không kỳ thị một cách bất công khi đòi một người đàn ông và một người đàn bà kết hôn với nhau: “Nhà nước chỉ công nhận một thực tại tự nhiên”. Vị giáo hoàng tương lai nói tiếp: “Hôn nhân, gồm một người đàn ông và một người đàn bà, không giống hết cuộc kết hợp của hai người cùng phái tính. Phân biệt như thế không phải là kỳ thị mà là tôn trọng sự khác nhau... Vào thời điểm khi chúng ta nhấn mạnh tới sự phong phú của tính đa nguyên và sự đa dạng về xã hội và văn hóa, quả là một mâu thuẫn khi tối thiểu hóa các dị biệt nền tảng của con người. Người cha không y hệt như người mẹ. Chúng ta không thể dạy các thế hệ tương lai rằng chuẩn bị đặt kế hoạch gây dựng một gia đình đặt căn bản trên mối tương quan bền vững giữa một người đàn ông và một người đàn bà là y hệt như sống với một người cùng phái tính”.

Nhưng Đức Hồng Y Bergoglio có thay đổi cung giọng của ngài khi trở thành Đức Giáo Hoàng Phanxicô không? Ngài từng có tiếng đã nhấn mạnh tới việc Giáo Hội phải gần gũi với người dân, đồng hành với họ về phương diện mục vụ giữa cảnh phức tạp của đời sống họ, và giúp họ hàn gắn các vết thương. Ngài ý thức rõ rệt rằng nhiều người bị lôi cuốn bởi người cùng phái tính cảm thấy bị cô lập bởi Giáo Hội và xã hội. Ngài nói rằng ngài sẽ không phê phán những người đồng tính nào thực sự tìm kiếm Thiên Chúa và tìm cách làm điều tốt.

Tuy nhiên, việc chăm sóc mục vụ một cách miễn cảm đối với các người đồng tính nam nữ, trong đó có những cặp đồng phái tính, phải nhất quán với việc đề cao sự thật về hôn nhân như là sự kết hợp suốt đời của một người đàn ông và một người đàn bà nhằm sinh sản. Thực vậy, Đức Giáo Hoàng Phanxicô từ trước đến nay vốn phê phán thứ “chủ nghĩa duy cá nhân tự yêu mình thái quá” (narcissistic individualism) của nền văn hóa đương thời, là nền văn hóa chuyên cổ vũ “thứ tự do thoát khỏi trách nhiệm” và ích chung, bất luận giữa những người dị tính hay đồng tính. Ngài phê phán “các ý thức hệ tấn công dự án gia đình cách trực tiếp”. Ngài cho rằng các lực lượng văn hóa này phá hoại kế hoạch tự nhiên và do Thiên Chúa hoạch định cho hôn nhân và gia đình (1). Và ngài lý luận rằng phụ thuộc sự lành mạnh của hôn nhân và của các gia đình đặt căn bản trên hôn nhân không những là hạnh phúc và sự thánh thiện của nhiều cá nhân, mà còn là việc lưu truyền đức tin và đạo đức học, sinh lực của các nền kinh tế và chính thể, việc chăm sóc sự sống và các thế hệ, và do đó, chính hướng đi của các dân tộc trong lịch sử (2).

Trong bối cảnh trên, Đức Giáo Hoàng Phanxicô liên tiếp chủ trương rằng hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính sẽ là “một bước thụt lùi đối với nhân loại” (một thứ ‘thoái hóa nhân học’) (3) và gây thiệt hại nặng nề cho tất cả chúng ta, kể cả người đồng tính, vì sự lành mạnh của ‘sinh thái nhân bản’ phụ thuộc nền văn hóa hôn nhân lành mạnh (4). Nền văn hóa này lôi cuốn hai phái tính lại với nhau trong cuộc sống hôn nhân và hết sức bảo đảm để con cái nhận được hồng phúc đóng góp của cả hai cha mẹ nam nữ, dần thân cho nhau và dần thân cho chúng” (5). Trích dẫn từ Thư Mục Vụ của Các Giám Mục Úc “Đừng Xía Vô Hôn Nhân” (Don’t Mess With Marriage), và biến thành lời của chính ngài trong tông huấn thời danh *Niềm Vui Yêu Thương*, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nhấn mạnh rằng mỗi người phối ngẫu “đóng góp theo cách riêng của họ vào việc dưỡng dục đứa con. Tôn trọng phẩm giá của đứa con là khẳng định nhu cầu và quyền tự nhiên của nó được có một người cha và một người mẹ” (6). ‘Chủ nghĩa thực dân ý thức hệ’ phát sinh từ các trình bày lẫn lộn về đức tính và hôn nhân đã làm méo mó kế hoạch của Thiên Chúa dành cho sáng thế, bác bỏ các quyền tự nhiên của con cái, gây hại cho các cá nhân và cộng đồng, và phải bị chống đối (7). Thế nhưng, buồn thay, “nhiều nước đang mục kích việc người ta dùng luật pháp phá hủy gia đình, nghiêng về phía tiếp nhận các mẫu mực gần như độc nhất đặt căn bản trên tính tự trị của ý chí cá nhân” (8).

Không hề thu hồi việc Giáo Hội Công Giáo, trong hai ngàn năm qua, luôn nhấn mạnh rằng (theo mạc khải Thiên Chúa và luật tự nhiên) hôn nhân chỉ có thể giữa một người đàn ông và một người đàn bà (9), Đức Giáo Hoàng Phanxicô từ trước đến nay vốn mạnh mẽ bênh vực lập trường này. Những ai cho rằng ngài ủng hộ chiến dịch “có” của họ trong cuộc trưng cầu ý dân sắp tới một là chưa đọc ngài hai là cố tình trình bày sai về ngài. Bỏ phiếu với Đức Giáo Hoàng Phanxicô là BỎ PHIẾU KHÔNG.

Thân ái cùng anh chị em

Anthony Fisher OP, DD BA LIB BTheol DPhil, Tổng Giám Mục Sydney.

-
- (1) Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Niềm Vui Yêu Thương: Tông Huấn Hậu Thượng Hội Đồng về Tình Yêu trong Gia Đình* (2016) 33-34, 39-40 v.v... *Diễn Văn với Phân Khoa và Các Sinh Viên Học Viện Gioan Phaolô II Nghiên Cứu Hôn Nhân và Gia Đình*, ngày 27 tháng Mười năm 2016.
- (2) *Niềm Vui Yêu Thương*, 52.
- (3) Edward Pentin, “Pope nhắc lại rằng ‘hôn nhân’ đồng tính là ‘cuộc thoái hóa nhân học’”, *National Catholic Register*, 3 Tháng Giêng 2014.
- (4) Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Yết Kiến Chung*, 5 tháng Sáu năm 2013; *Diễn Văn với Quốc Hội Âu Châu*, Strasbourg, 25 tháng Mười Một năm 2014. *Diễn Văn với Các Nhà Cẩm Quyền Phi Luật Tân và Ngoại Giao Đoàn*, Manila 16 tháng Giêng năm 2015.
- (5) Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Diễn Văn với Hội Nghị Các Giám Mục Âu Châu*, 3 tháng Mười năm 2014; *Diễn Văn với Quốc Hội Âu Châu*, Strasbourg, 25 tháng Mười Một năm 2014; *Diễn Văn với Các Nhà Cẩm Quyền Phi Luật Tân và Ngoại Giao Đoàn*, Manila 16 tháng Giêng năm 2015. *Niềm Vui Yêu Thương*, 81-83, 166 tt, 172 tt v.v...
- (6) *Niềm Vui Yêu Thương*, 172; xem *Diễn Văn với Hội Nghị Chuyên Đề Quốc Tế về Tỉnh Bỏ Túc Nam Nữ*, 17 tháng Mười Một năm 2014.
- (7) Cũng thế trong Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Diễn Văn với Hội Nghị Chuyên Đề Quốc Tế về Tỉnh Bỏ Túc Nam Nữ*, 17 tháng Mười Một năm 2014. *Diễn Văn với Các Nhà Cẩm Quyền Phi Luật Tân và Ngoại Giao Đoàn*, Manila 16 tháng Giêng năm 2015.
- (8) *Niềm Vui Yêu Thương*, 53.
- (9) Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Các Xem Xét liên quan tới Các Đề Xuất Dành Việc Nhìn Nhận Hợp Pháp Các Cuộc Kết Hợp Giữa Những Người Đồng Phái Tính*, 3 tháng Sáu năm 2003.

Đức Hồng Y Sarah và cuộc cải tổ phụng vụ mới nhất của Đức Phanxicô

(Ngày 16/09/2017)

Như mọi người đã biết Thứ Bảy tuần trước, trong lúc Đức Phanxicô đang tông du Colombia, Tòa Thánh đã công bố tự sắc *Magnum Principium* của ngài nhằm sửa đổi điều 838 của Giáo Luật nói về việc các bản văn phụng vụ và việc dịch các bản văn đó sang các ngôn ngữ địa phương.

Về phương diện cơ cấu, việc cải tổ trên có nghĩa Bộ Phụng Thờ Thánh và Kỷ Luật Bí Tích của Đức Hồng Y Robert Sarah, người Guinea, sẽ bị lấy mất quyền kiểm soát việc dịch các bản văn này để chuyển qua các hội đồng giám mục địa phương.

Nhân dịp Đức Hồng Y Sarah đọc một bài diễn văn vào hôm thứ Năm tuần này, nhà báo John Allen cho rằng những ai tưởng Đức Hồng Y sẽ im lặng trước việc trên thì nên quên điều đó đi; nhưng những ai nghĩ rằng ngài chống lại Đức Phanxicô, thì cũng nên quên điều ấy nốt. Vì cả hai lối suy nghĩ ấy đều không đúng.

Khung cảnh của bài diễn văn trên khá đặc biệt: hội nghị tại Đại Học Angelicum của các Cha Đa Minh, nhân dịp kỷ niệm 10 năm Tông Thư *Summorum Pontificum* của Đức Bênêđictô XVI, tức tông thư mở rộng việc cho phép cử hành Thánh Lễ bằng tiếng La Tinh cũ.

Tại hội nghị trên Đức Hồng Y Sarah nói gần một tiếng đồng hồ, mà trọng điểm là ngài không im lặng trong việc bảo vệ truyền thống phụng vụ.

Theo ngài, việc thờ phượng của Công Giáo không phải là nơi để “sáng tạo và thích ứng” vì “nó đã được thích ứng rồi” giúp nó trở thành nơi “dĩ vãng, hiện tại và tương lai gặp nhau cùng một lúc”. Ngài từng quảng bá Thánh Lễ “hướng đông” (*ad orientem*) và vừa thiết tha bênh vực những người ủng hộ Thánh Lễ La Tinh vừa kêu gọi các giám mục anh em dành chỗ cho hình thức cử hành này.

Tuy nhiên, ngài không hề chỉ trích đường lối cải cách phụng vụ của Đức Phanxicô. Tuy không minh nhiên nhắc tới tự sắc mới của Đức Giáo Hoàng, ngài cũng không chỉ trích nó chút nào. Trái lại, ngài minh nhiên nói rằng Tông Thư *Summorum Pontificum* là một điều do Đức Bênêđictô XVI khởi xướng và được “Đức Giáo Hoàng Phanxicô tiếp tục”.

Đức Hồng Y Sarah bắt đầu bài nói chuyện của ngài bằng cách ca ngợi Tông Thư *Summorum Pontificum* như “dấu chỉ sự hòa giải trong Giáo Hội” do Đức Bênêđictô XVI khởi xướng. Ngài cho rằng Tông Thư này đã đem lại “nhiều kết quả”. Ngài nhắc mọi người nhớ rằng Đức Bênêđictô từng quả quyết một cách minh nhiên rằng Thánh Lễ La Tinh “chưa bao giờ bị bãi bỏ cả”.

Đối với Đức Hồng Y Sarah, hình thức phụng vụ tôn kính và nghiêm trang hơn, một hình thức biết nhấn mạnh tới “tính tối thượng của Thiên Chúa” chưa bao giờ quan trọng như lúc này, khi ta đương đầu với một thế giới bị ngự trị bởi “chủ nghĩa duy tục và duy tiêu thụ hung hăng hơn, một chủ nghĩa khùng bỏ phi Thiên Chúa và một nền văn hóa chết chóc chuyên khiến cho anh chị em yếu kém nhất của ta lâm nguy”.

Ngài gợi ý rằng nếu Giáo Hội ngày nay thấy mình không nhiệt thành đủ với sứ vụ của mình, thì nền phụng vụ quá chịu ảnh hưởng của thị hiếu và thời trang hiện đại hẳn là một trong các nguyên nhân. Ngài cũng quả quyết rằng “nhiều điều vẫn còn phải đạt được mới có được một áp dụng trọn vẹn và chính xác” viễn kiến của Công Đồng Chung Vatican II (1962-1965) về phụng vụ thánh.

Như vẫn làm xưa nay, Đức Hồng Y Sarah đưa ra lời cổ vũ cho việc cử hành Thánh Lễ theo lối *ad orientem* (quay về hướng đông), nghĩa là cả vị linh mục lẫn giáo dân cùng quay về hướng Đông, tức về hướng bàn thờ, và sau cùng, hướng về chính Thiên Chúa. Ngài gọi đây là một cử chỉ “gần như đã được giả dụ một cách phổ quát trong các hình thức cổ xưa của Nghi Lễ Rôma, và đã được Đức Bênêđictô XVI cho phép những ai muốn sử dụng nó được tự do thực hành”.

Tuy nhiên, Đức Hồng Y Sarah nói rằng “thực hành cổ xưa đẹp đẽ, hết sức hùng hồn nói về sự tối thượng của Thiên Chúa toàn năng này, không chỉ giới hạn cho nghi lễ cổ xưa mà thôi.

“Nó được phép và được khuyến khích, và, tôi xin nhấn mạnh, rất có lợi về phương diện mục vụ, dưới hình thức hiện đại hơn của Nghi Lễ Rôma”.

Về tầm quan trọng của những sự vật nhỏ như các bình đựng được dùng trong Thánh Lễ Công Giáo, Đức Hồng Y Sarah kể lại gương sáng của hai chủng sinh Mỹ: trước Thánh Lễ, hai chủng sinh này đem đến cho ngài một chén lễ mà ngài sẽ dùng và yêu cầu ngài làm phép chén lễ này trước khi họ đặt nó gần bàn thờ. Ngài nói rằng cử chỉ này quả “rất cảm động”.

Dựa theo cuốn sách gần đây của ngài, Đức Hồng Y Sarah khấn khoản xin người ta dành nhiều giây phút im lặng trong lúc thờ phượng; ngài gọi việc này là “hành vi trước nhất của phụng sự thánh”.

Đức Hồng Y Sarah cũng nhấn mạnh điều ngài mô tả là “nhiều người trẻ đang khám phá ra hình thức phụng vụ này; họ cảm thấy nó lôi cuốn và thấy hình thức này đặc biệt thích hợp với họ.

“Họ gặp gỡ được màu nhiệm Thánh Thể, vốn càng ngày càng là ưu điểm chủ yếu đối với họ trong thế giới hiện đại”.

Ngài nhìn nhận rằng “nhiều người thuộc thế hệ của tôi chật vật lắm mới hiểu được điều này”, nhưng ngài nhấn mạnh rằng “Tôi có thể đưa ra chứng từ bản thân để chứng minh lòng thành thực và sự công hiến của thế hệ trẻ hơn này gồm cả linh mục lẫn giáo dân, và rồi nhiều ơn gọi tốt lành làm linh mục và đời sống thánh hiến đã phát sinh trong các cộng đồng dòng nghi lễ cổ xưa này”.

Nếu có ai còn hoài nghi điều ấy, thì Đức Hồng Y Sarah thúc giục họ “đến thăm các cộng đồng này, làm quen với họ, nhất là giới trẻ thành viên của họ.

“Hãy mở tâm và trí anh em ra cho các anh chị em trẻ trung này, và nhìn vào các việc tốt họ đang làm.

Họ không luyến tiếc hoặc bị đè nặng bởi các cuộc đấu tranh nội bộ của Giáo Hội trong các thập niên gần đây, trái lại họ rất hân hoan sống cuộc sống với Chúa Kitô giữa nhiều thách thức của thế giới hiện đại”.

Đức Hồng Y Sarah đưa ra lời kêu gọi trực tiếp để các giám mục anh em của ngài cởi mở đón nhận những ai gắn bó với Thánh Lễ xưa và các phong tục và tuân giữ truyền thống.

Ngài nói: “Các cộng đồng này cần sự chăm sóc phụ thân và chúng ta không nên để sở thích hay hiểu lầm bản thân bỏ rơi các tín hữu gắn bó với hình thức đặc biệt của nghi lễ Rôma. Các giám mục và linh mục chúng ta được kêu gọi trở thành dụng cụ hòa giải và hiệp thông trong Giáo Hội cho mọi Kitô hữu, và tôi khiêm hạ xin quý anh em, trong cùng một đức tin duy nhất ta có chung và trong sự phù hợp với lời lẽ của Đức Bênêđictô XVI và Đức Giáo Hoàng Phanxicô, xin anh em quảng đại mở rộng lòng mình ra đối với mọi sự do đức tin cung hiến và tạo không gian cho hình thức phụng vụ này”.

Về phương diện thống kê, những người trên có thể vẫn chỉ là “một phần nhỏ trong đời sống Giáo Hội” nhưng theo ngài, sự kiện này “không khiến họ trở thành thấp kém hay tín hữu bậc hai”.

Đức Hồng Y Sarah đề cập tới kiểu nói gây tranh cãi tức “cuộc cải tổ của cải tổ”. Kiểu nói này của các nhà phê bình đôi khi được dùng để mô tả quyết định của Đức Bênêđictô khi ngài mở rộng việc cho phép cử hành Thánh Lễ La Tinh; họ coi nó như một mưu toan lật ngược các cải tổ do Công Đồng Vatican II khởi xướng.

Đức Hồng y Sarah nói rằng ngài thích nói đến việc “tích cực phong phú hóa” cả hai hình thức qua việc tiếp xúc rộng rãi hơn giữa hai phía; ngài cho rằng dành nhiều chỗ hơn cho im lặng là một điều Thánh Lễ mới nên học nơi Thánh Lễ cũ, dù ngài nói thêm rằng ngài chỉ nói tới các khả thể thôi và các thay đổi phụng vụ không nên bị “áp đặt mà không nghiên cứu và chuẩn bị cũng như huấn luyện thích đáng”.

Sau cùng, Đức Hồng Y Sarah yêu cầu cử tọa ngưng đừng tự gọi mình là “duy truyền thống” và đừng để người khác gọi mình như thế.

Ngài nói: “anh em đâu có giam mình trong một chiếc hộp, hay trong một thư viện hoặc một bảo tàng viện gồm những cửa lạt. Anh em đâu phải là ‘người duy truyền thống’. Anh em là những người Công Giáo thuộc nghi lễ Rôma, giống như tôi, giống như Đức Thánh Cha, không phải là các công dân bậc nhì trong Giáo Hội Công Giáo chỉ vì lòng sùng kính và các thực hành thiêng liêng”. Ngài nhấn mạnh rằng các thực hành này cũng là các thực hành của “muôn vãn các thánh”.

Ngài nói với hội nghị rằng họ không nên trở thành “đóng kín hay rút vào khu khép kín, những khu vốn nổi bật về thái độ phòng ngự và làm ngột ngạt chứng tá của anh em trước thế giới ngày nay mà anh em đã được phái tới”.

Có ý nhắc đến việc kỷ niệm 100 năm Tông Thư *Summorum Pontificum*, ngài nói “Mười năm sau nếu chúng ta chưa phá tan được khu khép kín duy truyền thống, thì hãy làm nó lúc này đi!”

Bài nói chuyện của Đức Hồng Y Sarah là một phần của hội nghị do nhóm *Cæsus Internationalis Summorum Pontificum* đứng ra tổ chức; nhóm này chuyên nghiên cứu và cổ vũ văn kiện năm 2007 của Đức Bênêđictô XVI.

Buổi sáng thứ Năm, Đức Hồng Y Gerhard Müller, người Đức, cựu bộ trưởng Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, cũng đã nói chuyện với hội nghị. Ngài nói rằng “phụng vụ cổ xưa sẽ tiếp tục tươi trẻ hóa Giáo Hội”.

Đức Hồng Y Müller cũng không đề cập chi tới tự sắc mới đây về việc dịch các bản văn phụng vụ, nhưng nói tới việc các quyết định về phụng vụ quan trọng đến nỗi “chúng ta không thể phạm lầm lỗi” và cho rằng ngay trong lúc Giáo Hội sơ khai tạo nên qui điển Thánh Kinh, một tiêu chuẩn chủ yếu đã

là việc sử dụng các bản văn trong việc thờ phượng tại các giáo hội địa phương quan trọng nhất, trong đó, ngài nhấn mạnh, có cả “giáo hội Rôma”.

Đức Phanxicô và tội ác có tổ chức

(Ngày 22/09/2017)

Theo tin của các hãng thông tấn, ngày 21 tháng 9 vừa qua, Đức Phanxicô đã tiếp Ủy Ban Chống Mafia của Quốc Hội Ý tại Điện Clémentine.

Ủy Ban này là một ủy ban lưỡng viện, được thiết lập lần đầu năm 1963 chuyên điều tra “hiện tượng Mafia ở Sicily”. Nhưng các ủy ban sau đó đã mở rộng để điều tra mọi “tội ác có tổ chức theo kiểu Mafia”.

Mục tiêu của Ủy Ban là nghiên cứu hiện tượng tội ác có tổ chức dưới mọi hình thức và đo lường sự thích đáng của các biện pháp chống tội ác hiện nay, cả hành chánh lẫn luật pháp, dựa trên kết quả.

Nhân dịp này, Đức Phanxicô đã đọc bài diễn văn sau đây, theo Bản tiếng Anh của Phòng Báo Chí Tòa Thánh.

Kính thưa các dân biểu và thượng nghị sĩ,

Tôi vui mừng chào đón quý vị và xin cảm ơn vị chủ tịch của Ủy Ban, Dân Biểu Bindi, vì những lời lẽ tốt đẹp của bà.

Trước nhất, tôi muốn hướng các suy nghĩ của tôi tới tất cả những người ở Ý từng trả giá cho việc đấu tranh chống lại các nhóm Mafia bằng chính mạng sống của họ. Cách riêng, tôi nhớ tới ba vị thẩm phán: Người Tôi Tớ Chúa Rosario Livatino, bị giết ngày 21 tháng Chín năm 1990; Ông Giovanni Falcone và Ông Paolo Borsellino, bị giết cách nay 25 năm cùng các các cận vệ an ninh của họ.

Khi tôi chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ này, một số khung cảnh của Tin Mừng bỗng xuất hiện trong đầu, trong đó, chúng ta không khó khăn gì để nhận ra các dấu hiệu của cuộc khủng hoảng luân lý mà người ta và các định chế ngày nay đang phải đương đầu. Ngày nay, sự thật trong lời Chúa Giêsu phán vẫn còn giá trị: “Cái xuất ra từ con người là cái làm họ ra dơ dáy. Vì từ bên trong, từ trái tim con người mà có các suy nghĩ xấu xa, vô luân tính dục, ghen tương, nói hành, kiêu căng, ngu dốt. Tất cả những điều xấu xa này xuất ra từ bên trong, và chúng làm dơ dáy con người” (Mc 7:20-23).

Khởi điểm luôn là trái tim con người, các mối liên hệ và các quyền luyến của họ. Chúng ta sẽ không bao giờ có thể cảnh giác đủ trước hồ thủy này, nơi con người bị đủ thứ cám dỗ của cơ hội chủ nghĩa, của lừa đảo và gian dối, càng trở nên nguy hiểm hơn bởi thái độ từ khước không chịu nghi vấn việc này. Khi tự khép mình vào thái độ tự phụ, ta dễ dàng sa vào thái độ tự mãn và đòi trở thành luật cho chính mình. Đây cũng là dấu hiệu của một nền chính trị sai lạc, bị lèo lái để phục vụ tư lợi phe nhóm và các thỏa hiệp đen tối. Rồi người ta sẽ tiến tới chỗ bóp nghẹt tiếng lương tâm, bình thường hóa sự ác, và lẫn lộn sự thật với dối trá và lạm dụng vai trò trách nhiệm công cộng do họ nắm giữ.

Thay vào đó, nền chính trị chân chính, nền chính trị mà chúng ta thừa nhận là hình thức tuyệt hảo của bác ái, cố gắng bảo đảm một tương lai hy vọng, cố gắng cổ vũ phẩm giá của mọi người. Chính vì lý do này, cuộc tranh đấu chống mafia đang được cảm nhận như một ưu tiên, vì hiện nay mafia đang đánh cắp của chúng, cướp đi hy vọng và phẩm giá của người ta.

Vì mục đích trên, điều trở nên có tính quyết định là bằng mọi cách, ta phải tự chống lại vấn đề trầm trọng là nạn tham nhũng, vốn đại diện cho một nhóm mầm mống trong đó các nhóm mafia hoạt động và phát triển. Tham nhũng luôn tìm được cách để tự biện minh, tự mình hóa như một điều kiện “bình thường”, như một giải pháp cho những ai “gian xảo”, một cách khả thi để đạt được mục tiêu. Nó có một bản chất hay lây và ăn bám, vì nó không được nuôi dưỡng bằng điều tốt sản xuất ra mà bằng cách

trừ khử và đánh cắp. Đây là thứ rễ tằm độc làm hư hại sự cạnh tranh lành mạnh và ngăn ngừa việc đầu tư. Cuối cùng, tham nhũng là một thể trạng (habitus) xây dựng trên ngẫu thần tiền bạc và việc thương mại hóa nhân phẩm, vốn là lý do tại sao cần bị đánh dẹp bằng các biện pháp không kém sâu sắc như các biện pháp được dự kiến cho cuộc tranh đấu chống các nhóm mafia.

Chiến đấu chống các nhóm mafia không chỉ có nghĩa là dẹp tan. Nó còn có nghĩa phải lấy lại, biến đổi, và xây dựng, và việc này bao gồm việc cam kết trên hai bình diện. Bình diện đầu là bình diện chính trị, xuyên qua một nền công bằng xã hội lớn hơn, vì các nhóm mafia thấy dễ tự tô vẽ mình như một hệ thống thay thế tại các lãnh thổ thiếu các quyền lợi và cơ hội: việc làm, nhà ở, giáo dục và chăm sóc y tế.

Bình diện cam kết thứ hai là kinh tế, xuyên qua việc chỉnh sửa hoặc tiêu trừ các cơ chế nào phát sinh ra bất bình đẳng và nghèo khó khắp nơi. Ngày nay, chúng ta không còn có thể nói đến việc tranh đấu chống các nhóm mafia nếu không nêu lên vấn đề to lớn liên quan đến hệ thống tài chánh đang qua mặt các luật lệ dân chủ, mà hậu quả là các tổ chức tội ác có thể đầu tư và nhân gấp bội các lợi lộc vốn đã rất khổng lồ phát sinh từ các hoạt động của chúng: ma túy, vũ khí, buôn người, đổ bỏ các chất độc, áp lực để nhận được khế ước thầu các công trình lớn, cờ bạc và mánh mung.

Hai bình diện chính trị và kinh tế này giả thiết phải có một bình diện khác, không kém chủ yếu, đó là xây dựng một thứ lương tâm dân sự mới, và chỉ có thứ lương tâm này mới có thể dẫn tới việc thực sự thoát khỏi nạn mafia. Điều thực sự cần thiết là giáo dục, và tự giáo dục mình, về việc không ngừng tự cảnh giác đối với chính ta và đối với bối cảnh trong đó ta sống, bằng cách khai triển cho được một cách nhìn biện phân hơn đối với hiện tượng tham nhũng và cố gắng hướng tới một cách mới để làm công dân, trong đó có việc quan tâm và chịu trách nhiệm đối với người khác và ích chung.

Nước Ý phải tự hào vì đã tạo kết quả cho luật lệ chống mafia, bằng cách kêu gọi sự can dự của cả nhà nước lẫn các công dân, của cả các nền hành chánh lẫn các hiệp hội, của cả giới thế tục lẫn giới Công Giáo và tôn giáo, theo nghĩa rộng rãi. Về phương diện này, các tài sản tịch thu từ mafia và thu hồi để dùng vào các mục tiêu xã hội tượng trưng cho các cuộc tập huấn chân chính về sự sống. Trong các bối cảnh này, giới trẻ nghiên cứu, học hỏi kiến thức và trách nhiệm, tìm được việc làm và thành đạt. Cũng trong các bối cảnh này, người già, người nghèo và người yếu thế nhận được sự chào đón, phục vụ và phẩm giá.

Sau cùng, chúng ta không nên quên rằng cuộc chiến đấu chống mafia có liên hệ mật thiết với việc bảo vệ và trân quý các chứng tá của công lý, những người tự chuốc lấy các nguy cơ trầm trọng khi quyết định trình báo các vụ bạo lực của những người họ làm chứng chống lại. Chúng ta phải tìm ra cách giúp các người tuy ngay thẳng, nhưng lại thuộc về các gia đình hay bối cảnh mafia, để họ có thể vượt thoát mà không bị trả thù hay trả đũa. Có nhiều phụ nữ, nhất là các bà mẹ, đã tìm cách làm như thế, khi bác bỏ luận lý học tội ác và mong muốn có thể bảo đảm một tương lai khác cho con cái họ. Điều cần thiết là phải giúp đỡ họ, chắc chắn phải tôn trọng các phương thức công lý nhưng cũng phải tôn trọng phẩm giá của họ như những con người biết chọn điều tốt và sự sống.

Anh chị em thân mến, khi thúc giục anh chị em, với lòng tận tụy và ý thức bồn chồn, tiếp tục trách vụ đã được ủy thác cho anh chị em để gây ích lợi cho mọi người, tôi cầu khẩn sự chúc lành của Thiên Chúa xuống trên anh chị em. Xin cho anh chị em được an ủi bởi xác tín rằng mình được đồng hành bởi Đấng vốn giàu lòng thương xót; và xin cho việc ý thức rằng Người không dung thứ bạo lực và lạm dụng sẽ làm cho anh chị em trở thành các công nhân không mỏi mệt của công lý. Cảm ơn anh chị em.

Chung quanh việc Đức Phanxicô cải tổ Viện Gioan Phaolô II nghiên cứu về hôn nhân và gia đình

(Ngày 26/09/2017)

Ngày 8 tháng 9, Tòa Thánh đã cho công bố Tựa Sắc “Summa familiae cura” của Đức Phanxicô, vừa đề đặt tên lại vừa để nói rộng phạm vi nghiên cứu của Viện Giáo Hoàng Gioan Phaolô II Nghiên Cứu Hôn Nhân và Gia đình.

Tên mới là: Giáo Hoàng Thần Học Viện Gioan Phaolô II Về Các Khoa Học Hôn Nhân Và Gia Đình. Phạm vi nói rộng: không những chỉ tập chú vào thần học luân lý và bí tích, mà còn bao trùm cả các chiều kích Thánh Kinh, Tín Lý và Lịch Sử cũng như các thách đố hiện nay nữa.

Dù nhìn nhận công trình quan trọng của Viện Giáo Hoàng Gioan Phaolô II Nghiên Cứu Hôn Nhân Và Gia đình trong nhiều thập niên qua, Đức Phanxicô cho rằng hai Thượng Hội Đồng năm 2014 và 2015 đã đem lại một ý thức mới đối với “các thách đố mục vụ mới” liên quan tới gia đình “mà cộng đồng Kitô Giáo được mời gọi đáp ứng”. Trong số các thách thức mới này là các thay đổi nhân học và văn hóa diễn ra trên thế giới; chúng “đòi một phương thức có tính phân tích và đa dạng hóa, và không cho phép ta tự giới hạn mình vào các thực hành mục vụ và truyền giáo phản ánh các hình thức và khuôn mẫu trong quá khứ”.

Nguyên văn lời Đức Phanxicô: “Với một đề xuất rõ ràng luôn trung thành với giáo huấn của Chúa Kitô, ta phải nhìn vào thực tại gia đình ngày nay trong tất cả sự phức tạp của nó, gồm cả điểm sáng lẫn điểm tối của nó, bằng một trí khôn biết yêu thương và một tính hiện thực khôn ngoan”.

Giống tiền thân của nó, học viện thần học mới sẽ có “một mối tương quan đặc biệt với thừa tác vụ và huấn quyền của Tòa Thánh” và sẽ duy trì các mối liên hệ định chế của nó với Giáo Hoàng Đại Học Lateran. Nó cũng sẽ liên kết chặt chẽ với Tòa Thánh qua Thánh Bộ Giáo Dục, Giáo Hoàng Hàn Lâm Viện Sự Sống và Bộ mới lập là Bộ Giáo Dân, Gia Đình Và Sự Sống. Học viện này được quyền cấp cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ về các khoa học hôn nhân và gia đình.

Khi mở rộng phạm vi hoạt động của học viện bằng cách biến nó thành một viện “thần học” chuyên nghiên cứu các “khoa học” nhân bản, Đức Phanxicô mong nó nghiên cứu “sâu sắc hơn và nghiêm túc hơn sự thật của mạc khải và sự khôn ngoan của truyền thống đức tin”.

Ngài nói: “Ta phải trở thành các nhà giải thích sự khôn ngoan của đức tin một cách có hiểu biết và say mê” trong một bối cảnh trong đó các cá nhân ít được các cơ cấu xã hội, các mối liên hệ và gia đình nâng đỡ hơn so với quá khứ”.

Phản ứng thuận

Ngày nay, hầu như Đức Phanxicô công bố bất cứ điều gì cũng có người ủng hộ và người chống đối, dưới hình thức này hay hình thức khác.

Đức Tổng Giám Mục Vincenzo Paglia, Chương Ấn của Học Viện, lẽ dĩ nhiên thuộc phe ủng hộ. Ngài gọi công bố của Đức Phanxicô là một “cuộc tái phát động và mở rộng ý tưởng vĩ đại” của Đức Gioan Phaolô II.

Còn Đức Ông Pierangelo Sequeri, Viện Trưởng Học Viện, nói với các nhà báo rằng chỉ có Đức Giáo Hoàng Phanxicô mới biết lý do tại sao cần phải tái phát động như thế. Tuy nhiên, theo Đức Ông, cử chỉ của Đức Phanxicô nói to cho mọi người thấy rằng công trình của Đức Gioan Phaolô II vẫn còn rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Đức Ông cũng cho hay thần học thân xác của Đức Gioan Phaolô II vẫn là một phần quan trọng trong chương trình giảng dạy tại Học Viện; Đức Ông coi nó như một thứ “châu báu”.

Nhân dịp này, Đức Tổng Giám Mục Paglia cũng cho hay: bộ phận giáo sư cũ vẫn được duy trì, với một phân khoa mới sẽ được thiết lập để đáp ứng học trình mở rộng. Cụ thể, việc mở rộng này bao gồm môn lịch sử gia đình, cũng như nhiều khía cạnh có tính khoa học về gia đình, đi từ nhân học tới đạo đức sinh học.

Và tuy làm việc một cách chặt chẽ với Giáo Hoàng Hàn Lâm Viện về Sự Sống, Học Viện này sẽ có nhiều cuộc đối thoại với những cơ sở không Công Giáo. Vì xét cho cùng, hôn nhân và gia đình không hẳn chỉ là việc của Giáo Hội Công Giáo, mà là việc hoàn cầu, do đó, cần đối thoại với tất cả những ai “yêu mến gia đình nhân loại duy nhất”.

Phản ứng không thuận

Còn phản ứng không thuận? Không thiếu người coi việc này là việc Đức Phanxicô đóng cửa Viện của Đức Gioan Phaolô II và thay thế nó bằng Viện mới với tên khác và tập chủ khác.

Họ coi tự sắc *Summa Familiae Cura* đã chính thức kết liễu công trình đã bắt đầu vào năm 1981 với Viện Giáo Hoàng Gioan Phaolô II Nghiên Cứu Hôn Nhân và Gia Đình. Vì Học Viện mới có mục đích đi theo một phương thức khác trong việc nghiên cứu hôn nhân và gia đình nhằm phản ánh công trình của hai Thượng Hội Đồng mới đây và Tông Huấn *Niềm Vui Yêu Thương* sau đó.

Trong *Summa Familiae Cura*, Đức Phanxicô trở về với chủ đề ngài đã nhấn mạnh trong *Niềm Vui Yêu Thương*: Giáo Hội phải đáp ứng nhu cầu của các gia đình và các cặp gặp khó khăn, đang lao đao với cuộc hôn nhân của họ, trong một xã hội không còn hỗ trợ cái hiểu Kitô Giáo về hôn nhân nữa. Ngài nhấn mạnh việc Giáo Hội phải tích hợp các viễn tượng của khoa học đương thời khi phân tích đời sống gia đình.

Ký giả Edward Pentin, người được coi là có khuynh hướng bảo thủ, thì cho rằng mục đích của vụ “tái phát động” này là đẩy mạnh giáo huấn của *Niềm Vui Yêu Thương* và biến nó thành bất khả phản hồi.

Theo ký giả Pentin, cả hai vị chương án và viện trưởng của học viện mới đều nổi tiếng là những người ủng hộ lối giải thích “lòng lẻo” đối với *Niềm Vui Yêu Thương*, nhằm cho phép các người Công Giáo ly dị tái hôn được lãnh các bí tích. Hai vị này cũng ủng hộ việc làm nhẹ giáo huấn của Chân Phúc Giáo Hoàng Phaolô VI trong *Humanae Vitae*.

Các học giả trong Viện của Đức Gioan Phaolô II từng chỉ trích cả hai lập trường trên là hoàn toàn đi ngược lại giáo huấn của Đức Gioan Phaolô II.

Pentin cho rằng: không ngạc nhiên gì khi Viện của Đức Gioan Phaolô II trở thành cái gai đâm vào cạnh sườn những người vận động cho các thay đổi như thế.

Cũng nên biết nhiều giáo sư thuộc Viện của Đức Gioan Phaolô II, trong hai Thượng Hội Đồng Năm 2014 và 2015 đã viết nhiều cuốn sách chống lại các mưu toan cho phép người ly dị tái hôn và những người sống trong các cuộc kết hợp bất hợp lệ được rước lễ. Họ dựa vào việc giải thích trung thành các giáo huấn của Đức Gioan Phaolô II trong *Familiaris consortio* và nhất là *Veritatis splendor*.

Thành thử, theo Pentin, khai triển trên đây được nhiều người ở Rôma coi như “một bước nữa để loại bỏ các chương ngại vật do các giáo huấn của Đức Gioan Phaolô II tạo nên”.

Trang mạng *LifeSiteNews* đi xa hơn qua hàng tit lớn trên số ra ngày 19 tháng 9: “Phải chăng Đức Giáo Hoàng vừa trả lời ‘Dubia’ (các nghi vấn) bằng cách dẹp bỏ Viện của Đức Gioan Phaolô II?”.

Trang mạng trên cho rằng đúng thế, ngài đã trả lời các “dubia” của 4 vị Hồng Y một cách gián tiếp. Vì nhân dịp qua đời của một trong 4 vị, tức Đức Hồng Y Caffarra, Đức Phanxicô đã dẹp bỏ Viện Nghiên Cứu Hôn Nhân và Gia Đình vốn do vị Hồng Y này làm chủ tịch sáng lập. Hơn nữa, điều trùng hợp là Đức Phanxicô bãi bỏ Viện Nghiên Cứu của Đức Gioan Phaolô II đúng một năm 4 vị Hồng Y xin ngài trả lời các “dubia” của họ.

Vào trong rồi cần sửa bảo lẫn nhau

Các lo ngại trên không hẳn không có gốc rễ. Bài báo ngày 22 tháng 9 trên tờ *Osservatore Romano* của

Đức Ông Pierangelo Sequeri, người vốn là viện trưởng của Viện Nghiên Cứu Hôn Nhân và Gia Đình từ năm 2016, càng làm cho những người trên thêm lo lắng. Ngài cho rằng Công Đồng Vatican II từng đưa ra một viễn kiến thần học tích cực về sự thân mật vợ chồng và tìm cách làm sống lại tinh thần phúc âm hóa của các gia đình Kitô Giáo tiên khởi, trong khi nhấn mạnh rằng Giáo Hội là một gia đình.

Ngài quả quyết “từ đó, con thuyền Phêrô đã cương quyết đi theo các tọa độ trên” với thần học thân xác của Thánh Gioan Phaolô II và Thượng Hội Đồng năm 1980 về gia đình nhằm củng cố hóa các nhân mạnh này.

Nhưng, hoàn cảnh văn hóa nay đã thay đổi “tình yêu phụ phụ, các liên hệ sinh sản và đời sống gia đình không còn là qui chiếu độc nhất nữa”. Các nền kỹ trị kinh tế coi gia đình như một bất lợi và chính sách nhân quyền nhấn mạnh tới chủ nghĩa cá nhân.

Theo Đức Ông Sequeri, trong hoàn cảnh trên, tiếp theo sau 2 Thượng Hội Đồng và Tông Huấn *Niềm Vui Yêu Thương*, Đức Phanxicô kêu gọi ta công bố lời Chúa một cách khấn trương nhưng nên cư xử với người ta một cách đầy thông cảm.

Đức Ông kết luận: “Ta thán đủ rồi”, phải công bố niềm vui thân mật với Thiên Chúa và “lời lẽ tốt lành nhằm hỗ trợ sự mỏng dòn yếu ớt của những người cha, người mẹ, và các tạo vật”.

Không ai cho rằng câu kết luận của ngài sai. Nhưng 3 chức vụ tư tế, vương giả và tiên tri phải cùng nhịp bước, chứ có sự gì ta lại quên mất vai trò tiên tri để cứ gọi là chạy phía sau “các dấu chỉ thời đại” như một trong các vị giám mục Việt Nam được tấn phong ở ngoại quốc mới đây đã dạy bảo!

Vị chương án của Học Viện mới quả quyết với tờ Crux rằng: “Cuộc cách mạng thực sự đã diễn ra rồi, dưới thời Đức Gioan Phaolô II, chứ không phải dưới thời Đức Phanxicô, điều mà cho đến nay thực sự người ta vẫn chưa hiểu. Quý bạn phải nhớ rằng trước *Familiaris Consortio*, người ly dị tái hôn không những không được rước lễ, mà thực tế, còn bị tuyệt thông và trục xuất nữa. Họ là những kẻ ở bên ngoài. Sau Đức Gioan Phaolô II, mọi người đều ở trong nhà”.

Nhưng chỉ sợ khi vào trong rồi, thì vàng thau lẫn lộn, và cuối cùng, ta thành thau cả, nếu chức vụ tiên tri không nghiêm chỉnh được thi hành, nói cách khác ta coi thường diễn trình “correctio” như khuynh hướng đang hiển thị trong Giáo Hội.

Tại sao Đức Phanxicô không trả lời các câu hỏi về *Amoris Laetitia*

(Ngày 01/10/2017)

Theo Ký Giả Edward Pentin, thông tin viên kỳ cựu tại Vatican của tờ *National Catholic Register*, cho đến nay, có ít nhất sáu nhóm trong Giáo Hội Công Giáo công khai lên tiếng yêu cầu Đức Phanxicô minh xác một số vấn đề liên quan tới mục vụ hôn nhân và gia đình đã được đề ra dưới triều giáo hoàng của ngài, nhất là trong tông huấn *Niềm Vui Yêu Thương* mà tiếng Latinh gọi là *Amoris Laetitia*. Nhưng cho tới nay, ngài không trả lời, ít nhất một cách trực tiếp.

Sáu yêu cầu minh xác

Tháng Chín năm 2015, trước ngày khai mạc Thượng Hội Đồng thứ hai về gia đình, một kiến nghị gồm tới 800,000 chữ ký của các cá nhân và hiệp hội khắp thế giới, trong đó có 202 giáo phẩm đã trình lên Đức Phanxicô, kêu gọi ngài tuyên bố rõ ràng giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân và gia đình. Các người ký tên, thuộc 178 quốc gia, tỏ ý quan ngại trước sự “hỗn độn phổ biến” phát sinh từ việc có thể có sự mở cửa dẫn tới lạc giáo tại thượng hội đồng trước đó.

Tháng Bảy năm 2016, một nhóm 45 học giả Công Giáo, giáo phẩm và giáo sĩ gửi một thư kêu gọi tới Hồng Y Đoàn yêu cầu các ngài thỉnh cầu Đức Phanxicô “tù bỏ” điều họ coi là “các mệnh đề sai lạc”

chứa trong *Amoris Laetitia*. Họ viết rằng tông huấn này chứa “một số phát biểu có thể bị hiểu theo nghĩa trái ngược với tín lý và luân lý Công Giáo”.

Ngày 19 tháng Chín năm 2016, 4 vị Hồng Y Carlo Caffarra, Walter Brandmüller, Raymond Burke, và Joachim Meisner trình lên Đức Phanxicô các câu hỏi (dubia) của họ nhằm có được sự soi sáng và giải quyết sự hỗn độn trước nhiều lối giải thích khác nhau của một số giám mục và hội đồng giám mục về một số đoạn gây tranh cãi của tông huấn. Đức Phanxicô không cho biết đã nhận được các câu hỏi này và không trả lời yêu cầu của bốn vị muốn được triệu kiến ngài.

Tháng Hai năm 2017, các hiệp hội đại diện cho hàng ngàn linh mục trên thế giới ra một tuyên ngôn cho rằng việc minh xác *Amoris Laetitia* “rõ ràng là cần thiết” khi có những lối giải thích khác nhau “rất phổ biến” về nó. Tuyên ngôn này cảm ơn bốn vị Hồng Y đề đệ nạp các câu hỏi.

Tháng Tư năm 2017, 6 học giả giáo dân từ nhiều nơi trên thế giới đã tổ chức một hội nghị tại Rôma trong đó họ lưu ý các đoạn gây tranh cãi trong *Amoris Laetitia* và cho biết hàng ngũ giáo dân rất dỗi lo âu và bất an đối với văn kiện giáo hoàng này và các giải thích trái ngược nhau về nó.

Và gần đây nhất, ngày 11 tháng 8, 40 học giả giáo sĩ và giáo dân thuộc 20 quốc gia khác nhau trên thế giới, đã đệ lên Đức Phanxicô không phải “dubia” (câu hỏi) nữa mà là “correctio” (sửa sai) đảng hoàng, dù họ có thêm chữ “filialis” (con thảo) ở đảng trước. Nghe thì dữ dằn, nhưng họ vẫn không bác bỏ tư cách giáo hoàng của Đức Phanxicô, chỉ xin ngài chính thức bác bỏ các điểm lạc đạo được họ nêu ra từ *Amoris Laetitia*. Như thường lệ, ngài không phúc đáp là đã nhận được “correctio”, và dĩ nhiên, từ khước trả lời. Nên các tác giả đã cho công bố “correctio” vào ngày 25 tháng Chín.

Theo hãng tin A.P., trước đó mấy ngày, tức ngày 22 tháng Chín, số người tham gia “correctio” đã lên tới 62, và 72 tiếng đồng hồ sau khi công bố, con số này đã tăng tới 142.

Rục rịch

Tuy trong số 142 người nói trên không có vị Hồng Y nào, nhưng động thái của nhóm này đang gây được chú ý đáng kể. Thực vậy, theo tin của ANSA/EPA ngày 28 tháng Chín, Đức Hồng Y Parolin, Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh, nói rằng “điều quan trọng là phải đối thoại ngay bên trong Giáo Hội” để trả lời lá thư của các người Công Giáo bảo thủ tố cáo Đức Phanxicô tội lạc giáo. Lên tiếng bên lề một hội nghị về các Kitô Hữu Iraq do ACS tổ chức (ACS là một cơ quan vô vị lợi quốc tế do Tòa Thánh bảo trợ chuyên giúp đỡ các Kitô hữu bị bách hại trên thế giới), Đức Hồng Y Parolin cho rằng “Những người không đồng ý đã phát biểu sự bất đồng của họ, nhưng về các vấn đề này, chúng ta phải lý luận, cố gắng hiểu nhau”.

Còn Đức Hồng Y Muller, cựu bộ trưởng Bộ Giáo Lý Đức Tin, trong một cuộc phỏng vấn ngày 26 tháng Chín vừa qua của tờ *National Catholic Register*, thì cho rằng để đánh tan sự căng thẳng hiện nay, Đức Phanxicô nên đề cử một nhóm Hồng Y để tranh luận với các người phê bình ngài. Ngài đáng được tôn kính, nhưng những người này cũng đáng được trả lời một cách thuyết phục.

Đức Hồng Y cho rằng Giáo Hội cần “đối thoại và tin tưởng nhau nhiều hơn” thay vì “đa cực hóa và bút chiến”. Và lại, “Ta phải tránh ly giáo và phân cách mới ra khỏi Giáo Hội Công Giáo duy nhất, một giáo hội mà nguyên tắc và nền tảng vĩnh viễn xây dựng sự hợp nhất và hiệp thông trong Chúa Giêsu Kitô là vị giáo hoàng đương nhiệm, tức Đức Phanxicô, và mọi giám mục hiệp thông trọn vẹn với ngài”.

Lý do im lặng

Cho đến nay, vẫn chưa có trả lời chính thức. Trước thái độ này, ít nhất có hai tác giả đặt câu hỏi: tại sao Đức Phanxicô không trả lời.

Tác giả thứ nhất là Phil Lawler, một ký giả thuộc phe bảo thủ, ngầm cho thấy Đức Phanxicô có trả lời,

nhưng trả lời gián tiếp, qua các đại diện (surrogates) của ngài.

Trên CatholicCulture.org ngày 28 tháng Chín, Lawler viết: theo các đại diện này, Đức Giáo Hoàng không bó buộc phải trả lời. Điều này đúng, không có điều nào trong giáo luật buộc Đức Giáo Hoàng phải trả lời thư từ. Có điều, lý lẽ này không thích đáng đối với một vị giáo hoàng chuyên cổ vũ đối thoại, đồng hành...

Andrea Tornielli, một đại diện khác, thì cho rằng việc tố cáo một vị giáo hoàng lạc giáo không có gì mới mẻ hết, cả đức Gioan Phaolô II và Đức Bênêđictô XVI đều từng bị tố cáo là lạc giáo. Nhưng theo Lawler, những kẻ ấy chỉ là những tay mơ, không có tư cách hay ít nhất không trung thành với Giáo Hội, không hẳn là tín hữu Công Giáo chính thống. Không thể so sánh những người này với các thần học gia cỡ Josef Seifert, Germain Grisez và John Finnis, ấy là chưa kể các vị Hồng Y như Burke, Meisner, Caffara và Brandmüller.

Massimo Faggioli, một người đang nhanh chóng trở thành một “đại diện” của Đức Phanxicô, thì cho rằng rất nhiều loại thư từ đến Vatican bị liệt vào loại *non esse respondendum* (không phải trả lời) vì “quá phức tạp, quá gây tranh cãi, không thể đưa ra câu trả lời rõ ràng”. Nhưng các câu hỏi do 4 vị Hồng Y nêu ra có chỉ là quá phức tạp, quá gây tranh cãi đến không thể trả lời CÓ hay KHÔNG? Hơn nữa, vị giáo hoàng đương nhiệm có bao giờ ngại tranh cãi đâu!

Tác giả thứ hai là linh mục Dwight Longenecker, một cựu mục sư Anh Giáo. Cha cho rằng sự im lặng của Đức Phanxicô gây nhiều ngạc nhiên, vì theo Austen Ivereigh, người viết tiểu sử của ngài, Đức Phanxicô luôn hoan nghênh các lời phê bình chỉ trích.

Tuy nhiên, theo Cha, phần lớn những người ngạc nhiên như trên đã không hiểu luồng tư tưởng nằm ở bên dưới sự im lặng này đó là luồng tư tưởng phê phán điều họ gọi là “*đức tin phát biểu thành điều*” (*propositional faith*), có thể dịch gọn gàng hơn là đức tin tín điều.

Đức tin tín điều là đức tin đặt cơ sở trên các mệnh đề và định nghĩa thuần lý, nghĩa là dựa vào sách vở có thẩm quyền, một tuyên tín (creed), một sách giáo lý, một nền thần học tín lý có hệ thống, và một luật lệ tôn giáo đã định hình. Những người thích đức tin tín điều muốn có sự chắc chắn và rõ ràng.

Còn những người phê phán đức tin tín điều thì tin rằng các mệnh đề, các tín điều chỉ là một cái khung hay cấu trúc của niềm tin, trong khi cảm nghiệm đức tin, tuy phức tạp hơn nhiều, nhưng cũng hứng thú và hiện thực hơn rất nhiều. Họ phê phán những người thích đức tin tín điều là cứng nhắc, vụ luật hoặc biệt phái! Họ thích nhấn mạnh tới việc “gặp gỡ Chúa Kitô” một cách chủ quan hơn. Họ vận động người ta không tranh luận về tín lý hay giáo luật, trái lại xắn tay áo lên hành động và lăn xả vào việc làm của Thiên Chúa trong thế gian.

Các người phê phán đức tin tín điều cũng cho rằng đức tin này có tính chia rẽ. Nếu việc gặp gỡ với Chúa Kitô được nhấn mạnh chứ không phải các công thức thành điều của tín lý và luân lý, thì ta sẽ nối kết tốt hơn với các Kitô Hữu không Công Giáo và những người có thiện chí ở bên ngoài Kitô Giáo. Nói cách khác, “tín lý chia rẽ” nhưng nếu tập chú vào kinh nghiệm tôn giáo, ta sẽ có cơ hội nhiều hơn tìm được cơ sở chung.

Họ cũng cho rằng đức tin phát biểu thành điều, do từ bản chất, vốn gắn liền với các yếu tố lịch sử và triết học của thời đại và nền văn hóa trong đó các mệnh đề này được lên khuôn. Họ cho rằng, thần học của Thánh Tôma Aquinô, chẳng hạn, rất hợp với Âu Châu thế kỷ 13 nhưng nó khá lủng củng đối với nền văn hóa hoàn toàn thay đổi như chong chóng của thế kỷ 21. Một đức tin ít nhấn mạnh tới tín điều dễ thích ứng và uyển chuyển hơn.

Cha Longenecker nhận định rằng: đọc Tin Mừng, ta khó có thể bắt đồng với những người phê phán đức tin tín điều. Vì dù gì, dịch thủ của Chúa Giêsu vẫn là những người tôn giáo đầy tính cứng nhắc, vụ luật, hay lên án và bám vào luật lệ cũng như các truyền thống do con người tạo ra. Người là Đấng, nói theo lối nói của Đức Phanxicô, luôn “gây lộn xộn” (making a mess), bất chấp các kỹ thuật vụ luật,

gặp gỡ người ta ở chính chỗ của họ và đem đến cho họ sự hàn gắn, cảm thương và tha thứ.

Thành thử, Đức Phanxicô không trả lời các người phê phán vì ngài không thích thứ đức tin phát biểu thành điều. Ngài muốn người Công Giáo vượt lên trên các kỹ thuật, các chi tiết tín lý và các trói buộc của luật lệ để sống thực cuộc sống Công Giáo giống Chúa Giêsu nhiều hơn: dành chỗ cho những rắc rối và mơ hồ của đời thực, gặp gỡ những con người thực đang đối phó với những quyết định khó khăn nhưng vẫn cố gắng xích lại gần Thiên Chúa trong khi rón rén lách qua các luật lệ khắt khe của Giáo Hội.

Nói cách khác, theo cha Longnecker, Đức Phanxicô không trả lời vì ngài không muốn rơi vào trò chơi của những người phê phán ngài. Ngài không muốn bị lôi vào các luận điểm vụ luật của họ; thay vào đó, ngài muốn tiếp tục thách thức họ. Ngài muốn chúng ta sống với những hàm hồ và tiếp diễn công trình phức tạp đem Chúa Giêsu đến cho những người đang chơi vơi với một cuộc sống đôi khi rối bời.

Cây nho và giàn cây nho

Tuy nhiên, cũng theo Cha Longnecker, luận điểm nào cũng luôn có mặt bên kia và vì thế cân bằng là điều nên có. Vì cá tính, một số con chiên của Đức Phanxicô cần sự chắc chắn, sự an tâm và sự rõ ràng trong giáo huấn. Thay vì đẩy họ qua bên lề, ngài nên cung cấp cho họ sự rõ ràng trong giáo huấn trong khi vẫn thách thức họ đừng chỉ dựa vào các mệnh đề đã thành tín điều mà thôi và tìm cách ẩn mình phía sau sự an toàn biểu kiến của các mệnh đề tín lý và “giáo huấn luân lý rõ ràng”.

Dĩ nhiên, Đức Giáo Hoàng cần phải biểu lộ đường lối phục vụ thế giới của Chúa Giêsu, nhưng nhiệm vụ của ngài cũng có phần phải xác định và bênh vực đức tin và đối với người Công Giáo, một phần trong cảm nghiệm gặp gỡ Chúa Kitô là việc xác định một cách rõ ràng và không hàm hồ đức tin và nền luân lý có tính lịch sử.

Đức Phanxicô rất thích phê phán các người Công Giáo cứng nhắc và cố kết với phương thức vụ luật, nhưng theo Cha Longnecker, những người này rất ít. Đa số người Công Giáo là những người bình thường, không dấn dấn dù không thông thạo thần học. Họ hiểu việc cần có giáo huấn rõ ràng về tín lý và luân lý, nhưng họ cũng hiểu cuộc sống là phức tạp và công việc của Giáo Hội là phục vụ tình yêu Chúa Kitô trong các tình thế phức tạp ấy.

Riêng bản thân mình, Cha Longnecker cho rằng cha hiểu việc cần phải “gặp gỡ Chúa Kitô”, trái với việc chỉ dựa vào đức tin tín điều. Nhưng cha tin rằng thiếu các khẳng định rõ ràng của các mệnh đề đức tin, việc gặp gỡ Chúa Kitô không hơn không kém chỉ là một cảm nghiệm chủ quan.

Cả hai thứ trên đều cần giống như cây nho và giàn cây nho. Cây nho mới là điều đáng kể. Nó là hồng phúc sống động, phát triển và sinh hoa trái. Nhưng nó cần giàn để phát triển, để vươn lên lấy ánh mặt trời mà sinh hoa sinh trái. Cây nho là đức tin, là cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô, là cảm nghiệm và mạo hiểm thực chất của việc sống cuộc sống Kitô hữu. Chiếc giàn là các mệnh đề tín lý và luân lý để nâng cây nho lên; muốn nâng được cây nho, nó cần được bảo trì và sửa chữa liên tục.

Một cách đọc tích cực đối với tông huấn Niềm Vui Yêu Thương

(Ngày 23/10/2017)

Linh mục James F. Keenan, Dòng Tên, cho rằng với Phục Sinh, “mọi sự trở nên mới... Và, nếu ta dám chấp nhận ơn thánh đức tin, ta có thể thấy một năng động tính mới... Năng động tính Phục Sinh, một năng động tính mời gọi ta nhìn sự việc ra mới, mời gọi ta thấy không phải điều được phép mà là điều được kêu gọi, theo tôi, rất hiển hiện trong tông huấn *Niềm Vui Yêu Thương*”.

Thực vậy, trong tông huấn trên, theo Cha Keenan, có rất nhiều điều mới mẻ không hề làm ta

lo lắng. Vì trong Giáo Hội, mới mẻ không bao giờ mâu thuẫn với quá khứ. Phục Sinh luôn liên kết với Bêlem! Sự mới mẻ của *Niềm Vui Yêu Thương* hết sức khéo léo đem truyền thống vào hiện tại, vì lợi ích tương lai. Truyền thống luôn cần khai triển như nhà thần học vĩ đại Marie Dominique Chenu từng viết; nếu không, nó không thể đem ta tới tương lai.

Theo Cha Keenan, sau đây là 12 điều mới mẻ của *Niềm Vui Yêu Thương*.

1. Niềm Vui Yêu Thương đánh dấu một khúc rẽ. Theo Cha Keenan, khúc rẽ (Wendpunkt) chính là tên các nhà thần học Đức gọi *Niềm Vui Yêu Thương* trong một cuốn sách do họ biên tập. Vì theo họ, có nhiều viễn ảnh tươi mát trong tông huấn này: giáo huấn thượng hội đồng, nền thần học tương quan về hôn nhân, lương tâm ra lệnh, đồng hành thừa tác, thương xót mang thương xót, giáo hội tuyên xưng. Còn các nhà thần học Bỉ thì gọi *Niềm Vui Yêu Thương* là “Điểm Bất Phản Hồi” (Point of No Return).

2. Hoa trái của một giáo hội có tính công đồng. Hai mươi lăm trước đây, Đức Tổng Giám Mục John Quinn cho rằng chúng ta có các công đồng ra quyết định, không khác tính thần của Công Đồng Giêrusalem trong Công Vụ 15. Tại Công Đồng đó, các thánh Phêrô, Phaolô và Giacôbê, cùng với các vị khác trong ban lãnh đạo Giáo Hội mạnh bạo bàn tới việc làm thế nào để thích ứng với người ngoại giáo về phương diện mục vụ, dưới ánh sáng các thực hành của Giáo Hội lúc đó.

Trong bối cảnh trên, tông huấn *Niềm Vui Yêu Thương* đã phát sinh từ việc làm của hai Thượng Hội Đồng trong đó các nhà lãnh đạo Giáo Hội cũng vật lộn, lý luận, tranh cãi và đấu tranh về tình trạng hiện thời của hôn nhân Công Giáo và nhu cần phải có các giải đáp mục vụ cho cuộc sống của những người kết hôn.

3. Xin mạn phép tín lý! Đây là một tông huấn mục vụ. Một trong các vị tham dự Thượng Hội Đồng lên tiếng đầu tiên khi tông huấn vừa được công bố là Đức Hồng Y Kasper: “nó không thay đổi bất cứ điều gì của tín lý Giáo Hội hay của giáo luật – nhưng nó thay đổi tất cả”.

Đức Hồng Y Kasper hiểu rõ cái nhìn thông suốt của sử gia giáo hội John O’Malley khi nhắc nhở chúng ta rằng Công Đồng Vatican II là một công đồng mục vụ về cả văn phong lẫn nội dung. Ngài cũng nói thêm rằng các đường hướng chính trong triều đại của Đức Giáo Hoàng Phanxicô đều là giáo huấn của Vatican II.

Và theo O’Malley, giáo huấn được coi là mục vụ khi ta cố gắng hiểu đúng tín lý. Giáo huấn mục vụ không bao giờ là người em tồi của tín lý, mà là bạn đồng hành. Nhờ giáo huấn mục vụ, tín lý được giảng dạy cách hữu hiệu. Và theo John Noonan, Jr., chính nhờ giáo huấn mục vụ mà tín lý được khai triển.

4. Nền thần học hôn nhân có tính cụ thể và tương quan sâu sắc. Đức Phanxicô đôi lúc tỏ ra không vui khi người ta chỉ lưu ý tới chương tám của *Niềm Vui Yêu Thương* mà bỏ qua 7 chương đầu. Phải đọc trọn cả 8 chương, người ta mới nắm được giáo huấn mới của huấn quyền về hôn nhân.

Nhà thần học Đức, Konrad Hilpert, nhận ra mối tương quan năng động giữa hôn nhân và tính dục trong *Niềm Vui Yêu Thương* như là chìa khóa của sự mới mẻ nói trên. Ông cho rằng tập chú của nền đạo đức học tương quan của nó không phải là hành vi tính dục và các qui luật xác định về nó, mà đúng hơn, là bối cảnh thông đạt trong đó, một con người tiến tới chỗ ý thức tốt hơn về khả năng biết, hiểu, chấp nhận và yêu thương một con người khác.

Ở đây, ở Hoa Kỳ, có thể nói Julie Hanlon Rubio là người viết nhiều và viết có ý nghĩa hơn cả về nền thần học hôn nhân. Bà cho rằng đóng góp hàng đầu của tông huấn là “lời nó kêu gọi các cặp vợ chồng trì chí trong tình yêu phu thê qua thời gian. Nó đề cập tới các câu hỏi quan trọng: ‘Tại sao kết hôn? Tại sao tiếp tục ở lại trong hôn nhân? Và cung cấp các câu trả lời tốt đẹp hơn bất cứ giáo huấn Công Giáo chính thức nào khác về hôn nhân’”.

5. Dĩ nhiên, bạn cần một sách vở lòng mới mong đọc được nó. Các sách vở lòng thuộc loại này không cần thiết vì lẽ tông huấn phức tạp, mà đúng hơn vì lẽ nó có tính nền tảng và rộng dài. Nền thần học này cần được lên xương thịt cho các giáo hội địa phương. Việc này cũng đã phát sinh ra cả một thị trường các sách vở lòng này. Người Pháp đã phát hành một cuốn, được coi như “một cuộc hành trình cùng đi với nhau”.

Học Viện Dòng Tên ở Nam Phi đã cung cấp một cuốn tương tự như thế. Các sách vở lòng bằng tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Đức đã được phổ biến khắp nơi trên liên mạng. Ở Hoa Kỳ, tạp chí *National Catholic Reporter* cũng đã cung cấp một cuốn của họ, rồi Julie Hanlon Rubio phát hành một cuốn chỉ dẫn đào tạo đức tin về nó qua nhà Liturgical Press và nay Tom Rausch cùng Roberto Dell’Oro đang chủ biên một tuyển tập cho nhà Paulist Press.

6. Nền thần học luân lý có một trách vụ mới: đồng hành với những người khác trong việc đào tạo lương tâm họ. Connor Kelly viết rằng với tông huấn này, Đức Phanxicô thay đổi trọn bộ trách vụ của thần học luân lý: Từ nay, không những lương tâm thừa nhận sự thật luân lý như đã được giảng dạy, mà nó còn biện phân và xác định rõ đường đi của nó cho tương lai. Mọi người Công Giáo phải để lương tâm mình trở thành hướng dẫn viên của mình.

Kelly bảo ta phải chú ý tới đoạn 303. “Thế nhưng, lương tâm không những có thể thừa nhận rằng một hoàn cảnh nhất định nào đó không tương ứng một cách khách quan với các đòi hỏi tổng quát của Tin Mừng.

"Nó còn có thể thành thực và trung thực nhìn nhận rằng đối với hiện nay, đây là đáp ứng quảng đại nhất có thể có đối với Thiên Chúa, và tiến tới chỗ nhìn thấy một cách khá chắc chắn rằng về phương diện luân lý thì đây là điều chính Thiên Chúa đòi hỏi giữa tính phức tạp cụ thể trong các giới hạn của họ, dù nó chưa trọn vẹn là lý tưởng khách quan.

"Dù sao, ta hãy nhớ rằng việc biện phân này có tính năng động; nó phải mãi mãi cởi mở đối với các giai đoạn tăng trưởng mới và các quyết định mới có khả năng giúp cho lý tưởng này được thể hiện cách trọn vẹn hơn”.

Việc Đức Giáo Hoàng nói đến khả năng biện phân của lương tâm hoàn toàn ăn ý với nền thần học của Công Đồng, nhất là trong *Gaudium et spes*. Kelly viết: “Khi nghiêm chỉnh nhận lấy ý tưởng này của Công Đồng, *Niềm Vui Yêu Thương* đã thăng tiến một cách có ý nghĩa cái hiểu của huấn quyền về lương tâm, nói lên một bước nữa trong diễn trình liên tục khai triển và phục hoạt truyền thống vốn sinh động trong Giáo Hội từ thời Vatican II”.

Điều trên có nghĩa lương tâm Công Giáo nay tự do được quyền làm ngơ giáo huấn của Giáo Hội hay không? Không. Nhưng ta nên hỏi giáo huấn của Giáo Hội trực tiếp ra lệnh đến mức nào cho các quyết định bình thường của lương tâm Công Giáo.

Giáo Hội hướng dẫn ta trong một số vấn đề thuộc việc làm cha mẹ và đời sống phu thê, nhưng việc sống ơn gọi đó trên căn bản hàng ngày tùy thuộc sự biện phân tích cực của lương

tâm để biết được điều gì tốt nhất cho con cái, cho hôn nhân và cho gia đình. Ở nơi làm việc cũng thế, vấn đề giải trình trách nhiệm (accountability), sự hợp tình hợp lý, sự trong sáng, và tính cẩn mật tự riêng thúc đẩy ta thường xuyên phải sử dụng lương tâm.

Các quyết định đa dạng phải đưa ra hàng tuần trên đây không được thực hiện bằng các tham chiếu một thủ bản có tính huấn quyền nào đó, mà đúng hơn bằng cách thường xuyên tra vấn lương tâm mình.

7. Thói quen nại tới lương tâm mình chính là việc biện phân luân lý. Đức Phanxicô đã nắm được ý tưởng tuân theo lương tâm khi nói tới biện phân. Việc nhấn mạnh tới biện phân này thường được các độc giả của thông điệp nhận ra; như các biên tập viên của tạp chí *Commonweal* từng ghi nhận, đây là việc “thừa nhận tính phức tạp của con người và sự ủng hộ tính phụ đới”.

Các nhà thần học luân lý coi việc huấn quyền cổ vũ việc biện phân này như lời mời gọi chúng ta thăm dò cách làm thế nào, người Công Giáo chúng ta, bằng lương tâm, biện phân được điều Chúa Kitô hằng yêu cầu chúng ta bất luận ở thời nào. Chính đây là điều nhiều người gọi là lời tông huấn mời gọi ta đừng sa vào chủ nghĩa duy tối thiểu mà là duy tối đa.

8. **Đồng hành là kiểu mẫu của thừa tác vụ Niềm Vui Yêu Thương.** Tiếng nói, phong thái, và các tâm nhìn thấu suốt của Đức Phanxicô có tính mục vụ tuyệt diệu và hiện diện cùng khắp tông huấn. Chúng hiện diện cùng khắp đến nỗi khi đọc tông huấn, ta có cảm giác kỳ lạ là Đức Phanxicô đang nói với chính ta; ngài thực sự theo bước chân ta từ phòng này qua phòng nọ trong nhà ta cho tới khi ngồi xuống dưới bếp và ta cảm thấy ngài đang nói với ta về việc cho và nhận trong các mối tương quan. Nhưng, đồng thời, ngài cũng lắng tai nghe, chờ câu trả lời và bình luận của ta. Ngài đồng hành với ta khi ta đối phó với cuộc hôn nhân, với các mối liên hệ của chính ta.

Có thể nói đồng hành là hiệu lệnh được Đức Phanxicô gửi tới các giám mục, giáo sĩ, tu sĩ và các thừa tác viên giáo dân của ngài. Chúng ta được mời gọi đồng hành với người khác trong lúc họ đào tạo lương tâm họ và đưa ra các quyết định hàng ngày trong cuộc hôn nhân, trong gia đình và trong cộng đồng của họ.

9. **Việc đồng hành nổi kết chứ không dẹp bỏ lương tâm Công Giáo.** Ở phần đầu tông huấn, Đức Phanxicô viết rằng “Chúng ta được mời gọi đào tạo các lương tâm chứ không thay thế chúng” (*Niềm Vui Yêu Thương* 37). Quả là câu nói thời danh. Nó được trích dẫn rất nhiều lần như một nhận định tự phê đối với thừa tác vụ giáo huấn và giảng dạy của Giáo Hội.

Câu nói trên xuất hiện lúc Đức Phanxicô đề cập tới việc ta thường không cởi mở đối với hành động của ơn thánh. Ngài bảo: “ta cũng thấy khó dành chỗ cho lương tâm của tín hữu, những người rất hay hết lòng đáp ứng Tin Mừng giữa nhiều hạn chế của họ, và có khả năng thực hiện việc biện phân của họ trong các tình huống phức tạp”. Đây là một văn kiện của huấn quyền biết dành chỗ cho lương tâm Công Giáo.

10. **Thừa tác vụ đồng hành này không khác chi các giáo huấn mục vụ của Đức Gioan Phaolô II.** Ta có thể nhận ra khá nhiều lời giảng dạy trong đó Đức Gioan Phaolô II cung cấp cho các cặp vợ chồng các giải pháp mục vụ về đồng hành. Hai lời chỉ giáo đó tìm thấy trong tông huấn *Familiaris Consortio* (1981). Lời thứ nhất, ở số 34, nói tới diễn trình hợp pháp qua đó, một cặp vợ chồng dù nhìn nhận thẩm quyền của *Humanae Vitae*, nhưng vì không thể tuân theo giáo huấn của nó, nên đã đi tìm lời khuyên bảo mục vụ và trong một số trường hợp, nhờ

luật tiệm tiến, mà được rước lễ dù họ vẫn thực hành việc kiểm soát sinh đẻ.

Lời chỉ giáo thứ hai về đồng hành tìm thấy ở số 84. Điều đáng lưu ý là trong cuộc họp báo công bố *Niềm Vui Yêu Thương*, Đức Hồng Y người Áo, Christoph Schönborn, được hỏi làm cách nào giảng hòa việc Đức Phanxicô mở ra vấn đề xưng tội và rước lễ của người ly dị tái hôn với việc Đức Gioan Phaolô II bác bỏ việc cho phép những người này rước lễ chỉ trừ sau khi xưng tội, họ đồng ý sống “tiết dục hoàn toàn” (84).

Đức Hồng Y trả lời rằng: Với tông huấn *Familiaris*, Đức Gioan Phaolô II cho phép các người Công Giáo ly dị tái hôn nhưng sống “tiết dục hoàn toàn” được rước lễ. Trước Đức Gioan Phaolô II, không có vị giáo hoàng nào nói tới khả thể này cả. Bởi thế, giống như Đức Gioan Phaolô II, há Đức Phanxicô không được phép nêu lên các vấn đề khác hay sao?

Đức Hồng Y nói tiếp “ở đây, có sự liên tục trong giáo huấn, nhưng cũng có điều mới mẻ thực sự. Có sự phát triển thực chất về tín lý, chứ không phải gián đoạn”.

Rocco Buttiglione trên tờ *Osservatore Romano* của Tòa Thánh nói thêm vào chỗ Đức Hồng Y Schönborn còn bỏ ngỏ. Ông đặt câu hỏi: “Có chăng bất cứ sự mâu thuẫn nào giữa các vị giáo hoàng ra và tuyệt thông cho các người ly dị tái hôn và Thánh Gioan Phaolô II, người đã cởi bỏ và tuyệt thông đó?” Làm sao Đức Phanxicô lại có thể khác với Đức Gioan Phaolô II? Cả hai vị đều đọc các dấu chỉ thời đại và hướng dẫn Giáo Hội qua sự phát triển của Giáo Hội.

11. Sự phát triển này đồng hành cả với lương tâm của các người Công Giáo ly dị tái hôn. Người ta đã viết nhiều về vấn đề của Đức Phanxicô và việc liệu ngài có cho phép hay không các người này được lãnh nhận các bí tích hòa giải và rước lễ trong một số trường hợp họ thực sự mong muốn trong lương tâm.

Ở Ghi Chú số 351, qua một cách nói, ngài gợi ý rằng đây là một vấn đề sẽ do các giáo hội địa phương quyết định. Dù một số người có thể ngạc nhiên và nhiều người khác lý luận rằng các giáo hội địa phương không thể quyết định các vấn đề như thế này, thì ta vẫn nên nhớ một trong các thành tựu của Vatican II là phục hồi vai trò không thể thiếu của các giáo hội địa phương bên trong Giáo Hội hoàn vũ.

Đức Phanxicô tìm hết cách để thực thi các quyết định của Công Đồng và, như đã thấy trên đây về tính công đồng và về lương tâm, tinh thần của Công Đồng đã trở thành linh hồn của phần lớn giáo huấn của chính ngài.

Lisa Sowle Cahill nhận định rất đúng rằng “điều Đức Phanxicô đã làm thực sự là ban phép và dành không gian cho các giám địa phương được thử nghiệm các canh tân linh động, đầy thương xót và có tính mục vụ nhiều hơn, nhưng ngài không ra lệnh điều này”. Tuy nhiên, ngài theo dõi và chờ đợi.

Một ít sáng kiến đáng được nhắc đến ở đây. Các giám mục ở Buenos Aires đã viết một lá thư cho các linh mục của họ liên quan đến việc phải giải thích chương tám ra sao. Sau khi thừa nhận việc tông huấn *Familiaris Consortio* cho phép các cặp ly dị tái hôn sống tiết dục được rước lễ, các giám mục viết thêm rằng nếu giải pháp này không khả thi, thì “vẫn có thể còn có con đường biện phân”.

“Trong một trường hợp cụ thể, khi thừa nhận có sự hiện hữu của những giới hạn có thể làm giảm mức độ trách nhiệm và qui lỗi, nhất là khi một người tin rằng họ sẽ phạm một sai lầm

khác có thể gây hại tới con cái do cuộc kết hợp mới sinh ra, thì *Niềm Vui Yêu Thương* dần khởi khả thể được lãnh nhận các bí tích hòa giải và Thánh Thể”.

Các ngài còn viết thêm rằng trong một số trường hợp, sự kín đáo riêng tư (confidentiality) sẽ là điều khôn ngoan khi cộng đồng địa phương tiến bước trong một “tinh thần hiểu biết và cởi mở”. Đức Phanxicô khen ngợi lá thư này, coi nó “rất tốt và hoàn toàn nắm được ý nghĩa chương tám của *Niềm Vui Yêu Thương*. Không có lối giải thích khác. Tôi chắc chắn nó sẽ mang lại nhiều ơn ích”.

Trường hợp thứ hai là Đức Tổng Giám Mục Dominique Lebrun của Rouen, Pháp. Ngài đã giới thiệu với tổng giáo phận 7 vị linh mục làm “thừa sai của Lòng Thương Xót” có nhiệm vụ “đặc biệt” chào đón các người ly dị hiện đang sống trong một mối liên hệ mới, với mục tiêu giúp họ “xét lương tâm hoàn toàn theo ý họ dưới ánh sáng Lời Thiên Chúa”.

Dĩ nhiên, có những giáo hội còn đi trước cả *Niềm Vui Yêu Thương*. Ít ngày sau khi công bố *Niềm Vui Yêu Thương*, Đức Hồng Y Schönborn tiết lộ rằng ngài “không ít tự hào” khi thấy tông huấn “hoàn toàn tiếp nhận” thực hành mục vụ liên quan tới các người ly dị tái hôn vốn đã được diễn ra tại giáo phận ngài 15 năm qua.

12. Phục hồi lòng thương xót. Đây là một điểm son của *Niềm Vui Yêu Thương*. Ở số 311, Đức Phanxicô viết rằng “Đôi lúc, ta thấy khó có thể dành chỗ cho lòng yêu thương vô điều kiện của Thiên Chúa trong sinh hoạt mục vụ của ta. Ta đặt quá nhiều điều kiện lên lòng thương xót đến nỗi ta làm rỗng hết ý nghĩa cụ thể và tầm quan trọng thực sự của nó. Đây là cách tệ hại nhất để làm loãng Tin Mừng. Chẳng hạn, đúng là lòng thương xót không loại trừ công lý và chân lý, nhưng trước hết và trên hết, ta phải nói rằng lòng thương xót chính là sự viên mãn của công lý và là biểu hiện ngời sáng nhất của chân lý Thiên Chúa. Vì lý do này, ta nên luôn coi là ‘thiếu thỏa đáng bất cứ quan niệm thần học nào, cuối cùng, nghi vấn cả sự toàn năng của Thiên Chúa và, nhất là, lòng thương xót của Người’”.

Đức Phanxicô: ĐHY Ratzinger là “ứng viên duy nhất” năm 2005 và nói về Tương lai Mỹ châu La Tinh (Ngày 07/11/2017)

Trong một cuộc phỏng vấn mới đây của nhà báo Á Căn Đình, Hernán Reyes Alcaide, Đức Phanxicô đã rất thoải mái trả lời nhiều câu hỏi không nặng về lý thuyết mà là đời thực.

Bầu khí của cuộc phỏng vấn thoải mái đến nỗi Đức Phanxicô sử dụng nhiều kiểu nói hết sức bình dân, phản ánh lối nói thông thường của người Á Căn Đình. Theo ký giả Austen Ivereigh, người viết tiêu sử của Đức Phanxicô, ngài đã dùng cả kiểu nói lóng của vùng Buenos Aires có tên là *lunfardo*. Nói về người nghèo tìm đến các thành phố lớn chẳng hạn, ngài bảo họ mất cả sự tiếp xúc với mảnh đất và kết thúc phải chấp nhận một *changa*, nghĩa là một việc làm lén lút, không được bảo vệ.

Cuộc phỏng vấn trên là để đánh dấu 10 năm Hội Nghị lần thứ năm của Liên Hội Đồng Giám Mục Mỹ Châu Latinh tại Aparecida, Ba Tây, năm 2007. Vị soạn thảo chính của văn kiện kết thúc Hội Nghị này không ai khác ngoài Đức Hồng Y Tổng Giám Mục Buenos Aires lúc ấy, tức Đức Đương Kim Giáo Hoàng Phanxicô.

Hội Nghị trên được tổ chức 2 năm sau mật nghị hội bầu Đức Bênêđictô XVI. Theo nhật ký của một vị Hồng Y người Ý, được tiết lộ cuối năm 2005, thì tại mật nghị hội này, Đức Hồng Y Tổng Giám Mục Buenos Aires, Jorge Mario Bergoglio, nhận được khá nhiều phiếu bầu của các vị Hồng Y có óc mục vụ và cải tiến. Cũng theo cuốn nhật ký này, Đức Hồng Y Bergoglio đã khấn khoản yêu cầu các vị

Hồng Y này đừng bỏ phiếu cho ngài mà bỏ phiếu cho Đức Hồng Y Joseph Ratzinger.

Trong cuốn tiểu sử về Đức Phanxicô, tựa là *The Great Reformer*, Ivereigh cho biết: vì Đức Hồng Y Bergoglio tin rằng Châu Mỹ Latinh chưa sẵn sàng đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo Giáo Hội hoàn vũ. Đây không hẳn là nhận định của Ivereigh. Đúng hơn, nó là nhận định của nhà sử học đồng thời là nhà trí thức lớn của Uruguay, Alberto Methol Ferré. Trong một cuộc phỏng vấn trước mật nghị hội năm 2005, sử gia này cho rằng chưa đến lúc có một giáo hoàng xuất thân từ Châu Mỹ Latinh và Đức Hồng Y Ratzinger là ứng viên xứng đáng nhất. Các vị thân cận với Đức Phanxicô cho hay ngài hoàn toàn nhất trí với nhận định này.

Quả vậy, chính Đức Phanxicô nói với nhà báo Alcaide rằng ngài chia sẻ quan điểm của Methol và sau khi đọc bài phỏng vấn trên trước khi lên đường dự mật nghị hội, ngài cho rằng quan điểm ấy là “một tầm nhìn thông sáng tuyệt diệu”. Rồi ngài nói thêm: ngài xác tín rằng Đức Hồng Y Ratzinger là ứng cử viên thực chất duy nhất trong năm 2005.

“Không kể hành động của Chúa Thánh Thần trong mật nghị hội, ở thời điểm ấy của lịch sử, người duy nhất có tầm cỡ, sự khôn ngoan và kinh nghiệm cần thiết để được bầu là (Đức Hồng Y) Ratzinger. Nếu không, sẽ có sự nguy hiểm là bầu chọn ‘một vị giáo hoàng thỏa hiệp’. Mà bầu chọn ‘một vị giáo hoàng thỏa hiệp’ là điều, ta phải nói, không hợp Tin Mừng bao nhiêu”.

Nhà báo Alcaide không hỏi Đức Phanxicô lý do tại sao Châu Mỹ Latinh chưa sẵn sàng đảm nhiệm chức vụ giáo hoàng, nhưng theo Ivereigh, câu trả lời khá rõ ràng: Hội Nghị Aparecida chưa diễn ra. Lần cuối cùng, Liên Hội Đồng Giám Mục Châu Mỹ Latinh họp là tại Santo Domingo năm 1992; nhưng Hội Nghị này bị coi gần như thất bại vì áp lực nặng nề của Rôma, một áp lực bị CELAM cực lực chống đối.

Đức Phanxicô chia sẻ nhận định trên khi ngài nói với nhà báo Alcaide rằng Santo Domingo “không phải là một thất bại, nhưng rất căng thẳng”. Sau đó, ngài cho biết thêm: tiếp theo các hội nghị thời danh ở Medellín năm 1968 và Puebla năm 1979, tại Santo Domingo, “xem ra sự việc bị kẹt cứng”.

Đức Phanxicô cho rằng Hội Nghị trên đưa ra “một văn kiện bị nhiều người coi là thỏa hiệp”.

Aparecida có khác. Tại đây, Giáo Hội Châu Mỹ Latinh đã có thể làm cho các hoa trái của Medellín và Puebla đến chỗ chín mọng, đồng thời cũng là sự chín mọng của diễn trình hậu Vatican II mà Đức Phaolô VI từng mong ước cho lục địa này.

Đức Phanxicô nói với nhà báo Alcaide rằng chìa khóa của thành tựu trên là cung cách hội nghị diễn ra ngay trong vương cung thánh đường, gần với các tín hữu giáo dân. Ngài nói: Aparecida “là tất cả vì người dân và với người dân”.

Đức Phanxicô nghĩ rằng Aparecida là một công trình vẫn còn đang tiếp diễn và Giáo Hội phải thực thi văn kiện của nó trước khi nghĩ tới Hội Nghị thứ sáu của CELAM.

Được hỏi kể từ Hội Nghị Aparecida cho tới nay, đâu là điểm ít tiến bộ nhất, Đức Phanxicô đã trả lời rằng “đó là việc hồi tâm mục vụ. Nó vẫn còn đang ở nửa chừng”.

Tương cũng nên nhớ “hồi tâm mục vụ” là các hạn từ chủ chốt tại Hội Nghị Aparecida. Chúng có ý nói tới việc chuyển dịch từ duy trì qua truyền giáo, tập chú mục vụ phải nhắm vào những con người cụ thể và các nhu cầu của họ hơn là chú ý tới những điều trừu tượng và vụ luật.

Được hỏi tại sao, ngài cho biết đó là chủ nghĩa giáo sĩ trị. Ngài nói với nhà báo Alcaide rằng nó vẫn còn bàng bạc tại Châu Mỹ Latinh, nơi ơn gọi làm người giáo dân “cần được tái khám phá và phát triển và nhận được tầm quan trọng riêng của nó” trong Giáo Hội.

Cũng như bao giờ, ngài gán các thất bại của Giáo Hội cho việc Giáo Hội sống xa cách. Việc đi lên của

phái phúc âm và ngũ tuần, chẳng hạn, là do Giáo Hội không “gần gũi người ta. Người ta tìm kiếm Thiên Chúa một cách có tôn giáo, và muốn sự gần gũi... Vị linh mục không và không thể là ông xếp, mà là một người chẵn chân”.

Tuy nhiên, Đức Phanxicô không phải đã không nhìn thấy nét tích cực kể từ Hội Nghị Aparecida: người ta ý thức nhiều hơn đối với việc phải thuộc về; họ cũng ý thức nhiều hơn đối với khả năng phân tích có phê phán hoàn cảnh lịch sử của Châu Mỹ Latinh.

Nhưng ngài phê phán “các lăng kính giải thích” trước đây trong Giáo Hội, một điều vốn phát xuất từ biến cố “Paris 1968 hay một số các nền thần học ngoại suy của Đức” vốn “chẳng có liên hệ chi với việc giải thích Châu Mỹ Latinh”. Nói cách khác, Giáo Hội Châu Mỹ Latinh sẽ tốt đẹp hơn khi biện phân các thực tại của mình bằng cách sử dụng các lăng kính riêng, hơn là các lăng kính ngoại lai.

Nhưng bất kể Giáo Hội Châu Mỹ Latinh càng ngày càng tự ý thức về mình nhiều hơn, Đức Phanxicô vẫn thấy lục địa này giảm bớt các cam kết của mình đối với sự hợp nhất, một điều mà ngài cũng như CELAM vẫn hằng mong mỏi.

Điều được ngài mô tả như “dự án đích thực của Châu Mỹ Latinh” tức giấc mơ *patria grande* (tổ quốc vĩ đại) của phong trào độc lập đầu thế kỷ 19 “nay không còn thấy đâu nữa”. Nguyên nhân theo ngài là nạn tham nhũng, buôn bán ma túy và điều ngài mô tả như việc cả lục địa quy lụy “hệ thống tiền tài quốc tế” hiện đang phá hoại việc thống nhất.

Đức Phanxicô gửi thông điệp cho Hội Nghị về Tông Huấn Niềm Vui Yêu Thương

(Ngày 11/11/2017)

Thứ Bảy, 11 tháng 11 năm 2017, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã gửi tới các tham dự viên của một hội nghị do Hội Đồng Giám Mục Ý tổ chức nói về Tông Huấn Hậu Thượng Hội Đồng *Niềm Vui Yêu Thương* (*Amoris Laetitia*).

Dưới đây là nguyên văn thông điệp dựa vào bản tiếng Anh của Tòa Thánh.

Anh chị em thân mến, xin chào anh chị em!

Tôi thân ái chào mừng tất cả anh chị em tham dự Hội Nghị Chuyên Đề về Tông Huấn *Niềm Vui Yêu Thương*, do Văn Phòng Chăm Sóc Mục Vụ Gia Đình của Hội Đồng Giám Mục Ý triệu tập.

Chủ đề mà anh chị em đề ra: *Tin Mừng Tình Yêu giữa Lương Tâm và Qui Luật*, có tầm quan trọng lớn lao, và có thể soi sáng con đường mà Giáo Hội Ý đang đi, hầu đáp ứng ý nguyện lập gia đình đang xuất hiện trong linh hồn các thế hệ trẻ. Tình yêu giữa một người đàn ông và một người đàn bà hiển nhiên là một trong các kinh nghiệm có tính sản sinh nhất của con người; nó là chất men của nền văn hóa gặp gỡ, và dẫn vào thế giới hiện tại cả một luồng tính xã hội. Thực vậy, “lợi ích gia đình là điều có tính quyết định đối với tương lai thế giới và tương lai Giáo Hội” (*Niềm Vui Yêu Thương* số 31). Gia đình phát sinh từ hôn nhân tạo nên nhiều sợi dây phong phú, tự chứng tỏ là một đối cực hữu hiệu nhất chống lại chủ nghĩa cá nhân vốn đang rất thịnh hành; tuy nhiên, song song với hành trình yêu thương phụ phụ và cuộc sống gia đình, có những tình huống đòi hỏi phải chọn lựa khó khăn, vì các chọn lựa này phải thực sự chính xác. Trong thực tại gia đình, đôi khi có những nút thắt cụ thể cần được tháo gỡ bằng một lương tâm khôn ngoan của mỗi thành phần. Điều quan trọng là: không được để các người phối ngẫu, các bậc cha mẹ cô đơn, mà phải đồng hành trong các cam kết của họ đối với việc áp dụng Tin Mừng vào tính cụ thể của đời sống. Mặt khác, chúng ta biết rõ rằng “chúng ta được kêu gọi đào tạo các lương tâm, chứ không có cao vọng thay thế các lương tâm này” (*Đã dẫn*, số 37).

Thế giới đương thời có nguy cơ lẫn lộn tính ưu việt của lương tâm, một điều luôn phải được duy trì,

với tính tự lập hoàn toàn của cá nhân đối với các mối liên hệ của họ ở trong đời.

Như gần đây tôi đã nói với Giáo Hoàng Hàn Lâm Viện Sự Sống, “Có những người dám nói tới việc tôn thờ cái tôi (ego-latry) nghĩa là thờ lạy bản ngã mình, là đặt mọi sự làm lễ tể trên bàn thờ bản ngã, kể cả các tình âu yếm thân thương nhất của mình. Viễn tượng này đương nhiên là có hại: nó tạo khuôn cho một hữu thể lúc nào cũng chỉ biết nhìn mình trong gương, riết rồi hết cả khả năng nhìn người khác và thế giới. Việc lan tràn thứ thái độ này đem lại nhiều hậu quả hết sức nghiêm trọng cho mọi tình âu yếm và liên hệ ở trong đời” (Ngày 5 tháng Mười, 2017). Đây là “một việc làm ô nhiễm” sẽ sồi mòn các linh hồn và làm tâm trí ra hỗn loạn, tạo nên nhiều ảo tưởng sai lạc.

Romano Guardini, trong một bản văn về chủ đề lương tâm, có chỉ đường để ta tìm ra sự thiện đích thực. Ngài viết: “từ việc giam hãm trong chính mình này, tôi chỉ được tự do nếu tìm ra một điểm vốn không phải là bản ngã tôi: một chiều cao cao hơn chính tôi; một điều gì vững chắc và có tác dụng trong thẳm sâu của tôi – và kia! Ở đây, chúng ta đạt tới cốt lõi [...] tức thực tại tôn giáo. Sự thiện này [...] là một điều sống động. [...] Đó chính là sự viên mãn của giá trị, vốn thuộc về Thiên Chúa hằng sống luôn là chính Người” (La coscienza, Brescia 1933, 32-33).

Ở sâu thẳm mỗi người chúng ta đều có một nơi trong đó Mẫu Nhiệm sẽ tự mạc khải, và soi sáng mọi người, làm họ trở thành người chủ đạo của lịch sử đời họ. Như Công Đồng Vatican II đã nhắc nhở, lương tâm là “cốt lõi và cung thánh kín nhiệm nhất của con người. Ở đây, họ ở một mình với Thiên Chúa; tiếng nói của Người vang động khắp thẳm sâu lòng họ” (*Gaudium et Spes*, số 16). Người Kitô hữu có bốn phận phải tỉnh thức, để trong thứ nhà tạm này không còn thiếu ơn thánh Chúa, một ơn thánh vốn soi sáng và củng cố tình yêu vợ chồng và sứ mệnh cha mẹ. Ôn thánh đổ đầy chiếc bình tâm hồn con người bằng khả năng biết cho đi một cách lạ thường, làm mới lại phép lạ của tiệc cưới Cana cho các gia đình ngày nay.

Chú giải đoạn Tin Mừng trên, tôi đã có thể nói rằng “Nhờ biến đổi thành rượu nước của chiếc bình vốn dùng ‘cho nghi thức thanh tẩy của người Do Thái’ (Ga 2:6), Chúa Giêsu đã thực hiện một dấu lạ rất hùng hồn là: Người biến đổi Luật Môsê thành Tin Mừng, tin mang niềm vui” (*Yết Kiến Chung*, 8 tháng Sáu, 2016). Chúa Giêsu đặc biệt chỉ cho ta phương thuốc thương xót, là phương thuốc chữa được sự cứng lòng, phục hồi mối liên hệ giữa chồng và vợ, và giữa cha mẹ và con cái.

Anh chị em thân mến, tôi cầu chúc sự tốt đẹp nhất cho việc làm của anh chị em tại Hội Nghị Chuyên Đề này. Cầu mong Giáo Hội tại Ý giúp đỡ để thắm thâu và khai triển nội dung cũng như phong thái của *Niềm Vui Yêu Thương*; cầu mong Giáo Hội này đóng góp vào việc đào tạo các cổ vũ viên cho các nhóm gia đình trong các giáo xứ, các hiệp hội, và phong trào; cầu mong Giáo Hội này hỗ trợ cuộc hành trình của không biết bao nhiêu gia đình, giúp họ sống niềm vui Tin Mừng, và trở thành các tế bào tích cực trong cộng đồng. Tôi ban phép lành cho anh chị em, và xin anh chị em vui lòng cầu nguyện cho tôi.

Đức Phanxicô ca ngợi công trình của Đức Bênêđictô XVI

(Ngày 18/11/2017)

Theo tin Zenit, ngày 18 tháng 11 vừa qua, tại Hội Trường Clementine trong nội thành Vatican, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã trao Giải thưởng Ratzinger năm 2017 cho ba học giả và nghệ sĩ.

Sau lời chào mừng của Cha Federico Lombardi, S.J., chủ tịch Quỹ Joseph Ratzinger-Benedict XVI, Đức Hồng Y Kurt Koch, chủ tịch Hội Đồng Giáo Hoàng về Cổ Vũ Hợp Nhất Kitô Giáo và là thành viên của Ủy Ban Khoa Học của Quỹ đã nói qua về tiểu sử ba vị trúng giải năm nay. Sau đó, Đức Phanxicô đã trao giải thưởng cho ba vị.

Các vị trên là: Giáo Sư Theodor Dieter, thần học gia thuộc phái Luthêrô, Đức; Giáo Sư Karl-Heinz Menke, thần học gia Đức và là một linh mục Công Giáo; và Nghệ Sĩ Danh Cầm Arvo Pärt, nhà soạn nhạc Estonia và là Kitô Hữu Chính Thống Giáo.

Cuối cùng, Đức Phanxicô đã đọc một diễn văn sau cuộc trình diễn bài “Pater Noster” (Lạy Cha Chúng Con) của danh cầm Arvo Pärt, người chơi chiếc dương cầm vốn thuộc Đức Giáo Hoàng Huru Trí.

Sau đây là nguyên văn bài diễn văn của Đức Phanxicô:

Anh chị em thân mến,

Tôi vui mừng được gặp gỡ anh chị em tại biên cô hàng năm trao giải thưởng cho các nhân vật lừng lẫy mà Quý Joseph Ratzinger – Benedict XVI và Ủy Ban Khoa Học của nó đã giới thiệu với tôi. Trước hết, tôi xin chào mừng các linh mục, các thành viên, và bằng hữu của Quý, và tôi xin cảm ơn Đức Hồng Y Kurt Koch và Cha Lombardi, những vị đã dẫn nhập chúng ta vào tầm quan trọng của biên cô chủ yếu này trong các sinh hoạt của anh chị em, nhằm cổ vũ việc tìm tòi thần học và nối kết văn hóa được sinh động hóa nhờ đức tin và việc thúc đẩy linh hồn hướng về Thiên Chúa.

Cùng với anh chị em, tôi muốn được ngó một ý nghĩ âu yếm và nhiệt tình với Đức Giáo Hoàng Huru Trí, Đức Bênêđictô. Việc cầu nguyện và hiện diện kín đáo và đầy khích lệ của ngài đồng hành với chúng ta trên một lộ trình chung; công trình và giáo huấn của ngài tiếp tục là một di sản sống động và quý giá đối với Giáo Hội và việc phục vụ của chúng ta. Chính vì thế, tôi khẩn khoản yêu cầu Quý tiếp tục cam kết của mình, nghiên cứu và thâm hâu hóa di sản này trong khi nhìn về phía trước, tăng tiến các hoa trái của mình qua cả việc giải thích các trước tác của Joseph Ratzinger lẫn việc, theo tinh thần của ngài, tiếp tục nghiên cứu và tìm tòi thần học và văn hóa, bằng cách đi vào các lãnh vực trong đó nền văn hóa ngày nay đang thúc giục đức tin phải đối thoại. Tinh thần con người luôn khẩn thiết và một cách sinh tử cần đến cuộc đối thoại này: đức tin cần tới nó, vì đức tin sẽ trở thành trừu tượng nếu không được nhập thân trong thời gian; lý trí cần cuộc đối thoại này, vì lý trí sẽ trở thành phi nhân nếu không được nâng lên tới Cõi Siêu Việt. Thực vậy, Thánh Gioan Phaolô II từng quả quyết rằng “lý trí và đức tin như hai chiếc cánh trên đó, tinh thần con người bay lên chiêm ngưỡng sự thật” (*Thông điệp Fides et ratio*, Lời Nói Đầu).

Joseph Ratzinger tiếp tục là một vị thầy và là một nhà đối thoại thân ái đối với tất cả những ai đang thực hành hồng phúc lý trí để đáp lại ơn gọi đi tìm sự thật của con người. Khi Chân Phúc Phaolô VI kêu gọi ngài đảm nhiệm trách nhiệm tổng giám mục Munich và Freising, ngài đã chọn khẩu hiệu “Cooperatores veritatis”, “Những Người Cộng Tác của Sự Thật” trích trong Tin Mừng Gioan (câu 8). Khẩu hiệu này nói lên đầy đủ ý nghĩa của công trình và thừa tác vụ của ngài. Khẩu hiệu này được trình bày trên chứng chỉ giải thưởng mà tôi vừa trao tặng, để nói rằng cả các vị trúng giải cũng hiến đời mình cho sứ mệnh cao cả nhất là phục vụ sự thật, *diaconia của sự thật*.

Tôi hết sức vui mừng khi thấy các cá nhân lừng lẫy nhận giải thưởng hôm nay xuất thân từ 3 hệ phái Kitô giáo khác nhau, trong đó, có người thuộc hệ phái Luthêrô mà với họ chúng tôi từng được cảm nghiệm nhiều khoảnh khắc gặp gỡ và tiến bộ chung cực kỳ quan trọng trong năm nay. Sự thật của Chúa Kitô không dành cho người hát đơn ca, mà có tính hợp xướng: nó đòi sự cộng tác ngoan ngoãn, sự chia sẻ hài hoà. Tìm kiếm nó, học hỏi nó, nghiền ngẫm nó, và chuyển dịch nó thành thực hành với nhau, trong tình bác ái, sẽ lôi kéo chúng ta một cách mạnh mẽ vào cuộc kết hợp trọn vẹn giữa chúng ta: Nhờ thế, sự thật sẽ trở thành một nguồn sống động phát sinh ra các mối liên kết yêu thương càng ngày càng gần gũi nhau hơn.

Tôi hoan nghênh ý tưởng mở rộng chân trời của Giải Thưởng để bao gồm cả nghệ thuật nữa, ngoài thần học và khoa học vốn tự nhiên có liên hệ với nó. Việc mở rộng này rất tương ứng với viễn kiến của Đức Bênêđictô XVI, là người vốn hay nói với chúng ta một cách đầy cảm kích về cái đẹp như một cách tuyệt vời để mở tâm hồn mình đón nhận thể siêu việt và gặp gỡ Thiên Chúa. Các riêng, chúng ta đã được ngưỡng mộ sự mẫn cảm về âm nhạc của ngài và cả việc ngài đích thân thực hành nghệ thuật này như một phương thế đạt sự thanh thản và nâng cao tinh thần.

Bởi thế, tôi xin ca ngợi các vị trúng giải lừng lẫy hôm nay: Giáo Sư Theodor Dieter, giáo Sư Karl-Heinz Menke và nhà soạn nhạc đại tài Arvo Pärt; tôi cũng xin khuyến khích Quý và mọi thân hữu của

Quý, để tất cả chúng ta tiếp tục theo đuổi nhiều cách thức mới mẻ và rộng rãi hơn nhằm hợp tác trong tìm tòi, đối thoại và hiểu biết sự thật. Như Đức Giáo Hoàng Bênêdictô không mệt mỏi nhắc nhở chúng ta, sự thật này vốn cùng nhau ở trong Thiên Chúa, là *logos* và *agape*, là khôn ngoan và yêu thương, nhập thể nơi con người của Chúa Giêsu.

Quanh việc Đức Phanxicô muốn sửa kinh Lạy Cha

(Ngày 10/12/2017)

Hầu như không một hãng thông tấn nào không đăng tin Đức Phanxicô muốn sửa một vài chữ trong Kinh Lạy Cha.

Thực vậy, trong một cuộc phỏng vấn truyền hình ở Ý, Đức Phanxicô nhận định rằng lời dịch “xin đừng dẫn chúng con vào cơn cám dỗ” như trong bản tiếng Ý hoặc bản tiếng Anh là lời dịch không đúng, vì Thiên Chúa không thể dẫn chúng ta vào cơn cám dỗ được, Người là người Cha thân yêu, không thể dẫn con cái vào chỗ nguy hiểm, chỉ có thằng Luxiphe mới dẫn chúng ta vào chỗ ấy mà thôi. Dĩ nhiên là Người cho phép Luxiphe làm thế. Vậy thì xin Người đừng để chúng con “sa chước cám dỗ” như cha ông ở Việt Nam của chúng ta đã thừa từ thuở nào cho đến nay.

Theo Cha Jonathan Morris, trên Fox News, thì ngoài nước Pháp vào tuần này ra, người Tây Ban Nha cũng xin Chúa “đừng để chúng con sa chước cám dỗ”. Thảo nào, cha ông trong đức tin của chúng ta ở Việt Nam, mà gốc Tây Ban Nha không hiếm, cũng đã hướng dẫn chúng ta đọc như thế không biết từ thuở nào.

Phương diện thần học

Về phương diện thần học, không còn gì có thể đúng hơn. Thiên Chúa không tạo ra cám dỗ cho chúng ta. Một Thiên Chúa như thế quá tàn nhẫn. Thiên Chúa luôn đứng với ta khi ta bị cám dỗ, nhưng Người không gửi cơn cám dỗ tới cho ta. Thư Giacôbê (1:13-14) nói rõ: “không ai, khi bị cám dỗ, có thể nói rằng ‘tôi bị Thiên Chúa cám dỗ’; vì Thiên Chúa không thể bị sự ác cám dỗ và chính Người không hề cám dỗ ai. Nhưng người ta bị cám dỗ bởi chính lòng dục của mình, bị nó dỗ dành và ru quyến”.

Nhưng trong cuộc phỏng vấn, Đức Phanxicô cho biết không hẳn chỉ là vấn đề thần học, mà là lời dịch không đúng, ngài chưa cho biết trong nguyên ngữ thì câu ấy ra sao. Mà nguyên ngữ đệ nhất Aram hay nguyên ngữ đệ nhị Hy Lạp?

Bối cảnh học hỏi, tranh luận

Trước khi xem xét vấn đề trên, tưởng cũng nên biết bối cảnh nhận định của Đức Phanxicô. Theo New York Times, suy nghĩ của Đức Phanxicô là một phần trong cuộc chú giải gồm 9 tình tiết về Kinh Lạy Cha mà Đài TV2000 của Hội Đồng Giám Mục Ý cho trình chiếu mỗi tối thứ Tư từ hồi tháng Mười tới nay.

Mỗi chương trình đều bao gồm cuộc trao đổi giữa Đức Phanxicô và Cha Marco Pozza, một vị tuyên úy nhà tù ở Padua, có biệt danh là “Cha Spritz”, sau một châu khai vị nổi tiếng của vùng Venice, vì ngài chuyên phục âm hóa giới trẻ tại các quán bar và trên các đường phố.

Trong một cuốn sách xuất bản cùng với chương trình, Đức Phanxicô viết: “Sự ác không phải là một điều không thể sờ mó được, lan tỏa như sương mù Milan. Nó là một bản vị, (tên là) Satan”.

Ngài viết thêm, Satan là bậc thầy quyến rũ và cuối cùng “là ý nghĩa của câu kinh ‘xin đừng để chúng con sa vào sự ác’. Ta phải khôn khéo theo nghĩa tốt của lời nói, ta phải sắc sảo, phải có khả năng biện phân các đối trá của Satan, đũa, mà tôi tin chắc, không thể tiến hành bất cứ cuộc đối thoại nào được”.

Nhận định của Đức Phanxicô gặp nhiều phản ứng mạnh mẽ cả tích cực lẫn tiêu cực. Scott Gunn của Fox News, chẳng hạn, cho biết rõ, dù không phải là người Công Giáo, anh hoàn toàn ủng hộ nhận định của ngài. Anh viết: “tôi biết ơn về điều Đức Giáo Hoàng yêu cầu, dù tôi không phải là một người Công Giáo Rôma”. Anh cho rằng Kinh Lạy Cha bằng tiếng Anh hiện nay là do bản dịch Mt 6:13 của Wycliffe cuối thập niên 1300: “and leede us nat in to temptacioun”.

Scott viết thêm: “dù tôi không phải là một người Công Giáo Rôma, nhưng tôi yêu Đức Giáo Hoàng Phanxicô... Tôi sẵn lòng học lời cầu nguyện mới của Kinh Lạy Cha”.

Trái lại, theo New York Times, R. Albert Mohler Jr., chủ tịch Viện Thần Học Baptist Miền Nam, thì cực lực phản đối: “Tôi sùng sốt và ngỡ ngàng. Đây là Kinh của Chúa. Nó không phải và chưa bao giờ là kinh của giáo hoàng, và chúng ta có chính lời của Chúa Giêsu trong Tân Ước. Đó chính là những lời giáo hoàng đề nghị thay đổi. Không những đó có vấn đề sâu xa mà gần như còn làm người ta đứt hơi nữa”.

Cũng theo *New York Times*, người Công Giáo có khuynh hướng cực hữu như Phil Lawler, chủ bút *Catholic World News*, cũng không hào hứng trước nhận định của Đức Phanxicô. Ông này cho rằng nhận định của Đức Phanxicô tuy không vô lý, nhưng rất rối tung vì kinh này đã in sâu trong tâm hồn tín hữu Công Giáo từ lâu. Ông viết: “Đức Giáo Hoàng Phanxicô có thói quen nói những điều khiến người ta hoang mang bối rối, và đây là một trong những lời như thế. Nó làm bạn thắc mắc không biết ngài sẽ dừng ở đâu, phải nắm những gì. Quả càng ngày càng bất an”.

Tuy nhiên, bình tĩnh mà xét thì đây chưa phải là “huấn quyền” giáo hoàng cho bằng một nhận định của một vị giáo hoàng, nói ra trong khung cảnh thảo luận. Và cuộc thảo luận này không phải bây giờ mới có, chung quanh việc dịch câu kinh đó.

Phương diện Thánh Kinh

Như trên đã nói, câu kinh tiếng Anh là do bản dịch của Wycliffe. Nhưng theo William Barclay, trong *The Plain Man Looks At The Lord's Prayer* (Fontana Books, 1964), thì đó còn là lỗi dịch của hầu hết các bản dịch Kinh Thánh trước đây: của Wycliffe, Tyndale, the Great Bible, the Bishop's Bible, Rheims và Geneva Bibles, Moffat, Knox và Kingsley Williams, the Revised Version, Rieu, Weymouth, the New English Bible...

Barclay không cho biết các bản dịch trên dựa vào nguyên bản Aram hay nguyên bản Hy Lạp. Nhưng căn cứ vào phân bình luận của ông thì thấy đây là nguyên bản Hy Lạp và điều ông nhấn mạnh không hẳn ở động từ “dẫn” mà là ở danh từ “cám dỗ” mà ông cho là một với danh từ “thử thách” vì cả hai trong tiếng Hy Lạp đều là *peirasmós*.

Linh Mục Joseph A. Fitzmyer, S.J., tác giả *The Gospel According to Luke*, 2 cuốn, Doubleday, 1985, thì cho rằng dịch Kinh Lạy Cha như hiện nay trong bản tiếng Anh, nghĩa là “đừng dẫn chúng con vào cơn cám dỗ” không sai với nguyên bản, kể cả nguyên bản đệ nhất Aram. Thực vậy, Cha trích nguyên văn câu này bằng tiếng Aram: *wě'al ta'ēlinnānā' lēnisyōn*, tuy Cha chấp nhận cả hai ý nghĩa “cám dỗ” và “thử thách”, nhất là thử thách lòng trung thành (nguy cơ bội giáo).

Và Cha cho rằng trong Cựu Ước, Thiên Chúa vẫn thường được mô tả là đem dân Người vào chỗ thử thách (Xh 16:4; 20:20; Đnl 8:2, 16; 13:4; 33:8; Tl 2:22).

Bản dịch đúng, vì tâm thức Do Thái không phân biệt “cho phép” và “gây ra”

Thậm chí, theo Cha, “cũng như trong Cựu Ước, ở đây, có liên hệ tới một lối suy nghĩ tiền luận lý (protological) cho rằng các hữu thể nhân bản có thể rơi vào trạng thái bội giáo (apostasy) và Thiên Chúa phân nào là nguyên nhân của việc này. Gọi là tiền luận lý vì đây là một cố gắng để giải thích tình trạng bội giáo, nhưng không phải là một cố gắng hoàn toàn hợp luận lý. Theo lối suy nghĩ này,

mọi điều tốt xấu xảy đến cho con người đều được gán cho Thiên Chúa, nguyên nhân mọi sự. Trong lịch sử các ý niệm, lúc ấy chưa có sự phân biệt giữa ý chí tuyệt đối và ý chí cho phép của Thiên Chúa; thành thử mọi sự đều được gán cho Người. Khi ý niệm này xuất hiện (trong cuộc tranh luận về tiền định), người ta mới bảo Thiên Chúa cho phép người ta sa chước cám dỗ hay bội giáo, nhưng Người không muốn thế một cách tuyệt đối. Sự phân biệt này, thời Cựu Ước, chưa được biết đến và không được thực hành trong suy nghĩ của Chúa Giêsu khi Người đưa ra lời cầu xin này trong Kinh Lạy Cha. Lỗi suy nghĩ này tìm được ở nhiều nơi khác trong Tân Ước như Rm 9:18b trong đó, Thánh Phaolô nói rằng Thiên Chúa ‘làm cho ai ra cứng cổ cũng tùy ý Người’. Phản ứng đối với lỗi suy nghĩ tiền luận lý này trong Kinh Lạy Cha bắt đầu xuất hiện trong Tân Ước, trong Gcb 1:13-15 đã trích dẫn trên đây. Các cố gắng để tránh lỗi dịch lời cầu xin này rất nổi tiếng trong ngôn ngữ Lãng Mạn: ‘Et ne nous laissons pas succomber à la tentation’ (và chớ để chúng con sa chước cám dỗ), ngược với lỗi dịch đại kết và của Bible de Jérusalem: ‘et ne nous soumettons pas à la tentation’ (đừng để chúng con chịu cơn cám dỗ). Giá trị tích cực của *peirasmós*, ‘thử thách, cám dỗ’ được phát biểu tại các nơi khác của Tân Ước (xem Gcb 1:12; Kh 2:10; 1Pr 4:12-13); nhưng quan điểm này không được Luca chia sẻ. Xem S. Brown, *Apostasy*, 15-16. Với Luca, ‘con cám dỗ’ này không giới hạn vào việc thử thách cánh chung, và mở rộng ra nguy cơ bội giáo” (các tr.906-907).

Tóm lại với Linh Mục Fitzmyer, “xin đừng dẫn chúng con vào cơn cám dỗ” không sai với nguyên bản dù nó có thể sai với cái hiểu thần học sau này khi người ta phân biệt giữa việc Thiên Chúa cho phép cám dỗ và việc Người là nguyên nhân của cám dỗ. Vì tâm thức người Do Thái vốn không có sự phân biệt này.

Đây cũng là nhận định của William Barclay. Tác giả này cho rằng tâm thức Do Thái không gặp khó khăn nào trong câu này cả. Vì họ vốn có khuynh hướng coi “mọi sự, đúng là mọi sự, đều nằm trong tay Thiên Chúa và dưới sự kiểm soát của Người. Vì vậy, họ không thấy khó khăn gì trong việc tin rằng ngay cám dỗ cũng phần nào thích đáng trong kế hoạch và mục đích của Thiên Chúa. Nhìn trở lui cuộc đời ông, Giuse nói với các anh em ông rằng ‘các anh muốn điều ác cho tôi; nhưng Thiên Chúa đã muốn điều ác ấy thành điều tốt’” (St 50:20). Người Do Thái sẽ không thấy bất cứ khó khăn nào trong việc tin rằng ngay điều rõ ràng xấu cũng được đan kết vào khuôn mẫu của Thiên Chúa, vì họ vốn khởi đi từ một niềm tin nền tảng này là không sự gì, đúng là không sự gì, có thể xảy ra nếu không do ý muốn của Thiên Chúa”. Thành thử, trong vấn đề này, “luận lý thần học” phải “chiếm ưu thế”.

Raissa Maritain và “đừng dẫn chúng con vào cơn cám dỗ”

Thiên nghi đó cũng là nhận định của Raissa Maritain, phu nhân của triết gia Công Giáo nổi tiếng Jacques Maritain.

Trong cuốn “Notes On The Lord’s Prayer”, Raissa, người vốn xuất thân từ bối cảnh sùng Do Thái Giáo, đầu thế kỷ 20, cùng chồng trở lại đạo Công Giáo và có người cho rằng cặp vợ chồng này đáng được phong thánh, nhận định như sau về lời cầu xin “đừng dẫn chúng con vào cơn cám dỗ”:

Khi đọc *Et ne nos inducas in tentationem* (La Tinh), *Kai eisenegkês hemas eis peirasmon* (Hy Lạp), phải tránh hai sai lầm. Sai lầm thứ nhất: để thử sự đối kháng của ta, đôi khi Thiên Chúa cám dỗ ta hay xúi ta làm điều ác. Vì thực ra, “các lộn xộn nội tâm và các xâm lấn đen tối do sự lôi cuốn của kẻ ác bỗng nhiên hay quỷ quyết tạo ra trong linh hồn ta đều phát sinh từ sự yếu đuối và ‘dục vọng’ của chính ta (Gcb 1:14); chúng cũng phát xuất từ Thần Sa Ngã, kẻ kích thích dục vọng kia và là kẻ, *tan quam leo rugiens*, sư tử rảo quanh tìm mồi cắn xé (1Pr 5:8)”. Chính ma quỷ cám dỗ ta, chứ không phải Thiên Chúa, như Gcb 1:13 đã trích trên đây (xem thêm Hc 15:11-12). Tertulianô cũng nhấn mạnh điều này (*De Oratione*, cap. 8, P.L., 1, 1164).

Sai lầm thứ hai: làm giảm hay làm yếu lời lẽ của Chúa Giêsu. Nghĩa là xin cho được miễn trừ khỏi tất cả những gì khiến ta phải bước qua lửa thử thách, một thử thách trong đó, ta có nguy cơ sa ngã hay phạm tội, những nguy cơ vốn có cơ diễn ra trong đại đa số tình huống của nhân sinh, và “đặc biệt hơn, trong mọi cám dỗ đúng nghĩa”. Vì đây là giá của “triều thiên sự sống” (Gcb 1:12), giá của phước hạnh (1Pr 4:15), là phận người (Origen, *De Oratione*, 29 P.G., 11, 532-3), phận Kitô hữu (2 Tim. 3:12).

Tóm lại, Raissa không loại bỏ khả năng bị Thiên Chúa dẫn vào cơn thử thách bị cám dỗ “đúng nghĩa” nghĩa là có cơ phạm tội.

Đã đành, như nhận định của Cha Lagrange (*Evangile selon saint Luc*, p. 324, n. 4): chữ *peirasmós* (cám dỗ) ở đây cũng có nghĩa là thử thách, một điều để chứng thực cho nhân đức, nhất là cho lòng trung thành và tình yêu của ta. Chính với nghĩa này, Chúa Giêsu đã nói với các môn đệ: *Vos autem estis, qui permansistis mecum in tentationibus meis* (Nhưng các con là những người ở lại với Thầy trong các thử thách của Thầy) (Lc 22:28). Đây cũng là nghĩa trong Kn 3:5-7 (luyện vàng trong lửa), Tv 66:10-11 (luyện bạc trong lò), 1Mc 2:52 (thử thách Ápraham).

Nhưng theo Raissa, chữ “thử thách” không hề loại trừ cám dỗ, ngược lại mới đúng: cám dỗ (xúi giục phạm tội) là một trong các hình thức đáng sợ nhất của thử thách. Nó không tha Joseph, con Giacóp, không tha Gióp trên đồng phân và cả Chúa Giêsu nữa trong hoang địa và dĩ nhiên các thánh của Người.

Tuy nhiên, như trên đã nói, Thiên Chúa không phải là nguyên nhân của cám dỗ, nhưng rõ ràng nếu không có phép của Người, cám dỗ không xảy ra. Như Thánh Cyprian từng nói: “Kẻ thù không thể làm gì chống lại ta nếu không có phép trước của Thiên Chúa” (*De Orat. Domin.*, n. 25, P.L., 4, 536).

Cũng như Cha Fitzmyer và Barclay, Raissa cho rằng tư tưởng Do Thái, vì chỉ quan tâm tới biến cố cụ thể, nên ít để ý tới sự phân biệt giữa cho phép và thực sự muốn. Tuy nhiên, Thiên Chúa không bỏ rơi ta trong cám dỗ: “Không một thử thách nào đã xảy ra cho anh em mà lại vượt quá sức loài người. Thiên Chúa là Đấng trung tín: Người sẽ không để anh em bị thử thách quá sức; nhưng khi để anh em bị thử thách, Người sẽ cho kết thúc tốt đẹp, để anh em có sức chịu đựng” (1 Cor. 10:13).

Nói thế rồi, Raissa hỏi rằng “Lời lẽ nào phiên dịch chính xác bản văn Hy Lạp mà từ đó, lời cầu xin này đã đến với chúng ta?” và bà cho rằng “Đây là một câu hỏi không dễ. Xem xét mọi sự (và ít nhất theo ý kiến những vị có tư cách nhất để phán đoán) xem ra điều thích đáng nhất là nhường ưu tiên cho công thức của lối dịch Hípri: ‘và đừng dẫn chúng con vào bàn tay của thử thách’”.

William Barclay soi sáng điều Raissa vừa nói: ông cho rằng chữ “vào” (vào chước cám dỗ) tiếng Hy Lạp là *eis* tương đương với chữ Hípri *lidhe*, với nghĩa “vào tay của” hay “vào quyền lực của”. Thành thử câu này có nghĩa: con biết thế nào con cũng gặp cám dỗ, vì không cuộc sống nào lại không bị cám dỗ. Nhưng khi cám dỗ đến, như nó phải đến, thì đừng bỏ rơi con một mình với nó; đừng trao con bất lực vào quyền lực của nó; xin đứng bên con trong giờ khó khăn”.

Theo Barclay, thì đây cũng là điều được Thánh Augustinô (*Bài Giảng Trên Núi 2.9*) lưu ý khi ngài phân biệt giữa việc “bị cám dỗ” và việc “bị dẫn vào cơn cám dỗ”. Mọi người đều bị cám dỗ, nhưng bị dẫn hay bị đưa vào cơn cám dỗ là bị đưa vào quyền lực và sự kiểm soát của cám dỗ; thành thử, ở đây, không phải là việc bị cám dỗ mà là đừng bị khuất phục bởi cám dỗ.

Barclay cũng cho hay, trong chiều hướng trên, bản Syriac của Tân Ước dịch thế này: “đừng khiến chúng con bước vào cơn cám dỗ”. Còn Thánh Augustinô thì quả quyết bản tiếng La Tinh ở thời ngài viết: *Ne nos induci patiaris in temptationem* (đừng cho phép chúng con bị dẫn vào cơn cám dỗ).

Nhưng theo Barclay, động từ Hípri trong trường hợp này là *Hiph'il*. Động từ này vừa có nghĩa cho phép vừa có nghĩa nguyên nhân. Thành thử, nếu Chúa Giêsu đọc Kinh Lạy Cha bằng tiếng Hípri, hẳn nhiên câu này có nghĩa: “đừng cho phép chúng con bước vào cơn cám dỗ” hay “đừng để chúng con bị dẫn vào cơn cám dỗ”.

Còn theo Raissa, ý nghĩa của lời cầu xin này, dù sao, cũng khá rõ ràng. Ý nghĩa này, khi sửa đổi đôi chút và kết hợp với công thức của Thánh Ambrose “và chớ để chúng con bị dẫn vào cơn cám dỗ mà chúng con chịu không được” (*De Sacram.*, lib. VI, n. 29, P.L., 16,454) và một công thức khác của Cha Lagrange, “Ơn Quan Phòng của Ngài, luôn sẵn sàng nghe lời chúng con cầu xin, không bao giờ bỏ rơi chúng con cho cái bẫy của những dịp tội lỗi hằng đe dọa chúng con trong sự yếu đuối của

chúng con” (*The Gospel of Jesus Christ*, vol. II, p. 16), ta có thể phát biểu như sau: Chớ để chúng con phải chịu một thử thách hay một cám dỗ nào mà chúng con chịu đựng không nổi; xin ơn Quan Phòng của Chúa, luôn sẵn sàng nghe lời chúng con cầu nguyện, đừng để chúng con rơi vào những hoàn cảnh tội lỗi quá nguy hiểm đối với sự yếu đuối của chúng con”.

Chính nghĩa đại kết và cơ hội giảng dạy

Tóm lại, đúng như nhận định của Đức Phanxicô, công thức của cha ông Việt Nam, của Tây Ban Nha, và của Pháp hiện nay là công thức hay hơn, không hẳn vì lỗi đọc của người nói tiếng Ý và của người nói tiếng Anh phát xuất từ cách dịch sai mà là không phù hợp với những thông sáng thần học sau này khi người ta phân biệt giữa việc Thiên Chúa cho phép cám dỗ và trực tiếp gây ra cám dỗ.

Tuy nhiên, Đức Ông Charles Pope, thuộc Tổng Giáo Phận Washington D.C., Hoa Kỳ, một người mà các trước tác được phát tán rộng rãi trên liên mạng, vừa lên tiếng “Why I Oppose Changing the English Translation of the Our Father” (Tại sao tôi chống đối việc thay đổi lời dịch tiếng Anh Kinh Lạy Cha”.

Lý do: không ai đọc Kinh Lạy Cha mà nghĩ đến việc đổ lỗi cho Chúa cả, vì ai cũng biết, như Thánh Giacôbê: Thiên Chúa không phải là nguyên nhân trực tiếp của cám dỗ.

Thứ hai, dịch như hiện nay là hoàn toàn chính xác theo bản Hy Lạp: *καὶ μὴ εἰσενέγκῃς ἡμᾶς εἰς πειρασμόν* (*kai me eisenenkēs hemas eis peirasmon*). Chỉ có thể dịch một là “đừng dẫn chúng con vào cám dỗ” hai là “đừng đem chúng con vào cám dỗ” như hầu hết các bản dịch Thánh Kinh sang tiếng Anh từ trước đến nay và chính Bản Phổ Thông cũng dịch như thế: *et ne nos inducas in tentationem*. *Eisenenkēs* rõ ràng ở thể hành động (active voice): “đừng dẫn” là lời dịch duy nhất. “Đừng cho phép” không hề có trong nguyên bản Hy Lạp.

Ngoài ra, Kinh Lạy Cha bằng tiếng Anh hiện nay là một trong những kinh chung họa hiểm với các Kitô khác không phải là Công Giáo. Đơn phương thay đổi không lợi cho việc hợp nhất Kitô Giáo.

Hơn nữa, thay đổi như thế còn dễ mất cơ hội giảng dạy đúng lúc. “Đừng dẫn chúng con vào cám dỗ” có thể gây khó hiểu nơi một số người, nhưng nó là dịp bằng vàng để ta nhấn mạnh tới một giáo lý vô cùng khẩn thiết đối với con người duy nghiệm, duy khoa học thời nay: họ coi thường khía cạnh Thiên Chúa mới là nguyên nhân đệ nhất của mọi chuyển động của con người, của thế giới, của lịch sử. Thực ra, con người chỉ là nguyên nhân đệ nhị đẳng, chứ không phải nguyên nhân đệ nhất đẳng, vì nguyên nhân của họ chính là Thiên Chúa. Người là nguyên nhân mọi sự.

Kinh Lạy Cha trong bản tiếng Anh hiện nay nhấn mạnh khía cạnh ấy. Dĩ nhiên, Thiên Chúa không cám dỗ ta theo nghĩa trực tiếp. Người không đánh bẫy ta hay làm ta bối rối đến độ khiến ta sa ngã. Tuy nhiên, vì Người là nguyên nhân đệ nhất của mọi hiện hữu, nên Người cũng là nguyên nhân của những điều cám dỗ ta. Do đó, khi xin Chúa “đừng dẫn ta vào cám dỗ”, ta xin Người, Đấng quan phòng gìn giữ ta và mọi sự trong hiện hữu, dẫn dắt ta tiến bước bằng ơn thánh ta cần để chống lại nó.

Nói rằng Thiên Chúa “dẫn” ta là nhìn nhận rằng Người là nguyên nhân thứ nhất mọi chuyển động của ta ở trong đời. Dù ta có ý chí tự do trong các quyết định của mình, nhưng Người nâng đỡ ta trong các quyết định này và do đó, “dẫn” ta như nguyên nhân đệ nhất mọi sự ta làm.

Nhận định của Đức Ông Pope dĩ nhiên là đúng, nhưng khi không đề cập đến việc “cho phép” và “trực tiếp gây ra” mà chỉ nhấn mạnh đến nguyên nhân đệ nhất thì sợ rằng tất cả các tai ương xảy ra trên thế giới hiện nay đều do Chúa gây ra cả. Nếu đúng như thế thì Linh Mục Gerhard Wagner (Áo) đâu có mất chức giám mục chỉ vì cho rằng Bão Katrina là hình phạt Chúa gửi đến cho nước Mỹ?

Bài giảng của Đức Phanxicô dịp Lễ Đức Mẹ Guadalupe

(Ngày 15/12/2017)

Ngày 12 tháng 12 vừa qua tại Đền Thờ Thánh Phêrô, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã long trọng cử hành Thánh Lễ mừng kính Đức Mẹ Guadalupe.

Theo Associated Press, nhân dịp này, ngài thúc giục người Công Giáo Châu Mỹ La Tinh và vùng Carribbean cử hành và bảo vệ tính đa dạng của họ: bản địa, hợp chủng (mestizo) và da đen, một bản sắc đã được chính Đức Mẹ, khi hiện ra ở Guadalupe thập niên 1500, mang lấy.

Ngài thúc giục họ chống lại điều ngài gọi là đồng thể hóa (homogenization) hay thứ thực dân hóa ý thức hệ “nhằm tiêu diệt những người phong phú nhất, bất kể họ là người bản địa, người Mỹ Châu gốc Phi Châu, người hợp chủng, nông dân hay dân phố xá”.

Hãng tin Associated Press cho rằng Đức Phanxicô thực ra chỉ tiếp nối truyền thống của Đức Bênêđictô XVI trong việc cử hành Lễ Đức Bà Guadalupe vì nhìn nhận rằng Châu Mỹ La Tinh là quê hương của gần 40 phần trăm người Công Giáo thế giới và Mễ Tây Cơ là một trong những nước có đông người Công Giáo nhất.

Tuy nhiên, Thánh Lễ kính Đức Bà Guadalupe đáng nhớ nhất là Thánh Lễ năm 2014 do Đức Phanxicô cử hành, trong đó có những bài ca của nhà soạn nhạc Á Căn Đình Ariel Ramirez. Thánh Lễ năm nay được cử hành theo truyền thống hơn, nhưng điều đáng lưu ý là Đức Phanxicô, người rất ít khi hát, cuối cùng cũng đã hát theo ca khúc kết lễ "La Guadalupeana".

Tạp chí Crux thuật lại: Đức Phanxicô, mặc lễ phục trắng, tượng trưng cho sự trong sạch, tiến vào Vương Cung Thánh Đường Thánh Phêrô. Ngài tiến tới tẩm *tilma* của Thánh Juan Diego trên đó có hình Đức Mẹ, Đấng đã hiện ra với thánh nhân người bản địa Mễ Tây Cơ vào năm 1531. Đức Giáo Hoàng im lặng đứng trước bức ảnh một lúc, rồi cúi đầu cung kính chào và xông hương ba lần.

Tuy nhiên, trong bài giảng lễ, Đức Phanxicô đã lồng các điều ngài nói trên đây vào hai nội dung chính yếu khi nói tới nhân vật phụ là bà Elisabét: người đàn bà như dấu chỉ hiếm muộn và cũng là dấu chỉ sinh sản.

Sau đây là toàn nội dung bài giảng của ngài:

Tin Mừng vừa được công bố là lời nói đầu của hai ca khúc: ca khúc của Đức Mẹ gọi là *Magnificat* và ca khúc của Ông Giacaria gọi là *Benedictus* nhưng tôi thích gọi nó là “ca khúc của bà Elisabét hay ca khúc sinh sản”. Hàng ngàn Kitô hữu khắp thế giới bắt đầu ngày sống bằng cách hát bài “Ngợi khen Chúa” và họ kết thúc ngày sống bằng cách “công bố sự cao cả của Người vì Người đã đoái nhìn phận hèn tôi tớ”. Như thế, ngày lại ngày, tín hữu thuộc các quốc gia khác nhau tìm cách tưởng nhớ, nhớ lại rằng từ thế hệ này qua thế hệ nọ, lòng thương xót của Thiên Chúa trải dài tới mọi con người, như Người đã hứa với cha ông ta. Và trong bối cảnh tưởng nhớ biết ơn này, bài ca của bà Elisabét trở thành câu hỏi: “tôi là ai mà được Mẹ Chúa tới thăm?” Ta thấy bà Elisabét, người đàn bà vốn có tiếng nhờ dấu chỉ không sinh sản, nhưng nay ca hát dưới dấu chỉ sinh sản và bờ ngõ.

Tôi muốn nhấn mạnh hai khía cạnh: Elisabét, người đàn bà dưới dấu chỉ không sinh sản và dưới dấu chỉ sinh sản.

Elisabét, người đàn bà hiếm con, với tất cả những gì hàm ý trong nỗi trạng tôn giáo thời bà, một nỗi trạng coi hiếm muộn như một hình phạt của Thiên Chúa, hậu quả tội lỗi của riêng bà hay của chồng bà. Một dấu chỉ nhục nhơ mang ngay trong xác thịt bà hay bị coi là phạm một tội mà chính bà không phạm hay tự cảm thấy mình không sống đủ theo mức đo mà người ta vốn mong đợi nơi bà. Ta hãy tưởng tượng, một lúc, cái nhìn của thân nhân bà, của người hàng xóm, của chính bà... hiếm muộn, vốn in rất sâu và kết thúc với việc làm trọn cuộc sống trở thành tê liệt. Sự hiếm muộn có rất nhiều tên và hình thức mỗi lần người nào đó cảm nhận trong da thịt mình nỗi tủi nhục thấy mình bị bêu xấu hoặc tự cảm thấy mình chỉ là một vật vô nghĩa.

Ta thoáng thấy điều trên nơi người thổ dân thấp bé Juan Diego, khi ông thưa với Đức Mẹ “Con, nói thật, con chẳng đáng gì, con chỉ là cái dây da đeo đồ (mecapal), con chỉ là cái bị đeo lưng (cacaxtle), con là cái đuôi, là cái cánh cảm thấy lệ thuộc và phụ thuộc ngoại nhân, đó không phải là nơi con ở mà con cũng không tới cái nơi mà bà hạ cố sai con đi”. Như các giám mục Châu Mỹ La Tinh đã cho thấy, tâm tình này cũng tìm thấy nơi “các cộng đồng bản địa và Mỹ gốc Phi Châu của chúng ta, những cộng đồng trong khá nhiều dịp đã không được đối xử xứng đáng và bình đẳng; hoặc nơi nhiều phụ nữ, những người bị loại bỏ vì giới tính, nỗi giống hay hoàn cảnh kinh tế xã hội; nơi các người trẻ, những người chỉ nhận được một nền giáo dục có phẩm chất tồi và không có cơ hội tiến bộ trong việc học hành hay gia nhập thị trường lao động để tự phát triển và thành lập một gia đình; nơi nhiều người nghèo, người thất nghiệp, di dân, di tann, các nông dân không có đất đai, những người cố gắng sinh tồn trong nền kinh tế không chính thức; nơi các bé trai bé gái phải làm điếm con nít thường liên hệ tới ngành du lịch tình dục”.

Và, cùng với bà Elisabét, người đàn bà hiếm muộn, ta hãy chiêm ngắm bà Elisabét, người đàn bà sinh nở và bờ ngõ. Bà là người đầu tiên nhận ra và ca ngợi Đức Mẹ. Chính bà, trong tuổi già, đã cảm nghiệm sự nên trọn của lời Thiên Chúa hứa ngay trong đời mình, ngay trong xác thịt mình. Chính bà, người không thể có con đã mang trong dạ mình Đấng Tiên Hô Ôn Cứu Rỗi. Nơi bà, chúng ta hiểu rằng giấc mơ của Thiên Chúa không phải và sẽ không phải là hiếm muộn hay bêu xấu con cái Người hay làm họ tràn đầy nhục nhã, nhưng làm bừng lên trong họ và từ họ bài ca chúc phúc. Ta thấy điều này cùng một cách nơi Thánh Juan Diego. Thực vậy, chính ngài, chứ không ai khác, đã mang hình ảnh Trinh Nữ trong tấm *tilma* của mình: Trinh Nữ da ngăm ngăm đen, khuôn mặt hợp chủng, được một thiên thần nâng bằng đôi cánh chim đuôi seo (quetzal), bỏ nông và vệt đuôi dài (macaw); Bà Mẹ mang các đặc điểm của con cái mình để làm chúng cảm thấy là thành phần của ơn phúc ngài.

Xem ra rất nhiều lần, Thiên Chúa vốn quyết tâm cho chúng ta thấy viên đá các thợ xây loại bỏ đã trở nên viên đá góc tường (xem Tv 117:22).

Anh chị em thân mến, giữa biện chứng sinh sản và vô sinh sản này, ta hãy nhìn vào sự phong phú và đa dạng của các dân tộc Châu Mỹ La Tinh và vùng Caribbean, đây là dấu chỉ sự phong phú lớn lao mà chúng ta được mời gọi không những vun xới mà, nhất là thời ta, còn phải bảo vệ một cách can đảm chống lại mọi mưu toan đồng thể hóa, kết thúc với việc áp đặt, dưới các khẩu hiệu hấp dẫn, một lối suy nghĩ, một lối hiện hữu, một lối sống duy nhất, mà kết cục là biến mọi điều ta thừa hưởng từ các bậc trưởng thượng trở thành vô giá trị hoặc cần cỗi; kết cục làm chúng ta, nhất là giới trẻ, cảm thấy nhỏ nhoi vì thuộc nền văn hóa này hay nền văn hóa nọ. Tóm lại, khả năng sinh sản của chúng ta mời gọi ta bảo vệ các dân tộc của ta khỏi chính sách thực dân ý thức hệ vốn nhằm tiêu diệt những người phong phú nhất của họ bất kể là người bản địa, người Mỹ gốc phi châu, người hợp chủng, các nông dân hay người ở phố xá.

Mẹ Thiên Chúa là gương mặt của Giáo Hội và từ ngài, chúng ta học để trở thành Giáo Hội với gương mặt hợp chủng, với gương mặt Bản Địa, Mỹ gốc Phi Châu, gương mặt nông dân, gương mặt bé trai bé gái, gương mặt người già người trẻ, để không một ai còn cảm thấy hiếm muộn hay không sinh hoa trái, để không ai còn cảm thấy phải xấu hổ hay là đồ vô nghĩa nữa. Nhưng, trái lại, để mỗi người, giống như Thánh Elisabét và Thánh Juan Diego, tự cảm thấy mình là người mang hứa hẹn, mang hy vọng và từ thâm tâm có thể nói: “Thưa Bố, nghĩa là lạy Cha! (Thư Galát 4:6) nhờ màu nhiệm nhận làm con, một màu nhiệm tuy không hủy bỏ các đặc điểm của mỗi người, nhưng vẫn đã phổ quát hóa chúng ta để thiết lập ta thành một dân tộc. Anh chị em thân mến, trong bầu khí tưởng nhớ đầy biết ơn này về việc chúng ta được làm người Châu Mỹ La Tinh, ta hãy hát lên bài ca của Thánh Elisabét trong tâm hồn mình, bài ca màu mỡ sản sinh, và hãy cùng nhau nói với các dân tộc chúng ta đừng mệt mỏi nhắc đi nhắc lại rằng: Bà có phúc lạ hơn mọi người nữ và Giêsu con lòng Bà gồm phúc lạ.

Đức Phanxicô nói chuyện với nhân viên và giáo triều Rôma
(Ngày 22/12/2017)

Theo Religion News Service, năm 2014, đầu triều đại Đức Phanxicô, Vatican có khoảng 3,500 nhân viên và khoảng 1,100 Hồng Y, giám mục, linh mục, tu sĩ nam nữ giữ các chức vụ có tính quyết định. Hai lớp người này, dù đều thuộc lực lượng lao động của Vatican, nhưng thường được đối xử khác nhau: nhân viên và giáo triều. Chính vì thế, các bản tin chính thức từ Vatican tường trình hai buổi yết kiến khác nhau dành cho hai lớp người khác nhau này cùng vào ngày 21 tháng 12 vừa qua.

Việc làm, gia đình

Trước nhất là buổi gặp gỡ các nhân viên và gia đình của họ. Hãng tin Zenit nhận định rằng trong buổi gặp gỡ này, Đức Phanxicô tỏ ra là một ông chủ bình dân. Ít nhất thì đó là cảm tưởng của bất cứ ai chứng kiến đám đông nhân viên và gia đình hân hoan tụ tập tại Đại Sân Đường Phaolô VI ở Vatican để nghe ông xếp của họ chúc mừng lễ Giáng Sinh 2017.

Ngài cảm ơn các nhân viên và gia đình họ vì việc họ làm, đôi khi rất khó khăn. Theo ngài, không có họ, “chiếc xe lửa” Vatican không tài nào chạy được. Chiếc xe lửa này “nặng lắm, lớn lắm, nhiều vấn đề lắm, nhiều chuyện lắm”. Mà chiếc xe lửa này không chạy, thì “công việc của Giáo Hội sẽ không xuống xê”, những công việc như “rao giảng Tin Mừng, giúp rất nhiều người, người bệnh, trường học, rất nhiều việc”.

Nói đến việc làm, ngài nhấn mạnh 2 điều: 1) “không ai bị bỏ đó mà không có việc làm”, việc làm đang hoàng chứ không tạm bợ gì cả, một hình thức ngài coi là “bất hợp pháp”, trái với Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội. 2) Việc làm là đường nên thánh, đường hạnh phúc, đường phát triển vì việc làm đem lại phẩm giá.

Rồi ngài nói tới gia đình. Ngài nói khi ngài biết 1 gia đình lâm khủng hoảng, con cái rầu rĩ vì khủng hoảng, ngài rất đau khổ. Và ngài khẩn khoản “xin anh chị em cứu lấy gia đình”. Không dễ vì rất nhiều vấn đề: nhân cách, tâm lý, nhiều lắm. “Tuy nhiên, anh chị em hãy cố gắng xin được giúp đỡ kịp thời, để gìn giữ gia đình. Tôi biết trong số anh chị em, có một số ly thân; tôi biết thế và tôi đau khổ, tôi đau khổ với anh chị em... đời sống đã ra như thế”.

Nghĩ tới con cái các gia đình đó, ngài khẩn khoản “Nếu có điều gì xảy ra, ít nhất anh chị em đừng để con cái phải đau khổ, vì khi cha mẹ cãi nhau, con cái đau khổ, chúng rất đau khổ. Và tôi khuyên anh chị em: đừng bao giờ cãi nhau trước mặt con cái, đừng bao giờ”.

Đức Phanxicô còn thêm điều thứ ba là ngồi lê đôi mách (gossip), vì nó với khủng bố, rất tai hại; điều thứ tư là tha thứ: ai cũng nên xin được tha thứ, chính ngài cũng vậy, đôi khi, cũng mất kiên nhẫn, bình tĩnh (tiếng Anh: “I fly off the handle”).

Và dĩ nhiên điều thứ năm: Chúc Lễ Giáng Sinh Hạnh Phúc, những người ngài gọi là “hợp tác viên” của ngài.

Những người phản bội

Gặp các nhân viên cấp cao, những người nắm giữ các địa vị then chốt trong guồng máy hành chánh của Tòa Thánh, tức Giáo Triều Rôma, giọng điệu của Đức Phanxicô có thay đổi, nghe nghiêm nghị hơn, thậm chí, có người chỉ lưu tâm tới những điều ngài “máng mớ”. Như hãng tin Zenit chẳng hạn chạy hàng tít “Đức Giáo Hoàng Phanxicô chỉ trích các viên chức Vatican chống lại các chương trình cải tổ của ngài ngày 21 tháng 12, trong thông điệp Giáng Sinh với Giáo Triều Rôma”.

Thực ra, đây không phải là lần đầu tiên, ngài làm thế. Từ năm 2014, nhân dịp Giáng Sinh, ngài đã liệt kê “các thứ bệnh thiêng liêng” của Giáo Triều rồi. Năm 2016, cũng nhân dịp này, ngài tấn công các đối kháng “ma quái” chống lại kế hoạch cải tổ của ngài.

Năm nay, ngài phê phán “những người phản bội” trong Giáo Triều Rôma và “náo trạng bất quân bình và hạ cấp đầy mưu mô và bè phái”. Theo ngài, một số giới chức Vatican “khi bị âm thầm cho ra rìa,

đã làm lần tự tuyên bố mình là người từ vì đạo của hệ thống” thay vì nhìn nhận sự sai phạm của mình.

Lại có những người còn ở lại, nhưng chỉ lo thăng tiến bản thân, chứ không lo quay về với cam kết, trung thành, khả năng, tận tụy và thánh thiện, như phần đông các nhân viên Giáo Triều khác.

Có người cho rằng khi nói đến những người tự coi mình là từ đạo, Đức Phanxicô có ý ám chỉ Đức Hồng Y Gerhard Müller, nguyên tổng trưởng Giáo Lý Đức Tin, và cả hai ông Libero Milone, nguyên tổng thanh lý viên, và Giulio Mattiotti, nguyên phó giám đốc Ngân Hàng Vatican.

Thực ra, mục tiêu của ngài không hẳn thế mà chỉ là để nhấn mạnh tới sự khó khăn của cuộc cải tổ, một sự khó khăn rất đúng như mô tả của vị giáo phẩm Bỉ thế kỷ 19, Đức Tổng Giám Mục Xavier de Mérode: “cải tổ Rôma giống như làm sạch tượng Sphinx của Ai Cập bằng chiếc bàn chải đánh răng”.

Chấp nhận quan điểm từ bên ngoài

Muốn cuộc cải tổ thành công, Đức Phanxicô khuyên Giáo Triều chấp nhận quan điểm từ bên ngoài. Bên ngoài đây là các quốc gia, các Giáo Hội đặc thù, các Giáo Hội Đông Phương, cuộc đối thoại đại kết, với Do Thái Giáo, với Hồi Giáo, và các tôn giáo khác, nói tóm lại “với thế giới bên ngoài”.

Với các quốc gia, Đức Phanxicô nhấn mạnh tới việc “xây dựng những cây cầu, nền hòa bình, và đối thoại”, sẵn sàng “mở rộng vòng tay, mở rộng cánh cửa, tìm cách lắng nghe, hiểu, giúp đỡ, hỗ trợ và can thiệp nhanh chóng và tôn kính trong mọi hoàn cảnh để rút ngắn khoảng cách và xây dựng lòng tin”. Theo ngài, các nhân viên ngoại giao vừa là nhà ngoại giao vừa là các mục tử, phục vụ cả các giáo hội đặc thù và các quốc gia nơi họ làm việc.

Về các giáo hội đặc thù, Đức Phanxicô cho rằng Giáo Triều Rôma không chỉ lấy Giám Mục Rôma làm điểm qui chiếu mà cả các giáo hội đặc thù và các mục tử của họ khắp thế giới nữa. Ngài ví nhân viên Giáo Triều như những ăng-ten, biết gửi đi và thu nhận: gửi đi ý muốn của Đức Giáo Hoàng và các Bề Trên một cách trung thành; thu nhận “các khát mong, vấn đề, yêu cầu, niềm vui và nỗi buồn của các giáo hội và thế giới, và chuyển về cho Giám Mục Rôma”. Ngài nhấn mạnh tới các cuộc thăm viếng *Ad Limina* của các giám mục: không chú trọng hình thức lễ nghi cho bằng đối thoại. Và cách riêng, sẵn sàng chào đón Phiên Hợp Toàn Thể lần thứ 15 sắp tới của Thượng Hội Đồng Giám Mục về chủ đề “Người Trẻ, Đức Tin và Biện Phân Ôn Gọi”.

Về các Giáo Hội Đông Phương, Đức Phanxicô cho rằng mối liên hệ với các giáo hội này là “một phong phú hóa thiêng liêng và phụng vụ hỗ tương. Thực vậy, Giáo Hội Rôma sẽ không Công Giáo thực sự nếu không có sự phong phú vô giá của các Giáo Hội Đông Phương”. Duy trì sự hợp nhất với họ là điều tối thiết.

Việc hợp nhất với các giáo hội Kitô giáo khác cũng thế, cần phải “bước đi với nhau, để nhớ rằng khi ta cùng bước đi với nhau, nghĩa là khi ta gặp nhau như anh chị em, khi ta cầu nguyện với nhau, khi ta hợp tác với nhau trong việc công bố Tin Mừng, và khi phục vụ những người bé nhỏ nhất, là chúng ta đã hợp nhất với nhau rồi”, mọi dị biệt về thần học và giáo hội học sẽ được vượt qua trên nẻo đường này. Giáo Triều phải cổ vũ các cuộc bước đi chung này.

Riêng với Do Thái Giáo, Hồi Giáo và các tôn giáo khác, cuộc đối thoại phải dựa vào nguyên tắc: tôn trọng bản sắc ta và bản sắc người khác, can đảm chấp nhận dị biệt, và sự thành thật trong ý hướng.

Kết luận, Đức Phanxicô nhấn mạnh đến nét biện chứng của đức tin: “một đức tin không làm ta bối rối là một đức tin bị bối rối. Một đức tin không làm ta lớn lên là một đức tin cần lớn lên. Một đức tin không nêu vấn đề là một đức tin cần được đặt vấn đề. Một đức tin không khuấy động ta là một đức tin cần được khuấy động. Một đức tin không lay chuyển ta là một đức tin cần được lay chuyển. Thực vậy, một đức tin chỉ có tính tri thức hay hâm hấp chỉ là một ý niệm về đức tin. Nó chỉ trở nên có thực chất khi nó đụng tới trái tim ta, linh hồn ta, tinh thần ta và trọn hữu thể ta. Khi nó để Thiên Chúa sinh ra và

tái sinh trong máng cỏ lòng ta. Khi ta để Ngôi Sao Bêlem dẫn ta tới nơi Con Thiên Chúa nằm, không phải nơi của vua chúa và giàu sang, mà là nơi của người nghèo và người khiêm hạ”.

Nhìn lại năm 2017 của Đức Phanxicô: các chuyến tông du

(Ngày 29/12/2017)

Nhân dịp năm 2017 sắp sửa qua đi, nhiều nhà báo chuyên theo dõi các hoạt động của Đức Phanxicô có thói quen nhìn lại các hoạt động của ngài trong năm qua. Inés San Martin của tạp chí Crux có tới 3 bài xoay quanh ba chủ đề lớn sau đây liên quan tới Đức Phanxicô trong năm 2017: Đi đây trong các chuyến tông du, cải tổ Giáo Hội cả ở Rôma lẫn ở ngoài Rôma và theo đuổi hòa bình thế giới.

Bài đầu tiên bà viết về các chuyến tông du của Đức Phanxicô. Nói chung, năm nay, ngài cắt bớt con số các chuyến tông du, có thể vì việc chuẩn bị cho chúng không dễ dàng. Năm ngoái, ngài thực hiện 6 chuyến đi: Cuba và Mỹ Tây Cơ, Hy Lạp, Armenia, Ba Lan, Georgia và Azerbaijan và Thụy Điển. Năm nay, 2017, ngài chỉ rời Rôma 4 lần để đi Ai Cập, Bồ Đào Nha, Colombia, và Myanmar và Bangladesh.

Trong 4 trường hợp trên, hết 3 lần Đức Phanxicô phải dẫn đầu lời nói và việc làm một cách rất cẩn thận, vì biết rằng nói nhiều quá, hay ít quá, có thể khơi bạo động chống lại các Kitô hữu ở các nước đa số theo Hồi Giáo, như Ai Cập chẳng hạn; có thể đánh đổ một hòa ước yếu ớt nhằm kết thúc một cuộc nội chiến kéo dài cả mấy thập niên nay, như ở Colombia; hoặc gây nguy hại cho thiểu số Hồi Giáo vốn đang bị bách hại, như ở Miến Điện.

Ai Cập

Cuộc tông du Ai Cập diễn ra vào cuối tuần sau cùng của Tháng Tư, và được công bố lần đầu vào Tháng Ba. Giữa khoảng thời gian ấy, khi Đức Phanxicô đang cử hành Lễ Lá ở Quảng Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô, thì các tên khủng bố đã lại một lần nữa phủ bóng tối lên Tuần Thánh, lần này bằng vụ nổ bom tại 2 Nhà Thờ Kitô Giáo Coptic tại Ai Cập khiến 45 người thiệt mạng và hơn 1 trăm người bị thương.

Dù Đức Phanxicô chỉ ở Ai Cập hơn 24 tiếng đồng hồ một chút, cuộc tông du tới quốc gia Hồi Giáo hàng thứ sáu của thế giới, và hàng thứ nhất tại Trung Đông, là một cuộc chơi xúc xắc, và ở thời điểm ấy được mô tả là một trong các cuộc tông du duy nhiều rủi ro hơn cả trong triều giáo hoàng của ngài.

Thế nhưng, Đức Phanxicô rõ ràng đã ra khỏi nó một cách ngẩng cao đầu. Vào ngày đầu tiên, ngài đã đọc một bài diễn văn theo khuôn khổ bài diễn văn thời danh của Đức Bênêđictô XVI tại Regensburg, kêu gọi các nhà lãnh đạo tôn giáo, mà, trong bối cảnh Ai Cập, rõ ràng ám chỉ các nhà lãnh đạo Hồi Giáo, trước nhất và trên hết, bác bỏ bạo lực nhân danh Thiên Chúa.

Ngài nói: “một lần nữa, chúng ta hãy mạnh mẽ và rõ ràng nói lên chữ ‘không’ đối với mọi hình thức bạo lực, trả thù và thù hận nhân danh tôn giáo hay nhân danh Thiên Chúa. Cùng nhau, chúng ta hãy khẳng định sự bất khả tương hợp giữa bạo lực và đức tin, giữa niềm tin và thù hận”.

Tại một quốc gia Trung Đông có số dân Kitô Giáo đông nhất, Đức Giáo Hoàng Phanxicô cũng đã đưa ra lời khích lệ đối với các Kitô hữu bị bách hại của Ai Cập; họ chiếm từ 10 tới 20 phần trăm dân số quốc gia.

Fatima

Chuyến tông du Fatima, Bồ Đào Nha, chuyến đi duy nhất, mà đến cuối năm 2016, đã có ngày giờ nhất định, là một cuộc nhàn du so với chuyến đi Ai Cập. Diễn ra chỉ sau chuyến đi sau 2 tuần, tức các ngày 12-13 tháng Năm, Đức Phanxicô tránh mọi yếu tố chính trị bằng cách đi thẳng tới Fatima, để tôn kính Đức Nữ Trinh Maria.

Thế nhưng bất kể sắc thái thiêng liêng của chuyến đi, yếu tố chính trị vẫn không thể tránh được.

Các lần Đức Mẹ Mân Côi hiện ra bên ngoài làng với 3 trẻ chăn chiên thất học vào năm 1917 mãi mãi vẫn là những lần hiện ra tuy được nhiều người yêu mến nhất nhưng cũng gây tranh luận nhiều hơn cả trong các lần Đức Mẹ hiện ra và được Giáo Hội công nhận. Trong 6 lần hiện ra, Đức Mẹ đã trao cho các em 3 “bí mật” hay sứ điệp liên quan tới Hỏa Ngục, hai cuộc thế chiến, và mưu toan ám sát Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II năm 1981, một cuộc mưu sát diễn ra đúng vào ngày lễ Đức Mẹ Fatima.

Chưa bao giờ phải dẫn đo lời nói khi thách thức đoàn chiên của mình, trong bài giảng lễ phong thánh cho hai trẻ thị kiến Phanxicô và Giaxinta, Đức Phanxicô cảnh cáo hàng trăm ngàn tín hữu tụ tập tại quảng trường Nhà Thờ Thánh Phêrô rằng “Đức Mẹ tiên báo và cảnh cáo chúng ta rằng lối sống không có Thiên Chúa và quả thực xúc phạm tới Thiên Chúa nơi các tạo vật của Người... Một đời sống như thế, thường được đề xuất và áp đặt, có nguy cơ dẫn đến hỏa ngục”.

Colombia

Chuyến tông du của Đức Phanxicô tới Colombia là một chuyến tông du được ngài nói đến gần như từ khi khởi đầu triều giáo hoàng của ngài. Duy trì lời hứa từng được lặp đi lặp lại một số lần khi hoà ước giữa chính phủ của Ông Juan Manuel Santos và phe kháng chiến lớn nhất có tên là FARC mới được ký và chưa ráo mực, chính Đức Phanxicô xác nhận nó sẽ diễn ra.

Gần đến ngày ngài lên đường, một số nhà bình luận sợ rằng chuyến đi Colombia trong các ngày 6-11 tháng Chín của Đức Phanxicô sẽ chỉ là việc ủng hộ chính phủ Colombia và hòa ước đầy tranh cãi của họ với phe nổi loạn Mácxít, để lại phía sau nhiều chia rẽ sâu xa hơn, thay vì hòa giải.

Tuy nhiên, cuối cùng, nếu chuyến tông du có mừng chiến thắng của ai thì ai đó không phải là Ông Santos, dù ông rất có lợi, mà là chính nhân dân Colombia.

Đức Phanxicô thăm 4 thành phố trong 5 ngày, tại đây, hàng triệu người một lúc đã tới tham dự các Thánh Lễ ngài cử hành tại Bogotá, Villavicencio và Medellín, chưa kể nửa triệu người tại Cartagena, đại diện gần như một nửa dân thành phố.

Ngài khuyên giới trẻ trở thành các thầy cô của sự tha thứ. Ngài nhắc các nạn nhân và những kẻ phạm bạo lực nhớ rằng “hận thù dẫn đến hận thù, chết chóc dẫn đến chết chóc”. Ngài kêu gọi việc tôn trọng sự sống ở mọi giai đoạn của nó, ngài lên án việc trẻ em bị cướp mất tuổi thơ, coi đây là điều không thể chấp nhận được, ngài kết án chủ nghĩa tự tôn nam tính (machismo), và nhắc người Công Giáo Colombia, chiếm tới 70 phần trăm dân số, nhớ rằng Chúa Giêsu không phải chỉ đòi hỏi người ta tuân hành luật lệ, trái lại, Người gần như tê liệt trước các lối giải thích luật lệ khe khắt.

Nhưng trên hết, điều mà cuộc tông du 5 ngày để lại là bằng chứng rõ mồn một rằng bất chấp sự chia rẽ chính trị do hòa ước tạo ra, Colombia vẫn là một quốc gia có khả năng tạo hòa bình.

Bogotá, một thành phố trung bình mỗi ngày có 3.4 vụ chém giết đầy bạo lực, đã không có vụ chém giết nào trong 48 tiếng đồng hồ đầu tiên của chuyến tông du, và cũng một hiện tượng này đã diễn ra tại các thành phố khác được ngài viếng thăm. Truyền thông địa phương mô tả điều này như 1 phép lạ.

Một thành quả tức khắc khác của chuyến đi là lãnh tụ nổi tiếng của phe phản loạn, Rodrigo Londoño, tư lệnh FARC và trước đây thường được biết dưới biệt danh “Timochenko”, đã gửi một lá thư cho Đức Phanxicô lúc ngài còn ở Colombia: “Các thông điệp được lặp đi lặp lại của Đức Thánh Cha về lòng thương xót hải hà của Thiên Chúa đã thúc đẩy con khẩn khoản xin Đức Thánh Cha tha thứ cho bất cứ dòng nước mắt hay đau khổ nào chúng con đã gây ra cho nhân dân Colombia”.

Miến Điện và Bangladesh

Khi các vị giáo hoàng tông du, các ngài thường muốn đưa ra các thông điệp về công lý, nhân phẩm và hòa bình, trong khi cũng củng cố các mối liên hệ với các chính phủ chủ nhà. Trong đường hướng này, chuyến đi ngoại quốc cuối cùng của Đức Phanxicô trong năm 2017 là một bãi mìn hơn là một dây leo lơ lửng.

Quyết định đi Miến Điện và Bangladesh là một quyết định vào phút chót, do sự kiện chuyến đi nguyên thủy tới Ấn Độ và Bangladesh đã không thực hiện được. Theo chính lời Đức Phanxicô, chuyện “giấy tờ” rất mất thì giờ. Từ chuyến đi trở về, ngài nói với các nhà báo rằng ngài hy vọng chuyến thăm Ấn Độ sẽ xảy ra trong một tương lai gần.

Phần lớn việc tường trình về chuyến đi từ ngày 27 tháng 11 tới ngày 2 tháng 12 rút gọn vào vấn đề liệu ngài có sử dụng hay không danh xưng Rohingya khi nhắc đến nhóm thiểu số Hồi Giáo hiện đang chạy trốn Miến Điện qua Bangladesh. Khoảng 650,000 người của nhóm này đã phải bỏ trốn kể từ cuối tháng 8, và Liên Hiệp Quốc vốn tố cáo chính phủ Miến Điện tội thanh trừng sắc tộc.

Trước đó, Đức Giáo Hoàng vốn đã được các vị giám mục địa phương khuyến cáo không nên sử dụng danh xưng ấy, vì các ngài sợ rằng hậu quả sẽ là các cuộc biểu tình bạo động trên đường phố. Miến Điện vốn không thừa nhận người Rohingya là công dân, bất kể sự kiện họ từng sống ở đây nhiều thế hệ.

Đức Phanxicô tránh dùng danh xưng ấy tới ngày 1 tháng 12, khi ngài gặp 16 người tị nạn Rohingya ở Bangladesh, nhân một cuộc gặp gỡ liên tôn. Sau khi đích thân thăm hỏi ừng ừng người, ngài đã ứng khẩu nói một số nhận định trong đó, có lời xin lỗi vì sự “dừng dưng” của thế giới trước nỗi đau thương của họ.

Ngoài những lời kêu gọi trực tiếp và gián tiếp cho những người này và nhiều nhóm thiểu số khác bị cách hại ở Miến Điện trong đó, có các Kitô hữu, chiếm khoảng 6 phần trăm tổng dân số, Đức Phanxicô cũng đưa ra một chiến lược liên tôn đặt căn bản trên việc chống lại bạo lực tôn giáo.

Trong danh sách các chuyến đi không được thực hiện, Nam Sudan và Congo đứng đầu sổ. Bất kể ý định của Đức Giáo Hoàng, các khủng hoảng đang diễn ra tại các nước này khiến cho chuyến đi không tài nào diễn ra được. Tuy nhiên, ngài có hướng dẫn một buổi cầu nguyện ở Vương Cung Thánh Đường Thánh Phêrô cho hòa bình tại hai quốc gia đang tả tơi vì tranh chấp này.

Nhìn lại năm 2017 của Đức Phanxicô: việc cải tổ Giáo Hội

(Ngày 30/12/2017)

Ngay từ đầu, Đức Phanxicô đã được mệnh danh là vị giáo hoàng cải tổ, và cũng ngay từ đầu, người ta không rõ cuộc cải tổ của ngài có nghĩa gì. Phải chăng đây là cuộc phục hồi sinh lực cho hình ảnh công cộng về Giáo Hội vừa thoát ra khỏi bầu khí của cuộc khủng hoảng vào hồi tháng 3 năm 2013, thay đổi xu hướng chính trị và thần học của Giáo Hội theo đường hướng mà một số nhà phân tích gọi là cuộc “hồi tâm mục vụ” hay là việc làm sạch nhà ngay tại chính Vatican?

Phải chăng là cả ba công việc trên, hay là một việc khác, hay không là việc nào cả? Thực vậy, liệu một số hình thức cải tổ vừa kể có đáng kể không hay chúng chỉ là những trêch hướng nguy hiểm? Tùy thuộc cách người ta trả lời các câu hỏi này, mà các phán đoán về việc cải tổ của Đức Phanxicô có thể được coi như một thành công về vang hay như một thất bại ảm đạm.

Dù thế nào, năm 2017 cũng là một năm có nhiều biến cố về phương diện cải tổ, và sau đây là một số biến cố đáng lưu ý.

Chính sách nhân viên

Khi được bầu làm giáo hoàng năm 2013, Đức Hồng Y Jorge Mario Bergoglio của Á Căn Đình biết

rằng một trong các tiền đề cho việc ủng hộ ngài chính là việc ngài biết đầu tay về sự hoạt động bất thường và hết sức chậm chạp của nền hành chính Vatican, cũng như tâm lý học hết sức thiên cận và chạy vòng quanh của nó vì thiếu kinh nghiệm “đã chiến”.

Ngay sau khi được bầu, ngài đã lập ra một nhóm 8 vị Hồng Y có vấn đề giúp ngài cải tổ giáo triều Rôma. Sau đó, ngài thêm cho nhóm này vị Quốc Vụ Khanh, tức Đức Hồng Y người Ý Pietro Parolin, thành nhóm mà người ta quen gọi là “C9”. Cho đến nay, nhóm này đã họp tới hơn 20 lần.

Các vị giáo phẩm trên xuất thân từ mọi lục địa và gồm nhiều bối cảnh nhân cách, chính trị và thần học khác nhau. Các vị được trao cho nhiệm vụ viết lại hiến pháp của Vatican, nhưng cho đến nay, chưa có tin tức gì cho thấy khi nào diễn trình này hoàn tất.

Năm 2017 là một năm được thấy một vài tiến bộ ít nhất trong việc cung cấp nhân viên cho hai siêu cơ quan mà Đức Phanxicô đã thiết lập vào năm ngoái, dựa vào các khuyến cáo của C9. Một dành cho việc Phát Triển Nhân Bản, do Đức Hồng Y Peter Turkson của Ghana đứng đầu, còn cơ quan kia dành cho mọi việc liên quan tới gia đình, giáo dân và sự sống, do Đức Hồng Y Kevin Farrell của Hoa Kỳ đứng đầu.

Một động thái khác về nhân viên từng gây chấn động là việc Đức Phanxicô không tái bổ nhiệm Đức Hồng Y người Đức Gerhard Müller đứng đầu thánh bộ Giáo Lý Đức Tin, thay vào đó, đã thăng thường người đứng thứ hai của thánh bộ này, tức Đức Tổng Giám Mục dòng Tên người Tây Ban Nha, Luis Ladaria Ferrer.

Xét vì Đức Tổng Giám Mục Ladaria vốn được coi như một người bảo thủ về thần học, giống Đức Hồng Y Müller, nên việc chuyển quyền được những người hiểu chuyện ở Rôma coi không hẳn như một tuyên bố ý thức hệ của Đức Phanxicô, cho bằng như một tuyên bố về lòng trung thành. Đức Hồng Y Müller phần nào vốn đồng hóa ngài với phong trào chống lại văn kiện gây tranh cãi của Đức Phanxicô về gia đình, tức tông huấn *Niềm Vui Yêu Thương*, và việc tông huấn này mở cửa đề các người Công Giáo ly dị và tái hôn được rước lễ, trong khi Đức Tổng Giám Mục Ladaria đứng ngoài cuộc.

Một yếu tố lay động Giáo Triều Rôma nữa và là một yếu tố được nhiều người ủng hộ là các thay đổi liên quan đến các cuộc thăm mò các Thánh Phêrô và Phaolô (ad-limina) của các vị giám mục thế giới, cứ năm năm một lần. Trong cuộc gặp gỡ vào cuối chuyến viếng thăm với sự hiện diện của Đức Giáo Hoàng, nếu có một tranh luận nào đó xảy ra, thì căn cứ vào loạt đầu thăm viếng vừa qua, Đức Giáo Hoàng sẽ không về phe với các “quan chức” ở Rôma của mình, nhưng về phe với các vị mục tử của các giáo hội địa phương.

Về phương diện hoàn cầu, Đức Giáo Hoàng Phanxicô tiếp tục thúc đẩy để có một Giáo Hội chú trọng tới mục vụ nhiều hơn, hiển nhiên nhất qua các lần đề cử các tân giám mục cho hai thành phố Mexico và Paris. Đức Hồng Y Aguiar Retes và Đức Cha Michel Aupetit thay thế Đức Hồng Y Norberto Rivera Carrera và Đức Hồng Y André Vingt-Trois, đều là các vị vốn lãnh đạo các giáo phận của các ngài lâu năm.

Việc lạm dụng tình dục trẻ em

Nói tới cuộc đấu tranh bài trừ nạn giáo sĩ lạm dụng tình dục trẻ em, Ủy Ban Bảo Vệ Vị Thành Niên của Đức Phanxicô hiện đang bế tắc, chờ để Đức Phanxicô công bố danh sách thành viên mới. Danh sách hiện nay có nhiệm kỳ 3 năm, chấm dứt vào ngày 17 tháng 12.

Vì cuộc khủng hoảng giáo sĩ lạm dụng tình dục trẻ em vốn được coi như cuộc khủng hoảng tồi tệ nhất trong Giáo Hội kể từ cuộc Cải Cách Thệ Phán, nên nhiều nhà quan sát cho rằng việc Vatican trì trệ trong việc cung cấp cho ủy ban các tài nguyên và sự trợ giúp cần thiết là điều gây lo ngại.

Thêm vào đó, còn có vụ người Ái Nhĩ Lan sống sót cuộc lạm dụng, Marie Collins, từ chức khỏi Ủy

Ban hội thánh Ba, vì quá thất vọng với Giáo Triều Rôma. Một người sống sót khác, tức Peter Saunders, người Anh, từng xin nghỉ khiếm diện năm 2016 và ít ngày trước khi hết nhiệm kỳ đã tuyên bố từ nhiệm chính thức.

Cũng gây tranh cãi năm 2017 là vụ của Đức Hồng Y George Pell, người Úc; hội thánh Sáu, ngài bị các công tố viên tại quê hương qui cho tội “vi phạm tính dục đã lâu năm”. Đức Hồng Y Pell cực lực bác bỏ các tố cáo này và hiện đang có mặt tại quê hương để bào chữa cho mình, sau khi được Đức Phanxicô cho phép nghỉ khiếm diện khỏi chức vụ đứng đầu Văn Phòng Kinh Tế của Tòa Thánh.

Một khoảnh khắc chủ yếu khác của Đức Phanxicô trong mặt trận chống lạm dụng tính dục sẽ diễn ra vào giữa tháng Giêng tới, khi ngài tới Chile trước khi qua Peru. Việc ngài, năm 2015, bổ nhiệm Đức Cha Juan Barros đứng đầu giáo phận Osorno, bất chấp việc vị này bênh vực một linh mục ấu dâm tai tiếng nhất của Chile, đã phát khởi một cuộc tranh cãi sâu rộng và cuộc tranh cãi này đã tăng cường độ vì một cuốn video ghi được ở Quảng Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô trong đó, Đức Phanxicô đích danh gọi những người biểu tình chống Đức Cha Barros là “đàn” và cho rằng những người này “bị nắm mũi bởi những người cánh tả đã dàn dựng tất cả những điều này”.

Lúc ở Chile, có phần chắc Đức Phanxicô sẽ bị áp lực phải giải thích việc ngài xử lý vụ Đức Cha Barros.

Vấn đề tài chánh của Vatican

Khi Đức Phanxicô được bầu hội thánh Ba năm 2013, một số vị Hồng Y khi rời Nhà nguyện Sistina có nói rằng “Sẽ không còn những tên Calvis nữa!”, một câu nói tổng hợp tất cả những gì các ngài mong mỗi nơi vị tân giáo hoàng. Câu nói này ám chỉ nhà tài chánh người Ý Roberto Calvi, người trước đó vốn có liên hệ sâu sắc với Ngân Hàng Vatican và đã chết trong những hoàn cảnh bí mật vào năm 1982, thành thử khi nhắc đến tên ông ta là một cách nói tắt thời tai tiếng tài chánh của Vatican đã qua rồi.

Ngay từ đầu, Đức Phanxicô đã lập ra 3 cơ quan mới để lãnh đạo cuộc cải tổ toàn bộ việc quản lý tiền bạc của Vatican theo đường hướng trong sáng và có tinh thần trách nhiệm nhiều hơn: một Hội Đồng Kinh Tế để đưa ra chính sách; một Văn Phòng Kinh Tế, để thi hành chính sách vừa nói; và một Tổng Thanh Lý độc lập, để buộc mọi người phải trung thực.

Tuy nhiên, đến cuối năm 2017, hai trong số ba cơ quan mới này dường như đã chết yểu, trong khi quyền hành tài chánh từ từ đã trở về với Phủ Quốc Vụ Khanh, một cơ quan, oái oăm thay, vốn là thành trì mà các cuộc cải tổ thoát đầu có ý định nhằm tới.

Đức Hồng Y Pell hiện đang ở Úc và việc ngài trở lại nhiệm sở mỗi ngày mỗi thấy xa vời thêm, khiến cho Văn Phòng Kinh Tế không có vị Hồng Y đứng đầu. Trong khi ấy, Tổng Thanh Lý, người giáo dân Ý tên Libero Milone, thì hội thánh Sáu, đã chấm dứt chức vụ của mình ở Vatican mà không có lời giải thích rõ ràng lý do tại sao.

Tháng Mười Một vừa qua, Milone đã được nối chân bởi phó giám đốc Ngân Hàng Vatican, cũng là 1 giáo dân Ý tên Giulio Mattiotti, người đã bị hộ tống ra khỏi lãnh thổ thị quốc Vatican một cách không kèn không trống, và một lần nữa, cũng không có lời giải thích lý do.

Một phiên xử cao cấp ở Vatican vì các tội phạm tài chánh năm 2017 cũng khiến nhiều người không hài lòng, vì nó kết thúc với việc qui tội một giáo dân Ý đã chuyển một ngân khoản nửa triệu dollars vốn dành cho một bệnh viện được Đức Giáo Hoàng bảo trợ để sửa một căn hộ cho một vị Hồng Y của Vatican, nhưng không có một án lệnh nào được ban hành, thậm chí đến cả một cuộc điều tra cũng không nốt đối với vị Hồng Y được hưởng lợi ích của chuyển khoản này.

Tất cả các điều trên khiến một số quan sát viên không do dự cho rằng cuộc cải tổ tài chánh đã chết yểu, và nếu Đức Phanxicô muốn hồi sinh nó, hẳn ngài phải khởi sự lại từ đầu trong năm 2018.

Tân quyền và phụng vụ

Đức Phanxicô cũng đã thúc đẩy việc tân quyền. Về phương diện này, điều đáng chú ý là các tu chính hồi thánh Chín của ngài nhằm thay đổi luật lệ của Giáo Hội liên quan tới việc phiên dịch các bản văn phụng vụ, qua đó, các hội đồng giám mục địa phương được dành cho nhiều thẩm quyền hơn.

Quyết định trên đặt Đức Phanxicô vào thế đối nghịch ít nhiều công khai với vị đứng đầu thánh bộ phụng vụ là Đức Hồng Y Robert Sarah của Ghana với việc ngài sửa sai Đức Hồng Y sau khi vị này cho rằng Rôma vẫn tiếp tục có tiếng nói sau cùng.

Dù một số coi động thái trên như một chiến thắng cho phe cấp tiến Công Giáo, đặc biệt nếu người ta nghĩ đến các bản dịch đang thực hiện của Đức và của Ý, nhưng chẳng bao lâu sau đó, Đức Phanxicô lại quay qua hướng đối nghịch khi về phe với vị tiền nhiệm là Đức Bênêđictô XVI để nhấn mạnh rằng trong Thánh Lễ, lúc truyền phép, chính xác hơn phải nói là “vì nhiều người” chứ không phải “vì mọi người”

Nhìn lại năm 2017 của Đức Phanxicô: theo đuổi hòa bình thế giới

(Ngày 31/12/2017)

Về phương diện công luận, người ta nên quên những gì Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo hay Giáo Luật nói về Đức Giáo Hoàng. Vì đối với công luận, ngôi vị giáo hoàng là một việc làm gần như không thể có, bởi người ta mong các vị giáo hoàng cùng một lúc phải là các siêu sao truyền thông, các vị giảng thuyết hùng danh thế giới và là các quản trị viên thuộc hàng 500 của tạp chí Fortune, ấy là chưa kể phải là những vị thánh sống.

Người ta cũng mong các vị giáo hoàng là những tay chơi chính trị tài tình, có khả năng múa gậy ma thuật khiến cho mọi nan đề của thế giới tự dung biến mất. Dĩ nhiên, đây là một cái nhìn hoàn toàn không thực tiễn chút nào, nhưng nó vẫn làm các vị giáo hoàng ráng sức, và Đức Phanxicô có lẽ là vị cố gắng nhiều hơn cả.

Ngay từ đầu, Đức Phanxicô đã có hoài vọng trở thành vị “Giáo Hoàng Hòa Bình”, nhằm xử lý điều ngài gọi là “Thế Chiến Ba” được đánh từng mảng từ đầu thế kỷ 21. Từ việc giúp ngăn cản sự can thiệp quân sự của Tây Phương vào Syria năm 2013 tới vai trò làm nhẹ bớt căng thẳng giữa Hoa Kỳ và Cuba, Đức Phanxicô đã bước chân theo Thánh Gioan Phaolô II trong việc dẫn mình vào nền địa chính trị của thời mình.

Năm 2017 đem lại một năm tích cực hoạt động nữa của Đức Phanxicô trong việc theo đuổi nền hòa bình thế giới, cùng với các mục tiêu cốt lõi khác trong nghị trình xã hội của ngài.

Năm 2014, Đức Phanxicô từng tố cáo “tội ác chống lại nhân loại” tức nạn nô lệ thời hiện đại. Năm 2015, tập chú của ngài chuyển qua môi trường, với thông điệp *Laudato Si* về chủ đề này. Năm ngoái, ngài đặc biệt lưu tâm tới cuộc khủng hoảng di dân trên thế giới, nhất là cuộc khủng hoảng đang ảnh hưởng tới Âu Châu.

Luôn là vị giáo hoàng của người nghèo, Đức Phanxicô khai mở Ngày Thế Giới Người Nghèo lần đầu tiên năm 2017.

Theo đuổi hòa bình

Tuy nhiên, không điều gì có thể sánh với việc theo đuổi hòa bình trong năm 2017.

Tháng 11, Tòa Thánh tổ chức một hội nghị lớn để thúc đẩy việc giải giới hạch nhân. Tại đây, Đức Phanxicô nói rằng lý thuyết gián chi (deterrence) là điều không được phép về luân lý và các vũ khí

giết người hàng loạt này “cho thấy não trạng sợ hãi”.

Ngày 2 tháng 11, nói tại Nghĩa Trang Mỹ-Xilixi ở Nettuno, Ý, nơi gần 8,000 tử sĩ Hoa Kỳ đã được chôn cất, Đức Phanxicô đã cầu nguyện cho mọi người đã qua đời nhân dịp Lễ Các Linh Hồn, nhưng đặc biệt cho những người “đang nằm tại đây... vào lúc thế giới đang có chiến tranh một lần nữa”.

“Chúng ta cầu nguyện cho mọi người đã qua đời, và đặc biệt các người trẻ trong một khoảnh khắc trong đó quá nhiều người trẻ chết hàng ngày tại các mặt trận vì cuộc thế chiến ‘từng mảng’ này”, ngài nói thế khi sử dụng lối nói quen thuộc của ngài để mô tả một thế giới trong đó không phải chỉ có một cuộc tranh chấp hoàn cầu lớn lao mà là hàng chục cuộc chiến tranh qui mô nhỏ hơn đang diễn ra tại nhiều nơi khác nhau trên thế giới.

Ngài nói thêm “ngay cả các trẻ em cũng đang phải chết. Chết là kết quả của chiến tranh, và xin Thiên Chúa ban cho chúng ta ơn biết khóc”.

Các cuộc tông du ngoại quốc của ngài cũng lấy hòa bình làm cốt lõi cho các thông điệp của chúng, ngài từng cảnh cáo rằng cuộc tranh chấp Đại Hàn đang đe dọa “phần tốt” của nhân loại, và đầu năm ngài phối hợp cả chủ đề hòa bình và chủ đề môi trường khi nói rằng thế giới đang lao đầu vào cuộc chiến tranh giành nước uống.

Một số câu chuyện khác

Bên kia các chủ đề lớn của năm 2017, là một số câu chuyện khác liên quan tới Đức Giáo Hoàng nhưng cũng giúp ta xác định được năm vừa qua.

Việc chống đối Đức Phanxicô từ một số giới bảo thủ nhất trong Giáo Hội vẫn tiếp tục, trong đó, có nhóm thần học gia bảo thủ hồi tháng Chín tố cáo ngài gieo rắc lạc giáo. Dù tạo được khá nhiều ồn ào lúc đầu, nhưng cú giáng này chẳng bao lâu sau trở thành tiếng khóc thút thít.

Cũng chống lại Đức Phanxicô còn có nhà thần học Hoa Kỳ, Linh Mục Thomas Weinandy, cựu trưởng chuyên viên tín lý của Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ, người đã từ chức sau khi lá thư ngài gửi cho Đức Phanxicô trở thành công khai. Trong lá thư này, ngài nói với Đức Phanxicô rằng trong văn kiện *Niềm Vui Yêu Thương*, “sự hướng dẫn của Đức Thánh Cha đôi khi có ý mơ hồ, do đó, đã tạo ra cả lối giải thích cổ truyền đối với giáo huấn Công Giáo về hôn nhân và lý dị lẫn lối giải thích hàm ngụ một sự thay đổi nào đó đối với giáo huấn ấy”.

Tháng Mười, Đức Phanxicô chỉ trích ‘khuyh hướng ưu sinh’ (eugenic tendency) nhằm tận diệt những người khuyết tật. Ngài thừa nhận rằng vì các thất bại của mình, Giáo Hội phải cố vũ sự an toàn cho trẻ em, và tố cáo rằng thu tích của cải trong khi trẻ em chết là “tội thờ ngẫu thần giết người”. Ngài cũng triệu tập một Thượng Hội Đồng Giám Mục về Toàn Vùng Amazon.

Năm nay cũng là một năm đáng lưu ý đối với những người tin rằng Đức Mẹ đã hiện ra tại thị trấn nhỏ Medjugorje của Bosnia. Đức Giáo Hoàng đã cử một vị giám mục Ba Lan đi khảo sát tình trạng mục vụ tại nơi này, nơi đã trở thành một địa điểm hành hương cho hàng triệu người đến đó hàng năm để cầu nguyện. Đức Tổng Giám Mục Henryk Hoser đã được Đức Phanxicô bổ nhiệm hồi tháng Hai để tìm hiểu việc chăm sóc mục vụ cho cư dân thị trấn và người hành hương, và ngài tỏ ra tích cực một cách công khai đối với các khám phá của mình.

Tháng Mười Một năm 2016, trong một cuộc gặp gỡ được đăng tải trên báo chí, Đức Phanxicô chế diễu hiện tượng Medjugorje, nhưng khi trả lời các câu hỏi của các phóng viên lúc từ Fatima trở về Rôma, giọng điệu của ngài hơi khác, ngài chấp nhận việc điều tra thêm khả tín tính của thông điệp vốn gán cho Đức Mẹ Hòa Bình, như đã được các thị nhân mô tả.

Tháng Bảy, Đức Phanxicô can dự vào câu chuyện chung quanh bé Charlie Gard: ngài đứng về phía cha mẹ em bé 10 tháng bị bệnh đến thời kỳ cuối cùng, một biến cố được cả Vương Quốc Thống Nhất

lưu ý. Bất kể một số bệnh viện sẵn sàng cung cấp việc điều trị, trong đó, có Bệnh Viện Bambino Gesù của Đức Giáo Hoàng, em bé đã qua đời ngày 24 tháng Bảy.

Tháng Sáu, Đức Phanxicô đe dọa sẽ ngưng chức các linh mục của một giáo phận ở Nigeria, trong một câu chuyện dài đến nay vẫn chưa được giải quyết, và trước đó một tháng, ngài từng cố gắng hòa giải sự chia rẽ tả hữu bằng cách tuyên bố rằng Giáo Hội giống một con sông, và điều quan trọng là ở trong con sông này: “Nếu anh em ở giữa hay ở bên phải hoặc ở bên trái nhiều hơn, nhưng vẫn ở trong lòng con sông, thì sự đa dạng này là điều hợp pháp... Rất nhiều lần, chúng ta muốn con sông chảy về phía chúng ta và kết án người khác... thì đó không phải là tình anh em. Mọi người đều ở trong con sông. Mọi người. Đó là điều anh em học được trong chủng viện...”

Danh sách các hành động và lời nói của Đức Phanxicô có thể gây sóng gió trong năm 2017 thì còn dài lắm, vì ngài gần như nói về đủ loại chủ đề trong Thánh Lễ hàng ngày, trong các buổi yết kiến mỗi thứ tư, trong các buổi yết kiến Chúa Nhật và rất nhiều các buổi gặp gỡ hàng ngày.

Qua năm 2018, người ta chưa được biết nhiều về những gì xảy ra cho lịch trình sinh hoạt của Đức Phanxicô, ngoại trừ chuyến đi Chile và Peru, và chuyến đi có thể có tới Ái Nhĩ Lan để tham dự Ngày Họp Mặt Các Gia Đình Thế Giới. Điều rõ ràng về người vừa qua tuổi 81 là: đừng trông mong Con Lắc Châu Mỹ La Tinh này hăm dọa nay mai.